

Tỉnh man Tiêu phủ sử  
ÔN KHÊ NGUYỄN TỬ VÂN

# Trường lũy

## QUẢNG NGÃI

Sưu tầm, biên dịch và chú dẫn:

LÊ SƠN PHƯƠNG NGỌC

NGUYỄN HỮU QUÝ-HOÀI CHI HẠ MIỄN

Nhuận sắc:

PGS. TS PHAN AN-TS. NGUYỄN NGỌC NHUẬN

(Viện Nghiên cứu Hán Nôm)



NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA  
HÀ NỘI-2011



DOANH NGHIỆP SÁCH THÀNH NGHĨA  
TP. HỒ CHÍ MINH



Tỉnh man Tiểu phủ sứ  
ÔN KHÊ NGUYỄN TỬ VÂN

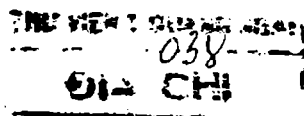
*TruỜng lũy*  
QUẢNG NGÃI

*Sưu tầm biên dịch và chú dẫn:*

LÊ SƠN PHƯƠNG NGỌC  
NGUYỄN HỮU QUÝ – HOÀI CHI HẠ MIỄN

*Nhuận sắc:*

PGS. TS. Phan An.  
TS. Nguyễn Ngọc Nhuận  
(Viện Nghiên cứu Hán Nôm)



NHÀ XUẤT BẢN TỬ ĐIỂN BÁCH KHOA  
HÀ NỘI - 2011

# **TRƯỜNG LỮ QUẢNG NGÃI (PHỦ MAN TẠP LỤC)**

---

*Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến:*

*- Giáo sư Tiến sĩ Phạm Đức Dương*

*(Chủ tịch Hội khoa học vùng Đông Nam Á – Hà Nội).*

*- TS Nguyễn Ngọc Nhuận,*

*- (nguyên Phó viện trưởng viện*

*Nghiên cứu Hán Nôm – Hà Nội)*

*- NNC Nguyễn Đình Đầu – TP Hồ Chí Minh.*

*- NNC Phong Đăng Vũ Tiến Đức - Quảng Ngãi*

*đã đề xuất ý kiến, cho phép sử dụng tài liệu, góp công sức trong  
việc sưu tầm phiên dịch và nghiên cứu trong việc hoàn thiện  
quyển sách này.*

*Nhóm tác giả*

# Trường lũy nhìn từ hôm nay

*(Lời giới thiệu cuốn sách “Trường lũy Quảng Ngãi”  
của Ôn Khê Nguyễn Tử Vân)*

**Thanh Thảo**

Ôn Khê Nguyễn Tử Vân là Sơn phòng sứ của triều Nguyễn thời Tự Đức. Trong quá trình thi hành công vụ tại Quảng Ngãi, ông đã viết được cuốn sách mà tên ban đầu là “Phủ Man tạp lục” và giờ đây được xuất bản với tên “**Trường Lũy Quảng Ngãi**”. Gọi là “tạp lục” vì sách của Ôn Khê ghi chép lại rất chi tiết những “tên làng tên núi tên sông” suốt một miền thượng du tỉnh Quảng Ngãi như một kiểu sách dư địa chí. Là công bộc của triều đình, dĩ nhiên Ôn Khê nhận trách nhiệm của triều Nguyễn trong việc ổn định tình hình, gìn giữ hòa bình an lạc cho nhân dân cả người Kinh và người Thượng ở Quảng Ngãi. Nhưng quan điểm, cách nhìn của một ông quan quân sự triều Nguyễn hẳn phải khác với cách nhìn của chúng ta bây giờ về chính sách dân tộc, về mục đích cũng như tính hữu dụng của Trường lũy Quảng Ngãi. Là người đọc đương đại, chúng ta sẽ đọc cuốn sách có rất nhiều tư liệu quý này với góc nhìn như thế nào?

## VỀ CÁCH ĐỌC CUỐN SÁCH NÀY

Theo tôi, chúng ta nên đọc cuốn sách này như một tác phẩm du địa chí về một vùng đất khá đặc biệt thuộc tỉnh Quảng Ngãi vào giữa thế kỷ XIX. Trong đó, chúng ta đặc biệt ghi nhận sự hình thành của hệ thống Trường lũy Quảng Ngãi mà bây giờ đã trở thành di tích quốc gia về lịch sử-văn hóa.

*“Niên hiệu Gia Long thứ 18 (1819) xây dựng Trường lũy chạy dọc vùng biên, bên ngoài các đồn bảo để ngăn phòng. Từ đó về sau, số lượng đồn bảo khi giảm khi tăng.”*

*(Trường lũy Quảng Ngãi, trang 99).*

*“Niên hiệu Tự Đức thứ 16 (1864) giảm bớt đồn bảo, đồng thời lập thêm trọng bảo tại các nơi hiểm yếu...”*

*(Trường lũy Quảng Ngãi, trang 100).*

Có thể, ý tưởng xây dựng Trường lũy Quảng Ngãi đã có trước đó, từ thời Bùi Tá Hán được phái vào trấn thủ Quảng Nam:

*“Bấy giờ ông đối xử với người Thượng như đối với người Kinh, nên người Kinh, người Thượng đều được yên ổn làm ăn sinh sống, không xảy ra việc xâm biên gây rối nhau. Khi ông qua đời (1568), được nhân dân Kinh, Thượng lập đền thờ, chăm lo hương khói cho đến tận ngày nay.”*

*(Trường lũy Quảng Ngãi, trang 113).*

Với Bùi Tá Hán, “trường lũy” chính là lòng dân, là sự đoàn kết dân tộc giữa người Kinh và người Thượng cùng sống chung trên mảnh đất Quảng Ngãi. Từ tư tưởng hòa bình và hòa hợp dân tộc đó, Trường lũy được xây dựng lên ở thời Gia Long và hoàn chỉnh ở thời Tự Đức, với hệ thống các đồn bảo để bảo đảm an ninh và giám sát việc thu thuế, nhưng quan trọng hơn, là chính

thức mở ra các cửa khẩu để giao thương giữa miền núi và trung châu Quảng Ngãi.

Vì thế, cách đọc cuốn sách này hôm nay là đọc để biết “hình sông thế núi”, phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số Quảng Ngãi cách đây ngót hai thế kỷ, đồng thời cảm thông hơn với cha ông trong suốt quá trình khai khẩn, mở đất, định cư dân ở những vùng trước đây còn hoang hóa. Với mục đích ấy, thì cuốn sách “tạp lục” của Ôn Kế Nguyễn Tử Vân cung cấp cho chúng ta rất nhiều tư liệu. Ngay với những tên núi tên sông tên làng thủa ấy, bây giờ chúng ta cũng khó biết nếu không đọc cuốn sách này. Những tướng lĩnh, nhà lãnh đạo có công với vùng đất Quảng Ngãi thủa ấy, từ Bùi Tá Hán tới Lê Văn Duyệt, từ Nguyễn Cư Trinh tới Nguyễn Công Trứ đều được cuốn sách này vinh danh. Và đó là niềm tự hào của chúng ta, không chỉ là người Quảng Ngãi, và ở bất cứ thời đại nào.

## **CÁI CÒN LẠI: TRƯỜNG LŨY LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA**

Các dịch giả và nhà chú giải đã rất công phu khi tra cứu từng địa danh, từng tên gọi và từng ngôn ngữ dân tộc thiểu số Quảng Ngãi khi dịch cuốn sách này từ ngôn ngữ Hán cổ. Duy có một cái tên mà các dịch giả đã quên ngay từ khi bắt tay vào dịch cuốn sách: Trường lũy Quảng Ngãi. Bây giờ, với những gì còn lại, với chiều dài ngót 130 km kéo dài từ bắc Trà Bồng (Quảng Ngãi) tới giáp giới An Lão (Bình Định), Trường lũy Quảng Ngãi đã được vinh danh như một công trình lao động tuyệt vời của các dân tộc Quảng Ngãi, như một Trường lũy của hòa bình và giao thương minh bạch. Đó cũng là Trường lũy dài nhất Đông Nam Á tới nay còn lại.

Cha ông chúng ta đã đổ bao nhiêu mồ hôi, đã góp bao nhiêu viên đá để xây dựng trường lũy này, chỉ với một ý nguyện là

mang lại hòa bình an lạc cho một vùng đất trong quá khứ đã trải nhiều can qua. Tâm nguyện ấy đã được thể hiện qua cấu trúc của Trường lũy, qua những hoạt động cho tới bây giờ vẫn còn diễn ra bên dưới và bên cạnh các đồn bảo: đó là các chợ đầu nguồn:

*“Ai lên nhẩn với nậu nguồn”*

*Mít non gởi xuống cá chuồn gởi lên”*

(Ca dao) .

Chữ “nậu nguồn” nghe có dễ thương không! Và các bạn có biết, “mít non” và “cá chuồn” ấy được “gởi xuống” và “gởi lên” qua Trường lũy Quảng Ngãi, thông qua các chợ đầu nguồn. Từ một công trình mang tính quân sự, Trường lũy sau nhiều năm tháng đã trở thành biểu tượng cho giao lưu thương mại, cho lịch sử và văn hóa. Qua Trường lũy, chúng ta có thể biết nhân dân Quảng Ngãi ngày xưa đã sống và lao động, khát vọng và thể hiện mình như thế nào. Nếu nhân ái và hòa bình là gốc rễ của văn hóa, thì tới lượt nó, văn hóa lại là gốc rễ của sự phát triển một vùng đất, một đất nước với nhiều dân tộc cùng chung sống. Đó là cái còn lại của Trường lũy Quảng Ngãi, cũng là cái mà chúng ta cần tìm đọc với tâm nhìn đương đại cuốn sách này.

*Sau Tết Đoàn Ngo, 2011*

**Thanh Thảo**

**(nhà thơ, nhà báo)**



# *Lời Nói đầu*

**PGS. TS. PHAN AN**

*( Viện khoa học Xã hội Việt Nam)*

*Tác phẩm bằng chữ Hán cổ “Phủ Man tạp lục” viết về lịch sử các đối sách với người Thượng tại Quảng Ngãi qua nhiều triều đại phong kiến nước ta, mà trong đó việc xây dựng Trường Lũy là vấn đề trung tâm. Sách đề cập đến tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của người Thượng Quảng Ngãi đã dẫn đến quyết định xây dựng Trường Lũy với hệ thống đồn bảo, cũng như những thay đổi của hệ thống này qua các thời kỳ. Vì thế, bản tiếng Việt, chúng tôi lấy tựa là “Trường Lũy Quảng Ngãi” thay cho tựa sách bằng chữ Hán cổ.*

*Nguyễn Tử Vân làm chức Sơn phòng sứ, là người phụ trách công tác người Thượng vào giữa thế kỷ XIX, gần mười năm liền tại tỉnh Quảng Ngãi, rồi viết sách về công việc của mình để lại cho đời sau. Một việc làm thật là đáng quý!*

Hơn nữa, qua tác phẩm này, ông tỏ ra là một nhà quân sự giỏi, một nhà chính trị sắc sảo có tâm đức và là một nhà văn có tài.

Tác phẩm này đề cập đến nhiều vấn đề: Núi sông, Cương vực, Đường sá, Thổ nghi, Ngôn ngữ, Phong tục của người Thượng Quảng Ngãi, cũng như vấn đề Thuế má, Sách lược cai trị, Phương cách phòng ngự, Tình hình kiến thiết qua các triều vua, Các vị tướng nổi tiếng trong công tác người Thượng tại Quảng Ngãi.

Dù tác giả khiêm tốn cho sách mình chỉ là “tạp lục” là các ghi chép vụn vặt, nhưng thật sự đây là một pho sử liệu hiếm quý và có lẽ gần với sự thật hơn cả vì do một viên quan có học vấn thời ấy ghi chép một cách cẩn thận. Tác giả Nguyễn Tử Vân xuất thân khoa bảng, đỗ Cử nhân khoa Quý Mão năm 1843.

Giới học thuật nhắc nhiều đến tác phẩm “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn vì tính khoa học cao của nó. Tác phẩm Phủ biên đã đề cập đến vùng đất mới rất rộng của nước ta, bao gồm cả xứ Đàng Trong của các chúa Nguyễn, tức nam sông Gianh. Còn tác phẩm Phủ Man này thì chỉ đề cập đến một tỉnh Quảng Ngãi nên nhiều vấn đề được đi sâu chi tiết hơn và cũng mang tính khoa học cao. Hai tác phẩm ấy đều đóng góp rất lớn cho kho sử liệu và văn học nước ta.

Ngày nay người ta đặc biệt quan tâm đến di tích Trường lũy Quảng Ngãi, một công trình xây dựng dài hàng trăm cây số, giúp ổn định đời sống nhân dân Kinh – Thượng trong khoảng thời gian lâu dài. Ngoài mục tiêu phòng ngự và kiểm soát ra thì Trường Lũy đã có đóng góp cụ thể trong việc đưa các hoạt động giao dịch thương mại và văn hóa miền ngược miền xuôi vào nề nếp.

Trường lũy Quảng Ngãi, một di tích kiến trúc có giá trị lịch sử đặc thù của địa phương Quảng Ngãi, nhưng ảnh hưởng lại

*mang tầm quốc gia và có thể còn rộng lớn hơn, xứng đáng được đầu tư nghiên cứu khoa học xứng tầm.*

*Tác phẩm này ghi chép nhiều địa danh, tình hình địa lý tự nhiên và đặc điểm đời sống kinh tế - văn hóa của các tộc người miền rừng núi Quảng Ngãi thế kỷ XIX. Tác phẩm viết cụ thể về công trình Trường lũy, kể rõ tên từng đồn bảo dọc Trường lũy và tình hình thay đổi thêm bớt của hệ thống đồn bảo này. Khi lên cao nhất có tới 148 đồn, gồm 117 bảo của quân đội cùng với 31 đồn canh phối hợp của nhân dân dọc Trường lũy.*

*Tác phẩm này còn đề ra những sách lược về công tác người Thượng, tuy không còn phù hợp với tình hình ngày nay, nhưng là tài liệu tham khảo thiết yếu cho việc nghiên cứu về Trường lũy Quảng Ngãi và cũng rất hữu ích cho chính sách về dân tộc của nhà nước ta ngày nay.*

*TP. Hồ Chí Minh, Mùa xuân năm Tân Mão – 2011*

**PGS. TS. PHAN AN**

# TRƯỜNG LŨY QUẢNG NGÃI

## NỘI DUNG TỔNG QUÁT

### I. LỘ HỒNG VỀ CHÁNH SÁCH DÂN TỘC CỦA TRIỀU NGUYỄN VÀ CÔNG TRÌNH TRƯỜNG LŨY

### II. TRƯỜNG LŨY QUẢNG NGÃI

- Núi sông khác lạ
- Cương vực rộng hẹp
- Đường sá xa gần
- Phong tục người Thượng
  - Ngôn ngữ
  - Thổ nghi
  - Các ngạch thuế
  - Sách lược cai trị
- Phương cách phòng ngừa
- Tình hình kiến thiết qua các triều vua
- Các vị tướng nổi tiếng trong công tác người Thượng.

### III. HÌNH TƯỢNG NGƯỜI DÂN TỘC MIỀN NÚI QUẢNG NGÃI QUA VĂN HỌC CÁCH MẠNG:

**Trung tướng NGUYỄN ĐÔN**  
(trích Hồi ức “**Bình minh Ba Tơ**”).  
Trích tập truyện ký “**Tiếng sông Trà**”  
(của nhà văn *Nguyễn Trung Hiếu*).

### IV. PHỤ LỤC:

- Bản chữ Hán (*chụp bản khắc gỗ*), phiên âm, dịch nghĩa
  - Bản đồ: Quảng Nghĩa toàn đồ
  - Bản đồ của Taberd, 1838.
- Các bức ảnh một số đoạn Trường Lũy còn lại.
  - Chữ Nôm trong sách này

---o0o---

# LỖ HỔNG VỀ CHÁNH SÁCH DÂN TỘC CỦA TRIỀU NGUYỄN VÀ CÔNG TRÌNH TRƯỜNG LŨY

Sau khi lên ngôi hoàng đế lập ra triều Nguyễn năm 1802, vua Gia Long còn phải tiếp tục cử tướng dẫn quân đi đánh dẹp các phe chống đối, nhất là phe Tây Sơn tại miền Trung Trung bộ và phe họ Trịnh, phe họ Lê từ sông Gianh trở ra Bắc. Sau mười năm, về đại thể triều Nguyễn đã tiến tới ổn định quyền cai trị trong toàn quốc.

Nhưng tình hình người Thượng - cách gọi các dân tộc ít người - ở Quảng Ngãi vẫn không yên. Quan quân đến thì họ lánh vào vùng rừng núi trùng điệp, không thể tìm ra họ trốn ở đâu, khi quan quân rút đi thì họ lại nổi lên quấy nhiễu. Miền đất Quảng Ngãi một bên là biển Đông, bên phía tây dọc theo triền núi Trường Sơn, nơi người Thượng cư trú. Người Thượng ở đó, sử sách gọi chung là người Thượng Đá Vách.

Trường lũy Quảng Ngãi có lẽ đã được hình thành từ thế kỷ XVII, cho đến cuối thời Gia Long thì triều đình Huế tiến hành hoàn thiện Trường lũy với hệ thống đồn bảo đóng quân chính quy và tổ chức các lân ấp ven Trường lũy có đội ngũ hương binh và các đồn canh để đề phòng và ngăn chặn sự nổi dậy của người Thượng.

Công trình Trường lũy, nhìn theo quan điểm hiện đại là một di chứng của tư tưởng phân biệt đối xử qua chính sách đối phó và chế ngự nhằm thu phục các dân tộc ít người ở vùng núi rừng Quảng Ngãi. Tuy nhiên, bên cạnh mục tiêu quân sự thì Trường lũy đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy giao lưu Kinh tế - Văn hóa giữa miền xuôi và miền ngược đi vào nề nếp.

## TRIỀU NGUYỄN KHÔNG CÓ CHÁNH SÁCH VỀ DÂN TỘC

Các dân tộc ít người vùng rừng núi Quảng Ngãi đã sinh sống ở đó rất lâu đời. Người Việt rồi người Chăm đều sinh sống tại vùng đồng bằng duyên hải và đều xem vùng rừng núi là vùng người Thượng. Trong sử sách cũng như trong các bản đồ của triều Nguyễn đều gọi vùng ranh giới Kinh – Thượng là “vùng biên”. Núi rừng vùng người Thượng cư trú đều ghi chung một danh xưng là “núi Thượng” (*man son*).

Từ khi thừa tuyên Quảng Nam sáp nhập vào nhà nước Đại Việt thì vùng đất từ đèo Hải Vân đến đèo Cù Mông (*thừa tuyên Quảng Nam ngày xưa gồm 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay*) do chính quyền nhà nước Đại Việt cai quản. Ban đầu vùng này theo chế độ “*ki mi*” tức là vùng đất ràng buộc trực thuộc nhà nước Đại Việt, nhưng triều đình chưa thực thi các chế độ chính sách về thuế má, dân đinh cụ thể.

“Xét sách ‘*Thiên Nam dư hạ tập*’ chép trong đời Hồng Đức định bản đồ, thừa tuyên Quảng nam sử ty quản 3 phủ, 9 huyện:

*Phủ Thăng Hoa 3 huyện:*

- Huyện Lê Giang có 9 tổng, 36 xã.
- Huyện Hy Giang có 8 tổng, 58 xã
- Huyện Hà Đông có 8 tổng, 46 xã.

*Phủ Tư Nghĩa có 3 huyện:*

- Huyện Nghĩa Giang có 12 tổng, 92 xã.
- Huyện Bình Sơn có 6 tổng, 70 xã.
- Huyện Mộ Đức có 6 tổng, 53 xã.

*Phủ Hoài Nhơn có 3 huyện:*

- Huyện Bồng Sơn có 7 tổng, 32 xã.
- Huyện Phù Ly có 6 tổng, 60 xã.
- Huyện Tuy Viễn có 6 tổng, ... xã.

*Thời Trung hưng, năm đầu Hoàng Định, (1602) đổi huyện Lê Giang phủ Thăng Hoa thành huyện Lê Dương, huyện Hy Giang thành huyện Duy Xuyên. Đổi phủ Tư Nghĩa thành phủ Quảng Nghĩa, đổi phủ Hoài Nhơn thành phủ Qui Nhơn”*

(Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, tr. 44)

Quảng Nam là vùng đất mới được ổn định. Các dân tộc ít người ở miền núi vẫn chưa thần phục triều đình. Chính quyền non trẻ phải đương đầu với nhiều thách thức. Để ổn định đời sống người Việt, người Chăm vùng đồng bằng duyên hải và thu phục các dân tộc ít người ở Trường Sơn, Bùi Tá Hán được giao toàn quyền:

*“Việc địa phương cứ lớn nhỏ, quan dân thuế khóa đều giao cho cả”.*

(Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, tr. 47)

*“Thời vua Anh Tông, vào năm Mậu Ngọ, niên hiệu Chính Trị thứ 1 (1558), Thế Tổ Thái vương Trịnh Kiểm sai Đuan Quận công Nguyễn Hoàng đem quân bản dinh đi trấn thủ Thuận Hóa để phòng giữ giặc phía đông, cùng với Trấn thủ Quảng Nam Trần Quốc công Bùi Tá Hán cứu giúp lẫn nhau”.*

(Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, tr. 47)

*“Mậu Thìn, niên hiệu Chính Trị năm thứ 11 (1568), mùa xuân, tháng 3, Tổng trấn Quảng Nam là Bùi Tá Hán (Bảy giờ xung là Trần Quốc công) chết”.*

(Đại Nam Thực lục, tập I, tr. 29)

*“Mậu Thìn, niên hiệu Chính Trị năm thứ 11 (1568), trấn thủ Quảng Nam là Trần Quốc công Bùi Tá Hán chết, lấy Nguyễn Quận công Nguyễn Bá Quỳnh thay”*

(Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, tr. 49)

Về sau, danh xưng “thừa tuyên” được các chúa Nguyễn đổi thành “đình” rồi “trần”, đến Triều Nguyễn thời Minh Mệnh đổi danh xưng là “tỉnh”.

Toàn bộ các ghi chép sách sử trên đây chủ yếu là đề cập đến vùng cư trú của người Việt mà thôi, hoàn toàn không nói gì về các xứ Thượng. Trong sách Phủ Man tạp lục, tác giả lại còn dùng từ “Man” chỉ người Thượng và dùng từ “Hán dân” để chỉ người Kinh. Các danh từ mang tính phân biệt này lại được dùng xuyên suốt từ đầu sách tới cuối sách.

Đó là chỗ hạn chế về mặt nhận thức của triều đình thời đó. Nhận thức hạn chế này hết sức nguy hiểm, cho thấy rằng vì không quan tâm đến các dân tộc ít người nơi núi rừng, nên triều Nguyễn không hề có chính sách về dân tộc.

Triều Nguyễn xem các dân tộc ít người ở Quảng Ngãi như người Tây Nguyên (mà họ gọi chung là Thủy Xá, Hỏa Xá), cho là các nước Thượng nhỏ. Thậm chí triều Nguyễn còn xếp các dân tộc ấy cùng chiều với Chân Lạp, Lào, Thái Lan, gọi là các nước Thượng lớn. Lẽ tất nhiên, theo quan điểm của triều Nguyễn thì các nước Thượng lớn nhỏ ấy đều là phiên thuộc của triều đình nhà Nguyễn. Bây giờ thì nhà nước Đại Việt khá mạnh, các dân tộc ở Tây Nguyên, Tây Bắc và dọc hai bên Trường Sơn đều thuộc nội địa nước Việt, kể cả Campuchia và một nửa nước Lào.

Ngay trong “Tự tự” (*Lời nói đầu*), tác giả Nguyễn Tử Vân viết:

*“Cái lo về người Thượng thì từ xưa đã từng phải trải qua, sử sách chép đầy ra đó. Các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê nước ta cũng đâu tránh được. Các nước người Thượng lớn như Ai Lao, Vạn Tượng, Chân Lạp, Tiêm La. Các nước người Thượng nhỏ như Mỹ Lương, Sơn Âm, Thủy Xá, Hỏa Xá. Các nước ấy đều có đạo lý vua tôi, có tôn ti trật tự, nên dễ đối sách. Không nơi nào như người Thượng ở hạt ta, chưa biết gì đến đạo lý làm người”.*



## PHÒNG NGỰ VÀ ĐÁNH DỆP

Năm Canh Dần (1770) thời chúa Duệ Tông Hiếu Định Nguyễn Phúc Thuận, lấy Ký lục dinh Quảng Nam là Trần Phúc Thành làm chức Cai bạ dẫn quân đi tuần hành 5 phủ Thăng Bình, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên để tham mưu cho việc vạch kế hoạch phòng ngự và đánh dẹp người Thượng Đá Vách tại Quảng Ngãi. Người Thượng Đá Vách này hay kéo xuống quấy rối các làng thôn người Kinh, nhất là các làng thôn gần núi.

Miền thượng du Quảng Ngãi núi liền núi trái dài đến ngàn dặm, làng người Việt, sách người Thượng không xa nhau là mấy.

Thời Tây Sơn, không nghe nói về việc đánh dẹp người Thượng, sử sách triều Nguyễn chỉ viết:

*“Thời Tây Sơn, dân cư vùng giáp ranh Kinh – Thượng tự lo phòng thủ.”*

*(Trường lũy Quảng Ngãi - Phủ Man tạp lục, trang 103)*

Thời các chúa Nguyễn đã lập ra 6 đạo binh biên phòng, có đồn bảo trú đóng, nhưng bố trí còn sơ sài.

Vào đầu triều Nguyễn, năm 1801, bắt đầu đặt 6 đạo là Trung Kiên, Tiền Kiên, Tả Kiên, Hữu Kiên, Hậu Kiên, Nội Kiên, để chống giữ. Lĩnh của 6 đạo quân này lấy từ trong dân tại chỗ người Quảng Ngãi:

*“Thời quốc sơ người Thượng Đá Vách ở Quảng Ngãi thường gây nạn cho dân, nên đã biên dân Quảng Ngãi lập làm 6 đạo quân, chia phiên đóng giữ, dân mới được yên. Sở dĩ gọi Đá Vách vì đứng ở ven núi trông lên thấy những vách đá đứng thẳng là nhà ở của người Thượng này nên gọi là Thượng Đá Vách”.*

*(Đại Nam thực lục, tập I, tr. 174)*

Năm 1803, vua lại cử Lê Văn Duyệt đem quân đánh dẹp người Thượng Đá Vách, cử Hàn lâm thị độc Trần Văn Lộc đi theo làm việc từ chương ở trong quân. Trước đó vua dặn các bầy tôi đem quân đi đánh dẹp rằng:

*“Người nên truyền bá uy đức của triều đình võ về dân vùng ven”.*

*(Đại Nam thực lục, tập I, tr. 543)*

Tháng 5-1804, vua Gia Long lại cử Lê Văn Duyệt và Lê Quang Định đến lập lại trật tự tại đây. Chiếu viết:

*“Nếu lấy quân ở chỗ khác cho thay nhau đến thú ở đây thì không quen thú thổ, làm cũng không tiện. Vì vậy liệt thánh ta từng lấy người thổ trước chia làm sáu đạo, khiến họ tự giữ lấy, dân nhờ đó được yên. Nay ta có thể kính noi phép cũ để giữ yên ngoài biên, vậy bàn đặt 10 kiên cơ. Phàm biên binh ở các dinh quân, người nào quê ở Quảng Ngãi, từ phó đội trở xuống đều cho về cùng với dân ở đây biên thành cơ đội, chia phiên đổi nhau đi thú, cho miễn thuế thân và dao dịch. Những chánh phó Vệ úy, Cai cơ, Cai đội mà chưa cầm quân thì cũng cho về làm Quản suất”.*

*(Đại Nam thực lục, tập I, tr. 601)*

Nhưng tình hình vẫn lộn xộn, nên từ năm 1804, vua Gia Long lại cho tăng cường phòng ngự người Thượng, thành lập 10 cơ Kiên tại Quảng Ngãi, đó là:

1. Trung Kiên Nhất, 2. Trung Kiên Nhị, 3. Tiền Kiên Nhất, 4. Tiền Kiên Nhị, 5. Tả Kiên Nhất, 6. Tả Kiên Nhị, 7. Hữu Kiên Nhất, 8. Hữu Kiên Nhị, 9. Hậu Kiên Nhất, 10. Hậu Kiên Nhị.

Nhưng ngay sau khi Lê Văn Duyệt kéo quân đi nơi khác thì người Thượng Quảng Ngãi lại tràn xuống quấy. Năm 1805, triều đình lại cử Lê Văn Duyệt kéo quân đánh dẹp, lấy Đô Thống chế Phan Tiến Hoàng làm phó tướng để theo việc binh. Khi quân Lê Văn Duyệt đến thì người Thượng trốn xa. Triều đình lại triệu hồi Lê Văn Duyệt về Kinh, để Phan Tiến Hoàng đóng binh giữ đất.

Năm 1808, Phan Tiên Hoàng tiến đánh người Thượng, xin triều đình hạ lệnh cho dân ở ven núi sắm đồ binh khí, phụ lực với đồn bảo của quân đội. Vua y cho lại cử Lê Văn Duyệt đem quân đến đồn đốc việc đánh dẹp. Vua dụ bảo:

*“Người Thượng quấy rối không thể không đánh, nhưng đường sá hiểm dốc chưa dễ phá ngay được. Người nên tùy liệu cư xử, để phục lòng chúng, không đánh mà khuất phục được người lại là thượng sách đó”.*

(Đại Nam thực lục, tập I, tr. 717)

Khi Lê Văn Duyệt đến nơi, mật sai Vệ úy Lê Văn Từ và Phó vệ úy Lê Kim Nhuận giả làm dư đảng Tây Sơn, lên vào sách Thượng ở với chúng, để dò thám tình hình. Lê Văn Từ báo về rằng người Thượng vốn không có ý làm phản, nhưng khổ vì Phó Quản cơ Lê Quốc Huy hà khắc sách nhiễu mãi, nên phải họp nhau chống lại. Lê Văn Duyệt liền cho bắt Quốc Huy, xử theo quân pháp. Từ đó người Thượng về hàng nhiều.

Rõ ràng việc thành lập 10 cơ kiên không tác dụng gì nên vẫn duy trì 6 cơ kiên như cũ. Trong báo cáo của mình vào năm 1812, Lê văn Duyệt tâu:

*“Sáu cơ Kiên ở Quảng Ngãi phòng ngự người Thương chia giữ nhiều ngả, xin lấy các xã thôn ở ven núi ở 3 huyện (cả tỉnh Quảng Ngãi) tùy đặt liền nhau mà đặt làm 27 xóm”.*

(Đại Nam thực lục, tập I, tr. 814)

Triều đình chấp thuận, Lê văn Duyệt cho tổ chức lại thành các xóm là:

1. Trung Tín, 2. Trung Phần, 3. Trung Võ, 4. Trung Uy, 5. Tiền Sơn, 6. Tiền Vân, 7. Tiền Thuận, 8. Tiền An, 9. Tiền Thái, 10. tá Dũng, 11. tá Hùng, 12. tá Thanh, 13. Tá Sơn, 14. Hữu Nội, 15. Hữu Trị, 16. Hữu Dũng, 17. Hữu Hòa, 18. Hữu An, 19. Nội Bảo, 20. Nội Thọ, 21. Nội Tài, 22. Nội Phú, 23. Nội Lộc, 24. Hậu Tường, 25. Hậu Nghĩa, 26. Hậu Quỳnh, 27. Hậu Thành.

Mỗi xóm đặt Cai xóm, Phó xóm để trông nom, phối hợp với lính trú đóng tại các cơ cùng giữ Trường lũy, đều được miễn dao dịch.

Lê Văn Duyệt phái Phan Tiến Hoàng huy động 300 nhân công các xóm đi mở đường vào vùng người Thượng, tiện cho quân đi.

Năm 1816, người Thượng Đá Vách lại kéo xuống quấy rối, quan Trấn thủ Phan Tiến Hoàng đánh dẹp không xong. Triều đình lại cử Lê Văn Duyệt cùng Phó Đô Thống chế Nguyễn Văn Trí, Vệ úy Phan Đăng Tuyên, Vệ úy Nguyễn Văn Trượng đem quân đánh dẹp. Lại lệnh cho hai tỉnh Quảng Nam, Bình Định xem xét cắt bớt biên binh tỉnh mình giao cho Lê Văn Duyệt điều động. Khi Lê Văn Duyệt mang quân đến nơi, người Thượng lại trốn chạy. Triều đình để Phó Đô Thống chế Nguyễn Văn Trí, Vệ úy Nguyễn Văn Trượng ở lại chống giữ, gọi Lê Văn Duyệt về kinh.

Phan Tiến Hoàng bị bộ Hình ra quyết nghị:

*“Tiến Hoàng thân làm tướng ngoài biên, trị dân chống giặc không đúng phép để đến nỗi người Thượng gây loạn. Đến khi đem quân đánh dẹp lại sai quân cơ, xin xử theo tội trăm giam hậu”.*

*(Đại Nam thực lục, tập I, tr. 929)*

Miền thượng du Tây Quảng Ngãi, bắc giáp tỉnh Quảng Nam, nam giáp tỉnh Bình Định, phân thành 6 cơ Tấn phận (*nói gọn là 6 Tấn phận*). Cách khoảng 400, 500 trượng hoặc 700, 800 trượng lập một bảo, trú quân ở giữ.

Niên hiệu Gia Long thứ 18 (1819), xây dựng Trường Lũy chạy dọc vùng biên, lại xây hệ thống đồn bảo để đông quân ngăn phòng. Từ đó về sau, nhiều lần số lượng đồn bảo khi giảm khi tăng. Nhưng thời ấy, quan lại phân chia vùng Tấn phận, xây dựng đồn bảo chưa hợp lý, chẳng qua vì họ căn cứ vào chiều dài Trường Lũy mà bố trí bình quân, chưa tính đến sự lợi hại của từng vùng cụ thể. Đến như các vùng núi non trọng yếu như Đốc Cây, Liệt Sơn, Thạch Quan, Thạch Lũy, Thạch Tượng, Đại Lộc, Hắc Thạch, Phước Lộc, Tập Cáp, thì hoặc là không có đồn, hoặc có mà chưa tương xứng. Tuy nhiên trong số quan lại từng ở đây có một vài vị tài năng như Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khắc Tuấn xem qua tình hình, chắc cũng biết là binh pháp chẳng từng dạy như thế bao giờ. Để gì khiến cho người Thượng ngán ngại.

Niên hiệu Tự Đức thứ 8 (1854), quân thứ của tướng Trần Tri tiến công người Thượng Làng Y ba lần nhưng không vào được đến sào huyệt của họ vì quá hung hiểm.

Niên hiệu Thiệu Trị thứ 4 (1843), quan Án sát tỉnh nhà là Mai Khắc Mai tiến công người Thượng Minh Long, khi đêm tối kéo quân về, nghe tiếng chim hạc kêu thì sợ khiếp, quan quân tranh nhau chạy, dẫm đạp lên nhau mà chết rất nhiều, không biết bao nhiêu mà kể.

Niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1858), quan Bố chánh tỉnh Quảng Ngãi là Nguyễn Tăng Tín tiến công người Thượng Nước Tô, dẹp xong rồi, sau lại không phòng bị để sơ hở, bị phục kích, quan binh bị chết, vũ khí bị mất nhiều,

Niên hiệu Thiệu Trị thứ 2, Lãnh binh Vĩnh cho mời các thủ lĩnh người Thượng nguồn Bình An đến họp rồi ra lệnh chặt đầu ba mươi người tại chợ đầu nguồn Bình An để thị uy. Niên hiệu Tự Đức thứ 13, Án sát Hiến cho vời nhóm Đinh Kế ở nguồn An Ba đến rồi bắt giam tất cả.

Đó là những cách làm thiếu bài bản, tùy tiện và sai lầm, làm quan cai trị mà thiếu liệu lượng khiến người Thượng coi thường,

lại có những vị cư xử thất tín càng khiến cho người Thượng thêm nghi ngờ và chống phá quyết liệt hơn.

Niên hiệu Tự Đức thứ 16 (1864), Nguyễn Tử Vân phụng mệnh dẫn quân đi đánh người Thượng. Năm sau ông lại phải mang quân đi đánh dẹp lần nữa. Lần này sau khi trở về, ông cử nhân viên đi khảo sát các Tán phận lập thành bản đồ. Căn cứ vào đó, chia lại các Tán phận, giảm bớt đồn bảo, đồng thời lập thêm 3 trọng bảo tại các nơi hiểm yếu đặt trọng binh tại đó ở giữ, gọi là “*Tam đại bảo*”.

Đại bảo thứ nhất tại ấp Vạn Lý huyện Đức Phổ. Đại bảo thứ hai đặt tại xứ Bàn Thạch, huyện Mộ Đức. Đại bảo thứ ba đặt tại đất yết hầu Chương Nghĩa, nay thuộc huyện Nghĩa Hành.

Tại những Tán phận là những xứ sâu uất mà hiểm tịch thì thiết lập các sở đồn điền để lính vừa làm ruộng, vừa giữ được liên lạc với các bảo các cơ cùng nhau giữ an ninh trật tự địa phương. Quân đội chỉ ở giữ các vị trí như trên, còn các đồn bảo khác phần lớn giao cho dân tại chỗ chia ban phân công canh giữ. Như các xã thôn trại ấp gần núi, gần Trường lũy đều được lệnh thiết lập điểm canh, mỗi xã có một hay hai ba sở, mỗi sở có hào, có rào kiên cố để phòng bị.

## CÔNG TRÌNH TRƯỜNG LŨY

Rõ ràng triều Nguyễn cho xây dựng Trường lũy với mục tiêu phòng vệ. Về mặt quân sự, Trường lũy là một công trình kiến trúc phòng vệ dạng trường thành được dựng lên để ngăn chặn xâm nhập, đồng thời làm bàn đạp cho các chiến dịch tiến công nhằm áp đặt sự thống trị tại một vùng dân cư rộng lớn mà triều đình cho là phứt tạp, nguy hiểm.

Thế nhưng, hiệu quả quân sự của Trường lũy lại không cao, vì người Thượng dùng lối đánh du kích ẩn hiện khó lường, quan binh đã từng bị họ đánh thua mấy lần. Trải qua các triều vua từ Gia Long đến Tự Đức, Trường lũy liên tiếp được củng cố, đồn

bào của Trường lũy liên tiếp được sửa đắp, tăng cường, nhưng triều Nguyễn vẫn không sao đè bẹp được cuộc đấu tranh của các dân tộc Đá Vách. Hai vị tướng cầm quân mà người Thượng khiếp sợ nhất là Lê Văn Duyệt và Nguyễn Tử Vân, nhưng khi hai vị này chỉ huy tại quân thứ Quảng Ngãi thì họ chịu ở yên nơi miền rừng núi, còn sau khi hai vị này không còn tại đó nữa thì người Thượng vẫn vượt Trường Lũy gây rối.

***“Mặt khác, một khi đã hình thành và tồn tại thì một công trình có qui mô như Trường lũy Quảng Ngãi không chỉ có vai trò quân sự mà thôi. Một công trình đồ sộ, đứng vững hàng thế kỷ như Trường lũy Quảng Ngãi, trong bối cảnh một xã hội nông nghiệp lạc hậu, nhất định trong tiến trình tồn tại, nó phải khẳng định sự tác động của mình và tạo nên những biến đổi kinh tế văn hóa xã hội sâu sắc cho cả vùng”.***

Theo ghi chép của sử sách thì Trường lũy chỉ xây dựng trong thời Gia Long - Minh Mạng, nhưng Trường lũy có lịch sử lâu dài hơn, có lẽ là vào thời các chúa Nguyễn. Trường lũy được xây đắp và tu bổ qua nhiều đời, mà thời Gia Long chỉ là một đợt tu bổ và hoàn thiện có qui mô hoành tráng nhất mà thôi.

Trường Lũy Quảng Ngãi chạy dọc theo chân rặng Trường Sơn, tại vùng đầu nguồn các con sông. Các sông suối vùng đầu nguồn thì nhỏ hẹp, vượt qua không cần cầu cống. Bên trong Lũy có đường đi thông suốt từ đầu đến cuối Lũy. Đường này trở thành con đường giao thương Bắc - Nam tiện lợi. Mặt khác, gần Trường lũy, hình thành các chợ đầu nguồn cùng với hệ thống giao thông Đông - Tây, là mạng lưới giao thương giữa miền biển với miền núi.

Sách Phủ Man tạp lục ghi rõ bộ phận quản lý Trường lũy cũng bao gồm quản lý giao thương qua nhiệm vụ quản lý việc thu các loại thuế.

Con đường chạy dọc Trường lũy gần như trùng hoặc đi song song với một đường giao thương cổ, tức là đường thượng đạo -

đường miền núi. Ngày xưa, tại miền Trung, con đường thiên lý dọc theo ven biển, nơi đông đúc dân cư, nhưng vì sông chảy đến gần biển thì mở rộng chỉ có đò ngang, tải trọng rất nhỏ. Vì thế, đường thượng đạo tiện lợi vận chuyển đường dài Bắc- Nam, đồng thời cũng là con đường chiến lược. Con đường này chạy từ Quảng Ngãi ra đến Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa.

Như vậy, Trường lũy đóng vai trò quan trọng trong chiến lược điều hòa giao thương đa chiều ảnh hưởng đến đời sống nhân dân Kinh Thượng hàng ngày. Nó nâng trình độ quản lý và các hoạt động kinh tế, sinh hoạt lên tầm cao. Từng bước, nó định hình tiến trình phát triển vùng theo chiều hướng xóa dần những khác biệt, ...

Vấn đề này vượt quá ý đồ của người xây dựng nó - triều Nguyễn. Trường lũy tạo nên sự kết nối các dân tộc với nhau, cùng chia sẻ lợi ích kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó, nhân dân hai miền Kinh – Thượng cùng nhau xây dựng và mở ra mối quan hệ đoàn kết, hòa hảo giữa người dân miền ngược và miền xuôi.

Như vậy, từ mục tiêu quân sự, trải qua thời gian dài lâu, Trường lũy Quảng Ngãi đã tạo nên nhiều giá trị về quan hệ kinh tế, văn hóa xã hội hơn là quân sự. Trường lũy đã tạo điều kiện cho việc thông thương và giao lưu với mật độ ngày càng cao, theo con đường Đông - Tây và Bắc - Nam ngày càng phát triển, là cơ sở quản lý và thúc đẩy mối quan hệ ngày càng bền chặt giữa các dân tộc một cách toàn diện.

## **NGUYỄN TỬ VÂN VÀ SÁCH “PHỦ MAN TẬP LỤC”**

Nguyễn Tử Vân là người làng Thạch Trụ huyện Mộ Đức – Quảng Ngãi, đỗ Cử nhân khoa Quý Mão vào năm 1843, khi ông đang làm chức Án sát tỉnh Thái Nguyên thì được gọi về lo việc người Thượng tại Quảng Ngãi.



“Tháng chạp năm Quý Hợi (1863), ông đến nơi lãnh chức Tế tương, sau vua Tự Đức liền cử cho làm Tiểu phủ sứ. Chức danh này bắt đầu từ ấy”.

(Nguyễn Bá Trác, *Quảng Ngãi tỉnh chí*, tr.37)

Nguyễn Tử Vân nghiên cứu về người Thượng Quảng Ngãi tương đối kỹ, ông viết tác phẩm Phủ Man tạp lục đề cập đến nhiều vấn đề: *Núi sông, Cương vực, Đường sá, Thổ nghi, Ngôn ngữ, Phong tục của người Thượng Quảng Ngãi, cũng như vấn đề Thuế má, Sách lược cai trị, Phương cách phòng ngừa, Tình hình kiến thiết qua các triều vua, Các vị tướng nổi tiếng trong công tác người Thượng tại Quảng Ngãi.*

Tác phẩm này ghi chép nhiều địa danh, tình hình địa lý tự nhiên và khái quát lịch sử dân cư Quảng Ngãi thế kỷ XIX, cũng như việc xây dựng Trường lũy, kể rõ tên từng đồn bảo dọc Trường lũy và tình hình thay đổi thêm bớt của hệ thống đồn bảo này, khi lên cao nhất có tới 148 đồn canh dọc Trường lũy.

Bên cạnh những hạn chế về mặt ý thức hệ, trong thời đại tư tưởng phong kiến thống trị xã hội nước ta vào thời của tác giả, giữa thế kỷ XIX, thì tác phẩm này đóng góp rất lớn cho kho sử liệu và văn học nước ta. Đặc biệt nghiên cứu Trường lũy Quảng Ngãi rất cần đến tác phẩm này, vì đây là những tư liệu quý giá và có tính khoa học.

o0o

Còn vấn đề đặt ra là vào thời Trần Quốc công Bùi Tá Hán không hề nghe nói về nạn người Thượng, ông lại còn được người Thượng tôn kính lập đền thờ ông sau khi ông qua đời. Trong 41 năm, từ năm 1527 đến khi ông qua đời năm 1568, ông đã thực thi sách lược cai trị như thế nào mà uy đức của ông lớn đến như thế?

Tư liệu xưa nhất về Trần Quốc công Bùi Tá Hán và người Thượng Quảng Ngãi là tập sách chữ Hán “*Phủ tập Quảng Nam ký sự*” do ông họ Mai biên soạn, vào khoảng năm Chính Trị

(1558-1571) nhà Lê Trung hưng, cơ bản vào thời Trần Quốc công còn tại thế. Đến năm Minh Mệnh thứ năm (1924), người thư lại ở phiên ty Quảng Ngãi là Lê Đăng Hiến sao chép làm phó bản. Rồi đến năm 1914, cháu cố Lê Đăng Hiến là Lê Viết Hòa sao chép từ bản của ông cố mình lưu truyền cho đến ngày nay.

Tập sách mỏng vòn vẹn 30 trang chữ Hán Nôm đã cung cấp khái quát nhân thân và công nghiệp của ngài. đã được Giáo sư Trần Nghĩa, nguyên Viện trưởng viện Nghiên cứu Hán Nôm – Hà Nội dịch ra Quốc Ngữ.

Tuy nhiên, Tài liệu chính sử về Bùi Tá Hán rất ít. Bộ sử chính thống về thời sơ sử liên tục cho đến các triều đại Ngô, Đinh, Lý, Trần, Lê là bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* đồ sộ, bộ sử Việt kinh điển mà hoàn toàn không viết gì về ông. Tác phẩm Khoa học Lịch sử nổi tiếng và đồ sộ của sử gia Phan Huy Chú *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng không hề nhắc đến ông. Bộ chính sử mấy ngàn trang của Quốc sử quán triều Nguyễn là bộ *Đại Nam thực lục*, viết vòn vẹn một câu, 2 dòng chữ như đã trích dẫn trên kia.

Một nhân tài oai trấn tại vùng đất trọng yếu trên con đường Nam tiến, đã bị bỏ quên một cách rất không công bằng.

Nghiên cứu về ông chắc chắn sẽ là một công trình khoa học cực kỳ thú vị.

**Tiến sĩ Lê Sơn**  
**(Lê Sơn Phương Ngọc)**  
**Ngành Khoa học Lịch sử**

# TRƯỜNG LỮ QUẢNG NGÃI

## Quyển 1

---

### NÚI SÔNG KHÁC LẠ

Miền người Thượng sinh sống là một vùng núi sông hiểm yếu khác lạ. Đó là miền đất thuộc quê Thuận, quê Ly khác với miền ta, xét ra nó kiêm cả cái võ dũng của người Tần, lẫn tính cần kiệm của người Đường, nên ta có thể tìm hiểu được tập tính khái quát của người Thượng miền đất này vậy.

Tại hạt ta, hai xứ Thượng Thanh Bông, La Thụ núi cao, cây cối tươi tốt, khí hậu dễ chịu, nước xanh mà đầy, nhiều loài thú săn, ít nơi hiểm hóc, đời sống dễ chịu, cho nên người Thượng ở đó tính tình thuần phác, quen sống cần kiệm. Còn cảnh quan tại các xứ Thượng cơ Nhứt, cơ Nhì, cơ Ba, cơ Năm, cơ Sáu thì đời núi chập chùng, nhiều đá ít cây, khan mạch, dư sỏi cát mà thiếu nước dùng, nhiều thách thức nên đời sống khó khăn hơn. Thế cho nên, người Thượng ở đó hung hãn, hay gây sự đánh nhau như ở nguồn Thanh Cù tại xứ Thượng cơ Tư. Ở đó, hình núi lúc thuận lúc nghịch, các nguồn nước cái dài cái ngắn mà rất hiểm dị. Núi sông như thế, nên người Thượng ở đây phân nửa thì thuần hậu, còn phân nửa thì hung hãn. Người thuần phác quen sống cần kiệm, còn người chưa thuần hay gây sự đánh người giết người.

Há chẳng phải do khí tượng núi sông mà tạo ra những tính cách khác nhau như thế hay sao?

Do đó, người làm tướng chỉ huy việc chinh tiểu người Thượng phải khảo sát nắm vững hình thế núi sông, để biết được tính khí của từng nhóm người thì dù chưa từng giao chiến với họ cũng có thể cai trị được.

Miền Thượng hạt ta có 22 ngọn núi hiểm trở như sau:

**Núi Cao Muôn:** Núi này nằm tại hai cơ xứ Thượng là cơ Nhứt, và cơ Ba, Hai đầu núi này cao vút đặng tới trời thuộc 2 huyện Chương Nghĩa và Mộ Đức. Sách người Thượng nằm trên núi cao. Từ núi của người Thượng Nước Li liên tục đổ dốc đến đó rồi đột nhiên vun cao thành núi này, sách Thượng định cư ở phía tây núi. Mặt bắc đổ dốc rồi vun cao thành 2 ngọn núi Y sơn, Làng sơn, nơi người Thượng Nước Gia cư trú quanh đó. Mặt nam đổ xuống hình thành 5 ngọn núi gọi là núi Ngũ Chi, nơi người Thượng Đá Bàn, Đồng Trù, Con Cua, Đồng Dâu, Đồng Mộc cư trú quanh đó. Mặt đông đổ dốc hình thành 3 ngọn núi, cái cao, cái thấp, chột cong vòng, chột gập khúc như các xống áo lồng vào nhau, rừng cây rậm rạp, đá dựng cheo leo, hòn to, hòn nhỏ, suối chảy vòng vèo khi sâu khi cạn, thiên hình vạn trạng không biết bao nhiêu mà kể, trông như trận đồ Bát quái của Gia Cát Không Minh vậy.

Sách của người Thượng Nước Tố ở khu giữa, còn sách của người Thượng Nước Gia Ngoại, sách của người Thượng Nước Tru ở chân núi. Núi này nguyên có 5 con đường từ các xứ khác đi tới. Một đường từ sách của người Thượng Linh Mộ băng qua rừng, vượt đỉnh núi, qua những khe vực cheo leo, rồi đổ xuống tới đây. Một đường từ núi của người Thượng Nước Gia băng rừng theo hướng nam đi xuống. Một đường từ trên núi Bộc Thảo của người Thượng Nước Tru theo hướng tây băng rừng đi xuống. Một đường từ cửa sông Tố Thủy, theo đường thủy một đoạn rồi lách cây, đạp đá trèo lên. Một đường từ núi của sách Thượng Đồng Mộc theo hướng bắc đi xuống. Các con đường ấy thảy đều nguy hiểm, mỗi lần qua đây, quan lính phải ngậm tằm mà tiến, vì ai cũng biết các vùng rừng núi xứ Thượng này rất nguy hiểm.

Niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1858), quan Bó Chính Nguyễn Tăng Tín bị bại binh tại núi Đồng Mộc.

*Niên hiệu Tự Đức thứ 17 (1863), ta cùng các ông Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm tiến công nơi ấy lần thứ nhất, nhưng chỉ đánh tới sách người Thượng ở ven suối rồi về.*

*Niên hiệu Tự Đức thứ 21(1867), ta chia binh làm 3 cánh, một cánh từ núi của người Thượng Con Cua đi lên do người Thượng Ba Tư dẫn đường, một cánh từ núi Đồng Mộc tiến lên. Còn cánh thứ ba do ta chỉ huy, từ núi của người Thượng Nước Gia đi lên núi Y sơn, rồi theo đèo dốc cheo leo đi xuống. Ba cánh quân đều xuất phát từ lúc nửa đêm, tấn công ba đợt liên tiếp, khiến người Thượng Đồng Mộc tan hồn bạt vía, phải chịu từng phục từ đó. Nay thì họ đã di cư ra ở ngoài chân núi phía đông, cư trú lẫn lộn với người Thượng Nước Tru, chịu đóng thuế. Đinh Chí, một tay Cừ mục của người Thượng Đồng Mộc đã quy hàng ta, nhưng hai mươi ba năm qua vẫn bất hợp tác, không chịu nộp thuế, kéo cả bộ tướng vợ con trốn vào ở trong núi rất sâu hiểm, mưu làm chuyện sai trái. Ta cùng các ông Ngô Đắc Hộ, Phan Văn Cựu tiến công phá tan tành.*

*Đặc biệt, núi Cao Muôn có một nơi bề dài, bề ngang đều khoảng một trượng, có nhiều chỗ đất ở đó có màu vàng non, không lẫn đá sỏi, cũng không thấy cỏ cây mọc lên, lấy cây gỗ cắm xuống thì đất mềm như không có đáy. Người Thượng nói là chỗ mạch núi lộ ra.*

***Núi Lô:** Còn gọi là núi Làng Lui vì Thượng Làng Lui thuộc cơ Năm ở tại đó. Núi này từ núi Lý dốc xuống đến đáy vun cao mà thành. Núi Lô gồm 2 nhánh, một nhánh chạy theo hướng đông bắc hình thành các ngọn núi Con Quái, Nước Năng, một nhánh theo hướng đông nam hình thành các ngọn núi Con Let, Con Liêu. Trên đỉnh núi này có một nơi bằng phẳng như đại lộ, đứng nơi ấy nhìn xuống bên dưới thấy bốn chung quanh sâu hút như cái giếng lớn. Người Thượng Làng Lui cư trú dưới chân núi gọi là người Làng Lui Dưới (hay Thấp), còn người Thượng cư trú ở lưng chừng núi gọi là người Làng Lui Trên (hay Cao). Người Thượng Làng Huy cư trú nơi lưng chừng núi phía nam.*

Đã một lần quan binh đến đó, gặp hôm sương mù dày đặc, ban ngày mà tối như ban như đêm, người ngựa không thể hoạt động được, nên người Thượng ở đó ỷ vào thế núi hiểm trở không chịu khuất phục ta.

Niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1864), ta tiến binh đến đó, cũng gặp cảnh sương mù dày đặc. Ta thiết đàn cầu cúng, bỗng nhiên sương tạnh, trời sáng, ta liền phái các nhân viên biết đường hướng dẫn, rồi phân binh đánh lên. Ta cùng các ông Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm đôn đốc quân sĩ các cánh theo đường dốc đứng cheo leo đánh xuống. Từ sáng sớm (giờ dần) đến gần trưa (giờ tị) thì đến các sách Làng Lui Dưới, Làng Lui Trên, Làng Huy, ta triển khai đánh phá tan tành, khiến chúng phải chịu nhiếp phục.

**Núi Ba Nam:** Tại xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Sáu. Núi này, cây cối xanh tốt từ chân tới đỉnh, thoạt nhìn thấy núi như dựng tới trời. Người Thượng Nước Li, người Thượng Mang Biều Thượng cư trú nơi sườn núi phía tây. Núi tiếp núi trùng điệp. Đã từ thời xa xưa người Thượng Ba Nam cư trú tại nơi này, quan binh chưa từng đặt chân đến đó.

Niên hiệu Tự Đức thứ 19 (1865), ta đưa quân đi tuần tra nơi này, phái nhóm người Thượng Ba Tư do Đinh Luyện chỉ huy một toán 300 lính Thượng đầu hàng quân ta dẫn đường mở rừng tiến lên. Càng đi thấy càng diệu vợi như leo lên trời, nhưng đến giờ sừu thì cũng lên tới đỉnh núi, quân ta triển khai đánh phá tan tành rồi ra về, tới chân núi phía đông thì trời sập tối.

**Núi Đá Vách (Thạch Bích sơn):** Núi tại cơ Tư, dáng dựng đứng cao tót như tới tận trời xanh, bằng với núi Cao Muôn. Phía tây núi này có các ngọn Mã Yên, Kỳ Lân. Phía đông thì thấp dần cũng có hai ngọn núi là Tập Cáp, Hoàng Trung, trên ấy nghe người ta đồn có nghĩa địa voi. Phàm loài voi hoang đã khi già yếu thì đều tìm về nơi nghĩa địa ấy chờ chết. Núi Đá Vách này vốn có hai con đường, một đường nơi phía đông chân núi này tại chỗ núi Tập Cáp, nhỏ hẹp hiểm yếu băng rừng mà đi. Ngày xưa

người Thượng thường theo con đường ấy bí mật đi quấy nhiễu khắp sáu cơ.

Niên hiệu Tự Đức thứ 21 (1867), ta phái binh chặt cây trúc đá, mở một con đường rộng đi vào xứ Thượng này, lại tâu xin lập 3 đồn bảo ở đó. Một đường ở phía tây chân núi này gọi là yên ngựa từ xứ người Thượng An Ngự theo hướng bắc băng qua núi này, rồi lại trèo xuống theo con suối qua khỏi sách người Thượng Làng Luyện thì tới sách người Thượng Làng Lâm ở cơ Sáu, đường đó rất nguy hiểm.

**Núi Thanh:** Núi này nằm tiếp giáp giữa cơ Nhứt và cơ Nhì, thường gọi là núi Nước Trâm. Phía tây núi này liền mạch với núi Thác sơn, nơi chân núi phía nam là chỗ ở của hai sách người Thượng Làng Ó, Làng Giá, phía bắc là chỗ ở của hai sách người Thượng Đèo Gấp, Nước Lụa, nơi chân núi phía đông là Điều Lĩnh (núi Chim). Trên đỉnh núi, lại mọc lên nhiều ngọn núi nhọn, cây cối rậm rạp. Ở trung tâm có một khoảnh đất rộng khoảng năm sáu chục mẫu, hai bên có suối chảy, nước rất trong. Trong số ấy có một ngọn núi rộng khoảng bốn năm trượng, cao mấy chục trượng, hình tròn như cái nón, đất màu vàng non, trên đỉnh bằng phẳng chứa được cả trăm người, người Thượng gọi là cái rốn núi. Người Thượng Nước Trâm của nhóm Đinh Tranh, Đinh Trê cư trú ở quanh đó. Người Thượng thường nói ở đó không sợ hổ, chỉ có voi, gấu, rắn lục mà thôi. Những năm trước, mỗi khi người Thượng bắt được người Kinh thì đem về đó giam nhốt.

Niên hiệu Tự Đức thứ 22 (1868), ta cùng các ông Ngô Đắc Hộ, Nguyễn Mỹ đề binh từ núi Làng Ó tiến thẳng đến nơi ấy, đánh tan người Thượng này. Nhưng họ vẫn còn ngang ngạnh, nên năm sau, niên hiệu Tự Đức thứ 23 (1869), ta cùng các ông Ngô Đắc Hộ, Phan Văn Cựu đề binh từ núi của người Thượng Nước Lụa tiến thẳng lên đến nơi đánh phá một trận nữa. Ta khảo sát biết có ba con đường dẫn lên núi này, một đường từ núi của người Thượng Làng Ó theo hướng tây bắc leo lên, một đường từ núi của người Thượng Nước Lụa theo hướng tây nam leo lên,

một đường từ núi của người Thượng Nước Li Tà Ma theo hướng đông leo lên. Cả ba đường trên đều tới sách Thượng Làng Trâm. Cả ba đường đều rất nguy hiểm, chỉ có đường đi qua núi của người Thượng Làng Ó thì dễ đi hơn.

**Núi Thác:** Tại xứ Thuộc Vinh Nội, cơ Nhứt, thường gọi là núi Nước Nhảy. Núi này tủa thành 2 nhánh, ở giữa có suối là nguồn nước thượng lưu của sông Na giang. Hai bên dòng suối, núi mọc dốc đứng, vẻ hung hiểm hơn cả núi Y sơn, nhưng núi này hơi thấp hơn.

Niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1964), ta ngược theo dòng suối tiến binh đến tận nơi, lại vượt qua một sườn núi vào tận sào huyết khuấy đảo tan tành.

**Núi Y:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, thường gọi là núi Làng Y. Nhánh bắc của núi Cao Muôn thấp dần xuống thành sườn tây núi này. Chân phía đông núi này giáp sông Nước Sung, chân phía bắc núi này giáp Thuộc Vinh Ngoại, nơi người Thượng Thuộc Vinh Ngoại cư trú, phía nam núi này thấp xuống chia làm hai nhánh, gấp khúc như xống áo vẩy. Ở giữa có suối nước, từ trên núi vòng vèo đổ xuống, bên ngoài có bờ đất trăn ngay cửa suối, hình thế tương tự sông Tổ thủy nhưng khác chút ít. Người Thượng Làng Y cư trú nơi ấy, lợi dụng nơi ở hiểm hóc nên không tuân lệnh triều đình.

Niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1864), ta tiến binh đến đóng tại bèo Y Xuyên, chờ đến canh hai, phái đội khinh binh bí mật leo lên núi mai phục. Ta cùng hai ông Phạm Biểu, Kiều Lâm đưa quân theo con suối tiến vào, đại phá ba lần. Người Thượng Làng Y sợ phục.

**Núi Tai Mèo:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt. Núi này to cao, cây cối rậm rạp. Phía tây núi này liền với núi của người Thượng Nước Lá, chân núi phía đông giáp bờ tây sông Vệ, phía nam là xứ Sơn Phụng, phía bắc liền với núi Hắc Thạch, có bốn sách



người Thượng ở trên núi Tai Mèo này. Con đường lên núi duy nhất từ xứ Sơn Phụng đi lên, vô cùng hiểm trở.

**Núi Nông:** Thường gọi là núi Làng Nông, tại xứ Thượng cơ Tư. Núi Hồ chạy đến đây, chiều cao tăng dần thành núi này. Núi to cao như đung tới trời, rừng cây xanh tốt, trên đỉnh có suối nước đủ dùng cho người và gia súc. Ngày trước, người Thượng Làng Nông cư trú trên núi cao này, dựa thế núi hiểm ác nên sinh ngang ngạnh bất phục triều đình.

Niên hiệu Tự Đức thứ 17 (1863), ta đóng quân tại bảo Minh Long, ủy nhiệm cho các ông Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm chia quân làm hai cánh theo con đường phía tây cùng tiến lên đánh dẹp được người Thượng Làng Nông, bắt được trâu bò mười con, buộc người Thượng Làng Nông dời nhà xuống chân núi mà ở.

**Núi Nhiêu:** Thường gọi là núi Nước Nhiêu tại xứ Thượng cơ Nhì. Có con đường từ sách người Thượng Làng Luyện ở chân phía tây núi Đá Vách đi theo hướng tây nam thì đến núi này, giáp bảo Minh Long. Đường đi rất xa.

**Hồ lĩnh:** Thường gọi là Đèo Gấp tại xứ Thượng cơ Nhì. Nhánh tây bắc của núi Thanh đổ xuống sách người Thượng Suối Tía cư trú. Bên dưới có con đường từ sách người Thượng ấy đi qua đó rồi thẳng về hướng tây đến sách của người Thượng Làng Môn, Làng Trê, rồi đến sách người Thượng Nước Lầy thuộc cơ Sáu.

**Núi Bạch:** Thường gọi là núi Nước Lụa tại xứ Thượng cơ Nhì. Nhánh đông bắc núi Thanh thấp dần thành núi này. Trên núi có một khoảnh ruộng rộng khoảng ba bốn mẫu. Năm xưa, người Thượng thường đem gia súc dâu ở đó. Lại có một dòng suối chảy trên một khối đá lớn, từ trên nhìn xuống thấy suối chảy trắng xóa như một dải lụa rất đẹp. Có một con đường leo lên núi này đi về hướng tây thông với sách người Thượng Nước Xên rất hiểm trở. Người Thượng Nước Lục cư trú nơi chân núi.

**Núi Chinh:** Thường gọi là núi Làng Chinh tại xứ Thượng cơ Nhì. Phía nam núi này liền với núi Hắc Thạch, phía tây giáp Minh Long, phía bắc kéo dài đến tận núi Điều, phía đông gần Trường Lũy, nơi cư trú của người Thượng Làng An, còn ở trên núi thì có sách người Thượng Làng Chinh. Nơi chân núi phía tây có hai con đường, một đường từ Suối Chích băng núi đi về hướng tây, một đường từ bảo Minh Long đi theo hướng đông, đều đi đến sách của người Thượng Làng Chinh. Đường đi qua nhiều hẻm vực cheo leo vô cùng hiểm trở.

**Núi Linh Mô:** Thường gọi là núi Linh Mô tại xứ Thượng cơ Ba, tức nhánh phía tây núi Cao Muôn. Phía tây tiếp với núi Bàn Thạch, phía bắc liền với núi Nước Gia, phía nam tiếp giáp với sách người Thượng Đồng Trù. Trên núi có ruộng, nơi người Thượng Linh Mô cư trú. Trước đây vốn có bốn con đường dẫn lên núi Linh Mô này, một đường từ trên núi Đá Bàn đi về hướng đông, một đường từ trên núi Đồng Trù đi theo hướng bắc, một đường từ Nước Tô qua đỉnh núi Cao Muôn, một đường từ núi của người Thượng Nước Gia đi về hướng nam. Bốn con đường ấy, đều đi đến sách người Thượng Linh Mô, đều rất hóc hiểm.

Niên hiệu Tự Đức thứ 22 (1868), suốt ba năm, ta đưa quân tuần vãng xứ Thượng đều có đến núi này.

**Núi Thạch Bàn:** Tại xứ Thượng cơ Ba thường gọi là núi Đá Bàn. Phía đông tiếp với núi Linh Mô, phía bắc, phía nam giáp núi Đồng Trù, chân núi phía tây là nơi người Thượng Đá Bàn cư trú, rất hiểm yếu.

Niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1864), ta tiến binh thẳng lên núi đại phá quân Thượng.

**Núi Tô:** Tại xứ Thượng cơ Ba thường gọi là núi Nước Tô. Trên núi có ruộng, có suối chảy vòng vèo, cây cối rậm rạp. Núi này là đầu nguồn sông Tô giang. Đã từ lâu có hai con đường, một đường từ núi người Thượng Trà Nô đi theo hướng nam, một đường từ sách người Thượng Đồng Nai theo con suối đi về

hướng tây thì đến đỉnh núi này. Hai con đường sẽ gặp nhau và đều rất nguy hiểm. Năm xưa Đinh Luyện nhờ vị trí hiểm hóc, cố thủ ở đó.

Niên hiệu Tự Đức thứ 17 (1863), ta cùng các ông Phạm Biêu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm tiến binh theo con suối, rồi đi về hướng tây thẳng tới đó phá tan tàn, rồi theo đường Trà Nô dẫn quân ra về.

**Núi Lý:** Tại xứ Thượng cơ Ba thường gọi là núi Nước Lý. Trên núi có nhiều ngọn núi nhỏ, cái cao cái thấp chập chùng không biết bao nhiêu mà kể. Núi này cũng có một con suối chảy vòng vèo là đầu nguồn của sông Lý giang. Bọn người Thượng Nước Lý Đinh Tròn cư trú ở đó.

Niên hiệu Tự Đức thứ 19 (1865), ta tiến binh có người Thượng dẫn đường. Từ trên núi Lô, quân ta theo hướng tây băng rừng mà đi. Từ giờ dần đến giờ tuất mới đến núi này trú quân, sớm hôm sau tiến binh đánh phá tan tàn, bắt được cháu trai của Đinh Tròn. Từ đó, người Thượng Nước Lý di cư lên cao tìm chỗ hiểm hóc mà ở, cũng chưa chịu từng phục.

Niên hiệu Tự Đức thứ 23 (1869), Ta cùng các ông Ngô Đắc Hộ, Phan Văn Cựu đề binh sai người Thượng Ba Tư là nhóm Đinh Lạp dẫn đường, lên tới núi cao đánh phá tan tàn. Người Thượng Nước Lý thấy không chống lại, tự đốt trại sách bỏ trốn.

**Núi Sờ Thủy:** Tại xứ Thượng cơ Ba thường gọi là dốc Nước Sờ. Núi này ở phía tây núi Trà Quân. Trên đó có đường đi nhưng cực kỳ hiểm hóc. Từ núi này đi về hướng tây năm ngày thì đến sách người Thượng Ma Chông. Đi tiếp 3 ngày nữa thì đến sách người Thượng Lương Đầu. Người Thượng Ma Chông và Lương Đầu sống nương tựa nhau như con lan nương tựa với con bãi. Còn có người Thượng Xoang Vuốt. Chỗ người Thượng Xoang Vuốt có một loại côn trùng to như con ngựa, người nào đi qua đó, người Xoang Vuốt bắt phải cỡi nó, cỡi được thì thôi, còn nếu không cỡi được thì bị người Xoang Vuốt ăn thịt. Người Kinh bị

bắt phần đông thường đem đến đó bán. Những tin ấy đều do người Thượng kể lại.

**Núi Trà Quân:** Tại xứ Thượng Thanh Bồng thuộc cơ Sáu. Núi rất cao, cây cối rậm rạp, lại có nhiều loại cây “bàng”. Gặp năm đói kém, người ta nấu cây “bàng” mà ăn, gọi là “gạo trời”. Phía tây núi này là núi Sở Thủy, phía bắc là nơi ở của người Thượng Cười Dong. Trên núi có suối nước đổ xuống sông Thanh Bồng. Có 2 con đường, một đường từ nguồn Thanh Bồng đi theo hướng tây qua chân núi Cừ Xi, rồi rẽ theo hướng nam, một đường từ suối Nan Khê ngược dòng đi lên theo hướng tây. Cả 2 con đường ấy đều dẫn đến núi này. Người Thượng Tham Lung cư trú ở đó.

Niên hiệu Tự Đức thứ 20 (1866), ta dẫn quân đi tuần vãng, có trú quân tại đó.

**Núi Cừ Xi:** Tại xứ Thượng Thanh Bồng thuộc cơ Sáu. Núi có 5 ngọn, thường gọi là núi Lăng Cừ, cũng giống như 5 ngón tay nên còn có tên là núi Ngũ Chi. Trên núi có nhiều chuối, quít, bưởi bông trái sum suê, người Thượng hái ăn tại chỗ chứ không được mang đi. Tương truyền đó là rẫy của quan Trấn công Bùi Tá Hán ngày xưa.

**Tỉnh sơn:** Tại xứ Thượng La Thu thuộc cơ sáu. Núi rất cao ngang với núi Trà Quân. Nơi chân núi phía nam có người Thượng Trà Ngon cư trú. Nơi sườn núi phía bắc là xứ Nước Xa. Xứ này rất nhiều rắn độc, người Thượng chẳng dám lai vãng.

Niên hiệu Tự Đức thứ 20 (1866), ta tuần vãng theo đường Trà Hữu băng qua núi Trà Hữu đến xứ Nước Xa, đóng quân một đêm, khi binh lính đun bếp nấu cơm, thì khói bốc xông lên ngọn cây, rắn bị khói làm cho cay mắt, rớt lộp độp như mưa, nhưng toàn thể quân lính không ai bị gì.

**Núi Chúa:** Tại xứ Thượng Xã Đạo thuộc cơ Sáu, người Thượng gọi là núi Chúa. Núi này đột khởi cao vút tới mây xanh, la liệt nhiều ngọn núi khác châu hầu chung quanh. Trên núi

Chúa có một khoảnh đất bằng phẳng, mọc nhiều chuối, quit, bưởi bông trái sum suê, người Thượng bảo đó là rẫy của ông Trần công Bùi Tá Hán, người Thượng còn gọi nơi đó là “trĩ đình”. Vì loài sơn trĩ các nơi đều bay về nơi đó mùa may quét dọn. Có con đường từ sách người Thượng Cười Dữ đi vòng vèo leo lên như ruột ốc, mất 3 ngày đêm mới tới. Song nghe người Thượng cho biết lâu nay chưa thấy người Kinh nào tới tận xứ đó cả.

Sông suối tối hiểm có 8 dòng như sau:

**Bến Mộc giang:** Tại xứ Thượng Ba Tư thuộc cơ Ba, thường gọi là Thác Lang Đòng Mộc. Bến nước này, trên thì núi dựng đứng, dưới thì sông sâu hút, có con đường từ Nước Tổ đi xuống theo hướng nam qua khỏi bến này thì đến sách người Thượng Đòng Dâu. Bến này ước chừng dài hơn trăm trượng, đi qua cực kỳ nguy hiểm. Năm nọ, quan Bố chánh Nguyễn Tăng Tín đưa binh qua đó, quân lính run sợ rơi xuống vực sâu chết khá nhiều.

**Bến Thuộc Vinh Ngoại:** Tại xứ Thuộc Vinh, cơ Nhứt, người Thượng gọi là Phán Lang Thuộc Vinh Ngoại. Trong dòng nước đá mọc lóm chồm, hai bên thì núi rừng trùng điệp. Có con đường từ sách người Thượng Nước Sung đi về hướng tây bắc thì đến Thuộc Vinh Nội. Người Thượng Làng Tương cư trú tại khu vực bến này. Đường đi vào rất hiểm trở.

**Bến Bạch Thủy:** Tại xứ Thượng Nước Lua thuộc cơ Nhì, thường gọi là Phán Lang. Bến này đá to đá nhỏ rất nhiều cái khuất cái lộ. Khi quan binh vượt qua bến thì giặc Thượng núp sau những tảng đá lớn bắn tên ra, quân ta không tiến lên được. Một nơi quá hiểm ác.

**Vực Thanh Đình:** Tại xứ Thượng Làng Tru thuộc cơ Sáu, thường gọi là Vực Chuôn. Vực này bốn chung quanh đều là đá, giữa là vực nước, tròn như cái nong, đường kính ước chừng ba bốn thước. Vực Thanh Đình sâu như giếng, phía nam phía bắc

đều có người Thượng cư trú. Có con đường đi từ sách người Thượng Làng Luyện ở cơ Tư theo hướng bắc vượt qua vực này, rồi đi một đoạn đường khá xa nữa thì đến sách người Thượng Lang Biều. Đường đi cực kỳ nguy hiểm.

**Bến Đại Hoán:** Tại xứ Thượng Lang Biều thuộc cơ Sáu, tục danh Thác Hủ, Bến này toàn đá là đá là nhánh nam sông Nham giang. Núi thì cao, vực thì sâu, đi qua đó cực kỳ nguy hiểm.

**Bến Đại Hiểm:** Tại xứ Thượng Xà Nay thuộc cơ Sáu, tục danh Thác Kỳ. Nơi sườn núi bến này đá nhọn như dao vót, vực sông sâu rộng, phải ngậm miệng mà đi qua, cực kỳ nguy hiểm. Xưa nay quan binh đều bị thất lợi tại nơi này.

**Bến Ba Tâm:** Tại xứ Thượng Nước Li Bồ Na thuộc cơ Lục, tục danh thác Ba Tâm. Bến này la liệt rất nhiều đá, là bờ tây của sông Lê giang. Trên là núi dựng đứng, dưới là sông Lê giang sâu thẳm. Có con đường từ sách người Thượng Mang Biều, đi theo hướng bắc qua bến này thì tới sách người Thượng Giá Tiệp. Đường đi cực kỳ hiểm yếu.

**Bến Lê Giang Thượng:** Tại xứ Thượng Nước Li Mang Biều Thượng thuộc cơ Sáu, thường gọi là Phán Lang Nước Li. Bến này có nhiều đá tròn, có miếng như cái sàng, có cục như cái búa, có viên tròn lẫn như viên đạn, đều trơn bóng. Có con đường từ sách người Thượng Trà Nô Ba Tư thuộc cơ Ba, đi theo hướng tây bắc vượt qua bến này, rồi đi theo hướng bắc thì tới sách người Mang Tâm Thượng. Đường đi cực kỳ hiểm yếu.

Có 36 ngọn núi khá là hiểm trở là:

**Núi Thạch Sạn:** Tại xứ Thượng cơ Năm thường gọi là dốc Đá Dương Ngồi. Núi này ở phía đông núi Lô, hình chóp cao chót vót. Người Thượng, người Kinh đến đây vịn đá leo lên, nhưng khi leo xuống ắt phải bằng cách ngồi níu lấy dây rừng mà xuống từ từ. Người Thượng Làng Liêu cư trú phía nam núi này. Người Thượng Con Già cư trú tại phía bắc núi này.

**Núi Liệu sơn:** Tại xứ Thượng cơ Năm, thường gọi là núi Làng Liệu. Núi này nằm phía đông núi Thạch Sơn, trên núi cây cối rậm rạp. Có một con đường từ phía đông núi Thạch Sơn đi xuyên qua rừng, khá hiểm ác.

**Núi Ma Bàn:** Tại xứ Thượng cơ Năm, thường gọi là núi Dang Sai. Có một con đường từ phía đông núi Liệu sơn đi đến đây tủa làm hai, một đường đi về hướng bắc tới núi Thạch Quan, một đường đi về hướng đông tới Sa Lung linh.

**Hót Hỏa sơn:** Tại xứ Thượng cơ Năm. Núi này phía bắc núi Sa Lung, nhiều cây cối. Mấy năm trước, người Thượng thường núp ở đây, chờ dịp là lên xuống quấy nhiễu, nay thì không còn.

**Núi Sa Lung:** Tại xứ Thượng cơ Năm, thường gọi là dốc Dẽ. Núi này phía nam núi Hót Hỏa, phía bắc núi Tiên Mễ. Người Thượng Sa Lung cư trú tại phía tây núi này. Có một con đường từ Lũy Ái Nham đi theo hướng tây qua núi này thì tới sách người Thượng Sa Lung.

**Núi Tiên Mễ:** Tại xứ Thượng cơ Năm. Núi này ở phía nam núi Sa Lung. Trên sườn núi có mấy tầng đá to. Thoạt trông giống như một xâu tiền, cũng giống như kho gạo, cây cối um tùm. Có một con đường từ bảo Huân Phong, đi qua Trường Lũy theo hướng tây bắc. Qua khỏi sườn núi này là tới núi Sa Lung.

**Núi Thạch Quan:** Tại xứ Thượng cơ Năm, ở phía bắc núi Hót Hỏa. trên núi có nhiều tầng đá nằm la liệt. Có một con đường từ đồn điền Phú Nhơn, vượt qua núi này rồi đi theo hướng tây nam thì đến núi Dang Sai, còn đi theo hướng bắc thì đến núi Hoàng Thủy, tới đồn điền Vực Răm thuộc cơ Nhì.

**Núi Hoàng Thủy:** Tại xứ Thượng cơ Ba, núi này ở phía bắc Thạch Quan linh. Trên núi nhiều cây cối. Năm xưa, người Thượng Nước Hoàng cư trú tại đây, nay đã đi nơi khác. Có một con đường từ Thạch Quan linh đi theo hướng tây bắc vượt qua suối Hoàng Thủy, leo lên núi này thì tới núi Thiên Nhũ.

**Núi Thiên Nhũ:** Tại xứ Thượng cơ Ba, ở phía tây núi Hoàng Thủy. Trên núi nhô cao hai ngọn núi như hai cái vú. Có một con đường từ chân phía đông núi này băng rừng đi theo hướng tây bắc thì đến sở đồn điền Vực Răm, lại có một con đường từ núi này đi về hướng nam cứ trên núi mà đi thì tới sách người Thượng Con Lệt, cũng thuộc xứ Thượng cơ Năm.

**Núi Sở Hầu:** Tại xứ Thượng cơ Ba, ngay trước Trường Lũy. Núi này ở phía đông núi Hoàng Thủy, nhiều cây cối rậm rạp. Có một con đường từ Trường Lũy đi qua núi này, rồi đi về hướng tây thì tới núi Hoàng Thủy, khá nguy hiểm.

**Núi Đột Tác:** Tại xứ Thượng cơ Ba, ngay trước Trường Lũy. Phía đông núi này là sở đồn điền Vực Răm. Phía tây núi này là sách của người Thượng Con Long Con Giai. Có một con đường từ Vực Răm qua núi này, tới sách người Thượng Con Long, khá hiểm trở.

**Núi Long:** Tại xứ Thượng cơ Ba, ở phía đông bắc núi Năng, Người Thượng Con Long cư trú tại núi này. Có một con đường từ núi Năng đi theo hướng bắc thì tới núi này, đến nơi ở của người Thượng Ba Tơ.

**Núi Năng:** Tại xứ Thượng cơ Ba, phía tây nam núi Thiên Nhũ là nơi cư trú của người Thượng Nước Long. Dưới núi có một con đường từ núi Lô đi lên hướng bắc thì tới bảo Hoàng Ngụ ở Ba Tơ.

**Núi Tô Sơn:** Tại xứ Thượng cơ Ba, ở đầu nguồn Ba Tơ. Qua khỏi núi này thì đến sách của người Thượng Nước Li Thượng thuộc cơ Sáu.

**Núi Lâm:** Tại xứ Thượng cơ Ba. Núi này có nhiều ngọn trái dài, ngọn cao, ngọn thấp, cái nhô ra cái lõm vào hơn trăm trượng. Có thể chứa sáu bảy trăm phục binh nên khá hiểm trở. Có một con đường từ Đồn Bi đi theo hướng tây qua khỏi núi này là đến bảo Hoàng Ngụ ở Ba Tơ.



**Núi Tỳ Muội:** Tại xứ Thượng cơ Ba. Chân phía tây núi này giáp sông Đồng Mộc. Có một con đường từ Ba Tư đi theo hướng bắc qua khỏi núi này thì tới thác Tỳ Muội, giáp cơ Nhứt.

**Núi đất Bộc Thảo:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt. Núi đất này nằm vắt qua hai sách Thượng Nước Tru Nước Gia, tiếp giáp phía tây bắc xứ Na gian. Có một con đường từ sông Na qua khỏi chân phía đông bắc núi đất này thì tới sách người Thượng Nước Gia. Đường đi tới đó, một bên là núi, một bên là sông, khá hiểm trở. Ta đến đó phân binh làm 2 cánh, một cánh hành tiến theo đường đi, một cánh băng trên núi đất mà đi.

**Núi Ôn:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, nằm phía tây bắc sách Thượng Nước Lá. Phía nam núi là sách người Thượng Làng Ôn. Có một con đường từ sách Thượng Nước Lá qua khỏi núi này thì đến bảo Bình An đã hoang phế.

**Núi Linh:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, ở phía đông núi Y. Có một con đường từ sách Làng Y Ngoại đi qua khỏi núi này, tiếp tục theo hướng đông thì tới sách người Thượng Nước Lá.

**Núi Sung:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, nằm ở phía bắc núi Linh, phía nam rừng Lộc. Người Thượng Nước Sung cư trú ở chân núi này, khá hiểm trở.

**Rừng Lộc:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt. Rừng này ở phía bắc núi Sung, phía nam Thuộc Vinh Nội. Trong rừng gò nông lỗ chỗ rừng buội rậm rạp. Có một con đường từ Thuộc Vinh Ngoại đi theo hướng bắc qua khỏi rừng này thì đến Thuộc Vinh Nội, khá hiểm trở. Năm xưa, giặc Thượng thường ẩn núp mai phục ở đây, nhưng nay thì hết rồi.

**Núi Điều:** Tại nơi tiếp giáp cơ Nhứt với cơ Nhì. Núi rất cao, cây buội rậm rạp. Có một con đường từ sách người Thượng Nước Trang tại Thuộc Vinh Nội, qua khỏi núi này thì tới sách Thượng Làng Mưu

**Gò Quy:** Tại xứ Thượng Suối Tía thuộc cơ Nhì, nơi người Thượng Gò Du cư trú. Có đường từ Minh Long vượt suối Tía thì đến gò này, rồi đến núi Hố.

**Núi Hắc Thạch:** Tại xứ Thượng cơ Nhì, ngay trước Trường Lũy. Có một con đường từ đồn điền An Đình thuộc cơ Nhì, băng qua Trường Lũy đi theo hướng tây bằng đường núi cao thì tới sách của người Thượng Nước Lá.

**Núi Điền:** Tại xứ Thượng cơ Nhì. Có con đường từ Gò Viên đi theo hướng tây qua khỏi núi này, qua khỏi núi Tiêm Thạch, rồi đi theo hướng tây nam thì tới bảo Minh Long.

**Núi Tiêm Thạch:** Tại xứ Thượng cơ Nhì, ở phía tây Điền lĩnh, đường đi khá hiểm ác.

**Núi Phước Lộc:** Tại nơi tiếp giáp cơ Nhì, cơ Tư, ngay trước Trường Lũy. Núi này khá cao và hiểm trở. Có con đường từ đồn điền Hố Kỳ thuộc cơ Nhì, đi theo hướng đông bắc qua khỏi núi này thì tới Vàm Phán thuộc cơ Tư. Năm trước quan Phó Lãnh Nhị bị tử trận tại đó.

**Núi Đốc Công:** Tại xứ Thượng cơ Tư. Có con đường từ núi Điền đi theo hướng bắc qua khỏi núi này thì tới sách người Thượng Cười Nhiều thuộc cơ Tư.

**Núi Chiết Diệp:** Tại xứ Thượng cơ Tư. Có đường từ Minh Long đi theo hướng đông bắc tới sách người Thượng Làng Mối. Qua khỏi núi này thì tới sách người Thượng Cười Lục. Đường sá khá hiểm hóc.

**Núi Mã Yên:** Tại xứ Thượng cơ Tư. Ở chân phía tây núi Đá Vách. Phía nam núi này là sách người Thượng Khoáng Con An Ngự. Có con đường từ sách người Thượng này qua khỏi núi rồi đi theo hướng bắc thì tới sách người Thượng Làng Luyện, rồi đi tiếp, qua khỏi một hòn núi nhỏ nữa rồi đi thẳng hướng bắc thì tới vực Thanh Đình thuộc cơ Lục, nơi người Thượng Làng Sâm, Làng Tru cư trú.

**Núi Tập Cáp:** Tại cơ Tư, ngay trước Trường Lũy. Núi này là một nhánh phía đông núi Đá Vách đổ xuống gọi là Đèo Cù Hột. Từ đại bảo thứ ba mới lập vượt qua Trường Lũy rồi đi tiếp về hướng bắc qua khỏi núi này thì tới sách người Thượng Suối Tó, nằm trong Tân phận cơ Sáu. Lâu nay có con đường băng rừng đạp đá mà đi rất hiểm ác. Người Thượng thường theo con đường núi ấy lên lút quấy nhiễu Tân phận cơ Sáu và các trại An Hội, An Mỹ.

Niên hiệu Tự Đức thứ 21, ta ủy nhiệm cho Phó Lãnh binh Nguyễn Mỹ phái binh đánh dẹp. Nay thì yên rồi, đường đi thông suốt như đường quan báo.

**Núi Yêu:** Tại xứ Thượng cơ Sáu, từ bờ nam sông Nham trở xuống thường gọi là Đèo Yêu, lại còn gọi là Đèo Kết. Có con đường từ sách người Thượng Làng Cơ đi theo hướng tây qua khỏi núi này thì nói sách Thượng Nước Li Hạ. Đường ấy khá hiểm hóc.

**Núi Ách:** Tại xứ Thượng Khu Đôn thuộc cơ Sáu. Núi này hai đầu cao, giữa thấp nhìn như cái ách cày trâu bò, nên có tên như thế.

**Núi Thai Lai:** Tại xứ Thượng Phương Đá thuộc cơ Sáu. Núi dài lại khó đi qua nên có tên như thế.

**Núi Tà Man:** Tại xứ Thượng thuộc cơ Sáu, vùng bờ bắc sông Nham, thường gọi là đèo Tà Mang. Có con đường từ sách người Thượng Xã Đạo đi về hướng tây bắc qua khỏi núi này thì tới sách người Thượng Di Lăng. Đường đi khá hiểm ác.

**Núi Nan:** Tại xứ Thượng Thanh Bồng thuộc cơ Sáu. Có con đường từ nguồn Thanh Bồng leo lên núi này đi về hướng tây qua khỏi các sách người Thượng Cười Dững. Tham Lung thì tới núi Trà Quân. Đường đi rất nguy hiểm.

**Bến Lý Thủy:** Tại xứ Thượng Nước Ré ở Ba Tơ thuộc cơ Ba. Người Thượng Nước Nục ở phía tây nam thường gọi là bến này là bến Nước Ré. Có con đường từ sách người Thượng Nước Nục vượt qua bến nước này thì tới sách người Thượng Nước Ré, Đường đi khá hiểm hóc.

**Bến Lỗ Tử:** Tại xứ Thượng Con Nhỏ ở Ba Tơ, thường gọi là Bến Lang Con Nhỏ. Có con đường từ bảo Hoàng Ngự đi về hướng nam vượt qua bến này thì tới sách Thượng Nước Nục.

**Bến Tụ:** Tại xứ Thượng Đông Trù ở Ba Tơ thuộc cơ Ba, thường gọi là Bến Lang Đông Trù. Bến này có 2 nhánh, một nhánh từ sông Tô chảy từ hướng đông bắc xuống, một nhánh từ sông Re chảy từ hướng bắc xuống đến đây thị hợp lưu. Có vũng Hoàng Ngự nước rất sâu đổ vào sông Bôn. Có con đường từ bảo Hoàng Ngự đi về hướng tây vượt qua bến này thì tới sách Thượng Đông Trù

**Bờ Thạch Bàn:** Tại xứ Thượng Đá Bàn ở Ba Tơ thuộc cơ Ba, thường gọi là Pha Lung Đá Bàn. Bờ này là bờ sông phía tây bắc của sông Tô. Trên là núi cao, dưới là vực nước sâu thẳm. Có con đường từ sách người Thượng Đông Trù vượt qua bờ này thì tới sách người Thượng Con Nhai. Con đường bờ đất này khá hiểm hóc.

**Thác Tỷ Muội:** Tại nơi giáp giới cơ Nhứt và cơ Ba. Thác này ở thượng lưu sông Bôn, phía đông chân núi Cao Muôn, thường gọi là Thác Chị Thác Em. Toàn đá là đá nằm la liệt trong dòng nước. Mùa xuân mùa hạ, người ta có thể vượt thác, nhưng mùa thu mùa đông thì không thể. Truyền rằng ngày xưa có hai chị em nọ đi qua thác này, bị trượt chân, ngã chết, vì thế mới có tên này. Có con đường từ bờ bắc Đồng Mộc qua khỏi núi Tỷ Muội đi theo hướng bắc vượt qua thác này thì tới sách người Thượng Nước Tố.

**Bến Bôn Giang:** Tại xứ Thượng địa đầu cơ Nhứt thường gọi là Lang Bến Bôn. Bến này là ngã ba sông, một dòng từ sông Ba Tư chảy theo hướng bắc đổ xuống, một dòng từ sông Na chảy theo hướng nam đổ đến hợp lưu rồi chảy về đông. Có một đường từ Đôn Bi theo đường sông này đi về hướng tây vượt qua bến này về hướng bắc thì tới sách người Thượng Nước Gia, còn đi về hướng tây thì đến sách người Thượng Nước Tô.

**Bến Na Giang:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, thường gọi là Bến Lung Na. Có con đường từ bến Bôn Giang đi theo hướng bắc vượt bến này thì tới núi đất Bộc Thảo.

**Bến Gia Thủy:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, thường gọi là Bến Lang Nước Gia. Có con đường từ núi đất Bộc Thảo vượt qua bến này đi theo hướng bắc thì tới sách người Thượng Làng Y, có bảo Y Xuyên.

**Bến Y Giang:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, thường gọi là Bến Lang Làng Y. Có con đường từ bảo Y Xuyên đi theo hướng tây qua khỏi bến này thì đến sách người Thượng Làng Y.

**Bến Sung Thủy:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, thường gọi là Bến Lang Nước Sung. Có con đường từ Làng Y vượt bến này đi về hướng đông thì tới sách người Thượng Nước Sung.

**Bến Suối Tía:** Tại xứ Thượng cơ Nhì, cũng gọi là Bến Lợi Tía. Có con đường từ bảo Minh Long vượt bến này, đi về hướng tây đông thì tới Hồ lĩnh.

**Bến Môi Thủy:** Tại xứ Thượng cơ Tư, thường gọi là Bến Lang Làng Môi. Có con đường từ bảo Minh Long, đi về hướng đông bắc, vượt bến này thì tới sách người Thượng Cười Lãng.

**Bến Xà Uân:** Tại xứ Thượng cơ Tư, thường gọi là Bến Lang Xà Uân. Có con đường từ Cười Lãng đi về hướng đông bắc, vượt bến này thì tới Tản phận thuộc cơ Tư.

**Bến Kỳ:** Tại xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Lang Làng Ghé. Có con đường từ bảo Tuấn Mã, vượt qua

Trường Lũy đến đây, vượt bến này thì tới sách người Thượng Làng Kỳ, tới núi Yêu.

**Bến Lê Giang Hạ:** Tại xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Lang Bồ Trào. Có đường từ núi Yêu (Eo) qua khỏi sách người Thượng Bồ Trào, vượt khỏi bến này lại chia làm 2 đường, một đường đi về hướng bắc tới sách người Thượng Làng Trăn, một đường đi về hướng nam tới sách người Thượng Làng Con.

**Bến Xà Lộ:** Tại xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Lang Xà Khư. Có đường từ Làng Trăn đi theo hướng bắc thì tới sách người Thượng Làng Sơn, qua khỏi bến này rồi tiếp tục đi theo hướng bắc thì tới sách người Thượng Làng Mông.

**Bến Mông Thủy:** Tại xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Lang Làng Mông. Có đường từ Làng Y, qua khỏi bến này đi theo hướng đông bắc thì tới sách Di Lăng Thượng.

**Bến Bách Thủy:** Tại xứ Thượng La Thụ thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Lộ Trăm. Có đường từ Trường Lũy đi theo hướng tây, vượt qua bến này thì đến chân phía nam núi Cười Tinh.

**Bến Nan Thủy:** Tại xứ Thượng Thanh Bông thuộc cơ Sáu, thường gọi là Lộ Nan. Có đường từ nguồn Thanh Bông đi theo hướng tây, vượt qua bến này rồi theo đường núi leo lên thì đến sách người Thượng Cười Dũng, nước khá độc.

**Bến Trà Quân:** Tại xứ Thượng Thanh Bông thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Nước Trà Quân. Có con đường từ nguồn Thanh Bông, đi theo hướng tây bắc, vượt qua bến này thì tới núi Trà Quân.

Ngoài ra, những nơi đáng quan tâm như là:

**Núi Đầu Kê:** *Tại phía nam xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Lục.*

**Núi Phúc Lạp:** *Tại xứ Thượng bờ nam Trà Khúc.*

**Núi Kỳ Lân:** *Tại xứ Thượng thuộc cơ Tư, gần Lũy.*

**Núi Đầu Voi:** *Tại xứ Thượng Cười Nhiều thuộc cơ Tư.*

**Núi Lập Bút:** *Tại xứ Thượng Nước Lá thuộc cơ Nhứt.*

**Núi Lớn:** *Ở dưới Trường Lũy thuộc cơ Ba.*

**Núi Ngang:** *tức Hoàn sơn.*

**Núi Mang Tân, núi Ngự Vồng:** *Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Năm tục danh Núi Cháp Hải.*

**Núi Thiên Tuế, núi Duyên Trường, núi Cọng:** *Ở phía trước Trường Lũy thuộc cơ Năm, thường gọi dốc Cọng.*

**Núi Chi:** *Thường gọi là dốc Chi*

**Núi Tắc:** *ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Năm, thường gọi là đèo Ái*

**Núi Tát Hành:** *thường gọi là dốc Lệt.*

**Núi Thạch Lũy:** *Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Ba, thường gọi là đèo Đá Chác.*

**Núi Huyền Nho:** *thường gọi là đèo Ông Huyền Nho.*

**Núi Bạc Trúc:** *thường gọi là đèo Nứa.*

**Núi Đại Lộ:** *Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Nhứt, thường gọi là đèo Suối Bùn.*

**Núi Lỗ Tây:** *thường gọi là đèo Lỗ Tây.*

**Núi Phong Yêu:** *Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Nhì, thường gọi là đèo Eo Gió.*

**Núi Huỳnh Trung:** *Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Tư, thường gọi là đèo Huỳnh Trung.*

**Núi Chiết Diệp:** Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Sáu, thường gọi là đèo Bạt La

**Sông Mông:** Phát nguyên từ sách Thượng Cười Dong, chảy về hướng nam đến sách Thượng Làng Na thì hợp lưu với sông Xà Lô, sông Lê chảy về hướng đông.

**Sông Xà Lô:** Phát nguyên từ sách Thượng Cười Dong, chảy về hướng đông đến sách Thượng Làng Na thì hợp lưu với sông Lê giang, sông Mông giang.

**Sông Lê:** Phát nguyên từ xứ Thượng thuộc tỉnh Bình Định chảy theo hướng bắc đến sách Làng Na thì hợp lưu với sông Xà Lô, sông Mông, tục danh Lang Li.

**Sông Nham:** Thường gọi là Lang Thác Nham, từ xứ Thượng Làng Na 3 nhánh sông hợp lưu đến Tấn phận cơ Sáu, từ Trường Lũy trở xuống có tên là sông Trà Khúc.

**Sông Lý:** Thường gọi là Lung Nước Ré, phát nguyên từ xứ Thượng Nước Ré chảy theo hướng đông bắc đến xứ Thượng Đồng Trù thì cùng sông Tô giang hợp lưu, gọi là sông Ba Tơ.

**Sông Tô:** Thường gọi là Lang Nước Tô, phát nguyên từ xứ Thượng Nước Tô chảy về hướng đông đến sách Đồng Trù thì cùng sông Lý hợp lưu có tên là sông Ba Tơ.

**Sông Na:** Thường gọi là Lung Na, phát nguyên từ phía nam núi của người Nước Nhảy chảy đến chân phía đông bắc núi Cao Muôn thì cùng hợp lưu với sông Tô ở Ba Tơ.

**Sông Bôn:** Thường gọi là Lang Bến Bôn từ ngã ba sông tại thác Tỳ Muội chảy theo hướng bắc, rồi chảy theo hướng đông đến Tấn phận cơ Nhứt. Từ đó trở xuống có tên là sông Vệ.

**Sông Đồng Phát:** Phát nguyên từ sông Bạch rồi hợp lưu với suối Tía chảy theo hướng đông bắc qua khỏi xứ Thượng Làng Nông rồi chảy thẳng đến Tấn phận cơ Tư.



**Sông Giăng:** Thường gọi là Lang Giăng, phát nguyên từ sách người Thượng Trường Ngự, chảy về hướng đông qua phía nam đại bảo thứ ba.

**Sông Cang:** Thường gọi là Lang Cống Cang, phát nguyên từ suối Bách thủy, hợp lưu với suối Tầm Giêng chảy đến Cống Nhị rồi lại chảy ra sông Trà Khúc.

**Sông Hà Nang:** Thường gọi là Lang Hà Nang, phát nguyên từ xứ Thượng Ba Hương ở Quảng Nam, chảy qua chân núi Cú Xi rồi hợp lưu với sông Trà Quán chảy vào sông Xuân Khương.

#### **Suối Lành Ngạnh:**

Các suối nhỏ ở cơ Năm như là:

**Suối Đồng Làng, suối Sô, suối Na Ba, suối Hà Bá, suối Lô La, suối Ủ Ủ:**

Các suối nhỏ ở cơ Ba như là:

**Suối Bò Mồi, suối Khay, suối Hành Thuyền, suối Chí**

Các suối nhỏ ở cơ Nhứt như là:

#### **Suối Ninh**

Các suối nhỏ ở cơ Nhì như là:

**Suối Chích, suối Chanh, hồ Kỳ, hồ Là, suối Nhô,**

#### **Hồ Chình**

Các suối nhỏ ở cơ Sáu như là:

**Suối Lâm, suối Bàn Thang, suối La, vực Tà Na, nước Tầm Giêng, suối Tà Lá, suối Trăm, suối Bông Đá, suối Cầu, suối Ôi, suối Đá, suối Bồi, Tang Châu (thường gọi là Bãi Dâu ở phía đông sông Xà Lộ )**



## CƯƠNG VỰC RỘNG HẸP

Người Thượng sinh sống nơi núi rừng hoang vu nhưng giữa họ đều ngầm thỏa thuận giới hạn cương vực với nhau, chẳng khác gì làng thôn người Kinh chúng ta. Người có trách nhiệm làm việc vô yên dân Thượng thì phải biết cương vực của từng sách rộng hẹp nhiều ít như thế nào thì mới có thể tiến thoái thích đáng trong việc dùng binh và có thể xử lý đúng đắn trong việc cai trị cho phù hợp.

Hạt ta đây, trước kia là do người Chiêm Thành chiếm ở, đến cuối triều Trần, qua triều Hồ, ta mới đến giữ đất này lập 2 châu là châu Tư, châu Nghĩa, sau lại bị người Chiêm Thành đánh lấy lại. Thời vua Hồng Đức Lê Thánh Tôn, ta đánh đuổi Chiêm Thành lấy lại đất này, vì đất rộng người thưa nên triều đình di dân Bắc hà vào đây khai phá. Vào niên hiệu Chính Hòa nhà Hậu Lê, Bắc quân đô đốc Trần quận công Bùi Tá Hán vào trấn giữ. Từ đó về sau, đạo La Thù tổng tuần xứ Bãi Dầu thuộc Nước Li, các xứ Giả Đạo, Xã Đàm, Kỳ Vi, Viên Trường thuộc nguồn Thanh Cù, các xứ Suối Tía, Minh Long, Thuộc Vinh, Nước Lá của nguồn Phụ An, các xứ Trà Nô, Đồng Rào, Nước Đàng, Sa Lung thuộc nguồn Ba Tơ. Các xứ ấy đều trực thuộc nhà nước Đại Việt. Có thời nghe nói quan Cai Giám chọn người trong số 3 nguồn ấy lấy ra bố trí vào hệ thống cơ quan nhà nước để quản lý các sách người Thượng. Thời ấy, số nhân khẩu người Thượng chưa nhiều, lại ai cũng thiếu đói, nên xin làm người giúp việc cho các gia đình người Kinh.

Vào niên hiệu Chính Trị nhà Hậu Lê trung hưng, vua Thái tổ Gia Dụ hoàng đế triều ta (Nguyễn Hoàng) kiêm quản vùng này.

Từ đó về sau trải qua bảy tám triều vua, hai bên Kinh Thượng an cư, triều đình chẳng phải lo đến việc phòng ngự vùng miền ấy.

Cho đến khi triều vua Thế Tôn Hiếu Võ hoàng đế (Nguyễn Phúc Khoát), người Thượng ngày một thêm đông đúc, rồi sinh ra chuyện người Thượng quấy nhiễu vùng người Kinh.

Từ năm Bính Tuất (1766) niên hiệu Cảnh Hưng thứ 27 nhà Lê trung hưng về sau, dân Kinh vùng biên xiêu lạc vì nạn người Thượng, ruộng đất hoang phế. Đến năm Giáp Ngọ (1774), triều ta phái quan Cẩm Ân hầu Trần Ngọc Trữ về Quảng Nghĩa lập đồn cản cự người Thượng, kêu gọi nhân dân trở về cày cấy vừa ổn định dân tâm vừa làm lợi cho quân khố. Rồi đến thời kỳ liên tiếp xảy ra những biến cố lớn, triều ta bị khốn đốn. Họ Trịnh xâm chiếm kinh đô Phú Xuân, nhà Tây Sơn nổi lên. Quốc gia hữu sự, không ai lo việc cản phá, người Thượng lại nhân thế tràn xuống đuổi dân ta đi, chiếm lấy đất, thậm chí chúng còn dám lấn tới đại cổ lũy, có nơi chúng tự ý định lại cương giới, biến cả phân nửa đất đai vùng người Kinh ven núi thành của người Thượng.

Năm Gia Long nguyên niên (1802), người Kinh đến xứ Thượng buôn bán về cho biết còn thấy ở đó vườn rẫy, mồ mã của người Kinh. Người Thượng cứ tiếp tục gây nên bao chuyện rắc rối ở hạt ta.

May là vua Thế Tổ Cao hoàng triều ta đã phái tướng dẫn quân đi chinh phạt người Thượng. Lại ghét vì bọn người hung ác, nhất quyết không để mất một tấc đất vào tay chúng. Triều đình lại cho phép xây dựng Trường Lũy để ngăn ngừa tình trạng xâm biên gây rối. Bắt đầu từ đó, phía tây Trường Lũy là xứ Thượng vậy.

## XỨ THƯỢNG CƠ NĂM

*Trong số 18 sách Thượng ở cơ Năm thì đã hoang phế 2 sách còn lại 16 sách.*

*(Sách của người Thượng tương đương đơn vị ấp, thôn của người Kinh)*

Tây giáp núi Lô, đông giáp Trường Lũy, nam giáp núi Khô Thạch (*Thường gọi là dốc Đá Khô*) địa phận của người Thượng Nước Trong, Nước Đục thuộc Bình Định, bắc giáp núi Hoàng thuộc xứ Thượng cơ Ba. Đất đai xứ Thượng cơ Năm thì rộng, nhiều núi non, song người thì ít. Nơi đây chỉ thấy cỏ tranh hoang dại dày đặc mà thôi.

1. Làng Huy, 2. Làng Lui, 3. Làng Gia, 4. Làng Quách, 5. Làng Diêu, 6. Con Tra, 7. Con Liệt, 8. Con Liêu, 9. Con Giác, 10. Con Giêng, 11. Trại Luy (*đã hoang phế*), 12. Thiếu Lung Thượng, 13. Thiếu Lung Hạ, 14. Nước Diệp, 15. Nước Đàng, 16. Đồng Trâm, 17. Nhiễm Lam (*đã hoang phế*), 18. Đồng Rào.

### XỨ THƯỢNG CƠ BA

*Trong số 25 sách Thượng ở cơ Ba thì đã hoang phế 2 sách còn lại 23 sách.*

Tây giáp thượng lưu sông Lê thuộc xứ Thượng Nước Li Thanh Cù thuộc cơ Sáu, đông giáp Trường Lũy, nam giáp núi Hoàng, bắc giáp chân phía đông núi Cao Muôn. Đất đai rộng mà nhân khẩu đông đúc, ruộng lúa nước cũng nhiều, núi non thì ít.

1. Con Long, 2. Con Giai, 3. Nước Năng, 4. Đồng Mít, 5. Đồng Cọp, 6. Con Nhỏ, 7. Đồng Rông, 8. Con Thít, 9. Nước Ré, 10. Đồng Mộc, 12. Đồng Dung, 13. Đồng Dâu, 14. Con Cua, 15. Đồng Trù, 16. Linh Mô, 17. Đá Bàn, 18. Đồng Lém, 19. Cười La, 20. Làng Mang, 21. Con Nhai, 22. Nước Xuy, 23. Nước Tô, 24. Trà Nô, 25. Nước Vàng (*đã hoang phế*), 25. Xà Ấm (*đã hoang phế*).

## XỨ THƯỢNG CƠ NHỨT

*Trong số 19 sách Thượng ở cơ Nhứt, thì 1 sách đã hoang phế, còn lại 18 sách.*

Tây giáp núi Tô, đông giáp Trường Lũy, nam giáp núi Cao Muôn, bắc giáp núi Điều. Đất rộng người đông, ruộng nhiều núi ít, nhưng có phần kém hơn xứ Thượng cơ Ba..

*1. Nước Tố (đã hoang phế), 2. Nước Tru Nội, 3. Nước Tru Ngoại, 4. Nước Gia Nội, 5. Nước Gia Ngoại, 6. Làng Y, 7. Thuộc Vinh Nội, 8. Thuộc Vinh Ngoại, 9. Làng Tương, 10. Làng Trang, 11. Nước Nhĩ, 12. Làng Ôn, 13. Nước La, 14. Mang Linh, 15. Nước Sung, 16. Nước Lung, 17. Làng Ó, 18. Làng Xênh [揜], 19. Làng Giá.*

## XỨ THƯỢNG CƠ NHÌ

*Có 23 sách Thượng tại cơ Nhì.*

Tây giáp các sách người Thượng Nước Li, Làng Dục, Làng Trinh, Tà Ma đổ xuống núi Tăng, đông giáp Trường Lũy, nam giáp Điều lĩnh, bắc giáp núi Nông. Đất rộng, người đông, ruộng nhiều núi ít, tương đương với xứ Thượng cơ Nhứt .

*1. Gò Viên, 2. Làng Chinh Trung, 3. Làng Chinh Hạ, 4. Làng An, 5. Làng Giang, 6. Làng Sơn, 7. Làng Mâu.*

*Xứ Minh Long có:*

*8. Làng Chung, 9. Làng Khuê, 10. Làng Mị, 11. Làng Giáp, 12. Làng Đố (𡗗).*

*Xứ Suối Tía có:*

13. Làng Tà, 14. Làng Liên, 15. Làng Lá, 16. Làng Dật (逸),  
17. Đá Bạc, 18. Đèo Gấp, 19. Nước Nhiêu, 20. Làng Cam, 21.  
Làng Vong, 22. Làng Môn, 23. Làng Trê.

### XỨ THƯỢNG CƠ TƯ

*Có 14 sách tại xứ Thượng cơ Tư.*

Tây giáp suối Tía thuộc sách Thượng Làng Cam ở cơ Nhì, đông giáp Trường Lũy, nam giáp núi Đốc Công, bắc giáp vũng Thanh Đình thuộc sách Làng Sâm ở cơ Sáu. Ruộng ít, người thưa, ước chừng bằng nửa cơ Nhì mà thôi.

1. Hồ Biều, 2. Lợi Nhỏ, 3. An Ngự, 4. Khoáng Con, 5. Làng Luyện, 6. Xà Uân, 7. Cười Nhiêu, 8. Làng Tối, 9. Cười Lãng, 10. Nước Tinh, 11. Làng Môi Thượng, 12. Làng Môi Hạ, 13. Làng Nông Thượng, 14. Làng Nông Hạ.

### XỨ THƯỢNG CƠ SÁU

*Trong số 93 sách của nguồn Thanh Cù, 29 sách ở bờ nam sông Trà Khúc trở về phía tây, 41 sách ở bờ bắc trở về phía tây,*

*8 sách đạo La Thu,*

*13 sách nguồn Thanh Bông*

Tây giáp núi của các sách Thượng Ba Nam, Cười Dong, đông giáp Trường Lũy, nam giáp núi Tô thuộc sách Thượng Nước Tô ở cơ Ba, bắc giáp núi Cú Xi thuộc xứ Thượng Quảng Nam. Nói chung thì nguồn Thanh Cù đất nhiều người đông, còn nguồn Thanh Bông thì núi nhiều người ít. Căn cứ vào đất đai, nhân khẩu mà nói thì cơ Sáu đất rộng người đông là một cơ tối quan trọng về công tác Tĩnh man ở Quảng Nghĩa.

Xứ Phương Đá thuộc nguồn Thanh Cù, thượng lưu phía nam sông Trà Khúc có các sách người Thượng là:

1. Làng Biều, 2. Khoáng Cân, 3. Tầm Rau, 4. Làng Tru, 5. Cười La, 6. Làng Sâm, 7. Gò Đôn, 8. Bà Nùng, 9. Làng Cơ, 10. Làng Triêng, 11. Làng Trá, 12. Xà Y, 13. Làng Mọn, 14. Làng Ngung, 15. Làng Phúc, 16. Bò Trào, 17. Tà Giao, 18. Tà Bản, 19. Làng Phở, 20. Làng Á, 21. Tì Bi, 22. Làng Triêng, 23. Làng Cao, 24. Mô Ô, 25. Cười Tu Trôi, 26. Làng Chay, 27. Tà Ma, 28. Làng Dục.

Xứ Vững Dận, thượng lưu phía bắc sông Trà Khúc về có các sách Thượng:

1. Khoáng Von, 2. Xà Nay, 3. Làng Nham, 4. Làng Lèn, 5. Anh Lộc, 6. Khoáng Khay, (từ sách này có một con đường đi theo hướng tây bắc) 7. Kỳ Vĩ, 8. Viên Trường, 9. Mạc Bơi, 10. Xã Trạch, 11. Làng Lận, 12. Tà Man, 13. Di Lãng, 14. Tà Mâu, 15. Làng Mông, 16. Làng Mãi, 17. Làng Ngải, 18. Làng Miên, 19. Làng Na, 20. Làng Sơn, 21. Giả Đạo.

Về phía tây sách này theo đường bờ sông có các sách:

22. Đông Thành, 23. Làng Lê, 24. Làng Giây, 25. Làng Trăn, 26. Làng Con, 27. Làng Rào, 28. Làng Cam, 29. Làng Lách, 30. Làng Len, 31. Làng Mông, 32. Làng Sáu, 33. Làng Phàm, 34. Xà Tốt, 35. Làng Luyện, 36. Bò Na, 37. Làng Bỏ, 38. Mang Biều Thượng, 39. Mang Biều Hạ, 40. Làng Mản,

Xứ Điểm giang (đạo La Thụ) các sách Thượng là:

1. Tổng Tuấn, 2. Lội Trăm, 3. Cười Du, 4. Sá Ly, 5. Trà Ngon, 6. Trà Cú, 1. Trà Hữu, 8. Trùm Bện.

Xứ Đình Siêu (Thanh Bồng) các sách là:

1. Thụ Giác, 2. Trà Canh, 3. Tham Chông, 4. Làng Mướp, 5. Đình Do, 6. Trà Vông, 7. Đình Dung, 8. Đình Nhuận, 9. Giang Kỳ, 10. Đình Nhưong, 11. Suối Cầu.



# ĐƯỜNG SÁ XA GẦN

Người Thượng sống nơi rừng núi, trùng điệp đồi khe, đường sá nhiều nhánh, nhiều lối vô cùng lạ lẫm nguy hiểm. Người làm tướng đem quân đi đánh dẹp người Thượng, cần phải biết rành nơi nào xa, chỗ nào gần, đâu là chốn nguy hiểm, đó là sách người Thượng nào. Được như thế rồi, cộng với việc điều binh đúng phép tắc nữa thì không có gì phải lo ngại nữa cả.

## ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ NĂM

Một con đường từ bảo Huân Phong vượt Trường Lũy đi theo hướng tây qua khỏi sách Thượng Nhiễm Phong (*nay đã hoang phế*), leo lên núi rồi đi trong rừng cây theo hướng bắc qua khỏi chòm đá hai hòn Tiễn Xuyên Mễ Sương thì tới núi Sa Lung (*thường gọi là dốc Dẽ*), hết nửa ngày.

Một con đường từ bảo Xuân Sơn, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây qua khỏi hai sách Đồng Trâm, Nước Đàng, lại qua khỏi núi Sa Lung, thì đến hai sách Sa Lung Thượng, Sa Lung Hạ, lại leo núi đi qua khỏi sách Tắc Luy, thì tới núi Ma Bàn (*thường gọi là Giang Sai*), mất hơn nửa ngày.

Lại có một con đường từ sách người Thượng Sa Lung Hạ, đi theo hướng nam qua khỏi một hòn núi đất, một con suối rồi đi theo bờ phải con suối ấy thì tới sách người Thượng Nước Rệp hết 3 canh giờ. Sách Thượng này thuộc Bình Định.

Một con đường từ bảo Liệt Sơn thuộc cơ này, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây rồi chuyển theo hướng bắc qua khỏi sách

Thượng Nước Đàng, tới chân phía tây núi Hốt Hòa, leo lên dốc Chi rồi đi theo hướng tây bắc thì tới sách Sa Lung Thượng, hết nửa ngày.

Một con đường từ bảo Phú Nhơn của cơ này, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây nam leo lên núi Thạch Quan (*thường gọi là dốc Đá Mông*), leo qua dốc Cọng, rồi qua núi Ma Bàn thì tới sách Thượng Con Giác, lại qua khỏi núi Liễu, núi Thạch Tiền (*thường gọi là dốc Đá Dương Ngồi*), thì tới các sách Làng Lui Làng Huy, nửa ngày cũng. (*có những khi quan binh đi chinh tiêu trú ngụ tại đây*).

Lại, từ đó đi qua khỏi núi Lôi thì có hai con đường, một đường từ trên núi đi theo hướng tây, vượt qua hai trùng núi cao, đi xuyên rừng khoảng mấy ngàn trượng, rồi đi xuống một con suối, từ suối đi theo hướng nam lại leo lên một hòn núi đất đến thượng lưu của Nước Nục thì đến Làng Gầm, thượng lưu của nguồn Ba Tơ thuộc cơ Ba, hết một ngày cũng. (*xứ này ở trên sách Nước Nục, ở dưới sách Nước Lý. Niên hiệu Tự Đức thứ 19 – 1865, ta trú quân tại đó một đêm, cực kỳ hiểm ác*). Lại từ đó đi theo hướng tây nam thì đến sách Đinh Tròn thuộc Nước Lý, hết nửa ngày đường.

Một con đường từ trên núi Lôi đi theo hướng bắc hết hai canh giờ thì gặp một con suối, lại leo lên một ngọn núi đến xứ người Thượng Nước Nục, nguyên một ngày đường nữa. Niên hiệu Tự Đức thứ 23 (1869), mới có con đường này.

Một con đường từ chỗ người Thượng Làng Trôi, theo đường trên núi đi theo hướng bắc, lại đi xuống một con suối, băng rừng thì đến sách Đinh Dư thuộc Nước Năng nguồn Ba Tơ, còn đi theo hướng bắc qua khỏi núi Hoàng, núi Thiên Nhũ băng rừng đi theo hướng tây thì tới chỗ người Thượng Thượng Âm, rồi đến đồn điền Vực Rằm, hết nửa ngày đường.

## ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ BA

Một con đường từ đồn điền Vực Răm, vượt Trường Lũy qua khỏi chỗ người Thượng Đà Âm, leo lên núi theo hướng nam, qua khỏi các sách Thượng Con Long Con Tra, Con Ve thì đến chỗ người Thượng Làng Lui thuộc cơ Năm, hết một ngày đường.

Lại có một con đường từ đồn điền Vực Răm qua khỏi núi Độ Tác (*thường gọi là đóc Yết*) thì tới chỗ người Thượng Con Giai, hết hai canh giờ.

Một con đường từ đồn điền Hạch Ôi, leo lên núi rồi đi theo hướng nam tới núi Thiên Nhũ, rồi đi theo đường núi thẳng về hướng nam thì tới các sách Thượng Con Lệt, thuộc cơ Năm, hết nửa ngày đường. Song lộ trình này không nơi lấy nước uống được, phải mang nước theo dùng.

Một con đường từ bảo Thạch Tượng (*mới xây dựng vào niên hiệu Tự Đức thứ 18 - 1864*), đi theo hướng tây nam qua khỏi bảo Hành Thuyền băng rừng đi tới phé bảo Bình An, hết nửa ngày đường.

Một con đường từ bảo Thạch Tượng đi theo hướng bắc, qua khỏi Hạch Cây, Ô Long, rồi quẹo đi theo hướng tây qua khỏi núi Bạc Trúc (*thường gọi là đèo Nứa*) thì tới chân phía nam núi Vạn Niên, rồi theo phía sau Trường Lũy đi theo hướng nam qua khỏi Thạch Bi thì tới phé bảo Bình An, hết hai canh giờ.

Một con đường từ bảo Kỳ Chính của cơ này đi theo hướng tây qua khỏi núi Thạch Lũy (*thường gọi là đèo Đá Chác*). Từ phía sau Trường Lũy đi theo hướng tây nam qua khỏi phé bảo An Phong, rồi đi theo hướng bắc thì tới bảo Thạch Tượng, hết hai canh giờ.

Lại có một con đường từ bảo An Phong, đi theo Trường Lũy qua khỏi phé bảo Xuân Linh, rồi qua khỏi đồn điền Vực Răm đi theo hướng tây qua khỏi núi Huyện Nhu thì đến phé bảo Bình

An, hết bốn canh giờ. Lại từ phé bảo ấy, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây nam qua khỏi đôn, rồi chuyên đi theo hướng nam qua khỏi núi Luy Khê Lâm (*thường gọi là núi Lợi Luy Đèo Lâm*) thì đến sông Ba Tư. Phía tả ngạn sông này là các sách người Thượng Con Long, Con Giai, Nước Năng. Phía hữu ngạn là các sách Thượng Đồng Dâu, Con Cua, tới bảo Hoàng Ngư hết nửa ngày đường. Lại từ đó, vượt sông đi theo hướng tây qua khỏi các sách Đồng Trù, Đá Bàn, Con Nhai, Nước Tô, lại qua khỏi núi Tô Sơn thuộc cơ Ba, đường đi theo bờ sông Lê ở thượng lưu, tới núi Ba Nam, hết một ngày đường. Đó là vùng của người thượng Nước Li Thượng thuộc cơ Sáu.

Một con đường từ bảo Hoàng Ngư vượt sông rồi đi theo hướng bắc leo lên núi Đồng Trù, từ đường trên núi đi tới sách người Thượng Linh Mô, hết nửa ngày đường.

Lại từ trên núi ấy đi theo đường bên cạnh núi theo hướng đông bắc qua khỏi núi Cao Muôn, lại đi xuống suối Tố Thủy thì tới các sách Thượng Nước Tố, Nước Tru Ngoại, hết nửa ngày đường.

Lại từ sách Thượng Nước Tố Thượng ở trên núi, đi theo hướng bắc thì tới sách Thượng Nước Gia, hết ba canh giờ. Lại từ sách Nước Tố Thượng ở trên núi đi theo hướng nam thì tới sách Đồng Mộc, hết hai canh giờ.

Một con đường từ sau sách Đinh Luyện, băng núi mà đi có ba đường, một đường theo hướng tây bắc đi đến sách người Thượng Cười Tu xứ Nước Li, trong vòng nửa ngày, rất hiểm ác, một đường theo hướng đông bắc đi qua núi Linh Mô đến núi Nước Gia, trong vòng một ngày, một đường theo hướng bắc đi đến núi Nước Nhảy, một ngày đường cứng.

Một con đường từ bảo Hoàng Ngư vượt qua núi Con Nhỏ, hết một ngày cứng.

Một con đường từ bảo Hoàng Ngự vượt qua sông Con Nhỏ theo hướng tây nam đi qua Nước Nục, đến sách Thượng Nước Ré, hết một ngày đường.

Một con đường từ tả ngạn sông Ba Tư theo hướng bắc đi qua núi Tỳ Muội, thác Tỳ Muội (*thường gọi là núi Chì, núi Em, thác Chì thác Em*), qua sách Nước Tổ, xuống núi đi qua sách Nước Tru Ngoại đến Na giang (*thuộc xứ Thượng cơ Nhứt*), hết nửa ngày đường.

## ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ NHỨT

Một con đường từ bảo Đại Lai của cơ này, vượt qua sông Vê, qua khỏi bảo An Đình thuộc cơ Nhì, vượt Trường Lũy leo lên núi Hắc Thạch (*thường gọi là dốc Đá Diên*). Đi theo đường trên núi về hướng tây nam qua khỏi sách Nước Lá, người Thượng Làng Y, bảo Y Xuyên, hết nửa ngày đường.

Một con đường từ Trường Lệ, rời từ phía sau Trường Lũy đi theo hướng nam qua khỏi núi Vạn Niên thì đến phế bảo Bình An, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây nam qua khỏi đồn Bài Lộ Loa, bên Bôn giang thì đến gò Quy Bồi, một ngày đường. (*phía tây gò này là núi Cao Muôn*), lại từ gò này đi theo hướng bắc qua khỏi bên Nã giang, núi đất Bộc Thảo, bên Gia Thủy, đến bảo Y Xuyên, cũng hết nửa ngày đi đường.

Lại có một con đường từ bảo Y Xuyên đi theo hướng bắc, bên trái là Thuộc Vinh Ngoại của người Thượng Làng Y, bên phải là các sách người Thượng Nước Sung, Nước Chiệp, qua khỏi rừng Lộc thì đến Thuộc Vinh Nội, Làng Trang, rồi đến núi Điều (*thường gọi là đèo Eo Chim*), (*chân phía bắc núi này thuộc xứ Thượng cơ Nhì*). hết nửa ngày đi đường.

Lại có một con đường từ Làng Giá leo lên núi, băng rừng đi theo hướng tây bắc thì tới sách Làng Sanh Đinh Tranh Đinh Trê, hết nửa ngày đường.

Lại có một con đường từ xứ Thượng ấy, băng núi đến sách Tà Ma Mạc Ô thuộc Nước Li, một ngày đường (*thuộc cơ Sáu đường đi rất hiểm ác*), lại có con đường từ xứ ấy, băng núi theo hướng tây đến Nước Lụa, nửa ngày đường. (*thuộc cơ Nhì đường đi rất hiểm ác*)

Một con đường từ xứ Thuộc Vinh Ngoại vượt bến Thuộc Vinh Ngoại rồi đi theo hướng tây bắc đến sách Nước Nhĩ, nửa ngày đường.

Lại có một con đường từ xứ ấy băng qua núi đi theo hướng tây đến sách Nước Li của người Thượng Cười Tu, một ngày đường. (*thuộc cơ Sáu, đường đi rất hiểm ác*).

## ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ NHÌ

Một con đường từ bảo Nghiã Sơn thuộc cơ Nhì, vượt Lũy đi theo hướng tây, qua khỏi các địa điểm Gò Viên (*Trần Quận công triều Lê xây đồn ở đó, di chỉ vẫn còn*), Điền lĩnh (*thường gọi là Dốc Đén*), núi Tiêm Thạch, Gò Ngải, Hạch Lỗi, Đồng Đại, rồi chuyển đi theo hướng nam đến bảo Minh Long, nửa ngày đường.

Phía tây xứ ấy thuộc xứ Thượng Làng Nông ở cơ Tư (*tháng 8, niên hiệu Tự Đức thứ 18 -1864, cho tu bổ bảo ấy*). Lại từ bảo Minh Long theo hướng nam đi qua khỏi sách Làng Mâu thì đến núi Ó hết nửa ngày đường (*chân phía nam núi ấy thuộc cơ Nhứt*).

Một con đường từ bảo Minh Long vượt suối Tía, đi qua hai sách người Thượng Làng Lằm, Làng Vong, đến núi Ông Hồ (*thường gọi là đèo Gáp*) thuộc Nước Nhiêu, nửa ngày đường. Lại có một con đường từ núi ấy, băng qua núi theo con suối đi về hướng tây qua khỏi sách của Đinh Môn, Đinh Trê thì đến Nước

Li, tới các xứ người Thượng Làng Dục, Làng Trinh, Tà Ma, hết hai ngày đi đường. (*đường đi rất hiểm ác*).

Một con đường từ bảo Hưng Nhơn thuộc cơ này, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây, qua Suối Chích, đến hai sách Thượng Làng Chính Hạ, Làng Chính Trung rồi đến bảo Minh Long, nửa ngày đường (*đường đi rất hiểm ác*).

### ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ TƯ

Một con đường từ bảo Tú Lâm của cơ này, (*mới xây vào niên hiệu Tự Đức thứ 17-1863, đến niên hiệu Tự Đức thứ 21-1867 đổi thành Đại bảo thứ ba*), vượt Trường Lũy đi theo hướng tây nam, qua khỏi các sách Thượng Làng Tỏi, Cười Lăng, Làng Môi thuộc xứ Xà Uân thì đến sách Làng Nông, hết nửa ngày. Xứ ấy giáp bảo Minh Long thuộc cơ Nhì.

Một con đường từ sách An Ngự, leo lên núi Mã Tiên, đi theo hướng bắc, qua các sách Làng Luyện, Làng Sâm, Làng Tru, vực Thanh Đinh thì đến sách Tầm Chử thuộc cơ Sáu, một ngày đường (*đường đi rất hiểm ác*).

### ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ SÁU

Một con đường từ bảo Thạch Phong thuộc cơ này, vượt Trường Lũy rồi theo bờ nam sông Nham đi về hướng tây, qua Phương Đá, Làng Bào, vượt thác Đại Hoán (*thường gọi là thác Cáu*), Khoáng Cân, Cười La, rồi vượt thác Đại Hiêm (*thường gọi là thác Kỳ*), qua Gò Đồn, Tầm Linh (*thường gọi là Làng Kỳ*), Làng Rinh đến núi Yêu (*thường gọi là đèo Yêu, còn gọi là đèo Nghiệt*), hết một ngày đường.

Lại có một con đường từ núi Yên, theo bờ đông sông Lê theo hướng nam đi qua các sách Làng Trá, Xà Y, Làng Mọn, Làng Ngung, Làng Phúc, Bò Trào, Tà Giao, Tà Tham, Làng Lỗ, Làng Á, Từ Bi, Tà Ma, Làng Dục (*Xứ này có một bảo bả phế, tục truyền vào triều Lê [Bùi Tá Hán, Nguyễn Bá Quỳnh, Nguyễn Hoàng] quan binh trú quân tại đó*), Làng Rinh, Làng Tung, Mô Ô, đến sách Cười Tu hết một ngày đường. (*Niên hiệu Tự Đức thứ 20 - 1866, ta trú binh tại đó, tương truyền người Thượng ở đó vốn là người Kinh, sinh sống lâu đời thành người Thượng*).

Lại có một con đường từ nguồn đó đi về phía nam qua sách Thượng Làng Chay, đến Ngã Ba hết nửa ngày đường. Ngã Ba gồm một nhánh đường dẫn về hướng nam đến thượng lưu sông Lê thuộc xứ Thượng tỉnh Bình Định, một nhánh đường dẫn về hướng đông đến sách Thượng Nước Tô thuộc cơ Ba, một nhánh đường dẫn về hướng tây leo lên núi Ba Nam đến sách Ba Nam, ước chừng nửa ngày đi đường.

Lại có một con đường từ xứ Thượng ấy đi theo hướng tây qua các sách Con Lai, Con Lãng tiếp giáp đường Thượng Lộ, nửa ngày đường. (*Đường Thượng Lộ này nghe nói do Nguyễn Diệu thời Tây Sơn mở ra từ phía bắc xứ Thượng Bình Định đến tận Ai Lao*).

Một con đường từ bảo Tuấn Mã của cơ Sáu, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây qua các xứ Khoáng Khay, Kỳ Vĩ, Viên Trường, Xã Trạch, Mạc Bơi, Làng Lận, qua khỏi núi Tà Mang đến sách Di Lăng, một ngày đi đường. (*Vào 2 năm niên hiệu Tự Đức thứ 19 - 1965, 20 - 1866 ta trú binh tại đó*).

Lại có một con đường từ xứ Thượng ấy đi theo hướng tây nam, vượt sông Mông ở thượng lưu, qua khỏi Làng Mông, hết nửa ngày đi đường.

Lại có một con đường từ xứ Thượng ấy đi theo hướng tây bắc, qua Làng Mãi, Làng Thù đến sách của người Cười Dong hết.



hai ngày đi đường. Chỗ này tiếp giáp núi rừng xứ Thượng tỉnh Quảng Nam.

Lại có một con đường từ sách Làng Mông đi theo hướng nam, qua các sách Làng Miên, Làng Na, Làng Sơn Bốc Trích, qua khỏi Tang Châu (*Xứ này nghe đồn là trước kia người Kinh ở, nay còn lại các cây dâu tằm, song không rõ là vào triều đại nào, thường gọi nơi này là Bãi Dâu*), vượt sông Xà Lộ qua khỏi Làng Trần, Làng Con hết nửa ngày đường. (*Vào 2 năm niên hiệu Tự Đức thứ 19, 20 -1865, 1866, ta trú binh tại đó*).

Lại từ xứ Thượng ấy theo bờ tây sông Lê đi về hướng nam qua các sách Thượng Làng Rào, Làng Cam, Làng Lịch, Làng Lèn, Di Uông, Làng Sường, Làng Phàm, Xà Tốt, Làng Luyện, Bò Na, Làng Bỏ, qua khỏi sách Ba Sám, Mang Biều Hạ, một ngày đi đường.

Lại từ Mang Biều Hạ, qua khỏi các sách Nước Mạn, Đinh Bướm, Đinh Mùng đến Mang Biều Thượng, qua khỏi chân núi Ba Nam, đến đầu nguồn sông Lê giáp xứ Thượng Bình Định, một ngày đường.

Một đường từ bảo Thạch Đầu Bàn của cơ này, vượt Trường Lũy, qua khỏi hai sách Gò Kỳ, Suối Cầu, leo lên núi Lớn đi theo hướng tây bắc qua khỏi chân phía nam núi Bà thì đến Ngã Ba Làng Lận, một ngày đường.

Lại từ xứ Thượng này đi theo hướng tây bắc qua khỏi chân phía nam núi Ông thì đến hai sách Cười Gió Nhỏ, Cười Gió Lớn, một ngày đi đường. Tại đây thấy là nơi tạp cư vì nhà ở của hai sách Thượng Cười Dong, Cười Gió lẫn lộn chen nhau, tiếp giáp núi non xứ Thượng Thanh Bồng, Trà Quân.

Một con đường từ đạo Công Cang La Thụ của cơ Sáu, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây bắc qua khỏi Suối Trăm thì đến các xứ Trà Ngon, Trà Cú, leo lên núi Tinh đến sách Cười Giác, hết một ngày đi đường.

Một con đường từ bảo An Viên, nguồn Thanh Bồng thuộc cơ này, theo bờ sông đi theo hướng tây qua khỏi núi Cú Xi thì hết một ngày đường (*Tháng 3, niên hiệu Tự Đức thứ 20 - 1866, ta trú binh tại nơi đó*).

Một con đường từ chân phía nam núi Cú Xi đi từ sông Hà Nang theo hướng tây bắc đến sách Thượng Bồ Nô, một ngày đường.

Lại từ sách Thượng ấy đi theo hướng tây bắc đến đầu nguồn Ba Hương núi Tê Hoa tỉnh Quảng Nam hết một ngày đường.

Một đường từ phía nam miếu Thái Dương thôn Xuân Mỹ, theo đường núi Nan đi theo hướng tây bắc qua khỏi các sách Thượng Cười Giác, Tham Lung thì đến núi Trà Quân, một ngày đường.

Lại từ núi của người Thượng Cười Giác đi theo hướng nam qua khỏi núi Tinh Sơn thì đến sách Thượng Trà Ngon thuộc đạo La Thu, một ngày đường.

Một đường từ chân phía nam núi Cú Xi theo sông Hà Nang đi về hướng tây bắc thì đến sách Thượng Bồ Nô, hết một ngày đi đường.

Một đường từ chân phía tây núi Trà Quân qua khỏi sách Thượng Cười Dong, theo đường núi đi về hướng nam thì đến sách của người Thượng Cười Gió, một ngày đi đường.

Lại từ con đường núi xứ Thượng ấy, theo con đường núi đi về hướng nam đến xứ Thượng Di Lăng thuộc nguồn Thanh Cù, hết một ngày đi đường (*Đường đi rất hiểm trở*).

## PHONG TỤC CỦA NGƯỜI THƯỢNG QUẢNG NGHĨA

Con người ta dù ở bất kỳ phương nào cũng đều có tính người, nhưng phong tục mỗi nơi mỗi khác, người xưa đã từng nói thế. Người Thượng ở nơi miền núi hạt ta, sinh sống xa cách nhau đâu chỉ trong vòng ngàn dặm, nên nhìn chung có thể nhận ra phong tục của họ có những điểm bất đồng.

Nhìn chung, các nhóm người Thượng từ nguồn Thanh Cù trở về nam đến cơ Năm thì cơ bản cùng một phong tục. Còn các nhóm người Thượng từ đạo La Thụ trở ra bắc đến nguồn Thanh Bông thì có phong tục khác.

Tuy nhiên, cũng có tiểu dị trong đại đồng, đại để các nhóm người Thượng ở hạt ta đều lấy việc thắt dây (*kết thừng*) làm chứng cứ ràng buộc nhau, như thể là một loại văn tự. Họ đều ở nơi hang gò, quen gây gỗ đánh nhau, khi thua thì chịu ở nhỏ, khi mạnh thì sính kiêu nghịch, khó nghe khuyên làm điều tốt, dễ bị xúi làm chuyện bậy, vì thiên tính của họ là như vậy. (*Lời của Dương Hùng trong sách “Đồ thị thông điển”*). Quan chức phụ trách việc người Thượng cần thiết phải tìm hiểu nắm cho kỹ phong tục của họ thì mới có thể giáo hóa họ được.

Theo tục lệ của họ thì họ chỉ biết cho con sơ sinh bú sữa mẹ mà không biết mớm thức ăn lỏng, khi lớn biết ăn thì cho ăn cơm. Phụ nữ có con nhỏ đi đâu thì địu con sau lưng, còn khi làm việc cây gặt nặng nhọc thì treo con trên cành cây. Khi con biết đi thì lấy vải quấn từ lỗ rốn trở xuống làm khô cho con, tức như là quần vậy. Tóc thì từ nhỏ đến lớn cứ để tự nhiên chứ chẳng biết cắt cạo

gi. Râu cũng thế cứ để tự nhiên cho đến già. Nhưng răng thì mài cho mòn, cả nam lẫn nữ khi lớn lên đều dùng đá để mài răng cho thật đều mới cho là đẹp.

Người Thượng hạt ta có tục rất thích ăn trâu còn hơn cả người Kinh, nên hàm răng của họ đều thâm đen mà cứng cáp. Cha mẹ già thì chia tài sản cho các con, không phân biệt nam nữ, tất cả đều có phần bằng nhau, kể cả phần của cha mẹ, chỉ con trưởng và con út thì phân chia hơi trội hơn chút đỉnh. Sau khi chia gia tài rồi thì phân ai bếp nấy, không phụ trợ gì nữa cho những người kia, dù là cha mẹ anh chị em với nhau cả. Người nam nào dữ dằn hung hãn thì được mến mộ. Trong một làng hoặc một xứ, nhân vật nào có sức mạnh và can đảm thì được mọi người kiêng sợ và được mọi người tôn làm chỉ huy.

Khi có việc tranh chấp với ai, tức thì họ lấy dao đâm vào đùi cho ra máu để tỏ là mình gan dạ. Họ làm như thế thì giải quyết vụ việc, tạo sự hòa hảo, còn nếu chưa xong thì họ cạy đến cách khác, như cách lấy than đang đỏ lửa đặt lên vế hoặc để trên lòng bàn tay, người nào mặt không đổi sắc thì được cho là người gan dạ. Con gái tuyển chồng phần lớn họ cũng chọn những chàng trai gan dạ.

Khi họ tính kéo nhau đi đánh cướp nơi nào thì người gan dạ và có vật lực giết gà lấy chân xem bói thấy là tốt (cát) thì chọn một khoảnh đất trống nào đó, dựng một cây cột bằng cây gỗ tươi, trói một con trâu vào cột rồi hô gọi người cả sách lại làm lễ đâm trâu ăn thề.

Đến ngày khởi sự, người chủ mưu là người ném một viên đá đầu tiên vào chân cây cột trâu, rồi lần lượt những người khác ném mỗi người một hòn đá, để biết số người tham gia nhiều ít. Đến khi đi cướp xong trở về, họ đếm số lượng đá để biết số người còn mất so với số người đã uống máu ăn thề đồng lòng đi cướp vụ đó.

Hoặc đến mùa lúa chín vàng, họ bói chân gà xem thấy tốt thì mới đi gặt lúa. Họ lại bói chân gà để chọn lúa giống rồi lấy riêng ra cất vào kho, không để trâu bò giẫm phải, vì họ tin rằng trâu bò giẫm lên thì mầm lúa không chịu mọc. Số lúa còn lại cho trâu bò đập rồi hột ra rồi chắt vào chòi lúa đã được dựng sẵn tại ruộng hoặc trong núi. Tuy là bọn gian ác đi nữa cũng không bao giờ dám trộm lúa cất nơi các cái chòi lúa không người trông ấy, vì tục người Thượng phạt rất nghiêm. Khi họ cần gạo ăn, thì họ lại bói chân gà mở kho rồi mới mở để phụ nữ vào kho lấy lúa đem về giã làm gạo nấu cơm. Thường họ chỉ lấy lúa về đủ dùng trong vài ba ngày mà thôi, ăn hết thì phụ nữ đến lấy tiếp. Họ chỉ biết giã lúa rồi sảy lấy gạo chứ họ không biết xay lúa thành gạo rồi mới giã gạo cho trắng như người Kinh làm.

Bản tính của người Thượng rất mạnh động, đôi thì muốn có cái ăn, nếu không được thỏa thì rú nhau đi làm bậy.

Nói chung, người Thượng kiệt kiệt nhất là người ở cơ Nhứt. Trong số người Thượng cơ Nhứt thì đứng đầu là người Làng Y, Nước Tố, Nước Tru, Nước Gia. Thứ đến là người Thượng ở cơ Nhì, cơ Ba, rồi tới người Thượng ở cơ Tư và cơ Năm, sau cùng là người Thượng nguồn Thanh Cù ở cơ Lục. Rốt lại, chỉ có hai xứ người Thượng La Thụ Thanh Bồng ở cơ Lục là biết nghe lời hơn hết. Trong số các sách Thượng cơ Nhứt thì Làng Y, Nước Tố, Nước Tru, Nước Gia cứ đến cuối năm thì kéo nhau đi cướp phá làng xóm người Kinh vùng ven núi.

Người Thượng hai xứ La Thụ Thanh Bồng chỉ biết an phận, cả nam lẫn nữ đều xỏ lỗ tai, nhưng nữ thì xỏ lỗ tai thật to, bó chân bằng thổ cẩm rất đẹp. Họ sợ nhất là người Thượng Cười Dong, họ cũng sợ quan binh của ta. Mỗi khi gặp, họ đều xưng hô khiêm tốn rất dễ thương. Người Thượng Cười Nam ở trên vùng cao phía tây thì không ăn trâu nên răng họ màu còn trắng, nhưng họ lại bẻ đi hai cái răng cửa phía trước, họ để tóc thả dài trước trán không biết vấn lại hoặc cắt cho gọn. Cả nam nữ đều như thế cả, họ rất thích ăn thịt sống. Thật khó gần được họ kể cả những

người đã quy hàng ta. Đặc biệt tầng lớp bên trên trong xã hội người Thượng, tuy người tốt người xấu không như nhau, nhưng thấy đều phác thực. Khi quan sát họ trao đổi đồ vật với người Kinh, có khi họ cũng hét giá trên trời nhưng nhất định họ không bao giờ chịu hai giá. Thánh nhân từng dạy ta rằng không nên tin người Thượng, chẳng là sai lắm sao!

## NGÔN NGỮ

*(Tiếng Thượng từ nguồn Thanh Cù trở về nam) như sau:*

Trọc: trời. Nhĩ: đất. Trọc ngã: trời sáng.

Mặt Hi: mặt trời. Mặt khô: mặt trăng.

Xà lang: sao. Diêu: gió. Tô: sấm. Tiết: tiếng sét to.

Bái : điện. Dục: mây. Mê: mưa. Tổ: nắng nóng.

Mặt hi tổ: trời nóng. Mặt khô ngã: sáng trăng.

Mặt khô trâm: không trăng. Mê căn: mưa. Mê dĩ: mưa rào.

Mê lý: mưa bay. Mê tổ: mưa phùn.

Mê xâm hi xâm mang: mưa suốt ngày.

Mọi xà năm: một năm. Mọi khô: một tháng.

Mọi [每夷] hi: một ngày. Bái hi [禮:phúc tốt]: hai ngày.

Đề hi: ba ngày. Phún hi: bốn ngày, Răm hi: năm ngày.

Tu hi: sáu ngày. Bỉ hi: bảy ngày. Thiêm hi: tám ngày.

Chung hi: chín ngày. Dật hi: mười ngày.

Mọi mang: một đêm. Bái mang [禮:phúc tốt]: hai đêm.

Đề mang: ba đêm. Phún mang: bốn đêm. Răm mang: năm đêm.

Tu mang: sáu đêm. Bỉ mang: bảy đêm. Thiêm mang: tám đêm.

Chung mang: *chín đêm*. Dật mang: *mười đêm*.

Thái số: *sáng sớm*. Xá trâm: *hoàng hôn*.

Hoảng [莫: vua chúa chết]: *núi*. Sơn viêt: *sông*. Quác liên: *nước sông*.

Quác kiết [戛]: *qua sông*. Kiết cân: *mưa lụt* [潦]. Tái kiết: *lạnh*.

Bồ phủ: *nóng*. Hạch côn: *cây cối*. Nhật: *cỏ*.

Cái xà côn: *bông hoa*. Di qua: *dây mây*. La gia: *cỏ tranh*.

Buộc [系卜] nga: *ông tổ*. Giá nga: *Bà tổ*. Bả: *cha*. Mỹ [媚]: *mẹ*.

Con: *con*. Trẻ [子幼]: *cháu*. Ô giá: *họ tộc*. Mỹ: *cô*.

Mét [不 trên 見]: *câu*. Giá: *anh*. Nhi: *em*. Giáp mai [枚]: *vợ chồng*.

Gốc [谷 bộ 木] đô: *trai*. Gốc di: *gái*. Di dang: *thiếp*.

Giáp mai: *cưới vợ*. Giáp ông: *lấy chồng*. Xà ôn: *sinh con trai*.

Xác [穀]: *tóc*. Xác kiên: *râu*. Xà nanh [穽]: *răng*.

Cổ xà nanh: *răng rụng*. Cái biên: *cái khó*. Cái yêu: *cái áo*.

Vải [罷布]: *vải*. Cái giáo: *cái giáo như ta gọi*. Bồ nanh: *cái ná*,

*nó*. Cái ngôi [梳]: *cái rương*. Cái độc [鬮]: *cây thương*.

Cái răng [齒麥]: *mũi tên*. Xà vực: *dao thiết câu*.

Cuốc [金國]: *cái cuốc như người Kinh*.

Búa [補]: *cái búa như người Kinh*. Chân: *cáo móc*.

Cái ngạc [罟]: *cái nôi*. Ngạc biều: *nôi đất*. Ngạc đồng: *nôi đồng*.

Ngạc biều cân: *nôi đất to*. Ngạc biều tổ: *nôi đất nhỏ*.

Bồ di: *cái chinh đất Tàu*. Khán: *cái chinh đất người Thượng*.

Cái nem [南 bộ 月]: *nhà ở*. Cái tầm [天 trên 虫 虫]: *cái chòi canh*.

Cái tầm mao: *cái chòi lúa*. Cái xà năng: *mộ*. Xà năng cười vô?:

*mộ này của ai?* Thái [祭 bộ 一]: *voi*. Dâm: *cũng là voi*.

Xá: *ngựa*. Cát: *cọp*. Bì: *rắn*. Cổ: *chó*. Miêu: *mèo như người Kinh*.

Chim: *chim như người Kinh*. Vô: *bò*. Chu: *heo*. Vi: *dê*. Y: *gà*.

Cá [𩺰]: cá. Mao: lúa. Hô: hạt lúa. Phi: gạo. Võ: muối.  
 Xà ra: than. Bò chan: mận. Lung bò niên: cây cau.  
 Bò niên: trái cau. Xà việt: dây trâu. Việt: lá trâu.  
 Lung xà reo: cây thuốc lá. Xà reo: lá cây thuốc lá. Tỏi: ong.  
 Xà doanh: sáp ong. Kiệt [𩺰] tỏi: mật ong.  
 Sầm vô: thịt trâu bò. Sầm chu: thịt heo. Sầm vi: thịt dê.  
 Sầm y: thịt gà. Cá sầm vô: ăn thịt gia súc gia cầm.  
 Bích vô: giết gia súc. Vu: ăn (com). Ninh việt: gánh nước.  
 Chung vu: nấu com. Ô kiệt: uống nước. Ô thắc [𩺰]: uống rượu.  
 Bò cốt [𩺰]: đói. Bò nặc: no. Ma diên cá: ngon [𩺰].  
 Xà mỗ [月馬]: Bào thai. Lam tha [𩺰] cá: câu cá. Tãng lâm: đánh  
 lưới. Trảo [𩺰] cây [其bộlỗ耒]: cày.  
 Trảo cát [割cát đứt]: gặt lúa [hoạch 穫]. Cá danh: ăn [𩺰] Tết [節].  
 Ưu: tôi, ta. Nô: mày. Nô lam lý?: mày đi đâu? Y buộc phù: Có  
 ông ta không? Ngộ: dạ, vâng.  
 Một công: một chục? Mọi doanh: một trăm.  
 Mọi doanh người [bộ彳得人]: một trăm người.  
 Mao nô lam phù?: Lúa mày tốt không?  
 Mọi sầm [𩺰]: một đình (thanh niên). Bái tổ: hai đình.  
 Cấp đề [𩺰đưới]: lay. Cấp giả phún dương: lay 4 lay.  
 Túc: phải bắt. Phù túc: không bắt. Túc con trôi: bắt người Kinh.  
 Bích trôi: giết người Kinh. Bích tung [𩺰]: giết Thượng. Trôi bích  
 tung: Kinh giết Thượng. Tung bích trôi: Thượng giết Kinh.  
 Chết [折死đưới] tổ ré tổ: chết vài người. Dục ti: từ dưới lên.  
 Thâu bộc [金卜]: từ trên xuống. cá đề: gọi đến.  
 Xà sầm: gặp nhau. Bất ti cô: đến đó. Ao cô chiều: nói chuyện.



Lỗ trôi: về quê. Lỗ xà nháy [瀟]: đi chợ.

Lai ri [夷 bộ 一] trôi: từ quê quay về. Lam kha gì [夷 bộ 口]: dễ thôi.

Lam xuy lai: đi lâu về. Lam ma tinh: đi gấp.

## NGÔN NGỮ

(Tiếng người Thượng La Thu, Thanh Bồng) như sau:

Trên [連 thêm 上 đầu]: trời. Bì di: đất. Trên hi đả: trời sáng.

Mật nghê [猓]: mặt trời. Mật xước [緯]: mặt trăng.

Xà lang: sao cùng mọc. Khiên: gió. Tãng xuy: sấm sét.

Li [離 bộ thủy]: mây. Chức: mưa. Khốc [酷: tàn -]: nắng nóng. Tầu:  
nóng. Nghê đả: ngày sáng. Xước đả: trăng sáng.

Xước xà lúc: không trăng Chức cát: mưa lụt. Chức ri: mưa bay.

Chức tối nghê: mưa suốt ngày. Một xà năm: một năm. Một xước:  
một tháng. Một nghê: một ngày. Bớt [扒] nghê: 2 ngày.

Bả nghê: 3 ngày. Vun nghê: 4 ngày. Rãm nghê: 5 ngày.

Tu nghê: 6 ngày. Ve [石尾] nghê: 7 ngày. Thơm nghê: 8 ngày.

Xin [口真] nghê: 9 ngày. Hãn nghê: 10 ngày. Một mang: một đêm.

Bớt [扒] mang: 2 đêm. Bả mang: 3 đêm. Vun mang: 4 đêm.

Rãm mang: 5 đêm. Tu mang: 6 đêm. Ve [石尾] mang: 7 đêm.

Thơm mang: 8 đêm. Xin mang: 9 đêm.

Hãn mang: 10 đêm. Tổ sủa [口數]: sáng sớm. chan: chiều.

Xà lúc [日六]: chiều tối, hoàng hôn. Góc chột [木卒]: rìng núi.

Kiết cát: sông. Hai kiết: qua sông. Kiết nhưng cát: nước lụt.

Tà cát: lạnh. Cây [木該]: cây cối. Tích: cỏ. Hoàng: bông hoa.

Li [離bộ thủy]: *mây*. Lá gia: *cỏ tranh*. Hạch: *ông tổ*. Mỗ: *bà tổ*.

Bá: *cha*. Cút [谷矧]: *con*. Môn: *cháu*. Cô y: *anh em họ*.

Nho; chú, cậu. Mơ: *cô dì*. Ai ốc [ ; 夭]: *chồng*.

Cười li cát: *vợ*. Cười li ri: *thiếp, vợ bé*. Thò Lê [利木dưới]: *con gái*.

Xúc cười li: *cười vợ*. Xúc cười mau [bộ nhân毛]: *lấy chồng*.

Xà ôn: *sinh con*. Lúc cồ: *đầu tóc*. Lúc cát: *râu*.

Xà nanh [ ; 寧]: *răng*. Hòa xà nanh [ ; 寧]: *răng rụng*. Tà nộn [嫩]:

*cái khó*. Áo [hỏa奧]: *áo*. Vải [罷布]: *vải*. Giáo: *cây giáo*. Bò nanh

[ ; 寧]: *cái ná, nỏ*. [弩]. Cái trôi: *cái trap*. Lao: *cái hòm*.

Cười dụ [誘]: *dao hư*. Cái răng [齒麥]: *mũi tên*.

Chốt: *cũng mũi tên*. Xà vực: *dao thiết câu*. Cuốc [金國]: *cái cuốc*.

Bồ: *búa*. Uông [金柱]: *cái móc*. Gọ bì di: *nồi đất*.

Gọ đồng: *nồi đồng*. Gọ cát: *nồi đất lớn*.

Gọ [土爰] ri [口巳]: *nồi đất nhỏ*. Trình: *chinh đất Tàu*.

Khang: *chinh đất*. Như: *nhà ở*. Mang: *cửa*.

Hoàng [皇bộ thủy]: *chòi canh*. Hoàng [皇bộ thủy] ba: *chòi lúa*.

Xà năng: *mộ*. Xà năng cái?: *mộ của ai?* Cát: *voi*. Lý: *ngựa*. Xà

mơ: *cọp*. Vãn [ ; 員]: *rắn*. Khu: *chó*. Miêu: *mèo*.

Chim [占鳥]: *chim*. Tiêu: *trâu bò*. Xuân: *heo*. Vu [酉于] vi: *dê*.

Y: *gà*. Cá: *cá*. Ba [虫巴]: *lúa*. Héo: *thóc*. Phê: *gạo*.

Võ: *muối*. Bò mít [木蔑]: *mặn*. Vun: *than*. Ưc bò nan: *cây cau*.

Thom bò nan: *quả cau*. Tuôn [孫bộ thủy] úy: *dây trâu*.

Lá úy: *lá trâu*. Cây [木該] xà reo [潦bộ口]: *Cây thuốc lá*.

Lá xà reo [潦bộ口]: *là thuốc lá*. Thốt [口卒]: *ong*. Xà doanh: *mật*.

Kiết chốt: *ong mật*. Ó tiêu: *thịt trâu*. Ó xuân: *thịt heo*.

Ó vu [ 𦵑于 ] vi: *thịt dê*. Ó y: *thịt gà*. Bích tiêu: *đâm trâu*.  
 Xa ó tiêu: *ăn thịt trâu*. Một uân: *ăn cơm*. Giác kiết: *gánh nước*.  
 Bái tung: *nấu cơm*. Duyệt kiết: *uống nước*. Duyệt lúc: *uống rượu*.  
 Bò cốt: *đôi*. Phí: *no*. Dụ [ 口秀 ]: *ngon*. Tà mỗ [ 月馬 ]: *mập*.  
 Hai lai: *câu cá*. Tăng lâm: *đánh lưới*. Trảo canh: *cày*.  
 Trảo cát: *gặt lúa*. Xa câm: *ăn [ 咬 ] tết*. Mua: *tôi*. Mai: *mày*.  
 Mai hai ré: *mày hà chi*. Mai y hạch ti: *mày có ông không?*  
 Ngọ: *dạ, vâng*. Một công: *một chục*. Một tiết: *một trăm*.  
 Một tiết nhĩ [ 糸爾 ]: *một trăm người*.  
 Ba mai thai ti?: *lúa mày tốt không?* Một phù: *một đình*.  
 Bái phù: *hai đình*. Cù đề: *lạy*. Cù vun [ 奔 bộ thùy ] chức: *lạy 4 lạy*.  
 Lạp: *nắm lấy*. Ti lập: *không nắm lấy*. Lập quắc: *nắm chân*. Bích quắc: *chặt chân*. Bích cốt: *đâm chết người Thượng*.  
 Quắc bích cốt: *dân giết Thượng*.  
 Chết [ 折死 dưới ] tổ ré phù?: *chết mấy người?*  
 Tóc [ 髮速 dưới ] băng lan: *từ dưới lên trên*.  
 Tốt chan [ 口真 ] túc: *từ cao xuống thấp*. Tà vỹ: *gặp nhau*.  
 Hai nanh [ 牙寧 ]: *đến đó*. Hành khán: *nói chuyện*.  
 Tốt quắc: *về quê*. Tốt kích: *đến nơi giao dịch*.  
 Mang tốt xú: *từ 俚 trở về*.  
 Bò nan bò nặc: *đễ dàng*. Mang chân: *đi rồi về*. Hai giải: *đi gặp*.  
 Ti hú [ 口句 ]: *không sợ*.

Người Thượng tính từ nguồn Thanh Cù trở vô nam cho đến  
 cơ Năm ít người rành tiếng Kinh. Còn người Thượng Thanh  
 Bồng, La Thụ nhiều người nói được tiếng người Kinh. Người

Thượng từ sách Cười Nam trở lên phía tây, lại nói tiếng rất khác lạ, tuy trọng hàng ngũ người Thượng theo ta, ta cũng không hiểu được tiếng của họ, nên ta bỏ hết không chép ra đây.

## NHÀ Ở

Các sách Thượng từ nguồn Thanh Cù trở vô nam cho đến cơ Năm đều giàu có. Nhà ở của họ mỗi nóc có đến cả chục gian, nghèo lắm cũng một vài gian. Mỗi gian ngang dọc đều 4 thước, cao từ 5 đến 6 thước. Mái lợp tranh sen, vách hoặc bằng tre hoặc bằng tranh sen. Vách rất kiên cố, sàn nhà cao hơn mặt đất một hai thước, nhìn thấy không khác kiểu nhà của người ngoài miền Bắc. Mỗi gian mở một cửa, mỗi cửa một chỗ ở, người ở trên, súc vật ở dưới. Chung quanh nóc nhà ở đều trồng trái không hàng rào. Nhà ở thường ở gần núi, họ để tự nhiên lùm bụi cây cối không phát dọn gì.

Nơi ở của người Thượng Nước Li nhà cửa đại khái cũng như thế nhưng nhà họ có bờ rào, có cổng, giống như nhà người Kinh. Người Nước Li làm nhà cũng có cầu thang như thế, họ còn làm chòi trữ lúa giống như các sách Thượng khác, nhưng chòi lúa của họ thì to hơn.

Hai xứ Thượng Thanh Bồng La Thụ thì một xóm chỉ có một nóc nhà, cao khoảng hơn mười trượng. ngang dọc mỗi bề khoảng ba mươi thước, Mái lợp bằng lá cây “tai”, bốn bên lấy tre trúc làm vách. Nóc nhà cao hơn mặt đất khoảng năm sáu thước, trước nóc nhà sau nóc nhà đều có một cửa, có cầu thang để lên xuống. Trong nhà chia ra khoảng mười phòng, mỗi hộ một phòng. Bên dưới nóc nhà vẫn dùng làm chuồng nuôi gia súc. Phong tục của người Thanh Bồng La Thụ hơi khác với các xứ Thượng khác.

## ĂN MẶC

Về y phục thì người Thượng khác người Kinh, nam đóng khố, nữ mặc váy, đều có dây thắt lưng không khác mấy với người miền Bắc thời xưa. Nhà giàu thì phụ nữ đeo nhiều nữ trang gọi là kiềng cùng với bốn năm vòng xuyên đeo nơi cổ. Họ mặc váy ba tầng cho thế là sang. Nam cũng thích đeo vòng kiềng nhỏ bốn năm vòng nơi cổ, đại khái giống như phụ nữ người Kinh. Nam nữ mặc áo giống nhau. Áo nhuộm xanh có đường viền màu trắng, thoát trông như nhung y của quân đội. Ngày nay, nhiều người nhà giàu mua loại khăn đội đầu bằng lụa có vân nơi các tiệm Tàu, họ cũng mua nón lá Bình Định mỗi khi đến kỳ chợ phiên. Về khoản này người Thượng người Kinh không khác nhau mấy. Nói chung về đồ mặc thì người Thượng từ cơ Nhì trở ra bắc khá phong phú, còn người Thượng từ cơ Nhút trở vào nam còn nghèo nàn, thiếu thốn. Tất nhiên, nam nữ người Thượng nguồn Thanh Bông đóng khố mặc váy, nhưng khi đi dự lễ họ lại mặc khác. Lễ y của họ chỉ có một tấm vải vuông nhuộm xanh, hoặc sắc vàng đất, trông như áo cà sa nhà Phật. Họ mặc áo lễ mỗi khi tế lễ hoặc đón tiếp quan binh, thường thì cất đi. Từ sách người Thượng Cười Nam trở lên, các xứ người Thượng vùng cao thì nam nữ cũng mặc váy đóng khố nhưng lại không có áo. Họ dùng một miếng vải thô che thân mà thôi. Họ ăn cơm bằng cách bốc bằng 3 ngón tay, mà không dùng chén đĩa, họ rất thích ăn món cá muối mặn (gọi là cá mòi) cũng như họ rất thèm muối. Ngoài ra, các loại thịt trâu bò dê, họ đốt nướng nhưng không xào nấu, họ cũng không biết ăn tiết canh.

## ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ

Đàn ông con trai quen sử dụng ná, nỏ, trường sóc, khi đi đâu cũng như khi ra mắt quan binh họ giữ vũ khí khư khư bên mình, thù thế cẩn thận lắm.

Phụ nữ đánh sợi vải rồi dùng xa quay (*thường gọi là xa cào bó*) cũng giống như người Kinh, chỉ khác mỗi việc vót tre làm búa khung dệt. Duy cái váy (*gọi là cái chăn*) có dây lưng (*gọi là cà dục*) nhưng không có các nếp xếp.

Họ đan lát tre làm sọt đựng đồ (*gọi là cái uông*), đan mây làm rương hòm (*gọi là xà liệt*) để đựng vật thực. Họ đi ra ngoài, đem theo đồ đạc thì mang sau lưng chứ không gánh bằng vai như người Kinh, vì đường núi dốc nên mang như thế tiện lên xuống hơn cả. Họ đục lòng cây gỗ làm thuyền nhỏ (*gọi là thuyền độc mộc*), hai đầu nhọn, mặt đáy bằng, có thể chèo chống chở đồ qua lại nơi sông suối. Người Kinh không chèo chống chuyên chở loại thuyền ấy.

## VIỆC HÔN NHÂN

Việc dựng vợ gả chồng, người Thượng hạt ta cũng coi trọng vấn đề môn đăng hộ đối, thông qua một người mai mối, cũng như tục người Kinh vậy. Sau khi môi giới được thuận, chàng trai mang quà sang nhà gái, gồm các loại đồ vật, nào yếm áo, nón lá tặng cho cô dâu. Cô gái cũng mang sang nhà trai quà cáp như thế. Họ qua lại thăm hỏi quà cáp trong vài tháng hoặc ba bốn tháng, nếu cặp nam nữ còn bé thì phải một vài năm, hai bên gia đình mới định kỳ làm đám cưới. Ngày cưới tuy cũng hội họp ăn uống nhưng không có chuyện tống sính lễ như tục người Kinh. Ngày cưới, mỗi bên đều làm tiệc, không câu nệ là bên nhà trai tổ chức trước hay bên nhà gái tổ chức trước. Ngày ấy, bên nhà trai giết bò, gày rượu cần, mời bà con thân hữu, xóm giềng đến dự. Trong ngày ấy, bên nhà gái cũng tổ chức hội họp ăn uống no say. Người

đi dự đám cưới đều đem theo quả cưới là một con gà sống, được mổ thịt làm món ăn ngay tại chỗ. Cả trăm khách thì có cả trăm con gà chỉ để ăn nhậu, chứ không để tế lễ.

Những nhà giàu có thì tiếp đãi khách khứa đám cưới kéo dài ba bốn ngày. Các nhà nghèo thì cũng vài ngày, vui như Tết, gọi là ăn cưới (*ăn đám cưới*). Đến ngày rước dâu, tất nhiên cũng lại tổ chức ăn uống. Sau đó vài ngày, cha mẹ hai gia đình gặp nhau, bói chân gà xem là tổng hôn hay ở rể tốt hơn, rồi lại bói chân gà xem ngày tháng năm nào thì vợ chồng sống chung là tốt. Nếu là tổng hôn tốt thì đến ngày ấy vợ về ở nhà chồng, còn nếu ở rể thì đến ngày ấy chồng đến ở nhà vợ. Hai người cứ một mình quy gia mà không có ai đưa tiễn hay tiếp đón gì cả. Ở nhà chồng hoặc nhà vợ, người ta trải một chiếc chiếu mới cho hai vợ chồng ngồi, chồng rót rượu mời vợ, vợ rót rượu mời chồng. Hai người đối diện nhau nhưng không nhìn vào mặt nhau. Chiếc chiếu hai vợ chồng ngồi làm lễ gọi là chiếu phép, không ai được ngồi vào, kể cả cha mẹ. Đó là lễ hợp cẩn theo tục người Kinh. Đến đêm, hai vợ chồng nằm mỗi người một bên, giữa là đứa cháu khỏe mạnh xinh đẹp độ năm sáu tuổi. Cứ như thế mấy tháng sau mới thôi.

Lại cũng có trường hợp một chàng trai hoặc đến nhà người ta ăn tết, hoặc dự đám cưới hoặc vì công chuyện nào đó, gặp được một cô gái rồi họ phải lòng nhau. Sau đó chàng trai dẫn cô gái về nhà mình kết thành chồng vợ. Bên nhà gái đòi phạt vạ bao nhiêu cũng cam chịu. Bên người Kinh cũng có chuyện ấy, vợ chồng thật lòng sống chung với nhau không qua lễ cưới, gọi là “*tư hôn*”

Lại cũng có người thấy vợ người ta này ý thích, rồi tìm cách cưỡng đoạt đem về nhà mình. Người chồng đến đòi vợ, thì người ấy chịu bồi thường bằng các thứ trâu bò gia súc đồ vật. Nếu người chồng chỉ một mực đòi vợ thì nó cũng không chịu trả. Đó là hành vi bạo ngược rất là tàn ác của bọn nhà giàu người Thượng mà người nghèo sợ nó chẳng dám làm gì. Trong xã hội người Kinh gọi đó là tội cưỡng chiếm vợ người.

## TÊN LÀNG

Tại hạt ta, tên gọi một sách Thượng mỗi nơi mỗi khác, không giống nhau. Phần lớn người trong một sách thường lấy gốc gác nơi cư trú đặt tên cho sách mình. Ở nơi gần sông nước tất lấy thủy danh gọi tên sách mình như sách Nước Lá, Hồ Biều, ... Ở cạnh núi non thì lấy tên đồi gò đặt tên như Gò Du, Đèo Gáp, .... Ở nơi đất ruộng đồng bằng thì lấy xứ đồng đặt tên như Đồng Dâu, Đồng Trù, ... Cũng có trường hợp một sách Thượng khi mới tới ở, trong sách có một người, nam hoặc nữ có gia sản được cộng đồng tôn phục thì họ lại lấy tên người ấy đặt tên cho sách mình như là Con Long, Con Giai, Thừng Nhuận, Thừng Siêu... Đến như một vùng dân cư trước kia người Kinh ở, về sau thành xứ người Thượng, bèn nhân đó lấy tên người Kinh ngày xưa đặt cho sách mình, cho nên có những xứ Thượng tên Làng Nông, Làng Mâu, ... Vì ngày xưa có những người lái buôn đến xứ Thượng làm ăn, nói chuyện về làng thôn mình, người Thượng nghe người Kinh xưng hô thì cũng xưng hô theo, ý cho mình cũng có làng thôn. Các loại tên làng ấy gọi lâu ngày thành quen, thầy đều có nguyên nhân như thế đấy.

## TỤC LỆ NGÀY TẾT

Khoảng tháng 2 tháng 3 mỗi năm là thời kỳ ăn tết của người Thượng. Mấy ngày trước đó, họ bói chân gà để biết ngày nào thì ăn Tết tốt nhất. Những nhà giàu có thì chuẩn bị bò, dê, lợn, rượu, nếp, bánh. Những nhà bình thường, hoặc nhà nghèo khó, chỉ ít cũng gà, rượu. Đến ngày ấy thì nam phụ lão ấu xóm giềng bà con ăn mặc chỉnh tề ăn Tết tại nhà và đi lại thăm nhau. Nhà cửa bày



biện thức ăn đồ uống chính tề đẽ cùng những người thân quen đến thăm, mổ bò, giết dê, nấu com ... Mọi người đều hút ống rượu cần, đánh chiêng, tấu nhạc, nhảy múa rất vui. Trai gái tham dự bất kể chồng ai vợ ai, đến lượt là đưa cần trúc vào miệng hút rượu, vui chơi đến say mềm mới về. Dĩ nhiên chỉ hội họp vui chơi ăn uống no say, mà chẳng có cúng tế. Những nhà giàu có thì ăn Tết ba bốn ngày, nhà bình thường thì một vài ngày, nhà nghèo lắm cũng hết một ngày. Chỉ những nhà nghèo thì những người trong tộc đến thăm có đem theo con gà, nấu nướng cùng ăn, cứ hai người ăn một con gà gọi là một đôi. Bà con chòm xóm cũng làm như thế, mỗi nhà một lần, cứ như thế suốt một tháng.

## TỤC LỆ VỀ VIỆC TANG

Những nhà người Thượng giàu có, khi cha mẹ già yếu thì sắm sẵn áo quan đẽ ở nhà cũng giống như tục người Kinh. Áo quan của họ là một khúc cây gỗ tốt, dài ba bốn thước, vòng ôm cũng ba bốn thước. Họ đem về đục thủng ruột cây gỗ độ chừng vừa một người nằm. Bên ngoài thì họ gọt cho tròn hai đầu nhỏ, khoảng giữa to, như hình một chiếc thuyền, trông khác áo quan của người Kinh.

Khi cha hoặc mẹ qua đời thì họ gày rượu, giết bò hội họp xóm làng, họ chuyển áo quan đến nơi dự định làm mộ, rồi mới khiêng từ thi đến. Bảy giờ họ cũng đưa ra mộ toàn bộ các thứ đồ đạc thường dùng của người chết và phân nửa số số tài sản được chia. Con cháu, bà con đều khóc lóc đưa tiễn lần cuối cùng. Người quen biết cũng đến khóc lóc đưa tiễn, cũng giống với tục người Kinh đi điếu tang, song có khác là không có lễ vật mà thôi. Đến mộ, họ chôn các thứ đồ vật gia sản quý giá trước, tức chôn ở dưới cùng, còn đồ vật rẻ tiền thì sẽ được để trên mặt đất. Rồi họ lót vải vào đáy áo quan, đưa thi thể vào, đập nắp lại.

Người Thượng từ cơ Ba trở vào nam thì có tục “*phù táng*”: Họ đặt áo quan trên mặt đất, trong một ngôi nhà mồ bằng gỗ. Nhà giàu có thì bốn chung quanh đều căng vải, trước sau mộ đều cắm cờ bằng vải trắng loại cờ dài, hai bên thì loại cờ ngắn mỗi bên ba cây. Như thế gọi là *phù táng*. Nhà nghèo thì giảm bớt.

Người Thượng từ cơ Nhứt trở ra bắc thì có tục “*trâm táng*”: (Họ chôn trong mộ đất, làm nhà mồ bên trên gọi là *trâm táng*). Lại có nhà giết một con bò đem đặt bên cạnh mộ. Nhà nghèo thì đặt một cái đầu bò bên cạnh mộ, còn thịt bò dành làm tiệc đãi bà con.

Thường thì mộ nằm tại nơi có mồ mã của các vị tiên nhân. Người Thượng không xin thầy địa chọn “*cát địa*” như người Kinh, họ cũng không phát dọn gì hết. Từ khi người nhà vừa chết cho đến khi chôn họ hội họp ăn uống mà không cúng tế chi cả.

Người bị cạp ăn thịt cũng như người chết vì bệnh đậu mùa thì việc chôn cất như thế nào tùy gia chủ giàu hay nghèo, nhưng người ta đều làm rất nhanh gọn, khi đưa tới mộ, họ vô quan đập nắp rồi vội vàng mạnh ai nấy bỏ đi một mạch, không dám ngoái đầu nhìn lại vì sợ ma theo cũng như sợ bị truyền nhiễm.

## NHẠC KHÍ

Gia đình giàu có thường mua một bộ nhạc khí chung trong nhà. Nhạc khí của người Thượng hạt ta gồm: Chiêng đồng lớn nhỏ 4 cái, phèng la lớn nhỏ 4 cái đều dùng tay đánh nên gọi là nhạc túc chình (*tức là tay*). Một loại nhạc khí khác, là một nửa quả dừa, hình giống như cái muỗng cán bằng tre có hai dây bằng thiếc, đàn ấy có tên là “*bồ rớt*” (*tức như nhị huyền cầm - đàn cò của người Kinh*). Nhạc khí thổi như ống tiêu bằng 2 ống trúc, có khi chỉ một ống. Ngoài ra còn có nhạc khí thổi mà người Thượng gọi là *tà lý* (*người Kinh gọi là ống địch*).

Mỗi khi Tết đến, hoặc mỗi khi nhà có chuyện vui thì họ quây quần uống rượu tấu nhạc, ca hát vui vẻ mà họ gọi là “*Tùm lịch*” (người Kinh gọi là *ca xướng*).

## TẾ TỰ

Người Thượng ở hạt ta, mỗi khi đến mùa vụ thì họ bói chân gà xem ngày nào gieo mạ. Ngày gieo mạ nhà nào dù giàu dù nghèo cũng đều giết gà cúng, họ lại bói chân gà xem ngày nào cấy rồi lại giết gà cúng. Đến mùa thu gặt lúa xong thì họ lại cúng. Nhà giàu có thì giết heo cúng, nhà nghèo thì giết gà cúng, giống như lễ “*thường tân*” của người Kinh. Họ cúng quý thần sông núi mà không cúng gia tiên như người Kinh. Một khi lúa bị bệnh hoàng trùng hoặc bị hạn hán, họ đều giết gà cúng tế khẩn cầu tai qua nạn khỏi. Họ khẩn với các vị thần như Thần Nông, Hậu Tắc, Trấn Bắc Xứ Xương Bùi Tá Hán giúp cho cây trái mùa màng của họ được tốt đẹp.

Còn như khi bị bệnh tật hoặc bị cọp vò may còn sống, thì trước hết họ giết gà cúng cầu tai qua nạn khỏi. Nếu còn chưa hết bệnh thì họ bói chân gà, cầu đảo rồi cúng hoặc dê hoặc bò đều theo chân gà bói ra mà lo liệu. Họ lại bói chân gà hỏi xem người nhà tự cầu đảo là được hay phải nhờ đến thầy cúng cầu đảo mới được. Nếu bói chân gà bảo là người nhà cầu đảo là tốt thì họ tự làm. Còn nếu bói chân gà bảo phải rước thầy về cầu đảo thì họ lại bói chân gà hỏi xem mời thầy cúng ở sách Thượng nào hoặc người thầy cúng nào mới tốt. Họ cứ theo bói chân gà mà cụ bị lễ vật đi mời thầy cúng không nề xa gần.

Từ đó về sau, khi thu hoạch lúa mới, khi có việc vui mừng mổ bò giết heo, họ đều dành một phần làm lễ tạ thầy. Có lễ tạ thầy rồi thì họ mới dám chắt lúa vào chòi, dành ăn dần. Khi họ đến chòi lấy lúa về thì họ khẩn với quan Trấn Bắc công Bùi Tá Hán và các thần núi, thần sông. Họ còn dùng lá cây hoặc miếng

tre nhỏ xin âm dương để được một sấp một ngựa. Đó là họ bắt chức tục người Kinh nhưng họ không khẩn cầu gia tiên.

## LỆ PHẠT

Phong tục người Thượng vốn không có được nền “giáo trị” như nền văn hóa có kỷ cương “quân sư phụ” của nhà Nho ta, nhưng họ lại có lệ phạt nên xứ họ không bị rối loạn. Người Thượng hạt ta nói “*ăn nhúc*”, là nói đến vấn đề ấy đây. Theo lệ của họ, kẻ đánh đập gây thương tật cho người khác, hoặc nữ đã có chồng còn tư tình với đàn ông khác, hoặc kẻ dụ dỗ vợ người ta, hoặc kẻ trộm cắp nhiều lúa gạo, hoa màu, gia súc, đồ vật. Khi xảy ra những việc ấy thì gia chủ phỏng đoán chỉ ra người phạm tội để hỏi tội.

Nếu người bị nghi không thừa nhận thì họ bói chân gà, nếu không nhận nữa thì họ tổ chức đại hội bà con xóm giềng chứng kiến bắt kẻ ấy thả xuống sông, nếu không nổi lên là vô tội, nếu nổi lên là đúng tội bắt phải chịu phạt, hoặc người ta bắt kẻ ấy giã lên than đỏ, nếu không bị bỏng chân thì vô tội, còn bị bỏng tức có tội thì bắt phải chịu tội.

Nếu kẻ ấy vẫn cường ngạnh không nhận nữa mà khi ấy trong sách có người bị cộp vô, chết vì vết thương hay chết vì bệnh thì cả sách đều đồ rịet cho kẻ có tội mà không chịu nhận ấy. Đến như vậy rồi mà kẻ ấy còn cố ý không chịu nhận tội, lại bỏ trốn qua sách khác thì hoặc là người bị mất trộm kêu gọi người trong sách mình kéo nhau đi đánh giết kẻ ấy, có khi một trăm người, có khi đến hai trăm người, hoặc là đoạt trâu bò gia súc, vợ con đồ đạc, hoặc kêu bán ruộng rẫy của kẻ ấy, thậm chí đến gây ra án mạng.

Sau đó, tùy theo tội mà định ra mức phạt nhiều ít khác nhau. Mức phạt nặng từ hơn trăm trâu bò xuống trên dưới năm sáu chục con. Kế đến là mức phạt trên dưới ba bốn chục trâu bò. Dưới nữa

là mút phạt trên dưới mười con. Nếu không đủ trâu bò nộp phạt thì lấy đồ vật thế vào, hoặc chóc sành hoặc nồi đồng lớn, hoặc vải vóc. Một cái nồi đồng lớn tương đương với một trâu, còn một chóc sành loại tốt bằng ba bốn trâu.

Khi nhà kẻ bị phạt quá nghèo không có chi để lấy thì bắt vợ con kẻ ấy về làm nô tỳ. Nếu gia thế nhà ấy quá kém tịch biên không đủ mút phạt thì về nhà kết một nùm dây (*văn tự kết thừng*) cất trên đòn dông nhà, truyền tử lưu tôn đến đời nào khám khá thì truy chuyện cũ mà bắt phải nộp cho đủ số. Người ta nói “*mọi thất cật*” tức là việc ấy.

Có người sợ bị phạt đến nỗi phải tự tử, hoặc đâm đầu xuống sông trảm mình chứ nhất định không về chịu nhận tội.

## HÚY KỶ

Các việc như gieo mạ cấy lúa, phát cây dọn rẫy, cất nhà mới, về nhà mới đều phải kiêng kỵ 3 ngày. Trong 3 ngày ấy, toàn thể gia đình đóng cửa ở nhà không đi đâu hoặc làm gì, cũng như không giao thiệp với người ngoài. Trường hợp người ngoài biết nhà đang có việc mà cố ý vi phạm thì hoặc là người ta cầm dao đến chém chết hoặc sau đó mà xảy ra điều chi xui xẻo thì đổ hết tội lỗi cho kẻ vi phạm ấy bắt phải phạt vạ không tha.

Đồ vật được người Thượng hạt ta xem là vật kiêng kỵ như là trâu bò, gia súc, đồ vật được cha mẹ cho ngày cưới, và trâu bò, gia súc, đồ vật của cha mẹ để lại sau khi chết. Các thứ trâu bò, gia súc, đồ vật ấy đều được cho là vật kiêng kỵ, đều được để riêng một nơi không bao giờ dùng đến. Nhà nghèo túng đến mấy họ cũng cố mà giữ lại chứ không bao giờ đem ra bán. Lời người Thượng nói “*của cử*” là chỉ đến các thứ ấy đấy.

Trường hợp bị quan binh đánh dẹp thu giữ, hoặc bị sách Thượng nào đó cướp mất thì họ tìm mọi cách chuộc về cho được

dù bị hết giá gấp nhiều lần giá trị thật, họ cũng phải thu hồi không để bị thất lạc.

Lúa mới sau khi gặt, đập đập thành hạt xong mà chưa biếu thầy cúng thì họ cũng chưa dám giã gạo nấu cơm ăn cũng như chưa trả công người phụ gặt đập cho mình và chưa chắt vào rương vào chòi.

Chưa làm lễ quý thần thì cũng chưa được sử dụng.

# TRƯỜNG LŨY QUẢNG NGÃI

## Quyển II

---

### THỔ NGHI

(có mục sông suối)

Người Thượng tuy sinh sống nơi hoang dã, nhưng đều nhờ bẩm thụ khí thiêng của trời đất mà sinh ra nên cũng thuộc loài người. Cho nên tuy tính khí của họ khác với người mình, nhưng về mặt cơ thể đâu có khác gì người mình. Chẳng qua, do con người ta phải thích nghi với đất địa nơi mình sống mà thôi.

Người sinh sống nơi đồi núi nhấp nhô thì quen việc phát rẫy trồng cây, còn người sinh sống nơi có nhiều đất đai bằng phẳng thì quen việc cày cấy làm ruộng. Đất rộng, ruộng nhiều như người Thượng tại cơ Nhứt, Cơ Nhì, cơ Ba và người Thượng Thanh Cù ở cơ Sáu, thầy đều theo nghề cày cấy. Còn người Thượng tại những nơi núi nhiều ruộng ít như tại cơ Tư, cơ Năm, thì phân nửa chuyên làm rẫy, chỉ có phân nửa theo nghề cày cấy. Riêng hai nhóm người Thượng Thanh Bồng, La Thụ cư trú ở nơi toàn núi non, chẳng có miếng ruộng nào thì chuyên nghề trồng các loại cây lâu năm như quế, trà, trâu cau, khoai nước, củ mài. Vì thế, người Thượng tại cơ Nhứt, Cơ Nhì, cơ Ba, cùng với người Thượng Thanh Cù ở cơ Sáu thì khá giàu có. Còn người Thượng tại cơ Tư, cơ Năm, như người Thượng Thanh Bồng, La Thụ thì nghèo hơn.

Người Thượng trồng trọt chỉ để ăn thôi, nhưng các loại quế, trà, lá dâu, bông vải, mè đậu, ... họ không biết sử dụng, mà để trao đổi với người Kinh lấy các thứ nhu dụng khác, nhất là muối.

## SÔNG SUỐI

Nước của 5 con sông suối sau đây thì độc như nước sông Lôì Sơn tại xứ Thượng cơ Năm, nước suối Tô Khê tại cơ Nhứt nước suối Giá Bột, nước sông Nước Xa, nước suối Nan Khê tại cơ Sáu. Nước sông suối của 7 xứ nằm phía dưới Trường Lũy sau đây cũng độc, như tại 2 xứ Thanh Vân, Nam Huân ở cơ Năm, xứ Vực Rằm ở cơ Ba, xứ Khánh Giang ở cơ Nhứt, xứ An Đình ở cơ Nhì, xứ Lôì Chinh ở cơ Sáu, cùng với hạ lưu suối Nan Khê. Ngoài ra, tại các xứ Thượng khác thì chất nước có khác nhau nhưng đều lành, không độc.

**Sông Lôì Sơn** (gọi tắt là sông Lôì): *Tại xứ Thượng Làng Lui thuộc cơ Năm. Sông này phát nguyên từ trên núi Lôì sơn xứ Suối Bùn. Màu nước vàng đục, đem về nấu sôi lên thì nước có màu đen như mực Tàu.*

*Quan quân lưu lại đây có một đêm, ngủ không được, sáng hôm sau đều bị ho, phát sốt.*

**Suối Tô Khê:** *Tại xứ Thượng Nước Tô thuộc cơ Nhứt, hợp lưu với sông Na Giang rồi đổ ra sông Bôn Giang. Nước suối này khá trong, ai uống nước sông này cũng bị ho, nhưng không quá độc như nước sông Lôì Sơn.*

**Sông Giá Bột:** *Tại xứ Thượng Mang Biều Thượng thuộc cơ Nhì, tục danh là xứ Giá Bột. Sông này phát nguyên từ trên núi Lôì sơn xứ Suối Bùn màu nước vàng đục không khác nước sông Lôì.*

**Sông Nước Xa:** *Tại xứ Thượng núi cao tiếp giáp hai xứ Thanh Bông, La Thụ thuộc cơ Sáu. Nước sông này từ núi đá chảy xuống có màu đục, có rắn độc trong dòng nước. Ai uống phải nước sông này thì phát ho khan không ngủ được.*

**Suối Hán Khê:** *Tại nguồn Thanh Bông thuộc cơ Sáu. Nước trong, nhưng ai uống phải nước suối này thì phát sốt.*

Nước sông suối các xứ ở dưới Trường Lũy đều không quá độc như tại các xứ Thượng.



# CÁC NGẠCH THUẾ

Thời triều ta mới cầm quyền, thiết lập 4 vùng đầu nguồn để thu thuế. Huyện Bình Sơn (*bảy giờ kiêm cả huyện Sơn Tĩnh ngày nay*) gồm hai nguồn là nguồn Trà Bồng và nguồn Cầu Bà. Huyện Chương Nghĩa có một nguồn là nguồn Phụ Bà. Huyện Mộ Đức có một nguồn là nguồn Ba Tư.

Nguồn Trà Bồng thiết lập bộ phận thu thuế có Cai Quan, Cồn Quan đều 2 người, còn 3 nguồn kia thì Cai Quan, Cồn Quan chỉ một người. Bởi lẽ, địa điểm giao dịch của nguồn Trà Bồng giáp xứ người Thượng. Các viên quản lý trong nguồn nào thì chiếu theo các thương hộ mà thu thuế đầu nguồn. Tiền thuế thu từ nguồn Trà Bồng là 600 quan, thêm tiền thuế về quê ở nguồn này là 20 quan nữa. Tiền thuế thu từ nguồn Cầu Bà là 350 quan, từ nguồn Phụ Bà là 140 quan, từ nguồn Ba Tư 360 quan. Tiền thuế quê của nguồn Trà Bồng là 20 quan nên hàng năm đồ đồng tiền thuế cả 4 nguồn là 1450 quan, thêm tiền thuế về quê là 20 quan, tổng cộng 1,470 quan. Việc thu thuế ấy nơi các thương hộ mà thôi, không đặng đến dân Thượng. Các sách Thượng không phải đóng bất cứ loại thuế nào. Thời Tây Sơn, nguồn Trà Bồng tăng tiền thuế là 400 quan, tức 1.000 quan, các nguồn khác đều theo lệ nộp tiền thuế cộng thành 1.200 quan. Mút thuế ấy, các thương hộ không khả năng đóng nên đều trốn.

Năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long nguyên niên, cho thu thuế theo lệ cũ của các Chúa Nguyễn. Năm Quý Hợi (1803), niên hiệu Gia Long thứ 2, nguồn Trà Bồng giảm Cai quan, Cồn quan xuống còn 1 người như 3 nguồn kia. Nguồn Cầu Bà lập thêm 5 đạo sở là Đại Hà, Đồng Thụ, Chính Trường, Phụ Ấp, La Thụ. Nguồn Phụ Bà lập thêm 4 đạo sở là An Nham, An Nghĩa, Thanh Phong, Hương Thụ. Nguồn Ba Tư lập thêm 4 đạo sở là Quy Chính, Thanh Lâm, Hạ Lương, Sa Mai. Trong 13 đạo sở lập thêm

này thì 2 đạo Đại Hà, Đồng Thụ chung một sở thuế, tiền thu 100 quan. Hai đạo Chính Trường, Phụ Áp chung một sở thuế, tiền thu 152 quan, thuế tiền quế 12 quan. Đạo La Thụ một sở thuế, tiền 100 quan, thuế tiền quế 8 quan. Tại nguồn Phụ Bà, sở thuế đạo An Nham tiền 15 quan, sở thuế đạo An Nghĩ, tiền 25 quan, sở thuế đạo Hương Thụ, tiền 50 quan, sở thuế đạo Thanh Phong, tiền 50 quan. Tại nguồn Ba Tơ, sở thuế đạo Quy Chính, tiền 100 quan, sở thuế đạo Thanh Lâm, tiền 60 quan, sở thuế đạo Hạ Nguyên, tiền 140 quan, sở thuế đạo Sa Mai tiền 60 quan. Còn nguồn Trà Bồng không phân đạo sở thuế như các nguồn kia, tiền thuế là 600 quan như cũ. Ba nguồn kia tuy phân đạo sở nhưng tiền thuế vẫn y như cũ không tăng thêm, giảm bớt. Năm Bính Tý (1816), niên hiệu Gia Long thứ 15, nguồn Trà Bồng được cải tổ đặt các chức việc Võ Giáp, Cai Đội, Tiện Nghi, Cai Quan, Cai Hợp, Côn Quan, Giang Quan, Thủ Hợp, Cai Thuộc, Ký Thuộc, Cai Bát. Ba nguồn kia vẫn giữ Cai Quan, mỗi chức một viên như cũ. Năm Tân Ty (1821), niên hiệu Minh Mệnh thứ 2, nguồn Trà Bồng bãi bỏ các chức việc Cai Hợp, Cai Thuộc, Ký Thuộc, chỉ còn 5 chức việc Võ Giáp, Cai Đội, Tiện Nghi, Cai Quan, Côn Quan, Giang Quan, Thủ Hợp. Ba nguồn kia bố trí các chức việc Tiện Nghi, Đội Trường đều một viên. Năm Giáp Thân (1824), niên hiệu Minh Mệnh thứ 5, cải tổ nguồn Trà Bồng, bố trí một viên Thủ Ngự hợp với 2 chức việc Tiện Nghi, Côn Quan. Ba nguồn kia chỉ một viên Thủ Ngự. Năm Mậu Tý (1828), niên hiệu Minh Mệnh thứ 9, nguồn Trà Bồng bỏ chức Côn Quan, chỉ còn một viên Thủ Ngự cùng ba nguồn kia bố trí thêm một hay hai chức việc Dịch Mục, Thuộc Lệ. Năm Mậu Tuất (1838), niên hiệu Minh Mệnh thứ 19, triều đình họp bàn quyết định năm có tháng nhuận thì tăng tiền thuế. Nguồn Trà Bồng tiền thuế tăng 50 quan, hai nguồn Cầu Bà, Ba Tơ tiền thuế tăng 30 quan, nguồn Phụ Bà tiền thuế tăng 10 quan. Tổng cộng năm có tháng nhuận thì thuế tăng thêm 120 quan, tổng cộng cả hạt thành 1.590 quan. Năm bình thường không có tháng nhuận thì thu theo định mức lệ cũ.

Năm Tân Sửu (1841), Thiệu Trị nguyên niên, đổi tên các đạo sở như sau, Trà Bồng thành Thanh Bồng, Cầu Bà thành Thanh Cù, Phụ Bà thành Phụ An, Ba Tơ thành An Ba. Lệ tiền thuế theo như cũ. Năm Nhâm Dần (1842), niên hiệu Thiệu Trị thứ 2, các Tấn phạn không yên, Quan Lãnh Bình Nguyễn Vĩnh Dụ giết một người Thượng, người này trước làm giặc nay đến quy chính. Vì thế, từ đó mất đi việc giao dịch Kinh Thượng ở đạo sở Phù Trường, ở đạo Thanh Lâm cũng trở nên vắng lặng, nguồn An Ba chỉ còn 3 đạo sở. Các chức việc Dịch Mục, Thuộc Lệ ở đạo sở thuộc hai nguồn Phụ An, An Ba đều giao cho dân sở tại lãnh trưng thuế lệ. Hai tấn phạn Thanh Bồng, Thanh Cù thì được yên ổn, mọi việc như cũ. Năm Tân Hợi (1851), niên hiệu Tự Đức thứ 4, nguồn Thanh Bồng yên ổn nên bỏ chức Thủ Ngự, chỉ còn chức Dịch Mục theo lệ cho lĩnh trưng thuế lệ mà thôi. Ba nguồn kia có một viên Thủ Ngự như cũ. Năm Quý Sửu (1853), niên hiệu Tự Đức thứ 6, Người Thượng lại quấy phá, các quan Bộ chánh sứ Lê Dần, Án sát sứ Bùi Ái tâu xin cho giảm 2 phần 10 thuế đầu nguồn.

Triều đình chấp thuận cho giảm nhưng mỗi năm phải trưng thu 1320 quan. Năm Ất Mão (1855), niên hiệu Tự Đức thứ 8, chức việc Thủ Ngự đồng loạt bị bãi bỏ tại 3 nguồn. Thuế đầu nguồn do chức việc Dịch Mục cùng các thương hộ lĩnh trưng, nhưng tình hình người Thượng càng ngày càng căng, khiến cho việc giao dịch không thông suốt, tiền thuế thu được mỗi năm mỗi thiếu. Năm Quý Hợi (1863), niên hiệu Tự Đức thứ 16, ta phụng mệnh lo việc đánh dẹp người Thượng. Ta về đến nơi rà soát tình hình, tâu xin được lệnh cấm chỉ mọi hoạt động giao dịch Kinh Thượng, đồng thời xin được miễn thuế đầu nguồn một năm để tiện cho việc dẹp giặc. Triều đình chấp thuận. Năm Ất Sửu (1865), niên hiệu Tự Đức thứ 18, tình hình giặc Thượng tạm lắng, ta lại tâu xin điều chỉnh các thuế lệ đầu nguồn tại hạt ta, cũng như kéo quân đi các sách người Thượng quy hàng ta để thu thuế lúa. Ta còn lập 2 đội Dịch Man hoạt động suốt từ cơ Nhứt đến cơ Năm. Ta tổ chức một đội gồm các thương hộ, phụ thương

gia. Còn tại cơ Sáu, tức hai nguồn Thanh Bồng, Thanh Cù thì tổ chức các chức việc Dịch Mục, Thuộc Lệ với các thương hộ mỗi nguồn một đội, tức hai đội, có Suất đội. Các đội này căn cứ vào sổ sách từng nơi, qui định thời gian thôi thúc họ đến 3 đồn bảo lớn (*Tam Đại bảo*) nộp thuế. Số thuế còn tồn thì các cơ thu nộp. Các đạo sở thu thuế tại hai nguồn Thanh Bồng, Thanh Cù giữ như cũ, còn các đạo sở của các nguồn kia đều đồng loại bãi bỏ. Mỗi cơ lập một cái chợ để Kinh Thương trao đổi, buôn bán.

Triều đình chấp thuận, cho định lại thuế lệ mới, nguồn Thanh Bồng mỗi năm tiền thuế 800 quan, nguồn Thanh Cù 400 quan. Các cơ Nhứt, Nhì, Ba, Tư, Năm, mỗi cơ hàng năm tiền thuế giao dịch đồng niên là 1.350 quan. Còn thuế làng thì sách người Thượng cơ Nhứt hàng năm thuế quy ra lúa là 230 đấu, sách người Thượng cơ Nhì hàng năm thuế quy ra lúa là 300 đấu, sách người Thượng cơ Ba hàng năm thuế quy ra lúa là 290 đấu, sách người Thượng cơ Tư hàng năm thuế quy ra lúa đồng niên là 120 đấu, sách người Thượng cơ Năm thuế hàng năm quy ra lúa là 40 đấu. Riêng người Thượng cơ Sáu nguồn Thanh Cù hàng năm thuế quy ra lúa là 220 đấu.

Thuế khai thác dây mây hàng năm 40.000 dây, nguồn Thanh Bồng, thuế dây mây hàng năm là 60.000 dây. Tổng cộng hàng năm thuế lúa là 1.220 đấu, thuế dây mây 100.000 dây. Trong năm phân 2 lần nộp thuế, nhưng các nơi tùy thuế lệ nhiều ít mà nộp, thuế lúa khi thì 10 đấu, khi thì 20, 30 đấu, thuế dây mây, khi thì 1.000 dây, khi thì 2.000 dây. Đến như loại dây mây "*long đằng*" tại tỉnh ta cũng có, thường có báo lên "mại biện", nhưng các thuế lệ từ trước đã như thế lâu rồi, nên cứ thu nộp theo định lệ vậy.

# SÁCH LƯỢC TIỂU PHỦ

Người Thượng ở hạt ta, bản tính hung hãn, di chuyển nhanh nhẹn, đến như cuồng phong, đi như tia chớp (*lời nói khoa ngôn của Hán vương*). Sở trường của chúng là thủ thế ở chỗ hiểm yếu, bắn tên, phóng thương giết người. Khi ta tiến quân đánh chúng thì trước hết chúng đốc thúc vài mươi tên, có khi mười mấy tên ít ra thì cũng năm sáu tên hung hãn nhất chiếm giữ các chỗ hiểm chống cự. Nếu như bị yếu thế liệu không chống nổi thì chúng đồng loạt trốn biệt không thể tìm ra dấu vết. Chúng chờ cho quân ta vào sâu trong địa bàn của chúng, rồi đồng thanh hò hét vang động núi rừng, ý làm thế sẽ khiến cho lính ta khiếp sợ. Rồi chúng đeo bám theo đuôi đoàn quân ta để tùy cơ công kích, hoặc chúng ẩn núp chỗ ngiệt bắn tên phóng thương vào quân ta. Nếu gây nên thiệt hại quân ta được một lần tức thì chúng đắc chí lảng vảng trước quân ta, tấn công quân ta không ngừng.

Như vào niên hiệu Tự Đức thứ 8 (1854), quân thứ của tướng Trần Tri tiến công người Thượng ở Làng Y ba lần nhưng không vào được đến sào huyệt cực kỳ hung hiểm của chúng.

Niên hiệu Thiệu Trị thứ 4 (1843), quan Án sát tỉnh nhà là Mai Khắc Mai tiến công người Thượng Minh Long, khi đêm tối kéo quân về, nghe tiếng chim hạc kêu thì sợ khiếp, quan quân tranh nhau chạy, dẫm đạp lên nhau mà chết nhiều, không biết bao nhiêu mà kể.

Niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1858), quan Bố chánh tỉnh nhà là Nguyễn Tăng Tín tiến công sách Thượng Nước Tổ, dẹp xong rồi, sau lại không phòng bị để sơ hở, bị địch phục kích, quan binh bị chết, vũ khí bị mất nhiều,

Nói chung, đối với người Thượng không thể lấy nhân nghĩa lễ nghi ra mà bảo ban họ mà chỉ có thể làm cho họ sợ phục thôi

(*lời nói khoa ngôn của Hán vương*). Vì thế, làm tướng chỉ huy phải có mưu lược, đối xử có tình, dụng binh cẩn thận, thường phạt nghiêm mình, đi đứng có trật tự, tiến thoái có phép tắc, thông thuộc đường sá, biết rành nơi dễ chỗ khó. Ta huấn luyện tướng sĩ chuyên các môn đặng bài, phi thương, thiết mặc, ô thương, đại pháo, còn côn kiếm, trường thương không đặc dụng ở đây.

Khi đánh dẹp nơi nào, ta chọn ngày giờ, hướng xuất quân, tướng lãnh thì đương nhiên được biết rõ, nhưng không nên cho lính biết trước. Đến nơi rồi, nhất định phải khảo sát hình thế rừng núi hai bên, không nên phát dọn mở đường để quân địch liệu tính ý đồ của ta. Nếu địch ở tuốt trên cao thì ta nên tuyển lựa một số tay dũng cảm sai đi do thám tìm đường, còn đại quân tùy tình hình mà chia quân làm hai cánh, ba cánh cùng tiến lên, cánh này không tiến được thì cánh kia tiến. Lối quân mình không lên tới được thì nhất định cũng không theo lối đi quen thuộc của địch để đến chỗ địch trốn trong sâu.

Ta nên phân quân ra làm các nhóm chính binh, kỳ binh, du binh, kích binh. Trước hết, cho bắn súng điều thương dọn đường cho quân bám sườn núi kéo xuống, vấn đề là tìm cho ra một con biệt lộ. Hoặc trước hết ta cho khảo sát hình thế rồi ban ngày gia cách phái binh phát dọn đường, đêm đến tìm người rành địa bàn dẫn đi theo biệt lộ, mà chúng không thể đoán ra. Hoặc ta phái binh khiêu chiến ở mặt trước, phái một cánh quân bí mật áp sát sau lưng địch, trước sau trông nhau, phải trái cùng tiến, tấn công tứ phía, lũng sục mọi góc ngách, cao mấy cùng leo tới, cheo leo mấy cũng dẫm đạp. Lính đi tới đâu thì chỉ huy theo tới đó hoặc chỉ huy đi trước mở đường cho lính tiến sau. Chưa tới tận sào huyệt địch thì chưa nghỉ, chưa phá hết gia sản địch thì chưa ngưng chiến. Một khi biết chắc địch đã tan rã thì mới đánh trống thu quân. Khi ra về, cánh quân sau đi về trước, cánh tiền đạo chọn chỗ cây cối rậm rạp, hoặc chỗ bãi đá có thể núp mà bố trí một hai vị trí hoặc ba bốn vị trí mai phục, rồi đại quân mới từ từ

kéo ra. Lại còn cắt cử khoảng chục lính dũng cảm nhanh nhẹn nhất làm nhiệm vụ cản hậu, quan sát địch có còn đeo bám quân ta không. Ví như địch bám đuôi quân ta thì ta giả vờ như không hay biết, tổ chức phục binh tại nơi hiểm yếu, chờ chúng lọt vào ổ phục kích, thì đại quân ta nổi trống quay lại đánh, phục binh hai bên tỏa ra vây hãm, quân ta thắng lớn là cái chắc. Có khi nếu biết quân ta có phục binh thì chúng chẳng dám bám theo quấy rối. Cũng có trường hợp, địch biết ta mai phục đường này, nó tìm đường khác cô ý khiêu khích quân ta, thì ta cho quay trở lại chiếm sào huyệt của nó phân đồn trú quân, cho một cánh quân phục bên ngoài, số còn lại chú ý canh phòng, chờ sáng hôm sau đại phá giặc.

Làm như thế thì bảo đảm quân ta trăm trận trăm thắng, không thể thất bại được. Ta đã từng đánh tận sào huyệt các xứ Thượng như Làng Nòng, Đèo Gấp, Nước Lũ, Nước Tô, Nước Nặng, Làng Y, Cười Dong, Nước Tô, Nước Sanh.

*Tháng 5, niên hiệu Tự Đức thứ 17, ta đóng quân tại xứ Minh Long, chia binh làm 2 cánh quân, một đạo do Lãnh binh Phạm Biểu chỉ huy, một đạo do Phó Lãnh binh Nguyễn Mỹ, Bang Biện Kiều Lâm dẫn đi. Ban đêm, cánh quân Nguyễn Mỹ bí mật leo lên trên đỉnh núi Nòng phục trước. Sáng hôm sau, Phạm Biểu cho quân tiến công sách người Thượng Làng Nòng. Chúng chạy trốn trên đỉnh núi, đưa theo trâu bò, gà vịt, đồ vật gia sản, bất ngờ bị phục binh của Nguyễn Mỹ bắt gọn, tịch thu trâu bò mấy chục con, đồ vật thì nhiều vô kể.*

*Hôm sau, ta cũng lại chia 2 cánh quân tiến đánh người Thượng Đèo Gấp, lại đại thắng. Hôm sau nữa, ta chia 2 cánh quân tiến đánh người Thượng Nước Lụa, lại đại thắng. Cánh quân Nguyễn Mỹ đi trước mai phục, chờ khi cánh quân Phạm Biểu đánh vỡ mặt, địch chạy trốn đến chỗ quân ta mai phục thì đồ ta đánh, chúng hết đường chạy trốn, đành phải quy hàng. Suốt Đội Trịnh Võ Bá đánh giết tên cầm đầu người Thượng.*

Đến tuần trăng cuối tháng, khi quân ta tiến đánh người Thượng Ba Tơ, tên Đâu mục giặc Thượng là Đinh Luyện lần trốn nơi phía tây núi Tô Sơn. Không có đường bộ đi đến đó, mà chỉ có một dòng suối từ đó chảy xuống. Quân ta rượt theo đến đó thì chia thành 3 cánh quân, băng rừng cây bãi đá đánh lên, lục tung sào huyệt của chúng.

Quân ta lại đi ngược dòng suối ấy tiếp tục tiến lên đến núi Trà Nô tìm đường mà ra. Người Thượng ấy sợ khiếp. Ngày hôm sau, ta ở tại đồn, cứ Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm chia làm 3 cánh quân tiến vào sách Thượng Nước Năng. Người Thượng này cư ngụ trên núi cao, chỉ mỗi một đường lên duy nhất cực kỳ nguy hiểm. Trước hết Phạm Biểu phái đội binh Thiên Thiện tiến trước, bị giặc đánh làm bị thương nặng mấy mươi lính. Suất đội Huỳnh Văn Thủ bị tử trận. Ta nghe cấp báo bèn đích thân đến nơi thị sát hình thế, thấy có cánh rừng rậm mé tây sau núi có thể bí mật leo lên từ chỗ ấy. Ta bàn cử 2 cánh quân của Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm băng qua rừng cây bãi đá thủ thế bí mật tiến lên. Ta lại phái chỉ huy cơ Nhứt là Ngô Đắc Hộ kéo quân la hét làm ồn ào tiến đạo địch để thu hút chúng. Người Thượng ấy bị mắc mưu, tập trung cự chiến ở phía trước, quân Nguyễn Mỹ bắt đầu đánh phá mặt sau. Người Thượng hoảng kinh bỏ chạy tứ tán, quân ta thu được đồ vật gia súc rất nhiều. Từ đó, người Thượng Nước Năng chịu khuất phục.

Đến tháng 6, quân ta lại tiến đánh sách Thượng Làng Y. Quân ta tiến đến tận sào huyệt của giặc đánh tan đồ đảng của chúng rồi về, nhưng có một số tên ngang ngạnh lần trốn chưa chịu từng phục.

Tháng 4 năm Canh Tý (1864), niên hiệu Tự Đức thứ 18, ta lại mang quân đánh tiếp, phá hoại mùa màng vườn tược rất nhiều, họ cũng chưa chịu phục. Tháng 8 năm ấy, ta lại tiến binh leo lên núi cao thị sát hình thế để phái binh đánh dẹp lần nữa. Quân ta hành tiến theo con độc đạo trên núi trở về đồn nghỉ ngơi. Đến canh 3, ta phái Phan Văn Cựu chỉ huy một toán quân



tình nguyện chừng 10 người, theo đường núi bí mật đến sau sách Thượng Làng Y mai phục. Chờ đến canh 4, ta cùng Phạm Biểu, Kiều Lâm từ dưới tiến binh lên. Hai mặt giáp công, lại phá tan tàn sách Làng Y một lần nữa, nhưng quân địch cũng đã kịp lẩn trốn hết cả. Ta cho rút quân về nghỉ ngơi. Canh 5, ta phái Phạm Biểu bí mật kéo quân mai phục trong các khu rừng chung quanh đồn. Sáng ra, ta giả vờ kéo quân lên đường, chừng nửa giờ sau thì người Thượng theo những lối khác kéo đến bao vây lảng trại quân ta. Phạm Biểu cho phục binh ào ra chém giết mấy mươi tên. Trước sau bị quân ta đánh bại ba lần, người Thượng sách Làng Y thất kinh hàng phục.

Năm Tân Sửu (1865), niên hiệu Tự Đức thứ 19, ta lại mang quân tiến công sách Thượng Ba Nam.

Ở đây, núi rất cao, rừng cây rậm rạp. Trước hết, ta phái nhóm Thượng Ba Tư là bọn Đinh Luyện dẫn đường. Ta cùng Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, chia làm 3 cánh quân, vịn cây dẫm đá mà leo lên. Từ đầu giờ dần (sáng sớm) đến giờ Ngọ (đúng trưa) mới tới được sách Thượng, quân ta phá tan tàn, tịch thu đồ vật rất nhiều. Ta ban thưởng cả cho nhóm người Thượng Ba Tư, rồi kéo quân xuống núi. Đến cuối giờ Tuất (chiều tối) mới về tới chỗ đóng quân.

Tháng 3 năm Năm Quý Hợi (1863), niên hiệu Tự Đức thứ 17, ta cùng Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm lần thứ nhất tiến công phá tan tàn trại sách vòng ngoài của người Thượng Nước Tố tại núi Cao Muôn. Người Thượng Nước Tố dòi vào ở trong núi sâu, nhiều lần kéo xuống Trường Lũy gây hấn.

Tháng 10 năm Bình Dần (1866), niên hiệu Tự Đức thứ 20, ta kéo quân leo lên núi Cao Muôn một lần nữa thị sát hình thế rồi về.

Tháng 3 năm Đinh Mão (1867), niên hiệu Tự Đức thứ 21, ta phân binh làm 2 cánh quân, từ canh tư bí mật ngấm tằm leo núi, bất ngờ tiến vào trại sách chúng đánh phá tan tàn. Nhưng

chúng vẫn chưa chịu hàng phục, tháng sau, ta cùng Nguyễn Mỹ, Ngô Đắc Hộ phân binh đánh lên, không chỗ nào không leo tới, không chỗ hiểm nào không lung sục, không bỏ sót một góc ngách nào, bắt sống được năm sáu đàn ông dân Thượng đem về.

Tháng 5 năm này, ta lại tiến binh khuấy tung mọi chỗ trên núi Cao Muôn. Từ đó, người Thượng Nước Tô mới chịu hàng phục, di cư đến sinh sống nơi chân núi, chịu theo phép nước, đóng thuế đàng hoàng, không còn dám ương ngạnh nữa.

Tuy nhiên, người Thượng Nước Xênh của nhóm Đinh Tranh Đinh Trê ở trên núi Ó Giá, chứa chấp những tên Thượng cứng đầu tránh mặt triều đình. Ta đã mấy lần cho gọi đến trình diện, nhưng chúng chẳng chịu lộ mặt.

Tháng 3 năm Mậu Thìn (1822), niên hiệu Tự Đức thứ 22, ta tiến binh tuần vãng các xứ Thượng, đóng quân ở vùng Thuộc Vinh, nhờ chính người Thượng đã quy hàng ta dẫn đường, nhưng các người này không dám dẫn đường. Ta cùng Ngô Đắc Hộ, Nguyễn Mỹ dẫn quân theo sơn lộ Làng Ó tiến lên đến tận sào huyệt của chúng, đánh phá tan tành. Ta cho đóng quân tại đó một đêm rồi mới ra đi, khiến chúng khiếp sợ. Người Thượng Nước Xênh từ đó quy phục.

Có thể nói là qua mấy trận tiến công đánh phá đến tận sào huyệt, thì không sách Thượng nào không chịu khuất phục. Còn nếu đánh phá một lần mà chưa khuất phục được chúng, thì phải phân binh phòng thủ các Tấn phận, đồng thời nghiêm lệnh cho dân cư lân cận không để than củi vật dễ gây cháy gần Trường Lũy, thì sau đó mới có thể đề binh đến đồn bảo thuộc cảnh phận hạ trại. Từ lâu ta đã lưu ý nhiều về việc việc đóng quân. Vì một tháng, hoặc đôi ba tháng sau đó, nhất định người Thượng sẽ kéo đến công đồn. Nhất định ta sẽ phải đánh đuổi, nhưng ta chủ trương không nhất thiết phải truy bắt cho được họ, mà cho lính chốt giữ các xứ đồng của họ, chặn giữ không cho họ gặt lúa vào mùa hạ, mùa thu, khiến họ túng đói khờ người ra. Làm được như thế thì họ phải cụp đuôi xin tha, một lòng khuất phục.

Dù là người ngạo ngược đến mấy, mà áp dụng phương sách ấy thì cũng khả thi. Phương sách đối với người Thượng liệu có còn gì nữa không? Có đấy! Nên giữ sự thành tín là hơn, còn dùng cách lừa phỉnh thì chắc chắn họ không tin. Mà đã không tin thì nhất định họ không đến với mình. Mà họ không đến với mình thì khó mà khuất phục họ được vậy. Chắc chắn là thế!

Để họ đến với ta, trước hết ta phái các nhân viên trong bộ phận Dịch Man tò đến các xứ Thượng tìm gặp cho được các tay Cừ Mục kiệt kiệt nhất. Như tay Đinh Y ở cơ Nhứt, Đinh Lai ở cơ Nhì, Đinh Luyện, Đinh Kế, Đinh Lạp ở cơ Ba, Đinh Di ở cơ Tư, Đinh Doanh, Đinh Lạp ở cơ Năm, Đinh Cấp, Đinh Lạp ở cơ Sáu, Đinh Vóc ở Nước Li. Mời các Cừ Mục này theo các tay Dịch Man đến doanh trại quân ta, vào nơi bày sẵn kiếm kích uy nghiêm để họ cúi lạy làm lễ. Ta mở lời hiểu dụ, phân tích họa phúc cho họ nghe, nhưng cũng không nên để lộ ý ta chiêu dụ họ. Nếu trước đây người ta có tội với triều đình đi nữa thì ta chẳng hề nhắc đến, nhưng họ ăn ở hai lòng khiến ta phải bận rộn chinh chiến. Ta bảo họ nên đóng tô thuế để không tụ của cải nhiều, vì nhiều của dễ tụ tập với nhau làm chuyện phi pháp. Ta lập các Tấn phạt để họ biết việc phòng bị vì không có Tấn phạt thì dễ khiến họ dối trá né tránh. Khi họ thiếu đói thì được ta tha thuế và cứu tế giúp đỡ. Khi họ bị ngã bệnh thì ta cử thầy bốc thuốc. Khi họ có việc tranh chấp với nhau thì ta phân xử công bằng có tình có lý. Khi họ bị ai hiếp chế thì ta bênh vực họ, trừng trị kẻ ác. Nếu làng sách nào của họ có bọn giặc sống ngoài vòng pháp luật lai vãng lén lút làm bậy, hoặc có bọn sẵn mang tội trọng phải lần lút trốn lánh thì ta nghiêm lệnh cho Cừ Mục làng sách ấy khuyên chúng ra đầu thú, không được kéo dài tình trạng bất hợp pháp. Nếu họ không thực hiện thì ta trách phạt.

Ta đối sách với họ trước sau đều rất nghiêm chỉnh, không chút sơ sài-đơn giản. Một khi làng sách nào còn tỏ ra ương ngạnh, không chịu đóng thuế, nộp tô thì nhất định ta cho quân

đội đi cắt hết lúa của làng sách ấy đem về. Nếu vi phạm lần nữa thì ta đem quân đánh làng sách ấy.

Một khi Tấn phạt nào chọn rợn thì ta nhất định phạt vạ hoặc một trâu hoặc hai trâu. Đến ba bốn lần bị phạt vạ mà còn chọn rợn nữa thì ta đem quân đi đánh làng sách ấy.

Còn đối với những sách Thượng nào, hoặc ta cho mời người mà không đến quân doanh, hoặc ăn nói dối trá, hoặc bảo làm gì đó lại không chịu làm, thì ta nhất định phạt. Ba bốn lần tái phạm thì ta đem quân đến đánh.

Ta nói phạt là phạt, ta nói tha là tha một cách dứt khoát chẳng bao giờ thay đổi ý kiến. Ta nói đánh là nhất định đánh không ngần ngại lưỡng lự. Ta muốn bắt ai giết ai thì kéo quân đi bắt giết cho được. Còn ai dù có tội mà chịu khuất phục xin hàng, thì ta tha hết, chẳng hề nhắc đến tội trước làm gì.

Phải cho họ hiểu được việc ta làm, lời ta nói như dao chém, làm việc gì đến xong mới thôi, nhưng lại không ưa sự chém giết, không bao giờ bắt lỗi kẻ đã thật lòng quy hàng. Phải làm cho họ từ đó về sau, sợ ta nhưng không ghét ta, phục ta nhưng không khinh ta. Có như thế thì mới có thể nói là thật sự yên lòng về lâu về dài sau này.

Còn cái thủ đoạn cho vòì họ đến rồi bắt giết đi như vào niên hiệu Thiệu Trị thứ 2, Lãnh binh Vĩnh ra lệnh chặt đầu ba mươi người Thượng tại chợ đầu nguồn Bình An. Vào niên hiệu Tự Đức thứ 13, Án sát Hiến cho vòì nhóm Đinh Kế ở nguồn An Ba đến rồi bắt giam tất cả. Những mưu toan mời mọc giả dối ấy, có thể lập công lao trong nhất thời mà biết đâu rằng đã để lại hậu quả không nhỏ vậy. Người xưa đã từng nói gây bao chuyện rắc rối bất ổn nơi vùng biên không phải là những viên quan cai trị ấy thì là ai nào?

# PHƯƠNG SÁCH PHÒNG NGỰ

Miền thượng du hạt ta núi liền núi trải dài đến ngàn dặm, làng người Kinh, sách người Thượng không xa nhau là mấy. Thời quốc sơ (*đầu triều Nguyễn - thời Gia Long*), lập 6 đạo binh biên phòng, có đồn bảo trú đóng, nhưng bố trí còn sơ sài. Thời Tây Sơn, dân cư vùng ven núi tự lo phòng thủ.

Sau khi triều Nguyễn đại định thiên hạ, vào niên hiệu Gia Long thứ 3, triều đình mới tiến hành hành lập sáu cơ Kiên (*Lục Kiên Kỳ*) để quản lý cai trị người Thượng. Vùng Lục Kiên Kỳ bao gồm miền thượng du tây Quảng Ngãi, bắc giáp tỉnh Quảng Nam, nam giáp tỉnh Bình Định, phân thành 6 cơ Tấn phận (*nói gọn là 6 Tấn phận*). Cách khoảng 400, 500 trượng hoặc 700, 800 trượng lập một bảo, trú quân ở giữ.

Niên hiệu Gia Long thứ 18 (1819), xây dựng Trường lũy chạy dọc vùng biên, bên ngoài các đồn bảo để ngăn phòng. Từ đó về sau, nhiều lần số lượng đồn bảo khi giảm khi tăng. Nhưng thời ấy, quan lại phân chia vùng Tấn phận, xây dựng đồn bảo chưa hợp lý, chẳng qua vì họ căn cứ vào chiều dài Trường lũy mà bố trí binh quân, chưa tính đến sự lợi hại. Đến như các vùng núi non trọng yếu như Dốc Cây, Liệt Sơn, Thạch Quan, Thạch Lũy, Thạch Tượng, Đại Lộc, Hắc Thạch, Phước Lộc, Tập Cáp, thì hoặc là không có đồn, hoặc có mà chưa tương xứng. Tuy nhiên trong số quân lại từng ở đây có một vài vị tài năng như Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khắc Tuấn xem qua tình hình, chắc cũng biết là binh pháp chẳng từng dạy như thế bao giờ. Binh pháp có câu: "*Ngã đắc kỳ yếu tắc bi thụ kỳ hại, bi đắc kỳ yếu tắc ngã phản thụ kỳ hại*". Vấn đề "*yếu, hại*" như thế mà khi ta được phần "*yếu*" (*lợi thế*) lại không biết giữ lấy chẳng là kỳ quái hay sao? Để gì khiến cho người Thượng ngán ngại.

Niên hiệu Tự Đức thứ 16 (1864), ta phụng mệnh dẫn quân đi đánh dẹp người Thượng. Năm sau đánh dẹp xong hồi sư, ta cù

nhân viên đi khảo sát các Tần phận lập thành bản đồ. Căn cứ vào đó, ta tâu xin phân chia lại các Tần phận và đề nghị giảm bớt đồn bảo, đồng thời lập thêm trọng bảo tại các nơi hiểm yếu đặt trọng binh tại đó ở giữ. Ví như ở cơ Năm, bảo Huân Phong nằm trên con đường dài từ Đốc Cây đi xuống Nga Manh, bảo Liệt Sơn nằm trên ngã ba đường, một đường từ Đèo Ải đi xuống, một đường từ núi Liệt Sơn đi xuống, bảo Phú Nhơn nằm trên đường từ núi Thạch Quan đi xuống. Tại cơ Ba thì bảo Linh Chiêu nằm trên đường từ núi Thạch Lũy đi xuống, bảo Thạch Tượng Du nằm trên đường từ Ô Long đi xuống. Tại cơ Nhứt, bảo Đại Lai nằm trên ngã ba đường, một đường từ núi Đại Lộc đi xuống, một đường từ Đốc Sơn đi xuống. Tại cơ Nhì, bảo An Đình nằm trên đường từ núi Hắc Thạch đi xuống, bảo Phú Thành nằm trên ngã ba đường, một đường từ núi Đốc Công đi xuống, một đường từ con đèo băng qua núi Phước Lộc đi xuống. Tại cơ Tư, bảo Trường Đình nằm trên đường từ núi Bà đi xuống, bảo Mỹ Lộc nằm trên đường đèo băng qua núi Tập Cáp đi xuống. Tại cơ Sáu, bảo Thạch Phong nằm trên đường từ Phương Đá đi xuống, bảo Bàn Thạch nằm trên đường từ núi Công Cang đi xuống. Trên mười đồn bảo xung yếu ấy tại các cơ, lại lập thêm 3 đồn bảo lớn gọi là “*Tĩnh man tam đại bảo*”. Ta cùng Chánh Lãnh Binh, Phó Lãnh Binh tỉnh chia nhau phụ trách để nắm tình hình và kịp thời tổ chức ngăn chặn.

Đại bảo thứ nhất tại ấp Vạn Lý huyện Mộ Đức vì ấp này là yết hầu của huyện Mộ Đức. Ta còn lập bảo Hoàn Sơn tại xứ Thạch Tượng để làm thế ỷ dốc với bảo Thạch Tượng Du, đồng thời làm vòng ngoài cho đại bảo thứ nhất trên kia. Đại bảo thứ nhất này về phía tây quản lý hai yếu lộ Thạch Tượng, Thạch Lũy, về phía nam có thể tiếp ứng một nửa phía nam của cơ Ba, và có thể chiếu ứng cho các thôn ấp phía bắc của cơ Năm, về phía bắc có thể chiếu ứng nửa phía bắc cơ Ba và các xã thôn tối xung yếu tại cơ Nhứt.

Đại bảo thứ hai đặt tại xứ Bàn Thạch, huyện Mộ Đức như cũ. Một mặt, nó có mặt tại một nơi xung yếu là Gò Viên, và có khả năng chiếu ứng cho các đồn bảo ở cơ Nhì. Một mặt, nó chiếu ứng cho các Tấn phận thuộc cơ Nhứt, một vị trí Tĩnh man xung yếu thứ nhì.

Đại bảo thứ ba đặt tại đất yết hầu Chương Nghĩa. Một mặt, nó chiếu ứng Tấn phận cơ Tư, một mặt nó chiếu ứng Tấn phận cơ Sáu, cũng là một địa bàn Tĩnh man xung yếu thứ nhì.

Tại những Tấn phận là những xứ sầm uất mà hiểm tích thì thiết lập các sở đồn điền để lính vừa làm ruộng, vừa giữ được liên lạc với các bảo các cơ cùng nhau giữ an ninh trật tự địa phương.

Quân đội chỉ ở giữ các vị trí như trên, còn các đồn bảo khác phần lớn giao cho dân tại chỗ chia ban phân công canh giữ. Như các xã thôn trại ấp gần núi, gần Trường Lũy đều được lệnh thiết lập điểm canh, mỗi xã có một hay hai ba sở, mỗi sở có hào có rào kiên cố để phòng bị.

Chắc rằng có nhiều sách Thượng đã chịu khuất phục cũng theo đó mà tổ chức phòng thủ tại các Tấn phận của mình. Chắc rằng tại các cơ, tại các lân ấp cho đến đông đảo dân cư cũng đều tổ chức tự canh giữ. Cho dù là người không biết gì mà thấy phương sách phòng bị như thế cũng sẽ cho là kín kẽ và an toàn.

Trên đây là phương sách phù hợp và đảm bảo hơn cả.





## QUÁ TRÌNH KIẾN THIẾT QUA CÁC TRIỀU VUA

Người Thượng đã hiện diện tại hạt ta từ rất lâu đời. Đến niên hiệu Chính Hòa, nhà Hậu Lê trung hưng mới phái Đô Đốc Trần Quận Công (Búi Tá Hán) tới trị nhậm miền này. Ngày nay, còn thấy một số đồn bảo hoang phế bên rìa núi, người ta bảo đó là di tích do ông Trần Quận Công cho xây dựng để cai trị người Thượng. Đó là chuyện dân gian lưu truyền, không hề có tư liệu để kê cứu. Sau khi ông Trần Quận Công qua đời (1568) thì ông Nguyễn Quận Công Nguyễn Bá Quỳnh lên thay, trấn nhậm ba năm rồi về Bắc. Năm Canh Ngọ (1570), niên hiệu Chính Trị thứ 13 triều Lê Anh Tôn thì Hoàng triều ta nắm giữ miền này.

Thần truyền Thánh kế, trong thời gian 200 năm người Kinh người Thượng ai ở vùng này, lo làm ăn sinh sống, không hề nghe nói đến chuyện phòng ngự, đánh dẹp người Thượng. Mãi cho đến thời vua Thế Tôn Hiếu Võ triều ta (tức Võ vương Nguyễn Phúc Khoát) mới nghe đến việc thiết lập 6 đạo đồn doanh ở Quảng Ngãi để phòng giữ vùng biên. Đó là vào những năm thuộc niên hiệu Thạnh Đức, rồi năm sáu mươi năm tiếp theo chẳng có gì thay đổi, cho đến thời Tây Sơn thì 6 đồn doanh bị hoang phế, nhân dân đều phải tự lo, cứ người thổ hào thổ mục của địa phương mình đứng ra chỉ huy cuộc phòng ngự. Niên hiệu Cảnh Hưng thời vua Lê Hiển Tôn, triều ta lấy được nước, đại định thiên hạ.

Năm Giáp Tý (1804), niên hiệu Gia Long thứ 3, vua Thế Tổ Cao Hoàng cho bố trí lại, từ hệ thống phòng chống người

Thượng 6 Kiên Kỳ cũ thành 10 Kiên Kỳ. Cứ ba đình (độ tuổi đi lính) thì lấy một đình. Lại tuyển lựa trong số đình ấy lập ra 12 Đội thành một Vệ, bổ sung cho Đoàn quân Minh Nghĩa, dưới quyền chỉ huy của Tả Quân Lê Quận Công (Văn Duyệt) di chuyển vào Gia Định chờ sai phái. (*Đoàn quân Minh Nghĩa nổi tiếng một thời dưới sự chỉ huy của Tả Quân Lê văn Duyệt*). Chỉ để lại tại các cơ, mỗi cơ 8 Đội, quản lý 2 Suất Đội, 8 Trưởng Trú, mà không có phân ban. Lại lấy các viên chỉ huy trong Lục Kiên, ai có phẩm chất cao thì cho kiêm chức. (*người đầu tiên là Lưu Thủ Nguyễn Công Toàn*). Các Tán phận từ núi Phước Lộc trở ra Bắc cho đến núi Tập Cáp, được biên chế thành cơ Trung Kiên, từ phía bắc núi Tập Cáp đến sông Nham là cơ Tả Kiên, từ phía bắc sông Nham đến nguồn Thanh Bông thành cơ Tiền Kiên. Từ phía Nam núi Phước Lộc đến Suối Chí là cơ Tả Kiên, từ phía nam Suối Chí đến sông Thanh Thủy là cơ Hậu Kiên, từ bờ nam sông Thanh Thủy đến xã Duyên Trường là cơ Nội Kiên. Tất cả đều do Tán thủ tại chỗ kiêm nhiệm (*người đầu tiên cũng là Lưu Thủ Nguyễn Công Toàn*). Năm Kỷ Mão (1819), niên hiệu Gia Long thứ 18, quan Khâm Sai Chương Tả Quân Bình Tây Tướng Quân Quận Công Lê công Văn Duyệt, tâu cho xây dựng Trường Lũy, phía nam từ ranh giới huyện Bông Sơn, Bình Định, phía bắc đến ranh giới huyện Hà Đông, Quảng Nam. Dọc theo Trường Lũy có hào trồng rào tre gai. Mặt trước phía vùng đất người Thượng để trống, mặt sau Lũy, xây dựng 115 đồn bảo. Mỗi đồn bảo bố trí trên dưới 10 lính, cộng cả thấy 1.150 người. Lại tổ chức dân cư các làng ven vùng Thượng thành 27 lân ấp cùng lo việc phòng ngự với các cơ Kiên. Tại cơ Trung Kiên có 4 lân ấp là Trung Phần, Trung Dũng, Trung Uy, Trung Tín. Tại cơ Tiền Kiên có 5 lân ấp là Tiền Thái, Tiền Mỹ, Tiền An, Tiền Vân, Tiền Sơn. Tại cơ Tả Kiên có 4 lân ấp là Tả Sơn, Tả Thanh, Tả Dũng, Tả Hùng. Tại cơ Hữu Kiên có 5 lân ấp là Hữu An, Hữu Trí, Hữu Hội, Hữu Hòa, Hữu Dũng. Tại cơ Hậu Kiên có 4 lân ấp là Hậu Thành, Hậu Nghĩa, Hậu Tường, Hậu Quỳnh. Tại cơ Nội Kiên có 5 lân ấp là Nội Phúc, Nội Lộc, Nội Thọ, Nội Bảo, Nội Tài.

Mỗi lân áp đều có Trưởng Lân, Phó Lân, các Tấn phận lại khai khẩn đất đai làm ruộng, mỗi năm lúa thu có cả ngàn, đều sung công nho.

Năm Nhâm Ngọ (1822), Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế niên hiệu Minh Mệnh thứ 3, đổi Trưởng lân áp thành Bát Phẩm Bách Hộ, Phó lân áp thành Cửu Phẩm Bách Hộ.

Năm Nhâm Thìn (1832), niên hiệu Minh Mệnh thứ 13, vệ quân Minh Nghĩa rút về Nam, đồng thời đổi tên các đơn vị đồn trú. Sáu cơ Kiên thành sáu cơ Tĩnh Man, cơ Trung Kiên thành cơ Nhứt, cơ Tiền Kiên thành cơ Nhì, cơ Tả Kiên thành cơ Ba, cơ Hữu Kiên thành cơ Tư, cơ Hậu Kiên thành cơ Năm cơ Nội Kiên thành cơ Sáu. Các lân áp dân cư thì vẫn như cũ, quân đội lập thêm 2 đồn bảo, cộng cả thảy là 117 đồn bảo do quân đội quản lý. Lại xem xét tình thế từng vùng đất, cải thiết 31 đồn canh của dân trong khắp sáu cơ Tấn Phận. Như vậy, dọc Trường Lũy có cả thảy 148 đồn canh.

Năm Quý Tỵ (1833), niên hiệu Minh Mệnh thứ 14, Gia Định có loạn (*loạn Lê văn Khôi*), triều đình lấy 1.000 biên binh (*quân chính quy*) của sáu cơ Tĩnh Man biên chế thành hai Vệ quân là vệ Tráng Uy và vệ Nghiêm Uy, di chuyển vào Gia Định đánh giặc. Quân còn lại giao cho tỉnh, đặt dưới quyền chỉ huy thống nhất của quan Lãnh Binh tỉnh nhà. (*người đầu tiên là quan Lãnh Binh tên Hựu*). Công thự của Lãnh Binh đặt tại làng Bồ Đề, huyện Chương Nghĩa.

Năm Giáp Ngọ (1834), niên hiệu Minh Mệnh thứ 15, triều đình lại lấy tiếp 250 biên binh trong sáu cơ, cộng với 500 lính của tỉnh, biên chế thành Vệ quân Hùng Uy, phái vào Phú Yên trú phòng.

Năm Ất Mùi (1835), niên hiệu Minh Mệnh thứ 16, dẹp xong loạn Gia Định, triều đình trả hai vệ Nghiêm Uy, Hùng Uy trở về, điều động vệ Tráng Uy chuyển đến Trấn Tây thành (*Chân Lạp*).

Năm Bính Thân (1836), niên hiệu Minh Mệnh thứ 17, triều đình điều động vệ Tráng Uy trở về. Quân đội các cơ được biên chế lại, lấy cơ Sáu đổi thành một vệ gọi là vệ Quảng Nghĩa, còn 5 cơ kia thì qua xem xét cụ thể sắp xếp lại các Tần phạm để tiện cứu ứng lẫn nhau. Từ phía nam núi Phước Lộc đến bờ sông là cơ Nhứt. Từ phía bắc núi Phước Lộc đến bảo Linh Chi là cơ Ba. Từ phía bắc bảo Linh Chi đến nguồn Thanh Bồng là cơ Nhì. Từ bờ sông phía nam đến núi Thạch Lũy là cơ Tư. Từ phía nam núi Thạch Lũy đến xã Duyên Trường là cơ Năm. Mỗi cơ có 8 Đội, 2 Quản, 8 Suất đội. Riêng cơ Tư có 10 Đội có đủ 500 lính, 10 Suất đội. Từ đó, ruộng đất của công trại bỏ hoang, có nơi dân tại chỗ lãnh trưng, có nơi sung vào công điền thuộc chính quyền địa phương.

Năm Đinh Dậu (1837), niên hiệu Minh Mệnh thứ 18, triều đình cho mộ hương binh trong dân 33 trại, ấp, sách thành một đội hương binh nằm dưới sự quản lý của các cơ. Thêm một chức Bá hộ cho đội này.

Năm Kỷ Hợi (1839), niên hiệu Minh Mệnh thứ 20, tỉnh Quảng Nghĩa tâu lên về việc đã tiến hành rà soát, bỏ bớt đồn bảo ở những nơi dễ, lập thêm đồn bảo ở những nơi khó, hiện có 116 bảo.

Cơ Nhứt có 22 bảo là các bảo Phú Thọ, Tuy An, Thuận An, Tuấn Lĩnh, Dũng Thủy, Phú Thành, An Lạc, Bảo An, Phú Sơn, Vĩnh Khánh, Phú Lâm, Nghĩa Sơn, Kiên Thành, Thổ sơn, Mỹ Thị, Hưng Nhơn, Hưng Bình, Phú Xuyên, Phú Nhuận, Lân Đình, An Đình, Giang Đình.

Cơ Nhì có 21 bảo là Thanh Bồng, An Viên, Thanh Nguyên, Thạch bàn, Kiên Giáp, Cao Đồi, Trường Giang, An Sơn. Viên Môn, Bàn Thạch, Thạch Câu, Tuấn Mã, Phong Lĩnh, Lâm Hội, Vân Lê, Tạch Nham, Thạch Phong, Hùng Lĩnh, Đẻ Trụ, Thanh Khê, Linh Chi.

Cơ Ba có 22 bảo là Kiên Thạch, An Lĩnh, Hùng Thành, Cam Lâm, Tráng sĩ, Đại Phụ, Phong Duyệt, Mỹ Lộc, Thanh Thụ, Giảng Võ, Tú Lĩnh, Thạch Lĩnh, An Lĩnh, Thạch Lâm, Mỹ Sơn, Trung Phù, Bồng Lai, Củng Cố, Trường Đình, Trường Hòa, Lý Nhân, Tân Long, Phước Lộc.

Cơ Tư có 25 bảo là Phước Lộc, Ninh Giang, Tài Công, Võ Giáp, Long Bình, Khánh Giang, Bình Hòa, An Ninh, Vạn niên, Thạch Bi, An Thạch, Lập Thạch, Vĩnh An, Bình An, Tân An, Tân Bình, Mậu Lâm, Bích Khuê, Trúc Lâm, Hùng Nghĩa, Xuân Linh, An Phong, Bình Định, Thạch Lũy, Tam Giang.

Cơ Năm có 24 bảo là Hòa Tường, Lâm Tùng, Nhân Hòa, Thạch Căn, Thuận Lợi, Thanh Thủy, Mỹ Thuận, Phú Nhơn, Thanh Lê, Lương Tài, An Bài, Vạn Phúc, An Tượng, Trạch Lâm, Liệt Sơn, Hương Thanh, Sơn Quan, An Nhơn, Thanh Lâm, Vân Phước, Lâm Tài, Thọ An, Dũng Thanh Trung.

Năm Giáp Thìn (1844), Hiến Tổ Chương Hoàng đế, niên hiệu Thiệu Trị thứ 4, quân thứ Tôn Thất Bật, Nguyễn Khắc Tuấn tâu về việc bãi bỏ hương binh và chặt bỏ rào tre trước Trường Lũy, cũng như giảm bớt 71 đồn bảo. Chỉ ở những nơi hiểm yếu thì giữ nguyên các đồn bảo. Cơ Nhứt giữ lại 9 đồn bảo là Tuấn Lĩnh, Phú Thành, Vĩnh Khánh, Mỹ Sơn, Thổ Sơn, Hưng Nhơn, Phú Xuyên, Lân Đình, Giang Ngạn. Cơ Nhì giữ lại 9 đồn bảo là Thanh Bồng, Thạch Bàn, Kiên Giáp, Trường Giang, Thạch Câu, Tuấn Mã, Thạch Nham, Thạch Phong, Linh Chi. Cơ Ba giữ lại 8 đồn bảo là Hùng Thành, Mỹ Lộc, Tú Lĩnh, Giảng Võ, Trung Phù, Trường Đình, Phước Lộc. Cơ Tư giữ lại 9 đồn bảo là Ninh Giang, Thạch Bi, Bình An, Mậu Lâm, Trúc Lâm, Xuân Linh, Bình Định, Tam Giang. Cơ Năm giữ lại 8 đồn bảo là Thanh Lâm, Sơn Quan, Liệt Sơn, Vạn Phước, An Bài, Phú Nhơn, Nhơn Hòa, Hòa Tường. Tổng cộng suốt Trường Lũy giữ lại 43 đồn bảo. Năm Đinh Mùi (1847), niên hiệu Thiệu Trị thứ 7, Lập thêm 13 đồn bảo, gồm cơ Tư lập thêm 6 đồn bảo là Phú Lộc, Võ Giáp, Vạn Niên, Lập Thạch, Bích Khuê, Thạch Lũy, cơ Năm lập thêm

7 đồn bảo là Tùng Lâm, Thanh Thủy, Lương Tài, Trạch Lâm, Hương Thanh, An Thành, An Phú. Như vậy suốt Trường Lũy bấy giờ có 56 đồn bảo. Quân số của 5 cơ là 2.151 người. Quản lý vẫn như cũ.

Triều Đức Kim Thượng ta, vào năm Quý Sửu (1853), niên hiệu Tự Đức thứ 6, triều đình ra lệnh thu gọn 5 cơ còn 3 cơ, cứ 5 đình lấy 1, mỗi cơ có 10 đội quân, mỗi đội quân có 50 lính, 2 Quán, 10 Suất đội, số còn lại chờ phân bổ làm Kinh binh, tinh binh. Từ phía bắc bảo Khánh Giang đến bảo Trung Phù là cơ Nhứt. Từ phía bắc bảo Trung Phù đến nguồn Thanh Bồng là cơ Nhì. Từ phía nam bảo Khánh Giang đến bảo Tiệt Cương xã Duyên Trường là cơ Ba.

Năm Ất Mão (1855), niên hiệu Tự Đức thứ 8, quân thứ của các tướng Trần Tri, tuyển lựa trong cư dân các lân ấp ven Trường Lũy, chọn lấy 500 người khỏe mạnh lập nên cơ Nghĩa Dũng đưa vào luyện tập chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài của đất nước (*Đội quân này về sau theo Trần Tri vào giữ thành Gia Định năm 1858-1859 chống lại pháo thuyền Pháp*).

Triều đình lệnh cho tỉnh đốc thúc binh dân 3 huyện tu bổ Trường Lũy và bố trí 80 đồn bảo canh giữ Trường Lũy.

Năm Bính Thìn (1856), niên hiệu Tự Đức thứ 9, triều đình lại ra lệnh cho tỉnh ráo riết bắt lính trong dân 3 huyện ven Trường Lũy (*tức cả tỉnh Quảng Nghĩa*), bổ sung lính cho 9 cơ, sau đó lại biên chế thành 8 cơ, mỗi cơ 10 Đội, mỗi Đội 50 lính, 2 Quán, 10 Suất đội, lính đi nghĩa vụ 10 năm. Triều đình lại ra lệnh cho tỉnh giảm, mỗi cơ chỉ còn 1 Quán, 5 Suất đội, mỗi cơ chỉ còn giữ lại 5 Đội, mỗi Đội 100 lính. Tại mỗi cơ chỉ còn 1 Quán 5 Suất đội, phân thành 3 ban, cứ 2 tháng thì thay. Lại bố trí chức Tuần Vũ Quảng Nghĩa, sau lại thôi, giao cho quan Bố Chánh sứ (*đầu tiên là Phan Tĩnh*) cùng quan Lãnh Binh lo liệu công việc. Năm Canh Thân (1860), niên hiệu Tự Đức thứ 13, lại phục hồi chức quan Tuần Vũ chuyên quân sự. Chu Phúc Minh làm Tuần Vũ Quảng Nghĩa, sau phạm tội phải bị cách.

Năm Quý Hợi (1863), niên hiệu Tự Đức thứ 16, triều đình cho tăng cường một Phó Lãnh Binh cho tỉnh Quảng Nghĩa (*người đầu tiên là Nguyễn Mỹ*) để cùng quan Lãnh Binh chỉ huy 8 cơ sự vụ. Triều đình lại tăng cường cho Quảng Nghĩa một chức quan Tiểu Phủ sứ. Ta là người địa phương Quảng Nghĩa làm chức ấy. Phạm mọi việc ta cùng Chánh, Phó Lãnh Binh bàn thảo thống nhất. Bấy giờ, dân cư sinh sống ven Trường Lũy, bị người Thượng lấn phen gây thiệt hại. Trong khi đó, binh lính của 8 cơ thì thiếu hụt, ta tâu xin giảm còn 6 cơ thôi để dưỡng sức dân.

Năm Giáp Tý (1864), niên hiệu Tự Đức thứ 17, triều đình chuẩn thuận tờ tâu của ta. Ta tổ chức gọn lại thành 6 cơ, mỗi cơ 10 Đội, mỗi Đội 50 lính, 2 Quán, 10 Suất đội. Ta lại tuyển lựa trong 6 cơ, lấy mỗi Đội 10 lính khỏe mạnh nhất, tức mỗi cơ 100 lính khỏe mạnh. Với 600 lính khỏe mạnh ấy, lập Vệ Tĩnh Man Chiến Sĩ phân thành 12 Đội, mỗi Đội 50 lính, có một Chánh Vệ Úy, một Phó Vệ Úy, 12 Suất Đội. Ta lại phụng mệnh tuyển mộ thêm lính, không phân biệt có sổ bộ (*hộ khẩu*) tại chỗ hay không, rồi biên chế thành một cơ mới là cơ Tĩnh Man Nghĩa Hùng. Cơ này có 10 Đội, 1 Quán, 10 Suất đội, 2 đội Dịch Man mỗi đội đều có 1 Suất đội. Ta cho xây dựng ba đồn bảo lớn gọi là Tĩnh Man tam đại bảo giao cho cơ Tĩnh Man Nghĩa Hùng mới lập này. Ở giữ Tả bảo là chiến sĩ 4 đội Nghĩa Hùng, 7 đội Dịch Man, 2 đội Thiên Thiện, 4 đội Tiểu Phủ sứ. Ở giữ Chánh bảo là chiến sĩ 4 đội Nghĩa Hùng, 1 đội Chánh Lãnh binh. Ở giữ Hữu bảo là chiến sĩ 4 đội Nghĩa Hùng, 2 đội Phó Lãnh binh. Ngoài ra, bỏ bớt số lượng đồn bảo, mỗi cơ chỉ giữ lại trên dưới 7, 8 bảo mà thôi. Ta lại tổ chức dân cư các lân ấp đưa vào huấn luyện quân sự hình thành Dân quân của khắp 6 cơ. Mỗi lân có một viên Quán lân, mỗi tổng có một Cai Tổng, mỗi lân có một Lân Trưởng, 2 hoặc 3 Đầu Mục. Tóm lại, một nửa số bảo ở cơ Ba cho đến cơ Nhứt, Trường Lũy xa cách không tiện lập đồn bảo, phải chuyển các bảo đến phía đông Đại Sơn, đều đổi tên để tiện canh giữ. Các nơi xung yếu đều bố trí biên binh các cơ ở giữ. Các nơi khác thì dân

quân canh giữ. Đồn bảo cũ hiện còn 47 cái, công thêm 3 đồn lớn mới lập hẳn 50 cái.

Tại cơ Nhứt, biên binh ở giữ bảo Đại Lãi, còn 6 bảo Đại Định, Phước Lĩnh, Thọ Vực, Đông Thành, Đa Phước, Ngô Đồng do dân quân canh giữ.

Tại cơ Ba, biên binh ở giữ bảo Linh Chiêu, còn 6 bảo Thiên Phong, Hùng Sơn, Hùng Quan, Bách Lộc, Hòa Bình, Thạnh Mỹ do dân quân canh giữ.

Tại cơ Năm, biên binh ở giữ 3 bảo là Phú Nhơn, Liệt Sơn, Huân Phong, còn 5 bảo An Bài, An Sơn, Xuân Sơn, Sơn Viên, Tiệt Cương do dân quân canh giữ.

Tại cơ Nhì, biên binh ở giữ 2 bảo là An Đình, Phú Thành, còn 6 bảo Phú Nhuận, Thổ Sơn, Nghĩa Sơn, An Lạc, Phú Thọ, Tuy An do dân quân canh giữ.

Tại cơ Tư, biên binh ở giữ 2 bảo là Trường Đình, Tú Lâm, còn 6 bảo Phú Thọ, An Trì, Tú Lĩnh, Tuấn Lĩnh, Mỹ Lộc, Tráng Sĩ do dân quân canh giữ.

Tại cơ Sáu, biên binh ở giữ 2 bảo là Thạch Phong, Thạch Bàn, còn 7 bảo Thanh Lâm, Linh Chi, Bàn An, Trường Giang, Kiên Giáp, Tuấn Mã, An Viên do dân quân canh giữ.

Có tất cả 40 lân ấp thuộc 6 cơ.

Tại cơ Nhứt có 7 lân là Quy Lộc, Quy Xuân, Quy Sơn, Quy An, Quy Tây, Quy Phú, Quy Phước thất.

Tại cơ Ba có 6 lân là Cẩm Thành, Cẩm Tú, Cẩm Thạnh, Cẩm Phước, Cẩm An, Cẩm Giao.

Tại cơ Năm có 7 lân là Tri Bình, Tri Thành, Tri Hòa, Tri Hội, Chiêm Thành, Chiêm Mỹ, Chiêm Khánh.

Tại cơ Nhì có 5 lân là Thượng Hợp, Thượng Hòa, Thượng An, Thượng Phước, Thượng Thọ.



Tại cơ Tư có 6 lân là Trung Bàn, Trung An, Trung Vinh, Trung Bình, An Điền, Hội Điền.

Tại cơ Sáu có 9 lân là Mỹ Điền, Phước Điền, An Phú, An Hòa, Tân An, Tân Lộc, Vĩnh Tuy, Phương Đình, Xuân Mỹ.

Năm Bính Dần (1866), niên hiệu Tự Đức thứ 19, triều đình lệnh về việc đưa số ruộng bỏ hoang hai bên Trường Lũy thành lập đồn điền của các cơ, binh lính các đội chia phiên để mỗi đội làm ruộng trong một tháng. Lúa thu được thì sung công. Giải thể các đội Thiên Thiện.

Năm Đinh Mão (1867), niên hiệu Tự Đức thứ 20, tâu xin thúc bổ cơ Nghĩa Hùng làm 5 đội. Tại Tả bảo, 6 đội chiến sĩ, 5 đội Nghĩa Hùng, 2 đội Dịch Man ở giữ. Tại Chính bảo, 3 đội chiến sĩ ở giữ, tại Hữu bảo, 3 đội chiến sĩ ở giữ.

Năm Mậu Thìn (1868), niên hiệu Tự Đức thứ 21, tâu xin dời Tả bảo đến bảo Tú Lâm ở cơ Tư, đổi tên là bảo Đệ Nhất. Chánh bảo đổi tên là bảo Đệ Nhị. Hữu bảo đổi tên là bảo Đệ Tam. Biên binh ở cơ Tư, trước ở giữ tại bảo Tú Lâm nay dời qua ở giữ bảo Mỹ Lộc. Còn bảo Ngũ Giản giao cho dân tại chỗ canh giữ.

Tại các sách xứ Thượng Minh Long, Làng Y, Nước Năng lập 3 đồn bảo lớn có tên là bảo Minh Long, bảo Y Xuyên và bảo Hoàng Ngr.

Vào tháng 3 năm Canh Ngọ (1870), niên hiệu Tự Đức thứ 23, lại lập thêm bảo Lê Nguyên tại sách Nước Li để các năm tới quân đi tuần vắng xứ Giá Bột của người Thượng vùng núi cao, có nơi trú ngụ. Khi hồi sư thì giao cho người Thượng tại chỗ canh giữ. .



# CÁC VỊ TƯỚNG NỘI TIẾNG TRONG CÔNG TÁC NGƯỜI THƯỢNG

Từ khi tinh ta tiến hành quản lý các làng người Thượng đến nay có lẽ đã bốn năm trăm năm rồi. Trong thời gian ấy, có nhiều lần người Thượng kéo xuống quấy nhiễu thì cũng xuất hiện các nhân vật xuất sắc đứng ra lãnh đạo quân dân đánh dẹp. Từ Trần Quận công Bùi Tá Hán trở về sau, có cả chục nhân vật bình man tài tuấn. Các vị ấy, có người là văn quan, có người là võ tướng, có người thiên về phủ dụ, có người chủ trương đánh dẹp. Cho đến nay, nhân dân vẫn còn nhớ đến công đức của họ, người Thượng vẫn còn khiếp sợ oai dũng của họ. Mỗi người một vẻ, trước họ chẳng thấy ai như thế, sau họ chẳng có ai sánh kịp. Danh tướng nước ta có kém chi Ban, Triệu thời Hán, Bê, Lý thời Đường, Khấu, Hàn thời Tống. Vì thế, tôi ghi chép sự tích các danh tướng nước ta cũng là việc có ích để cho người đời sau học tập.

## Ông BUI TÁ HÁN

Ông người Bắc kỳ, vào niên hiệu Chính Hòa (triều Hậu Lê Trung hưng), ông làm chức Bắc Quân Đô Đốc Phủ Chương Phủ Sự Trấn Quận công

Ông được phái vào trấn thủ Quảng Nam khi hạt này còn thuộc vào phủ Thăng Hoa, đạo Quảng Nam. Bảy giờ, ông đối xử với người Thượng như đối với người Kinh, nên người Kinh, người Thượng đều được yên ổn làm ăn sinh sống, không xảy ra việc xâm biên gây rối nhau. Có người cho rằng, người Thượng đều là nô bộc của ông, song chỉ nghe đồn thế thôi, chứ chẳng có chứng cứ gì. Ông qua đời vào năm Mậu Thìn (1568), được tặng hàm Thái bảo, được nhân dân Kinh Thượng lập đền thờ, chăm lo hương khói cho đến tận ngày nay. Đến bây giờ người ta còn thấy một vài phế tích bên cạnh núi, người Thượng bảo đó là đồn binh

hoặc là vườn rẫy ngày xưa của ông Trần công Bùi Tá Hán. Chẳng biết có đúng không? Song thấy người Thượng người Kinh thành khẩn cầu cúng ông thì chắc là thờ sinh thời ông là người có uy đức lớn.

### **Ông NGUYỄN CƯ TRINH**

Ông tự là Nghi, hiệu là Đạm Am, là con nhà thế gia vọng tộc ở đất Thừa Thiên – Huế. Ông thi đỗ Hương cống khoa Canh Thìn (1740), là người khảng khái có trí mưu, liệu việc khôn ngoan và chính xác. Mùa xuân năm Canh Ngọ (1750), thời vua Thế Tôn Hiếu Võ (chúa Nguyễn Phúc Khoát), hạt ta bị người Thượng xâm lấn. Ông giữ chức Tuần vũ Quảng Nghĩa, viết thư ra sức phủ dụ, người Thượng không chịu ra mặt, ông quyết đem quân đánh dẹp. Quân Thượng thì nhiều, đường sá xa xôi, hiểm yếu, ông bèn sáng tác sách “*Sãi Vãi*” bằng tiếng Nôm để khuyên răn, thông qua những lời đối đáp của một tăng một ni. Ông kéo quân đến đâu, người Thượng ở đó tan vỡ trốn chạy tứ tán. Ông nghĩ khi mình kéo quân về thì người Thượng lại tụ tập quấy phá, bèn hạ lệnh lập trại đóng quân, khai thác đồn điền ngay nơi bản làng sào huyệt của người Thượng, giả vờ như sẽ đóng quân lâu dài ở đó. Người Thượng sợ hoảng, lần lượt kéo đến trại quân ông xin quy hàng. Ông võ về khuyên bảo rồi cho rút quân thẳng trận trở về.

### **Ông ĐẶNG ĐẠI LƯỢC**

Ông quê ở Phong Đăng, Quảng Bình, làm chức Cai bạ tại doanh Quảng Nam thời vua Thế Tôn Hiếu Võ (chúa Nguyễn Phúc Khoát). Ông làm quan thanh liêm, cơm rau dưa đạm bạc, biết giữ mình, không nhận biếu xén. Khi có người mang quà đến thì luôn từ chối, nói thẳng là nhà có dư.

Năm Tân Ty, Thế Tôn Hiếu Võ Nguyễn Phúc Khoát năm thứ hai mươi ba (1761), giặc Thượng tràn xuống quấy phá. Nhà chúa bổ nhiệm con trai ông là Đặng Đại Độ làm chức Ký lục tại doanh Quảng Nam, còn ông thì vua sai cầm quân đánh giặc

Thượng. Khi ông đến Quảng Nghĩa, tất cả tướng sĩ đều đã nghe danh liêm khiết đạo đức của ông nên một lòng kính sợ ông, không ai dám vi lệnh. Ông cho tiền quân khuấy tung sào huyệt, đại phá giặc Thượng. Từ đó, người Thượng thấy đều nhiếp phục.

### **Ông TRẦN PHƯỚC THÀNH**

Ông còn có tên khác là Trần Đại Tiên, tự Trọng Triệu, quê Hòa Vinh, Quảng Nam, là con của quan Cai đội Cẩm binh Trần công. Ông từ nhỏ đã ham ngựa, ngày ngày dong ruổi chẳng thấy mệt, tuổi đã 18 mà chưa từng học chữ. Bấy giờ có ông thầy đồ tên Võ Xuân Nùng, người Quảng Bình đến Hòa Vinh mở lớp dạy chữ ở gần nhà ông, thấy ông tướng mạo sáng sủa, bèn hỏi cha ông: *"Câu nhà có tướng học trò, sao không cho đi học?"*. Trần công bảo: *"Cháu ham võ nghệ quá, chưa từng được học chữ, nay may có thầy, xin thầy giúp cho"*. Thế là từ đó, ông bắt đầu học chữ, lại rất sáng dạ, học tới đâu thuộc tới đó, chẳng mấy năm đã lâu thông Kinh sử, không sót quyền nào.

Người đương thời tán tụng ông xem như là một hiện tượng, xếp ông đứng đầu *"Tam phụng"* đất Trảng An (*Trần Phước Thành, Nguyễn Đình Trung, Phan Đắc Thục*). Đến khi đi thi Hương, ông đỗ Giải nguyên (đỗ đầu).

Thời vua Duệ Tôn Hiếu Định Nguyễn Phúc Thuần, ông là Hàn Lâm Thị giảng. Đến mùa đông năm Đinh Hợi (1767), ông được thăng làm Ký lục tại doanh Quảng Nam. Mùa hạ năm Canh Dần (1770), người Thượng tràn xuống quấy phá. Nhà chúa giao ông làm Khâm sai Cai bạ đi tuần hành 5 phủ, nghiên cứu dẹp giặc. Ông được giao quyền điều khiển tướng sĩ sáu đạo đồn doanh thuộc 3 phủ tại Quảng Nghĩa và hai phủ Bình Định, Phú Yên để đánh dẹp. Ông đến Quảng Nghĩa, ra lệnh cấm chi mọi giao dịch Kinh Thượng nơi các vùng đầu nguồn, rồi mới tiến công quân địch. Người Thượng khiếp sợ xin quy hàng, ông rút quân về.

## Ông NGUYỄN CÔNG ĐỊCH

Ông người xã Liên Chiêu, tổng Cẩm Đức, huyện Mộ Đức. Chỉ biết trước kia ông làm quan Cai giám, không rõ thời nào, song căn cứ sách Thông Chí viết về ông thì vào thời quốc sơ (thời các chúa Nguyễn) ông có công đánh dẹp giặc Thượng, nên sau khi ông qua đời được phong là Phụ quốc Thượng tướng quân.

Ở đầu cơ Ba (*nay là cơ Tư*) có một đồn bảo tên là đồn Cai Giám. Các vị bộ lão địa phương cho ta biết, sau khi ông qua đời thì hai vùng đất Minh Long, Thuộc Vinh mới lại mất về tay người Thượng. Xem thế thì ông có công dẹp người Thượng thật. Cũng theo lời họ nói mà suy đoán rằng ông ở vào triều vua Thế Tôn Hiếu Võ Nguyễn Phúc Khoát. Còn sự tích cụ thể về ông thì không còn lại gì để kê cứu cả.

## Ông TRẦN NGỌC CHỦ

Ông người Vĩnh An, huyện Mộ Đức. Thời vua Duệ Tôn Hiếu Định Nguyễn Phúc Thuận (Lê Cảnh Hưng nhà Lê), Ông chỉ huy đạo Nội Kiên. Năm Giáp Ngọ (1774), ông nhận nhiệm vụ xây dựng 3 đồn An Sơn, Thiêu Cây, Núi Lộc để cản người Thượng. Năm Ất Mùi (1775), tình hình khá yên ổn, ông cho canh tác ruộng hoang ở bờ tây thôn Tây An và các xứ đồng Cửa Lung, Cai Trôi, Núi Lộc ở An Thạnh. Ruộng canh tác tổng cộng hơn 75 mẫu 5 cau. Ông lại cho hai đồn Núi Ải, Đồng Bồ ở Xuân An khẩn canh các xứ đồng nơi chân núi Tây Thành là Hải Hạc, Bảo Tháp, Cửa Vải, Màng Tang, Đồng Găng, Lợi Đá, Bảo Lãng, Ngòi Lũng, Mạu Quân, Thủy Bài, Ô Phi, Đồng Răm, Thiêu Cây, Hóc Dung, Hóc Răm, Nước Đang, Sa Lung, các xứ đồng nơi chân núi Nam Thành là Đồng Giữa [字中], Cửa Rễ, Hạch Khái, Tuần Vĩnh, Bàu Răm, Bàu Ngọ, Bàu Duệ, Cửa Lỗ, Bảo Lai, Mạu Khối, Gò Tre, Hạch Cây, Lợi Cà, Lỗi Nãi, Núi Bế, Bàu Voi, Đá Bàn. Ruộng đất khai khẩn nơi trên 40 mẫu nơi trên 54 mẫu cộng 119 mẫu 2 cau, ngoài ra còn cho xây thêm 3 đồn bảo mới là Mỹ Sơn, Sở Hầu, Lỗ Dừa trên 10 mẫu đất hoang nữa, tổng cộng hơn

129 mẫu 7 cau. Tất cả đều cho lập sổ bộ để thu thuế liên tục mãi cho đến khi quân Tây Sơn nổi lên mới làm gián đoạn.

Năm Quý Sửu (1793), vua Thế Tổ Cao Hoàng (Gia Long) phục nghiệp, ông được lệnh tấn công quân Tây Sơn nơi sông Trà Khúc, chẳng may bị tử trận. Bấy giờ, quân Tây Sơn vào quê ông ở Mộ Đức đốt rụi nhà ông, may là vợ con đã kịp bỏ trốn. Sau khi đã lấy được nước, vào năm Gia Long thứ ba (1804), triều đình nhớ công ông, ban sắc phong ông chức hàm Khâm sai Chương kỳ Quản suất lục đạo Cẩm An hầu. Truy tặng danh hiệu Công thần Minh Nghĩa Quang Tiến Trấn Quốc Đại Tướng Quân Cẩm Y Vệ Chương Nha Sự Chương Kỳ. Ban tên thụy cho ông là Uy Dũng.

### Ông LÊ CÔNG LỤC

Ông gốc người làng Châu Me, huyện Bình Sơn, cư ngụ xã Hòa Vinh, huyện Chương Nghĩa. Ông có sức mạnh hơn người, tính tình hào hiệp. Thời Tây Sơn, người Thượng tràn xuống quấy nhiễu khắp mọi nơi, sáu đạo đồn doanh đã tàn lạc cả, nhân dân tại chỗ phải tự mình hợp sức tự cố thủ. Người ta biết ông là người võ dũng liền suy tôn ông đứng ra lãnh đạo. Ông chọn người mạnh khỏe lập thành đội ngũ dạy võ nghệ cho họ. Nhóm người Thượng nào xuống quấy phá, ông cất đội ngũ dân ở đó phòng ngự, còn ông thì lãnh đạo khi năm sáu mươi người, khi ba bốn mươi người dân dũng cảm, theo đường tắt tìm đến tận buôn làng của nhóm người Thượng ấy, nhân đêm tối bắt trọn vợ con của chúng dẫn về. Có khi, do thám biết được nhóm người Thượng sẽ kéo đến quấy nhiễu một nơi nào đó, ông cho phục kích nơi yếu lộ, chờ người Thượng đi đến, hô dân đổ ra đánh, chém bắt được vô số. Ông còn cho đắp đập ngăn sông Minh Long để ước dâng ngập ruộng lúa xứ đồng của người Thượng, khiến họ không cày cấy được, rơi vào cảnh đói khổ. Ông giỏi dụng binh, điều quân tiến thoái như thần, cho nên g người

Thượng bầy giờ rất kiêng sợ ông, nhân dân ba huyện ở giáp ranh với người Thượng suy tôn ông là đệ nhất anh hùng. Vua Thái Đức nhà Tây Sơn là Nguyễn Nhạc nghe danh ông, phong ông làm Đại Đô Ty Duyên Hồ hầu. Sau khi ông qua đời, vì từng nhận chức của nhà Tây Sơn nên không được lưu truyền sự tích.

### Ông LÊ VĂN DUYỆT

Ông người làng Bồ Đề huyện Mộ Đức, về sau vào Nam, cư ngụ tại Định Tường. Từ khi sinh ra, ông bị dị tật ản cung (*không hòn giái*), lớn lên là một thanh niên trầm tính, khỏe mạnh rất ham đánh nhau. Vì có tật ản cung nên ông được tuyển làm Thái giám, từng theo vua Gia Long từ thành Vọng Các (*Bangkok – Thái Lan*) trở về. Ông làm quan tới chức Tả Doanh Đô Thống chế, là đệ nhất công thần trung hưng của triều Nguyễn trong các trận chiến Thị Nại, Tư Hiền, được phong tước Quận Công Bắc Phạt Lục Bình Tây Tướng quân. Năm Giáp Tý, niên hiệu Gia Long thứ ba (1804), hạt ta lại bị giặc Thượng tràn xuống quấy nhiễu, ông phụng mệnh đem quân đi đánh dẹp. Ông đến nơi, đặt bản doanh tại trấn lý, chỉ phái quan Lưu thủ là Nguyễn Công Toàn dẫn quân đi đánh. Ông tâu lên triều đình về việc lập 6 cơ Kiên, lập các Chiêu phận, Tấn phận để phòng thủ.

Rồi ông theo lệnh vua vào làm Tổng trấn Gia Định thành. Năm Mậu Dần, Gia Long thứ 17 (1818), viên Đội trưởng tên Trì có thù oán riêng với viên Quản suất, bèn bỏ vào xứ Thượng xúi giục họ tràn xuống quấy nhiễu binh dân.

Vua lại cho vời ông từ Gia Định trở về hạt ta đánh dẹp người Thượng. Ông đến trấn lý, phái người đi tìm tên Đội trưởng Trì khuyên nó nên lập công chuộc tội. Tên Đội trưởng Trì vốn từng nghe uy danh của ông nên tin lời, đích thân tìm đến quân doanh nhận tội. Ông tha tội cho tên Trì và tương kế tựu kế bảo nó quay về xúi giặc Thượng tràn xuống tấn công các đồn bảo của ta. Ông phái Lưu thủ Nguyễn Công Toàn dẫn các đạo binh mai phục



chờ người Thượng đến thì nổi lên đánh, bắt giết giặc vô số. Ông lại điều động tướng sĩ hai trấn Quảng Nam, Bình Định đến hợp lực với tướng sĩ sáu cơ Kiên tại chỗ, phân làm nhiều hướng tổ chức một cuộc đại tấn công vào các làng sách người Thượng. Đánh dẹp suốt hai năm, không bỏ sót một chỗ nào, người Thượng bị săn đuổi đến đường cùng, phải khẩn cầu xin hàng phục. Hai lần đánh dẹp giặc Thượng, đích thân ông chẳng từng phải trèo đèo lội suối, ngày ngày ông ung dung xem hát bội, dự đá gà nơi trấn lỵ. Tướng sĩ của ông thay đều sợ oai ông, ông không cần ra lệnh mà công việc vẫn cứ được thi hành răm rắp. Người Thượng thì khiếp đảm, không bao giờ dám nhắc đến tên “ông Bộ” (tức là ông). Uy vọng của ông đến như thế đấy!

Năm Kỷ Mão, Gia Long thứ 18 (1819), ông tâu lên triều đình về việc xây dựng Trường Lũy để làm ranh giới cho hai vùng đất Kinh – Thượng và cũng để tiện cho việc khai khẩn đất công, bổ sung quân dụng. Sau khi ông qua đời, người Thượng vẫn còn khiếp oai ông, suốt 20 năm tiếp theo họ không dám xuân động. *(Thuở sanh tiền, vào những khi khí trời nóng bức ông hay bị chứng cảm mạo thì có bạch hổ tinh xuất hiện nơi trướng phòng của ông. Linh hầu ông thỉnh thoảng nhìn thấy nhưng không dám la lớn. Đó là lời kể của những người trong đội quân Minh Nghĩa nổi tiếng một thời của ông).*

### Ông NGUYỄN CÔNG TOẢN

Ông người làng Diên Niên, huyện Bình Sơn (nay là thôn Diên Niên, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh) nổi tiếng tài sức hơn người từ khi còn rất trẻ. Vào niên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê, tức là triều vua Duệ Tôn Hiếu Định Nguyễn Phúc Thuần, người Thượng tràn xuống quấy nhiễu, một mình ông rượt chém người Thượng, cứu người, thu hồi đồ vật gia súc gia cầm. Ông được bổ làm Cai đội chỉ huy sáu đạo binh. Giặc Thượng nghe tiếng ông không còn dám léo hánh, nhân dân được an cư một bề. Thời Tây

Sơn, ông được phong Đại Đô đốc, nhưng về sau, ông nghe tin vua Thê Tô Cao Hoàng (*Gia Long*) đang ở Gia Định, ông bỏ chức của Tây Sơn tìm vào ứng nghĩa, có công trạng. Khi vua Gia Long cử Lê Văn Duyệt đi đánh dẹp giặc Thượng. Cả hai lần, Lê Văn Duyệt đều ủy thác cho ông chỉ huy việc chinh讨. Lê Văn Duyệt có công điều binh khiển tướng, nhưng thực tế trèo đèo lội suối vào ra nơi gian khổ nguy hiểm là công sức của ông. Ông làm chức Lưu Thủ tại doanh Quảng Nghĩa kiêm Hữu Kiên Kỳ. Sau khi ông qua đời, được phong hàm Anh Dũng Tướng Quân Khinh Xa Đô Úy, được tặng thưởng Anh Dũng Liệt Hầu Uy Dũng Tướng Quân.

### Ông PHAN TĨNH

Ông người Gia Định, đỗ Cử nhân khoa Mậu Tý (1828), từng làm quan tại triều đình và các tỉnh. Làm quan ở tỉnh, gọi là ngoài địa phương, ông từng giữ chức Tuần vũ (*tức người đứng đầu một tỉnh, còn chức Tổng đốc cao hơn thì thường kiêm 2 tỉnh*), làm quan ở trung ương, gọi là trong triều đình, ông làm tới Tham Tri ở một bộ.

Năm Tự Đức thứ 8 (Giáp Dần - 1854), tướng Trần Tri điều quân tuần tra giặc Thượng tại hạt ta, ông giữ chức Tham biện cho Trần Tri, đưa ra nhiều ý kiến sáng suốt và góp nhiều công lao. Sau đó, triều đình cử ông làm chức Bố chánh Quảng Nghĩa. Trong công việc tại tỉnh nhà, ông quan tâm nhiều đến việc phòng thủ người Thượng. Các đồn bảo ở ấp Vạn Lý Hữu vệ, ngày nay đã hoang phế là do ông cho lập nên. Thời ông làm Bố Chánh Quảng Nghĩa, thì Nguyễn Trường Duyệt giữ chức Lãnh Binh Quảng Nghĩa, rất được ông tín nhiệm. Mỗi khi xảy ra lộn xộn từ phía người Thượng gây ra, thì hai ông đưa quân đánh dẹp, nên người Thượng rất sợ hai ông. Năm Tự Đức thứ 11 (Đinh Tỵ - 1857), ông được triều đình phái đi làm chức Tham Tán cho quân thứ Gia Định. Ông qua đời ở đó.

## Ông NGUYỄN TRƯỜNG DUYỆT

Ông quê Quảng Nam, ban đầu từng làm việc ở Kinh rồi sau làm Quản Kỳ Tĩnh Man. Năm Tự Đức thứ 8 (Giáp Dần - 1854), giặc Thượng tràn xuống quấy phá, tướng Trần Tri đem quân đánh dẹp, thì ông làm tỳ tướng. Ông vốn rành địa thế và cung cách của người Thượng Quảng Nghĩa, nên cánh quân của ông gặt hái được nhiều thắng lợi.

Sau đó, ông được triều đình phong chức Lãnh Binh Tĩnh Man Quảng Nghĩa, cũng là khi Phan Tĩnh làm Bồ Chánh Quảng Nghĩa. Hai ông rất hợp ý nhau, cùng nhau sát cánh dẹp người Thượng, khiến người Thượng khiếp sợ, không dám manh động gây rối. Khi Phan Tĩnh chuyển vào Gia Định, Tham tán Nguyễn Tăng Tín lên thay làm Bồ Chánh Quảng Ngãi. Hai người không hợp nhau, công việc không suông. Ông lại lâm bệnh, xin về quê rồi qua đời.

oOo

Công cuộc đối sách với người Thượng ở hạt ta, trước thời Bùi Quận công (Bùi Tá Hán) có vị danh tướng nào phụ trách hay không thì không thể khảo được. Tiếp theo Bùi Quận công hàng trăm năm đã lần lượt xuất hiện các danh tướng, ban đầu là Nguyễn Cư Trinh, rồi đến Đặng Đại Lược, Trần Ngọc Chử, Lê Công Lục, Lê văn Duyệt, Nguyễn Công Toàn. Các vị ấy thầy đều lập nên công tích rạng rỡ, mà cả người Kinh người Thượng hạt này đã lưu truyền sự trạng qua mọi thời kỳ.

Từ triều vua Minh Mệnh trở về sau, thì có Lãnh binh Nguyễn Vĩnh, Tuần vũ Chu Phúc Minh. Hai ông này đều thuộc hạng võ quan xuất sắc, họ đến đây lo việc người Thượng nhiều lần, nên rất tường tận địa thế núi non nơi cư trú của người Thượng Quảng Nghĩa cũng như biết rõ tình hình dân Thượng. Nhờ thế việc người Thượng Quảng Nghĩa thời ấy được họ lo liệu

ôn thỏa cả. Từ đó về sau, có người báo cáo láo đẽ tâng công, có người vì tuổi già mà đáng tiếc. Nhưng sau này có Phan Tĩnh, Nguyễn Trường Duyệt đến trị nhậm hạt ta, lấy tài đức mà nói thì họ không thể sánh với cổ nhân, nhưng việc chế ngự người Thượng mà họ làm vào thời của họ cũng đáng được nhắc đến.

Ngoài ra, người đến nhậm chức làm quan cai trị tại hạt ta thì liên tục, nhưng có người may gặp thời buổi người Thượng không tràn xuống quấy nhiễu, có người bản tính luộm thuộm chẳng tài năng chẳng làm được gì. Những hạng ấy thì ghi chép vào đây làm chi cho tốn giấy mực thời giờ. Ta bỏ hết!

# Hình tượng

## NGƯỜI DÂN TỘC MIỀN NÚI QUẢNG NGÃI QUA VĂN HỌC CÁCH MẠNG

----

Trung tướng  
NGUYỄN ĐÔN  
với BÌNH MINH BA TƠ

*Lời dẫn:*

*Trung tướng Nguyễn Đôn là một trong vài ba người chủ chốt lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thành công. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ với khởi nghĩa Bắc Sơn và khởi nghĩa Ba Tơ là ba cuộc tiền khởi nghĩa quan trọng nhất trong cả nước. Sách “Bình minh Ba Tơ” của Trung tướng Nguyễn Đôn là một tài liệu lịch sử quý giá đồng thời là một tác phẩm có giá trị văn học, do nhà xuất bản Quân Đội nhân dân ấn hành năm 2001.*

*Chúng tôi xin phép trích dẫn một số đoạn trong sách “Bình minh Ba Tơ” nổi tiếng, các đoạn văn có liên quan đến người Thượng Quảng Ngãi. Các đoạn văn này nói lên tình nghĩa gắn bó keo sơn Kinh – Thượng, đồng thời thể hiện lòng yêu nước và mưu trí của những người cách mạng Ba Tơ trong tiền khởi nghĩa.*

----

# Hồi ức BÌNH MINH BA TƠ

---

## VÙNG THƯỢNG CƠ NHẤT LÀ CĂN CỨ CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN CỦA ĐỘI DU KÍCH BA TƠ

---

### Già Kiêu ở Giá Vụt

Mùa xuân năm 1943, trước và sau Tết âm lịch, vợ con, người thân, họ hàng và một số cán bộ nông cốt ở cơ sở cũng trà trộn vào đây để lên thăm chúng tôi. Trong vài ngày họ ở lại Ba Tơ, chúng tôi tranh thủ bồi dưỡng phương pháp tuyên truyền, vận động xây dựng các tổ chức cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Hết hạn thăm nuôi, mỗi người ra về đều mang theo một hành trang nhỏ về kinh nghiệm tổ chức xây dựng phong trào. Riêng việc gây cơ sở trong đồng bào người Thượng ở núi cao, lâu nay có tư tưởng chống Pháp thì chưa làm được, mặc dầu chúng tôi đã giác ngộ một số quần chúng tốt trong người Thượng ở mấy buôn làng quanh Ba Tơ. Nhưng khi nhờ họ đưa đường lên các vùng núi cao thì họ lắc đầu “Úa hua! Úa hua!” (Không dám! Không dám!). Hỏi kỹ chúng tôi mới hiểu họ sợ bọn địch bắt bỏ tù. Và các tù rừng thủ lĩnh bắt tội nặng nếu sào huyệt bị lộ.

Tôi tìm xuống cụ Trần Toại. Cụ Toại giới thiệu tôi với anh Giàu, một nông dân người Thượng thường làm thuê và được gia đình cụ Toại giúp đỡ lúc ngặt nghèo. Cuộc sống gia đình anh hoàn toàn ngược với tên gọi của anh. Sống giữa vùng rừng núi mà nhà anh dột trước dột sau. Quanh năm quần trên mình cái khổ rách, ngày mưa ngày rét thì ngồi bên bếp lửa khoác thêm tấm đồ trên vai. Tôi đem đến cho anh vài bộ quần áo cũ, ít thuốc men.

Khi đã quen thân, tôi ngỡ lời nhờ anh đưa tôi lên Giá Vụt gặp Già Kiêu, một tù trưởng nức tiếng chống Pháp trước đây. Anh Giàu vui vẻ nhận lời. Trở về tôi bàn với anh Khoách, anh Phấn lo liệu việc trá trình diện với lính gác cổng, tôi vắng mặt, rồi chuẩn bị hành trang lên đường.

Sau vụ thu hoạch vào tháng ba âm lịch là Tết cổ truyền của đồng bào dân tộc H'ré. Tết kéo dài một tháng, hoặc từ đầu tuần trăng này đến đầu tuần trăng sau. Chuẩn bị Tết, nhà nghèo cũng có sáu bảy ché rượu cần, mất bốn năm yến gạo để gói bánh. Nhà giàu đâm trâu, nhà nghèo cũng giết heo. Họ thăm viếng ăn chơi, ca hát suốt ngày đêm vang tiếng cồng chiêng. Những thù hận xích mích trong năm đều được đưa ra phân xử trong những ngày vui Tết. Họ tháo những gút dây ghi hận thù để chứng tỏ lòng mình đã thanh thản, coi nhau như anh em. Tết cũng là mùa cưới vợ cưới chồng. Tùy theo giàu nghèo, xinh đẹp mà người ta đặt tiền cưới bằng nồi đồng, ché rượu, chiêng cồng, bò trâu, heo gà. Khi mọi thỏa thuận đã xong xuôi, người ta chào nhau “Ú ca các lé” (không còn phạt vạ gì nữa).

Tôi và Giàu lưng mang gùi, vai đeo túi đựng vải vóc, kim chi, áo quần may sẵn, ít thuốc chữa bệnh, vài ba chai rượu “Vân cự” để che mắt lính tuần. Nếu gặp chúng, tôi có thể nói dối là lái buôn đi bán hàng. Chúng tôi vượt Mang Đốc, qua đèo Trà Nô. Đến đây không còn sợ lính tuần nữa, chúng tôi ngồi lại dưới những bóng cây kơ-nia giờ cơm gói ra ăn. Ăn xong lại tiếp tục đi. Chúng tôi đi giữa tiếng cồng chiêng âm vang của núi rừng Tây nguyên mừng lễ hội. Gần chiều chúng tôi lội qua sông Giá Vụt, dừng lại tắm rửa, rồi đặt chân lên vùng “đất cấm” của tù trưởng Già Kiêu.

Tôi hỏi Giàu:

- Gần đến làng Già Kiêu chưa anh?

Giàu chỉ tay ra phía trước, trả lời:

- Qua cái đồi này, lội ngược con suối, rồi leo thêm hai dốc nữa, chừng nào mồ hôi ướt lưng mới tới buôn ngoài.

Đến buôn ngoài, tôi gặp ngay một thanh niên trạc tuổi hai lăm, cao lớn vạm vỡ, mình trần, tóc cắt ngang vành tai, mày rậm, mắt sáng quắc, ngang bụng nịch một thắt lưng to bản bện bằng dây thừng, quanh lưng đeo ná, ống tên và một dao rùng ánh nước thép. Theo sau là mấy thanh niên cầm mác, mang ná và ống đựng tên. Giàu bước lên trao đổi gì với người thanh niên. Một lúc anh ta tiến về phía tôi, nhú đôi lông mày rậm nhìn về ngờ vực. Giàu giải thích:

- Đây là người cộng sản anh em an trí Ba Tư muốn lên đây gặp cha mày bàn chuyện đánh Tây giành lại con nước cái rừng, bỏ cái thuế cái xâu đó.

Nghe xong, anh nói to bảo tôi:

- Mày đánh Tây cần lúa gạo, thịt rượ gì lên đây cha tao cũng cho. Còn mộ binh ở đây không được đâu. Qua nhiều mùa rẫy từ hồi cha tao còn trẻ, nay đã già mà Tây cũng không lên đây được. Ông trời cho chúng tao xuống núi giết hết bọn Tây thì giữ núi này mà sống không đi xâu nộp thuế cho Tây đâu.

Nghe anh Giàu dịch lại tôi mỉm cười:

- Người cộng sản không cần cái gạo cái thịt cái rượ đâu, mà cần bàn với Già Kiêu hợp sức đánh thẳng Tây.

Anh thanh niên quay lại dặn ba người cầm mác đứng canh gác chúng tôi, còn anh và hai người nữa đi vào bên trong. Họ đi rồi, tôi đứng lại nhìn ra chung quanh thấy thế núi thế khe ở đây thật hiểm trở. Kẻ thù đến đây làm sao đoán được trong khu rừng già kia cái gì đang đợi chúng: một giàn thò, một bãi chông hay nước từ trên cao bất ngờ đổ xuống con suối cạn, đất đá cây rừng cuốn phăng đi hàng trăm tên lính! Tôi mỉm cười nhớ lại chiến thuật “Sa nan úng thủy” của vị tướng tài Cao Thắng mà ngày nào tôi đọc thấy trong cuốn sách viết về cuộc chiến đấu chống Pháp



của cụ Phan Đình Phùng. Tôi thăm phục tài tổ chức chống Tây của người tù trưởng già này.

Khi ba người trở lại, anh thanh niên giữ Giàu ở bên ngoài, rồi đưa tôi đến gặp Già Kiêu. Già Kiêu đứng ở đầu "tra" (đầu hồ nhà) đợi khách. Bước vội lên mấy bậc thang, anh thanh niên đến trước mặt Già Kiêu:

- Thừa cha, thằng tà-pọt (da trắng) này là người cộng sản an trí Ba Tư lên đây gặp cha bàn đánh Tây.

Bây giờ tôi mới biết anh ta là người con trai tâm phúc của tù trưởng. Già Kiêu niềm nở mời khách vào nhà. Tôi ngồi xuống chiếc chiếu hoa trải sẵn. Trong lúc Già Kiêu thổi bùng ngọn lửa, hâm nóng ấm nước chè xanh rồi rót vào hai cái bát sứ. Tôi đảo mắt nhìn quanh, trong gian nhà rộng, nội đồng đủ cỡ nhỏ to sắp chồng lên nhau từ sàn đến mái. Trên đầu nằm của Già Kiêu là hàng chục bộ chiêng, ché sắp thẳng hàng. Ở đầu tra, trên hai sợi song mây mắc đầy những bộ sừng trâu trắng hếu. Nhìn cách trang trí trong nhà cũng đủ biết vị tù trưởng già này là người giàu có và đầy thể lực đối với dân quanh vùng. Già Kiêu mời tôi uống nước rồi mở đầu câu chuyện. Ông nói tiếng Kinh rất sôi, thỉnh thoảng nói chen vài tiếng dân tộc, giọng trầm đục chậm rãi:

- Mấy năm nay biết Tây bắt người cộng sản lên giam ở Ba Tư, nhưng tao chưa gặp mặt. Nay có người an trí tà-pọt lên đây, cái bụng tao mừng lắm. Tao muốn nghe người cộng sản đánh Tây như thế nào. Liệu có thắng được nó không? Dân vùng này mấy lần nổi dậy đánh đồn, nhưng cái ná không giết được chúng nó nhiều. Tây đem lính về đốt buôn phá rẫy, dân phải bỏ làng kéo nhau lên núi cao. Ở đây không có muối, thiếu cái cuốc cái rựa làm rẫy, cái nồi rang gạo, mảnh vải làm khố, cây kim sợi chỉ vá may. Có đũa sọ Tây, sọ đói ra hàng Tây. Mấy lần Tây đồn, kiểm lý Ba Tư nhấc lên mời tao ra làm chánh tổng, nhưng tao không nhận. Tao ghét thằng Tây, ghét quan ta, không muốn nhìn mặt bọn nó. Bây giờ mày lên đây ở lâu lâu bày cho cách đánh Tây.

Tôi ngồi nghe, cảm thông với tâm lòng người tù trưởng già khao khát tự do.

Tôi nói:

- Từ khi Tây chiếm nước mình, người Kinh, người Thượng bị nó bắt đi xấu nhiều, nộp thuế nặng. Kêu xin thì nó đánh, chống lại thì nó giết, bắt tù. Người công sản chúng tôi đánh Tây là để giành lại đất nước để người Kinh, người Thượng đi lại làm ăn giúp đỡ lẫn nhau. Nước mình mình giữ, đất mình mình làm ăn, không ai áp bức ai, không phải đi xấu nộp thuế.

Già Kiêu chồm sang nắm tay tôi:

- Nghe mày nói tao sướng cái bụng quá, ước gì được vậy.

Người tù trưởng im lặng, đôi mắt mơ màng nhìn ra khung trời trước mặt như đang hình dung cảnh Kinh Thượng kết đoàn, thương yêu nhau, bỏ qua mọi thù hận. Rồi gõ quý, măng rừng... theo con suối con sông về xuôi; gạo muối, vải vóc, cuộc rựa, kim chi... theo vai người lên núi.

Một lúc, Già Kiêu quay sang hỏi tôi:

- Nhưng tao lo, thằng Tây có cái súng nhiều, bắn đi xa, còn cái ná mình bắn không tới nó, cái mác mình đâm không thủng thịt da nó, làm sao giết hết được, đuổi được nó ra khỏi nước mình?

Tôi cười:

- Thế mà lâu nay Tây có lên được buôn của già đâu. Mình đánh nó theo cách của mình, miễn sao giết được nhiều Tây, nhiều lính. Đánh hoài giết hoài thì nó cũng phải bỏ nước mình mà đi thôi.

- Mày nói trúng cái bụng tao rồi. đã nhiều mùa rẫy, từ hồi thằng đội "Xạc" kéo lính lên bị cái chông giàng mũi tên độc của dân làng tao bắn chết thì nó không dám lên nữa.

- Nhưng lâu nay nó làm người Kinh ghét người Thượng, người Thượng thù người Kinh, nên Kinh Thượng chưa hợp sức cùng nhau “bờ rỏ tà dè” (nổi dậy đánh giặc). Chỗ này đánh, chỗ kia không, nên Tây bắt lính nơi này đi đánh nơi khác. Kinh Thượng chưa có người tài giỏi chỉ cách đánh Tây. Nay mình có cụ Nguyễn Ái Quốc, người tài giỏi đi nhiều nước học cách đánh Tây, coi Kinh Thượng như anh em một nhà, kêu gọi đánh đuổi thẳng Tây ra khỏi nước mình rồi cùng nhau làm ăn, sao cho người Thượng có cái khổ lạnh, cái váy đẹp, học được cái chữ người Kinh, có bữa cơm no. Bây giờ ở núi rừng ngoài Bắc mình cũng có một vùng Tây không lên được. Cụ Nguyễn Ái Quốc đang ở đây bày người Thượng người Kinh đánh Tây, dạy họ học cái chữ.

Già Kiêu chăm chú nghe, thỉnh thoảng gật gật đầu, kêu lên “ọ! ọ! gió! gió!” (ừ! ừ! đúng! đúng!).

Tôi đọc và dịch lại bức thư của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Trâm ngâm suy nghĩ một lúc, Già Kiêu bảo tôi:

- Mày nói hay lắm! Tao chưa được nghe ai nói như mày, tao tin mày, tin cộng sản đánh được Tây. Nhưng việc này to lắm, phải giữ kín. Tao sẽ nghĩ, lần sau lên đây, tao sẽ nói cái bụng tao nghĩ gì.

- Ông cứ nghĩ, nhưng việc đánh Tây không chậm được đâu.

Tôi lựa cách nói cho Già Kiêu hiểu Nhật sẽ vào Đông Dương, bắt dân mình phá lúa trồng bông, trồng lạc. Ngoài Bắc người chết đói đầy đường. Tây ghét Nhật nhưng sợ, vì Nhật-Đức-Ý hợp sức đưa quân đi đánh chiếm nhiều nước. Trước sau thì Nhật cũng cướp nước mình.

- Vậy đợi đến lúc đó đánh luôn thể - Già Kiêu ngắt lời tôi.

- Không! Việc đánh Tây phải lo từ bây giờ. Nhật-Đức-Ý tuy mạnh nhưng đang trong thế thua. Vì bị quan Nga Pháp Mỹ Anh Tàu hợp sức đánh lại. Dưới xuôi ngày nào tàu bay Mỹ cũng ném bom vào quân lính và tàu Nhật đậu ngoài khơi, có lần lửa bốc cháy suốt ngày đêm.

Hôm đó, Già Kiêu thết tôi một bữa cơm rượu với thịt nai khô. Đêm ấy, một già một trẻ người Thượng ké Kinh nằm bên nhau say sưa bàn chuyện đánh Tây.

Hôm sau tôi gởi biếu Già Kiêu một số hàng đem theo, mua một đôi gạc nai vắt lên vai trở về Ba Tơ để che mắt bọn người xấu.

## **Người Thượng núi Cao Muôn**

Đông xuân năm 1944, Ủy ban vận động cứu quốc có thêm anh Giao (tức đồng chí Trương Quang Giao, bấy giờ vừa vượt ngục, ngay sau đó là Bí thư tỉnh ủy lâm thời) họp kiểm điểm tình hình, đề ra nhiệm vụ mới: Đó là khẩn trương chấp nối với các cơ sở trung châu một thời gian tạm ngưng hoạt động để che giấu lực lượng, cần tiếp tục liên lạc với các tù trưởng người Thượng chuẩn bị lập khu căn cứ an toàn. Khẩn trương in ấn số tài liệu anh Giao mang về để mở lớp huấn luyện. Việc huấn luyện do anh Kiệt (tức Trung tướng Phạm Kiệt) và anh Giao phụ trách, nhưng chỉ tiếp xúc với từng người một để giữ bí mật. Tôi lo việc in ấn tài liệu. ...

Biết trên núi Cao Muôn có hai anh em người Thượng là Rua và Rói kiên quyết lập căn cứ chống Tây, tôi bàn với anh Giàu đi một chuyến lên đây. Chúng tôi mang theo vài bộ quần áo, ít thuốc men, mấy ống muối, vượt bến Buôn, ngược dòng suối Sung, gần trưa thì đến chân núi. Dừng lại nghỉ ở cửa rừng, trước mặt tôi là hai dãy núi cao, một con đường hẻm nằm kẹp ở giữa, lau lách cây rừng lan ra gần lấp lối đi. Tôi hỏi:

- Còn bao xa nữa thì đến buôn?

Anh Giàu nhẩm tính một lúc rồi trả lời:

- Đi đến chừng nào ông mặt trời quần dưới chân mình thì gặp người của họ.

Chúng tôi kẻ trước người sau, bám vào cây rừng, leo theo con đường dốc đứng. Mồ hôi thấm ướt cả quần áo. Đến khi tụt được sang dốc bên kia thì trước mặt tôi là một cánh đồng rộng với những chân ruộng bậc thang. Gió đại ngàn tràn qua đỉnh dốc men theo sườn núi làm lay động cây rừng. Nhưng khi gió đổ vào cánh đồng thì loãng ra làm nổi sóng biển lúa xanh rờn, không khí mát dịu. Tôi đưa mắt nhìn ra xung quanh, chỉ thấy vài chòi lúa bỏ trống, không người canh giữ. Nhìn địa thế hiểm trở tôi bảo anh Giàu:

- Chỗ này “bờ rỏ tà dẻ” (đánh giặc tốt đấy).

- Ừ, mấy lần lính đồn lên đây, có thằng bị tên thuốc độc bỏ xác.

Chúng tôi leo qua các chân ruộng bậc thang lần tìm vào buôn. Đang đi bỗng tôi phát hiện có nhiều người trai gái già trẻ tay cầm ná cầm mác chạy nhanh ra bốn phía rừng. Tôi đoán là họ chạy về các vị trí bố phòng đã sắp sẵn. Chỉ còn lại một người già tay lăm lăm cây mác ra chắn lối chúng tôi. Giọng ông già vang lên, sắc lạnh:

- Lăm ti lé? (Đi đâu đấy?)

Tôi trả lời lại bằng tiếng dân tộc:

- Tôi là người an trí ở Ba Tư lên tìm các anh bàn chuyện đánh Tây.

Ông già quay sang anh Giàu hỏi:

- Gió ù? (Đúng không?)

- Gió! Gió! (Đúng! Đúng!) Anh Giàu trả lời.

Vẻ căng thẳng trên mặt ông già biến mất. Ông nhìn tôi gật gật đầu, mỉm cười. Tôi bước lại nắm cánh tay ông. Cả thân hình ông như cây gỗ lim nắm mốc, dưới chân thì những mụn ghẻ lở loét. Ông đưa chúng tôi bằng một ngọn đôi lau lách ngấp đầu, đến một cái gò trống, ông chỉ tay về phía mé rừng:

- Nhà tao ở đó.

Tôi nhìn theo hướng tay ông thấy bốn năm nóc nhà, mái tranh phen tre đã mục nát. Ông tiếp tôi trên đầu tra trên chiếc chiếu rách nát. Tôi liếc nhìn vào nhà thấy một người đàn bà và hai đứa nhỏ đang ngồi bên bếp lửa ăn sắn luộc.

Tôi nói với ông già:

- Chúng tôi là những người cộng sản nổi dậy đánh Tây, bị nó bắt tra tấn tù đày rồi đưa lên an trí ở Ba Tơ.

Tôi cũng giải thích vì đâu mà người Kinh, người Thượng sống nghèo khổ, cơm không đủ ăn, quần áo không có mặc, ốm đau không có thuốc ... còn bị quan Tây, quan ta bắt đi xâu nộp thuế. ...

Ông già chăm chú nghe, gật đầu tâm đắc:

- Lâu nay tao có nghe Tây bắt tù cộng sản lên an trí ở Ba Tơ, nhưng chưa thấy, chưa gặp bao giờ. Nay mày lên đây nói cái điều phải, trúng cái bụng tao nghĩ. Thì ra người Kinh, người Thượng nói chung cái miệng, nghĩ chung cái bụng, vậy mà quan Tây nói người Kinh khinh ghét người Thượng, xúi chúng tao đâm giết người Kinh. Thằng Tây ác quá, độc quá.

- Già nói đúng! Thằng Tây muốn người Kinh người Thượng ghét nhau như bó dũa chia nhỏ ra để nó bẻ gãy cho dễ. Bây giờ Kinh Thượng nhập lại thì Tây không bẻ gãy được. Tây giam người cộng sản, nhưng nó không giam được cái bụng người cộng sản muốn đánh Tây. Nay tôi lên đây là muốn được già giúp tôi gặp anh Rua anh Rói bàn chuyện đánh Tây.

- Tao tin cái bụng mày nghĩ như suối Sung, cái miệng mày nói như tiếng chim rừng hót hay. Nhưng còn việc gặp Rua, Rói thì khó lắm. Chẳng biết nó ở đâu mà tìm. Lâu lâu nó mới ra đây đổi muối đổi rạ. Khi nào gặp, tao nói lại coi cái bụng nó nghĩ sao? Nó chịu gặp thì tao mới dám dẫn mày đến còn đi thế này thì chông thò nó gài đâm mày chết mà dân làng còn bị phạt vạ.

Thế là hy vọng của tôi còn biết bao khó khăn mới thực hiện được. Tôi rảo bước qua đám cỏ may, cùng ngồi trên gộp đá, tôi chỉ về phía đông hỏi ông già:

- Kia là vùng nào?

- Đó là đèo Eo Chim, có đường từ vùng cơ Nhất sang huyện lỵ Minh Long. Ở đó cũng có người Kinh.

Trước mắt tôi, xa xa đằng đông là những cánh rừng già trên dãy núi Tai Mèo trải dài về phía nam qua đèo Đá Chát, chen giữa các thung lũng là những cánh đồng lúa. Nhiều buôn làng người Thượng trên lưng chừng đồi núi.

- Qua nhiều mùa rẫy – Ông già nói tiếp – Cái đầu tao không nhớ, người Kinh có lên vùng cơ Nhất này bày dân đánh Tây.

Tôi bỗng nhớ lại có lần cụ Trần Toại kể cho nghe trong phong trào Duy tân và cả những năm 1930, 1931 ta có cử cán bộ lên vùng cơ Nhất, lợi dụng địa thế hiểm trở, lòng dân thuận hòa để xây dựng căn cứ.

Trong tôi bỗng dưng bừng lên một ý nghĩ, phải chăng nơi đây hội đủ hai yếu tố quan trọng nhất cho việc xây dựng một vùng căn cứ du kích đánh Tây, đó là "*địa lợi và nhân hòa*".

Mặt trời gác lên ngọn núi Cao Muôn chiếu những tia nắng rực rỡ xuống các cánh rừng chung quanh. Ông già chỉ tay về phía tây, nơi chiếc cầu vòng ngũ sắc hiện ra, một chân cắm vào rừng xanh, một chân chôn vào núi đá.

Ông già lên tiếng:

- Ông trời cho dân tao đây, cứ mặt trời sắp đi ngủ thì nó lại nổi lên.

Tôi nhìn theo hướng tay ông và thấy ở đáy có thác nước đổ ào ào. Trên cao dội xuống tung bọt trắng xóa tạo nên một lớp sương mù khiến cảnh vật xung quanh vừa như thật lại vừa như mơ. Thấy tôi định ra về, ông già ngăn lại:

- Mày ở lại nói cho tao nghe điều phải điều trái, về bây giờ không kịp đâu mà dọc đường sẽ gặp con cọp đi tìm mồi nó vô mất thôi.

Chiều hôm ấy tôi mặc tấm áo cho cháu bé đang ở trần như nhộng và tặng cho ông già ít thuốc xittôvaxôn để chữa bệnh ghè, sâu quảng. Anh Giàu dốc hết túi gạo mang theo cho gia đình ông già. Ông già thết chúng tôi một bữa cơm công khoai và thịt chuột, chắm muối ớt. Ông luộc một quả trứng gà dành riêng cho tôi. Ông nói:

- Thằng công sản an trí ốm lắm, ăn cái này cho mạnh cái chân leo lên đây bày cho dân làng đánh Tây.

Ông đặt quả trứng vào tay tôi, đôi mắt ngược lên nhìn tôi đầy cảm mến. Ngọn lửa trong bếp bốc cao, in bóng ba chúng tôi lung linh trên vách nứa.

Sớm hôm sau, ông già tiễn chúng tôi một đoạn đường. Trước lúc chia tay ông còn dặn hết con trăng nứa thì lên. Ông chào:

- Ú cá cát lé! (Chúc mạnh khỏe!)

- Ú cá cát lé!

Tôi chào lại. Chúng tôi chia tay nhau đầy quyến luyến.

oOo

Mùa đông năm ấy, tôi trở lại Giá Vụt. Lần này chúng tôi đi trong mưa dầm gió bắc, giữa những con lũ rừng. Hôm vượt sông Giá Vụt, chúng tôi phải ôm mỗi người một thân cây, bơi xuôi theo dòng nước, để tấp sang bờ bên kia rồi bám vào lau sậy leo lên dốc đứng, tìm đường về buôn Già Kiêu. Gặp lại tôi, ông mừng lắm: .

- Sao lâu rồi, nay người anh em an trí tà-pọt mới lên. Tao trông đỏ hai con mắt.



Ông kể cho tôi nghe Tây bắt dân các làng đi sâu làm lại con đường Gi lãng đi Kom Plông sang Măng Bút, sửa lại sân bay Vi Ranh, tàu bay Mỹ đổ xuống đó mấy lần.

- Người của tao đi xem về nói “Mỹ giống Tây lắm, ngực nó đỏ đây lông lá”.

Tôi lựa lời kể cho ông hiểu những thay đổi tình hình.

- Trước sau gì rồi Nhật cũng thua quân Đồng minh. Nhưng trước khi đầu hàng Đồng minh, Nhật sẽ lật Pháp ở Đông Dương. Ta lợi dụng thời cơ đó nổi dậy đánh Nhật đuổi Tây. Thời gian gấp lắm. Kinh Thượng phải họp lại mới giết được thằng giặc, giành lại cái suối cái sông cái rừng cái rẫy cái ruộng cho người mình.

- Gió! Gió! (Phải! Phải!)

Già Kiêu gật đầu, yên lặng một lúc rồi nhìn tôi nói:

- Nghe cái miệng mày nói cái bụng tao ung lắm, con trai tao cũng ung. Nhưng tao già rồi, không căng nổi dây ná, không phóng nổi cái mác đi xa, còn con tao sợ cái ná cái mác không đánh lại thằng giặc có cái súng nhỏ, súng to. Cho nên tao sẽ giúp người anh em an trí cái gạo, cái muối để ăn, cái chỗ để lính ở đánh giặc.

- Ông định cho chúng tôi ở đâu, đường vào có khó không?

Già Kiêu kéo tôi ra đầu tra, chỉ tay về mấy dãy núi cao đã phủ sương chiều:

- Từ đây đến đó gần một ngày đường, leo qua nhiều đèo nhiều dốc, có chỗ phải bò bằng hai tay. Trâu bò đến đó phải đi vòng xa theo đường khác. Ở đây có vùng lúa nước, cấy hai vụ, lúa đủ nuôi bảy tám chục con người cả năm. Lần trước mày về rồi, tao sai bọn cai nhà tao đưa trâu lên dẫm thối cỏ, cấy lúa. Thóc thu được làm chòi để luôn ngoài đó với mấy gùi muối.

Tôi nắm chặt tay ông:

- Người cộng sản an trí rất biết ơn ông. Người Kinh người Thượng bây giờ có chung cái bụng thù giặc Tây.

- Gió! Gió!

Tôi tiếp:

- Việc cầm quân đánh giặc, người an trí chúng tôi chịu hết, thóc muối có ông giúp đỡ. Nhưng ông nên cho những trai làng khỏe mạnh góp vào để chúng tôi dạy nó cùng nhau đánh giặc.

- Gió! Gió! Lũ nó còn dẫn đường nữa chứ. Người anh em an trí ở dưới xuôi không quen đường rừng đâu.

- Ông là Già làng nên khuyên dân giữ bí mật, trước nhà cắm “lá dấu” (dấu hiệu cấm người lạ), ai đến không cho vào, ai hỏi gì chỉ nói “ú tăn, ú nó, ú nít” (không nghe, không thấy, không biết).

- Việc đó tao làm được, người anh em an trí tin tao, tao tin người anh em an trí.

Già Kiêu vói tay lấy chai rượu, đặt cái bát ra giữa, rút con dao ở vách nứa. Khuôn mặt nghiêm trang, giọng trầm đục, ông rót rượu vào bát rồi nói:

- Để giữ cái bụng thương nhau, không ai được phản. Hôm nay chúng ta uống máu ăn thề trước trời đất.

Ông đưa ngón tay trở ra, lấy dao cắt cho máu nhỏ từng giọt vào bát rượu, rồi cắt một nhúm tóc ở đỉnh đầu quấy vào đây, xong ông đưa dao cho tôi. Tôi sửa lại thế ngồi nghiêm trang, rồi cầm con dao của ngón tay mình cho máu nhỏ xuống hòa vào bát rượu. Già Kiêu bung bát rượu bằng cả hai tay nâng lên ngang trán, mặt ngẩng cao đọc lời thề: “*Xói! Xói! Trác bò rầy ... (Xin thề! Xin thề! Vái trời đất ...)*”. Ông ngừng cổ uống nửa bát rượu rồi trao cho tôi. Tôi cũng làm như ông và đọc lời thề “*Chúng tôi người Kinh người Thượng đồng lòng đánh giặc giành đất nước. Ai phản bội sẽ bị tội chết*”. Ông già im lặng ngồi nhìn tôi

Xong tiệc rượu thè, Già Kiêu lấy một đồng tiền thời Minh Mạng đúc bằng đồng, ông bẻ đôi đưa tôi một nửa, còn một nửa ông bỏ vào túi bùa bảo mạng đeo trên cổ mình với một con dao nhỏ. Ông lấy con dao đưa cho tôi và nói:

- Sau này mày không lên được, người khác đi thì phải đưa con dao này tao mới tiếp và đưa nửa đồng tiền để tao đậu lại đúng như một đồng thì tao mới tin.

Tôi gạt đầu lấy khăn tay gói chặt nửa đồng tiền rồi cho vào túi.

## CĂN CỨ CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN

Sự chuẩn bị tinh thần đoàn kết và phương pháp đấu tranh cho đồng bào Kinh Thượng trước khi chuyển chính quyền vào bí mật nửa công khai và chuyển lực lượng vũ trang ra xây dựng căn cứ là đúng đắn để bảo toàn phát triển lực lượng. Cũng là một quyết định linh hoạt kịp thời.

Toàn đội (17 người đầu tiên từ tù an trí lập đội du kích Ba Tơ) cũng biểu dương tinh thần đoàn kết của anh em, tuy Đảng có chuẩn bị tư tưởng đề tháo củi sỏ lông, nhưng vẫn rất bất ngờ. Cuộc vũ trang khởi nghĩa chỉ thông tin đến anh em không đầy một giờ, Nhưng tất cả các đồng chí đều sẵn sàng làm nhiệm vụ và hoàn thành thật tốt đẹp. Đó là nhờ ý chí cách mạng, tinh thần chỉ tiến không lùi của người cộng sản đã hun đúc từ lâu nên khi được đánh thức dậy là bất kỳ hiểm nguy khó khăn nào cũng sẵn sàng hy sinh cho cách mạng.

Sau mấy ngày lưu động công tác nắm dân, chúng tôi bí mật chuyển quân lên xóm Ba Nhà trên núi Cao Muôn, nơi trước đây tôi đã đến thăm. Toàn đội trèo núi từ sáng sớm đến chiều tối mới tới nơi. Gặp lại chúng tôi, đồng bào hân hoan, còn trách sao chúng tôi lâu quá mới đến.

Tôi thưa với đồng bào:

- Chúng tôi đợi lấy được nhiều súng đạn, nay mới lên để cùng các anh đánh Nhật đuổi Tây.

- À, ở đây Nhật Tây nó lên thì mình đánh nó chết hết thôi.

Ông già làng vừa nói vừa cười rất hả hê sung sướng vì thấy anh em ta có đầy đủ súng đạn.

Những ngày ban sơ, chúng tôi đón nhận gần 20 anh em chính trị phạm Thanh Hóa từ nhà lao Quảng Ngãi (từ năm 1941) kéo lên tham gia đội du kích. Chúng tôi tìm hiểu tư tưởng của họ biết được đa số cũng mong trở lại quê hương hoạt động nên đưa anh em lên xe lửa về Thanh Hóa an toàn, chỉ còn lại 3 người quyết ở lại với đội du kích Ba Tơ chúng tôi. Tạm biệt xóm Ba Nhà trên núi Cao Muôn, chúng tôi lưu động toàn đội về vùng Nước Hoa. Buổi sớm tập hành quân, triển khai đội hình phòng ngự đánh địch. Một toán đóng giả quân địch, còn đại bộ phận làm quân ta, lợi dụng địa hình, địa vật phục kích đánh địch khi chúng vào chiến khu.

Mùa lúa tháng ba đã ngả màu ửng vàng trên đồng. Các ông chánh Run, chánh Liêu, phó Nia là thủ lĩnh cao nhất của vùng cơ Nhất ngộ ý với chúng tôi:

- Chúng ta cần mua giữ lúa gạo trong vùng làm lương thực dự trữ lâu dài, muốn vậy cần nói với Việt Minh ở trung châu đưa vải vóc áo quần kim chỉ, lưỡi cày lưỡi cuốc lên. Chúng tôi sẽ đổi lúa gạo trong dân cho đội quân an trí. Đồng thời chúng ta tổ chức một lễ lớn cúng trời đất, toàn dân cùng ăn thề một lòng một bụng làm cách mạng, rồi chúng ta cắm “lá dấu” (ám hiệu của người dân tộc, cắm trong không ra, ngoài không vào) không cho con buôn vào mua lúa, không cho Việt gian vào dò la tin tức để giữ bí mật.

Chúng tôi đồng ý và định ngày làm lễ toàn đội ăn thề.

Một buổi chiều quang đãng, bên một mé rừng ở trung tâm cơ Nhất, mấy nghìn đồng bào (*người Thượng*) đại diện cho tất cả xóm làng trong vùng tập hợp chính tề, giáo mác lấp lánh. Một giàn hòa cùng cây nêu cao, một con trâu buộc vào trụ.

Tôi và anh Kiệt thay mặt cho đoàn quân, ông chánh Run, ông phó Nia thay mặt cho toàn dân. Ông chánh Run cất tiếng:

- Xói, xói, xói! ... (*Hỡi trời đất ...*)

Rồi các ông cùng chúng tôi cắt máu ở tay mình chảy vào bát rượu, dâng lên giàn hoa, cùng thề ai phản bội sẽ bị trời tru đất diệt. Rồi bung rượu hòa máu chuyển tay nhau cùng uống ghi nhớ lời thề. Sau đó là lễ đâm trâu. Tiếng chách hú, tiếng hò hét rộ vang, đánh dấu một ngày thiêng liêng. Toàn dân cơ Nhất từ già đến trẻ, từ gái đến trai một lòng một dạ theo cách mạng đánh Nhật đuổi Pháp giành độc lập cho núi sông đất nước này.

Cuộc liên hoan tung bùng cho đến nửa đêm. Kết thúc, từng đoàn người trở về buôn làng, với ngọn đuốc soi đường trong đêm tối, cũng là ngọn đuốc cách mạng bùng cháy trong lòng soi sáng đường đi của nhân dân trong căn cứ cách mạng.

oOo

Ba hôm sau, được tin mấy lính Nhật cùng bọn tay sai dẫn đường từ Sơn Hà theo suối Tâm Rao xuyên rừng vào huyện Minh Long. Đồng bào dân tộc Minh Long báo tin cho chánh Liêu, truyền tin cho chánh Run để báo tin cho chúng tôi biết và xin lệnh của đội cho nhân dân tiêu diệt chúng.

Để khỏi bộc lộ vùng căn cứ và tránh sự tàn sát trả thù của Nhật, chúng tôi thuyết phục ông chánh Run theo dõi sát địch xem hành động của chúng nó. Nếu chúng không áp bức khủng bố nhân dân thì chúng ta bán ít lương thực cho nó ngủ nhờ một đêm và chỉ đường cho chúng nó về Ba Tơ, chứ không đánh giết chúng.

Qua mấy đợt vận động, rồi qua ngày lễ tuyên thệ toàn vùng, qua thử thách tinh thần cảnh giác và ý thức kỷ luật, lại qua vận dụng phong tục địa phương cắm lá chắn đường, chúng tôi càng thêm tin tưởng, càng thấm thía lời dạy của ông cha xa xưa “*Dân là nước, nước nâng thuyền lên nhưng cũng có thể lật thuyền xuống*”. Chúng tôi bám sát xây dựng cơ sở. Qua thử thách chúng tôi kết nạp 3 đồng chí Nhóa, Beo và Nhép là thanh niên cứu quốc dân tộc H’ré vào đội du kích Cứu Quốc quân. (*Thế là đến bây giờ đội du kích Ba Tư có 23 đồng chí, trong đó có 3 đồng chí là người Thượng*). Đồng chí Nhép sau này trở thành cán bộ người Thượng dân tộc H’ré đầu tiên tham gia chiến đấu suốt hai cuộc chiến tranh và hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ ở Kim Long khi đồng chí là Thiếu tá chỉ huy trưởng Tiểu đoàn.

(Trích sách “*Bình minh Ba Tư*”,  
**Hồi ức của Trung tướng Nguyễn Đôn**)

# Tập truyện ký TIẾNG SÔNG TRÀ (Nguyễn Trung Hiếu)

*Lời dẫn:*

*Suốt cuộc đời hoạt động của mình, Nguyễn Trung Hiếu đã sống cùng bà con ở nông thôn và miền núi tây Quảng Ngãi.*

*Nguyễn Trung Hiếu viết về người Thượng với tất cả sự kính trọng và với lòng yêu mến vô bờ. Vì sao vậy? Vì núi rừng và người Thượng Trường Sơn đã chở che nuôi dưỡng phong trào cách mạng trong những năm tháng khó khăn nhất. Ở đó, những con người giữ vẹn tâm lòng trắng trong, trung thành với cách mạng. Buôn làng của họ là bàn đạp vững chắc cho cách mạng tiến về giải phóng đồng bằng (truyện **Đường cày mới mở**). Các ông cha bà mẹ người Thượng đã bám đất bám làng suốt hai mùa kháng chiến. Gia đình họ như là “trạm thông tin” đã giúp cho bao nhiêu lượt cán bộ cách mạng đi công tác biết trên đầu dốc địch phục chỗ nào để mà đối phó (truyện **Mẹ Nhé**).*

---

## *Đường cày mới mở*

Từ xóm Đèo Cà Đen chạy dọc suốt Đồng Quang, Hóc Báu đang mở ra những đường cày, tằm tấp.... Đứng dưới thung sâu, tôi vẫn nhìn thấy được những chân ruộng non và những túp lều tranh trải sáng. Nhìn cánh đồng mới mới, bắt chợt một hình ảnh về một nông trường lúa hiện ra trước mắt tôi rất rõ: Những chiếc máy cày máy kéo máy gặt đập liên hoàn hồi hồi hà dọc ngang trên đó.

Ước mơ đó đến với tôi quá thật táo bạo, nhưng đẹp làm sao! Bà con ở đây đã nhìn thấy rõ con đường đi tới đó rồi. Chính vì vậy mà cái hồ hởi, cái náo nức cứ dào lên trên từng khuôn mặt trẻ đầy sức sống. Mọi người đều thấy mình lớn hẳn lên, đẹp hơn nhiều, cái lớn đẹp khác thường về lòng tự hào quê hương – Đá Sơn bất khuất!

Có lần vào mùa nước lũ, quân Mỹ chặn đường, không đi được. Chúng tôi định tổ chức xuyên sơn thì may gặp đồng bào... bấy giờ ruột ghé mỗi người chỉ còn hơn hai cạo gạo, chưa biết tính thế nào thì bà con đem cho chúng tôi bốn khúc củ mì, phần ăn chính của họ trong những ngày ác liệt và đưa chúng tôi qua khỏi vùng Mỹ phục kích. Họ nói:

- Thằng Mỹ nó cướp hết, đồng bào không có "cái gạo" ủng hộ cách mạng, chỉ còn "cái người" ở đây giữ "cái đường" để người cách mạng biết chừng thằng Mỹ nó ở đâu.

Con đất Nghĩa Lâm ăn liền với Đá Sơn lúc nào không ai biết như tình cảm của người Kinh đã gắn với người Thượng Đá Sơn vậy.

Dưới thời Ngô Đình Diệm, chúng cố phong tỏa Đá Sơn, nhằm cắt quan hệ giữa người Kinh và người Thượng – Đã có một thời người Thượng Đá Sơn phù thủng vì lạt muối – nhưng bằng nhiều ngõ gách, đồng bào Kinh đã tiếp tế cho Đá Sơn thuốc men vải vóc mắm muối cuộc rựa, ...

Đá Sơn đã trải qua những thử thách dai dẳng, quyết liệt. Đó là những năm sáu tám, sáu chín, bảy mươi và nửa năm bảy mốt. Giặc Mỹ không từ một hành động dã man nào đối với Đá Sơn. Trong suốt ba năm, không ngày nào Đá Sơn không phải hứng chịu bom đạn, chất độc của Mỹ.

Nhiều vùng núi đá bị xóc lên xám trắng, cây rừng bật gốc, ngọn ngang. Nhưng đã vừa đâu? Chúng còn cho quân bộ đi lết nhỏ từng bụi mì, cọng mạ, đánh thuốc độc trên đầu suối! Có thể



nói mỗi cành cây, hốc đá, bờ nương đều ghi sâu tội ác của giặc Mỹ, nhưng Đá Sơn vẫn kiên trung bất khuất.

Đội du kích Đá Sơn nhiều năm liền sống bằng chuối cây, rau tàu bay. Thế nhưng không lần nào quân Mỹ dẫn xác đến mà không bị trừng trị. Có những trận du kích “tổ chức” cho chúng đánh nhau rồi thu vũ khí. Ai cũng đánh giặc được, chỗ nào cũng là trận địa, anh Minh, anh Thi, anh Ban – những du kích đầu tiên của Đá Sơn – dùng súng bộ binh hạ được máy bay “thần sấm” của Mỹ.

Họ trả lời dân làng:

- Đánh được!

Đội du kích hình thành, có nhiều tay súng giỏi, ghi nhiều chiến công của đồng bào Đá Sơn.

Bị nhiều đòn đau nên bọn Mỹ chùng bót hung hăng ngạo mạn. Ban ngày chúng còn lảng vảng đôi đũa, choạng tối chúng rúc cả ra nương, ra ruộng rồi lấy cỏ phủ lên đầu nằm thiếp. Du kích tìm đánh không thấy chúng đâu, bảo nó sợ nó đi trốn. *Mỹ lét* bây giờ được thay bằng *Mỹ trốn*.

Đứng trên bờ đập nước Cà Đàm vừa mới đắp sau ngày quân Mỹ tháo chạy, nhìn xuống con đường thò mắt mịn và những đòng cày mới mờ, lòng tôi cứ nao nao thanh thản bởi trước mắt tôi là một khoảng trời mát trong, vời vợi...

Trước khi tập kết, tuy rất gấp vì thời hạn chỉ một trăm ngày, nhưng mọi việc được chuẩn bị khá kỹ, cả những phương án dự phòng biến cố để những người ở lại yên tâm, tiếp tục nhiệm vụ chờ hai năm sẽ tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Nhưng tất cả đều gần như ngược lại! Đối phương đã nhanh chóng thiết lập bộ máy đàn áp từ trung ương đến cơ sở, ra sức truy tróc những người kháng chiến cũ. Ngay lúc đó, khoảng mùa thu năm chín, Võ Trọng Nguyễn, một trong năm Đảng viên trẻ đã

có mặt tại một hóc núi cheo leo thuộc một làng người dân tộc H'ré ở Đá Sơn hiểm trở, nổi tiếng nhiều cộp.

Địch bố trí bộ máy xã ấp liên gia, một trung đội lính nghĩa quân, với các đội dân vệ. Những người được cách mạng phân công ở lại hoạt động bị săn đuổi quyết liệt. Lão cách mạng Từ Ti, người được đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn gọi là người Đảng viên ở tù lâu nhất, cũng bị bắt trong chiến dịch tổ cộng vào những năm gian năm ấy.

Vùng dân tộc H'ré ở sâu trong hóc núi cũng bị lưới địch bủa vây chằng chịt như thế.

Các thủ đoạn của địch không chỉ ảnh hưởng đến phong trào, cả những người đang chuẩn bị thực hiện kế hoạch cũng phải tổn nhiều tâm lực.

Võ Trọng Nguyễn đã từng hoạt động khu vực Đá Sơn nên biết khá rõ phong tục tập quán, hiểu được người, biết được việc. Đặc biệt anh quan hệ thân mật với các già làng như Đinh Huyênh, Đinh Chóí, Đinh Thái, ...những người đã cùng anh ăn thề trước ngày anh đi tập kết.

Người dân tộc khi đã thề, với họ rất thiêng liêng, không thể có sự thay lòng đổi dạ. Họ đã cùng Võ Trọng Nguyễn thề: *"Dù thế nào cũng trung thành với cách mạng"*.

Sáu anh em sau nhiều đêm suy nghĩ, phân tích đi đến thống nhất kế hoạch là Võ Trọng Nguyễn đi gặp chánh phó hội đồng xã ngụ Đinh Chóí, Đinh Thái.

Đúng là chui vào hang hùm!

Gần sẩm tối, trong bộ quần áo đã bạc màu, như đếm từng bước đi, lòng Võ Trọng Nguyễn rối bời bao điều may rủi, trắc trở. Anh nhẹ bước lên sàn nóc, đứng vào lúc xã trưởng Đinh Chóí vừa com nước xong. Nhác thấy Nguyễn, Đinh Chóí vụt trơ ra như khác gỗ, mắt trợn trắng. Võ Trọng Nguyễn bình tĩnh, nhẹ nhàng:

- Có nhớ mình không?

Lời Nguyễn nhẹ nhàng nhưng như một ánh chớp, Đinh Chói vụt đứng dậy:

- Chanh! Thằng Chanh! Tao nhớ lắm.

Hai người ôm nhau, không cầm được nước mắt.

Đinh Chói bóp tay, bóp vai rồi sờ đầu Nguyễn âu yếm như với một đứa trẻ, rồi nói:

- Sao vậy? cái đầu mày sao vậy?

- Cạo cho lâu ra tóc, đường xa mà!

- Bok Hồ có mạnh không?

- Bác mạnh, Bác rất nhớ đồng bào, bác nhấn lời thăm bà con mình. Bác Hồ dặn Kinh Thượng phải đoàn kết thật tốt, bảo vệ buôn làng, thống nhất nước nhà Bác sẽ vào thăm.

Đinh Chói như được cởi tấm lòng:

- Ừ, Bok Hồ mạnh, sừng quá! Mà mày nói đi hai năm sao nay mày mới về là cái gì?

- Tại cái thằng địch cả thôi.

- Được rồi, mày có định đi nữa không?

- Không! Ở đây với bà con, đánh thằng địch giải phóng quê hương.

- Ừ, tốt.

Đinh Chói như sực nhớ ra điều gì, ông nhìn thẳng vào mặt Nguyễn:

- Mày có đói không?

- Ăn rồi.

- Thôi mày ở lại đây với tao, với dân làng, không lo chi hết, không sợ chi hết!

Những ngày sau đó, theo yêu cầu của Võ Trọng Nguyên, Đình Chối cho mời các già làng để anh em trong đoàn gặp mặt. Già Chối rất hăng hái, cẩn thận bố trí những thanh niên tin cậy, chia nhau gác nhiều lớp, đồng thời cho mấy tay săn giỏi đi kiếm heo rừng về đãi anh em.

Chỉ mấy ngày sau, có tin đồn “Đảng đã về, Việt Minh đã về”. Cả làng sung sướng lần lượt đi tìm Đảng, tìm Việt Minh. Tuy rất kín đáo nhưng như một Diên Hồng.

Từ đầu mỗi Đá Sơn, các anh bắt mỗi qua xã Nghĩa Lâm, một xã đồng bằng cùng con đất với Đá Sơn

Ta bắt đầu liên lạc được với đồng bằng, công việc từng bước tiến hành hết sức thận trọng. Nhưng bọn địch cũng rất ranh ma, hình như chúng đã đánh hơn sao đó, bắt dân bảy giờ sáng mới được ra khỏi ấp, có lính lục soát kỹ, tuyệt đối không cho dân mang theo gạo muối mỗi khi vào núi đôn củi, năm giờ chiều phải có mặt ở nhà và bảy giờ tối không ai được ra đường! Gác vi ấp ban đêm là những gia đình có người đi tập kết, những người có dính líu với Việt Minh.

Đồng bào Đá Sơn lại nghèo, quanh năm sống chủ yếu bằng củ mì, rau rừng ốc đá. Lo được cái ăn đã đủ khờ người, nhưng tấm lòng yêu nước của nhân dân đã nảy ra vạn điều khôn qua được mắt giặc. Các anh có đủ cơm khoai thuốc men áo quần. Những phần cơm dành cho cách mạng, mỗi người mang theo ăn trưa nhin lại một ít.

Tháng hai năm sáu một, đang mùa làm mía, tức là gần hai năm từ lúc các anh đặt chân lên mảnh đất Đá Sơn, thì cơ sở, tổ chức đã được chuẩn bị khá công phu để đi đến quyết định táo bạo giải phóng xã Nghĩa Lâm.

Từ hai giờ sáng, các chiến sĩ ta cùng với lực lượng tại chỗ đã ém kỹ ở các điểm xung yếu. Nhưng rồi đợi mãi ai cũng sốt ruột, sáu giờ không thấy gì! Sáu giờ ba mươi rồi sáu giờ ba lăm, đã sáng hoánh mà không một động tĩnh gì!

Đúng bảy giờ, may quá! tay xã trưởng, trong bộ lễ phục kiểu thời Ngô triều: áo dài đen, quần dài trắng, từ cơ quan hội đồng xã vừa vuốt tóc vừa sửa mũ chằm rãi bước đến trước hàng quân chuẩn bị chào cờ thì một tiếng nổ như trời giáng, bụi khói mit mù cùng với tiếng thét “xung phong” náo động cả một vùng. Xã trưởng dấy đành chạy dưới chân trụ cờ ám khói cùng năm tên khác. Cơ quan hội đồng nát vụn, ta thu gấn chực súng các loại.

Trên đường rút quân, bất ngờ anh em chộ mặt một đại đội bảo an, nhưng các chiến sĩ cách mạng rất bình tĩnh, nhanh chóng triển khai đánh thốc vào đội hình địch quân. Cha con nhà nó không hiểu mô tê, vút sung chạy tháo thân. Các anh lại thu thêm mấy sung nữa, vác oằn lưng.

Đây là trận đánh táo bạo ngay giữa lòng địch, một trong những trận đánh đầu tiên có tiếng vang lớn của lực lượng vũ trang đồng bằng Quảng Ngãi. Trận đánh nhanh gọn, hiệu quả làm chấn động cả miền tây Tư nghĩa Sơn Tịnh, đã hạ uy thế địch, tạo đà cho nhân dân nổi dậy diệt ác phá kềm giải phóng hàng loạt thôn ấp.

Sau cú bất ngờ này, địch tăng cường lùng sục càn rập bắt người và tổ chức canh phòng nghiêm ngặt hơn. Các chiến sĩ ta cũng kịp thời rút tĩa kinh nghiệm, tổ chức tiếp các trận đánh khác, như diệt một trung đội nguy ở thôn Ba, một đại đội cộng hòa ở thôn An Bàng. ... Càng về sau lực lượng càng được bổ sung phát triển, các anh ở miền Bắc về có phần âm lưng hơn. Địa bàn được mở rộng, thêm nhiều cơ sở có đất có dân.

NGUYỄN TRUNG HIẾU

(Trích tập truyện ký *Tiếng sông Trà*)

# Mẹ Nhé

Đúng cách gọi của người H'ré, gọi mẹ là Mí Rút – Đinh thị Rút. Đinh, họ chung của đồng bào người H'ré vùng núi Sơn Hà. Thời kháng chiến chống Pháp, có nhiều nhóm người lại đổi thành họ Phạm. Có lẽ là theo họ của bác Phạm Văn Đồng, người mà họ mang ơn nặng, bấy giờ bác Phạm Văn Đồng là Ủy viên Trung ương phụ trách Nam Trung bộ, đang chỉ đạo việc đẩy mạnh phát triển kinh tế văn hóa vùng các dân tộc thiểu số miền núi Trường Sơn.

Mí Rút có đứa con trai đầu tên là Nhé, nên người Kinh có dip về đây thân quen mí, gọi mí là mẹ - Mẹ Nhé.

Mẹ Nhé gần chín mươi tuổi, vẫn minh mẫn. Mẹ kể đủ chuyện trên đời, những chuyện mẹ thuộc lòng xung quanh vùng đất bán sơn địa Đá Sơn quê của mẹ cách tỉnh lỵ trên hai mươi cây số. Nhà mẹ Nhé ở tận trong Hốc Kiến sâu tít, cách đường làng đến hai cây số, sát chân núi Ngang. Đúng là cái hốc rồi! Sâu hút...nhưng sao lại có tên Kiến? Không ai biết, và Hốc Kiến có tự bao giờ, cũng khó mà trả lời ngay được. Hốc Kiến là một xóm thuộc Đá Sơn, một nơi mà quân Mỹ và quân chur hầu phải chịu nhiều phen sống dở chết dở vì tên thù, mang cung, bẫy đá của bà con người dân tộc H'ré ở đây.

Mẹ Nhé cùng đội du kích B.14 bám từng gốc cây, hốc đá để sống chiến đấu và bảo vệ bản làng quyết “*một tác không đi, một li không rời*”! Súc người chọi bom đạn đã ghê rồi! Nhưng lấy cái gì để ăn để sống mới càng quyết liệt bức thiết!

Hàng chục tấn hóa chất độc rải đi rải lại nhiều lần với những “con ma”, “thần sấm”, B.52 quét trắng cả vùng rừng. Con chim con ốc cũng không sống nổi, cây rừng trắng trụi xám ngoắt chông chơ la liệt, đến cỏ rong cũng queo cứng. Sự sống - màu xanh - hoàn toàn không còn nữa. Ngày ngày các loại tàu săn của Mỹ rà sát từng lùm gai hốc đá, thoáng thấy màu xanh hay một

lóa lửa sáng thì lập tức pháo trăm lẻ năm, trăm hai lăm, bom bầy từ các tàu sân bay chực sẵn ngoài biển trút xuống như mưa tuôn.

Với mẹ Nhé, những đêm trăng sáng như phép màu. Dưới ánh trăng kỳ diệu ấy, mẹ bới từng gốc cây khô, từng hõm đá sâu mà trồng mì tía bắp. Mẹ không thể làm những việc nhà nông đơn giản ấy được ban ngày vì trực thăng Mỹ lợp suốt trên đầu, sự sống tính từng giây. Rồi khi cây trồng nứt mọt lên xanh, bụng mẹ mừng mà lòng mẹ lo.

Từng đàn trực thăng ngày ngày bay quân soi mới khắp các buội bờ, thoáng thấy màu xanh là bắn xối, hoặc đổ quân phá sạch. Mẹ phải chịu khó đi gom từng nhánh lá cây khô ngụy trang cho khéo, qua mắt địch. Chính những mầm xanh dưới bàn tay khổ công của mẹ Nhé đã trưởng thành ra hoa kết trái góp phần nuôi anh Thi, anh Minh, anh Nga, anh Trợ, ... những tay thiện xạ, gan góc của đội du kích Đá Sơn.

Có thể nói chắc là không mấy cán bộ của huyện Tư Nghĩa, của tỉnh Quảng Ngãi và của cả Trung ương mà không biết mẹ Nhé. Ít ra thì cũng nghe tên mẹ. Ngoài cái rau cái củ, còn điều quan trọng hơn là ai cũng cần phải ghé qua lều mẹ để biết lối ra Đồng Quang, Nghĩa Lâm có địch không? Mẹ là “trạm thông tin” giữa hai đầu xuôi ngược. Phía dưới lên, phía trên xuống biết trên đầu dốc địch phục chỗ nào, Có mẹ, có du kích, biết bao cán bộ yên tâm sớm tối đi về.

Cũng trong hoàn cảnh ấy, mẹ Nhé đã tìm ra nhiều bài thuốc chữa bệnh bằng lá, rễ cây rừng rất hay. Nhiều người đã nhờ mẹ mà qua cơn, mà hết bệnh.

oOo

Thế rồi, khi cái tuổi đã về chiều, con bóng cứ dài ra, lại một ngày sẽ qua, một ngày sắp hết. Hòa bình rồi, Hóc Kiến bị trả về với miền đất bán sơn địa cách trung tâm tỉnh trên hai mươi cây số. Người ta đổ dồn về tinh lý và các công nông trường.

Mắt mẹ không còn tinh như trước, miệng móm tép, khuôn mặt nhỏ thó, nhưng giọng nói cũng còn chắc, khỏe:

- Mẹ nhớ anh em lắm! không biết giờ anh em ra sao?

- Các anh có về thăm mẹ không?

- Ít lắm, ít người về thăm mẹ lắm. Chỉ có ông Năm về thăm mẹ nhiều, cái bụng ông Năm tốt lắm. Ông Năm về thăm mẹ mấy lần rồi.

Ông Năm mẹ nhắc là ông Năm Thạch Nham.

Khoảng những năm bốn chín, năm mươi, Mặt trận miền Tây Sơn Hà không an toàn, một bộ phận quân giới của Khu V về đóng ở Cầu Máng – Đá Sơn. Một chú bé thiếu sinh quân mười bốn, mười lăm tuổi làm liên lạc cho Bộ Tư Lệnh Khu V thường mang công văn giấy tờ đến bộ phận quân giới. Tên cậu bé là Năm, Nguyễn Năm. Có lần lâu quá không thấy Năm về, mẹ Nhé bảo ông Rjú chồng mẹ đi hỏi thăm nó có làm sao không mà đã qua hai mùa rẫy nó không về?

Ông bà Nhé thương thằng Năm thiếu sinh quân như con đẻ, có trái chuối, miếng mít nào ông bà cũng dành phần cho chú. Rồi chú bé mất biệt, không thấy mang công văn về nữa. Mẹ trông hoài trông hụi, gặp ai mẹ cũng hỏi “có biết thằng Năm ở đâu không?” Mẹ buồn rầu, con mắt không chịu ngủ. Nửa đêm mẹ ngồi dậy ăn trà, tha thẩn nhìn về hướng nó hay đi. Ngọn Đá vách sừng sững che mất tầm mắt mẹ.

Mẹ Nhé không tin thằng Năm chết vì nó lành, vì cái bụng nó tốt, mẹ thương nó, Giàng thương nó. Nhưng không phải vậy, mẹ đau đớn khi mấy người đi dân công đánh đồn Mang Đen về báo tin “Thằng Năm hy sinh rồi”. Rồi tin ông Rjú chồng mẹ đi dân công cũng chết trong trận đánh đồn Mang Đen rồi.

Như cây rừng bị bật gốc, mẹ chẳng thiết ăn uống, gầy rộc, lâm bệnh nặng mấy tháng liền.

Rồi, gần cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, công việc dồn dập, kẻ đi người ở không biết đâu mà lần. Cứ thế năm tháng qua đi, mẹ Nhé bám núi rừng, nương rẫy nuôi sáu đứa con, bốn trai hai gái. Mẹ khẩn với Giàng phù hộ để mẹ được mạnh giỏi, để vong linh ông Rjú, vong linh thằng Năm như con chim pú quần quanh trong làng, trên rẫy ăn hạt lúa mẹ trồng. ...

Tôi hỏi mẹ:



- Vậy, lúc ông Năm Thạch Nham về thăm mẹ, mẹ có nhận ra không?

Mẹ Nhé như trái lòng:

- Úi cha! Úi cha cha! Mẹ không tin con mắt của mẹ nó thiệt nữa. Một lúc thôi. Ông năm nói: “Con đây, thằng Năm đây!” Mẹ biết ngay mà, không khác chút nào, chỉ hơi già xí thôi.

Giàng vẫn còn đó và nơi sinh thành của mẹ Nhé – vùng đất thánh Đá Sơn – từng được mệnh danh là “*Cái nôi cách mạng*” đã trải bao đắng cay thăng trầm, nay đã khác trước nhiều lắm. Nhà nôi nhà, tường xây, ngói đỏ. Đường đi tấp tểp, cây xanh khép bóng, lúa mơn mơn xanh, mía ngô khoai bạt ngàn.

Khởi đầu cuộc kháng chiến, Đá Sơn có trên một nghìn người. Kết thúc cuộc chiến chỉ còn lại ngót ngét ba trăm! Gia đình mẹ Nhé chịu thiệt hơn ai hết, chỉ còn lại một mình mẹ. Chồng mẹ và sáu con đều nối nhau ra đi cùng số phận với nhiều dân làng.

oOo

Chia tay mẹ Nhé, tôi tìm đến Liên hiệp Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi 2, thuộc Bộ Thủy Lợi. Anh Nguyễn Năm, Tổng Giám đốc kể với tôi thời làm liên lạc cho Bộ Tư Lệnh Khu V, hay đi về xưởng quân giới vùng Đá Sơn, anh được ông bà Nhé và dân làng rất thương.

Trên ba mươi năm, chú bé thiếu sinh quân trở lại, không chỉ đem nguồn vui đến cho mẹ Nhé, đến dân làng Đá Sơn, mà còn đem lại nguồn sống mới cho miền đất Ấn Trà ngọt nắng. Trên năm mươi nghìn hét ta sẽ mãi không còn chịu cảnh khô khát, bị lệ thuộc vào mưa nắng bất thường. Dòng nước mát trong xanh hiền hòa được dẫn về tận những chân ruộng xa xôi, điều hòa mạch sống xanh tươi.

NGUYỄN TRUNG HIÊU

(Trích tập truyện ký *Tiếng sông Trà*)



# Phụ lục

**Bản khắc gỗ chữ Hán cổ,  
Phiên âm và dịch nghĩa**



Ôn Khê NGUYỄN TỬ VÂN

PHỦ MAN  
TẠP LỤC

THÀNH THÁI THẬP NIÊN TUẾ  
TẠI MẬU TUẤT MẠNH ĐÔNG CỐC NHẬT  
(1892)



# Lời Nói đầu

Ôn Khê Nguyễn Tử Vân

(Tinh man Tiểu phủ sứ)

Cái lo về người Thượng thì từ xưa đã từng phải trải qua, sử sách chép đầy ra đó. Các triều Đinh Lê Lý Trần Lê nước ta cũng đâu tránh được. Các nước người Thượng lớn như Ai Lao, Vạn Tượng, Chân Lạp, Tiêm La. Các nước người Thượng nhỏ như Mỹ Lương, Sơn Âm, Thủy Xá, Hỏa Xá. Các nước ấy đều có đạo lý vua tôi, có tôn ti trật tự, nên dễ đối sách. Không nơi nào như người Thượng ở hạt ta, chưa biết gì đến đạo lý làm người.

Thời kỳ đầu niên hiệu Gia Long, người Thượng hạt ta xin phụ thuộc triều đình, vua Thế Tổ sắc mệnh từ khước, chẳng phải vì cho rằng người Thượng ấy chưa hiểu đạo lý hay sao? Phàm một cộng đồng người Thượng không có vua đứng đầu, không tôn ti trật tự, lại ở tại các miền đất hiểm yếu, kích thích tính hung hãn nên chỉ chuyên việc cướp bóc.

Ta thị uy thì chúng trốn mất, đối xử đạo đức thì bị chúng khinh thường, giết thì chúng oán, tha thì chúng chẳng biết ơn. Rõ là người chẳng ra người mà quý chẳng ra quý. Có phải là giống người Chiêm Thành còn ở lại hay không? Hoặc thuộc một tộc loại nào khác chẳng? Hay là từ núi sông nẩy tự nhiên sản sinh ra? Không như người Thổ ở bắc, người Chăm phía nam chịu thần phục, xưng thần yên bề nộp thuế. Chỉ người Thượng hạt ta đứng ngoài vòng cương tỏa, gây nhiều việc gian ác.

Tuy nhiên, nói là rắn độc nhất mà vẫn bị con người bắt giết, nói là cạp mạnh nhất mà cũng bị con người trói gô, nên ở đời có kẻ gây loạn thì ở đời tất có người dẹp loạn. Từ triều Lê trung hưng trở lại đây lúc nào cũng xuất hiện các viên tướng tài giỏi đánh dẹp người Thượng, như thế “Trời sinh ra con người vào thời nào là để giải quyết vụ việc của thời ấy”.

Kể từ khi Hoàng thượng ta lên ngôi đến nay, người Thượng Quảng Ngãi thường tràn xuống quấy phá. Năm Ất Mão (1855), thời vua Tự Đức, triều đình cử tướng Trần Tri cầm quân đánh dẹp, Rồi các năm Mậu Ngọ, Kỷ Mùi (1858-1859), giặc giã nổi lên, trong nam thì quân Pháp, ngoài bắc thì thổ phỉ, thừa thế ấy người Thượng hạt ta sinh manh động, tràn xuống giết người cướp của quấy phá nhân dân. Quan lại địa phương cho là chuyện nhỏ, giấu đi không báo lên.

Đâu ngờ không dập tắt mỗi lửa nhỏ thì có lúc nó cháy bùng lên thành ngọn lửa to, không dập nổi. Vào các năm Canh Thân (1960) Nhâm Tuất (1862), mỗi họa người Thượng đe dọa cả vùng Quảng Nghĩa. Mùa thu năm Quý Hợi (1863), ta đang làm việc ở Thái Nguyên, làm bản tâu xin đi đánh dẹp.

Vua Tự Đức ban Dụ cho phép ta cầm quân tiêu phủ trong hạn kỳ sáu năm phải dẹp yên. Bấy giờ, ngạch trật của ta chưa tới Tam phẩm, quân ta quân chưa tới ba ngàn, tự thấy bất tài, lại được tin tướng gởi gắm việc vùng ven, ta lo lo lằng lằng, đâu dám chậm trễ. Lại nghĩ Quảng Nghĩa là quê cha đất mẹ của mình, người Thượng là việc lớn triều đình giao cho mình, ta không thể không đứng ra gánh vác trách nhiệm, không thể không hết lòng hết dạ đương đầu với quân liều lĩnh ấy. Nếu không gắng hết sức thì khó hy vọng gặt hái thành công. Ta tham khảo phương lược của các bậc tiên nhân qua tài liệu còn lưu lại, cầu kể nơi các vị bô lão có kinh nghiệm. Ta lại nghiên cứu hình thế núi sông xứ Thượng, dự liệu những biến động, chuẩn bị chờ thời cơ, trong khi đó ta ra sức tuyển quân, luyện quân ngày một mạnh, tập tành trận pháp, xây đàn tế cáo với trời đất thần thánh.



Nhờ uy linh của Triều đình, mà tướng sĩ cùng ra sức, quân ta càn quét tấn công không bỏ sót ngọn núi nào, sách Thượng nào. Ta cất quân đánh dẹp quyết liệt như thế đấy. Suốt hai năm Bình Dân (1866), Đinh Mão (1867), khí thế quân ta lên cao, mà họ thì suy dần, nhân đó ta cung cấp lương thực, quần áo, tuyên truyền họa phước, từ từ phân tích để họ yên tâm. Từ đó, các tay cừ mục các sách Thượng cúi đầu xin hàng, họ yêu cầu được giữ nguyên cương giới địa bàn của họ, xin đóng đủ các khoản tô thuế. Hầu như tất cả các sách Thượng trong hạt đều thúc thủ chịu ta sai khiến, duy có hai sách người Thượng Nước Tó, Nước Xênh ý vào địa thế hiểm trở của mình nên vẫn còn cứng đầu.

Hai năm tiếp theo, ta tiến hành càn quét tận sào huyệt của họ khiến họ phải nối nhau xin hàng. Đến khi ấy thì miền biên trấn khá yên ổn, quân vụ an nhàn, ta mới có thời giờ nghiên cứu tình trạng núi sông, cương vực, đường sá xứ Thượng hạt ta, cũng như phong tục, thổ nghi, tô thuế. Ta cũng suy nghĩ đề ra sách lược tiểu phủ, phương cách phòng ngự, cũng như quá trình kiến thiết của các triều đại, cùng câu chuyện về các danh tướng trong công tác người Thượng rồi viết thành tập sách lấy tựa là “Phủ Man tạp lục”.

Đây chỉ là một tập sách ghi các ý kiến nông cạn của ta để lưu lại cho con cháu trong nhà mà thôi, đâu dám cho ai xem. Thàng hoặc có vị cao nhân nào xem qua, xin chớ chê cười.

Tự Đức Tân Mùi (1871)  
**Ôn Khê Nguyễn Tử Vân**  
(Tĩnh man Tiểu phủ sử)

撫蠻雜錄書

仲男 義定山防領兵紋 奉檢鐫

男輔政大臣

文明殿大學士兼管欽天監事務  
克機密院大臣管領吏部肅烈將

延祿伯

紳

奉校訂

孫鴻臚寺卿辦理兵部繼 奉檢鐫

撫蠻雜錄書序

夷狄之患自古有之求之載籍之中不一而足我國丁李  
陳黎世亦有之言乎其大則哀牢萬象真臘暹羅言乎其  
小則美良山陰水舍火舍此等蠻者皆有君臣之倫尊卑  
之序故易於處治也未有如我轄山蠻之無人道者也嘉  
隆初年該蠻有求內附奉我

- Trọng Nam Nghĩa Định Sơn phòng Lãnh binh *Văn* phụng kiểm tuyên.
- Nam Phụ chính đại thần Văn minh điện đại học sĩ kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ, sung Cơ Mật viện đại thần quản lĩnh Sử bộ Túc liệt tướng, Diên Lộc bá *Thân* phụng hiệu đính.
- Tôn Hồng Lô Tự khanh biện lý Binh bộ *Kế* phụng kiểm tuyên.

## PHỦ MAN TẠP LỤC THƯ TỰ

(TỰ TỰ)

*Tĩnh man Tiếu phủ sứ*  
**Ôn Khê Nguyễn Tử Vân**

*Di địch chi hoạn tự cổ hữu chi, cầu chi tái tịch chi trung bất nhất nhi túc. Ngã quốc Đinh Lê Lý Trần Lê thế diệt hữu chi. Ngôn hồ kỳ đại tặc Ai Lao, Vạn Tượng, Chân Lạp, Tiêm La. Ngôn hồ kỳ tiểu tặc Mỹ Lương, Sơn Âm, Thủy Xá, Hòa Xá thù đảng man giả giai hữu quân thân chi luân tôn ti chi tự. Cố dị ư xữ trị dã. Vị hữu như ngã hạt sơn man chi vô nhân đạo giả dã. Gia Long sơ niên, cai man hữu cầu nội phụ. Phụng ngã*

世祖高皇帝敕令却之豈非以該之無人道耶夫是蠻也無君長  
無尊卑所居者險要所尚者擊刺以兇悍爲能以劫掠爲  
藝我示以威則遁我撫以德則狎殺之則以爲怨活之則  
不爲恩是人非人是鬼非鬼抑不知占城之遺類歟或別  
一族類歟山川使之然歟或氣化使之然歟不然北之士  
南之諧輸誠納款稱爲臣妾而獨此蠻之外聲教謂之惡  
也故宜雖然蛇云毒矣而世有捕蛇虎云猛矣而人能搏  
虎世有是蠻之患卽世有治蠻之人黎中興以來凡禦蠻  
之名將者代有其人誠所謂天生一世人足了一世事者  
也奉自我

*Thế Tô Cao Hoàng để sắc mệnh khước chi, khởi phi dĩ cai chi vô nhân đạo da! Phù thị man dã vô quân trường, vô tôn ti. Sở cư giả hiểm yếu, sở thượng giả kích thích dĩ hưng hân vi năng dĩ kiếp lược vi thế. Ngã thị dĩ uy tắc độn [遁: trốn]. Ngã phủ dĩ đức tắc hiệp [狎: khinh thường]. Sát chi tắc dĩ vi oán, Hoạt chi tắc bắt vi ân. Thị nhân phi nhân, thị quý phi quý. Ưc bất tri Chiêm Thành chi di loại dư? Hoặc biệt nhất tộc loại dư? Sơn xuyên sử chi nhiên dư? Bất nhiên bắc chi Thổ, nam chi Hời [裔: người Chăm] thâu thành nạp khoán, xưng vi thân thiếp nhi độc thử man chi ngoại thanh giáo, vị chi ác dã cố nghi. Tuy nhiên xà vân độc hỹ, nhi thế bỏ xà, hổ vân mãnh hỹ, nhi nhân năng bác hổ. Thế hữu thị man chi hoạn, tức thế hữu trị man chi nhân. Lê trung hưng dĩ lai, phạm ngụy man chi danh tướng giả đại hữu kỳ nhân. Thành sở vị “thiên tính nhất thế nhân tức liêu nhất thế sự giả dã”. Phụng tự ngã*

皇上臨政以來訪蠻蓋常爲患嗣德乙卯

上命陳知等討之戊午己未等年南有法兵北有土匪乘此有事  
之秋我轄山蠻因而蠢動始則侵我邊氓劫掠人畜地方  
官猶以爲小小偷竊不以

上聞誰知微微不戢終至燎原庚申壬戌等年廣義一方遂有濫  
觴之禍嗣德癸亥秋予自太臬陳

奏請行欽奉

崇禎六年剿撫予抵職之日秩未至三品兵未滿三千自揣不才  
濫叨邊寄兢兢業業莫敢遑居竊以廣義爲父母之邦是  
乃門庭之寇不得不當其責而盡其心當此猖狂之際

*Hoàng thượng lâm chính dĩ lai, cai man cái thường vi hoạn. Tụ Đức Ất Mão thượng mệnh Trần Tri đảng thảo chi. Mậu Ngọ, Kỷ Mùi đẳng niên, Nam hữu Pháp binh, Bắc hữu thổ phi thừa thữ hữu sự chi thu, ngã hạt sơn man nhân nhi xuân động thủy tắc xâm ngã biên manh kiếp [劫: cướp] lược nhân súc. Địa phương quan do dĩ vi tiểu tiểu thâm thiết bất dĩ.*

*Thượng văn thùy tri vi vi bất tập, chung chí liệu. Nguyên Canh Thân Nhâm Tuất đẳng niên, Quảng Nghĩa nhất phương toại hữu lạm thương chi họa. Tụ Đức Quý Hợi thu, dư tụ Thái tụ trần tấu thỉnh hành khâm phụng.*

*Dụ chuẩn lục niên tiểu phủ, dư để chức chi nhật, trật vị chi tam phẩm, binh vị mãn tam thiên, tụ sủy [lo lường] bất tài, lạm thao biên ký, cạnh cạnh nghiệp nghiệp, mạc cảm hoàng [遣: gáp] cư, Thiết dĩ Quảng Nghĩa vi phụ mẫu chi bang thị man nãi môn đình chi khẩu, bất đắc bất đương kỳ trách nhi tận kỳ tâm đương thữ xương cuông chi tế.*

苟不大加痛剿則難望其成功於是參考之前人之遺策  
訪求之古老之見聞又且歷覽山川相視形勢靜觀其變  
徐待其機子丑兩年揀選勁兵操演陣法築壇告祭蠲吉  
誓師仗 朝廷之威靈資將士之協力無山不履無柵不  
攻當此之辰專乎剿矣寅卯兩年我兵已振敵氣已摧因  
而給與衣食曉示禍福徐徐撫之嗣而諸柵渠目俯首歸  
降或求保守界疆或乞輸納稅課餘如荒蠻串蠻亦各取  
次就縛乃有浩素浩撐二蠻尚存恃險爲梗辰巳兩年予  
卽搗他巢穴該隨望風降服日今邊塵稍靜軍務稍闕因  
得詳究山川之險易疆域之廣狹里路之遠近風俗之異



Câu bất đại gia thống tiếu tắc nan vọng kỳ thành công ư thị. Tham khảo chi tiền nhân chi di sách, phòng cầu chi cát lão chi kiến văn, hựu thả lịch lãm sơn xuyên tương thị hình thể tĩn quan kỳ biến, từ đấi kỳ cơ, dư sừu lưỡng niên luyện tuyến kính [勁: cứng] binh, thao diễn trận pháp, trúc đàn cáo tế, độc [益獨 bò 獨] cát thể sư trượng. Triều đình chi uy linh tư tướng sĩ chi hiệp lực, vô sơn bất lý, vô sách bất công. Đương thử chi thời chuyên hồ tiếu hỹ. Dân Mão lưỡng niên, ngã binh dĩ chán, địch khí dĩ tòi, nhân nhi cấp dĩ y thực hiểu thị họa phước từ từ phủ chi. Tự nhi chư sách, cừ mục phủ thủ qui hàng, hoặc cầu bảo thủ giới cương, hoặc cật thâu nạp thuế khóa dư như hoang man quán man diệt các thủ thứ tự phước, nãi hữu Nước Tố, Nước Xanh nhị man thượng tôn đặc hiểm vi ngành. Thời dĩ lưỡng niên, dư tức đảo tha sào huyệt. cai tùy vọng phong hang phục. Mục kim biên trần sào tĩn, quân vụ sào nhàn, nhân đắc tường cứu sơn xuyên chi hiểm dị, cương vực chi quảng hiệp, lý lộ chi viễn cận, phong tục chi dị

同及土地之宜租稅之額剗撫之策防禦之方與夫列朝  
之建設沿革名將之剗平事狀逐款具編定成門類名之  
曰撫蠻雜錄書然亦不過以一己之淺見爲一家之私藏  
云耳豈敢公於人乎哉儻觀之者幸勿以蠶測管窺爲笑  
也可是爲序

嗣德辛未靖蠻剗撫使溫溪阮子雲自序

*đồng, cập thỏ địa chi nghi, tô thuế chi ngạch, tiểu phủ chi sách, phòng ngự chi phương dữ liệt triều chi kiến thiết duyên cách, danh tướng chi tiểu bình sự trạng, trực khoản [款: thành thực], cụ biên định thành môn loại danh chi viết “Phủ Man tạp lục” thư, nhiên diệc bất quá dĩ nhất kỳ chi tiền kiến vi nhất gia chi tư tàng vân nhĩ. Khởi cảm công ư nhân hồ tai! Thàng quan chi giả hạnh vật dĩ lễ [con một gỗ] trắc quản khuy [窠: dòm ngó] vi tiểu dã, khoa thị vi tự.*

*Tự Đức Tân Mùi (1871)*

*Tĩnh man Tiểu phủ sứ*

**Ôn Khê Nguyễn Tử Vân tự tự.**

撫蠻雜錄卷之一

山川險易

山川有險易之殊故蠻之生也有純滴之異觀之于古秦之武勇唐之勤儉則山蠻之習尚從可知矣我轄青蓬羅樹二蠻境山高而氣厚林木青蔥水清而源長魚蝦充牣平易者多險要者少故其蠻性純樸而所習者勤儉一二三五等奇蠻境山形剛急石多而木少水脉淺迫磧多而水少險峻者多平易者少故其蠻性率多兇悍所習者擊刺之事存如青衢與四奇蠻境間乎其中山之形有順有逆水之源有短有長而險易亦各相等故其蠻性半純而

**Phiên âm trang 1**  
**PHỦ MAN TẬP LỤC – QUYỂN CHI NHẤT**  
**SƠN XUYÊN HIỂM DỊ**

Sơn xuyên hữu hiểm dị chi thù cố man chi sinh dã. Hữu thuận ly chi dị quan chi vu cố Tần chi võ dũng, Đường chi cần kiệm tắc sơn man chi tập thượng tùng khả tri hỹ. Ngã hạt Thanh Bồng, La Thụ nhị man cảnh, sơn cao nhi khí hậu lâm mộc thanh thông [thông:cây hành] thủy thanh nhi nguyên trường, ngu phúc sung nhĩn, bình dị giả đa, hiểm yếu giả thiếu, cố kỳ man tính thuần phác nhi sở tập giả cần kiệm. Nhất, Nhị, Tam, Ngũ đẳng Kỳ man cảnh, sơn hình cương cấp thạch đa nhi mộc thiếu, thủy mạch tiễn bách, thích đa nhi thủy thiếu, hiểm tuấn giả đa, bình dị giả thiếu, cố kỳ man tính suất đa hung hãn, sở tập giả, kích chế chi sự tồn, như Thanh Cù dữ Tứ Kỳ man cảnh gian hồ. Kỳ trung, sơn chi hình hữu thuận hữu nghịch, thủy chi nguyên hữu đoán hữu trường, nhi hiểm dị diệc các tương đẳng. Cố kỳ man tính bán thuần nhi

**Dịch**

**TRƯỜNG LỮ QUẢNG NGÃI - Quyển 1**  
**NÚI SÔNG KHÁC LẠ**

Miền người Thượng sinh sống là một vùng núi sông hiểm yếu khác lạ. Đó là miền đất thuộc quê Thuận, quê Ly khác với miền ta, xét ra nó kiêm cả cái võ dũng của người Tần, lẫn tính cần kiệm của người Đường, nên ta có thể tìm hiểu được tập tính khái quát của người Thượng miền đất này vậy.

Tại hạt ta, hai xứ Thượng Thanh Bồng, La Thụ núi cao, cây cối tươi tốt, khí hậu dễ chịu, nước xanh mà đầy, nhiều loài thủy sản, ít nơi hiểm hóc, đời sống dễ chịu, cho nên người Thượng ở đó tính tình thuần phác, quen sống cần kiệm. Còn cảnh quan tại các xứ Thượng cơ Nhứt, cơ Nhì, cơ Ba, cơ Năm, cơ Sáu thì đồi núi chập chùng, nhiều đá ít cây, khan mạch, dư sỏi cát mà thiếu nước dùng, nhiều thách thức nên đời sống khó khăn hơn. Thế cho nên, người Thượng ở đó hung hãn, hay gây sự đánh nhau như ở nguồn Thanh Cù tại xứ Thượng cơ Tư. Ở đó, hình núi lúc thuận lúc nghịch, các nguồn nước cái dài cái ngắn mà rất hiểm dị. Núi sông như thế, nên người Thượng ở đây phân nửa thì thuần hậu, còn

半不純有樸寔而習勤儉者有桀黠而好擊刺者無非山

川之氣脉使之然也故為將者相視山川之形勢熟察蠻

性之純漓則戰陣不習而能矣言乎山之最險者二十有

二如高關在一三兩奇蠻境接夾之處俗名尚高關其

最高也西有諾瀛蠻山連絡落山到此突為是山令謨蠻

居其西是山北面落下起為衣山廊山諾家蠻環居之南

面落下五支山或起或伏乍彎乍花如重衣相襲林木叢

雜巖石巍或大或小溪水紆迴或深或淺千形萬狀不

可勝數形如諸葛八陣圖諾素蠻居其中諾家外諾誅蠻

居其外脚是山原有五條路一自令謨蠻穿林山上行越

是山嶺懸崖而下一自諾家山向南行穿林而下一自諾

誅針草阜山上一向西行穿林而下一自素水口由水中行

接木跨石而登一自全木蠻山向北行而下這等條路均

是危險軍皆串魚而進洵為諾蠻山之最險也嗣德十二

年布政阮增信敗兵于全木山上十七年予與范表阮

bán bất thuận. Hữu phác thật nhi tập cần kiệm giả, hữu kiệt hiệt nhi háo kích thứ giả. Vô phi sơn xuyên chi khí mạch, sử chi nhiên dã. Cố vi tướng giả, tương thị sơn xuyên chi hình thể thực sát man tính chi thuần lý tắc chiến trận bất tập nhi năng hỹ. Ngôn hồ sơn chi tối hiểm giả, nhị thập hữu nhị như:

*Cao Muôn sơn: Tại Nhất, Tam lưỡng Kỳ man cảnh tiếp giáp chi xứ, tục danh núi Cao Muôn, kỳ sơn lưỡng đầu cao tủng tham thiên vi Chương Nghĩ, Mộ Đức nhị huyện. Man cảnh chi tối cao dã. Tây tự Nước Li man sơn liên lạc, lạc hạ đảo thù đột vi thị sơn, lệnh mô [曠: đã định rồi] man cư kỳ tây thị sơn. Bắc diện lạc hạ khởi vi Y sơn, Làng sơn, Nước Gia man hoàn cư chi. Nam diện lạc hạ ngũ chi sơn Đá Bàn, Đồng Trù, Con Cua, Đồng Dâu, Đông Mộc đấng man hoàn cư chi. Đông diện lạc hạ tam chi sơn, hoặc khởi hoặc phục, sạ [冚: chọt, thoát] loan sạ bão như trùng y tương tập, lâm mộc tủng tạp, nham thạch nguy nga, hoặc đại hoặc tiêu, khe thủy vu hôi hoặc thâm hoặc tiền, thiên hình vạn trạng bất khả thắng số, hình như Gia Cát Bát trận đồ.*

*Nước Tổ man cư kỳ trung, Nước Gia Ngoại, Nước Tru man cư kỳ ngoại cước. Thị sơn nguyên hữu ngũ điều lộ, nhất tự Linh Mô man xuyên lâm sơn hạ hành việt thị sơn đỉnh huyện nhai nhi hạ, nhất tự Nước Gia sơn hướng nam hành xuyên lâm nhi hạ, nhất tự Nước Tru, Bộc Thảo Phụ sơn thượng hướng tây hành, xuyên lâm nhi hạ, nhất tự Tổ Thủy khẩu do thủy trung hành, bạt mộc khoa thạch nhi đấng, nhất tự Đông Mộc man sơn hướng bắc hành nhi hạ. Giá đấng điều lộ quân thị nguy hiểm, quân giai quán ngư nhi tiền, tuân vi chư man sơn chi tối hiểm dã. Tự Đức thập nhị niên, Bó Chính Nguyễn Tăng Tín bại binh vu Đông Mộc sơn thượng, thập thất niên dư dĩ Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ,*

## Dịch

phân nửa thì hung hãn. Người thuần phác quen sống cần kiệm, còn người chưa thuần hay gây sự đánh người giết người.

Há chẳng phải do khí tượng núi sông mà tạo ra những tính cách khác nhau như thế hay sao?

Do đó, người làm tướng chỉ huy việc chinh tiêu người Thượng phải khảo sát nắm vững hình thế núi sông, để biết được tính khí của từng nhóm người thì dù chưa từng giao chiến với họ cũng có thể cai trị được.

Miền Thượng hạt ta có 22 ngọn núi hiểm trở như sau:

*Núi Cao Muôn: Núi này nằm tại hai cơ xứ Thượng là cơ Nhứt, và cơ Ba, Hai đầu núi này cao vút đụng tới trời thuộc 2 huyện Chương Nghĩa và Mộ Đức. Sách người Thượng nằm trên núi cao. Từ núi của người Thượng Nước Ly liên tục đổ dốc đến đó rồi đột nhiên vun cao thành núi này, sách Thượng định cư ở phía tây núi. Mặt bắc đổ dốc rồi vun cao thành ngọn núi Y sơn, núi Làng Sơn, nơi người Thượng Nước Gia cư trú quanh đó. Mặt nam đổ xuống hình thành 5 ngọn núi gọi là núi Ngũ Chi, nơi người Thượng Đá Bàn, Đồng Trù, Con Cua, Đồng Dâu, Đồng Mộc cư trú quanh đó.*

*Mặt đông đổ dốc hình thành 3 ngọn núi, cái cao, cái thấp, chọt cong vòng, chọt gấp khúc như các xống áo lồng vào nhau, rừng cây rậm rạp, đá dựng cheo leo, hòn to hòn nhỏ, suối chảy vòng vèo, khi sâu khi cạn, thiên hình vạn trạng không biết bao nhiêu mà kể, trông như trận đồ Bát quái của Gia Cát Khổng Minh vậy.*

*Sách của người Thượng Nước Tố ở khu giữa, còn sách người Thượng Nước Gia Ngoại, sách của người Thượng Nước Tru ở chân núi. Núi này nguyên có 5 con đường từ các xứ khác đi tới. Một đường từ sách của người Thượng Linh Mộ băng qua*



rừng, vượt đỉnh núi, qua những khe vực cheo leo, rồi đổ xuống tới đây. Một đường từ núi của người Thượng Nước Gia băng rừng theo hướng nam đi xuống. Một đường từ trên núi Bộc Thảo Phụ của người Thượng Nước Tru theo hướng tây băng rừng đi xuống. Một đường từ cửa sông Tô Thủy, theo đường thùy một đoạn rồi lách cây, đạp đá trèo lên. Một đường từ núi của sách Thượng Đồng Mộc theo hướng bắc đi xuống. Các con đường ấy thảy đều nguy hiểm, mỗi lần qua đây, quan lính phải ngậm tằm mà tiến, vì ai cũng biết các vùng rừng núi xứ Thượng này rất nguy hiểm.

Niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1858), quan Bó Chính Nguyễn Tăng Tín bị bại binh tại núi Đồng Mộc. Niên hiệu Tự Đức thứ 17 (1863), ta cùng các ông Phạm Biều, Nguyễn Mỹ,

喬材等進攻一次然但攻其溪內之蠻居耳二十一年予  
自提兵分爲三道一道由猓蠻山而登有波漸蠻引路  
一道由空木山而進予督一道由諾家山上依山而行直  
上山嶺懸崖而下該三道均夜半行攻三次該蠻從此禡  
魄今該蠻已移居于是山之東脚外與諾誅蠻雜處受稅  
二十三年全木降蠻丁致不肯納稅率將妻子登是山林  
中最險構居圖欲爲非予與吳得護潘文舊等進攻大破  
之按高關山嶺有一處長橫各一丈許土色黃嫩無石無  
草木葉亦不落入以本丈雷山在五奇廊踏蠻境俗名崗  
穿柔不窳蠻言山臍也雷山廊踏自里山落下到此突  
爲是山山分二支一支向東北行爲猓溜諾能等山一支  
向東南行爲猓剌猓燎等山其山嶺上平坦如大路然人  
立嶺上望下山脚四旁壁立深如大井廊踏下蠻居其下  
廊踏上蠻居其山之腰廊輝蠻居其南腰節次官兵到此  
天霧四塞晝亦如夜人馬亦不能辨致該蠻恃險不服嗣  
德十八年予進兵到此霧亦如然予設壇密告忽爾光晴  
卽派各奇負弁各于山上有路處發兵防截予與范表阮  
美喬林各率支兵懸崖而下自寅至巳方抵紅柵大破之  
該蠻從巴南山在六奇青衢蠻境俗號崗妃喃其山自嶺  
此懾服巴南山至脚林未蒼翠一望參天山之東脚諾灘

(3)

### Phiên âm trang 3

Kiều Lâm đẳng tiến công nhất thứ, nhiên dẫn công kỳ Khê nội chi man cư nhĩ. Nhị thập nhất niên, dư tự đề binh phân vi tam đạo, nhất đạo do Con Cua man sơn nhi đằng, hữu Ba Tư man dẫn lộ, nhất đạo do Đồng Mộc sơn nhi tiến, dư đốc nhất đạo do Nước Gia sơn thượng Y sơn nhi hành, trực thượng sơn dĩ huyền nhai nhi há, cai tam đạo quân dạ bán hành, công tam thứ. Cai man tùng thứ sĩ phách [魏 魏: sĩ phách: mắt cá thần trí]. Kim cai man dĩ di cư vu thị sơn chi đông cước ngoại, dĩ Nước Tru man tạp xứ thụ thuế. Nhị thập tam niên, Đồng Mộc hàng man Đinh Chí bất kháng nạp thuế, suất tướng thê tử đằng thị sơn lâm trung tối hiểm cấu cư, đồ dục vi phi. Dư dĩ Ngô Đắc Hộ, Phan Văn Cựu đẳng tiến công đại phá chi. Án Cao Muôn sơn lĩnh hữu nhất xứ trường hoành các nhất trượng, hứa thổ sắc hoàng nộn vô thạch vô thảo mộc điệp điệp bất lạc nhập dĩ mộc trượng xuyên nhu bất cùng man ngôn sơn mạch dã.

**Lôi sơn:** Tại Ngũ Kỳ Làng Lui man cảnh tục danh núi Làng Lui [足圖]. Tự Lý sơn lạc hạ đảo thứ đột vi thị sơn. Sơn phân nhị chi, nhất chi hướng đông bắc hành vi Con Quái [濶: cái ngòi nước], Nước Năng đằng sơn. Nhất chi hướng đông nam hành nhi vi Còn Let, Con Liễu đằng sơn. Kỳ sơn đỉnh thượng bình thản như đại lộ nhiên nhân lập đỉnh thượng vọng hạ sơn cước tứ bàng bích lập thâm như đại tỉnh. Làng Lui Hạ man cư kỳ hạ, Làng Lui Thượng man cư kỳ sơn chi yêu. Làng Huy man cư kỳ nam yêu. Tiết thứ quan binh đảo thứ, thiên vụ, tứ cơ trú điệp như dạ, nhân mã điệp bất năng biện trí, cai man đặc hiểm bất phục. Tự Đức thập bát niên, dư tiến binh đảo thứ, vụ điệp như nhiên. Dư thiết đàn mặt cáo, hô nhĩ quang tình, tức phái các kỳ viên biện các vụ sơn thượng hữu lộ xứ, phân binh phòng tiết. Dư dĩ Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiêu Lâm các suất chi binh huyền nhai nhi hạ. Tự dân chí tị phương để dang sách đại phá chi. Cai man tùng thứ nhiếp phục.

*Ba Nam sơn: Tại Lục Kỳ Thanh Cù man cảnh, tục hào núi Ba Nam. Kỳ sơn tự đỉnh chí cước lâm mộc thương thúy, nhất vọng tham thiên. Sơn chi đông cước Nước Li*

### **Dịch**

*Kiều Lâm tiến công nói ấy lần thứ nhất, nhưng chỉ đánh tới sách người Thượng ở ven suối rồi về.*

*Niên hiệu Tự Đức thứ 21(1867), ta chia binh làm 3 cánh, một cánh từ núi của người Thượng Con Cua đi lên do người Thượng Ba Tư dẫn đường, một cánh từ núi Đồng Mộc tiến lên. Còn cánh thứ ba do ta chỉ huy, từ núi của người Thượng Nước Gia đi lên núi Y sơn, rồi theo đèo dốc cheo leo đi xuống. Ba cánh quân đều xuất phát từ lúc nửa đêm, tấn công ba đợt liên tiếp, khiến người Thượng Đồng Mộc tan hồn bạt vía, phải chịu từng phục từ đó. Nay thì họ đã di cư ra ở ngoài chân núi phía đông cư trú lẫn lộn với người Thượng Nước Tru, chịu đóng thuế. Đỉnh Chi, một tay Cừ mục của người Thượng Đồng Mộc đã quy hàng ta, nhưng hai mươi ba năm qua vẫn bất hợp tác, không chịu nộp thuế, kéo cả bộ tướng vợ con trốn vào ở trong núi rất sâu hiểm, mưu làm chuyện sai trái. Ta cùng các ông Ngô Đắc Hộ, Phan Văn Cựu tiến công phá tan tành.*

*Đặc biệt, núi Cao Muôn có một nơi bẽ dài, bẽ ngang đều khoảng một trượng, có nhiều chỗ đất ở đó có màu vàng non, không lẫn đá sỏi, cũng không thấy cỏ cây mọc lên, lấy cây gỗ cắm xuống thì đất mềm như không có đáy. Người Thượng nói là chỗ mạch núi lộ ra.*

*Núi Lô: Còn gọi là núi Làng Lui vì người Thượng Làng Lui thuộc cơ Năm ở tại đó. Núi này từ Lý dốc xuống đến đây vun cao mà thành.*

*Núi Lô gồm 2 nhánh, một nhánh chạy theo hướng đông bắc hình thành các ngọn núi Con Quái, Nước Năng, một nhánh theo hướng đông nam hình thành các ngọn núi Con Lệt, Con Liệu. Trên đỉnh núi này có một nơi bằng phẳng như đại lộ, đứng nơi ấy*

nhìn xuống bên dưới thấy bốn chung quanh sâu hút như cái giếng lớn. Người Thượng Làng Lui Hạ cư trú dưới chân núi gọi là người Làng Lui Dưới (hay Thấp) còn người Thượng cư trú ở lưng chừng núi gọi là người Làng Lui Trên (hay Cao). Người Thượng Làng Huy cư trú nơi lưng chừng núi phía nam. Đã một lần quan binh đến đó, gặp hôm sương mù dày đặc, ban ngày mà tối như ban đêm, người ngựa không thể hoạt động được, nên người Thượng ở đó ý vào thể núi hiểm trở không chịu khuất phục ta.

Niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1864), ta tiến binh đến đó, cũng gặp cảnh sương mù dày đặc. Ta thiết đàn cầu cúng, bỗng nhiên sương tạnh, trời sáng, ta liền phái các nhân viên rành đường hướng dẫn, rồi phân binh đánh lên. Ta cùng các ông Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm đôn đốc quân sĩ các cánh theo con đường dốc đứng cheo leo đánh xuống. Từ sáng sớm (giờ dần) đến gần trưa (giờ tị) thì đến các sách Làng Lui Trên, Làng Lui Dưới, Làng Huy, ta triển khai đánh phá tan tành, khiến chúng phải chịu nhiếp phục.

**Núi Ba Nam:** Tại xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Sáu. Núi này, cây cối xanh tốt từ chân tới đỉnh, thoạt nhìn thấy như núi đụn trời. Người Thượng Nước Ly

芒瓢上蠻居之山之西萬山連絡一望無際紀南蠻居之  
古來官兵未曾到此嗣德十九年予提兵巡往使波漸蠻  
丁練等率降蠻三百餘丁向道跨石援木而登愈行愈遠  
如登天然自丑至巳方抵嶺上破該杠柵及回至山之東  
脚則入石壁山在四奇蠻境山如壁立其高參天與高闡  
夜矣 襲鴿黃中二嶺山之西為馬鞍麒麟諸山之東落  
下為襲歸于此待斃此山原有二條路一在山之東脚襲鴿  
者盡歸于此狹險要穿林而行昔年惡蠻常由之路東脚襲鴿  
嶺其路窄狹險要穿林而行昔年惡蠻常由之路東脚襲鴿  
奇滋擾嗣德二十一年予派兵斬木掘石廣修為靖蠻官  
路又奏移設靖蠻三堡于此一路在山之西脚是為馬鞍  
自安馭蠻向北行越過此山上又下由溪道行過廊練蠻  
抵六奇廊森青山在二奇蠻境接夾之處俗號為諾撐  
蠻其路甚險青山在二奇蠻境接夾之處俗號為諾撐  
廊架二蠻居之山之北岩級諾纒二蠻居之南脚亦惡  
下為鳥嶺山之羣峯起伏林木達絡正中有一頃約五  
六十畝兩邊溪水環繞甚清中有一峯廣四五丈高數十  
丈圓暈如覆笠土色黃嫩嶺上平坦可容一百人蠻號為  
山臍浩撐蠻丁爭丁鮒等環居之蠻常言此處無虎患只  
有熊象綠蛇而已年前諸蠻活捉漢民常寄于此嗣德二

## Phiên âm trang 4

*Mang Biều Thượng man cư chi sơn chi tây, vạn sơn liên lạc nhất vọng vô tế. Ba Nam man cư chi, cổ lai quan binh vị tăng đảo thứ. Tự Đức thập cửu niên, dư đề binh tuần vãng, sử Ba Tư man Đình Luyện đẳng suất hàng man tam bách dư đình, hướng đạo khoa thạch bạt mộc nhi đăng. Dữ hành dữ viễn như đăng thiên, nhiên tự sừ chi tị phương để đình thượng, phá cai dang sách cập hồi chi sơn chi đông cước tắc nhập dạ hỹ.*

**Thạch Bích sơn:** *Tại Tứ Kỳ man cảnh, sơn chi như bích lập kỳ cao tham thiên dữ Cao Muôn sơn tề. Sơn chi tây nhi Mã Yên Kỳ Lâm chư sơn. Sơn chi đông lạc hạ vi Tập Linh, Hoàng Trung nhị lĩnh sơn chi thượng tương truyền hữu tượng đình. Phàm sơn tượng chi lão nhược giả tận quy vu thứ đãi tử. Thứ sơn nguyên hữu nhị điều lộ, nhất tại sơn chi đông cước Tập Cấp lĩnh kỳ lộ, trách hiệp hiểm yếu xuyên lâm nhi hành. Tích niên ác man thường do thứ lộ tiềm vãng Lục Kỳ tư nhiều. Tự Đức nhị thập nhất niên, dư phái binh trăm mộc, quật thạch quảng tu vi Tĩnh man quan lộ, hựu tấu di thiết Tĩnh man tam bảo vu thứ. Nhất lộ tại sơn chi tây cước thị vi Mã Yên tự An Ngự man hướng bắc hành việt quá thứ sơn thượng hựu hạ do Khê đạo hành quá Làng Luyện man để, Lục Kỳ Làng Lâm man kỳ lộ thậm hiểm.*

**Thanh sơn:** *Tại Nhất Nhị Kỳ man cảnh tiếp giáp chi xứ, tục hào núi Nước Trâm. Sơn chi tây, liên dữ Thác sơn tương đối, sơn chi nam cước Làng Ó, Làng Giá nhị man cư chi, sơn chi bắc, Đèo Gáp, Nước Lua nhị man cư chi, sơn chi đông cước, lạc hạ vi Điều Lĩnh. Sơn chi thượng, quần phong khởi phục, lâm mộc liên lạc. Chính trung hữu nhất khoảnh cước ngũ lục thập mẫu, lưỡng biên Khê thủy hoàn nhiều thậm thanh. Trung hữu nhất phong quảng tứ ngũ trượng, cao số thập trượng, viên vụng như phúc lập thổ sắc hoàng nộn, đình thượng bình thân khả dung nhất bách nhân, man hào vi sơn tề. Nước Trâm man Đình Tranh, Đình Trê đẳng hoàn cư chi. Man thường ngôn thứ xứ vô hồ hoạn,*

chỉ hữu hùng tượng lục xà nhi dĩ. Niên tiền chư man hoạt xúc  
Hán dân thường ký vu thử. Tự Đức nhị

## Dịch

người Thượng Mang Biều Thượng cư trú nơi sườn núi phía tây.  
Núi tiếp núi trùng điệp. Đã từ thời xa xưa người Thượng Ba Nam  
cư trú tại nơi này, quan binh chưa từng đặt chân đến đó.

Niên hiệu Tự Đức thứ 19 (1865), ta đưa quân đi tuần tra nơi  
này, phái nhóm người Thượng Ba Tư do Đinh Luyện chỉ huy một  
toán 300 lính Thượng đầu hàng quân ta dẫn đường mở rừng tiến  
lên. Càng đi thấy càng hiểm trở như leo lên trời, nhưng đến giờ  
sầu thì cũng lên tới đỉnh núi, quân ta triển khai đánh phá tan  
tành rồi ra về, tới chân núi phía đông thì trời sập tối.

**Núi Đá Vách (Thạch Bích sơn):** Núi tại cơ Tư, dáng dựng  
đứng cao tót như tới tận trời xanh, bằng với núi Cao Muôn. Phía  
tây núi này có các ngọn Mã Yên, Kỳ Lân. Phía đông thì thấp  
xuống cũng có hai ngọn núi là Tập Cáp, Hoàng Trung, trên ấy  
nghe người ta đồn có nghĩa địa voi. Phàm loài voi hoang dã khi  
già yếu thì đều tìm về nơi nghĩa địa ấy chờ chết. Núi Đá Vách  
này vốn có hai con đường, một đường nơi phía đông chân núi  
này tại chỗ núi Tập Cáp, nhỏ hẹp hiểm yếu băng rừng mà đi.  
Ngày xưa giặc Thượng thường theo con đường ấy bí mật kéo đi  
quấy nhiễu khắp sáu cơ.

Niên hiệu Tự Đức thứ 21 (1867), ta phái binh chặt cây trục  
đá, mở một con đường rộng đi vào xứ Thượng này, lại tâu xin lập  
3 đồn bảo ở đó. Một đường ở phía tây chân núi này gọi là yên  
ngựa từ xứ người Thượng An Ngự theo hướng bắc băng qua núi  
này, rồi lại trèo xuống theo con suối qua khỏi sách người  
Thượng Làng Luyện thì tới sách người Thượng Làng Lâm ở cơ  
Sáu, đường đó rất nguy hiểm.



**Núi Thanh:** Núi này nằm tiếp giáp giữa cơ Nhứt và cơ Nhì, thường gọi là núi Nước Trâm. Phía tây núi này liền mạch với núi Thác sơn, nơi chân núi phía nam là chỗ ở của hai sách người Thượng Làng Ó, Làng Giá, phía bắc là chỗ ở của hai sách người Thượng Đèo Gáp, Nước Lua, nơi chân núi phía đông là Điều Lĩnh. Trên đỉnh núi, lại mọc lên nhiều ngọn núi nhọn, cây cối rậm rạp. Ở trung tâm có một khoảnh đất rộng khoảng năm sáu chục mẫu, hai bên có suối chảy nước rất trong. Trong số ấy có một ngọn núi rộng khoảng bốn năm trượng, cao mấy chục trượng, hình tròn như cái nón, đất màu vàng non, trên đỉnh bằng phẳng chứa được cả trăm người, người Thượng gọi là cái rón núi. Người Thượng Nước Trâm của nhóm Đỉnh Tranh, Đỉnh Trê cư trú ở quanh đó. Người Thượng thường nói ở đó không sợ hổ, chỉ có voi, gấu, rắn lục mà thôi. Những năm trước, mỗi khi người Thượng bắt sống người Kinh thì đem về đó giam nhốt.

*Niên hiệu Tự Đức thứ*

十二子與吳得護阮美提兵由廊惡山直上大破之該  
 蠻猶梗二十三年予與吳得護潘文舊提兵由浩縵蠻山  
 直上又大破之按此山原有三路一自廊惡山向西北  
 而上一自浩縵山向西南高上一自浩縵山向西南  
 東而上均抵廊惡山該三路一自浩縵山向西南  
 均是危險惟廊惡山路稍易  
 下二支彎抱中有溪水流出是那江之上流也內重溪口  
 兩邊高山壁立勢似衣山而險又過之但山稍低耳  
 德十越過山予進兵由溪水溯流透衣山在奇蠻境俗號  
 入又越過山予進兵由溪水溯流透衣山在奇蠻境俗號  
 高蘭山支北行落下為是山之東脚夾諾克江山之北  
 脚夾屬禁外蠻居山曲流出外有土阜鎮水口勢似素水  
 溪水自山嶺落下屈曲流出不外有土阜鎮水口勢似素水  
 而稍易廊衣蠻居其中特險不服嗣德十八年予進兵駐  
 蔡伊川堡夜二更先派勁兵潛登山上伏截子與  
 范表喬林將兵由溪口入大破三次該蠻畏服  
 在一奇蠻境俗號尚哉貓其山高大林木甚盛山之西連  
 與浩縵蠻山東脚夾其山高大林木甚盛山之西連  
 之北連與黑石嶺有四政荒蠻  
 居兵上由山捧路而登甚險  
 農山在四奇蠻境俗號尚  
 廊農其山自虎嶺落

(5)

## Phiên âm trang 5

thập nhị niên, dư dũ Ngô đắ Hộ, Nguyễn Mỹ đề binh do Làng Ó sơn trực chi đại phá chi. Cai man do ngành, nhị thập tam niên, dư dũ Ngô đắ Hộ, Phan Văn Cựu đề binh do Nước Lụa man sơn trực thường hựu đại phá chi. Án thừ sơn, nguyên hữu tam lộ. Nhất tự Làng Ó man sơn hướng tây bắc nhi thường. Nhất tự Nước Lũ man sơn hướng tây nam nhi thường. Nhất tự Nước Li Tà Ma man sơn hướng đông nhi thường, quân để Làng Trâm man sách. Cai tam lộ quân thị nguy hiểm. Duy Làng Ó sơn lộ xứng dị.

**Thác sơn:** Tại Nhất Kỳ man cảnh Thuộc Vinh Nội, tục hào núi Nước Nháy. Kỳ sơn lạc hạ nhị chi loan bão, trung hữu khe thủy lưu xuất thị Na giang chi thượng lưu dã. Nội trùng khe khẩu lưỡng biên cao sơn bích lập, thế tự Y sơn nhi hiểm hựu quá chi, đăn kỳ sơn sào để nhĩ. Tự Đức thập bát niên, dư tiến binh do khe thủy tổ [濶 :ngoi lên, ngược] lưu thẩu nhập hựu việt quá sơn yêu trực nhập nội trùng hựu phá chi.

**Y sơn:** Tại Nhất Kỳ man cảnh tục hào núi Làng Y. Sơn chi tây thị Cao Muôn sơn chi bắc hành, lạc hạ vi thị sơn. Sơn chi đông cước giáp Nước Sung giang, sơn chi bắc cước giáp Thuộc Vinh Ngoại man cư, sơn chi nam lạc hạ nhị chi loan bão như y tập nhiên. Trung hữu khe thủy tự sơn lĩnh lạc hạ khuất khúc lưu xuất, ngoại hữu thổ phụ trấn thủy khẩu, thế tự Tổ thủy nhi sào dị. Làng Y man cư kỳ trung đặc hiểm bất phục. Tự Đức thập bát niên, dư tiến binh trú trác Y Xuyên bão, dạ nhị canh tiên phái khinh binh tiêm đặng sơn thượng, phục tiết. Dư dũ Phạm Biểu, Kiêu Lâm tương binh do khe khẩu nhập, đại phá tam thứ. Cai man ủy phục.

**Miêu Nhĩ sơn:** Tại Nhất Kỳ man cảnh tục hào núi Tai Mèo. Kỳ sơn cao đại, lâm mộc thậm thanh. Sơn chi tây liên dũ Nước Lá man sơn, sơn chi đông cước giáp Vệ giang tây ngàn, sơn chi nam vi Sơn Phủng xứ, sơn chi bắc liên dũ Hắc Thạch lĩnh, hữu tứ

*chính hoang man cư kỳ thượng, do Sơn Phủng lộ nhi đặng thậm hiêm.*

*Nông sơn: Tại Tứ Kỳ man cảnh, tục hào núi Làng Nông. Kỳ sơn tự Hồ linh lạc*

## Dịch

22 (1868), ta cùng các ông Ngô Đắc Hộ, Nguyễn Mỹ đề binh từ núi Làng Ó tiến thẳng đến nơi ấy, đánh tan giặc Thượng này. Nhưng họ vẫn còn ngang ngạnh, nên năm sau, niên hiệu Tự Đức thứ 23 (1869), ta cùng các ông Ngô Đắc Hộ, Phan Văn Cự đề binh từ núi của người Thượng Nước Lua tiến thẳng lên đến nơi đánh phá một trận nữa. Ta khảo sát biết có ba con đường dẫn lên núi này, một đường từ núi của người Thượng Làng Ó theo hướng tây bắc leo lên, một đường từ núi của người Thượng Nước Lũ theo hướng tây nam leo lên, một đường từ núi của người Thượng Nước Li Tà Ma theo hướng đông leo lên. Cả ba đường trên đều tới sách Thượng Làng Trâm. Cả ba đường đều rất nguy hiểm, chỉ có đường đi qua núi của người Thượng Làng Ó thì dễ đi hơn.

**Núi Thác:** Tại xứ Thuộc Vinh Nội, cơ Nhứt, thường gọi là núi Nước Nhảy. Núi này tỏa thành 2 nhánh, ở giữa có suối là nguồn nước thượng lưu của sông Na giang. Hai bên dòng suối, núi mọc dốc đứng, vẻ hung hiểm hơn cả núi Y sơn, nhưng núi này hơi thấp hơn.

Niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1964), ta ngược theo dòng suối tiến binh đến tận nơi, lại vượt qua một sườn núi vào tận sào huyết khuấy đảo tan tành.

**Núi Y:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, thường gọi là núi Làng Y. Nhánh bắc của núi Cao Muôn thấp dần xuống thành sườn tây núi này. Chân phía đông núi này giáp sông Nước Sung, chân phía bắc núi này giáp Thuộc Vinh Ngoại, nơi người Thượng Thuộc Vinh Ngoại-cư trú, phía nam núi này thấp xuống chia làm hai nhánh, gấp khúc như xống áo vậy. Ở giữa có suối nước, từ trên

núi vòng vèo đổ xuống, bên ngoài có bờ đất trắn ngay cửa suối, hình thể tương tự sông Tô thủy nhưng khác chút ít. Người Thượng Làng Y cư trú nơi ấy, lợi dụng nơi ở hiểm hóc nên không tuân lệnh triều đình.

Niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1864), ta tiến binh đến đóng tại bảo Y Xuyên, chờ đến canh hai, phái đội khinh binh bí mật leo lên núi mai phục. Ta cùng hai ông Phạm Biểu, Kiều Lâm đưa quân theo con suối tiến vào, đại phá ba lần. Người Thượng Làng Y sợ phục.

**Núi Tai Mèo:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt. Núi này to cao, cây cối rậm rạp. Phía tây núi này liền với núi của người Thượng Nước Lá, chân núi phía đông giáp bờ tây sông Vệ, phía nam là xứ Sơn Phụng, phía bắc liền với núi Hắc Thạch, có bốn sách người Thượng ở trên núi Tai Mèo này. Con đường lên núi duy nhất từ xứ Sơn Phụng đi lên, vô cùng hiểm trở.

**Núi Nông:** Thường gọi là núi Làng Nông, tại xứ Thượng cơ Tư. Núi này từ núi Hồ chạy đến, chiều cao tăng dần thành núi này, núi to cao như dựng tới trời, rừng cây xanh tốt, trên đỉnh có suối nước đủ dùng cho người và gia súc.

下為是山高天參木蒼翠嶺上有龜可容人畜昔商  
 農蠻居其地恃險不服嗣德十七年予屯兵于明隆堡商  
 委范表阮大喬林分二支兵由西路齊上犬饒山在二奇  
 破獲牛數十頭今該蠻已移居于山之下  
 名尚諾饒有路自石壁山西脚廊練蠻柵虎嶺在二奇蠻  
 向西南達于饒山夾明隆堡其路甚遠  
 級其嶺是青山支西北行落海紫蠻居其下有一路自  
 伊蠻過此向西南行抵廊門廊臨蠻居又達六奇諾瀉蠻境  
 昂山在二奇蠻境一頃約三四畝昔年該蠻常將人畜藏此  
 又有溪水一條跨大石走下望之如帛正然有一路登此  
 此山向西行通于諾攢蠻居甚險山之連黑石嶺西夾明隆  
 山在二奇蠻境俗號崗廊其山南連黑石嶺西夾明隆  
 有二條路一自沂茨越山向西行其上廊征蠻居其西脚原  
 隆堡向東行均抵該蠻扛柵其路甚峻險令謨山在三奇  
 號崗令謨都高闡山之西嶺西接藍石山北連諾家山南  
 接全廚蠻居山上田令謨蠻居原有四條路一自磅盤  
 山上東行一自全廚山北行一自諾素過高關山自磅盤  
 自諾家蠻山南行均抵該蠻扛柵甚險嗣德二十二  
 十一

(6)

*hạ vi thị sơn, cao đại tham thiên, lâm mộc thương thúy, đỉnh thượng hữu tuyến khả dung nhân súc. Tích Làng Nông man cư, kỳ thượng đặc hiểm bất phục. Tự Đức thập thất niên, dư đồn binh vu Minh Long bảo thương úy Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm phân nhị chi binh, do tây lộ tề thượng đại phá, hoạch ngu ru số thập đầu, lệnh cai man dĩ di cư vu sơn chi hạ.*

**Nhiêu sơn:** *Tại Nhị kỳ man cảnh tục danh núi Nước Nhiêu, hữu lộ tự Thạch Bích sơn tây cước Làng Luyện man sách hướng tây nam đạt vu Nhiêu sơn, giáp Minh Long bảo. Kỳ lộ thậm viễn.*

**Hổ lĩnh:** *Tại nhị kỳ man cảnh tục hào Đèo Khớp. Kỳ lĩnh thị Thanh sơn chi tây bắc hành lạc hạ Lộ Tử man cư. Kỳ hạ hữu nhất lộ tự y man quá thử hướng tây hành để Làng Môn, Làng Trê man cư, hựu đạt Lục Kỳ Nước Lầy [渌溝] man cảnh.*

**Bạch sơn:** *Tại Nhị kỳ man cảnh tục hào núi Nước Lua [糸羅], tự Thanh sơn đông bắc lạc hạ vi thị sơn. Sơn thượng hữu điền nhất khoảnh ước tam tứ mẫu. Tích niên, cai man thường tương nhập súc tàng thử. Hựu hữu kê thủy nhất điều, khoa đại thạch tẩu hạ vọng chi như bạch thất nhiên. Hữu nhất lộ đặng thử sơn hướng tây hành thông vu Nước Xanh [渌擘] man cư thậm hiểm. Sơn chi hạ Nước Lũ man cư chi.*

**Chinh sơn:** *Tại nhị kỳ man cảnh tục hào núi Lang Chinh. Kỳ sơn nam liên Hắc Thạch lĩnh, tây giáp Minh Long, bắc chí Điện lĩnh, đông cận lũy Làng An man cư. Kỳ thượng Làng Chinh man cư. Kỳ tây cước nguyên hữu nhị điều lộ, nhất tự Lộ Chích việt sơn hướng tây hành, nhất tự Minh Long bảo hướng đông hành, quân để cai man dang sách. Kỳ lộ thậm tuần hiểm.*

**Linh Mô sơn:** *Tại Tam Kỳ man cảnh, tục hào núi Linh Mô, tức Cao Muôn sơn chi tây lĩnh. Tây tiếp Bàn Thạch sơn, bắc liên Nước Gia sơn, nam tiếp Đồng Trù man cư. Sơn thượng hữu điền,*

*Linh Mô man cư. Nguyên hữu tứ điều lộ, nhất tự Đá Bàn sơn thượng đông hành, nhất tự Đồng Trù sơn thượng bắc hành, nhất tự Nước Tô quá Cao Muôn sơn đỉnh, nhất tự Nước Gia man cư sơn nam hành, quân để cai man dang sách thậm hiểm. Tự Đức nhị thập nhị, nhị thập*

## **Dịch**

*Ngày trước, người Thượng Làng Nông cư trú trên núi cao này, dựa thế núi hiểm ác nên sinh ngang ngạnh bất phục triều đình.*

*Niên hiệu Tự Đức thứ 17 (1863), ta đóng quân tại bảo Minh Long, ủy nhiệm cho các ông Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm chia quân làm hai cánh theo con đường phía tây cùng tiến lên đánh dẹp được giặc Thượng Làng Nông, bắt được trâu bò mười con, buộc người Thượng Làng Nông dời nhà xuống chân núi mà ở.*

***Núi Nhiêu:** Thường gọi là núi Nước Nhiêu tại xứ Thượng cơ Nhì. Có con đường từ sách người Thượng Làng Luyện ở chân phía tây núi Đá Vách đi theo hướng tây nam thì đến núi này, giáp bảo Minh Long. Đường đi rất xa.*

***Hồ linh:** Thường gọi là Đèo Khóp tại xứ Thượng cơ Nhì. Nhánh tây bắc của núi Thanh đổ xuống sách người Thượng Suối Tía cư trú. Bên dưới có con đường từ sách người Thượng ấy đi qua đó rồi thẳng về hướng tây đến sách của người Thượng Làng Môn, Làng Trê, rồi đến sách người Thượng Nước Lầy thuộc cơ Sáu.*

***Núi Bạch:** Thường gọi là núi Nước Lụa tại xứ Thượng cơ Nhì. Nhánh đông bắc núi Thanh thấp dần thành núi này. Trên núi có một khoảnh ruộng rộng khoảng ba bốn mẫu. Năm xưa, người Thượng thường đem gia súc dâu ở đó. Lại có một dòng suối chảy trên một khối đá lớn. Từ trên nhìn xuống thấy suối chảy trắng xóa như một dải lụa rất đẹp. Có một con đường leo*



*lên núi này đi về hướng tây thông với sách người Thượng Nước Xanh rất hiểm trở. Người Thượng Nước Lụa cư trú nơi chân núi.*

**Núi Chinh:** Thường gọi là núi Làng Chinh tại xứ Thượng cơ Nhì. Phía nam núi này liền với núi Hắc Thạch, phía tây giáp Minh Long, phía bắc kéo dài đến tận núi Điều, phía đông gần Trường lũy, nơi cư trú của người Thượng Làng An, còn ở trên núi thì có sách người Thượng Làng Chinh. Nơi chân núi phía tây có hai con đường, một đường từ Lợi Chích băng núi đi về hướng tây, một đường từ bảo Minh Long đi theo hướng đông, đều đi đến sách của người Thượng Làng Chinh. Đường đi qua nhiều hẻm vực cheo leo vô cùng hiểm trở.

**Núi Linh Mô:** Thường gọi là núi Linh Mô tại xứ Thượng cơ Ba, tức nhánh phía tây núi Cao Muôn. Phía tây tiếp với núi Bàn Thạch, phía bắc liền với núi Nước Gia, phía nam tiếp giáp với sách người Thượng Đồng Trù. Trên núi có ruộng, nơi người Thượng Linh Mô cư trú. Trước đây vốn có bốn con đường dẫn lên núi Linh Mô này, một đường từ trên núi Đá Bàn đi về hướng đông, một đường từ trên núi Đồng Trù đi theo hướng bắc, một đường từ Nước Tố qua đỉnh núi Cao Muôn, một đường từ núi của người Thượng Nước Gia đi về hướng nam. Bốn con đường ấy, đều đi đến sách người Thượng Linh Mô, nhưng đều rất hóc hiểm.

*Niên hiệu Tự Đức thứ 22 (1868),*

三等均過此予巡石盤山在三奇蠻境俗號尚砂盤其山東接  
 往均過此險嗣德十八年予蘇山在奇蠻境全廚山西脚砂  
 盤蠻居甚險頭大破該蠻源頭也原有二條路一自茶  
 進兵直上陰森此是蘇江之崖蠻由溪口向西行抵是山嶺  
 屈曲林木向南山行一自全崖蠻由溪口向西行抵是山嶺  
 奴蠻山上甚險昔丁鍊特險居此嗣德十七年予與范表  
 兩路相夾甚險昔丁鍊特險居此嗣德十七年予與范表  
 阮美喬林進兵由溪口向西行直入大破之又由茶奴山  
 路而里山或在低不奇蠻境俗號尚諾哩山出是里山之頭  
 出諾哩蠻丁踰等居其中嗣德十九年予進兵自雷山上  
 也諾哩蠻由山上向西穿林而行自寅至戌方抵是山駐  
 飭明早進兵大破之活捉丁倫之孫潘文舊提兵據波漸  
 上特險不服二十三年與吳得蕪潘文舊提兵據波漸  
 蠻丁笠等引路登山破之該蠻楚水嶺俗號塢浩楚其嶺  
 自料不敵自焚其巢穴而遁險自此嶺向西行五日程至  
 在茶軍山之西嶺上有路極險自頭此嶺向西行五日程至  
 麻燕蠻此蠻之西嶺上有路極險自頭此嶺向西行五日程至  
 狼狽然又有腔粹蠻此所居有一大虫如馬何蠻過此  
 能跨過則已不能跨過則此蠻羣來食之蠻之捉漢民多

*tam đẳng niên, dư tuần vãng quân quá thừ.*

**Thạch Bàn sơn:** *Tại Tam Kỳ man cảnh tục hào núi Đá Bàn. Kỳ sơn đông tiếp Linh Mô sơn, bắc liên sơn, nam giáp Đồng Trù sơn, tây cước Đá Bàn man cư thâm hiểm. Tụ Đức thập bát niên, dư tiến binh trực chi sơn đầu đại phá cai man.*

**Tô sơn:** *Tại Tam Kỳ man cảnh tục hào núi Nước Tô. Sơn thượng hữu điền hữu Khê thủy xuất khuất khúc, lâm mộc âm sâm. Thừ thị Tô giang chi nguyên đầu dã. Nguyên hữu nhị điều lộ, nhất tụ Trà Nô man sơn thượng hướng nam hành, nhất tụ Đồng Nhai man do Khê khẩu hướng tây hành để thị sơn đỉnh. Lương lộ thương giáp thâm hiểm. Tích Đình Luyện đặc hiểm cư thừ. Tụ Đức thập thất niên, dư dữ Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm tiến binh do Khê khẩu hướng tây hành trực nhập đại phá chi. Hựu do Trà Nô sơn lộ nhi xuất.*

**Lý sơn:** *Tại Tam Kỳ man cảnh tục hào núi Nước Lý. Sơn thượng quân phong ẩn phục hoặc cao hoặc để bát tri kỳ cá. Hữu Khê khuất khúc lưu xuất thị Lý sơn chi nguyên đầu dã. Nước Lý man Đình Tròn ( 圓+luân) đẳng cư kỳ trung. Tụ Đức thập xuyên lâm nhi hành, tụ dân chí tuất phương để thị sơn trú trác. Minh thảo, tiến binh đại phá chi, hoạt xúc Đình Tròn chi diệt. Thừ hậu, cai man di cư vu sơn thượng đặc hiểm bất phục.*

*Nhị thập tam niên, dư dữ Ngô đắc Hộ, Phan Văn Cựu đề binh cử Ba Tư man Đình Lạp đẳng dẫn lộ, đẳng sơn phá chi. Cai man tụ liệu bất cố, tụ phần kỳ sào huyết nhi tuần.*

**Sở Thủy lĩnh:** *Tại Lục Kỳ Thanh Bông man cảnh tục hào dốc Nước Sở. Kỳ lĩnh tại Trà Quân sơn chi tây. Lĩnh thượng hữu lộ cực hiểm, tụ thừ lĩnh hướng tây hành ngũ nhật trình chí Ma Chông [麻 蔞] man. Thừ man chi tây hành tam nhật trình hữu lương đầu man. Kỳ man hành tắc tương y như lang bá ( 狼*

撰: nương tựa nhau như con lang với con bái), nhiên hựu hữu Xoang [腔] Vuốt. Thử man sở cư hữu nhất đại trùng như mã. Hà man quá thử năng khóa quá tắc dĩ, bất năng khóa quá tắc thử man quần lai thực chi. Man chi tróc Hán dân đả

## Dịch

suốt ba năm, ta đưa quân tuần vãng xứ Thượng đều có đến núi này.

**Núi Thạch Bàn:** Tại xứ Thượng cơ Ba thường gọi là núi Đá Bàn. Phía đông tiếp với núi Linh Mô, phía bắc là núi, phía nam giáp núi Đồng Trù, chân núi phía tây là nơi người Thượng Đá Bàn cư trú, rất hiểm yếu.

Niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1864), ta tiến binh thẳng lên núi đại phá quân giặc.

**Núi Tô:** Tại xứ Thượng cơ Ba thường gọi là núi Nước Tô. Trên núi có ruộng, có suối chảy vòng vèo, cây cối rậm rạp. Núi này là đầu nguồn sông Tô giang. Đã từ lâu có hai con đường, một đường từ núi người Thượng Trà Nô đi theo hướng nam, một đường từ sách người Thượng Đồng Nhai theo con suối đi theo hướng tây thì đến đỉnh núi này. Hai con đường sẽ gặp nhau và đều rất nguy hiểm. Năm xưa Đinh Luyện nhờ vị trí hiểm hóc, cố thủ ở đó.

Niên hiệu Tự Đức thứ 17 (1863), ta cùng các ông Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm tiến binh theo con suối đi về hướng tây thẳng tới đó phá tan thành, rồi theo đường Trà Nô dẫn quân ra về.

**Núi Lý:** Tại xứ Thượng cơ Ba thường gọi là núi Nước Lý. Trên núi có nhiều ngọn núi nhỏ, cái cao cái thấp chập chùng không biết bao nhiêu mà kể. Núi này cũng có một con suối chảy

vòng vèo là đầu nguồn của sông Lý giang. Bọn người Thượng Nước Lý Đinh Tròn cư trú ở đó.

Niên hiệu Tự Đức thứ 19 (1865), ta tiến binh có người Thượng dẫn đường. Từ trên núi Lô, quân ta theo hướng tây băng rừng mà đi. Từ giờ dần đến giờ tuất mới đến núi này trú quân, sớm hôm sau tiên binh đánh phá tan tành, bắt sống cháu trai của Đinh Tròn. Từ đó, người Thượng Nước Lý di cư lên cao tìm chỗ hiểm hóc mà ở, cũng chưa chịu từng phục.

Niên hiệu Tự Đức thứ 23 (1869), Ta cùng các ông Ngô Đắc Hộ, Phan Văn Cựu đề binh, bảo người Thượng Ba Tư là nhóm Đinh Lạp dẫn đường, lên núi cao đánh phá tan tành. Người Thượng Nước Lý thấy không chống lại, tự đốt trại sách bỏ trốn.

**Núi Sở Thủy:** Tại xứ Thượng cơ Ba thường gọi là dốc Nước Sở. Núi này ở phía tây núi Trà Quân. Trên đó có đường đi nhưng cực kỳ hóc hiểm. Từ núi này đi về hướng tây năm ngày thì đến sách người Thượng Ma Chông. Đi tiếp 3 ngày nữa thì đến sách người Thượng Lương Đầu. Người Thượng Ma Chông và Lương Đầu sống nương tựa nhau như con lan nương tựa với con bãi. Còn có người Thượng Xoang Vuốt. Chỗ người Thượng Xoang Vuốt có một loại côn trùng to như con ngựa, người nào đi qua đó, người Xoang Vuốt bắt cỡi nó, cỡi được thì thôi, còn nếu không cỡi được nó thì bị người Xoang Vuốt ăn thịt. Người Kinh bị bắt phần đông

轉賣于此再但茶軍山在六奇青蓮蠻境其山甚高林木  
 得之蠻言黍米山之西是楚水嶺山之北嘆庸蠻居山上  
 食之謂之黍米山江原有二條路一自青蓮源向西過  
 有泉流出注下青蓮江原溪湖流而上向西行均  
 抵此山脚轉南行一自難溪湖流而上向西行均  
 在六奇青蓮蠻境其山尖起五峯俗號凌銛有似乎人  
 手指又號五指山山芭蕉樹蠻境其山甚高與茶軍  
 惟帶歸公不得相星山在六奇羅樹蠻境其山甚高與茶軍  
 傳裝鎮公園處毒蛇甚多土蠻不致到此嗣德二十二年  
 名諾賒處此處有蠻路越過此山嶺不致到此嗣德二十二年  
 予巡往由茶有蠻路越過此山嶺不致到此嗣德二十二年  
 人糞食蛇有木上迷烟落主山在六奇羅樹蠻境其山甚高與茶軍  
 下如雨然而全師無恙落主山在六奇羅樹蠻境其山甚高與茶軍  
 凌霄諸山環繞羅列于四旁嶺上有一項土平坦多產橘  
 柚芭蕉花林茂密蠻稱裝鎮公園又號雉庭凡諸山雉均  
 到此以尾掃地有路自嘆臆蠻環繞而登行如螺水之最  
 腸然三日復始到但聞之蠻言人跡未到此螺水之最  
 險者凡八如木江灘此在難上有波漸削立下有江深淵有

*chuyển mại vu thi. Thi dẫn đắc chi man ngôn nhĩ*

**Trà Quân sơn:** *Tại Lục Kỳ Thanh Bồng man cảnh. Kỳ sơn thậm cao, lâm mộc thậm thanh hựu đa sản bàng mộc. Cơ niên (năm đói, mất mùa) man thi mộc chữ thực chi vị Thiên Mễ. Sơn chi tây thị Sở Thủy Linh. Sơn chi bắc Cười [口其] Dong man cư. Sơn thượng hữu uyên lưu xuất chú hạ Thanh Bồng giang. Nguyên hữu nhị điều lộ, nhất tự Thanh Bồng nguyên hướng tây quá Cự Xi sơn cước, chuyển nam hành, nhất tự Nan Khê tổ lưu nhi thượng, hướng tây hành quân để thi sơn. Tham Lung man cư. Tự Đức nhị thập niên dư tuần vãn trú quân vu thi.*

**Cự Xi sơn:** *Tại Lục Kỳ Thanh Bồng man cảnh. Kỳ sơn quang khởi ngũ phong, tục hào núi Lãng Cự, hữu tự hồ nhân thi chi, hựu hào Ngũ Chi sơn. Sơn thượng ba tiêu quát dữu sinh hoa tú mậu, thổ man thái thực chi. Duy đời quy bất đắc. Tương truyền Bùi Trấn công viên.*

**Tinh sơn:** *Tại Lục Kỳ La Thụ man cảnh. Kỳ sơn thậm cao dữ Trà Quân sơn tề. Sơn chi nam cước Trà Ngon [口言] man cư. Sơn chi bắc yêu, danh Nước Xa [除] xú. Thi xú độc xà thậm đa thổ man bất cảm đảo thi. Tự Đức nhị thập nhị niên, dư tuần vãng do Trà Hữu man lộ việt quá thi sơn lĩnh để Nước Xa xú, trú trát nhất dạ, quân nhân chữ thực xà tự mộc thượng mê yên, lạc hạ như vũ, nhiên nhi toàn sư vô dạng.*

**Chúa sơn:** *Tại Lục Kỳ Xã Đạo man cảnh, man hào núi Chúa, hựu hào núi Yêu Mây. Kỳ sơn độc tưng lãng tiêu, chư sơn hoàn nhiều la liệt vu tứ bàn. Lĩnh thượng hữu nhất khoảnh thổ bình thản đa sản quát dữu ba tiêu hoa mộc mậu mật. Man xưng Bùi Trấn công viên hựu hào trĩ đình. Phạm cư sơn trĩ quân đảo thi dĩ vĩ tảo địa. Hữu lộ tự Cười Dũ man hoàn nhiều nhi đặng*

*hành như loa tràng, nhiên tam nhật dạ thủy đáo . Dẫn văn chi man ngôn nhân tích sở vị đáo thứ.*

Thùy chi tôi hiêm giả phàm bát như:

**Mộc giang than:** *Tại Tam Kỳ Ba Tư man cảnh tục danh Thác Lang đồng mộc. Thứ than, thượng hữu sơn tước lập, hạ hữu giang thâm uyên, hữu*

### **Dịch**

*thường đem đến đó bán. Những tin ấy đều do người Thượng kể lại.*

**Trà Quân sơn:** *Tại xứ Thượng Thanh Bồng thuộc cơ Sáu. Núi rất cao, cây cối rậm rạp, lại có nhiều loại cây “bàng”. Gặp năm đói kém, người ta nấu cây “bàng” mà ăn, gọi là “gạo trời”. Phía tây núi này là núi Sở Thủy, phía bắc là nơi ở của người Thượng Cười Dong. Trên núi có suối nước đổ xuống sông Thanh Bồng. Có 2 con đường, một đường từ nguồn Thanh Bồng đi theo hướng tây qua chân núi Cự Xi, rồi rẽ theo hướng nam, một đường từ suối Nan Khê ngược dòng đi lên theo hướng tây. Cả 2 con đường ấy đều dẫn đến núi này. Người Thượng Tham Lung cư trú ở đó.*

*Niên hiệu Tự Đức thứ 20 (1866), ta dẫn quân đi tuần vãng, có trú quân tại đó.*

**Cự Xi sơn:** *Tại xứ Thượng Thanh Bồng thuộc cơ Sáu. Núi có 5 ngọn, thường gọi là núi Lãng Cự, cũng giống như 5 ngón tay nên còn có tên là núi Ngũ Chi. Trên núi có nhiều chuối, quit, bươi bông trái sum suê, người Thượng hái ăn tại chỗ chứ không được mang đi. Tương truyền đó là rẫy của quan Trấn công Bùi Tá Hán ngày xưa.*

**Tinh sơn:** *Tại xứ Thượng La Thụ thuộc cơ Sáu. Núi rất cao ngang với núi Trà Quân. Nơi chân núi phía nam có người*



*Thượng Trà Ngon cư trú. Nơi sườn núi phía bắc là xứ Nước Xa. Xứ này rất nhiều rắn độc, người Thượng chẳng dám lai vãng.*

*Niên hiệu Tự Đức thứ 20, ta tuần vãng theo đường Trà Hữu băng qua núi Trà Hữu đến xứ Nước Xa, đóng quân một đêm, khi binh lính đin bếp nấu cơm, thì khói bốc xông lên ngọn cây, rắn bị khói làm cho cay mắt, rớt lộp độp như mưa, nhưng toàn thể quân lính không ai bị gì.*

***Núi Chúa:** Tại xứ Thượng Xã Đạo thuộc cơ Sáu, người Thượng gọi là núi Chúa, còn gọi là núi Yêu Mây. Núi này đột khởi cao vút tới mây xanh, có nhiều ngọn núi khác châu hầu la liệt chung quanh. Trên núi Chúa có một khoảnh đất bằng phẳng, mọc nhiều chuối, quit, bưởi bông trái sum suê, người Thượng bảo đó là rẫy của ông Trấn công Bùi Tá Hán, người Thượng còn gọi nơi đó là "trĩ đình". Vì loài sơn trĩ các nơi đều bay về nơi đó mùa may quét dọn. Có con đường từ sách người Thượng Cười Dũ đi vòng vèo leo lên như ruột ốc, mất 3 ngày đêm mới tới. Song nghe người Thượng cho biết lâu nay chưa thấy người Kinh nào tới tận xứ đó cả.*

Sông suối tối hiểm có 8 dòng như sau:

***Thác Mộc giang:** Tại xứ Thượng Ba Tư thuộc cơ Ba, thường gọi là Thác Lang Đồng Mộc. Bên nước này, trên thì núi dựng đứng, dưới thì sông sâu hút, có*

蹕自諾素而下向南行過此灘孤全機變居其灘約百餘  
 丈行甚危險年前布政阮增信將兵過此虛驚墜淵而死  
 者甚屬榮外津在奇屬榮變境俗名泮龍屬榮外此津  
 眾相變居其津里路甚險廊帛水津泮龍浩纓此津水中大  
 石甚多或隱或伏官兵不能進是險要上青蜓淵在六奇  
 有大石處隱射之兵不能進是險要上青蜓淵在六奇  
 境俗名域蚌其淵四旁皆石中有淵其圓如箕橫口約  
 三四尺其深如井淵之南北皆有變居有路自四奇廊練  
 蠻向北行過此淵旁達大喚灘在六奇廊練石乃品江之南  
 于鄆縣蠻境最為危險大喚灘在六奇廊練石乃品江之南  
 岸也上有高山下有大險灘在六奇廊練石乃品江之南  
 深淵過此甚為危險大喚灘在六奇廊練石乃品江之南  
 淵深廣行人車馬而往甚為巴沁灘在六奇廊練石乃品江之南  
 險要前次官兵失利在此甚為巴沁灘在六奇廊練石乃品江之南  
 皆石列乃黎江之西岸也上則高山削立下則黎江深  
 洲有路自芒縣變向北行過此抵這變甚為危險江深  
 江上津在六奇諾灘芒縣變境俗名泮龍浩纓此津水

(9)

## Phiên âm trang 9

*lộ tự Nước Tô nhi hạ, hướng nam hành quá thử than để  
ĐôngDâu man cư. Kỳ than chước bách dư trượng hành thậm  
nguy hiểm. Niên tiền Bồ chánh Nguyễn Tăng Tín tương binh quá  
thử, hư kinh truy uyên nhi từ giả thậm chúng.*

**Thuộc Vinh ngoại tân:** *Tại Nhất Kỳ Thuộc Vinh man cảnh  
tục danh Phán Lang Thuộc Vinh ngoại. Thủy trung thạch phục,  
lưỡng biên giai sơn lâm tùng tạp. Hữu lộ tự Nước Sung man  
hướng tây bắc hành để Thuộc Vinh Nội, Làng Tương man cư kỳ  
tân lý, lộ thậm hiểm.*

**Bạch Thủy tân:** *Tại Nhị Kỳ Nước Lụa man cảnh tục danh  
Phán Lang. Thử tân thủy trung đại thạch thậm đa hoặc ản hoặc  
phục. Quan binh thiệp thử, cai man cứ nhận hữu đại thạch xừ ản  
xạ chi. Binh bất năng tiến, thậm thị hiểm yếu.*

**Thanh Đình uyên:** *Tại Lục Kỳ Lang Tru man cảnh, tục  
danh Vực Chuồn. Kỳ uyên tứ bang giai thạch, thạch trung hữu  
uyên. Kỳ viên như ky hoành khẩu chước tam tứ xích. Kỳ thâm  
như tinh, uyên chi nam bắc giai hữu man cư. Hữu lộ tự Tứ Kỳ  
Làng Luyện man hướng bắc hành quá thử uyên, bang viên vu  
Lang Biều man cảnh tối vi nguy hiểm.*

**Đại Hoán than:** *Tại Lục Kỳ Lang Biều man cảnh, tục danh  
Thác Hú, Kỳ than giai thạch, nãi Nham giang chi nam ngạn dã.  
Thượng hữu cao sơn, hạ hữu thâm uyên, quá thử thậm vi nguy  
hiểm.*

**Đại Hiểm than:** *Tại Lục Kỳ Xà Nay man cảnh, Tại Lục Kỳ  
man cảnh, tục danh. Thử than sơn yếu tuần tuyệt thích thạch sầm  
nham, giang uyên thâm quảng, hành nhân quán ngư vãng thậm  
vi hiểm yếu. Tiền thử quan binh thất lợi tại thử.*

**Ba Tầm than:** *Tại Lục Kỳ Nước Li Bô Na man cảnh, tục  
danh thác Ba Tầm. Thử than giai thạch liệt, nãi Lê giang chi tây  
ngạn dã. Thượng tắc cao sơn tước lập, hạ tắc Lê giang thâm*

uyên. Hữu lộ tự Mang Biều man, hướng bắc hành quá thừ để Giá Tiệp man, thậm vi nguy hiểm.

**Lê Giang thượng tân:** Tại Lục Kỳ Nước Li Mang Biều Thượng man cảnh, tục danh Phán Lang Nước Ly. Thừ tân thùy trung giai viên thạch như lạp như phủ như đạn hoàn thậm đa nhi nhuận hoạt. Hữu lộ tự

## Dịch

con đường từ Nước Tố đi xuống theo hướng nam quá bến này thì đến sách người Thượng Đồng Dâu. Bến này ước chừng dài hơn trăm trượng, đi qua cực kỳ nguy hiểm. Năm nọ, quan Bồ chánh Nguyễn Tăng Tín đưa binh qua đó, quân lính run sợ rơi xuống vực sâu chết khá nhiều.

**Bến Thuộc Vinh ngoại:** Tại xứ Thuộc Vinh, cơ Nhứt, người Thượng gọi là Phán Lang Thuộc Vinh Ngoại. Trong nước đá lờm chờm, hai bên núi rừng trùng điệp. Có con đường từ sách người Thượng Nước Sung đi về hướng tây bắc thì đến Thuộc Vinh Nội. Người Thượng Làng Tương cư trú tại khu vực bến này. Đường đi vào rất hiểm trở.

**Bến Bạch Thủy:** Tại xứ Thượng Nước Lụa thuộc cơ Nhì, thường gọi là Phán Lang. Bến này đá to đá nhỏ rất nhiều cái khuất cái lộ. Khi quan binh vượt qua bến thì giặc Thượng núp sau những tảng đá lớn bắn tên ra, quân ta không tiến lên được. Một nơi quá hiểm ác.

**Vực Thanh Đình:** Tại xứ Thượng Làng Tru thuộc cơ Sáu, thường gọi là Vực Chuồn. Vực này bốn chung quanh đều là đá, giữa là vực nước, tròn như cái nong, đường kính ước chừng ba bốn thước. Vực Thanh Đình sâu như giếng, phía nam phía bắc đều có người Thượng cư trú. Có con đường đi từ sách người Thượng Làng Luyện ở cơ Tư theo hướng bắc vượt qua vực này, rồi đi một đoạn đường khá xa nữa thì đến sách người Thượng Lang Biều. Đường đi cực kỳ nguy hiểm.

**Bến Đại Hoán:** Tại xứ Thượng Lang Biều thuộc cơ Sáu, tục danh Thác Hú, Bến này toàn đá là đá là nhánh nam sông Nham giang. Núi thì cao, vực thì sâu, đi qua đó cực kỳ nguy hiểm.

**Bến Đại Hiểm:** Tại xứ Thượng Xà Nay thuộc cơ Sáu, tục danh Thác Kỳ. Nơi sườn núi bên này đá nhọn như dao vót, vực sông sâu rộng, phải ngậm miệng mà đi qua, cực kỳ nguy hiểm. Xưa nay quan binh đều bị thất lợi tại nơi này.

**Bến Ba Tắm:** Tại xứ Thượng Nước Li Bồ Na thuộc cơ Sáu, tục danh thác Ba Tắm. Bến này la liệt rất nhiều đá, là bờ tây của sông Lê giang. Trên là núi dựng đứng, dưới là sông Lê giang sâu thẳm. Có con đường từ sách người Thượng Mang Biều, đi theo hướng bắc qua bến này thì tới sách người Thượng Giá Tiếp. Đường đi cực kỳ hiểm yếu.

**Bến Lê Giang Thượng:** Tại xứ Thượng Nước Li Mang Biều Thượng thuộc cơ Sáu, thường gọi là Phán Lang Nước Li. Bến này có nhiều đá tròn, có miếng như cái sàng, có cục như ca: búa, có viên tròn lẫn như viên đạn, đều trơn bóng. Có con từ

嶺 黃 水 山 達 二 奇 域 蘇 屯 田 行 黃 水 山 在 石 冠 嶺 之 北 山	嶺 向 西 南 行 抵 杠 磋 山 向 北 行 黃 水 山 在 石 冠 嶺 之 北 山	北 過 此 山 脊 石 冠 嶺 上 多 石 堆 有 一 路 自 富 仁 屯 越 此 嶺	中 一 望 之 如 米 箱 林 才 陰 森 有 一 路 自 薰 風 堡 越 壘 向 西	境 其 山 在 沙 籠 嶺 之 南 山 脊 上 有 六 石 數 堆 一 望 之 如 錢	一 路 自 壘 沿 隘 向 西 行 過 此 嶺 抵 沙 籠 嶺 所 居 有 錢 米 山 在 五	山 之 南 錢 米 山 之 北 嶺 之 西 沙 籠 嶺 所 居 有 錢 米 山 在 五	常 隱 此 乘 間 潛 下 今 也 則 無 沙 籠 嶺 在 五 奇 巒 境 俗 號	沙 籠 嶺 之 北 山 多 林 木 年 前 巒 沙 籠 嶺 在 五 奇 巒 境 俗 號	北 行 達 石 冠 嶺 一 向 東 行 達 沙 籠 嶺 忽 火 山 境 其 山 在	東 一 路 自 棘 山 東 行 到 此 分 為 二 一 向 忽 火 山 境 其 山 在	東 山 此 山 脊 林 中 而 行 頗 險 磨 盤 山 在 五 奇 巒 境 俗 號	嶺 上 林 木 森 險 有 路 自 石 棧 而 磨 盤 山 在 五 奇 巒 境 俗 號	燎 燬 居 山 之 北 混 查 巒 居 之 燎 山 在 五 奇 巒 境 俗 號	則 踞 坐 蒲 伏 而 下 山 之 南 廊 燎 山 在 五 奇 巒 境 俗 號	六 如 石 棧 山 在 五 奇 巒 境 俗 號 漢 到 此 登 者 援 石 而 上 者	津 又 向 北 行 抵 芒 駱 上 巒 俗 號 漢 到 此 登 者 援 石 而 上 者	三 奇 波 漸 茶 奴 巒 向 西 北 行 涉 過 此 山 之 次 險 者 三 十 有
--	--	--	--	--	--	--	---	--	---	--	---	--	--	--	--	--	--

*Tam Kỳ Ba Tơ Trà Nô man hướng tây bắc hành thiệp quá thử tân, hựu hướng bắc hành để Mang Tầm Thượng man, thậm vi hiểm yếu.*

Sơn chi thử hiểm giả tam thập hữu lục như:

**Thạch Sạn sơn:** *Tại Ngũ Kỳ man cảnh, tục hào Dốc Đá Dương Ngòi. Kỳ sơn tại Lôi sơn chi đông. Sơn hình tiểu lập, man Hán đảo thử đặng giả viên thạch nhi thượng, hạ giả tắc cứ tọa bờ phục nhi há. Sơn chi nam Lang Liêu man cư, sơn chi bắc Con Già man cư chi.*

**Liệu sơn:** *Tại Ngũ Kỳ man cảnh, tục hào núi Làng Liệu. Kỳ sơn tại Thạch Sạn sơn chi đông, lĩnh thượng lâm mộc sâm hiểm. Hữu lộ tự Thạch Sạn nhi đông, do thử sơn tích lâm trung nhi hành pha hiểm.*

**Ma Bàn sơn:** *Tại Ngũ Kỳ man cảnh, tục hào núi núi Dang Sai. Tại Liệu sơn chi đông, nhất lộ tự Liệu sơn đông hành đảo thử phân vi nhị, nhất hướng bắc hành đạt Thạch Quan lĩnh, nhất hướng đông hành đạt Sa Lung lĩnh.*

**Hốt Hỏa sơn:** *Tại Ngũ Kỳ man cảnh. Kỳ sơn tại Sa Lung lĩnh chi bắc, sơn đa lâm*

*mộc. Niên tiên man thường ẩn thử thừa gian tiềm hạ, kim giả tắc vô.*

**Sa Lung lĩnh:** *Tại Ngũ Kỳ man cảnh, tục hào Dốc Dê (圪, 坨). Kỳ lĩnh tại Hốt Hỏa sơn chi nam, Tiên Mễ sơn chi bắc. Lĩnh chi tây, Sa Lung man sở cư. Hữu nhất lộ tự lũy Nham Ái [陰], hướng tây hành quá thử lĩnh để Sa Lung man sách.*

**Tiên Mễ sơn:** *Tại Ngũ Kỳ man cảnh. Kỳ sơn tại Sa Lung lĩnh chi nam. Sơn hiệp thượng hữu đại thạch số đôi. Nhất vọng chi như tiên quán, nhất vọng chi như mễ tương, lâm mộc âm sâm.*

*Hữu nhất lộ tự Huân Phong bảo, việt lũy hướng tây bắc. Quá thử sơn hiệp để Sa Lung lĩnh.*

**Thạch Quan lĩnh:** *Tại Ngũ Kỳ man cảnh, kỳ lĩnh tại Hốt Hòa sơn chi bắc. Lĩnh thượng đa thạch đôi. Hữu nhất lộ tự Phú Nhơn đồn điền, việt thử lĩnh hướng tây nam hành để Dang Sai sơn, hướng bắc hành để Hoàng Thủy sơn, đạt nhị kỳ Vực Răm [林 thảo đầu] đồn điền.*

**Hoàng Thủy sơn:** *Tại Tam Kỳ man cảnh, kỳ sơn tại Thạch Quan lĩnh chi bắc. Sơn thượng*

## Dịch

*sách người Thượng Trà Nô Ba Tư thuộc cơ Ba, đi theo hướng tây bắc vượt qua bên này, rồi đi theo hướng bắc thì tới sách người Thượng Mang Tầm Thượng. Đường đi cực kỳ hiểm yếu.*

Có 36 ngọn núi khá là hiểm trở là:

**Núi Thạch Sạn:** *Tại xứ Thượng cơ Năm, thường gọi là dốc Đá Dương Ngồi. Núi này ở phía đông núi Lô, hình chóp cao chót vót. Người Thượng, người Kinh đến đây vịn đá leo lên, nhưng khi xuống ắt phải bằng cách ngồi níu lấy dây rừng mà xuống từ từ. Người Thượng Làng Liệu cư trú phía nam núi này. Người Thượng Con Già cư trú tại phía bắc núi này.*

**Núi Liệu sơn:** *Tại xứ Thượng cơ Năm, thường gọi là núi Làng Liệu. Núi này nằm phía đông núi Thạch Sạn, trên núi cây cối rậm rạp. Có một con đường từ phía đông Thạch Sạn đi xuyên qua giữa rừng, khá hiểm ác.*

**Núi Ma Bàn:** *Tại xứ Thượng cơ Năm, thường gọi là núi Dang Sai. Có một con đường từ phía đông núi Liệu sơn đi đến đây tủa làm hai, một đường đi về hướng bắc tới núi Thạch Quan, một đường đi về hướng đông tới Sa Lung lĩnh.*



**Hốt Hỏa sơn:** Tại xứ Thượng cơ Năm. Núi này phía bắc núi Sa Lung, nhiều cây cối. Mấy năm trước, giặc Thượng thường núp ở đây, chờ dịp là lên xuống quấy nhiễu, nay thì không còn.

**Núi Sa Lung:** Tại xứ Thượng cơ Năm, thường gọi là dốc Dẽ. Núi này phía nam núi Hốt Hỏa, phía bắc núi Tiên Mễ. Người Thượng Sa Lung cư trú tại phía tây núi này. Có một con đường từ ải Nham đi theo hướng tây qua núi này thì tới sách người Thượng Sa Lung.

**Núi Tiên Mễ:** Tại xứ Thượng cơ Năm. Núi này ở phía nam núi Sa Lung. Trên sườn núi có mấy tảng đá to. Thoạt trông giống như một xâu tiên, cũng giống như kho gạo, cây cối um tùm. Có một con đường từ bảo Huân Phong, đi qua Trường Lũy theo hướng tây bắc. Qua khỏi sườn núi này là tới núi Sa Lung.

**Núi Thạch Quan:** Tại xứ Thượng cơ Năm, ở phía bắc núi Hốt Hỏa. trên núi có nhiều tảng đá nằm la liệt. Có một con đường từ đồn điền Phú Nhơn, vượt qua núi này rồi đi theo hướng tây nam thì đến núi Dang Sai, còn đi theo hướng bắc thì đến núi Hoàng Thủy, tới đồn điền Vực Răm thuộc cơ Nhì.

**Núi Hoàng Thủy:** Tại xứ Thượng cơ Ba, núi này ở phía bắc Thạch Quan linh. Trên núi

阜	姊	百	嶺	堡	黃	波	抵	龍	域	林	壘	林	小	自	奇	石	多
西	在	人	群	魚	漸	此	此	巒	森	黃	過	狃	嶺	此	巒	冠	林
北	一	頗	峯	蘇	巒	山	巒	巒	過	水	此	烈	向	山	巒	嶺	木
有	奇	險	連	山	境	達	巒	巒	此	小	山	巒	南	東	其	向	昔
一	巒	有	路	嶺	能	巒	巒	巒	頗	頗	西	屬	由	脚	山	西	有
路	境	一	或	過	山	巒	巒	巒	險	險	行	五	山	芽	北	浩	鑽
自	其	路	起	此	下	有	在	龍	龍	度	奇	奇	上	林	行	行	巒
那	阜	自	或	巒	一	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	行	而	西	山	居
江	在	屯	或	境	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	山	北	行	西	今
過	諾	碑	凹	其	雷	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	之	抵	嶺	登	已
此	誅	西	或	嶺	山	上	山	巒	巒	巒	巒	巒	左	域	上	此	散
阜	諾	脚	凸	在	波	漸	漸	巒	巒	巒	巒	巒	東	嶺	上	山	去
東	家	夫	百	波	漸	源	源	巒	巒	巒	巒	巒	山	上	出	抵	有
北	二	全	餘	漸	境	頭	頭	巒	巒	巒	巒	巒	多	田	雙	天	一
脚	巒	木	丈	境	境	林	林	巒	巒	巒	巒	巒	林	又	峰	乳	路
抵	接	江	伏	境	境	嶺	嶺	巒	巒	巒	巒	巒	乃	有	如	山	自
諾	夾	一	兵	境	境	山	山	巒	巒	巒	巒	域	域	一	路	天	乳
家	之	奇	可	境	境	巒	巒	巒	巒	巒	巒	一	一	路	山	山	山
巒	處	巒	容	境	境	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	自	一	山	山
其	那	境	六	境	境	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	此	路	三	在
路	江	針	七	境	境	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	路	路	路	路
一	之	草	七	境	境	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	巒	路	路	路	路

(11)

đa lâm mộc, tích hữu Nước Hoàng man cư thử, kim dĩ tán khứ. Hữu nhất lộ tự Thạch Quan lĩnh hướng tây bắc hành, thiệp Hoàng Thủy Khê, đặng thử sơn để Thiên Nhũ sơn.

**Thiên Nhũ sơn:** Tại Tam Kỳ man cảnh, kỳ sơn tại Hoàng Thủy sơn chi tây. Lĩnh thượng đột xuất song phong như nhũ. Hữu nhất lộ tự thử sơn đông cước xuyên lâm nhi tây bắc hành để Vực Răm đồn điền, hựu hữu nhất lộ tự thử sơn lĩnh hướng nam do sơn thượng hành để Con Liệt man, thuộc Ngũ Kỳ man.

**Sở Hầu sơn:** Tại Tam Kỳ lũy tiền kỳ sơn tại Hoàng Thủy sơn chi đông. Sơn thượng đa lâm mộc. Hữu nhất lộ tự lũy quá thử sơn, tây hành để Hoàng Thủy sơn pha hiểm.

**Độ Tác lĩnh:** Tại Tam Kỳ lũy tiền. Lĩnh chi đông nãi Vực Răm đồn điền. Lĩnh chi tây Con Long Con Giai man cư. Hữu nhất lộ tự Vực Răm quá thử lĩnh để Con Long man. Kỳ lĩnh pha hiểm.

**Long sơn:** Tại Tam Kỳ man cảnh, kỳ sơn tại Năng sơn chi đông bắc, Con Long man sở cư. Hữu nhất lộ tự Năng sơn bắc hành để thử sơn đạt Ba Tư man cảnh.

**Năng sơn:** Tại Tam Kỳ man cảnh Thiên Nhũ sơn chi tây nam Nước Long man cư. Kỳ hạ hữu nhất lộ tự Lôi sơn thượng bắc hành để thử sơn đạt Ba Tư Hoàng Ngự bảo.

**Tô Sơn lĩnh:** Tại Tam Kỳ man cảnh. Kỳ lĩnh tại Ba Tư nguyên đầu. Quá thử lĩnh giáp Lục Kỳ Nước Li Thượng man cảnh.

**Lâm lĩnh:** Tại Tam Kỳ man cảnh. Kỳ lĩnh quân phong liên lạc hoặc khởi hoặc phục, hoặc hoặc đột hoặc ao (lồi, lõm) bách dư trượng. Phục binh khả dụng lục thất bách nhân pha hiểm. Hữu lộ tự Đôn Bi hướng tây hành quá thử lĩnh để Ba Tư Hoàng Ngự bảo.

**Tỷ Muội sơn:** Tại Tam Kỳ man cảnh. Sơn chi tây cước giáp Đông Mộc giang. Hữu nhất lộ tự Ba Tư hướng bắc hành quá thử sơn để Tỷ Muội than, giáp Nhất Kỳ man cảnh.

**Bộ Thảo phụ:** Tại Nhất Kỳ man cảnh. Kỳ phụ tại Nước Tru Nước Gia nhị man, tiếp giáp chi xứ Na giang chi tây bắc. Hữu nhất lộ tự Na giang quá thử phụ đông bắc cước để Nước Gia man. Kỳ lộ nhất

## Dịch

nhiều cây cối. Năm xưa, người Thượng Nước Hoàng cư trú tại đây, nay đã đi nơi khác. Có một con đường từ núi Thạch Quan đi theo hướng tây bắc vượt qua suối Hoàng Thủy, leo lên núi này thì tới núi Thiên Nhũ.

**Núi Thiên Nhũ:** Tại xứ Thượng cơ Ba, ở phía tây núi Hoàng Thủy. Trên núi nhô cao hai ngọn núi như hai cái vú. Có một con đường từ chân phía đông núi này băng rừng đi theo hướng tây bắc thì đến sở đồn điền Vực Răm, lại có một con đường từ núi này, đi về hướng nam cứ trên núi mà đi thì tới sách người Thượng Con Lệt, cũng thuộc xứ Thượng cơ Ngũ.

**Núi Sở Hâu:** Tại xứ Thượng cơ Ba, ngay trước Trường Lũy. Núi này ở phía đông núi Hoàng Thủy, nhiều cây cối rậm rạp. Có một con đường từ Trường Lũy đi qua núi này, rồi đi về hướng tây thì tới núi Hoàng Thủy, khá nguy hiểm.

**Núi Độ Tác:** Tại xứ Thượng cơ Ba, ngay trước Trường Lũy. Phía đông núi này là sở đồn điền Vực Răm. Phía tây núi này là sách của người Thượng Con Long Con Trai. Có một con đường từ Vực Răm đi qua núi này, tới sách người Thượng Con Long, khá hiểm trở.

**Núi Long:** Tại xứ Thượng cơ Ba, ở phía đông bắc núi Năng, Người Thượng Con Long cư trú tại núi này. Có một con đường

từ núi Nặng đi theo hướng bắc thì tới núi này, đến nơi ở của người Thượng Ba Tơ.

**Núi Nặng:** Tại xứ Thượng cơ Ba, phía tây nam núi Thiên Nhũ là nơi cư trú của người Thượng Nước Long. Dưới núi có một con đường từ núi Lôi đi lên hướng bắc thì tới bảo Hoàng Ngự ở Ba Tơ.

**Núi Tô Sơn:** Tại xứ Thượng cơ Ba, ở đầu nguồn Ba Tơ. Qua khỏi núi này thì đến sách của người Thượng Nước Li Thượng thuộc cơ Sáu.

**Núi Lâm:** Tại xứ Thượng cơ Ba. Núi này có nhiều ngọn trái dài, ngọn cao, ngọn thấp, cái nhô ra cái lõm vào hơn trăm trượng. Có thể chứa sáu bảy trăm phục binh nên khá hiểm trở. Có một con đường từ Đồn Bi đi theo hướng tây qua khỏi núi này là đến bảo Hoàng Ngự ở Ba Tơ.

**Núi Tỳ Muội:** Tại xứ Thượng cơ Ba. Chân phía tây núi này giáp sông Đồng Mộc. Có một con đường từ Ba Tơ đi theo hướng bắc qua khỏi núi này thì tới thác Tỳ Muội, giáp cơ Nhứt.

**Núi đất Bộc Thảo:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt. Núi đất này nằm vắt qua hai sách Thượng Nước Tru Nước Gia, tiếp giáp xứ Na giang phía tây bắc. Có một con đường từ sông Na qua khỏi chân phía đông bắc núi đất này thì tới sách người Thượng Nước Gia. Đường đi tới đó, một

抵	有	尖	浩	由	泉	居	來	過	伏	內	藪	東	廊	此	南	為	邊	
四	路	石	蘿	山	抵	之	官	此	此	頗	起	行	衣	山	廊	二	山	
奇	自	嶺	蠻	上	是	有	兵	嶺	今	險	在	抵	外	向	溫	支	一	
汛	二	在	柵	程	墟	路	未	抵	已	昔	一	諾	蠻	東	一	邊	水	
分	時	二	柵	抵	又	自	常	廊	空	年	奇	蘿	過	南	路	一	顧	
年	奇	奇	典	典	達	明	過	年	曠	變	變	蠻	此	行	行	險	予	
前	西	蠻	嶺	嶺	虎	隆	此	柵	常	雜	有	其	嶺	抵	一	行	過	
副	其	境	在	在	嶺	涉	今	屬	鳥	一	藪	克	平	安	路	由	此	
領	路	其	二	二	黑	紫	往	二	嶺	在	在	山	廢	望	自	阜	分	
二	頗	嶺	過	奇	石	嶺	來	奇	多	路	鹿	一	一	過	行	兵	溫	
被	險	在	尖	蠻	嶺	在	已	蠻	叢	自	藪	之	奇	靈	山	在	一	
蠻	福	福	石	嶺	奇	二	成	路	有	屬	北	南	蠻	嶺	衣	一	北	
陣	祿	祿	嶺	又	安	奇	大	頗	一	榮	屬	諾	境	山	山	一	奇	
亡	嶺	在	向	自	亭	壘	路	險	路	外	榮	克	其	之	之	東	蠻	
在	之	處	西	壘	屯	前	矣	古	自	北	內	蠻	山	靈	一	奇	境	
此	其	二	南	園	田	有	龜	龜	屬	行	之	居	在	嶺	東	一	境	
督	嶺	四	行	向	越	一	墟	墟	夾	過	南	其	靈	有	路	其	居	
公	頗	奇	抵	西	壘	路	在	在	之	此	藪	下	嶺	一	路	嶺	山	
嶺	高	壘	西	行	向	自	二	二	處	藪	中	頗	之	路	自	之	山	
在	而	前	隆	過	西	二	奇	奇	甚	抵	山	險	北	鹿	在	之	之	
境	陰	接	此	行	行	二	蠻	蠻	高	屬	崗	鹿	鹿					

## Phiên âm trang 12

*biên sơn, nhất biên thủy pha hiểm. Dư quá thử phân binh vi nhị chi, nhất do lộ hành, nhất do phụ thượng hành.*

**Ôn sơn:** *Tại Nhất Kỳ man cảnh. Kỳ sơn chi tây bắc Nước Lá [■] man cư. Sơn chi nam Làng Ôn man cư. Hữu nhất lộ tự Nước Lá quá thử sơn hướng đông nam hành để Bình An phế bảo.*

**Linh lĩnh:** *Tại Nhất Kỳ man cảnh. Kỳ lĩnh tại Y sơn chi đông. Hữu nhất lộ tự Làng Y Ngoại man quá thử lĩnh đông hành để Nước Lá man.*

**Sung sơn:** *Tại Nhất Kỳ man cảnh. Kỳ sơn tại Linh lĩnh chi bắc, Lộc Tẩu chi nam, Nước Sung man cư kỳ hạ, pha hiểm.*

**Lộc tẩu:** *Tại Nhất Kỳ man cảnh. Kỳ tẩu tại Sung sơn chi bắc, Thuộc Vinh Nội chi nam. Tẩu trung sơn cương khởi phục lâm bốn tủng tạp. Hữu nhất lộ tự Thuộc Vinh Ngoại bắc hành, quá thử tẩu để Thuộc Vinh Nội pha hiểm. Tích niên man thường phục thử, kim dĩ không khoáng.*

**Điều lĩnh:** *Tại Nhị Kỳ man cảnh tiếp giáp chi xứ. Lĩnh thậm cao đạ tủng tạp. Hữu nhất lộ tự Thuộc Vinh Nội Nước Trang sách, quá thử lĩnh để Làng Mưu sách, thuộc nhị kỳ man lộ pha hiểm. Cổ lai quan binh vị thường quá thử. Kim vãng lai dĩ thành đại lộ hỹ.*

**Quy khu:** *Tại Nhị Kỳ Lộ Từ man cảnh, Gò Du man cư chi. Hữu lộ tự Minh Long thiệp Từ tuyên để thị khu. Hựu đạt Hồ Lĩnh.*

**Hắc Thạch lĩnh:** *Tại Nhị Kỳ lũy tiền, hữu nhất lộ tự Nhị Kỳ An Đình đồn điền. Việt lũy hướng tây hành do sơn thượng trình để Nước Lá man sách.*

**Điền linh:** Tại Nhị Kỳ man cảnh. Hữu lộ tự Gò Viên hướng tây hành quá thờ lĩnh, hựu quá Tiêm Thạch lĩnh, hựu hướng tây nam hành để Minh Long bảo.

**Tiêm Thạch lĩnh:** Tại Nhị Kỳ man cảnh. Kỳ lĩnh tại Điền lĩnh chi tây. Kỳ lộ pha hiểm.

**Phước Lộc lĩnh:** Tại Nhị Tứ Kỳ lũy tiền tiếp giáp chi xứ. Kỳ lĩnh pha cao nhi hiểm. Hữu lộ tự Nhị Kỳ Hồ Kỳ đồn điền, hướng đông bắc hành giá thờ lĩnh để tứ kỳ Vàm [畚] Phân. Niên tiền Phó Lãnh Nhị bị man trận vong tại thờ.

**Độc Công lĩnh:** Tại Tứ Kỳ man cảnh. Hữu

## Dịch

**Gò Quy:** Tại xứ Thượng Lộ Tía thuộc cơ Nhì, nơi người Thượng Gò Du cư trú. Có đường từ Minh Long vượt suối Tía thì đến gò này, rồi đến núi Hồ.

**Núi Hắc Thạch:** Tại xứ Thượng cơ Nhì, ngay trước Trường Lũy. Có một con đường từ đồn điền An Đình thuộc cơ Nhì, băng qua Trường Lũy đi theo hướng tây bằng đường núi cao thì tới sách của người Thượng Nước Lá.

**Núi Điền:** Tại xứ Thượng cơ Nhì. Có con đường từ Gò Viên đi theo hướng tây qua khỏi núi này, qua khỏi núi Tiêm Thạch, rồi đi theo hướng tây nam thì tới bảo Minh Long.

**Núi Tiêm Thạch:** Tại xứ Thượng cơ Nhì, phía tây Điền lĩnh, đường đi khá hiểm ác.

**Núi Phước Lộc:** Tại nơi tiếp giáp cơ Nhì, cơ Tư, ngay trước Trường Lũy. Núi này khá cao và hiểm trở. Có con đường từ đồn



*điền Hồ Kỳ thuộc cơ Nhị, đi theo hướng đông bắc qua khỏi núi này thì tới Vàm Phân thuộc cơ Tư. Năm trước quan Phó Lãnh Nhị bị tử trận tại đó.*

***Núi Đốc Công:** Tại xứ Thượng cơ Tư. Có đường bộ tự Điền lĩnh hướng bắc hành quá thừ lĩnh đến sách của người Cười Nhiêu ở cơ Tư.*



*lộ tự Diên lĩnh hướng bắc hành quá thủ lĩnh để Tứ Kỳ Cười Nhiều man sách.*

**Chiết Diệp lĩnh:** *Tại Tứ Kỳ man cảnh. Hữu lộ tự Minh Long hướng đông bắc hành để Làng Mối man. Quá thủ lĩnh để Cười Lục man. Kỳ lộ pha hiểm.*

**Mã Yên lĩnh:** *Tại Tứ Kỳ man cảnh. Kỳ lĩnh tại Thạch Bích sơn chi tây cước. Lĩnh chi nam Khoáng Con An Ngự man cư. Hữu lộ tự thị man quá thủ lĩnh hướng bắc hành để Làng Luyện man, hựu quá nhất tiểu sơn trực ắc hành để Lục Kỳ Thanh Đình uyên thuộc Lang Sâm, Lang Tru man cư.*

**Tập Cáp lĩnh:** *Tại Tứ Kỳ lũy tiền. Kỳ lĩnh nãi Thạch Bích sơn chi đông cước. Lạc hạ nhất chi tục danh Đèo Cù Hót. Tự Tĩnh man đệ tam tân bảo, việt lũy hướng bắc hành quá thủ lĩnh để Lộ Tổ man cư, đạt vu lục kỳ Tấn phạt. Kỳ lộ từng tiền xuyên lâm khoa thạch nhi hành thậm hiểm. Ác man thường do thủ lĩnh lộ tiêm vãng Lục Kỳ Tấn phạt cấp An Hội An Mỹ đặng trại tu nhiều chi. Tự Đức nhị thập nhất niên, dư thương ủy phó Lãnh binh Nguyễn Mỹ phái binh hình trị. Kim dĩ bình thản như quan báo đại lộ nhiên.*

**Yêu lĩnh:** *Tại Lục Kỳ man cảnh Nham giang nam ngạn dĩ hạ, tục danh Đèo Yêu, hựu danh Đèo Kết. Hữu lộ tự Làng Cơ man hướng tây hành quá thủ lĩnh để Nước Li Hạ man. Kỳ lộ pha hiểm.*

**Ách sơn:** *Tại Lục Kỳ Khu Đồn man cảnh. Kỳ sơn lưỡng đầu cao, trung để vọng chi như ngư ách mộc, cổ danh.*

**Thai -Lai lĩnh:** *Tại Lục Kỳ Phương Đá man cảnh. Lĩnh trường thả nan hành, cổ danh.*

**Tà Man linh:** Tại Lục Kỳ man cảnh Nham giang bắc ngạn, tục danh Đèo Tà Mang. Hữu lộ tự Xã Đạo man cư tây bắc hành quá thừ linh để Di Lãng man sách. Kỳ lộ pha hiểm.

**Nan sơn:** Tại Lục Kỳ Thanh Bông man cảnh. Hữu lộ tự y nguyên đặng thừ sơn hướng tây hành quá Cười Dững, Tham Lung đặng man cư, để Trà Quân sơn. Kỳ lộ thậm hiểm.

Thủy chi thừ hiểm giả nhị thập hữu nhất như :

**Lý Thủy tân:** Tại Tam kỳ Ba

## Dịch

con đường từ núi Điển đi theo hướng bắc qua khỏi núi này thì tới sách người Thượng Cười Nhiều thuộc cơ Tư.

**Núi Chiết Diệp:** Tại xứ Thượng cơ Tư. Có đường từ Minh Long đi theo hướng đông bắc tới sách người Thượng Làng Mồi. Qua khỏi núi này thì tới sách người Thượng Cười Lục. Đường sá khá hiểm hóc.

**Núi Mã Yên:** Tại xứ Thượng cơ Tư. Ở chân phía tây núi Đá Vách. Phía nam núi này là sách người Thượng Khoáng Con An Ngự. Có con đường từ sách người Thượng này qua khỏi núi rồi đi theo hướng bắc thì tới sách người Thượng Làng Luyện, rồi đi tiếp, qua khỏi một hòn núi nhỏ nữa rồi đi thẳng hướng bắc thì tới vùng Thanh Đình thuộc cơ Lục, nơi người Thượng Làng Sâm, Làng Tru cư trú.

**Núi Tập Cáp:** Tại cơ Tư, ngay trước Trường Lũy. Núi này là một nhánh phía đông núi Đá Vách đổ xuống gọi là Đèo Cù Hốt. Từ đại bảo thứ ba mới lập vượt qua Trường Lũy rồi đi tiếp về hướng bắc qua khỏi núi này thì tới sách người Thượng Suối Tố, nằm trong Tấn phận cơ Lục. Lâu nay có con đường băng rừng đạp đá mà đi rất hiểm ác. Người Thượng thường theo con

*đường núi ấy lên lút quấy nhiễu Tấn phận cơ Lục và các trại An Hội, An Mỹ.*

*Niên hiệu Tự Đức thứ 21 (1867), ta ủy nhiệm cho Phó Lãnh binh Nguyễn Mỹ phái binh đánh dẹp. Nay thì yên rồi, đường đi thông suốt như đường quan báo.*

**Núi Yêu:** *Tại xứ Thượng cơ Sáu, từ bờ nam sông Nham trở xuống thường gọi là Đèo Yêu, lại còn gọi là Đèo Kết. Có con đường từ sách người Thượng Làng Cơ đi theo hướng tây qua khỏi núi này thì nói sách Thượng Nước Li Hạ. Đường ấy khá hiểm hóc.*

**Núi Ách:** *Tại xứ Thượng Khu Đồn thuộc cơ Sáu. Núi này hai đầu cao, giữa thấp nhìn như cái ách cày trâu bò, nên có tên như thế.*

**Núi Thai Lai:** *Tại xứ Thượng Phương Đá thuộc cơ Sáu. Núi dài lại khó đi qua nên có tên như thế.*

**Núi Tà Man:** *Tại xứ Thượng thuộc cơ Sáu, vùng bờ bắc sông Nham, thường gọi là đèo Tà Mang. Có con đường từ sách người Thượng Xã Đạo đi về hướng tây bắc qua khỏi núi này thì tới sách người Thượng Di Lăng. Đường đi khá hiểm ác.*

**Núi Nan:** *Tại xứ Thượng Thanh Bồng thuộc cơ Sáu. Có con đường từ nguồn Thanh Bồng leo lên núi này đi về hướng tây qua khỏi các sách người Thượng Cười Dững, Tham Lung thì tới núi Trà Quân. Đường đi rất nguy hiểm.*

21 sông suối khá hiểm trở như là:

**Bến Lý Thủy:** *Tại xứ Thượng*

草津	行抵	碑向	津在	全木	傳有	名托	三兩	變運	北岸	此津	黃魚	水向	瀧仝	堡向	潛蠻	有路	浙諾
阜	抵	西	一	北	女	姊	奇	過	也	抵	堡	北	厨	南	自	哩	
針	家	行	奇	岸	二	托	蠻	此	上	全	向	流	此	行	俗	蠻	
家	西	涉	蠻	過	姊	掩	夾	岸	濟	厨	西	下	津	涉	名	境	
水	行	過	境	姊	妹	其	界	抵	山	蠻	行	到	有	過	蠻	境	
津	在	抵	地	妹	涉	灘	之	親	林	居	涉	此	二	此	涉	胸	
阜	一	諾	頭	山	過	水	處	崖	下	過	相	支	支	津	過	蠻	
涉	奇	素	俗	向	此	中	乃	蠻	有	石	會	一	一	抵	此	之	
此	變	那	名	北	灘	有	奔	居	江	盤	有	文	文	諾	津	西	
津	境	江	瀧	涉	失	石	江	其	湖	岸	在	自	蘇	胸	抵	南	
向	俗	津	變	過	足	列	之	岸	甚	波	三	魚	水	自	諾	俗	
北	號	有	奔	此	後	春	上	路	深	瀧	奇	淵	向	居	哩	名	
行	變	路	此	灘	因	夏	流	頗	有	移	波	甚	東	魚	蠻	變	
熱	瀧	自	處	拈	而	可	高	為	路	盤	此	注	北	寺	領	諾	
廊	諾	奇	有	諾	名	涉	闢	險	自	此	岸	于	流	津	險	哩	
依	家	蠻	三	素	之	秋	山	要	全	乃	發	發	下	厨	在	魯	
蠻	有	居	收	蠻	有	冬	之	廚	廚	蘇	盤	盤	一	蠻	三	子	
居	路	伊	水	居	路	不	東	姊	姊	江	蠻	蠻	江	境	奇	津	
川	行	川	一	自	自	可	脚	妹	妹	之	境	境	支	俗	波	在	
堡	涉	涉	自	奔	奔	涉	也	灘	灘	西	自	自	自	名	漸	三	
草	此	那	波	江	江	古	俗	一	在	名	名	名	名	變	全	奇	混

*Tơ Nước Ré man cảnh. Nước Nục [朮] man chi tây nam tục danh Bến Nước Ré. Hữu lộ tự Nước Nục man thiệp quá thừ tân để Nước Ré man pha hiểm.*

**Lỗ Tử tân:** *Tại Tam kỳ Ba Tơ Con Nhỏ man cảnh. Tục danh Bến Lang Con Nhỏ. Hữu lộ tự Hoàng Ngự bảo hướng nam hành thiệp quá thừ tân để Nước Nục man cư.*

**Tự tân:** *Tại Tam Kỳ Ba Tơ Đồng Trù man cảnh, tục danh Bến Lang Đồng Trù. Thừ tân hữu nhị chi, nhất chi tự Tô thủy hướng đông bắc lưu hạ, nhất chi tự Ré thủy hướng bắc lưu hạ đảo thừ tương hội, hữu Hoàng Ngự yên thậm thâm, uông vu Bôn giang. Hữu lộ tự Hoàng Ngự bảo hướng tây hành thiệp quá thừ tân để Đồng Trù man cư.*

**Thạch Bản ngạn:** *Tại Tam Kỳ Ba Tơ Đá Bàn man cảnh, tục danh Pha [賸] Lung Đá Bàn. Thừ ngạn nãi Tô giang chi tây bắc ngạn dã. Thượng hữu sơn lâm, hạ giang yên thậm thâm. Hữu lộ tự Đồng Trù man, kinh quá thừ ngạn để Con Nhai man cư. Kỳ ngạn lộ pha vi hiểm yếu.*

**Tỷ Muội than:** *Tại Nhất Tam lưỡng Kỳ man giáp giới chi xứ. Nãi Bôn giang chi thượng lưu Cao Muôn sơn chi đông cước dã, tục danh Thác Chị Thác Em. Kỳ than thủy trung hữu thạch liệt. Xuân hạ khả thiệp, thu đông bất khả thiệp. Cổ truyền hữu nữ nhị tỷ muội thiệp quá thừ than, thất túc, từng nhân nhi danh chi. Hữu lộ tự Đồng Mộc bắc ngạn quá Tỷ Muội sơn hướng bắc thiệp quá thừ than để Nước Tố man cư.*

**Bôn Giang tân:** *Tại Nhất Kỳ man cảnh địa đầu, tục danh Lang Bến Bôn. Thừ xứ hữu tam kỳ thủy, nhất tự Ba Tơ giang bắc lưu hạ, nhất tự Na giang nam lưu hạ hợp chú. Vu thừ giang hữu lộ tự Đôn Bi hướng tây hành thiệp quá thừ tân, bắc hành để Nước Gia, tây hành để Nước Tố.*

**Na Giang tân:** Tại Nhất Kỳ man cảnh, tục hào Bến Lung Na. Hữu lộ tự Bôn giang tân bắc hành thiệp thử tân để Bộc Thảo phụ.

**Gia Thủy tân:** Tại Nhất Kỳ man cảnh, tục hào Bến Lang Nước Gia. Hữu lộ tự Bộc Thảo phụ, thiệp thử tân hướng bắc hành để Làng Y man cư. Y Xuyên bảo

## Dịch

Nước Ré ở Ba Tư thuộc cơ Ba. Người Thượng Nước Nục ở phía tây nam thường gọi là bến này là bến Nước Ré. Có con đường từ sách người Thượng Nước Nục vượt qua bến nước này thì tới sách người Thượng Nước Ré, Đường đi khá hiểm hóc.

**Bến Lỗ Tử:** Tại xứ Thượng Con Nhỏ ở Ba Tư, thường gọi là Bến Lang Con Nhỏ. Có con đường từ bảo Hoàng Ngự đi về hướng nam vượt qua bến này thì tới sách Thượng Nước Nục.

**Bến Tư:** Tại xứ Thượng Đồng Trù ở Ba Tư thuộc cơ Ba, thường gọi là Bến Lang Đồng Trù. Bến này có 2 nhánh, một nhánh từ sông Tô chảy từ hướng đông bắc xuống, một nhánh từ sông Re chảy từ hướng bắc xuống đến đây thị hợp lưu. Có vũng Hoàng Ngự nước rất sâu đổ vào sông Bôn. Có con đường từ bảo Hoàng Ngự đi về hướng tây vượt qua bến này thì tới sách Thượng Đồng Trù

**Bờ Thạch Bản:** Tại xứ Thượng Đá Bàn ở Ba Tư thuộc cơ Ba, thường gọi là Pha Lung Đá Bàn. Bờ này là bờ sông phía tây bắc của sông Tô. Trên là núi đá cao vút, dưới là vực nước sâu thẳm. Có con đường từ sách người Thượng Đồng Trù vượt qua bờ này thì tới sách người Thượng Con Nhai. Con đường bờ đất này khá hiểm hóc.

**Thác Tỷ Muội:** Tại nơi giáp giới cơ Nhứt và cơ Ba. Thác này ở thượng lưu sông Bôn, phía đông chân núi Cao Muôn,



thường gọi là Thác Chì Thác Em. Toàn đá là đá nằm la liệt trong dòng nước. Mùa xuân mùa hạ, người ta có thể vượt thác, nhưng mùa thu mùa đông thì không thể. Truyền rằng ngày xưa có hai chị em nọ đi qua thác này, bị trượt chân ngã chết, vì thế mới có tên này. Có con đường từ bờ bắc Đòng Mộc qua khỏi núi Tỷ Muội đi theo hướng bắc vượt qua thác này thì tới sách người Thượng Nước Tố.

**Bến Bôn Giang:** Tại xứ Thượng địa đầu cơ Nhứt thường gọi là Lang Bến Bôn. Bến này là ngã ba sông, một dòng từ sông Ba Tư chảy theo hướng bắc đổ xuống, một dòng từ sông Na chảy theo hướng nam đổ đến hợp lưu rồi chảy về đông. Có một đường từ Đồn Bi theo đường sông này đi về hướng tây vượt qua bến này về hướng bắc thì tới sách người Thượng Nước Gia, còn đi về hướng tây thì đến sách người Thượng Nước Tố.

**Bến Na Giang:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, thường gọi là Bến Lung Na. Có con đường từ bến Bôn Giang đi theo hướng bắc vượt bến này thì tới núi đất Bộc Thảo.

**Bến Gia Thủy:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, thường gọi là Bến Lang Nước Gia. Có con đường từ núi đất Bộc Thảo vượt qua bến này đi theo hướng bắc thì tới sách người Thượng Làng Y, có bảo Y Xuyên.

上伊	向樹	水	蛇	分	衡	堡	衡	居	行	涉	衣	境	衣
行源	西蠻	津	路	二	二	越	越	蛇	抵	此	涉	俗	江
抵向	行境	在	津	路	變	壘	壘	氲	虎	此	此	號	津
嗔西	涉俗	六	在	一	境	到	俗	津	嶺	津	津	瀧	在
角行	此號	奇	北	向	俗	此	號	在	西	東	瀧	川	一
蠻涉	津抵	衢	行	北	號	涉	瀧	陵	媒	行	克	堡	奇
居此	嗔星	蠻	廊	行	瀧	浦	廊	東	水	抵	有	向	蠻
水津	山南	境	山	抵	廊	朝	廊	行	明	在	路	西	境
顏登	脚	俗	蠻	廊	臻	有	有	涉	隆	四	自	行	俗
毒山	難	號	涉	變	居	路	自	此	堡	奇	廊	涉	號
茶	水	變	此	變	一	自	變	津	向	蠻	紫	此	變
軍	津	瀧	津	變	天	天	達	抵	東	境	泉	津	瀧
津	水	廊	又	瀧	向	于	奇	四	北	俗	津	抵	廊
變	津	懷	北	向	南	天	奇	奇	行	號	在	廊	衣
在六	在六	有	行	南	行	天	奇	奇	涉	變	二	有	路
諾奇	俗號	路	抵	行	抵	崩	奇	壘	此	瀧	奇	蠻	自
茶青	號	蠻	廊	抵	廊	黎	馬	訊	津	廊	蠻	居	克
軍蓬	渾	百	有	有	自	江	黎	分	抵	自	境	自	水
有路	難	水	路	路	廊	下	黎	寄	嗔	明	俗	境	津
自伊	有路	津	自	自	自	津	下	寄	陵	隆	號	號	在
源號	自	在	居	居	居	奇	奇	奇	蠻	堡	號	號	一
		六	蒙	又	又	青	青	青			蠻	蠻	蠻

## Phiên âm trang 15

**Y Giang tân:** Tại Nhất Kỳ man cảnh, tục hào Bến Lang Làng Y. Hữu lộ tự Y Xuyên bảo hướng tây hành thiệp thử tân để Làng Y man cư.

**Sung Thủy tân:** Tại Nhất Kỳ man cảnh, tục hào Bến Lang Nước Sung. Hữu lộ tự Làng Y, thiệp thử tân đông hành để Nước Sung man cư.

**Tử Tuyền tân:** Tại Nhị Kỳ man cảnh, tục hào Bến Lợi Tử. Hữu lộ tự Minh Long bảo thiệp thử tân hướng tây hành để Hồ Lĩnh.

**Môi Thủy tân:** Tại Tứ Kỳ man cảnh, tục hào Bến Lang Làng Môi. Hữu lộ tự Minh Long bảo hướng đông bắc hành, thiệp thử tân để Cười Lãng man cư.

**Xà Uân tân:** Tại Tứ Kỳ man cảnh, tục hào Bến Lang Xà Uân. Hữu lộ tự Cười Lãng bảo hướng đông hành thiệp thử tân để Tứ Kỳ lũy Tấn phạn.

**Ký tân:** Tại Lục Kỳ Thanh Cù man cảnh, tục hào Bến Lang Làng Ghé. Hữu lộ tự Lục Kỳ Tuấn Mã bảo, việt lũy đảo thử. Thiệp thử tấn để Làng Cơ man đạt vu Yêu lĩnh.

**Lê Giang hạ tân:** Tại Lục Kỳ Thanh Cù man cảnh, tục hào Bến Lang Bồ Trào. Hữu lộ tự Yêu lĩnh quá Bồ Trào man, thiệp thử tân hựu phân nhị lộ, nhất hướng bắc hành để Làng Trăn man cư, nhất hướng nam hành để Làng Con man cư.

**Xà Lộ tân:** Tại Lục Kỳ Thanh Cù man cảnh, tục hào Bến Lang Xà Lư. Hữu lộ tự Làng Trăn bắc hành để Làng Sơn man, thiệp thử tân hựu bắc hành để Làng Mông man cư.

**Mông Thủy tân:** Tại Lục Kỳ Thanh Cù man cảnh, tục hào Bến Lang Làng Mông. Hữu lộ tự Y man, thiệp thử tân hướng đông bắc hành để Di Lãng Thượng man.

**Bách Thủy tân:** Tại Lục Kỳ La Thụ man cảnh, tục hào Bến Lội Trăm. Hữu lộ tự lũy hướng tây hành, thiệp thủ tân để Cười Tinh sơn nam cước.

**Nan Thủy tân:** Tại Lục Kỳ Thanh Bông man cảnh, tục hào Lội Nan. Hữu lộ tự y nguyên hướng tây hành, thiệp thủ tân đấng sơn thượng hành để Cười Dững man cư, thủy pha độc.

**Trà Quân tân:** Tại Lục Kỳ Thanh Bông man cảnh, tục hào Bến Nước Trà Quân. Hữu lộ tự y nguyên

## Dịch

**Bến Y Giang:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, thường gọi là Bến Lang Làng Y. Có con đường từ bảo Y Xuyên đi theo hướng tây qua khỏi bến này thì đến sách người Thượng Làng Y.

**Bến Sung Thủy:** Tại xứ Thượng cơ Nhứt, thường gọi là Bến Lang Nước Sung. Có con đường từ Làng Y vượt bến này đi về hướng đông thì tới sách người Thượng Nước Sung.

**Bến Suối Tía:** Tại xứ Thượng cơ Nhì, thường gọi là Bến Suối Tía. Có con đường từ bảo Minh Long vượt bến này, đi về hướng tây đông thì tới Hồ lĩnh.

**Bến Môi Thủy:** Tại xứ Thượng cơ Tư, thường gọi là Bến Lang Làng Môi. Có con đường từ bảo Minh Long, đi về hướng đông bắc, vượt bến này thì tới sách người Thượng Cười Lãng.

**Bến Xà Uân:** Tại xứ Thượng cơ Tư, thường gọi là Bến Lang Xà Uân. Có con đường từ sách Thượng Cười Lãng đi về hướng đông bắc, vượt bến này thì tới Tân phận thuộc cơ Tư.

**Bến Kỳ:** Tại xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Lang Làng Ghé. Có con đường từ bảo Tuấn Mã, vượt qua Trường Lũy đến đây, vượt bến này thì tới sách người Thượng Làng Cơ, tới núi Yếu.

**Bến Lê Giang Hạ:** Tại xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Lang Bò Trào. Có đường từ núi Yêu qua khỏi sách người Thượng Bò Trào, vượt khỏi bến này lại chia làm 2 đường, một đường đi về hướng bắc tới sách người Thượng Làng Trăn, một đường đi về hướng nam tới sách người Thượng Làng Con.

**Bến Xà Lộ:** Tại xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Lang Xà Lu. Có đường từ Làng Trăn đi theo hướng bắc thì tới sách người Thượng Làng Sơn, qua khỏi bến này rồi tiếp tục đi theo hướng bắc thì tới sách người Thượng Làng Mông.

**Bến Mông Thủy:** Tại xứ Thượng Thanh Cù thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Lang Làng Mông. Có đường từ Làng Y, qua khỏi bến này đi theo hướng đông bắc thì tới sách Di Lăng Thượng.

**Bến Bách Thủy:** Tại xứ Thượng La Thu thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Lợi Trăm. Có đường từ Trường Lũy đi theo hướng tây, vượt qua bến này thì đến chân phía nam núi Cười Tinh.

**Bến Nan Thủy:** Tại xứ Thượng Thanh Bồng thuộc cơ Sáu, thường gọi là Suối Nan. Có đường từ nguồn Thanh Bồng đi theo hướng tây, vượt qua bến này rồi theo đường núi leo lên thì đến sách người Thượng Cười Dững, nước khá độc.

**Bến Trà Quân:** Tại xứ Thượng Thanh Bồng thuộc cơ Sáu, thường gọi là Bến Nước Trà Quân. Có con đường từ nguồn Thanh Bồng, đi theo hướng tây bắc, vượt qua bến này thì tới núi Trà Quân.

向西北行涉此與夫誌名與景以備觀覽則如鬪鷄山在六

津抵茶軍山在六奇嶺在六奇茶曲在四麒麟山在四象頭山在四

奇嶺在六奇嶺在六奇嶺在六奇嶺在六奇嶺在六奇嶺在六奇嶺在六奇嶺在六

蠻賓山 魚網山在六支嶺在六塞嶺在六千歲山 延長山 共嶺

在奇壘前以支嶺在六塞嶺在六千歲山 延長山 共嶺

石壘嶺在六石壘嶺在六石壘嶺在六石壘嶺在六石壘嶺在六石壘嶺在六石壘嶺在六

萬年嶺在六萬年嶺在六萬年嶺在六萬年嶺在六萬年嶺在六萬年嶺在六萬年嶺在六

風腰嶺在六風腰嶺在六風腰嶺在六風腰嶺在六風腰嶺在六風腰嶺在六風腰嶺在六

披蘿蒙江在六披蘿蒙江在六披蘿蒙江在六披蘿蒙江在六披蘿蒙江在六披蘿蒙江在六披蘿蒙江在六

境東注至廊那蠻境黎江在六境東注至廊那蠻境黎江在六境東注至廊那蠻境黎江在六

*huớng tây bắc hành, thiệp thử tân để Trà Quân sơn.*

Dữ phù chí danh dữ cảnh dĩ bị quan lãm tắc như :

**Đầu Kê tân:** *Tại Lục Kỳ Thanh Cù nam ngạn man.*

**Phước Lạp tân:** *Tại Lục Kỳ Trà Khúc nam ngạn man cảnh.*

**Kỳ Lân sơn:** *Phước Lạp sơn:* *Tại Tứ Kỳ cận Lũy man cảnh.*

**Tượng Đầu sơn:** *Tại Tứ Kỳ Cười Nhiều man cảnh.*

**Lập Bút sơn:** *Tại Nhất Kỳ Nước Lá man cảnh.*

**Đại sơn:** *Tại Tam Kỳ Lũy hạ dĩ hạ, tục danh Núi Lớn.*

**Hoành sơn:** *Tục danh Núi Ngang.*

**Mang Tân sơn, Ngư Vông sơn:** *Tại Ngũ Kỳ lũy hạ dĩ hạ, tục danh Núi Cháp Hải.*

**Thiên Tuế sơn, Duyên Trường sơn, Cộng linh:** *Tại Ngũ Kỳ lũy tiền dĩ hạ, tục danh Núi Dốc Cộng.*

**Chi linh:** *Tục danh Dốc Chi*

**Tắc linh:** *Tại ngũ kỳ lũy hạ dĩ hạ, tục danh Đèo Ái*

**Tát Hành linh:** *(tát lộ:đường cấm) Tục danh Dốc Let.*

**Thạch Lũy linh:** *Tại tam kỳ lũy hạ dĩ hạ, tục danh Đèo Đá Chác.*

**Huyền Nho linh:** *tục danh đèo Ông Huyền Nho.*

**Bạc Trúc linh:** *tục danh đèo Nứa. Kỳ lộ pha hiểm.*

**Vạn Niên linh:** *tục danh đèo Bồ Phàm.*

**Đại Lộc linh:** *tại Nhất Kỳ lũy hạ dĩ hạ, tục danh đèo Suối Bùn.*

**Lỗ Tây linh:** *tục danh đèo Lỗ Tây.*

**Phong Yêu linh:** tại Nhị Kỳ lũy hạ, tục danh đèo Eo Gió.

**Huỳnh Trung linh:** tại Tứ Kỳ lũy hạ dĩ hạ, tục danh đèo Huỳnh Trung.

**Chiết Diệp linh:** tại Lục Kỳ lũy hạ, tục danh đèo Bạt La.

**Mông giang:** Phát nguyên từ Cười Dong man, nam lưu chí Làng Na man cảnh, đông chú Làng Na man dĩ Lê giang hợp lưu.

**Xà Lộ giang:** Phát nguyên từ Cười Dong man cảnh, đông chú chí Làng Na man cảnh dĩ Lê giang, Mông giang hợp lưu.

**Lê giang:** Phát nguyên từ Bình Định man cảnh, bắc lưu chí Làng Na man cảnh dĩ Xà Lộ giang, Mông giang hợp lưu, tục danh

## Dịch

đi theo hướng tây bắc, vượt qua bến này thì tới núi Trà Quân.

Ngoài ra, những nơi đáng quan tâm như là :

**Núi Đâu Kê:** Tại xứ Thượng bờ nam Thanh Cù thuộc cơ Sáu.

**Núi Phúc Lạp:** Tại xứ Thượng bờ nam Trà Khúc.

**Núi Kỳ Lân:** Tại xứ Thượng thuộc cơ Tư, gần Lũy

**Núi Đâu Voi:** Tại xứ Thượng Cười Nhiều thuộc cơ Tư.

**Núi Lập Bút:** Tại xứ Thượng Nước Lá thuộc cơ Nhứt.

**Núi Lớn:** Ở dưới Trường Lũy thuộc cơ Ba.

**Núi Ngang:** tức Hoàn sơn.

**Núi Mang Tân, núi Ngự Võng:** Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Năm, tục danh Núi Cháp Hải.

**Núi Thiên Tuế, núi Duyên Trường, núi Cọng:** Ở phía trước Trường Lũy thuộc cơ Năm, thường gọi dốc Cọng.



**Núi Chi:** Thường gọi là dốc Chi

**Núi Tắc:** ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Năm, thường gọi là đèo Ai

**Núi Tắt Hành:** thường gọi là dốc Lệt.

**Núi Thạch Lũy:** Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Ba, thường gọi là đèo Đá Chác.

**Núi Huyền Nho:** thường gọi là đèo Ông Huyền Nho.

**Núi Bạc Trúc:** thường gọi là đèo Nứa.

**Núi Đại Lộc:** Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Nhứt, thường gọi là đèo Suối Bùn.

**Núi Lỗ Tây:** thường gọi là đèo Lỗ Tây.

**Núi Phong Yêu:** Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Nhì, thường gọi là đèo Eo Gió.

**Núi Huỳnh Trung:** Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Tư, thường gọi là đèo Huỳnh Trung.

**Núi Chiết Diệp:** Ở phía dưới Trường Lũy thuộc cơ Lục, thường gọi là đèo Bạt La

**Sông Mông:** Phát nguyên từ sách Thượng Cười Dong, chảy về hướng nam đến sách Thượng Làng Na thì hợp lưu với sông Xà Lộ, sông Lê chảy về hướng đông.

**Sông Xà Lộ:** Phát nguyên từ sách Thượng Cười Dong, chảy về hướng đông đến sách Thượng Làng Na thì hợp lưu với sông Lê giang, sông Mông giang.

**Sông Lê:** Phát nguyên từ xứ Thượng thuộc tỉnh Bình Định chảy theo hướng bắc đến sách Làng Na thì hợp lưu với sông Xà Lộ, sông Mông, tục danh

下以	以下	全	龍	南	之	廊	自	奔	合	厨	蠻	源	灘	龍
涸	水	廊	山	江	江	農	帛	江	流	蠻	境	自	自	龍
炎	涸	數	脚	江	江	蠻	水	俗	名	境	與	諾	江	江
涸	蒲	涸	與	合	俗	境	與	號	波	與	蘇	哩	六	俗
涸	煤	涸	茶	流	名	直	紫	瀧	漸	里	江	蠻	奇	號
涸	涸	涸	軍	注	瀧	抵	泉	灣	江	江	合	境	汛	龍
涸	涸	涸	水	于	貢	四	合	奔	那	江	流	東	分	托
涸	涸	涸	合	貢	石	奇	流	自	江	俗	名	北	自	強
涸	涸	涸	流	石	發	汛	東	姊	高	號	波	流	壘	自
涸	涸	涸	注	又	源	分	北	妹	關	瀧	瀧	到	下	廊
涸	涸	涸	于	南	自	過	此	灘	山	那	江	全	那	三
涸	涸	涸	春	流	百	扛	以	三	東	發	蘇	厨	名	支
涸	涸	涸	姜	注	水	江	下	岐	北	源	江	江	為	水
涸	涸	涸	江	于	漢	俗	名	水	脚	自	諾	俗	茶	合
涸	涸	涸	過	茶	與	名	瀧	北	與	浩	蘇	號	曲	流
涸	涸	涸	錫	曲	尋	流	扛	流	素	瀧	蠻	龍	江	至
涸	涸	涸	涸	江	水	連	發	又	水	灑	山	諾	里	江
涸	涸	涸	涸	涸	河	過	源	轉	波	灑	東	蘇	江	俗
涸	涸	涸	涸	涸	囊	第	自	全	漸	合	注	發	諾	名
涸	涸	涸	涸	涸	江	三	長	拂	流	流	抵	源	哩	龍
涸	涸	涸	涸	涸	俗	新	取	江	流	至	全	自	發	龍
涸	涸	涸	涸	涸	名	壑		源						

*Lang Li.*

**Nham giang:** Tục hào Lang Thác Nham, tự Làng Na tam chi thủy hợp lưu, chi Lục Kỳ tấn phận, tự lũy dĩ hạ danh vi Trà Khúc giang.

**Lý giang:** Tục danh Lung Nước Ré, phát nguyên tự Nước Ré man cảnh, đông bắc lưu đáo Đồng Trù man cảnh dĩ Tô giang hợp lưu danh Ba Tơ giang.

**Tô giang:** Tục hào Lang Nước Tô, phát nguyên tự Nước Tô man sơn đông chú để Đồng Trù man cảnh dĩ Lý giang hợp lưu danh Ba Tơ giang.

**Na giang:** Tục hào Lung Na, phát nguyên tự Nước Nhảy man sơn nam lưu chi Cao Muôn sơn đông bắc cước, dĩ Tổ thủy Ba Tơ hợp lưu.

**Bôn giang:** Tục hào Lang Bến Bôn tự Tỳ Muội than tam kỳ thủy bắc lưu hựu đông lưu chi Nhất Kỳ Tấn phận. Tự thí dĩ hạ danh vi Vệ giang.

**Đông Phát giang:** Phát nguyên tự Bạch thủy dĩ Từ tuyến hợp lưu đông bắc quá Làng Nông man cảnh trực để Tứ Kỳ Tấn phận.

**Giăng giang:** Tục danh Lang Giăng, phát nguyên tự Trường Ngự man, đông lưu kinh quá đệ tam tân bảo chi nam.

**Cang giang:** Tục danh Lang Cống Cang, phát nguyên tự Bách thủy kê, dĩ Tâm Giêng thủy hợp lưu chủ vu Cống Nhị, hựu nam lưu chủ vu Trà Khúc giang.

**Hà Nang giang:** Tục danh Lang Hà Nang, phát nguyên tự Quảng Nam Ba Hương man cảnh, lưu quá Cự Xi sơn cước dĩ Trà Quân thủy hợp lưu chủ vu Xuân Khương giang.

## **Suối Lành Ngạnh:**

*Ngũ Kỳ tiêu thủy dĩ hạ.*

**Lội Đòng Làng, Lội Sô, Lội Na Ba, Lội Hà Bá, Lội Lỗ La,  
Lội Ủ Ủ:**

*Tam Kỳ tiêu thủy dĩ hạ.*

**Lội Bồ Môi, Lội Khay, Lội Hành Thuyền, Lội Chí**  
*Nhất Kỳ tiêu thủy dĩ hạ.*

**Lội Ninh**

*Nhị Kỳ tiêu thủy dĩ hạ.*

**Lội Chích, Lội Chanh, Hố Kỳ, Hố Là, Lội Nhô,  
Lội Chình**

## **Dịch**

*Lang Li:*

**Sông Nham:** Thường gọi là Lang Thác Nham, từ xứ Thượng Làng Na, 3 nhánh sông hợp lưu đến Tán phận cơ Sáu, từ Trường Lũy trở xuống có tên sông Trà Khúc.

**Sông Lý:** Thường gọi là Lung Nước Ré, phát nguyên từ xứ Thượng Nước Ré chảy theo hướng đông bắc đến xứ Thượng Đông Trù thì cùng sông Tô giang hợp lưu, gọi là sông Ba Tơ.

**Sông Tô:** Thường gọi là Lang Nước Tô, phát nguyên từ xứ Thượng Nước Tô chảy về hướng đông đến sách Đông Trù thì cùng sông Lý hợp lưu có tên là sông Ba Tơ.

**Sông Na:** Thường gọi là Lung Na, phát nguyên từ phía nam núi của người Nước Nhảy chảy đến chân phía đông bắc núi Cao Muôn thì cùng hợp lưu với sông Tô ở Ba Tơ.

**Sông Bôn:** Thường gọi là Lang Bôn từ ngã ba sông tại thác Tỳ Muội chảy theo hướng bắc, rồi chảy theo hướng đông đến Tán phận cơ Nhứt. Từ đó trở xuống có tên là sông Vệ.

**Sông Đòng Phát:** Phát nguyên từ sông Bạch rồi hợp lưu với suối Tia chảy theo hướng đông bắc qua khỏi xứ Thượng Làng Nông rồi chảy thẳng đến Tán phận cơ Tư.

**Sông Giăng:** Thường gọi là Lang Giăng, phát nguyên từ sách người Thượng Trường Ngự, chảy về hướng đông qua phía nam đại bảo thứ ba.

**Sông Cang:** Thường gọi là Lang Cống Cang, phát nguyên từ suối Bách thủy, hợp lưu với suối Tầm Giêng chảy đến Cống Nhị, rồi lại chảy ra sông Trà Khúc.

**Sông Hà Nang:** Thường gọi là Lang Hà Nang, phát nguyên từ xứ Thượng Ba Hương ở Quảng Nam, chảy qua chân núi Cứt Xi rồi hợp lưu với sông Trà Quân chảy vào sông Xuân Khương.

**Suối Lành Ngạnh:**

Các suối nhỏ ở cơ Năm như là:

**Suối Đồng Làng, suối Sô, suối Nà Ba, suối Hà Bá, suối Lỗ La, suối Ủ Ủ:**

Các suối nhỏ ở cơ Ba như là:

**Suối Bò Môi, suối Khay, suối Hành Thuyền, suối Chí**

Các suối nhỏ ở cơ Nhứt như là:

**Suối Nính**

Các suối nhỏ ở cơ Nhì như là:

**Suối Chích, suối Chanh, hồ Kỳ, hồ Là, suối Nhô,**

**Suối Chình**

以下水

涸林

涸盤湯

涸羅

域邪那

浩尋禎

涸邪

蕪

涸霖

涸莧移

涸求

涸根

涸破

涸培

桑

洲俗名擺擺在蛇路江之東

## **Phiên âm trang 18**

*Lục kỳ tiểu thủy dĩ hạ:*

***Lội Lâm, lội Bàn Thang, lội La, vực Tà Na, nước Tầm Giêng, lội Tà Lá, lội Trăm, lội Bông Đá, lội Cầu, lội Ôi [cái chốt cửa: 機], lội Đá, lội Bồi, Tang Châu (tục danh Bãi Dâu tại Xà Lộ giang chi đông)***

## **Dịch**

*Các suối nhỏ ở cơ Sáu như là:*

***Suối Lâm, suối Bàn Thang, suối La, vực Tà Na, nước Tầm Giêng, suối Tà Lá, suối Trăm, suối Bông Đá, suối Cầu, suối Ôi, suối Đá, suối Bồi, Tang Châu (thường gọi là Bãi Dâu ở phía đông sông Xà Lộ )***

疆域廣狹

夫夷狄之居山林連絡而其中自有界限亦與我漢鄉里無異撫邊者當知其何廣何狹何稠何稀則用兵知所進退辦事知所損益而禦蠻之道得矣

我轄昔爲占城之古壘尙陳末閏胡取其地置爲思義二州尋淪于占城黎鴻德年間聖尊滅占城復其地見其地廣人希遂移北河之民以寔之黎正和年間北軍都督鎮郡公鎮其地自此之後羅樹道之總俊諾瀾之罷欒青衢源之假道社澤旗葦園長附安源之泝紫明隆屬榮諾羅波漸源之茶奴仝薩諾鎗沙籠等處均屬漢境辰聞有該



## CƯƠNG VỰC RỘNG HẸP

Phù di địch chi cư sơn lâm liên lạc nhi kỳ trung tự hữu giới hạn, diệt dữ ngã Hán hương lý vô dị. Phù biên giả đương tri kỳ hà quảng hà hiệp, hà trừ [nhiều] hà hy tắc dụng binh tri sở tiến thoái, biện sự tri sở quyền ích nhi ngự [:chống lại] man chi đạo đắc hỹ.

Ngã hạt [cai quản, đơn vị hành chính] tích vi Chiêm Thành chi cô lũy, đồng Trần mặt, Nhuận Hồ thủ kỳ địa, trí vi Tư, Nghĩa nhị châu, tâm luân [dắt dây] vu Chiêm Thành. Lê Hồng Đức niên gian Thánh Tôn diệt Chiêm Thành phục kỳ địa, kiến kỳ địa quảng nhân hi [thua], toại di Bắc hà chi dân dĩ thật chi. Lê Chính Hòa niên gian, Bắc quân đô đốc Trần Quận công trấn kỳ địa. Tự thừa chi hậu, La Thụ đạo chi tổng tuần Nước Li [thăm khắp, lâm li] chi Bãi Dâu, Thanh Cù nguyên chi Giả Đạo, Xã Đàm, Kỳ Vi, Viên Trường. Phụ An nguyên: chi Lộ Từ, Minh Long, Thuộc Vinh, Nước Lá. Ba Tơ nguyên chi Trà Nô, Đồng Rào, Nước Đàng, Sa Lung đẳng xứ, quân thuộc Hán cảnh. Thời văn hữu Cai

### Dịch

Người Thượng sinh sống nơi núi rừng hoang vu nhưng giữa họ đều ngầm thỏa thuận giới hạn cương vực với nhau, chẳng khác gì làng thôn người Kinh chúng ta. Người có trách nhiệm làm việc vỗ yên dân Thượng thì phải biết cương vực của từng sách rộng hẹp nhiều ít như thế nào thì mới có thể tiến thoái thích đáng trong việc dùng binh và có thể xử lý đúng đắn trong việc cai trị cho phù hợp.

Hạt ta đây, trước kia là do người Chiêm Thành chiếm ở, đến cuối triều Trần, qua triều Hồ, ta mới đến giữ đất này lập 2 châu là châu Tư, châu Nghĩa, sau lại bị người Chiêm Thành đánh lấy lại. Thời vua Hồng Đức Lê Thánh Tôn, ta đánh đuổi Chiêm Thành lấy lại đất này, vì đất rộng người thưa nên triều đình di dân Bắc hà vào đây khai phá. Vào niên hiệu Chính Hòa nhà Hậu Lê, Bắc quân đô đốc Trần Quận công Bùi Tá Hán vào trấn giữ. Từ đó về sau, đạo La Thụ tổng tuần xứ Bãi Dâu thuộc Nước Li, các xứ Giả Đạo, Xã Đàm, Kỳ Vi, Viên Trường thuộc nguồn Thanh Cù, các xứ Suối Tía, Minh Long, Thuộc Vinh, Nước Lá của nguồn Phụ An, các xứ Trà Nô, Đồng Rào, Nước Đàng, Sa Lung thuộc nguồn Ba Tơ. Các xứ ấy đều trực thuộc nhà nước Đại Việt. Có thời nghe nói quan Cai

監迪出於其間該三源各有設立衙門上下以理之此辰  
蠻丁尚少每每饑窮就爲我民奴僕者有之黎正治年間  
我

國朝

太祖嘉裕皇帝兼有其地此以後七八朝代蠻漢安居無有邊患  
逮夫

世尊孝武皇帝朝此蠻日加蕃息漸有侵邊之態辰當黎景興二  
十七年丙戌以後邊民失落沿山田荒廢至甲午年

本朝敕差感恩侯陳玉褚奉回設屯捍拒惡蠻率民返迴耕  
畱荒田以利兵甲始安民心迨夫中微之際北之鄭賊侵

## Phiên âm trang 20

Giám định [遣: dát dẫn] xuất ư kỳ gian cai tam nguyên các hữu thiết lập nha môn thượng hạ dĩ lý chi. Thử thời man đình thượng thiếu mỗi mỗi cơ cùng tựu vi ngã dân nô bộc giả. Hữu chi Lê chính trị niên gian.

Ngã quốc triều Thái tổ Gia Hựu hoàng đế kiêm hữu kỳ địa, thử dĩ hậu thất bát triều đại man Hán an cư vô hữu biên hoạn.

Đãi phù Thế Tôn Hiếu Võ hoàng đế triều, thử man nhật gia phôn [蕃 thịnh] tức, tiệm hữu xâm biên chi thái. Thời đương Lê Cảnh Hưng nhị thập thất niên, Bính Tuất dĩ hậu biên dân thất lạc, duyên sơn điền hoang phế chí Giáp Ngọ niên.

Bản triều sắc sai Cầm Ân hầu Trần Ngọc Trừ (褚) hồi thiết đồn cản cự ác man, suất dân phản hồi canh lưu điển dĩ lợi binh giáp, thủy an dân tâm. Đãi [遣=遣:kíp] phù trung vi chi tế, bắc chi Trịnh tặc xâm

### Dịch

Giám chọn người trong số 3 nguồn ấy lấy ra bố trí vào hệ thống cơ quan nhà nước để quản lý các sách người Thượng. Thời ấy, số nhân khẩu người Thượng chưa nhiều, lại ai cũng thiếu đói, nên xin làm người giúp việc cho các gia đình người Kinh.

Vào niên hiệu Chính Trị nhà Hậu Lê trung hưng, vua Thái tổ Gia Dụ hoàng đế triều ta (Nguyễn Hoàng) kiêm quản vùng này. Từ đó, về sau trải qua bảy tám triều vua, hai bên Kinh Thượng an cư, triều đình chẳng phải lo đến việc phòng ngự vùng biên.

Cho đến khi triều vua Thế Tôn Hiếu Võ hoàng đế (chúa Nguyễn Phúc Khoát), người Thượng ngày một thêm đông đúc,

rồi sinh ra chuyện người Thượng tràn xuống quấy nhiễu xóm làng người Kinh.

Từ năm Bính Tuất (1766) niên hiệu Cảnh Hưng thứ 27 nhà Lê trung hưng về sau, dân Kinh vùng biên xiêu lạc vì nạn người Thượng, ruộng đất hoang phế. Đến năm Giáp Ngọ (1774), triều ta phái quan Cẩm Ân hầu Trần Ngọc Trữ về Quảng Nghĩa lập đồn canh cự người Thượng, kêu gọi nhân dân trở về cày cấy vừa ổn định dân tâm vừa làm lợi cho quân khố. Rồi đến thời kỳ liên tiếp xảy ra những biến cố lớn, triều ta bị khôn đốn. Họ Trịnh xâm chiếm



陵南之偽西煽變 國家有事該蠻因而憑陵驅逐我民  
而占其地甚至滋蔓至大古壘汛者有之遂使我疆半為  
蠻有嘉隆初年我民往蠻交易尚見漢民之園居墳墓宛  
爾猶存嗣而該蠻屢為邊患奉我

世祖高皇帝命將討平之又惡彼為禽獸之類咫尺之地不屑與  
之計較乃築長壘以限之從此自壘以西始果其為蠻境  
矣

五奇蠻境

計八柵內地廢二柵柵  
猶漢民之所謂邑里也

西夾雷山東夾壘南夾枯石嶺俗名塢屬平定  
諾諾濁  
等蠻分北夾黃山屬三奇蠻境土地廣山嶺多而蠻數少

lãng, nam chi ngự Tây phiến loạn. Quốc gia hữu sự, cai man nhân nhi bằng (cứ) khu trục ngã dân nhi chiếm kỳ địa, thậm chí tư mạn chí đại cô lũy, tấn giả hữu chi trục sử ngã cương bán vi man hữu.

Gia Long sơ niên, ngã dân vãng man giao dịch thượng kiến Hán dân chi viên cư phần mộ uyển nhĩ do tôn. Tự nhi cai man lữ vi biên hoạn.

Phụng ngã Thê Tô Cao hoàng đế mệnh tướng thảo bình chi hựu ác bi vi cầm thú chi loại chi xích chi địa bất tiết (厓:nát vụn) dữ chi kế hiệu, nãi trúc trường lũy dĩ hạn chi. Tùng thử tự lũy dĩ tây thủy quả kỳ vi man cảnh hỹ.

### NGŨ KỶ MAN CẢNH

*Phàm thập bát sách nội dĩ phế nhị sách.*

*Sách do Hán dân chi sở vị áp lý dã.*

Tây giáp Lô sơn, đông giáp Lũy, nam giáp Khô Thạch lĩnh (tục danh Đốc Đá Khô), thuộc Bình Định Nước Trong, Nước Đục đẳng man phạm. bắc giáp Hoàng sơn thuộc Tam Kỳ man cảnh, thổ địa quảng, sơn lĩnh đa nhi man số thiểu

### Dịch

kinh đô Phú Xuân, nhà Tây Sơn nổi lên. Quốc gia hữu sự, không ai lo việc cản phá, người Thượng lại nhân thế tràn xuống đuổi dân ta đi, chiếm lấy đất, thậm chí chúng còn dám lấn tới đại cô lũy, có nơi chúng tự ý định lại cương giới, biến cả phân nửa đất đai vùng biên của người Kinh thành của người Thượng.

Năm Gia Long nguyên niên (1802), người Kinh đến xứ Thượng buôn bán về cho biết còn thấy ở đó vườn rẫy, mồ mả của người Kinh. Người Thượng cứ tiếp tục gây nên bao chuyện rắc rối ở hạt ta.

May là vua Thế Tổ Cao hoàng triều ta đã phái tướng dẫn quân đi chinh phạt. Lại ghét vì bọn người hung ác, nhất quyết không để mất một tấc đất vào tay chúng. Triều đình lại cho phép xây dựng Trường Lũy để ngăn ngừa tình trạng xâm biên gây rối. Bắt đầu từ đó, phía tây Trường Lũy là xứ Thượng vậy.

### **XỨ THƯỢNG CƠ NĂM**

*Trong số 18 sách Thượng ở cơ Năm thì  
đã hoang phế 2 sách còn lại 16 sách.*

*(Sách của người Thượng tương đương  
đơn vị ấp, thôn của người Kinh)*

Tây giáp núi Lôi, đông giáp Trường Lũy, nam giáp núi Khô Thạch (*Thường gọi là dốc Đá Khô*) địa phận của người Thượng Nước Trong, Nước Đục thuộc Bình Định, bắc giáp núi Hoàng thuộc cơ Ba. Đất đai xứ Thượng cơ Năm thì rộng, nhiều núi non, song người Thượng thì ít.





其中只多山茅叢雜而已

廊輝 廊躡 廊家 廊郭 廊遙 棍查 棍炯

棍燎 棍角 棍積 寨標已廢 沙籠上下 棍蝶 棍鐺

全簪 冉嵐已廢 全籬

三奇蠻境

內九二十五  
已廢三柵

西夾黎江上流屬六奇青衢諾漓蠻境東夾壘南夾黃山

北夾高關山東脚土地廣而蠻數稠田疇多而山林少

棍龍 棍佳 諾能 全機 全級 棍漕 全獍

棍餉 諾哩 全木 全容 全攬 棍蝥 全廚

命謨 砂磐 全噤 噠羅 廊芒 棍崖 諾吹

## Phiên âm trang 22

kỳ trung chi đa sơn mao tùng tạp nhi dĩ.

Làng Huy, Làng Lui, Làng Gia, Làng Quách, Làng Diêu, Con Tra, Con Lệt, Con Liệu, Con Giác, Con Giêng, Tái Lũy (*dĩ phé*), Thiếu Lung (*thượng, hạ*), Nước Diệp, Nước Đàng, Đồng Trâm, Nhiễm [冉] Lam [嵐] (*dĩ phé*), Đồng Rào.

### TAM KỲ MAN CẢNH

*Phàm nhị thập ngũ sách nội dĩ phé nhị sách.*

Tây giáp Lê giang thượng lưu thuộc Lục Kỳ Thanh Cù Nước Li [瀧] man cảnh, đông giáp Lũy, nam giáp Hoàng sơn, bắc giáp Cao Muôn sơn đông cước. Thổ địa quảng nhi man số trừ (稠: nhiều), điền trừ (曠: ruộng cây lúa) đa nhi sơn lâm thiếu.

Con Long, Con Giai, Nước Năng, Đồng Mít, Đồng Cấp, Con Nhỏ, Đồng Long, Con Thịt, Nước Ré, Đồng Mộc, Đồng Dung, Đồng Dâu, Con Cua, Đồng Trù, Linh Mô, Đá Bàn, Đồng Lém, Cười La, Làng Mang, Con Nhai, Nước Xuy,

### Dịch

Nơi đây chỉ thấy cỏ tranh hoang dại đầy đặc mà thôi.

1. Làng Huy, 2. Làng Lui, 3. Làng Gia, 4. Làng Quách, 5. Làng Diêu, 6. Con Tra, 7. Con Lệt, 8. Con Liệu, 9. Con Giác, 10. Con Giêng, 11. Trại Luy (*đã hoang phé*), 12. Thiếu Lung Thượng, 13. Thiếu Lung Hạ, 14. Nước Diệp, 15. Nước Đàng, 16. Đồng Trâm, 17. Nhiễm Lam (*đã hoang phé*), 18. Đồng Rào.

### XỨ THƯỢNG CƠ BA

*Trong số 25 sách Thượng ở cơ Tam thì đã hoang phé 2 sách còn lại 23 sách.*

Tây giáp thượng lưu sông Lê thuộc xứ Thượng Nước Li Thanh Cù thuộc cơ Sáu, đông giáp Trường Lũy, nam giáp núi Hoàng, bắc giáp chân phía đông núi Cao Muôn. Đất đai rộng mà nhân khẩu đông đúc, ruộng lúa nước cũng nhiều, núi non thì ít.

1. Con Long, 2. Con Giai, 3. Nước Năng, 4. Đồng Mít, 5. Đồng Cọp, 6. Con Nhỏ, 7. Đồng Rông, 8. Con Thit, 9. Nước Ré, 10. Đồng Mộc, 12. Đồng Dung, 13. Đồng Dâu, 14. Con Cua, 15. Đồng Trù, 16. Linh Mô, 17. Đá Bàn, 18. Đồng Lém, 19. Cười La, 20. Làng Mang, 21. Con Nhai, 22. Nước Xuy,



諾蘇 茶奴 諾鑽已廢 蛇蔭已廢

一奇蠻境九十九柵內 已廢一柵

西夾柝山東夾壘南夾高關山北夾鳥嶺土廣蠻稠田多

山少但比三奇稍遜

諾素已廢 諾誅內外 諾家內外 廊衣 屬榮內外 廊相 廊庄

諾瀾 廊溫 諾蘿 芒靈 諾克 諾掩 廊惡

廊撐 廊嫁

二奇蠻境九二十 五柵

西夾諾滴廊育廊貞那麻等蠻下層山東夾壘南夾鳥嶺

北夾農山土廣蠻稠田多山少與一奇蠻相等

## Phiên âm trang 23

Nước Tô, Trà Nô, Nước Vàng(金+黃) (đã hoang phế), Xà Âm (đã hoang phế).

### NHẤT KỲ MAN CẢNH

*Phàm thập cửu sách nội dĩ phế nhất sách.*

Tây giáp Tô sơn, đông giáp Lũy, nam giáp Cao Muôn sơn, bắc giáp Điều lĩnh. Thổ quảng man trù, điền đa sơn thiếu, dẫn thủ Tam Kỳ sào (稍: hơi) tớn (遜: trớn, kém).

Nước Tô (*dĩ phế*), Nước Tru (*nội, ngoại*), Nước Gia (*nội, ngoại*), Làng Y, Thuộc Vinh (*nội, ngoại*), Làng Tương, Làng Trang, Nước Nhĩ, Làng Ôn, Nước La, Mang Linh, Nước Sung, Nước Lung, Làng Ó, Làng Xênh [摯], Làng Giá.

### NHỊ KỲ MAN CẢNH

*Phàm thập nhị tam sách.*

Tây giáp Nước Li, Làng Dục, Làng Trinh, Tà Ma đẳng man hạ Tầng sơn, đông giáp Lũy, nam giáp Điều lĩnh, bắc giáp Nông sơn. Thổ quảng man trù, điền đa sơn thiếu, dữ Nhất Kỳ man tương đẳng.

### Dịch

23. Nước Tô, 24. Trà Nô, 25. Nước Vàng (đã hoang phế), 25. Xà Âm (đã hoang phế).

### XỨ THƯỢNG CƠ NHỨT

*Trong số 19 sách Thượng ở cơ Nhứt, thì 1 sách đã hoang phế, còn lại 18 sách.*

Tây giáp núi Tô, đông giáp Trường Lũy, nam giáp núi Cao Muôn, bắc giáp núi Điều. Đất rộng người đông, ruộng nhiều núi ít, nhưng có phân kém hơn xứ Thượng cơ Ba..

1. Nước Tô (đã hoang phế), 2. Nước Tru Nội, 3. Nước Tru Ngoại, 4. Nước Gia Nội, 5. Nước Gia Ngoại, 6. Làng Y, 7. Thuộc Vinh Nội, 8. Thuộc Vinh Ngoại, 9. Làng Tương, 10. Làng Trang, 11. Nước Nhĩ, 12. Làng Ôn, 13. Nước La, 14. Mang Linh, 15. Nước Sung, 16. Nước Lung, 17. Làng Ố, 18. Làng Xênh, 19. Làng Giá.

## **XỨ THƯỢNG CƠ NHÌ**

*Có 23 sách Thượng tại cơ Nhì.*

Tây giáp các sách người Thượng Nước Li, Làng Dục, Làng Trinh, Tà Ma đồ xuống núi Tăng, đông giáp Trường Lũy, nam giáp Điều lĩnh, bắc giáp núi Nông. Đất rộng, người đông, ruộng nhiều núi ít, tương đương với xứ Thượng cơ Nhứt .





樞園 廊狂 廊安 廊江 廊崙 廊峯 廊半 廊隆處下

廊烝 廊臺 廊廉 廊甲 廊姪 紫泉處下廊左

廊連 廊蘿 廊逸 廊泊 岩級 浩饒 廊甘

廊亡 廊門 廊鯨

四奇蠻境 九十 柵

西夾紫泉屬二奇廊甘蠻分東夾壘南夾督公嶺北夾青

蝶淵屬六奇廊森蠻分田少蠻希比二奇之半而已

萍瓢 萍紫 安馭 曠昆 廊鍊 蛇魚 嘿饒

廊祿 嘿陵 浩星 廊媒 廊農

六奇蠻境 九十九柵北岸以西四十一柵 江南岸以西三

## Phiên âm trang 24

Gò Viên, Làng Chinh (*trung, hạ*), Làng An, Làng Giang, Làng Son [壽], Làng Mậu [牟]. Minh Long xứ (*dĩ hạ*): Làng Chung, Làng Khuê, Làng Mị, Làng Giáp, Làng Đố. Từ tuyền xứ (*dĩ hạ*): Làng Tả, Làng Liên, Làng Lá, Làng Dật, Đá Bạc, Đèo Gấp, Nước Nhiều, Làng Cam, Làng Vong, Làng Môn, Làng Trê

### TỨ KỲ MAN CẢNH

*Phàm thập tứ sách.*

Tây giáp Từ tuyền thuộc Nhị Kỳ Làng Cam man phận, đông giáp Lũy, nam giáp Đốc Công lĩnh, bắc giáp Thanh Đình uyên thuộc Lục Kỳ Làng Sâm man phận. Điền thiếu man hy tử Nhị Kỳ chi bán nhi dĩ.

Hó Biều [淳陂] Lợi Nhố [隸], An Ngự [駟], Khoáng Con [昆], Làng Luyện [鍊], Xà Uân [鰲], Cười Nhiều, Làng Tồi, Cười Lãng, Nước Tinh, Làng Môi (*thượng, hạ*), Làng Nông (*thượng, hạ*).

### LỤC KỲ MAN CẢNH

*Phàm cửu thập tam sách nội Thanh Cù nguyên, Trà Khúc giang nam ngạn dĩ tây, nhị thập cửu sách, bắc ngạn dĩ tây tứ thập nhất sách La Thụ đạo bát sách Thanh*

### Dịch

1. Gò Viên, 2. Làng Chinh Trung, 3. Làng Chinh Hạ, 4. Làng An, 5. Làng Giang, 6. Làng Son, 7. Làng Mậu. Xứ Minh Long có: 8. Làng Chung, 9. Làng Khuê, 10. Làng Mị, 11. Làng Giáp, 12. Làng Đố. Xứ Suối Tía có: 13. Làng Tả, 14. Làng Liên, 15. Làng Lá, 16. Làng Dật, 17. Đá Bạc, 18. Đèo Gấp, 19. Nước

*Nhiêu, 20. Làng Cam, 21. Làng Vong, 22. Làng Môn, 23. Làng Trê.*

### **XỨ THƯỢNG CƠ TƯ**

*Có 14 sách tại xứ Thượng cơ Tư.*

Tây giáp suối Tía thuộc sách Thượng Làng Cam ở cơ Nhì, đông giáp Trường Lũy, nam giáp núi Đốc Công, bắc giáp vũng Thanh Đình thuộc sách Làng Sâm ở cơ Sáu. Ruộng ít, người thưa, ước chừng bằng nửa cơ Nhì mà thôi.

*1. Hồ Biều, 2. Lợi Nhỏ, 3. An Ngự, 4. Khoáng Con, 5. Làng Luyện, 6. Xà Uân, 7. Cười Nhiêu, 8. Làng Tối, 9. Cười Lãng, 10. Nước Tinh, 11. Làng Môi Thượng, 12. Làng Môi Hạ, 13. Làng Nông Thượng, 14. Làng Nông Hạ.*

### **XỨ THƯỢNG CƠ SÁU**

*Trong số 93 sách của nguồn Thanh Cù, 29 sách ở bờ nam sông Trà Khúc trở về phía tây, 41 sách bờ bắc trở về phía tây, 8 sách đạo La Thu, 13 sách nguồn Thanh*



西夾巴喃琪庸等蠻山東夾壘南夾蘇山屬三奇浩蘇蠻  
分北夾鋸齒山屬廣南蠻境就中青衢源田多蠻稠青蓬  
源山多蠻少據土地蠻數而言則伊奇蠻土廣蠻稠為靖  
蠻各奇之最也

方砢

屬青衢源茶曲江南岸以西諸蠻柵以下

廊瓢

曠巾

尋梓

廊珠

琪羅

廊森

堰屯

妃濃

廊琪

廊楨

廊詐

蛇衣

廊閑

廊顛

廊覆

蒲嘲

邪交

邪貧

廊魯

廊亞

慈悲

廊楨

廊塢

摸烏

琪修濡

廊齋

邪麻

廊育

## Phiên âm trang 25

*Bông nguyên 13 sách.*

Tây giáp Ba Nam, Cười Dong [庸] đặng man sơn, đông giáp Lũy, nam giáp Tô sơn thuộc Tam Kỳ Nước Tô man phận, bắc giáp Cú Xi sơn thuộc Quảng Nam man cảnh, tựu trung Thanh Cù nguyên điền đa man trù, Thanh Bông nguyên, sơn đa man thiếu. Cú thổ địa man số ười ngôn tắc y kỳ man thổ quảng man trù vi tĩn man các Kỳ chi: tối dã. Phương Đá (*thuộc Thanh Cù nguyên Trà Khúc giang nan ngạn dĩ tây chư man sách dĩ hạ*):

Làng Biều, Khoáng Cân, Tầm Rau, Làng Tru, Cười La, Làng Sâm, Gò Đồn, Bà Nùng, Làng Cơ, Làng Triêng [楨], Làng Trá [詐], Xà Y, Làng Mọn (小trong門), Làng Ngung, Làng Phúc, Bò Trào, Tà Giao, Tà Bần, Làng Phở, Làng Á, Từ Bi, Làng Trinh, Làng Cao, Mô Ô, Cười Tu Trôi, Làng Chay, Tà Ma, Làng Dục.

### Dịch

Tây giáp núi của các sách Thượng Ba Nam, Cười Dong, đông giáp Trường Lũy, nam giáp núi Tô thuộc sách Thượng Nước Tô ở cơ Ba, bắc giáp núi Cú Xi thuộc xứ Thượng Quảng Nam. Nói chung thì nguồn Thanh Cù đất nhiều người đông, còn nguồn Thanh Bông thì núi nhiều người ít. Căn cứ vào đất đai, nhân khẩu mà nói thì cơ Sáu đất rộng người đông là một cơ tối quan trọng về công tác Tĩnh man ở Quảng Nghĩa.

*Xứ Phương Đá thuộc nguồn Thanh Cù, thượng lưu phía nam miền sông Trà Khúc có các sách người Thượng là:*

1. Làng Biều, 2. Khoáng Cân, 3. Tầm Rau, 4. Làng Tru, 5. Cười La, 6. Làng Sâm, 7. Gò Đồn, 8. Bà Nùng, 9. Làng Cơ, 10. Làng Triêng, 11. Làng Trá, 12. Xà Y, 13. Làng Mọn, 14. Làng Ngung, 15. Làng Phúc, 16. Bò Trào, 17. Tà Giao, 18. Tà Bần, 19. Làng Phở, 20. Làng Á, 21. Từ Bi, 22. Làng Triêng, 23. Làng Cao, 24. Mô Ô, 25. Cười Tu Trôi, 26. Làng Chay, 27. Tà Ma, 28. Làng Dục.

津胤

茶曲江北岸以下

曠頃

蛇矜

廊巖

廊捷

英祿

曠欄

自此欄向西  
北行別一路

旗尾

圍長

社澤

摸摠

廊吝

邪蠻

夷陵

邪茅

廊蒙

廊買

廊艾

廊綿

廊那

廊山

假道

此欄以西由  
江岸諸蠻

東城

廊檫

廊齋

廊臻

廊昆

廊撈

廊甘

廊檣

廊槿

廊夢

廊梭

廊几

蛇卒

廊鍊

蒲那

廊補

芒瓢

上下

廊幔

店江

羅樹道諸  
蠻欄以下

總俊

泝潺

唶籩

吒離

茶喧

茶旬

茶甬

企紆

丁超

青蓬深蠻  
欄以下

堉再

茶更

參蒸

廊枝

丁猶



Vũng Dận (*Trà Khúc giang bắc ngạn dĩ tây chư man sách dĩ hạ*):

Khoáng Von [止員], Xà Nay [尼今], Làng Nham, Làng Lèn [攪], Anh Lộc, Khoáng Khay (*Từ thứ sách hướng tây bắc hành liệt nhất lộ*) Kỳ Vĩ, Viên Trường, Xã Trạch, Mạc Bơi [耜悲], Làng Lận, Tà Man, Di Lãng, Tà Mâu, Làng Mông, Làng Mãi, Làng Ngải, Làng Miên [緜], Làng Na, Làng Sơn, Giả Đạo (*thứ sách dĩ tây do giang ngạn chư man*), Đông Thành, Làng Lê, Làng Ký, Làng Trăn, Làng Con, Làng Ráo (木+勞), Làng Cam, Làng Lịch, Làng Liên, Làng Mông, Làng Sừng, Làng Phàm, Xà Tốt, Làng Luyện [鍊], Bò Na, Làng Bỏ [補], Mang Biều (*thượng, hạ*), Làng Mản [巾+曼],

Điểm giang (*La Thụ đạo chư man sách dĩ hạ*):

Tổng Tuấn, Lợi Trăm, Cười Du, Chá [咤] Ly, Trà Ngon [嗜], Trà Cú, Trà Hữu, Trùm [人 trên 上] Bện [糸 下].

Đình Siêu (*Thanh Bồng nguyên man sách dĩ hạ*):

Thụ Giác, Trà Canh, Tham [參] Chông [++ đầu + 終], Làng Mướp [木 + 之], Đình Do,

## Dịch

*Xứ Vũng Dận, thượng lưu phía bắc sông Trà Khúc về phía tây có các sách Thượng:*

1. Khoáng Von, 2. Xà Nay, 3. Làng Nham, 4. Làng Lèn, 5. Anh Lộc, 6. Khoáng Khay, (*từ sách này có một con đường đi theo hướng tây bắc*) 7. Kỳ Vĩ, 8. Viên Trường, 9. Mạc Bơi, 10. Xã Trạch, 11. Làng Lận, 12. Tà Man, 13. Di Lãng, 14. Tà Mâu, 15. Làng Mông, 16. Làng Mãi, 17. Làng Ngải, 18. Làng Miên, 19. Làng Na, 20. Làng Sơn, 21. Giả Đạo.

*Về phía tây sách này theo đường bờ sông có các sách:*

22. Đông Thành, 23. Làng Lê, 24. Làng Giây, 25. Làng Trăn, 26. Làng Con, 27. Làng Rào, 28. Làng Cam, 29. Làng Lách, 30. Làng Len, 31. Làng Mông, 32. Làng Sáu, 33. Làng Phàm, 34. Xà Tốt, 35. Làng Luyện, 36. Bò Na, 37. Làng Bỏ, 38. Mang Biều Thượng, 39. Mang Biều Hạ, 40. Làng Mần,

*Xứ Điểm giang (đạo La Thụ) các sách thượng là:*

1. Tống Tuấn, 2. Lợi Trăm, 3. Cười Lu, 4. Chá Ly, 5. Trà Ngon, 6. Trà Cú, 7. Trà Hữu, 8. Trùm Bện.

*Xứ Đình Siêu thuộc nguồn Thanh Bồng các sách là:*

1. Thụ Giác, 2. Trà Canh, 3. Tham Chông, 4. Làng Mướp, 5. Đình Do,



茶槌

丁櫛

邪榔

丁潤

江奇

丁襍

海求

## Phiên âm trang 27

Trà Vông, Đỉnh Dung, Đỉnh Nhuận, Giang Kỳ, Đỉnh  
Nhuong [禿], Lợi Cầu.

### Dịch

52. *Trà Vông*, 53. *Đỉnh Dung*, 54. *Đỉnh Nhuận*, 55. *Giang Kỳ*, 56. *Đỉnh Nhuong*, 57. *Suối Cầu*.

里路遠近

夫蠻夷之居千山萬澗道路多岐禦蠻者要知何遠何近何險何夷則行兵有度而無別礙也

五奇蠻程

一路自伊奇薰風堡越壘向西行過冉嵐蠻廢今已登山由

山上林中向北行過錢串米箱二石堆抵沙籠嶺俗號半

日程

一路自伊奇春山堡越壘向西行過全簪諾鐺二蠻過沙

籠嶺及沙籠上下二蠻又登山行過寨裸抵磨盤山俗號

半日強

## Phiên âm trang 29

### LÝ LỘ VIỄN CẬN

Phù man di chi cư thiên sơn vạn giản, đạo lộ đa kỳ [岐: *đường rẽ*]. Ngự [禦: *chống lại*] man giả yếu tri hà viễn hà cận hà hiêm hà dị tắc hành binh hữu độ nhi vô biệt ngại dã.

### NGŨ KỶ MAN TRÌNH

Nhất lộ tự y Kỳ Huân Phong bảo, việt Lũy hướng tây hành quá Nhiễm Phong man (*kim dĩ phé*), đặng sơn do sơn thượng lâm trung hướng bắc hành quá Tiễn Xuyên Mễ Sương nhị thạch đôi đê Sa Lung lĩnh (*tục hào Dốc Dẽ*) [埧], bán nhật trình.

Nhất lộ tự y Kỳ Xuân Sơn bảo, việt Lũy hướng tây hành, quá Đồng Trâm [嶺]. Nước Đàng nhị man, quá Sa Lung lĩnh, cập Sa Lung Thượng Hạ nhị man, hựu đặng sơn hành quá Tắc Luy, đê Ma Bàn sơn (*tục hào Giang Sai*) bán nhật cường.

### Dịch

### ĐƯỜNG SÁ XA GẦN

Người Thượng sống nơi rừng núi, trùng điệp đôi khe, đường sá nhiều nhánh, nhiều lối vô cùng lạ lẫm nguy hiểm. Người làm tướng đem quân đi đánh dẹp giặc Thượng, cần phải biết rành nơi nào xa, chỗ nào gần, đâu là chốn nguy hiểm, đó là sách người Thượng nào. Được như thế rồi, việc điều binh đúng phép tắc thì không có gì phải lo ngại nữa cả.

### ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ NĂM

Một con đường từ bảo Huân Phong vượt Trường Lũy đi theo hướng tây qua khỏi sách Nhiễm Phong (*nay đã hoang phé*), leo

lên núi rồi đi trong rừng cây theo hướng bắc qua khỏi chòm đá hai hòn Tiễn Xuyên Mễ Sương thì tới núi Sa Lung (*thường gọi là dốc Dẽ*) hết nửa ngày.

Một con đường từ bảo Xuân Sơn, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây qua khỏi hai sách Đồng Trâm, Nước Đàng, lại qua khỏi núi Sa Lung, thì đến hai sách Sa Lung Thượng, Sa Lung Hạ, lại leo núi đi qua khỏi sách Tắc Luy, thì tới núi Ma Bàn (*thường gọi là Giang Sai*), mất hơn nửa ngày.





又一路自沙籠下蠻向南行過一土山一溪水由這溪右岸行抵諾蝶蠻三刻伊蠻屬平定

一路自伊奇烈山堡屯田越壘向西行轉北行過諾鐙及忽火山西脚登塢支向西北行抵沙籠上蠻半日程

一路自伊奇富仁堡越壘向西南行登石冠嶺俗號塢過

蹲杆塢共磨盤山抵琨角蠻又過燎山石棧山俗名塢抵

廊躡廊輝一日強節次官兵征剿駐紮在此

又自此過雷山有二路內一路由山上向西行越二重高

山穿深林行約數千丈又下小溪由溪水向南行又登一

土山及過諾胸上流抵三奇波漸源廊啉蠻之上流一日

Hựu nhất lộ tự Sa Lung Hạ man hướng nam hành quá nhất thổ sơn, nhất kê thủy, do giá kê hữu ngạn hành để Nước Rệp [虫+葉] man, tam khắc. Y man thuộc Bình Định.

Nhất lộ tự y Kỳ Liệt Sơn bảo, đồn điền, việt Lũy hướng tây hành chuyển bắc hành quá Nước Đàng cập Hốt Hòa sơn tây cước, đặng Dốc Chi hướng tây bắc hành để Sa Lung Thượng man bán nhật trình.

Nhất lộ tự y Kỳ Phú Nhơn bảo việt Lũy hướng tây nam hành, đặng Thạch Quan lĩnh (*tục hào Dốc Đá Mông*), quá Tôn Vu, dốc Cộng, Ma Bàn sơn, để Con Giác man, hựu quá Liệu sơn, Thạch Sạn sơn (*tục danh Dốc Đá Dương Ngòi*), để Làng Lui Làng Huy, nhất nhật cường (*tiết thứ quan binh chinh tiêu trú trát tại thứ*).

Hựu tự thứ quá Lôi sơn hữu nhị lộ nội. Nhất lộ do sơn thượng hướng tây hành việt nhị trùng cao sơn xuyên thâm lâm hành cước số thiên trọng, hựu há tiểu kê do kê thủy hướng nam hành hựu đặng nhất thổ sơn cập quá Nước Nục thượng lưu để Tam Kỳ Ba Tư nguyên Làng Gầm [口+岑] man chi thượng lưu nhất nhật

### Dịch

Lại có một con đường từ sách người Thượng Sa Lung Hạ, đi theo hướng nam qua khỏi một hòn núi đất, một con suối rồi đi theo bờ phải con suối ấy thì tới sách người Thượng Nước Rệp hết 3 canh giờ. Sách Thượng này thuộc Bình Định.

Một con đường từ bảo Liệt Sơn thuộc cơ này, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây rồi chuyển theo hướng bắc qua khỏi sách Thượng Nước Đàng, tới chân phía tây núi Hốt Hòa, leo lên dốc

Chi rồi đi theo hướng tây bắc thì tới sách Sa Lung Thượng, hết nửa ngày.

Một con đường từ bảo Phú Nhơn của cơ này, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây nam leo lên núi Thạch Quan (*thường gọi là dốc Đá Mông*), leo qua dốc Cọng, rồi qua núi Ma Bàn thì tới sách Thượng Con Giác, lại qua khỏi núi Liệu, núi Thạch Tiên (*Thường gọi là dốc Đá Dương Ngòi*), thì tới các sách Làng Lui Làng Huy, nửa ngày cứng. (*Có những khi quan binh đi chinh tiêu trú ngụ tại đây*).

Lại, từ đó đi qua khỏi núi Lô thì có hai con đường. Một đường từ trên núi đi theo hướng tây, vượt qua hai trùng núi cao, đi xuyên rừng khoảng mấy ngàn trượng, rồi đi xuống một con suối, từ suối đi theo hướng nam lại leo lên một hòn núi đất đến thượng lưu của Nước Nục thì đến Làng Gầm, thượng lưu của nguồn Ba Tư thuộc cơ Ba, hết một ngày cứng.



強此處浩胸之上諾哩之下嗣德十年予兵駐禁在此一夜最險又自伊處向西南行

抵浩哩丁踰柵半日程

內一路自雷山上向北行二刻許亟下一溪水又過一嶺抵浩胸蠻一日程此路嗣德二十三年始行

又一路自廊潘蠻由山上向北行又下溪水穿林行抵波漸源浩能丁杼柵一日程抵三奇蠻境

一路自石冠嶺過蹲杼向北行過黃山天乳山穿林向西行抵陀陰蠻及域赫屯田半日程

### 三奇蠻程

一路自域赫屯田越壘過陀陰蠻登山向西南行過棍龍

## Phiên âm trang 31

cường (*Thử xứ Nước Nục chi thượng, Nước Ré [哩] chi hạ. Tự Đức thập cửu niên, dư binh trú trát tại thử nhất dạ, tối hiêm*). Hựu tự y xứ hướng tây nam hành để Nước Lý Đình Tròn [興+南] sách, bán nhật trình.

Nội nhất lộ tự Lôi sơn thượng hướng bắc hành nhị khắc hứa thừa hạ nhất khô thủy hựu quá nhất lĩnh để Nước Nục man nhất nhật trình. Thử lộ, Tự Đức nhị thập tam niên thủy hành.

Hựu nhất lộ tự Làng Trôi [thủy雷] man, do sơn thượng hướng bắc hành, hựu há khô thủy xuyên lâm hành để Ba Tư nguyên Nước Năng Đình Dư hướng bắc hành quá Hoàng sơn, Thiên Nhũ sơn, xuyên lâm hướng tây hành để Đà Âm man cập Vực Răm [林+đầu] đồn điền, bán nhật trình.

### TAM KỲ MAN TRÌNH

Nhất lộ tự Vực Răm đồn điền việt Lũy quá Đà Âm man, đặng sơn thượng hướng nam hành, quá Con Long

#### Dịch

cứng. (*Xứ này ở trên sách Nước Nục, ở dưới sách Nước Ré. Niên hiệu Tự Đức thứ 19, ta trú quân tại đó một đêm, cực kỳ hiểm ác*). Lại từ đó đi theo hướng tây nam thì đến sách Đình Tròn thuộc Nước Lý, hết nửa ngày đường.

Một con đường từ trên núi Lôi đi theo hướng bắc hết hai canh giờ thì gặp một con suối, lại leo lên một ngọn núi đến xứ người Thượng Nước Nục, nguyên một ngày đường nữa. Niên hiệu Tự Đức thứ 23 (1869), mới có con đường này.

Một con đường từ chỗ người Thượng Làng Trôi, theo đường trên núi đi theo hướng bắc, lại đi xuống một con suối, băng rừng thì đến sách Đình Dư thuộc Nước Năng nguồn Ba Tư, còn đi theo hướng bắc qua khỏi núi Hoàng, núi Thiên Nhũ băng

rừng đi theo hướng tây thì tới chỗ người Thượng Thượng Âm, rồi đến đồn điền Vực Răm, hết nửa ngày đường.

### **ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ BA**

Một con đường từ đồn điền Vực Răm, vượt Trường Lũy qua khỏi chỗ người Thượng Đà Âm, leo lên núi theo hường, qua khỏi các sách Thượng Con Long –





琨查琨螞等蠻抵廊躡蠻一日程屬五奇蠻境

又二路自鐵蒜屯田過度作嶺俗號抵琨佳蠻二刻

一路自核樓屯田登山向南行過天乳山嶺由山上直南  
行抵琨剌蠻柵屬五奇蠻半日程但行無水宜汲水以從  
爲便

一路自石象堡嗣德十八年新設西南行過行船堡穿林行抵平

安廢堡半日程

一路自石象堡向北行過核棋烏籠轉西行過泊竹嶺俗號  
安廢堡岩抵萬年嶺南脚由壘後南行過石碑抵平安廢堡二刻

許

Con Tra, Con Ve (螭) đặng man đê Làng Lui [足+雷] man nhất nhật trình, thuộc Ngũ Kỳ man cảnh.

Hựu nhất lộ tự Vực Rằm đồn điền, quá Độ Tác lĩnh (tục hào *Dốc Yết* [輶]) đê Con Giai man nhị khắc.

Nhất lộ tự Hạch Ôi [輶: cái chót cửa] đồn điền, đặng sơn hướng nam hành quá Thiên Nhũ sơn lĩnh, do sơn thương trực nam hành đê Con Lệt [烈] man sách, thuộc Ngũ Kỳ man, bán nhật trình. Đăn hành vô thủy, nghi cấp [汲] (mức nước) thủy dĩ tòng vi tiện.

Nhất lộ tự Thạch Tượng bảo (Tự Đức thập bát niên tân thiét), tây nam hành quá Hành Thuyền bảo xuyên lâm hành đê Bình An phế bảo bán nhật trình.

Nhất lộ tự Thạch Tượng bảo hướng bắc hành, quá Hạch Cày [犴], Ô Long [豸龍], chuyên tây hành quá Bạc Trúc lĩnh (tục hào *Đèo Nứa* [女 trúc đầu]) đê Vạn Niên lĩnh nam cước, do Lũy hậu nam hành quá Thạch Bi đê Bình An phế bảo nhị khắc.

### Dịch

Con Tra, Côn Ve thì đến chỗ người Thượng Làng Lui thuộc cơ Năm, hết một ngày đường.

Lại có một con đường từ đồn điền Vực Rằm qua khỏi núi Độ Tác (thường gọi là *dốc Yết*) thì tới chỗ người Thượng Con Giai, hết hai canh giờ.

Một con đường từ đồn điền Hạch Ôi, leo lên núi rồi đi theo hướng nam tới núi Thiên Nhũ, rồi đi theo đường núi thẳng về hướng nam thì tới các sách Thượng Con Lệt, thuộc cơ Năm, hết

nửa ngày đường. Song lộ trình này không nơi lấy nước uống được, phải mang nước theo dùng.

Một con đường từ bảo Thạch Tượng (*mới xây dựng vào niên hiệu Tự Đức thứ 18 - 1864*), đi theo hướng tây nam qua khỏi bảo Hành Thuyền băng rừng đi tới phế bảo Bình An, hết nửa ngày đường.

Một con đường từ bảo Thạch Tượng đi theo hướng bắc, qua khỏi Hạch Cây, Ô Long, rồi quẹo đi theo hướng tây hành qua khỏi núi Bạc Trúc (*thường gọi là đèo Núi*) thì tới chân phía nam núi Vạn Niên, rồi theo phía sau Trường Lũy đi theo hướng nam qua khỏi Thạch Bi thì tới phế bảo Bình An, hết hai canh giờ.



一路自伊奇正堡向西行過石壘嶺俗號岩由壘後西南

行過安豐廢堡向北行抵石象堡二刻

又一路自安豐堡由壘行過春苓廢堡過域蒜屯田向西

行過縣儒嶺抵平安廢堡四刻又自伊廢堡越壘向西南

行過屯排轉南行過螺溪林嶺俗號淨螺岩抵波澌江左岸之

混龍混佳諾能等蠻右岸之仝橈混螢等蠻抵黃魚堡半

日程又自伊堡涉江向西行過仝厨砣盤混崖諾蘇等蠻

又過蘇山嶺三岐路及黎江上流抵巴喃山一日程已屬

六奇諾灘上蠻

一路自黃魚堡涉江向北行登仝厨山由山上行抵令謨

### Phiên âm trang 33

Nhất lộ tự y Kỳ Chính bảo hướng tây hành quá Thạch Lũy lĩnh (*tục hào Đèo Đá Chác*). Do Lũy hậu tây nam hành quá An Phong phế bảo hướng bắc hành để Thạch Tượng bảo, nhị khắc.

Hựu nhất lộ tự An Phong bảo, do Lũy hành quá Xuân Linh phế bảo quá Vực Rằm đồn điền hướng tây hành quá Huyện Nho lĩnh để Bình An phế bảo, tứ khắc,

Hựu tự y phế bảo việt Lũy hướng tây nam hành quá đồn, bài 排(bày, xếp) chuyên nam hành quá Lụy Khê Lâm lĩnh (*tục hào Lội Lụy Đèo Lâm*) để Ba Tư giang. Tả ngạn chi Con Long, Con Giai, Nước Năng đẳng man, hữu ngạn chi Đồng Dâu, Con Cua đẳng man, để Hoàng Ngư bảo bán nhật trình, hựu tự y bảo thiệp giang hướng tây hành quá Đồng Trù Đá Bàn Con Nhai Nước Tô đẳng man, hựu quá Tô Sơn lĩnh, tam kỳ lộ cập Lê giang thượng lưu để Ba Nam sơn nhất nhật trình, dĩ thuộc Lục Kỳ Nước Li Thượng man.

Nhất lộ tự Hoàng Ngư bảo thiệp giang hướng bắc hành đẳng Đồng Trù sơn, do sơn thượng hành để Linh Mô

### Dịch

Một con đường từ bảo Kỳ Chính của cơ này đi theo hướng tây qua khỏi núi Thạch Lũy (*thường gọi là đèo Đá Chác*). Từ phía sau Trường Lũy đi theo hướng tây nam qua khỏi phế bảo An Phong, rồi đi theo hướng bắc thì tới bảo Thạch Tượng, hết hai canh giờ.

Lại có một con đường từ bảo An Phong, đi theo Trường Lũy qua khỏi phế bảo Xuân Linh, rồi qua khỏi đồn điền Vực Rằm đi theo hướng tây qua khỏi núi Huyện Nho thì đến phế bảo Bình An, hết bốn canh giờ. Lại từ phế bảo ấy, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây nam qua khỏi đồn, rồi chuyển đi theo hướng nam

qua khỏi núi Lụy Khê Lâm (*thường gọi là núi suối Lụy Đèo Lâm*) thì đến sông Ba Tơ. Phía tả ngạn sông này là các sách người Thượng Con Long, Con Giai, Nước Năng. Phía hữu ngạn là các sách Thượng Đồng Dâu, Con Cua, tới bảo Hoàng Ngự hết nửa ngày đường. Lại từ đó, vượt sông đi theo hướng tây qua khỏi các sách Đồng Trù, Đá Bàn, Con Nhai, Nước Tô, lại qua khỏi núi Tô Sơn thuộc cơ Ba, đường đi theo bờ sông Lê ở thượng lưu, tới núi Ba Nam, hết một ngày đường. Đó là vùng của người thượng Nước Li Thượng thuộc cơ Sáu.

Một con đường từ bảo Hoàng Ngự vượt sông rồi đi theo hướng bắc leo lên núi Đồng Trù, từ đường trên núi đi tới sách người Thượng Linh Mô,





蠻半日程又自伊蠻山上向東北傍山而行過高關山嶺  
上下素水溪抵諾素下及諾誅外等蠻半日程又自諾素  
上蠻居山迤向北行抵諾家蠻居三刻又自諾素上蠻居  
山上向南行抵全木蠻二刻

一路自丁鍊柵後穿山行有三路內一路向西北行抵諾  
灘之叟修蠻半日強險內一路向東北行過合謨抵諾家  
山一日程內一路向北行抵諾涵山一日強

一路自黃魚堡涉規潯江向西南行過諾胸抵諾哩蠻一

日程

一路自波浙江左岸向北行過姊妹山姊妹灘俗號尚姊

man bán nhật trình, hựu tự y man sơn thượng, hướng đông bắc bàng [傍: bên cạnh] sơn nhi hành quá Cao Muôn sơn lĩnh thượng, há Tố Thủy khê để Nước Tố, há cập Nước Tru Ngoại đặng man, bán nhật trình. Hựu tự Nước Tố Thượng man cư sơn thượng, hướng bắc hành để Nước Gia man cư, tam khắc. Hựu tự Nước Tố Thượng man cư sơn thượng hướng nam hành để Đồng Mộc man, nhị khắc.

Nhất lộ tự Đinh Luyện sách hậu, xuyên sơn hành hữu tam lộ nội. Nhất lộ hướng tây bắc hành để Nước Li chi Cười Tu man, bán nhật cường (*thậm hiểm*) nội. Nhất lộ hướng đông bắc hành quá Linh Mô để Nước Gia sơn nhất nhật trình nội, nhất lộ hướng bắc hành để Nước Nhảy [灑 bộ thủy] sơn, nhất nhật cường.

Nhất lộ tự Hoàng Ngư bảo thiệp Con Nhỏ [灑 bộ thủy] sơn nhất nhật cường.

Nhất lộ tự Hoàng Ngư bảo thiệp Con Nhỏ giang hướng tây nam hành quá Nước Nục [灑], để Nước Ré man, nhất nhật trình.

Nhất lộ tự Ba Tơ giang tả ngạn hướng bắc hành quá Tỷ Muội sơn, Tỷ Muội than (*tục hào núi Chì, núi Em, thác Chì*

## Dịch

hết nửa ngày đường.

Lại từ trên núi ấy đi theo đường bên cạnh núi theo hướng đông bắc qua khỏi núi Cao Muôn, lại đi xuống suối Tố Thủy thì tới các sách Thượng Nước Tố, Nước Tru Ngoại, hết nửa ngày đường.

Lại từ sách Thượng Nước Tổ Thượng ở trên núi, đi theo hướng bắc thì tới sách Thượng Nước Gia, hết ba canh giờ. Lại từ sách Nước Tổ Thượng ở trên núi đi theo hướng nam thì tới sách Đồng Mộc, hết hai canh giờ.

Một con đường từ sau sách Đinh Luyện, băng núi mà đi có ba đường. Một đường theo hướng tây bắc đi đến sách người Thượng Cười Tu xứ Nước Li, trong vòng nửa ngày, rất hiểm ác. Một đường theo hướng đông bắc đi qua núi Linh Mô đến núi Nước Gia, trong vòng một ngày. Một đường theo hướng bắc đi đến núi Nước Nhảy, một ngày đường cứng.

Một con đường từ bảo Hoàng Ngư vượt qua núi Con Nhỏ, hết một ngày cứng.

Một con đường từ bảo Hoàng Ngư vượt qua sông Con Nhỏ theo hướng tây nam đi qua Nước Nục, đến sách Thượng Nước Ré, hết một ngày đường.

Một con đường từ tả ngạn sông Ba Tư theo hướng bắc đi qua núi Tỷ Muội, thác Tỷ Muội (*thường gọi là núi Chì, núi Em, thác Chì,*



北過諾素下浩誅外等蠻居抵那江半日程屬一奇

一奇蠻程

一路自伊奇大來堡渡衛江過二奇安亭堡越壘登黑石

嶺

俗號塢  
砒顛

由山上向西南行過浩蘿蠻居抵廊衣蠻伊川

堡半日程

一路自長隸由壘後向南行過萬年嶺及平安廢堡越壘

向西南行過屯排海螺奔江津抵龜背墟一日程

伊壙之  
西是

又自伊壙向北行過那江津針草阜家水津抵伊川堡

亦半日程

又一路自伊川堡向北行左邊之廊衣屬榮外右邊之浩

*thác Em*) quá Nước Tô, há Nước Tru ngoại đấng man cư để Na giang bán nhật trình (*thuộc Nhất Kỳ man cảnh*).

### NHẤT KỶ MAN TRÌNH

Nhất lộ tự y Kỳ Đại Lai bảo, độ Vệ giang quá Nhị Kỳ An Đình bảo, việt Lũy đấng Hắc Thạch lĩnh (*tục hào Đốc Đá Diên* [顯: đình đầu, góc]). Do sơn thượng hướng tây nam hành quá Nước Lá man cư, Làng Y man, Y Xuyên bảo bán nhật trình.

Nhất lộ tự Trường Lệ [隸], do Lũy hậu nam hành quá Vạn Niên lĩnh cập Bình An phé bảo, việt Lũy hướng tây nam hành quá đồn Bài Lợi Loa Bôn giang tân, để Quy Bồi khứ, nhất nhật trình (*y khứ chi tây thị Cao Muôn sơn*), hựu tự y khứ hướng bắc hành quá Na giang tân, Bộc Thảo phụ, Gia Thủy tân, để Y Xuyên bảo, diệc bán nhật trình.

Hựu nhất lộ tự Y Xuyên bảo hướng bắc hành tả biên chi Làng Y Thuộc Vinh Ngoại, hữu biên chi Nước

### Dịch

*thác Em*), qua sách Nước Tô, xuống núi đi qua sách Nước Tru Ngoại đến Na giang (*thuộc xứ Thượng cơ Nhứt*), hết nửa ngày đường.

### ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ NHỨT

Một con đường từ bảo Đại Lai của cơ này, vượt qua sông Vệ, qua khỏi bảo An Đình thuộc cơ Nhị, vượt Trường Lũy leo lên núi Hắc Thạch (*thường gọi là đốc Đá Diên*). Đi theo đường trên núi về hướng tây nam qua khỏi sách Nước Lá, người Thượng Làng Y, bảo Y Xuyên, hết nửa ngày đường.

Một con đường từ Trường Lệ, rồi từ phía sau Trường Lũy đi theo hướng nam qua khỏi núi Vạn Niên thì đến phé bảo Bình An, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây nam qua khỏi đôn Bài Lộ Lôa, bên Bôn giang thì đến gò Quy Bối, một ngày đường. (*phía tây gò này là núi Cao Muôn*), lại từ gò này đi theo hướng bắc qua khỏi bên Na giang, núi đất Bộc Thảo, bên Gia Thủy, đến bảo Y Xuyên, cũng hết nửa ngày đi đường.

Lại có một con đường từ bảo Y Xuyên đi theo hướng bắc, bên trái là Thuộc Vinh Ngoại của người Thượng Làng Y, bên phải là các sách người Thượng Nước





克諾龍等蠻柵過鹿藪抵屬榮內廊莊蠻抵鳥嶺俗號腰鵝半

日程 此嶺北脚屬二奇蠻境

又一路自廊這登山穿林向西北行抵廊撐丁爭丁鮫柵

半日程

又一路自黎蠻穿山抵渚灘之那麻摸烏蠻一日程 屬六奇蠻

險路又自伊蠻穿山向北行抵渚縵蠻半日程 屬二奇蠻路甚險

一路自屬榮外蠻居涉屬榮外津向西北行抵渚涌蠻半

日程

又一路自黎蠻穿山向西行抵渚灘之喏修蠻一日程 屬六

甚險 奇蠻路

## Phiên âm trang 36

Sung, Nước Chiệp [言龍thảo đầu] đấng man sách, quá Lộc tẩu để Thuộc Vinh Nội, Làng Trang man để Điều Lĩnh (tục hào Eo [腰] Chim[占 bộ 鳥]), bán nhật trình (thử lĩnh bắc cước thuộc Nhị Kỳ man cảnh).

Hựu nhất lộ tự Làng Giá đấng sơn xuyên lâm hướng tây bắc hành để Làng Xênh [才掌], Đình Tranh Đình Trê [知 bộ 魚] sách, bán nhật trình.

Hựu nhất lộ tự y man xuyên sơn để Nước Li chi Tà Ma Mạc [摸: sò] Ô man, nhất nhật trình (thuộc Lục Kỳ man lộ thậm hiểm). Hựu tự y man xuyên sơn hướng tây hành để Nước Lụa [糸屨], bán nhật trình. (thuộc Nhị Kỳ man lộ thậm hiểm)

Nhất lộ tự Thuộc Vinh Ngoại man cư thiệp Thuộc Vinh Ngoại tân hướng tây bắc hành để Nước Nhĩ man, bán nhật trình.

Hựu nhất lộ tự y man xuyên sơn hướng tây hành để Nước Li chi Cười Tu man, nhất nhật trình. (thuộc Lục Kỳ man lộ thậm hiểm).

### Dịch

Sung, Nước Chiệp, qua khỏi rừng Lộc thì đến Thuộc Vinh Nội, Làng Trang, rồi đến núi Điều (thường gọi là đèo Eo Chim), chân phía bắc núi này thuộc xứ Thượng cơ Nhị, hết nửa ngày đi đường.

Lại có một con đường từ Làng Giá leo lên núi, băng rừng đi theo hướng tây bắc thì tới sách Làng Xênh Đình Tranh Đình Trê, hết nửa ngày đường.

Lại có một con đường từ xứ Thượng ấy, băng núi đến sách Tà Ma Mạc Ô thuộc Nước Li, một ngày đường (thuộc cơ Sáu đường đi rất hiểm ác), lại có con đường từ xứ ấy, băng núi theo

hướng tây đến Nước Lụa, nửa ngày đường. (*thuộc cơ Nhì đường đi rất hiểm ác*)

Một con đường từ xứ Thuộc Vinh Ngoại vượt bến Thuộc Vinh Ngoại rồi đi theo hướng tây bắc đến sách Nước Nhĩ, nửa ngày đường.

Lại có một con đường từ xứ ấy băng qua núi đi theo hướng tây đến sách Nước Li của người Thượng Cười Tu, một ngày đường. (*thuộc cơ Sáu, đường đi rất hiểm ác*).



二奇蠻程

一路自伊奇義山堡越壘向西行過堰圍

黎朝鎮郡公築屯于此今遺址

尚存典嶺

俗號

織石嶺堰艾核樞全大轉南行抵明隆堡半

日程伊處之西屬四奇廊農蠻境

嗣德十八年八月日修築這堡

又自伊

堡向南過廊牟蠻抵鳥嶺半日程

此嶺南脚屬一奇蠻境

一路自明隆堡涉紫泉過廊咻廊亡二蠻境抵浩饒虎嶺

俗號

半日程又自伊嶺穿山由溪水向西行過丁門丁鯨

柵抵浩瀰之廊育廊楨邪麻等蠻境二日程

路甚險

一路自伊奇興仁堡越壘向西行過湑災及廊征下廊征

中二蠻抵明隆堡半日程

路甚險

## NHỊ KỶ MAN TRÌNH

Nhất lộ tự y Kỳ Nghiã Sơn bảo, việt Lũy hướng tây hành quá Gò [壩] Viên (*Lê triều Trấn Quận công trúc đồn vu thử di chi thượng tôn*), Điền lĩnh (*tục hào Dốc Đến [典]*) Tiêm [巖] Thạch lĩnh, Gò Ngải [艾], Hạch Lôi [霖 bộ 木], Đồng Đại chuyển nam hành để Minh Long bảo, bán nhật trình. Y xứ chi tây thuộc Tứ Kỳ Làng Nông man cảnh (*Tự Đức thập bát niên bát nguyệt nhật tu trúc giá báo*). Hựu tự y bảo hướng nam hành quá Làng Mâu man để Ô lĩnh bán nhật trình. (*thứ lĩnh nam cước thuộc Nhất Kỳ man cảnh*).

Nhất lộ tự Minh Long bảo thiệp Từ tuyến, quá Làng Lầm (-bầm) [口林], Làng Vong nhị man cảnh, để Nước Nhiều, Hồ lĩnh (*tục hào Đèo Gấp*) bán nhật trình. Hựu tự y lĩnh xuyên sơn, do khe thùy hướng tây hành quá Đình Môn, Đình Trê sách để Nước Li chi Làng Dục, Làng Trinh, Tà Ma đặng man cảnh nhị nhật trình. (*lộ thậm hiểm*).

Nhất lộ tự y Kỳ Hưng Nhơn bảo, việt Lũy hướng tây hành, quá Lộ Chích [彘], cập Làng Chinh Hạ, Làng Chinh Trung nhị man, để Minh Long bảo, bán nhật trình (*lộ thậm hiểm*)

## Dịch

### ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ NHÌ

Một con đường từ bảo Nghiã Sơn thuộc cơ Nhì, vượt Lũy đi theo hướng tây, qua khỏi các địa điểm Gò Viên (*Trấn Quận công triều Lê xây đồn ở đó, di chi vẫn còn*), Điền lĩnh (*thường gọi là Dốc Đến*), núi Tiêm Thạch, Gò Ngải, Hạch Lôi, Đồng Đại, rồi chuyển đi theo hướng nam đến bảo Minh Long, nửa ngày đường.

Phía tây xứ này thuộc xứ Thượng Làng Nông ở cơ Tư (tháng 8, niên hiệu Tự Đức thứ 18 -1864, cho tu bổ báo ấy). Lại từ bảo Minh Long theo hướng nam đi qua khỏi sách Làng Mâu thì đến núi Ó hết nửa ngày đường (chân phía nam núi ấy thuộc cơ Nhứt).

Một con đường từ bảo Minh Long vượt suối Tía, đi qua hai sách người Thượng Làng Lằm, Làng Vong, đến núi Ông Hồ (thường gọi là đèo Gấp) thuộc Nước Nhiêu, nửa ngày đường. Lại có một con đường từ núi ấy, băng qua núi theo con suối đi về hướng tây qua khỏi sách của Đinh Môn, Đinh Trê thì đến Nước Li, tới các xứ người Thượng Làng Dục, Làng Trinh, Tà Ma, hết hai ngày đi đường. (đường đi rất hiểm ác).

Một con đường từ bảo Hung Nhớn thuộc cơ này, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây, qua suối Chích, đến hai sách Thượng Làng Chinh Hạ, Làng Chinh Trung rồi đến bảo Minh Long, nửa ngày đường (đường đi rất hiểm ác).





四奇蠻程

一路自伊奇秀林堡

同德十七年新設二十二年改為第三大堡

越壘向西南

行過蛇盪廊綠味陵廊媒等蠻抵廊農蠻半日程這處夾

明隆堡屬三奇蠻境

一路自安馭蠻登馬鞭嶺向北行過廊鍊廊森廊誅青蜓

淵抵莽杵蠻屬六奇蠻境一日程

路甚險

六奇蠻程

一路自伊奇石峯堡越壘由岷江南岸向西行過方砂廊

泡歷大喚灘

俗號托响

曠由琪羅歷大險灘

俗號托奇

過堰屯爭靈

俗號廊琪廊損抵天嶺俗號岩天一名岩孽一日程

## TỨ KỲ MAN TRÌNH

Nhất lộ tự y Kỳ Tú Lâm bảo (*Tự Đức thập thất niên tân thiết, nhị thập nhất niên cải vi đệ tam đại bảo*), viết Lũy hướng tây nam hành, quá Xà Uân Làng Tỏi [糗:túi,trỏi], Cười Lãng, Làng Mồi [煤] đẳng man, đệ Làng Nông man bán nhật trình. Giá xứ giáp Minh Long bảo thuộc Nhị Kỳ man cảnh.

Nhất lộ tự An Ngự [馭: tiết chế] man đẳng Mã Tiên lĩnh hướng bắc hành, quá Làng Luyện, Làng Sâm, Làng Tru, Thanh Đình [蜻蜓: tinh -: chuồn chuồn] uyên đệ Tâm Chử [杵: cái chày] man thuộc Lục Kỳ man cảnh nhất nhật trình (*lộ thậm hiểm*).

## LỤC KỲ MAN TRÌNH

Nhất lộ tự y Kỳ Thạch Phong bảo, viết Lũy do Nham [岫] giang nam ngạn hướng tây hành, quá Phương Đá, Làng Bào [泡] lịch đại hoán than (*tục hào Thác Cáo*) Khoáng Cân, Cười La lịch đại hiểm than (*tục hào thác Kỳ*), quá Gò Đồn Tâm Linh (*tục hào Làng Kỳ*), Làng Rinh đệ Yêu lĩnh (*tục hào đèo Yêu, nhất danh đèo Nghiệt* [孽]), nhất nhật trình.

## Dịch

### ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ TU

Một con đường từ bảo Tú Lâm của cơ này, (*mới xây vào niên hiệu Tự Đức thứ 17 - 1863, đến niên hiệu Tự Đức thứ 21 - 1867 đổi thành Đại bảo thứ ba*), vượt Trường Lũy đi theo hướng tây nam, qua khỏi các sách Thượng Làng Tỏi, Cười Lãng, Làng Mồi thuộc xứ Xà Uân thì đến sách Làng Nông, hết nửa ngày. Xứ ấy giáp bảo Minh Long thuộc cơ Nhì.

Một con đường từ sách An Ngự, leo lên núi Mã Tiên, đi theo hướng bắc, qua các sách Làng Luyện, Làng Sâm, Làng Tru, vực Thanh Đình thì đến sách Tầm Chử thuộc cơ Sáu, một ngày đường (*đường đi rất hiểm ác*).

### **ĐƯỜNG SÁ TẠI XỨ THƯỢNG CƠ SÁU**

Một con đường từ bảo Thạch Phong thuộc cơ này, vượt Trường Lũy rồi theo bờ nam sông Nham đi về hướng tây, qua Phương Đá, Làng Bào, vượt thác Đại Hoán (*thường gọi là thác Cáo*), Khoáng Cân, Cười La, rồi vượt thác Đại Hiểm (*thường gọi là thác Kỳ*), qua Gò Đồn, Tầm Linh (*thường gọi là Làng Kỳ*), Làng Rinh đến núi Yêu (*thường gọi là đèo Yêu, còn gọi là đèo Nghiệt*), hết một ngày đường.



又一路自伊嶺由黎江東岸向南行過廊詐蛇衣廊悶廊

顯廊覆蒲嘲邪交邪貪廊曾廊亞慈悲邪麻廊育此處有廢堡俗

傳前朝官兵駐紮在此廊楨廊塢摸烏等蠻抵噶修柵一日程嗣德二十

年予駐兵在此相傳伊蠻原是漢人茲已成蠻俗

又一路自伊源南行過廊齋蠻抵三岐路半日程這三岐

路內一路向南行抵黎江上流屬平定蠻境一路向東行

抵諾蘇蠻屬三奇蠻境一路向西行登巴喃山抵巴喃蠻

均半日程

又一路自伊蠻向西行過混菜混潮蠻接夾上路半日程

這上路乃偽西少傳阮耀所築南自平定蠻北至哀牢

## Phiên âm trang 39

Hựu nhất lộ tự y lĩnh do Lê giang đông ngạn hướng nam hành quá Làng Trá [詐], Xà Y, Làng Mọn [門 chứa 小], Làng Ngung, Làng Phúc, Bò Trào [嘲], Tà Giao, Tà Tham, Làng Lỗ, Làng Á, Từ Bi, Tà Ma, Làng Dục (*thứ xứ hữu phé bảo, tục truyền tiền triều quan binh trú trát tại thứ*), Làng Rinh, Làng Tung [土嵩], Mô[摸] Ô đảng man, đê Cười Tu sách, nhất nhật trình. (*Tự Đức nhị thập niên, dư trú binh tại thứ, tương truyền y man nguyên thị Hán nhân tư dĩ thành man tục*).

Hựu nhất lộ tự y nguyên nam hành quá Làng Chay man, đê tam kỳ lộ bán nhật trình. Giá tam kỳ lộ nội, nhất lộ hướng nam hành đê Lê giang thượng lưu thuộc Bình Định man cảnh, nhất lộ hướng đông hành đê Nước Tô man thuộc Tam Kỳ man cảnh, nhất lộ hướng tây hành đảng Ba Nam sơn đê Ba Nam man chức bán nhật trình.

Hựu nhất lộ tự y man hướng tây hành quá Con Lai [萊], Con Láng man tiếp giáp thượng lộ bán nhật trình (*Giá thượng lộ nãi Ngụy Tây thiếu truyền Nguyễn Diệu [耀] sở trúc tự Bình Định man bắc chỉ Ai lao*).

### Dịch

Lại có một con đường từ núi Yêu, đi dọc bờ đông sông Lê theo hướng nam đi qua các sách Làng Trá, Xà Y, Làng Mọn, Làng Ngung, Làng Phúc, Bò Trào, Tà Giao, Tà Tham, Làng Lỗ, Làng Á, Từ Bi, Tà Ma, Làng Dục (*xứ này có một bảo bô phé, tục truyền vào triều Lê quan binh trú quân tại đó*), Làng Rinh, Làng Tung, Mô Ô, đến sách Cười Tu hết một ngày đường. (*Niên hiệu Tự Đức thứ 20-1866, ta trú binh tại đó, tương truyền người*

*Thượng ở đó vốn là người Kinh, sinh sống lâu đời thành người Thượng).*

Lại có một con đường từ nguồn đó đi về phía nam qua sách Thượng Làng Chay, đến Ngã Ba hết nửa ngày đường. Ngã Ba gồm một nhánh đường dẫn về hướng nam đến thượng lưu sông Lê thuộc xứ Thượng tỉnh Bình Định, một nhánh đường dẫn về hướng đông đến sách Thượng Nước Tô thuộc cơ Ba, một nhánh đường dẫn về hướng tây leo lên núi Ba Nam đến sách Ba Nam, ước chừng nửa ngày đi đường.

Lại có một con đường từ xứ Thượng ấy đi theo hướng tây qua các sách Con Lai, Con Láng tiếp giáp đường Thượng Lộ, nửa ngày đường. (*Đường Thượng Lộ này nghe nói do Nguyễn Diệu thời Tây Sơn mở ra từ phía bắc xứ Thượng Bình Định đến tận Ai Lao*).





一路自伊奇駿馬堡越壘向西行過曠欄旗尾園長社澤  
模懋廊各等蠻過邪芒嶺抵夷陵柵一日程嗣德十九年予駐

此兵在

又一路自伊蠻向西南行涉蒙江上流過廊幪半日程

又一路自伊蠻向西北行過廊買廊艾抵哄庸蠻二日程

接夾廣南蠻山

又一路自廊幪蠻向南行過廊綿廊那廊山卜滴等蠻過

桑洲這處俗傳古者漢民所居今桑樹尚存但不知是何朝代俗號罷機涉蛇路江過廊臻

抵廊昆半日程嗣德十九年予駐兵在此

又自伊蠻由黎江西岸向南行過廊榜廊甘節檉廊捷夷

Nhất lộ tự y Kỳ Tuấn Mã bảo, viết Lũy hướng tây hành quá Khoáng Khay [木關] Kỳ Vĩ, Viên Trường, Xã Trạch, Mạc Bôi [𠄎悲], Làng Lận đẳng man. Quá Tà Mang lĩnh đẽ Di Lăng sách, nhất nhật trình. (*Tự Đức thập cửu, nhị thập đẳng niên, dư trú binh tại thử*).

Hựu nhất lộ tự y man hướng tây nam hành thiệp Mông giang thượng lưu, quá Làng Mản [𠄎] bán nhật trình.

Hựu nhất lộ tự y man hướng tây bắc hành, quá Làng Mãi, Làng Thù [𠄎] đẽ Cười Dong man nhị nhật trình. Tiếp giáp Quảng Nam man sơn.

Hựu nhất lộ tự Làng Mông man hướng nam hành quá Làng Miên [綿], Làng Na, Làng Sơn Bốc Trích [滴] đẳng man, quá Tang Châu (*Giá xứ tục truyền cổ giả Hán dân sở cư, kim tang thụ thượng tồn, dẫn bất tri thị hà triều đại, tục hào Bã Dâu [攸]*), thiệp Xà Lộ giang quá Làng Trăn [至秦], Làng Con [昆] bán nhật trình. (*Tự Đức thập cửu nhị thập đẳng niên, dư trú binh tại thử*).

Hựu tự y man do Lê giang tây ngạn nam hành quá Làng Rào [撈], Làng Cam, Làng Lịch, Làng Lèn [撻], Di

### Dịch

Một con đường từ bảo Tuấn Mã ở cơ Sáu, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây qua các xứ Khoáng Khay, Kỳ Vĩ, Viên Trường, Xã Trạch, Mạc Bôi, Làng Lận, qua khỏi núi Tà Mang đến sách Di Lăng, một ngày đi đường. (*Vào 2 năm niên hiệu Tự Đức thứ 19-1965, 20-1866 ta trú binh tại đó*).

Lại có một con đường từ xứ Thượng ấy đi theo hướng tây nam, vượt sông Mông ở thượng lưu, qua khỏi Làng Mùng, hết nửa ngày đi đường.

Lại có một con đường từ xứ Thượng ấy đi theo hướng tây bắc, qua Làng Mãi, Làng Thù đến sách của người Cười Dong hết hai ngày đi đường. Chỗ này tiếp giáp núi rừng xứ Thượng tỉnh Quảng Nam.

Lại có một con đường từ sách Làng Mông đi theo hướng nam, qua các sách Làng Miên, Làng Na, Làng Sơn, Bốc Trích, qua khỏi Tang Châu (*xứ này nghe đồn là trước kia người Kinh ở, nay còn lại các cây dâu tằm, song không rõ là vào triều đại nào, thường gọi nơi này là Bãi Dâu*), vượt sông Xà Lộ qua khỏi Làng Trăn, Làng Con hết nửa ngày đường. (*Vào 2 năm niên hiệu Tự Đức thứ 19, 20 -1865, 1866, ta trú binh tại đó*).

Lại từ xứ Thượng ấy theo bờ tây sông Lê đi về hướng nam qua các sách Thượng Làng Rào, Làng Cam, Làng Lịch, Làng Lèn, Di



薨廊樓廊九蛇卒廊鍊蒲那廊補等蠻過巴滲芒瓢下蠻

一日程

又自芒瓢下過渚慢丁蟻丁懽柵及芒瓢上過巴喃山脚

抵黎江源頭夾平定蠻境一日程

一路自伊奇石盤堡越壘過堰旗湔求二蠻登大山向西

北行過晏山南脚俗號尚晏抵廊各三岐路一日程

又自伊蠻向西北行過翁山南脚俗號尚翁及唶遜牝唶遜畝

二蠻一日程在此見唶庸唶遜二蠻杠柵雜居之處接夾

青蓬茶軍山蠻境

一路自伊奇貢砭羅樹道越壘向西北行過湔潺及茶喧

Uông, Làng Sưởng, Làng Phàm, Xà Tốt, Làng Luyện, Bò Na, Làng Bỗ [補] đặng man, quá Ba Rướm [滲], Mang Biều Hạ man, nhất nhật trình.

Hựu tự Mang Biều Hạ, quá Nước Mản [漫], Đinh Bướm [泛bộ虫], Đinh Mừng [懣] sách, cập Mang Biều Thượng, quá Ba Nam sơn cước, đê Lê giang nguyên đầu giáp Bình Định man cảnh, nhất nhật trình.

Nhất lộ tự y Kỳ Thạch Bàn bảo, việt lữ quá Gò Kỳ, Lợi Cầu nhị man, đặng đại sơn hướng tây bắc hành quá Bà sơn nam cước (*tục hào Núi Bà*) đê Làng Lận tam kỳ lộ, nhất nhật trình.

Hựu tự y man hướng tây bắc hành quá Ông sơn nam cước (*tục hào Núi Ông*) cập Cười Gió Nhỏ, Cười Gió Lớn nhị man, nhất nhật trình. Tại thử kiến Cười Dong, Cười Gió nhị man dang sách tạp cư chi xứ, tiếp giáp Thanh Bồng Trà Quân sơn man cảnh.

Nhất lộ tự y Kỳ Công Cang La Thụ đạo, việt Lữ hướng tây bắc hành quá Lợi Trăm [百林], cập Trà Ngon [嗜]

### Dịch

Uông, Làng Sưởng, Làng Phàm, Xà Tốt, Làng Luyện, Bò Na, Làng Bỗ, qua khỏi sách Ba Sấm, Mang Biều Hạ, một ngày đi đường.

Lại từ Mang Biều Hạ, qua khỏi các sách Nước Mạn, Đinh Bướm, Đinh Mừng đến Mang Biều Thượng, qua khỏi chân núi Ba Nam, đến đầu nguồn sông Lê giáp xứ Thượng Bình Định, một ngày đường.

Một đường từ bảo Thạch Bàn của cơ này, vượt Trường Lũy, qua khỏi hai sách Gò Kỳ, Suối Cầu, leo lên núi Lớn đi theo hướng tây bắc qua khỏi chân phía nam núi Bà thì đến Ngã Ba Làng Lận, một ngày đường.

Lại từ xứ Thượng này đi theo hướng tây bắc qua khỏi chân phía nam núi Ông thì đến hai sách Cười Gió Nhỏ, Cười Gió Lớn, một ngày đi đường. Tại đây thấy là nơi tạp cư vì nhà ở của hai sách Thượng Cười Dong, Cười Gió lẫn lộn chen nhau, tiếp giáp núi non xứ Thượng Thanh Bồng, Trà Quân.

Một con đường từ đạo Công Cang La Thụ của cơ Sáu, vượt Trường Lũy đi theo hướng tây bắc qua khỏi suối Trăm thì đến các xứ Trà Ngon,





茶甸等蠻登星山抵唎再蠻一日程

一路自伊奇安圍堡青蓮源由江岸向西行過鋸齒山南

脚河囊茶軍二水合流之處行抵茶軍山一日程

嗣德二十三年三

月日子駐  
兵在此

一路自鋸齒山南脚由河囊江向西北行抵蒲奴蠻一日程

又自伊蠻向西北行抵廣南巴香源頭滓花山一日程

一路自春姜村太陽廟之南由難山路向西北行過唎再

參攏等蠻抵茶軍山一日程

又自唎再蠻山向南行過星山嶺抵茶哈蠻屬羅樹道一

## Phiên âm trang 42

Trà Cú đặng man, đặng Tinh sơn đê Cười Giác man, nhất nhật trình.

Nhất lộ tự y Kỳ An Viên bảo, Thanh Bồng nguyên do giang ngạn hướng tây hành quá Cú Xi sơn nhất nhật trình (*Tự Đức nhị thập niên tam nguyện nhật, dư trú binh tại thử*).

Nhất lộ tự Cú Xi sơn nam cước do Hà Nang [曩: túi đựng] giang hướng tây bắc hành đê Bồ Nô man nhất nhật trình.

Hựu tự y man hướng tây bắc hành đê Quảng Nam Ba Hương nguyên đầu Tể Hoa sơn nhất nhật trình.

Nhất lộ tự Xuân Mỹ thôn Thái Dương miếu chi nam, do Nan sơn lộ hướng tây bắc hành, quá Cười Giác, Tham Lung đặng man đê Trà Quân sơn, nhất nhật trình.

Hựu tự Cười Giác man sơn hướng nam hành quá Tinh Sơn lĩnh đê Trà Ngon man thuộc La Thụ đạo, nhất nhật trình.

Nhất lộ tự Cú Xi sơn nam cước do Hà Nang giang hướng tây bắc hành đê Bồ Nô man, nhất

### Dịch

Trà Cú, leo. lên núi Tinh đến sách Cười Giác, hết một ngày đi đường.

Một con đường từ bảo An Viên, nguồn Thanh Bồng thuộc cơ này, theo bờ sông đi theo hướng tây qua khỏi núi Cú Xi thì hết một ngày đường (*Tháng 3, niên hiệu Tự Đức thứ 20-1866, ta trú binh tại nơi đó*).

Một con đường từ chân phía nam núi Cú Xi đi từ sông Hà Nang theo hướng tây bắc đến sách Thượng Bồ Nô, một ngày đường.

Lại từ sách Thượng ấy đi theo hướng tây bắc đến đầu nguồn Ba Hương núi Tê Hoa tỉnh Quảng Nam hết một ngày đường.

Một đường từ phía nam miếu Thái Dương thôn Xuân Mỹ, theo đường núi Nan đi theo hướng tây bắc qua khỏi các sách Thượng Cười Giác, Tham Lung thì đến núi Trà Quân, một ngày đường.

Lại từ núi của người Thượng Cười Giác đi theo hướng nam qua khỏi núi Tinh Sơn thì đến sách Thượng Trà Ngon thuộc đạo La Thụ, một ngày đường.

Một đường từ chân phía nam núi Cú Xi theo sông Hà Nang đi về hướng tây bắc thì đến sách Thượng Bồ Nô, hết một



日程

一路自茶軍山西脚過琪庸蠻由山路南行抵琪邊蠻一

日程

又自伊蠻由山路向南行抵夷陵蠻屬青衢源一日程

險

甚路

nhật trình.

Nhất lộ tự Trà Quân sơn tây cước quá Cười Dong man, do sơn lộ nam hành để Cười Gió man, nhất nhật trình.

Hựu tự y man do sơn lộ hướng nam hành để Di Lăng man thuộc Thanh Cù nguyên, nhất nhật trình. (*lộ thậm hiểm*)

### Dịch

ngày đi đường.

Một đường từ chân phía tây núi Trà Quân qua khỏi sách của người Thượng Cười Dong, theo đường núi đi về hướng nam thì đến sách của người Thượng Cười Gió, một ngày đi đường.

Lại từ con đường núi xứ Thượng ấy, theo con đường núi đi về hướng nam đến xứ Thượng Di Lăng thuộc nguồn Thanh Cù, hết một ngày đi đường (*Đường đi rất hiểm trở*).

風俗異同

五方皆有性千里不同風古有是言也我轄山蠻相隔不  
只千里俗之不同槩可見矣但舉大畧言之青衢源以南  
至五奇蠻一俗也羅樹道以北至青蓬源蠻又別一俗也  
然亦有大同而小異者大抵皆以言語爲約束結繩爲文  
字穴處啻居習於攻戰困則卑順強則驕逆難化以善易  
肆以惡以天性也出杜氏通撫蠻者當審詳之因其俗以  
化之則易於指使也典楊雄言

其俗男女初生只以乳養而不知吮抱長而能食則食之  
婦人有幼子如往何事則襁子于背後以從或下稼或割



## PHONG TỤC DỊ ĐỒNG

Ngũ phương giai hữu tính, thiên lý bất đồng phong, cổ hữu thị ngôn dã. Ngã hệ t sơn man tương cách bất chi thiên lý, tục chi bất đồng khái [概: b 10 quát] khả kiến hỹ. Dẫn cử đại lược ngôn chi Thanh Cù nguyên dĩ nam chí Ngũ Kỳ man nhất tục dã. La Thụ đạo dĩ bắc chí Thanh Bồng nguyên man hựu biệt nhất tục dã.

Nhiên diệc hữu đại đồng nhi tiểu dị giả, đại đề giai dĩ ngôn ngữ vi ước thúc kết thặng vi văn tự. Huyệt xứ nham cư, tập u công chiến, khốn tắc ti thuận, cường tắc kiêu nghịch, nan hóa dĩ thiện, dị dị [肆: thừa] dĩ ác, dĩ thiên tính dã (*xuất Đổ thị thông điển Dương Hùng ngôn*). Phù man gia đương thăm tường chi nhân kỳ tục dĩ hóa chi, tắc dị ư chi sử dã.

Kỳ tục nam nữ sơ sinh chi dĩ nữ dưỡng nhi bất tri hú [句 bộ khâu: móm] bảo [抱: ôm, bế,], trường nhi năng thực tắc thực chi. Phụ nhân hữu ấu tử như vãng hà sự tắc cưỡng [強] tử vu bồi hậu, dĩ tòng hoặc hạ giá [家 bộ hòa: cây lúa, lúa má] hoặc cát [割 cắt đứt]

### Dịch

## PHONG TỤC CỦA NGƯỜI THƯỢNG QUẢNG NGHĨA

Con người ta dù ở bất kỳ phương nào cũng đều có tính người, nhưng phong tục mỗi nơi mỗi khác, người xưa đã từng nói thế. Người Thượng ở nơi miền núi hạt ta, sinh sống xa cách nhau

đâu chỉ trong vòng ngàn dặm, nên nhìn chung có thể nhận ra phong tục của họ có những điểm bất đồng.

Nhìn chung, các nhóm người Thượng từ nguồn Thanh Cù trở về nam đến cơ Năm thì cơ bản cùng một phong tục. Còn phong tục của các nhóm người Thượng từ đạo La Thụ trở ra bắc đến nguồn Thanh Bồng thì khác.

Tuy nhiên, cũng có tiêu dị trong đại đồng, đại để các nhóm người Thượng ở hạt ta đều lấy việc thắt dây (*kết thừng*) làm ước thúc nhau, như thể là một loại văn tự. Họ đều ở nơi hang gò, quen gây gổ đánh nhau, khi thua thì chịu ở nhỏ, khi mạnh thì sinh kiêu nghịch, khó nghe khuyên làm điều tốt, dễ bị xúi làm chuyện bậy, vì thiên tính như vậy. (*Lời của Dương Hùng trong sách “Đồ thị thông điển”*). Quan chức phụ trách việc người Thượng cần thiết phải tìm hiểu nắm cho kỹ phong tục của họ thì mới có thể giáo hóa họ được.

Theo tục lệ của họ thì họ chỉ biết cho con sơ sinh bú sữa mẹ mà không biết mớm thức ăn lỏng, khi lớn biết ăn thì cho ăn cơm. Phụ nữ có con nhỏ đi đâu thì địu con sau lưng, còn khi làm việc cấy gặt nặng nhọc



系則懸其襪于枝上及其孩提又以小繩繫背臍下以習袴裙之服其髮自幼至長聽其自然而不知剪剃其鬚則年至老亦剪其齒男女年長齒足以石磨之俾皆一律齊正是巧裝也其性最喜食芙蓉過於漢民故其齒雖不染而亦黑其父母年高分產許眾子者不論男女人各一分父母亦各一分惟長子與季子其分稍厚分產之後父母與子各私其食而不相扶助男子太率以兇悍爲尚一鄉或一處之中何人物力而有肝膽者眾皆憚之皆爲彼之所役使或與人相爭何事即以所佩刀刺股出血示肝其人能如此者則和好若不能則爲負又或以火炭置於股

hòa tắc huyền kỳ cương vu chi (*cành cây*) thượng. Cập kỳ hài đề  
hựu dĩ tiểu thăng hệ [繫:trói buộc] bồi tề[駢:ron] hạ dĩ tập khổ quân chi  
phục. Kỳ phát tự ấu chí trưởng thính kỳ tự nhiên nhi bất tri tiền  
thế. Kỳ tu tắc niên chí lão, diệc tiền kỳ xi, nam nữ niên trưởng xi  
túc dĩ thạch ma chi ti [俾:khiến, theo] giai nhất luật tề chinh thị xảo  
trang dã. Kỳ tính tối hi thực phù lang quá ư Hán dân. Cố kỳ xi  
tuy bất nhiệm nhi diệc hắc. Kỳ phụ mẫu niên cao, phân hứa  
chúng tử giả bất luận nam nữ nhân, các nhất phần, phụ mẫu diệc  
các nhất phần, duy trưởng tử dĩ quý tử kỳ phần sảo hậu. Phân  
sản chi hậu, phụ mẫu dĩ tử các tư kỳ thực nhi bất thương phù trợ.  
Nam tử đại suất dĩ hung hãn vi thượng [尚: mén mộ]. Nhất hương  
hoặc nhất xứ chi trung hà nhân vật lực nhi hữu can phá giả,  
chúng giai vi bị chi sở dịch sử. Hoặc dĩ nhân tương tranh hà sự,  
túc dĩ sở bội đao thích cô [股:đùi,vé] xuất huyết thị can. Kỳ nhân  
năng như thử giả tắc hòa hảo, nhược bất năng tắc vi phụ [cây]  
hựu, hoặc dĩ hỏa than trí ư cổ[股:đùi,vé]

### Dịch

thì treo con trên cành cây. Khi con biết đi thì lấy vải quấn từ lỗ  
rốn trở xuống làm khó cho con, tức như là quần vậy. Tóc thì từ  
nhỏ đến lớn cứ để tự nhiên chứ chẳng biết cắt cạo gì. Râu cũng  
thế cứ để tự nhiên cho đến già. Nhưng răng thì mài cho mòn, cả  
nam lẫn nữ khi lớn lên đều dùng đá để mài răng cho thật đều mới  
cho là đẹp.

Người Thượng hạt ta có tục rất thích ăn trâu còn hơn cả  
người Kinh, nên hàm răng của họ đều thâm đen nhưng cứng cáp.  
Cha mẹ già thì chia tài sản cho các con, không phân biệt nam nữ,

tất cả đều có phần bằng nhau, kể cả phần của cha mẹ, chỉ con trưởng và con út thì phần chia có trội hơn chút đỉnh. Sau khi chia gia tài rồi thì phần ai bấp nấy, không phụ trợ gì nữa cho những người kia, dù là cha mẹ anh chị em với nhau cả. Người nam nào dữ dằn hung hãn thì được mền mợ. Trong một làng hoặc một xứ, nhân vật nào có sức mạnh và can đảm thì được mọi người kiêng sợ và được mọi người tôn làm chỉ huy.

Khi có việc tranh chấp với ai, tức thì họ lấy dao đâm vào đùi cho ra máu để tỏ là mình gan dạ. Họ làm như thế thì giải quyết vụ việc, tạo sự hòa hảo, còn nếu chưa xong thì họ cậy đến cách khác, như cách lấy than đỏ lửa đặt lên vế



上或掌上而不難色謂肝腑有女擇壻者亦擇其有肝腑者爲優或有相聚而劫掠則有肝腑而物力者卜鷄足卦得吉卽擇空曠之地樹青芽一株縛牛一隻于其根會諸蠻柵羣來刺牛相與誓食至行日主謀者先投一石塊于青芽樹下然後諸蠻取次投石以知其數之多少至歸日再點這石以知存亡與古歃血而誓者同意或至禾穀黃熟之期占鷄足卦得吉則刈穫之而擇何穀可爲器粟者以手埒之而不踐以牛恐其粟之失魂而不復萌也餘則牛皆踐踏或于山中或于田上別作一屋登貯這粟雖有他蠻奸惡不敢盜取爲其罰之嚴也倘有食者卜鷄開屋



thượng hoặc chưởng [lòng bàn tay] thượng nhi bất nan sắc, vị can phủ. Hữu nữ trạch tề giả diệc trạch [chọn] kỳ hữu can phủ giả vi ưu [優: nhiều]. Hoặc hữu trưng tự nhi kiếp [劫=bộ đao: cướp lấy, ép] lược [掠: cướp lấy] tắc hữu can phủ nhi vật lực giả bốc kê túc quái đắc cát, túc trạch không khoáng chi địa, thụ thanh nha [mâm] nhất chu, phước ngư nhất chích vu kỳ căn, hội chư man sách quần lai thích ngư tương dữ thệ thực. Chí hành nhật, chủ mưu giả tiên đầu nhất thạch khối vu thanh nha thụ hạ, nhiên hậu chư man thủ thứ đầu thạch dĩ tri kỳ số chi đa thiểu. Chí quy nhật tái điềm giá thạch dĩ tri tồn vong, dữ cổ sáp huyết nhi thệ giả đồng ý. Hoặc chí hòa cốc hoàng thực chi kỳ, chiêm kê túc bốc đắc cát, tắc ngải [刈:cát cỏ] hoạch chi, nhi trạch hà cốc khả vi khí túc giả, dĩ thủ liệt [埽: cái vách quanh kho] chi, nhi bất tiền [錢:giảm,xéo] dĩ ngư, khùng kỳ túc chi thất vong nhi bất phục mạnh [萌] dã. Dư tắc ngư giai tiền đập hoặc vu sơn trung hoặc vu điền thượng, biệt tác nhất ốc đăng trư giá túc. Tuy hữu tha man gian ác bất cảm đạo thủ vi kỳ phạt [罰] chi nghiêm dã. Thàng hữu thực giả bốc kê khai ốc

### Dịch

hoặc để trên lòng bàn tay, người nào mặt không đổi sắc thì được cho là người gan dạ. Con gái tuyển chồng phần lớn họ cũng chọn những chàng trai gan dạ.

Khi họ tính kéo nhau đi đánh cướp ở nơi nào thì người gan dạ và có vật lực giết gà lấy chân xem bói thấy là tốt (cát) thì chọn một khoảnh đất trống nào đó, dựng một cây cột bằng cây gỗ tươi, trói một con trâu vào cột rồi hô gọi người cả sách lại làm lễ đâm trâu ăn thề. -

Đến ngày khởi sự, người chủ mưu là người ném một viên đá đầu tiên vào chân cây cột trâu, rồi lần lượt những người khác ném mỗi người một hòn đá. Đến khi đi cướp xong trở về, họ đếm lại để biết số người còn mất so với số người đã uống máu ăn thề đồng ý đi cướp vụ đó.

Hoặc đến mùa lúa chín vàng, họ bói chân gà xem thấy tốt thì mới đi gặt lúa. Họ lại bói chân gà để chọn lúa giống rồi lấy riêng ra cất vào kho, không để trâu bò giẫm phải, vì họ tin rằng trâu bò giẫm lên thì mầm lúa không chịu mọc. Số lúa còn lại cho trâu bò đạp rồi hột ra rồi chắt vào chòi lúa đã được dựng sẵn tại ruộng hoặc trong núi. Tuy là bọn gian ác đi nữa cũng không bao giờ dám trộm lúa cất nơi các cái chòi lúa không người trông ấy, vì tục người Thượng phạt rất nghiêm. Khi họ cần gạo ăn, thì họ lại bói chân gà mở kho rồi mới mở



婦女親就屋筐負以歸只足一二日而已食盡更來親負其所食之粟只用杵樁而不知磨碾要之該之本性大率饑則求食不暇飽則聚眾爲非就中一奇蠻爲最桀黠而一奇之中廊衣諾素諾誅諾家又爲最年前屢掠邊氓皆是蠻也二三兩奇蠻火之四五兩奇蠻及六奇之青衢源蠻又火之惟六奇之羅樹青蓬二蠻則易使耳該二蠻只知安分生理男女皆有穿耳女則穿耳大孔兩足繫之以布是巧裝也該蠻上畏哄庸蠻下畏官兵每遇則稱我爲父以尊之甚可憐也哄喃以西諸高蠻則不食芙蓉齒徒留白又折其前齒二件頭髮垂下而不知束結額前之髮

phụ nữ thân tự ốc khuông? [匡bộ竹] phụ dĩ quy chi túc nhất nhị nhật nhị dĩ. Thực tận canh lai thân phụ kỳ sở thực chi túc, chi dụng chữ xuân[椿còn đọc thung] nhị bất tri ma niên [孳con lăn] yếu chi cai chi. Bản tính đại suất, cơ tắc cầu thực bất hạ [暇: nhàn rỗi] bảo [勉: no, thỏa] tắc tự chúng vi phi. Tự trung Nhất Kỳ man vi tối kiệt hiệt, nhị Nhất Kỳ chi trung Làng Y, Nước Tố, Nước Tru, Nước Gia hựu vi tối, niên tiền lữ lược [掠: cướp:xâm-] biên dân giai thị man dã. Nhị Tam lưỡng kỳ man thứ chi, Tứ Ngũ lưỡng kỳ man cập Lục kỳ chi Thanh Cù nguyên man hựu thứ chi, duy Lục kỳ chi La Thụ Thanh Bồng nhị man tắc dị sử nhĩ. Cai nhị man chi tri an phận, sinh lý nam nữ giai hữu xuyên nhĩ, nữ tắc xuyên nhĩ đại không, lưỡng túc hệ chi dĩ bố thị xảo trang dã. Cai man thượng úy Cười Dong man, hạ úy quan binh. Mỗi ngẫu tắc xung ngã vi phụ dĩ tôn chi thậm khả lân dã. Cười Nam dĩ tây chư cao man tắc bất thực phù lang, xi đồ lưu [giữ] bạch, hựu chiết kỳ tiền xi nhị kiện, đầu phát thùỳ hạ nhị bất tri thúc kết ngạch [額trán] tiền chi phát

### Dịch

để phụ nữ vào kho lấy lúa đem về giã làm gạo nấu cơm. Thường họ chỉ lấy lúa về đủ dùng trong vài ba ngày mà thôi, ăn hết thì phụ nữ đến lấy tiếp, họ chỉ biết giã lúa rồi sảy lấy gạo chứ họ không biết xay lúa thành gạo rồi mới giã gạo cho trắng như người Kinh làm.

Bản tính của người Thượng rất mạnh động, đói thì muốn có cái ăn, nếu không được thỏa thì rú nhau đi làm bậy.

Nói chung, người Thượng kiệt hiệt nhất là người ở cơ Nhứt. Trong số người Thượng cơ Nhứt thì đứng đầu là người Làng Y, Nước Tố, Nước Tru, Nước Gia. Thứ đến là người Thượng ở cơ

Nhì, cơ Ba, rồi tới người Thượng ở cơ Tư và cơ Năm, sau cùng là người Thượng nguồn Thanh Cù ở cơ Sáu. Rốt lại, chỉ có hai xứ người Thượng La Thụ Thanh Bồng ở cơ Sáu là biết nghe lời hơn hết. Trong số các sách Thượng cơ Nhứt thì Làng Y, Nước Tố, Nước Tru, Nước Gia cứ đến cuối năm thì kéo nhau đi cướp phá làng xóm người Kinh vùng ven núi.

Người Thượng hai xứ La Thụ Thanh Bồng chỉ biết an phận, cả nam lẫn nữ đều xỏ lỗ tai, nhưng nữ thì xỏ lỗ tai thật to, bó chân bằng thỏ cảm rất đẹp. Họ sợ nhất là người Thượng Cười Dong, họ cũng sợ quan binh của ta. Mỗi khi gặp, họ đều xưng hô khiêm tốn rất dễ thương. Người Thượng Cười Nam ở trên vùng cao phía tây thì không ăn trầu nên răng họ màu còn trắng, nhưng họ lại bẻ đi hai cái răng cửa phía trước, họ để tóc thả dài trước trán không biết vấn lại hoặc



剪之男女亦然飲食甚是腥穢誠不可近與諸降蠻大別  
向上等蠻雖有良莠不齊而本性亦皆樸寔觀其彼與漢  
交易物項辰有騰湧不常而彼則不肯二價聖人云忠信  
可行於蠻貊詎不信然

言語青蠻語源以南

濁天

糶地

濁天

糶日

糶溪月

蛇郎星

遙風

蘇雷

節霆

扒電

欲雲

迷雨

素暑熱

糶日

糶溪月

糶溪簪明

迷根雨

迷驟

迷飛

迷細

迷侵禮侵芒雨盡日

毓蛇年一

毓溪月一

毓禮日一



tiển chi. Nam nữ diệc nhiên. Âm thực thậm thị tinh [腥:thịt sống] uế [穢:bẩn]. Thành bất khả cận dữ chư hàng man. Đại biệt hương thượng đẳng man, tuy hữu lương dừ [莠:cỏ, xấu khác lương:tốt] bất tề, nhi bản tính diệc giai phác thực. Quan kỳ bi dữ.Hán giao dịch vật hạng thời, hữu đẳng [騰: bóc lên] dũng bất thường nhi bi tắc khúng nhị giá. Thánh nhân vân trung tín khả hành u man, mạch [縞: người dân tộc] cự [詎: há] bất tín nhiên.

## NGÔN NGỮ

*Thanh cù nguyên dĩ nam man ngữ dĩ hạ*

Trọc: trời. Nhĩ [禰]: đất. Trọc ngã: trời sáng.

Mặt [未面] Hi [禰]: mặt trời. Mặt [未面] khê: mặt trăng.

Xà lang: sao. Diêu: gió. Tô: sấm. Tiết: tiếng sét to.

Bái: điện.

## Dịch

cất cho gọn. Cả nam nữ đều như thế cả, họ rất thích ăn thịt sống. Thật khó gần được họ kể cả những người đã quy hàng ta. Đặc biệt tầng lớp bên trên trong xã hội người Thượng, tuy người tốt người xấu không như nhau, nhưng thầy đều phác thực. Khi quan sát họ trao đổi đồ vật với người Kinh, có khi họ cũng hét giá trên trời nhưng nhất định họ không bao giờ chịu 2 giá. Thánh nhân từng dạy ta rằng không nên tin người Thượng, chẳng là sai lắm sao!

## NGÔN NGỮ

*(Tiếng Thượng từ nguồn Thanh Cù trở về nam) như sau:*

Trọc: *trời*. Nhĩ: *đất*. Trọc ngã: *trời sáng*.

Mặt Hi: *mặt trời*. Mặt khô: *mặt trăng*.

Xà lang: *sao*. Diêu: *gió*. Tô: *sấm*. Tiết: *tiếng sét to*.

Bái: *điện*.

Dục: *mây*. Mê: *mưa*. Tô: *nắng nóng*. Mặt hi tô: *trời nóng*.

Mặt khô ngã: *sáng trăng*. Mặt khô trâm: *không trăng*.

Mê căn: *mưa*. Mê dĩ: *mưa rào*. Mê lý: *mưa bay*.

Mê tổ: *mưa phùn*. Mê xâm hi xâm mang: *mưa suốt ngày*.

Mọi xà năm: *một năm*. Mọi khô: *một tháng*.

Mọi [每夷] hi: *một ngày*.



裕都男	美姑	把父	蓋蛇昆 花	夏巾 潦水	舍暮 晚暮	彼芒 夜七	拜芒 夜二	彼禧 日七	拜禧 日二
裕夷女	覓舅	媚母	夷山 藤	再結 冷	曉山	添芒 夜八	啻芒 夜三	添禧 日八	啻禧 日三
夷杠妾	這兄	棍子	蘿加 草茅	蒲否 熟	嵩越 江	蒸芒 夜九	噴芒 夜四	蒸禧 日九	噴禧 日四
甲枚娶妻	兒弟	狃孫	紉俄 父祖	核崑 木	遷連 水江	逸芒 夜十	舫芒 夜五	逸禧 日十	舫禧 日五
甲踰夫嫁	蜂枚婦夫	惡這黨族	這俄 母祖	日草	過夏 江過	汰數 辰早	鬚芒 夜六	毓芒 夜一	鬚禧 日六

## Phiên âm trang 50

Bái hi [禱:phúc tốt]: *hai ngày*. Đề hi: *ba ngày*.

Phún hi: *bốn ngày*, Răm hi: *năm ngày*. Tu hi: *sáu ngày*.

Bỉ hi: *bảy ngày*. Thiêm hi: *tám ngày*. Chung hi: *chín ngày*.

Dật hi: *mười ngày*. Mọi mang: *một đêm*. Bái mang [禱:phúc tốt]: *hai đêm*. Đề mang: *ba đêm*. Phún mang: *bốn đêm*.

Răm mang: *năm đêm*. Tu mang: *sáu đêm*. Bỉ mang: *bảy đêm*.

Thiêm mang: *tám đêm*. Chung mang: *chín đêm*.

Dật mang: *mười đêm*. Thái sô: *sáng sớm*. Xá trâm: *hoàng hôn*.

Hoǎng [薨: vua chúa chết]: *núi*.

Son việt: *sông*. Quác liên: *nước sông*. Quác kiết [戩]: *qua sông*.

Kiết cân: *mưa lụt* [潦]. Tái kiết: *lạnh*. Bô phù: *nóng*.

Hạch côn: *cây cối*. Nhật: *cỏ*. Cái xà côn: *bông hoa*.

Di qua: *dây mây*. La gia: *cò tranh*.

Buộc [糸卜] nga: *ông tổ*. Giá nga: *Bà tổ*. Bà: *cha*. My [孀]: *mẹ*.

Con: *con*. Trẻ [子幼]: *cháu*. Ó giá: *họ tộc*. Mỹ: *cô*.

Mét [不 trên 見]: *cậu*. Giá: *anh*. Nhi: *em*. Giáp mai [枚]: *vợ chồng*.

Gốc [谷 bộ 木] đô: *trai*. Gốc di: *gái*.

Di dang: *thiếp*. Giáp mai: *cưới vợ*. Giáp ông: *lấy chồng*.

蛇溫子生

壳髮

壳堅鬚

蛇獐齒

古蛇獐齒折

蓋邊袴

蓋腰衣

黼布

蓋教梨與漢同

蒲獐弩

蓋崑笈

蓋讀牢槍

蓋鑿箭

蛇域鐵勾

銅漢與

補斧與漢同

眞戕

蓋号塢

号瓢塢主

号銅塢銅

号瓢巾大土塢

号瓢箭小土塢

蒲夷清土塢

看壘土

蓋脯家屋

蓋蚤樓望

蓋蚤毛貯粟樓

蓋蛇能墓

蛇能無此墓何人

蔡象

漚亦象

舍馬

吉虎

彼蛇

固火

猫猫與漢同

鳩鳥與漢同

無牛

朱豬

爲羊

依鷄

个魚與漢同

毛禾

呼粟

非米

武鹽

蛇黹灰

蒲噉鹹

籠蒲年柳株

蒲年柳寔

## Phiên âm trang 51

Xà ôn: *sinh con trai*. Xác [殼]: *tóc*. Xác kiên: *râu*.

Xà nanh [獠]: *răng*. Cổ xà nanh: *răng rụng*. Cái biên: *cái khó*. Cái yêu: *cái áo*. Vải [罷布]: *vải*. Cái giáo: *cái giáo như ta gọi*. Bò nanh: *cái ná, nỏ*. Cái ngôi [桅]: *cái rương*.

Cái độc [蠱]: *cây thương*. Cái răng [齒麥]: *mũi tên*.

Xà vực: *đao thiết câu*. Cuốc [金國]: *cái cuốc như người Kinh*. Búa [補]: *cái búa như người Kinh*. Chân: *cáo mốc*.

Cái ngọc [琴]: *cái nôi*. Ngọc biều: *nôi đất*. Ngọc đồng: *nôi đồng*.

Ngọc biều cân: *nôi đất to*. Ngọc biều tổ: *nôi đất nhỏ*.

Bồ di: *cái chinh đất Tàu*. Khán: *cái chinh đất người Thượng*. Cái nem [南 bộ 月]: *nhà ở*. Cái tầm [天 trên 虫 虫]: *cái chòi canh*.

Cái tầm mao: *cái chòi lúa*. Cái xà năng: *mộ*.

Xà năng cười vô?: *mộ này của ai?* Thái [祭 bộ 犮]: *voi*.

Dầm: *cũng là voi*. Xá: *ngựa*. Cát: *cọp*. Bi: *rắn*. Cồ: *chó*.

Miêu: *mèo như người Kinh*. Chim: *chim như người Kinh*. Vô: *bò*.

Chu: *heo*. Vi: *dê*. Y: *gà*. Cá [个]: *cá*. Mao: *lúa*. Hô: *hạt lúa*.

Phi: *gạo*. Vồ: *muối*. Xà ra: *than*. Bò chan: *mặn*.

Lung bồ niên: *cây cau*. Bồ niên: *trái cau*.

蛇越藤芙

越葉芙

籠蛇燎烟藥

蛇燎烟藥

啐蜂

蛇營蜂蠟

戛啐蜂窠

岑無牛肉

岑朱猪肉

岑為羊肉

岑依肉鷄

个岑無食牛肉豬

壁無刺牛豬

于餐

寧越水擡

烝于餐羹

惡戛水飲

惡慝酒飲

蒲膏饑

蒲匿飽

麻延个言

蛇鴈胞

藍磋个魚釣

增臨打網

白耕耕

割獲

个名安節

泐我

奴汝

奴藍理汝何

伊紉否有翁

午諾

斲工一

斲營一

斲營人一百

毛奴藍否汝禾

斲滲一

拜素二

級啻拜之

級者噴揚

四拜下

足裕切

否足不拿

足混潘民拿漢

壁潘刺漢

壁嵩刺蠻

潘壁嵩民刺

嵩壁潘蠻刺



## Phiên âm trang 52

Xà việ̄t: *dây trâu*. Việ̄t: *lá trâu*. Lung xà reo: *cây thuốc lá*.

Xà reo: *lá cây thuốc lá*. Tỏi: *ong*. Xà doanh: *sáp ong*.

Kiết [𦉰] tỏi: *mật ong*. Sầm vô: *thịt trâu bò*. Sầm chu: *thịt heo*.

Sầm vi: *thịt dê*. Sầm y: *thịt gà*.

Cá sầm vô: *ăn thịt gia súc gia cầm*. Bích vô: *giết gia súc*.

Vu: *ăn (com)*. Ninh việ̄t: *gánh nước*. Chung vu: *nấu com*.

Ồ kiết: *uống nước*. Ổ thắ̄c [𦉰]: *uống rượu*. Bò cớ̄t [𦉰]: *đói*. Bò

nặ̄c: *no*. Ma diên cá: *ngon [𦉰]*. Xà mớ̄ [月馬]: *Bào thai*.

Lam tha [𦉰] cá: *câu cá*. Tăng lâm: *đánh lưới*.

Trảo [𦉰] cầ̄y [其bộlỗ耒]: *cày*. Trảo cá̄t [割cát đứ̄t]: *gặt lúa [hoạch 穫]*.

Cá danh: *ăn [𦉰] Tết [節]*. Ưu: *tôi, ta*. Nô: *mày*.

Nô lam lý?: *mày đi đâu?* Y buộ̄c phù?: *Có ông ta không?*

Ngọ: *dạ, vâng*. Một công: *một chục?* Mọi doanh: *một trăm*.

Mọi doanh người [𦉰𠄎得人]: *một trăm người*.

Mao nô lam phù: *Lúa này tốt không?*

Mọi sắ̄m [𦉰]: *một đĩnh (thanh niên)*. Bái tổ: *hai đĩnh*.

Cấp đề̄ [𦉰口dưới]: *lạy*. Cấp giả̄ phún dương: *lạy 4 lạy*.

Túc: *phải bắt*. Phù túc: *không bắt*.

Túc con trôi: *bắt người Kinh*. Bích trôi: *giết người Kinh*.

Bích tung [𦉰]: *giết Thượng*. Trôi bích tung: *Kinh giết Thượng*.

Tung bích trôi: *Thượng giết Kinh*.

蕤素哩素幾死丁人

翼卑而上下輸針而自上个宜請

蛇岑遇相不旱姑此來

洶固沼語與魯潘就魯蛇易就灑場交

萊蕘濡自藍呵噴從

藍吹萊歸去久藍麻徃速行

言語羅樹青蓮二

連天 皮夷地 蓮禧打天 密貌日 密綽月

蛇郎星同上 牽風 增吹雷 濼雲 職雨

酷暑 奏熱 貌打明 綽打明 綽蛇眈晦月

職割雨驟 職吧飛雨 職最貌雨盡日 綽蛇辭年一

綽綽月一 綽貌日一 扒貌日二 把貌日三 濟貌日四

齷貌日五 鬚貌日六 碓貌日七 蒼貌日八 嗔貌日九

## Phiên âm trang 53

Chết [折死 dưới] tổ ré tổ: *chết vài người*. Dực ti: *từ dưới lên*.

Thâu bộc [金卜]: *từ trên xuống*. cá đề: *gọi đến*.

Xà sầm: *gặp nhau*. Bất ti cô: *đến đó*. Ao cô chiếu: *nói chuyện*.

Lỗ trôi: *về quê*. Lỗ xà nhảy [瀾]: *đi chợ*.

Lai ri [夷 bộ 卅] trôi: *từ quê quay về*. Lam kha gì [夷 bộ 口]: *dễ thôi*.

Lam xuy lai: *đi lâu về*. Lam ma tinh: *đi gấp*.

## NGÔN NGỮ

(Tiếng người Thượng La Thụ, Thanh Bông) như sau:

Trên [連 them 上 đầu]: *trời*. Bì di: *đất*. Trên hi đả: *trời sáng*.

Mật nghê [猓]: *mặt trời*. Mật xước [緋]: *mặt trăng*.

Xà lang: *sao cùng mọc*. Khiên: *gió*. Tằng xuy: *sấm sét*.

Li [離 bộ thủy]: *mây*. Chức: *mưa*. Khốc [酷: tàn -]: *nắng nóng*.

Tấu: *nóng*. Nghê đả: *ngày sáng*. Xước đả: *trăng sáng*.

Xước xà lúc: *không trăng* Chức cát: *mưa lụt*. Chức ri: *mưa bay*.

Chức tôi nghê: *mưa suốt ngày*. Một xà năm: *một năm*.

Một xước: *một tháng*. Một nghê: *một ngày*.

Bót [扒] nghê: 2 ngày. Bả nghê: 3 ngày. Vun nghê: 4 ngày. Răm  
nghê: 5 ngày. Tu nghê: 6 ngày. Ve [石尾] nghê: 7 ngày.

Thom nghê: 8 ngày. Xin [口真] nghê: 9 ngày.

扞貌 日十  
斂芒 夜一  
扞芒 夜二  
把芒 夜三  
湊芒 夜四

舛芒 夜五  
鬚芒 夜六  
碓芒 夜七  
蒼芒 夜八  
噴芒 夜九

扞芒 夜十  
噤數 辰早  
噴晚  
蛇吐 暮  
裕粹 林山

夏割 江  
夏水  
台夏 過  
夏仍 割潦  
邪吉 冷

檄木  
積草  
湟花  
離雲  
蘿加 茅

核祖 父  
蒸祖 母  
把父  
彌子  
門孫

姑依 族黨兄 弟同稱  
儒叔 舅  
懈姑 姨  
哀沃 夫  
噴離 吉妻

噴離 吧妻  
斬梨 女  
促噴 離妻  
促噴 佬嫁  
蛇溫 子生

取固 髮頭  
取吉 鬚  
蛇寧 齒  
火蛇 寧齒  
邪嫩 袴

燠衣  
黼布  
教槩  
蒲寧 弩  
蓋潘 笈

## Phiên âm trang 54

Hãn nghê: 10 ngày. Một mang: một đêm. Bót [扒] mang: 2 đêm.

Bả mang: 3 đêm. Vun mang: 4 đêm. Rã mang: 5 đêm.

Tu mang: 6 đêm. Ve [石尾] mang: 7 đêm. Thom mang: 8 đêm.

Xin mang: 9 đêm. Hãn mang: 10 đêm. Tổ sủa [口數]: sáng sớm.

Chan: chiều. Xà lúc [日六]: chiều tối, hoàng hôn.

Gốc chột [木卒]: rừng núi. Kiệt cát: sông. Hai kiệt: qua sông. Kiệt  
nhưng cát: nước lụt. Tà cát: lạnh. Cây [木該]: cây cối.

Tích: cỏ. Hoàng: bông hoa. Li [離 bộ thủy]: mây.

Lá gia: cỏ tranh. Hạch: ông tổ. Mỗ: bà tổ. Bả: cha.

Cút [谷矧]: con. Môn: cháu. Cô y: anh em họ. Nho; chú, cậu.

Mơ: cô dì. Ai ốc [ ) 天]: chồng. Cười li cát: vợ.

Cười li ri: thiếp, vợ bé. Thỏ Lê [利木 dưới]: con gái.

Xúc cười li: cười vợ. Xúc cười mau [bộ nhân毛]: lấy chồng.

Xà ôn: sinh con. Lúc cô: đầu tóc. Lúc cát: râu.

Xà nanh [彗 寧]: răng. Hỏa xà nanh [彗 寧]: răng rụng.

Tà nộn [嫩]: cái khó. Áo [hỏa 輿]: áo.

Vải [罷布]: vải. Giáo: cây giáo. Bò nanh [彗 寧]: cái ná, nỏ.[鷲].

Cái trôi: cái tráp

牢槍牢

喙誘發

蓋鼓箭

梓箭亦

蛇域鐵鉤

鋼鎗

補斧

鉸戕

坡皮蕘土

坡銅銅

坡割大土

坡吧小土

埕清土

康土

如家

忙門

湟樓望

湟吧貯粟

蛇能墓

蛇能蓋此墓何人

割象

裡馬

蛇懈虎

隕蛇

驅犬

猫猫

鴟鳥

標牛

春豬

盪為羊

依鷄

个魚

吧禾

茅粟

批米

武鹽

蒲梭鹹

濟灰

抑蒲難思切

噴蒲難冥

滌畏芙蓉

蘿畏芙蓉

核蛇瘰癧藥

蘿蛇瘰癧藥

啐蜂

蛇營蠟

夏啐蜜

惡標肉牛

惡春肉豬

惡盪為肉羊

## Phiên âm trang 55

Lao: *cái hòm*. Cười dụ [誘]: *dao hư*. Cái răng [齒麥]: *mũi tên*.  
Chốt: *cũng mũi tên*. Xà vực: *đao thiết câu*. Cuốc [金圖]: *cái cuốc*.  
Bồ: *búa*. Ưông [金枉]: *cái móc*. Gọ bì di: *nồi đất*.

Gọ đồng: *nồi đồng*. Gọ cát: *nồi đất lớn*.

Gọ [土受] ri [口巳]: *nồi đất nhỏ*. Trình: *chinh đất Tàu*.

Khang: *chinh đất*. Như: *nhà ở*. Mang: *cửa*.

Hoàng [皇 bộ thủy]: *chòi canh*. Hoàng [皇 bộ thủy] ba: *chòi lúa*. Xà  
năng: *mộ*. Xà năng cái?: *mộ của ai?* Cát: *voi*. Lý: *ngựa*.

Xà mơ: *cọp*. Vãn [貝 貝]: *rắn*. Khu: *chó*. Miêu: *mèo*.

Chim [占鳥]: *chim*. Tiêu: *trâu bò*. Xuân: *heo*.

Vu [酉 于] vi: *dê*. Y: *gà*. Cá: *cá*. Ba [虫巴]: *lúa*.

Héo [孝 thảo đầu]: *thóc*. Phê: *gạo*. Võ: *muối*. Bồ mít [木麓]: *mặn*. Vun:  
*than*. Úc bồ nan: *cây cau*. Thơm bồ nan: *quả cau*.

Tuôn [孫 bộ thủy] úy: *dây trâu*. Lá úy: *lá trâu*.

Cây [木骸] xà reo [口潦]: *Cây thuốc lá*.

Lá xà reo [口潦]: *lá thuốc lá*.

Thốt [口卒]: *ong*. Xà doanh: *mật*. Kiết chót: *ong mật*.

Ồ tiêu: *thịt trâu*. Ổ xuân: *thịt heo*. Ổ vu [酉 于] vi: *thịt dê*.

惡依肉鷄 壁標牛刺 車惡標食牛 餓盪餐食 角夏水擡

拜嵩餐養 闕夏水飲 閱眩酒飲 蒲菁饑 費飽

嘖唁 邪鴈肥 仁菜魚釣 增臨網打 心耕耕

心割獲 車禁咬節 漠我 梅汝 梅仁哩汝何

梅依核碑汝有 午諾 餓工塊一 餓節百一

餓節繡人一 肥梅台碑汝禾 餓扶丁一

扒扶丁二 糾啻之拜 糾濟職拜下 拉拿 碑拉不

拉鏹拿 壁鏹刺 壁骨刺 鏹壁骨民刺 莖素哩扶死幾

邈崩闌自下而上 邪噫足自高而下 邪魁相 仁寧來 衝看與

朴鏹就 朴擊就交 芒鏹臭自便 蒲難蒲匿從 芒噫去久



## Phiên âm trang 56

Ổ y: *thịt gà*. Bích tiêu: *đâm trâu*. Xa ổ tiêu: *ăn thịt trâu*.

Một uân: *ăn cơm*. Giác kiết: *gánh nước*. Bái tung: *nấu cơm*.  
Duyệt kiết: *uống nước*. Duyệt lúc: *uống rượu*. Bò cốt: *đói*.

Phí: *no*. Dụ [口秀]: *ngon*. Tà mỗ [月馬]: *mập*. Hai lai: *câu cá*.

Tăng lâm: *đánh lúa*. Trào canh: *cày*. Trào cát: *gặt lúa*. Xa câm:  
*ăn [咬] tết [節]*. Mua: *tôi*. Mai: *mày*. Mai hai ré: *mày đi đâu?*

Mai y hạch ti: *mày có ông không?* Ngọ: *dạ, vâng*.

Một công: *một chục*. Một tiết: *một trăm*.

Một tiết nhĩ [糸爾]: *một trăm người*.

Ba mai thai ti?: *lúa mùa tốt không?*

Một phù: *một đình (thanh niên)*. Bái phù: *hai đình*. Cù đề: *lạy*.

Cù vun [奔 bộ thúy] chức: *lạy 4 lạy*. Lạp: *nắm lấy*.

Ti lập: *không nắm lấy*. Lạp quắc: *nắm chân*.

Bích quắc: *chặt chân*. Bích cốt: *đâm chết người Thượng*.

Quắc bích cốt: *dân giết Thượng*.

- Chết [折死 dưới] tổ ré phù: *chết máy đình*.

Tóc [髟速 dưới] băng lan: *từ dưới lên trên*.

Tốt chan [口真] túc: *từ cao xuống thấp*. Tà vẫy: *gặp nhau*.

Hai nanh [彗 寧]: *đến đó*. Hành khán: *nói chuyện*.

Tốt quắc: *tự lý [理]*. Tốt kích: *đến nơi giao dịch*.

Mang tốt xú: *từ 俚 trở về*. Bò nan bò nặc: *đẽ dàng*.

Mang chan: *đi rồi về*.

仁解

速行

碑响

畏無

向上青衢以南至五奇蠻少熟漢語青蓬羅樹二蠻多熟漢語至如唶喃以西諸高蠻言語又大殊別雖各奇降蠻亦不能識姑略之

### 家屋

青衢以南至五奇諸蠻柵富者所居之屋至數十間貧者一二間其間長橫各四尺上下高約五六尺上蓋山茅四圍編竹或山茅爲屋壁甚堅固下則架棚高於土約一二尺望之如北河橋屋無異每間開二門每門一窖人居其上畜物養於下家之外四向空曠無有園籬或近山林亦

## Phiên âm trang 57

Hai giải: *đi gấp*. Ti kêu [口句]: *không sợ*.

Hướng thượng Thanh Cù dĩ nam chí Ngũ Kỳ man thiếu thực Hán ngữ. Thanh Bồng, La Thụ nhị man đa thực Hán ngữ. Chí như Cười Nam dĩ tây chư Cao man ngôn ngữ hựu đại thù biệt, tuy các Kỳ hàng man diệc bất năng thức cô lược chi.

### GIA ỐC

Thanh Cù dĩ nam chí Ngũ Kỳ cư man sách phú giả. Sở cư chi ốc chí số thập gian, bản giả nhất nhị gian. Kỳ gian trường hoành các tứ xích, thượng hạ cao chước ngũ lục xích, thượng cái sơn mâu, tứ vi biên trúc, hoặc sơn mâu vi ốc. Bích thậm kiên cố, hạ tắc giá sách cao ư thô, chước nhất nhị xích, vọng chi như Bắc hà kiều ốc vô dị. Mỗi gian khai nhất môn, mỗi môn nhất điều [寢hầm hồ], nhân cư kỳ thượng, súc vật dưỡng ư hạ. Gia chi ngoại tứ hướng không kho íng vô hữu viên ly, hoặc cận sơn lâm diệc

### Dịch

Người Thượng tính từ nguồn Thanh Cù trở vô nam cho đến cơ Năm ít người rành tiếng Kinh. Còn người Thương Thanh Bồng, La Thụ nhiều người nói được tiếng người Kinh. Người Thượng từ sách Cười Nam trở lên phía tây, lại nói tiếng rất khác lạ, tuy trong hàng ngũ người Thượng theo ta, ta cũng không hiểu được tiếng của họ, nên ta bỏ hết không chép ra đây.

### NHÀ Ở

Các sách Thượng từ nguồn Thanh Cù trở vô nam cho đến cơ Năm đều giàu có. Nhà ở của họ mỗi nóc có đến cả chục gian, nghèo lắm cũng một vài gian. Mỗi gian ngang dọc đều 4 thước, cao từ 5 đến 6 thước. Mái lợp tranh sen, vách hoặc bằng tre hoặc bằng tranh sen. Vách rất kiên cố, sàn nhà cao hơn mặt đất một hai thước, nhìn thấy không khác kiểu nhà của người ngoài miền Bắc. Mỗi gian mở một cửa, mỗi cửa một chỗ ở, người ở trên, súc vật ở dưới. Chung quanh nóc nhà ở đều trồng trái không hàng rào. Nhà ở thường ở gần núi, họ

聽其叢雜自然無有剪伐諾灘蠻所居家屋亦然惟家屋之外各有園籬楨門亦同漢俗其望樓與貯粟屋亦同一樣但貯粟屋稍大耳青蓬羅樹二蠻則一鄉只有一家屋高約十餘丈長橫約各三十尺上蓋箴葉四圍亦編竹爲壁架棚高於土約五六尺前後各開一門門有梯屋內約數十房每房每主居之棚之下亦養畜物其俗與諸蠻稍異

### 服食

服則男著犢鼻袴女著無底裙各有腰帶與北河古俗無異富者婦女裝飭多帶西洋小針俗呼針四五串纏頭與頭

## Phiên âm trang 58

thính [聽: nghe, để, thuận theo] kỳ tưng tạp tự nhiên, vô hữu tiền phạt. Nước Li man sở cư, gia ốc diệc nhiên, duy gia ốc chi ngoại các hữu viên lý công môn diệc đồng Hán tục. Kỳ vọng thể dữ trữ túc ốc diệc đồng nhất dạng, đăn trữ túc ốc sảo đại nhĩ. Thanh Bồng La Thụ nhị man tắc nhất hương chi hữu nhất gia ốc, cao chước thập dư trượng, trường hoành chước các tam thập xích, thượng cái tai diệp, tứ vi diệc biên trúc vi bích. Giá sách cao ư thô chước ngũ lục xích, tiền hậu các khai nhất môn, môn hữu thể. Ốc nội chước số thập phòng, mỗi phòng mỗi chủ cư chi. Sách chi hạ diệc dưỡng súc vật, kỳ tục dữ chư man sảo dị.

### PHỤC THỰC

Phục tắc nam trừ mại tị khổ, nữ trừ vô để quân, các hữu yêu đới dữ Bắc hà cổ tục vô dị. Phú giả, phụ nữ trang sức đa đới Tây dương tiểu kiềng [金甘] (*tục hô kiềng tấm* [片心]), tứ ngữ xuyên triển đầu dữ cảnh [頸竈]

### Dịch

để tự nhiên lùm buội cây cối không phát dọn gì.

Nơi ở của người Thượng Nước Li nhà cửa đại khái cũng như thế nhưng nhà họ có bờ rào, có cổng, giống như nhà người Kinh. Người Nước Li nhà cũng làm cầu thang và làm chòi trữ lúa giống như các sách Thượng khác, nhưng chòi lúa của họ thì to hơn.

Hai xứ Thượng Thanh Bồng La Thụ thì một xóm chỉ có một nóc nhà, cao khoảng hơn mười trượng. ngang dọc mỗi bề khoảng ba mươi thước, Mái lợp bằng lá cây “tai”, bốn bên lầy tre trúc làm vách. Nóc nhà cao hơn mặt đất khoảng năm sáu thước, trước nóc nhà sau nóc nhà đều có một cửa, có cầu thang để lên xuống. Trong nhà chia ra khoảng mười phòng, mỗi hộ một phòng. Bên dưới nóc nhà vẫn dùng làm chuồng nuôi gia súc. Phong tục của người Thanh Bồng La Thụ hơi khác với các xứ Thượng khác.

### ĂN MẶC

Về y phục thì người Thượng khác người Kinh, nam đóng khổ, nữ mặc váy, đều có dây thắt lưng không khác mấy với người miền Bắc thời xưa. Nhà giàu thì phụ nữ đeo nhiều nữ trang gọi là kiềng cùng với bốn năm vòng xuyên đeo nơi cổ.

以爲美飭著三層裙男子亦用西洋小鉗四五串以纏其  
頸與漢婦頸飭亦畧相同衣則男女亦同衣尚青色而緣  
以白觀之如兵伍戎衣目今富者多買清人古衣並青縐  
紗巾平定笠每至交易期就場與漢民無異就中二奇蠻  
以北稍多一奇蠻以南尚少青蓬源蠻男女裙袴亦然只  
有禮衣稍異其禮衣只用一幅方布染青或禹餘色看之  
如佛家袈裟衣此衣或祭祀或迎接官兵則著之無事則  
藏之嗔喃以上諸高蠻男女亦有裙袴而無衣只用一幅  
方粗布蔽身而已至於食則皆用三指以搗飯而不用箸  
碗所最嗜者鹹魚俗呼鮓與鹽而已餘如牛羊之肉亦用焚

## Phiên âm trang 59

dĩ vi mỹ sức trứ tam tầng quần. Nam tử diệc dụng Tây dương tiêu kiềng, tử ngũ quán dĩ triển kỳ cảnh, dữ Hán phụ cảnh sức diệc lược tương đồng. Y tắc nam nữ diệc đồng. Y thượng thanh sắc nhi duyên dĩ bạch, quan chi như binh ngũ hung y. Tụ kim, phú giả đa mĩ Thanh nhân cổ y tịnh Thanh trứ sa [縵紗 lụa có vân trun] cân, Bình Định lạp mỗi chí giao dịch kỳ tựu trường dữ Hán dân vô dị, tựu trung Nhị Kỳ man dĩ bắc sảo đa Nhất Kỳ man dĩ nam thượng thiếu. Thanh Bồng nguyên man, nam nữ quần khó diệc nhiên, chi hữu lễ y sảo dị. Kỳ lễ y chi dụng nhất bức phương cân nhiễm thanh hoặc vũ dư sắc, khán chi như Phật gia cà sa y. Thử y hoặc tế lễ hoặc nghinh tiếp quan binh tắc trứ chi, vô sự tắc tàng chi. Cười Nam dĩ thượng, chư cao man nam nữ diệc hữu quần khó nhi vô y, chi dụng nhất bức phương thô bố tế [蔽 che] thân nhi dĩ. Chí ư thực tắc giai dụng tam chỉ [指 ngón tay] dĩ cục phạn, nhi bất dụng trứ [箸 đũa] oản, sở tối kỳ [嗜] giả hàm ngư (tục hô cá mòi [魚每] dữ diêm nhi dĩ. Dư như ngư dương chi nhục diệc dụng phần

### Dịch

Họ mặc váy ba tầng, cho thế là sang. Nam cũng thích đeo vòng kiềng nhỏ bốn năm vòng nơi cổ đại khái giống như phụ nữ người Kinh. Nam nữ mặc áo giống nhau. Áo nhuộm xanh có đường viền màu trắng, thoát trông như nhung y của quân đội. Ngày nay, nhiều người nhà giàu mua loại khăn đội đầu bằng lụa có vân nơi các tiệm Tàu, họ cũng mua nón lá Bình Định mỗi khi đến kỳ chợ phiên. Về khoản này người Thượng người Kinh không khác nhau mấy. Nói chung về đồ mặc thì người Thượng từ cơ Nhì trở ra bắc khá phong phú, còn người Thượng từ cơ Nhứt trở vào nam còn nghèo nàn, thiếu thốn. Tất nhiên, nam nữ người Thượng nguồn Thanh Bồng đóng khó mặc váy, nhưng khi đi dự lễ họ lại mặc khác. Lễ y của họ chỉ có một tấm vải vuông nhuộm xanh, hoặc sắc vàng đất, trông như áo cà sa nhà Phật. Họ mặc áo lễ mỗi khi tế lễ hoặc đón tiếp quan binh, thường thì cất đi. Từ sách người Thượng Cười Nam trở lên, các xứ người Thượng vùng cao thì nam nữ cũng mặc váy đóng khó nhưng lại không có áo. Họ dùng một miếng vải thô che thân mà thôi. Họ ăn cơm bằng cách bốc bằng 3 ngón tay, mà không dùng chén đũa, họ rất thích ăn món cá muối mặn (gọi là cá mòi) cũng như họ rất thêm muối. Ngoài ra, các loại thịt trâu bò dê, họ đốt

災而不事燕飪亦不血食

器用

男子所習者勁弩長槊如有何往或來謁官手持等器須

臾不離其護身為至謹矣婦女績布用車俗呼車告與漢俗

同惟獨異者削竹為鏐所織惟裙俗呼禡與帶俗呼檣而不能

成疋編竹為筐俗呼匱編藤為笈俗呼蛇烈以貯物食行則背負

而不用肩輿所以便上下山阪也剖木為舟其舟小兩頭

尖下有脊如有運載往來出入溪澗尤為敏捷漢民不能

乘載

婚例



## Phiên âm trang 60

### KHÍ DỤNG

Nam tử sở tập giả kính [勁cứng mạnh] nữ, trường sóc như hữu hà vãng hoặc lai yết quan, thù tri đẳng khí tu du bất ly kỳ hộ thân vi chí cần hỹ. Phụ nữ đánh sợi vải rồi dùng xa quay (thường gọi là xa cào bó) cũng giống như người Kinh, chỉ khác mỗi việc tước [削: vót] trúc vi chùy [búa, đập] sở chức. Duy quân (tục hô cái chăn) dữ đới (tục hô cà dục) nhi bất năng thành thất. Biên trúc vi khuông (tục hô cái khảo), biên đẳng vi cấp (tục hô xà liệt) dĩ trữ vật thực, hành tắc bồi phụ nhi bất dụng kiên đài. Sở dĩ tiện thương há sơn phản [±阪: sườn núi] dã. Phẫu [部bộ phanh ra] mộc vi thuyền, kỳ thuyền tiểu, lưỡng đầu tiêm, hạ hữu tích [菁: ở giữa đều] như hữu vận tải vãng lai nhập khê giản vu vi. Mỗi tiệp Hán dân bất năng thừa tải.

### HÔN LỆ

#### Dịch

nướng nhưng không xào nấu, họ cũng không biết ân tiết canh.

### ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ

Đàn ông con trai quen sử dụng ná, nữ, trường sóc, khi đi đâu cũng như khi ra mắt quan binh, họ giữ vũ khí khư khư bên mình, thủ thế cẩn thận lắm.

Phụ nữ đánh sợi vải rồi dùng xa quay (thường gọi là xa cào bó) cũng giống như người Kinh, chỉ khác mỗi việc vót tre làm búa khung dệt. Duy cái váy (gọi là cái chăn) có dây lưng (gọi là cà dục) nhưng không có các nếp xếp.

Họ đan lát tre làm sọt đựng đồ (gọi là cái khảo), đan mây làm rương hòm (gọi là xà liệt) để đựng vật thực. Họ đi ra ngoài, đem theo đồ đạc thì mang sau lưng chứ không gánh bằng vai như người Kinh, vì đường núi dốc nên mang như thế tiện lên xuống hơn cả. Họ đục lòng cây gỗ làm thuyền nhỏ (gọi là thuyền độc mộc), hai đầu nhọn, mặt đáy bằng, có thể chèo chống chờ đồ qua lại nơi sông suối. Người Kinh không chèo chống chuyên chờ loại thuyền ấy được.

### VIỆC HÔN NHÂN

男女擇配各以門戶相對次則年齒相稱次則男女相悅始通媒妁矣通媒之後男到女家齋將圖物或衣或襪或笠以賜女女到男家亦然相與往來一二月或三四月男女尚幼者至一二年然後相約聘期其聘日但相會飲食而已無有送將聘禮如我民者其聘日者或男家先會食或女家先會食不拘先後如男家先會食則宰牛釀酒大會親鄰飲食此日女族亦皆齊就會食醉飽其親鄰之就食各持一鷄以贈亦烹而食眾者至百餘鷄只徒飲食而無祭祀富者至三四日貧者亦一二日一如節日謂之暖暖也食聘也及至女家訂日會食亦然事清之後一二日兩家父

## Phiên âm trang 61

Nam nữ trạch phối các dĩ môn hộ tương đối, thứ tắc nam nữ tương duyệt, thù thông môi chúc hỷ. Thông môi chi hậu, nam đáo nữ gia tề [■bộ 齊: đem đến] tương đồ vật hoặc y hoặc yếm hoặc lạp dĩ tử nữ. Nữ đáo nam gia diệc nhiên tương dữ vãng lai nhất nhị nguyệt hoặc tam tứ nguyệt. Nam nữ thượng ấu giả, chí nhất nhị niên, nhiên hậu tương chúc sinh kỳ. Kỳ sinh nhật dẫn tương hội ẩm thực nhi dĩ, vô hữu tổng tương sinh lễ như ngã dân giả. Kỳ sinh nhật giả, hoặc nam gia tiên hội thực, bất câu tiên hậu. hu nam gai tiên thực tắc tể ngư, nhượng [■gây nên] từ đại hội đại hội thân lân ẩm thực.

Thử nhật nữ tộc diệc giai tề tựu hội thực túy bào. Kỳ thân lân chi tựu thực các trì nhất kê dĩ tặng, diệc phan nhi thực. Chúng giả chí bách dư kê chi đồ ẩm thực nhi vô tế lễ.

Phú giả, chí tam tứ nhật. Bần giả diệc nhất nhị nhật, nhất như tiết nhật, vị chi ăn [口安] cưới [口改] (*thực sinh dĩ*). Cập chí nữ gia đính nhật hội thực diệc nhiên. Sự thanh chi nhất nhị nhật lưỡng gia phụ

### Dịch

Việc dựng vợ gả chồng, người Thượng hạt ta cũng coi trọng vấn đề môn đăng hộ đối, thông qua một người mai mối, cũng như tục người Kinh vậy. Sau khi môi giới được thuận, chàng trai mang quà sang nhà gái, gồm các loại đồ vật, nào yếm áo, nón lá tặng cho cô dâu. Cô gái cũng mang sang nhà trai quà cáp như thế. Họ qua lại thăm hỏi quà cáp trong vài tháng hoặc ba bốn tháng, nếu cặp nam nữ còn bé thì phải một vài năm, hai bên gia đình mới định kỳ làm đám cưới. Ngày cưới tuy cũng hội họp ăn uống nhưng không có chuyện tổng sinh lễ như tục người Kinh.

Ngày cưới, mỗi bên đều làm tiệc, không câu nệ là bên nhà trai tổ chức trước hay bên nhà gái tổ chức trước. Nếu bên nhà trai làm trước thì họ giết bò, gày rượu cần, mời bà con thân hữu, xóm giềng đến dự. Trong ngày ấy, bên nhà gái cũng tổ chức hội họp ăn uống no say. Người đi dự đám cưới đều đem theo quà cưới là một con gà sống, được mổ thịt làm món ăn ngay tại chỗ. Cả trăm khách thì có cả trăm con gà chỉ để ăn nhậu, chứ không để tế lễ.

Những nhà giàu có thì tiếp đãi khách khứa đám cưới kéo dài ba bốn ngày. Các nhà nghèo thì cũng vài ngày, vui như Tết, gọi là ăn cưới (*ăn đám cưới*). Đến ngày rước dâu, tất nhiên cũng lại tổ chức ăn uống. Sau đó vài ngày, cha mẹ hai gia đình

母相會占鷄卦應許送婚或應許出贅二者何理得吉事  
清又占鷄卦何年月日應許該夫妻團聚得吉或送婚則  
至日妻歸夫家或出贅則夫歸妻家夫妻只相伴而歸無  
有何人迎送至家設一新席夫妻同坐夫送美酒于妻妻  
又送美酒于夫但背面相授受而不相視此席外人不得  
與坐父母亦然謂之法席卽漢風之合巹禮也夜則夫妻  
各卧一邊倩一童男或童女五六歲上下卧于其中如此  
者數月而罷之有或往人家食節或往人家食聘或因往  
何事男女相見而悅者卽攜女而歸結爲夫妻女家索罰  
幾何亦甘所受卽漢風之所謂私奔也再有見人妻而悅

mẫu tương hội, chiêm kê bốc ứng hứa tổng hôn hoặc ứng hứa xuất chuế [贅  
gợi rể] , nhị giả hà lý đắc cát sự thanh, hựu chiêm kê bốc hà niên nguyệt nhật  
ứng hứa cai phu thê đoàn tụ đắc cát. Hoặc tổng hôn tắc chí nhật thê quy phu  
gia, hoặc xuất chuế tắc phu quy thê gia. Phù thê chi tương bạn nhi quy vô  
hữu hà nhân nghinh tổng. Chí gia, thiết nhất tân tịch phu thê đồng tọa, phu  
tổng phù từ vu thê, thê hựu tổng phù từ vu phu. Dẫn bối diện tương thụ  
thụ nhi bất tương thị. Thử tịch ngoại nhân bất đắc dĩ tọa, phụ mẫu diệc  
nhiên, vị chi pháp tịch, tức lễ hợp cần dã. Dạ tắc phu thê các ngoại nhất biên,  
thiến [媿: đẹp, diệt -: cháu rể] nhất đồng nam hoặc đồng nữ, ngũ lục tuế thượng  
hạ ngoại vu kỳ trung. Như thử giả số nguyệt nhi bãi.

Hựu hữu hoặc vãng nhân gia thực tiết, hoặc vãng nhân gia thực sính,  
hoặc nhân vãng hà sự nam nữ tương kiến nhi duyệt giả. Tức huê nữ nhi quy,  
kết vi phu thê. Nữ gia sách tước kỳ hà diệc cam sở thụ, tức Hán phong chi  
sở vị tư bốn dã.

Tái hữu kiến nhân thê nhi duyệt

### Dịch

gặp nhau, bói chân gà xem là tổng hôn hay ở rể tốt hơn, rồi lại bói chân gà  
xem ngày tháng năm nào thì vợ chồng sống chung là tốt. Nếu là tổng hôn tốt  
thì đến ngày ấy vợ về ở nhà chồng, còn nếu ở rể thì đến ngày ấy chồng đến  
ở nhà vợ. Hai người cứ một mình quy gia mà không có ai đưa tiễn hay tiếp  
đón cả. Đến nhà chồng hoặc nhà vợ. Ở nhà người ta trải một chiếc chiếu  
mới cho hai vợ chồng ngồi, chồng rót rượu mời vợ, vợ rót rượu mời chồng.  
Hai người đối diện nhau nhưng không nhìn vào mặt nhau. Chiếc chiếu hai  
vợ chồng ngồi làm lễ gọi là chiếu phép, không ai được ngồi vào, kể cả cha  
mẹ. Đó là lễ hợp cần theo tục người Kinh. Đến đêm, hai vợ chồng nằm mỗi  
người một bên, giữa là đứa cháu khỏe mạnh xinh đẹp độ năm sáu tuổi. Cứ  
như thế mấy tháng sau mới thôi.

Lại cũng có trường hợp một chàng trai hoặc đến nhà người ta ăn tết,  
hoặc dự đám cưới hoặc vì công chuyện nào đó, gặp được một cô gái rồi họ  
phải lòng nhau. Sau đó chàng trai dẫn cô gái về nhà mình kết thành chồng  
vợ. Bên nhà gái đòi phạt vạ bao nhiêu cũng cam chịu. Bên người Kinh cũng  
có chuyện ấy, vợ chồng thật lòng sống chung với nhau không qua lễ cưới,  
gọi là “tư bốn”

Lại cũng có người thấy vợ người ta rồi nảy ý thích,

卽強奪而歸前夫如有索問則交許牛畜或圖物以備前夫別娶而不肯交還其妻此所謂死虐所行蠻俗亦惡之但畏其富強而不敢犯耳卽漢風之強占人妻者是也

御號

我轄蠻柵名號之稱大抵不同然亦各有所因而名之也所居近水者則以水名呼之如諾蘿溲瓢之類近山墟者則以墟名呼之如塢鯁岩級之類平田者以田處呼之如全椀全廚之類又有一初聚居有蠻丁或蠻婦家中物力爲羣蠻之所推服者則所居以該之名呼之如混龍混佳繩潤繩超之類是也至如假道社澤者乃古者漢民所居

## Phiên âm trang 63

tức cưỡng đoạt nhi quy, tiền phu như hữu sách vấn tắc giao hứa ngư súc hoặc đồ vật dĩ bị. Tiền phu biệt thê nhi bất khủng giao hoàn kỳ thê, thù sở vị hung ngược sở hành mạn tục diệc ác chi. Đăn úy kỳ phú cường nhi bất cảm phạm nhĩ, tức hán phong chi cưỡng chiếm nhân thê giả thị dã.

### HƯƠNG HÀO

Ngã hạt mạn sách danh hào chi xưng đại để bất đồng, nhiên diệc các hữu sở nhân, nhi danh chi dã. Sở cư cận thùy giả tắc dĩ thùy danh hô chi, như Nước Lá, Hó Biều chi loại, cận sơn khư giả tắc dĩ khư danh hô chi như Gò Du, Đèo Gấp chi loại. Bình điền giả dĩ điền xứ hô chi như Đồng Dâu, Đồng Trù chi loại.

Hựu hữu nhất sở tụ cư hữu mạn đình hoặc mạn phụ gia trung vật lực vi quân mạn chi sở thôi phục giả tắc sở cư dĩ cai chi danh hô chi như Con Long, Con Giai, Thừng Nhuận, Thừng Siêu chi loại thị dã. Chí như giả đạo xã trạch giả, nãi cổ giả Hán dân sở cư

### Dịch

rồi tìm cách cưỡng đoạt đem về nhà mình. Người chồng trước đến đòi vợ, thì bồi thường bằng các thứ trâu bò gia súc đồ vật. Nếu người chồng trước chỉ một mực đòi vợ thì nó cũng không chịu trả. Đó là hành vi bạo ngược rất là tàn ác của bọn nhà giàu người Thượng mà người nghèo sợ nó chẳng dám làm gì. Trong xã hội người Kinh gọi đó là tội cưỡng chiếm vợ người.

### TÊN LÀNG

Tại hạt ta, tên gọi một sách Thượng mỗi nơi mỗi khác, không giống nhau. Phần lớn người trong một sách thường lấy gốc gác nơi cư trú đặt tên cho sách mình. Ở nơi gần sông nước tất lấy thùy danh gọi tên sách mình như sách Nước Lá, Hó Biều, ... Ở cạnh núi non thì lấy tên đồi gò đặt tên như Gò Du, Đèo Gấp, .... Ở nơi đất ruộng đồng bằng thì lấy xứ đồng đặt tên như Đồng Dâu, Đồng Trù, ...

Cũng có trường hợp một sách Thượng khi mới tới ở, trong sách có một người, nam hoặc nữ ấy có gia sản, được cộng đồng tôn phục thì họ lại lấy tên người ấy đặt tên cho sách mình như là Con Long, Con Giai, Thừng Nhuận, Thừng Siêu, .... Đến như một vùng dân cư trước kia người Kinh ở,

後淪爲蠻境遂因昔人之名而呼之故有社字之稱廊樓  
廊年者乃當初漢商往來說話鄉里蠻聞漢人之稱呼而  
效之故有廊字之稱此等類者積久而成各有所因而然  
耳

節例

遶年三三朔間是蠻中食節之期也前數日占鷄足何日  
吉者食節富者預備牛羊豬酒糯米尋常者火之貧者亦  
備鷄酒盞鄰鄰族黨男婦老幼各盛服齊就食節之家  
其主家陳設酒食具足乃相與宰牛烹羊爇餐人各私竈  
酒吸以竿鳴鑼鼓樂舞蹈歡呼男女不拘某夫某妻以次



hậu luân vi man cảnh, toại nhân tích nhân chi danh nhi hô chi. Cố hữu xã tự chi, xưng Làng Nồng (Nông) [穰], Làng Mâu giả nãi đương sơ Hán thương vãng lai thuyết thoại hương lý man văn Hán nhân chi xưng hô nhi hiệu chi xưng. Thử đẳng loại giả tích cửu nhi thành, các hữu sở nhân nhi nhiên nhi.

### TIẾT LỆ

Đệ niên nhị tam nguyệt gian thị man trung thực tiết chi kỳ dã. Tiền sở nhật chiêm kê túc hà nhật cát giả thực tiết. Phú giả, dự bị ngư dương chu từ, nhi [米糲: gạo nếp] bính [米丙]. Tầm thường giả thứ chi bản giả diệc bị kê từ. Chí nhật hương lân tộc đảng nam phụ lão ấu các thanh phục tề tựu thực tiết chi gia. Kỳ chủ gia trần thiết từ thực cụ túc nãi tương dữ tể ngư phanh dương chữ san. Nhân các tư táo từ, hấp[吸] hút] dĩ can, minh la cổ nhạc vũ đạo hoan hô. Nam nữ bắt câu mỡ phu mỡ thê, dĩ thứ

### Dịch

về sau thành xứ người Thượng, bèn nhân đó lấy tên người Kinh ngày xưa đặt cho sách mình. Cho nên có những xứ Thượng tên Làng Nồng, Làng Mâu, vì ngày xưa có những người lái buôn đến xứ Thượng làm ăn, nói chuyện về làng thôn mình, người Thượng nghe người Kinh xưng hô thì cũng xưng hô theo, ý cho mình cũng có làng thôn. Các loại tên làng ấy gọi lâu ngày thành quen, thấy đều có nguyên nhân như thế đấy.

### TỤC LỆ NGÀY TẾT

Khoảng tháng 2 tháng 3 mỗi năm là thời kỳ ăn tết của người Thượng. Mấy ngày trước đó, họ bói chân gà để biết ngày nào thì ăn Tết tốt nhất. Những nhà giàu có thì chuẩn bị bò, dê, lợn, rượu, nếp, bánh. Những nhà bình thường, hoặc nhà nghèo khó, chỉ ít cũng gà, rượu. Đến ngày ấy thì nam phụ lão ấu xóm giềng bà con ăn mặc chỉnh tề ăn Tết tại nhà và đi lại thăm nhau. Nhà cửa bày biện thức ăn đồ uống chỉnh tề để cùng những người thân quen đến thăm, mổ bò, giết dê, nấu cơm, ... Mọi người đều hút ống rượu cần, đánh chiêng, tấu nhạc, nhảy múa rất vui. Trai gái tham dự bất kể chồng ai vợ ai, đến lượt

相注酒于口期至醉卧而後已然只相與醉飽而無祭祀  
富者食節至三四日尋常者一二日貧者亦滿一日惟貧  
家食節凡族黨之來會食者人各自將家鷄來助及至烹  
鷄而食則二人食一鷄謂之一對如此者至一月餘凡諸  
鄉里以次而食每家各遍一遭方罷

喪例

富者父母年高預脩棺木留置在家亦猶漢俗也其棺制  
擇取堅確木一段長三四尺腰圓三四尺許將回剖其中  
可容人身者外則斲製完好棺形圓兩頭小而中大其象  
如舟大異漢制遇有父或母命沒則宰牛釀酒大會鄉黨

tương chú từ vu khẩu, kỳ chí túy ngoại nhi hậu. Dĩ nhiên, chi tương dữ túy bào nhi vô tế chúc. Phú giả, thực tiết chí tam tứ nhật, tâm thường giả nhất nhị nhật, bản giả diệc mãn nhất nhật. Duy bản gia thực tiết phạm tộc đảng chi lai hội thực giả nhân các tự tương gia kê lai trợ cập chí phanh kê nhi thực, tắc nhị nhân thực nhất kê vị chi nhất đối. Như thử giả chí nhất nguyệt dư phạm chư hương lý dĩ thứ nhi thực, mỗi gia các biện nhất tao phương bải.

### TANG LỆ

Phú giả, phụ mẫu niên cao, dự bị quan mộc lưu trí tại gia, diệc do Hán tục dã. Kỳ quan chế trạch thủ kiên xác mộc nhất giả, trường tam tứ xích, yêu viên tam tứ xích hứa tương hồi phẫu [割] kỳ trung khả dung nhân thân giả. Ngoại tắc trác [新造] chế hoàn hảo quan hình viên, lương đầu tiểu nhi trung đại. Kỳ tượng như thuyền đại dị hán chế. Ngẫu hữu phụ hoặc mẫu mệnh một tắc tử ngư nhượng từ đại hội hương đảng

### Dịch

là đưa cần trúc vào miệng hút rượu, vui chơi đến say mềm mới về. Dĩ nhiên chi hội họp vui chơi ăn uống no say, mà chẳng có cúng tế. Những nhà giàu có thì ăn Tết ba bốn ngày, nhà bình thường thì một vài ngày, nhà nghèo lám cũng hết một ngày. Chỉ những nhà nghèo thì những người trong tộc đến thăm có đem theo con gà, nấu nướng cùng ăn, cứ hai người ăn một con gà gọi là một đôi. Bà con chòm xóm cũng làm như thế, mỗi nhà một lần, cứ như thế suốt một tháng,

### TỤC LỆ VỀ VIỆC TANG

Những nhà người Thượng giàu có, khi cha mẹ già yếu thì sắm sẵn áo quan để ở nhà cũng giống như tục người Kinh. Áo quan của họ là một khúc cây gỗ tốt, dài ba bốn thước, vòng ôm cũng ba bốn thước. Họ đem về đục thủng ruột cây gỗ độ chừng vừa một người nằm. Bên ngoài thì họ gọt cho tròn hai đầu nhỏ, khoảng giữa to, như hình một chiếc thuyền, trông khác áo quan của người Kinh.

Khi cha hoặc mẹ qua đời thì họ gầy rượu, giết bò hội họp xóm làng,

先將棺木置在所葬之地然後擡將死屍就于墓所又盍  
將平日所屬圖物並家產一半隨從送出之辰子孫族黨  
一場大哭別鄉知識者亦來送哭謂之助哭卽漢風之哭  
弔但無禮物而已到墓者先將圖物家產好者埋在地  
下弊裂者置在地上遂列布帛于棺內納屍于其中蓋之三

奇蠻以南則浮葬

置在地上以木架之上有墓冢富者四

右各樹短白布旗每邊三

一奇蠻以北則沉葬埋在地上

家謂又刺斃一牛置之墓側而還貧者則割牛首尾置之

存牛肉將回款待族黨惟葬地則據族內諸先人所葬何  
地則隨而葬之不擇吉地所葬之地草木皆不敢剪伐自

tiên tương quan mộc trí tại sở táng chi địa, nhiên hậu đài tương từ thi tự vu mộ sở, hựu tận tương bình nhật sở dụng đồ vật tịnh gia sản nhất bán tùy tùng tổng xuất chi thời. Từ tôn, tộc đảng nhất trường đại khốc biệt hương. Trí thức giả diệc lai tổng khốc ngang Hán phong chi khốc, điều dẫn vô lễ vật nhi dĩ. Đáo mộ giả, tiên tương đồ vật gia sản hảo giả mai tại địa hạ, tề liệt giả trí tại địa thượng. Toại liệt bố bạch vu quan nội nạp thi [屍thây ma] vu kỳ trung cái chi. Tam Kỳ man dĩ nam tắc phù táng (*tri tại địa thượng dĩ mộ giá chi thượng hữu mộ gia. Phù giả, tứ vi liệt dĩ bố, mộ chi tiên hậu các thụ trường bạch bố kỳ tại hữu các thụ đoàn bạch bố kỳ, mỗi biên tam can. Vị chi phù táng. Bần giả giảm tổn*). Nhất Kỳ man dĩ bắc tắc trầm táng (*mai tại địa hạ, thượng diệc hữu mộ gia vị trầm táng*). Hựu thứ [刺thích] tễ [髒: ngả chết] nhất ngư trí chi mộ trắc nhi hoàn. Bần giả, tắc cát ngư thủ vĩ trí chi, tồn ngư nhục tương khoản đãi tộc đảng. Duy táng địa tắc cứ tộc nội chư tiên nhân sở táng. Hà địa tắc tùy nhi táng chi, bất trạch cát địa. Sở táng chi địa thảo mộc giai bất cảm tiền phạt, tự

### Dịch

họ chuyên áo quan đến nơi dự định làm mộ, rồi mới khiêng từ thi đến. Bấy giờ họ cũng đưa toàn bộ các thứ đồ thường dùng của người chết cũng như phân nửa số số tài sản được chia ra mộ. Con cháu, bà con đều khóc đưa tiễn lần cuối cùng. kể. Người quen biết cũng đến khóc tiễn phụ vào cũng giống với tục người Kinh đi điều tang, song có khác là không có lễ vật mà thôi. Đến mộ, họ chon các thứ đồ vật gia sản quý trước tức ở dưới cùng, còn đồ vật rẻ tiền thì sẽ được để trên mặt đất. Rồi họ lót vải vào đáy áo quan, đưa thi thể vào, đậy nắp lại.

Người Thượng từ cơ Ba trở vào nam thì có tục “*phù táng*”: Họ đặt áo quan trên mặt đất, trong một ngôi nhà mô bằng gỗ. Nhà giàu có thì bốn chung quanh đều phủ vải, trước sau mộ đều cắm cờ bằng vải trắng loại cờ dài, hai bên thì cờ loại ngắn mỗi bên ba cây. Như thế gọi là phù táng. Nhà nghèo thì giảm bớt.

Người Thượng từ cơ Nhứt trở ra bắc thì có tục “*trầm táng*”: *Họ chôn trong mộ đất, làm nhà mô bên trên gọi là trầm táng*). Lại có nhà giết một con bò đem đặt bên cạnh mộ. Nhà nghèo thì đặt một cái đầu bò bên cạnh mộ, còn thịt bò dành làm tiệc đãi bà con.

Thường thì mộ nằm tại nơi có mồ mã của vị tiên nhân. Người Thượng không chọn cát địa như người Kinh, họ cũng không dọn dẹp phát dọn gì hết. Từ

初死至送終只相與飲食而無祭祀至如死於虎咬與死於痘症者送葬之厚薄各隨家之有無惟送至墓則納屍于棺蓋之一皆走散不敢迴顧恐其爲祟而傳染也

### 樂器

富足之家常有造買樂器一部其樂器者銅鈺大小四面鑼大小四面以手鼓之謂之宿鈺琴二把琴式以椰葉一半爲本其形如勺竹管爲杆二絃俱以鋤爲之謂之蒲淖

即漢風所謂絃也 簫式以二竹管爲之亦有一竹管者蠻稱邪理

即漢風所謂笛也 每值節例諸喜事羣聚飲酒鼓樂高歌以爲樂

謂之尋櫪 即漢風之所謂歌唱也

## Phiên âm trang 67

sơ từ chí tổng chung chi tương dữ âm thực nhi vô tế chúc, Chí như từ ư hồ giáo dữ từ ư đậu [痘] chứng giả, tổng táng chi hậu bạc các tùy gia chi hữu vô. Duy tổng chí mộ tắc nạp thi vu qua cái chi, nhất giai tâu tán bất cảm hồi cố, khủng kỳ vi trúy [出示dưới: ma làm] nhi truyền nhiễm dã.

### NHẠC KHÍ

Phú túc chi gia thường hữu tạo mãi nhạc khí nhất bộ. Kỳ nhạc khí giả đồng chinh đại tiêu tứ diện, la đại tiêu tứ diện, dĩ thủ cổ chi vị chi túc chinh [鉦Nôm đọc chiêng] cầm [琴=dưới là木]. Nhất bà cầm thức dĩ gia [椰cây dừa] quả [果=có bộ thảo] nhất bán vi bản, kỳ hình như thược [勺: cái thìa, muỗng] trúc quản vi can, nhị huyền câu dĩ thâu [偷bộ金] vi chi, vị chi “bồ rớt” (*tức Hán phong sở vị huyền dã*). Tiêu thức dĩ nhị trúc quản vi chi, diệc hữu nhất trúc. Quản giả, man xung tà lý (*tức Hán phong sở vị dịch dã*).

Mỗi trị tiết lệ, chư hi sự quần tụ âm từu cổ nhạc cao ca dĩ vi lạc vị chi từm [尋: tìm] lịch [檠] (*tức Hán phong chi sở vị ca xướng dã*)

### Dịch

khi vừa chết cho đến khi chôn họ hội họp ăn uống mà không cúng tế chi cả.

Người bị cọp ăn thịt cũng như chết vì bệnh đậu mùa thì việc chôn cất như thế nào tùy gia chủ giàu hay nghèo, nhưng người ta đều làm rất nhanh gọn, khi đưa tới mộ, họ vô quan đậy nắp rồi vội vàng mạnh ai nấy bỏ đi một mạch, không dám ngoái đầu nhìn lại vì sợ ma theo cũng như sợ bị truyền nhiễm.

### NHẠC KHÍ

Gia đình giàu có thường mua một bộ nhạc khí chung trong nhà. Nhạc khí của người Thượng hạt ta gồm: Chiêng đồng lớn nhỏ 4 cái, phèng la lớn nhỏ 4 cái đều dùng tay đánh nên gọi là nhạc túc chinh. Một loại nhạc khí khác, là một nửa quả dừa, hình giống như cái muỗng cán bằng tre có hai dây bằng thiếc, đàn ấy có tên là “bồ rớt” (*tức như nhị huyền cầm - đàn cò của người Kinh*). Nhạc khí thổi như ống tiêu bằng 2 ống trúc, có khi chỉ một ống. Ngoài ra còn có nhạc khí thổi mà người Thượng gọi là tà lý (*người Kinh gọi là ống dịch*).

Mỗi khi Tết đến, hoặc mỗi khi nhà có chuyện vui thì họ quây quần uống rượu tấu nhạc, ca hát vui vẻ mà họ gọi là “Tùm lịch” (*người Kinh gọi là ca xướng*).

## 祭祀

農家到務則先占鷄筮何日吉者播秧播秧之日貧富均用鷄爲禮祀之又占何日下稼亦祀之及至秋成割護事清富者用豬貧者用鷄祀之猶漢風之嘗新禮也然但祀其鬼神山川而不祀家先也如田禾有蝗蟲或被水旱皆殺鷄禳之向土等事祝祠均云神農后稷鎮北處昌等位號或栽植花木亦然至如疾病及虎咬未死者先殺鷄禳之如未愈則占鷄卦應用豬禱或羊或牛各隨鷄卦所示而辨之又占鷄卦家人禱之吉或求他師禱之吉如家人禱吉則禱之如求師吉則又占鷄卦應請何柵蠻及何蠻



TẾ TỰ

Nông gia đào vụ tấc tiên chiêm kê túc hà nhật cát già bá [播: gieo] ương [秧: mạ]. Bá ương chi nhật, bản phú quân dụng kê vi lễ tự chi, hựu chiêm hà nhật hạ giá diệc tự chi. Cập chí thu thành cát hoạch sự thanh, phú giá dụng chư, bản giả dụng kê, tự chi, do Hán phong chi thường tân lễ dã. Nhiên dẫn tự kỳ quý thần sơn xuyên nhi bất tự gia tiên dã. Như điền hòa hữu hoàng trùng hoặc bị thùy hạn, giai sát kê nhưng [禱:tế cầu tai qua nạn khỏi] chi. Hướng thượng đấng sự chúc từ quân vân Thần Nông, Hậu Tắc, Trấn Bắc Xứ Xương đấng vị hiệu, hoặc tài thực hoa mộc diệc nhiên.

Chí như tật bệnh cập hồ giáo vị từ, tiên sát kê nhưng chi. Như vị dĩ tấc chiêm kê bốc ứng, dụng chư đào [禱] hoặc dương hoặc ngưư các tùy kê bốc sở thị nhi biện chi. Hựu chiêm kê bốc gia nhân đào chi cát hoặc cầu tha sư đào chi cát. Như gia nhân đào cát tấc đào chi, như cầu sư cát tấc hựu chiêm kê bốc ứng thỉnh hà sách man cập hà man

Dịch

TẾ TỰ

Người Thượng ở hạt ta, mỗi khi đến mùa vụ thì họ bói chân gà xem ngày nào gieo mạ. Ngày gieo mạ nhà nào dù giàu dù nghèo cũng đều giết gà cúng, họ lại bói chân gà xem ngày nào cấy rồi lại giết gà cúng. Đến mùa thu gặt lúa xong thì họ lại cúng. Nhà giàu có thì giết heo cúng, nhà nghèo thì giết gà cúng, giống như lễ "thường tân" của người Kinh. Họ cúng quý thần sông núi mà không cúng gia tiên như người Kinh. Một khi lúa bị bệnh hoàng trùng hoặc bị hạn hán, họ đều giết gà cúng tế khẩn cầu tai qua nạn khỏi. Họ khẩn với các vị thần như Thần Nông, Hậu Tắc, Trấn Bắc Xứ Xương Bùi Tá Hán giúp cho cây trái mùa màng của họ được tốt đẹp.

Còn như khi bị bệnh tật hoặc bị cọp vồ may còn sống, thì trước hết họ giết gà cúng cầu tai qua nạn khỏi. Nếu còn chưa hết bệnh thì họ bói chân gà, cầu đảo rồi cúng hoặc dê hoặc bò đều theo chân gà bói ra mà lo liệu. Họ lại bói chân gà hỏi xem người nhà tự cầu đảo là được hay phải nhờ đến thầy cúng cầu đảo mới được. Nếu bói chân gà bảo là người nhà cầu đảo là tốt thì họ tự làm. Còn nếu bói chân gà bảo phải rước thầy về cầu đảo thì họ lại bói chân gà hỏi xem mời thầy cúng ở sách Thượng nào hoặc người thầy

丁爲師不拘遠近隨卦所指而請之及回備禮請禱之嗣後家中或獲新禾或食牛畜先將多少致敬蠻師然後方敢入粟於箱食用或爲官枷笞得回亦備禮禳之以除弗祥蠻言向役者此也其詞祝鎮北令及山川諸神位又以木葉或竹片乞陰陽一俯一仰爲得猶漢俗也其家先則不祀

### 罰例

蠻俗原無君師治教所以相處而不亂者以有罰例而已蠻言咬嚼者此也其例或鬪毆傷斃人或殖女與人私姦或和誘人妻妾女或盜大粟米花利畜產圖物其事主做

đình vi sư, bắt câu viễn cận. Tùy quái sở chỉ nhi thỉnh chi, cập hồi bị lễ thỉnh đảo chi tự.

Hậu gia trung hoặc hoạch [穫] tân hòa, hoặc thực ngưư súc, tiên tương đa thiếu trí kính man sư, nhiên hậu phương cảm nhập túc ư sương thực dụng, hoặc vì quan giá [枷] si [答đài:dánh roi] đắc hồi diệc bị lễ nhượng chi dĩ trừ phát tường. Man ngôn *trào dịch* (Nôm: làm việc) giả, thử dã. Kỳ từ chúc Trần Bắc công cập sơn xuyên chư thần vị hựu dĩ mộc diệp, hoặc trúc phiến cập âm dương nhất phủ [俯: cúi, sấp] nhất ngưỡng [仰: ngửa] vì đắc do Hán tục dã. Kỳ gia tiên tắc bất tự.

### TƯỚC LỆ

Man tục nguyên vô quân sư trị giáo, sở dĩ tương xứ nhi bất loạn giả dĩ hữu tước lệ nhi dĩ. Man ngôn *ăn nhúc* (nhúc) giả, thử giả. Kỳ lệ hoặc đầu âu [毳đánh] thương tộ [斃] nhân, hoặc hữu nữ dữ nhân tư gian, hoặc hòa dụ nhân thê thiếp nữ, hoặc đạo đại túc mẽ hoa lợi súc sản đồ vật. Kỳ sự chủ phòng

### Dịch

cúng nào mới tốt. Họ cứ theo bói chân gà mà cụ bị lễ vật đi mời thầy cúng không nề xa gần.

Từ đó về sau, khi thu hoạch lúa mới, khi có việc vui mừng mổ bò giết heo, họ đều dành một phần làm lễ tạ thầy. Có lễ tạ thầy rồi thì họ mới dám chất lúa vào chòi, dành ăn dần. Khi họ đến chòi lấy lúa về thì họ khẩn với quan Trần Bắc công Bùi Tá Hán và các thần núi, thần sông. Họ còn dùng lá cây hoặc miếng tre nhỏ xin âm dương để được một sấp một ngựa. Đó là họ bắt chước tục người Kinh nhưng họ không khẩn cầu gia tiên.

### LỆ PHẠT

Phong tục người Thượng vốn không có được nền “giáo trị” như nền văn hóa có kỷ cương “quân sư phụ” của nhà Nho ta, nhưng họ lại có lệ phạt nên xứ họ không bị rối loạn. Người Thượng hạt ta nói “*ăn nhúc*”, là nói đến vấn đề ấy đây. Theo lệ của họ, kẻ đánh đập gây thương tật cho người khác, hoặc nữ đã có chồng còn tư tình với đàn ông khác, hoặc kẻ dụ dỗ vợ người ta, hoặc kẻ trộm cắp nhiều lúa gạo, hoa màu, gia súc, đồ vật. Khi xảy ra những việc ấy thì gia chủ phòng đoán

指其人而糞以罰若不承受則以鷄卦占之占之而猶不  
受則大會親鄰証見使之余水而不浮者爲直浮者爲枉  
則受罰或糞之蹈火探湯而不爛者爲直爛者爲枉則受  
罰若猶強梗不受則凡鄉中人有被虎咬或傷死病死者  
一皆歸咎于不受罰之人若尚固意不受罰而逃之他柵  
則事主宰牛會蠻丁或百或二百尋而擊之或奪牛畜妻  
子或標買田土或刺傷人然後已其罰隨宜而定其多寡  
不拘一格跌罰或百餘牛或五六十牛上下次者三四十  
牛上下次者十牛上下牛如不足則以圖物替之或土  
埕或大銅鍋或布帛夫銅鍋則替一牛而已至如土埕好

chi kỳ nhân nhi trách dĩ tước.

Nhược bắt thừa thụ tắc dĩ kê bốc chiêm chi, nhi do bắt thụ, tắc đại hội thân lân chúng kiến sử chi thộn [茶mước đầy đi] nhi bất phù giá vi trực, phù giá vi uổng [枉: tà] tắc thụ tước, hoặc sử chi đạo [黜: giảm] hóa, thám dương nhi bất lạn giá vi trực, lạn giá vi uổng, tắc thụ tước. Nhược do cường ngành bắt thụ, tắc phạm hương trung nhân hữu bị hổ giáo, hoặc thương tử bệnh tử giả nhất giai quy cửu [咎xấu] vu bắt thụ tước chi nhân. Nhược thượng cố ý bắt thụ tước nhi đào chi tha sách tắc sự chủ tể ngư hội man đình nhất bách hoặc nhị bách tâm nhi kích chi, hoặc đoạt ngư súc thê tử hoặc tiêu mại điền thổ hoặc thứ thương nhân. Nhiên hậu dĩ kỳ tước tùy nghi nhi định, kỳ đa quá bất câu nhất cách. Đại tước hoặc bách dư ngư hoặc ngũ lục thập ngư thượng hạ. Thứ giá tam tứ thập ngư thượng hạ. Thứ thứ giá thập ngư thượng hạ. ngư như bắt túc tắc dĩ đồ vật thế chi, hoặc thổ trình [埤chóe sành] hoặc đại đồng oa hoặc bố bạch. Đại đồng oa tắc thế nhất ngư nhi dĩ, chí như thổ trình [chóe sành] hảo

### Dịch

chỉ ra người phạm tội để hỏi tội. Nếu người bị nghi không thừa nhận thì họ bói chân gà, nếu không nhận nữa thì họ tổ chức đại hội bà con xóm giềng chúng kiến bắt kẻ ấy thả xuống sông, nếu không nổi lên là vô tội, nếu nổi lên là đúng tội bắt phải chịu phạt, hoặc người ta bắt kẻ ấy giảm lên than đó, nếu không bị bỏng chân thì vô tội, còn bị bỏng tức có tội thì bắt phải chịu tội. Nếu kẻ ấy vẫn cường ngành không nhận nữa mà khi ấy trong sách có người bị cọp vồ, chết vì vết thương hay chết vì bệnh thì cả sách đều đổ riệt cho kẻ có tội mà không chịu nhận tội. Đến như vậy mà kẻ ấy còn cố ý không chịu nhận tội, lại bỏ trốn qua sách khác thì hoặc là người bị mất trộm kêu gọi người trong sách mình kéo nhau đi đánh giết kẻ ấy, có khi một trăm người, có khi đến hai trăm người, hoặc là đoạt trâu bò gia súc, vợ con đồ đạc, hoặc kêu bán ruộng rẫy của kẻ ấy, thậm chí đến gây ra án mạng. Sau đó, tùy theo tội mà định ra mức phạt nhiều ít khác nhau. Mức phạt nặng từ hơn trăm trâu bò xuống trên dưới năm sáu chục con. Kế đến là mức phạt trên dưới ba bốn chục trâu bò. Dưới nữa là mức phạt trên dưới mười con. Nếu không đủ trâu bò nộp phạt thì lấy đồ vật thế vào, hoặc chóe sành hoặc nồi đồng lớn, hoặc vải vóc. Một cái nồi đồng lớn tương đương với một trâu, còn một chóe sành loại

者至三四牛或被罰之人貧窮則事主捉其妻子以爲奴  
婢倘事主家勢稍遜索罰不遂則歸家結繩一紐置在屋  
上傳子流孫何代富強者則追原其事而罰之人言鯁絀  
絹者是也又有責罰不得歸而自盡或投江而死以歸咎  
于不受罰之人此蠻之所以相畏者此也

### 諱忌

凡播秧下稼伐山開園構新家歸新家等事事清皆諱三  
日其三日之內一家之人閉門安處不行何事併不許別  
人來往或別人知此家有諱而犯之則探刀來刺之或後  
日家中如有不祥之事一皆歸咎于此人而索罰不貫其

già chí tam tứ ngư.

Hoặc bị tước chi nhân bản cùng tắc sự chủ tróc kỳ thê từ dĩ vi nô tỳ. Thàng sự chủ gia thể sảo tổn sách tước bất toại, tắc quy gia kết thằng nhất nữ [紐 cái nút, quai] trí tại ốc thượng, truyền từ lưu tôn hà đại phú cường giả tắc truy nguyên kỳ sự nhi tước chi. Nhân ngôn mọi thất [鉄] cột [系骨] giả thị dã.

Hựu hữu trách t róc bất đắc quy nhi tự tận, hoặc đầu giang nhi từ dĩ quy cữu [咎 xấu] vu bắt thụ tước chi nhân. Thử mạn chi sở dĩ tương úy giả thử dã.

### HÚY KỶ

Phạm bá [播 gieo ra] ương hạ giá phạt sơn khai viên cấu [構 dựng nhà] tân gia, qui tân gia đẳng sự, sự thanh giai húy tam nhật. Kỳ tam nhật chi nội nhất gia chi nhân bế môn an xứ bất hành hà sự tính [併 cùng, đều] bất hứa biệt nhân lai vãng hoặc biệt nhân tri thử gia hữu húy nhi phạm chi, tắc thám đao lai thứ chi, hoặc hậu nhật gia trung như hữu bất tường chi sự giai quy cữu vu thử nhân nhi sách tước bất thể [冀 vay, tha thứ]. Kỳ

### Dịch

bằng ba bốn trâu.

Khi nhà kẻ bị phạt quá nghèo không có chi để lấy thì bắt vợ con kẻ ấy về làm nô tỳ. Nếu gia thể nhà ấy quá kém tịch biên không đủ mút phạt thì về nhà kết một nút dây (*văn tự kết thằng*) cột trên đòn dông nhà, truyền từ lưu tôn đến đời nào khâm khá thì truy chuyện cũ mà bắt phải nộp cho đủ số. Người ta nói "*mọi thất cột*" tức là việc ấy.

Có người sợ bị phạt đến nỗi phải tự tử, hoặc đâm đầu xuống sông trầm mình chứ nhất định không về chịu nhận tội.

### HÚY KỶ

Các việc như gieo mạ cấy lúa, phát cây dọn rẫy, cất nhà mới, về nhà mới đều phải kiêng kỵ 3 ngày. Trong 3 ngày ấy, toàn thể gia đình đóng cửa ở nhà không đi đâu hoặc làm gì, cũng như không giao thiệp với người ngoài. Trường hợp người ngoài biết nhà đang có việc mà cố ý vi phạm thì hoặc là người ta cầm dao đến chém chết hoặc sau đó mà xảy ra điều chi xui xẻo thì đổ hết tội lỗi cho kẻ vi phạm ấy bắt phải phạt vạ không tha.

諱物則如喪婦初歸而父母所賜牛畜圖物及父母命沒而遺下牛畜圖物均謂之忌物仍別置之一所不敢服用倘不幸而貧窮饑饉亦固守之不將賣買于他蠻言賄舉此之謂也或官兵征剿收取或何蠻索罰掠去亦倍價贖之不使失落又如新獲禾回土家踐踏成粟而未及致敬蠻師不敢先自煮食傭雇人功亦未敢還功及至入粟箱家未禮鬼神亦未敢取食



## Phiên âm trang 72

húy vật tắc như phu phụ sơ quy nhi phụ mẫu sở tứ ngư súc đồ vật cập phụ mẫu mệnh một nhi di hạ ngư súc đồ vật quân vị chi ky vật. Nhưng biệt trí chi nhất sở, bất cảm phục dụng. Thảng bất hạnh nhi bản cùng cơ cần diệc cố thủ chi bất tương mãi mai vu tha. Man ngôn của [貝古] cử thủ chi vị dã. Hoặc quan binh chinh tiếu [勦=剿chận] thu t rừ hoặc hà man sách tước lược [掠cuớp lấy] khứ diệc bội giá thực chi bất sử thất lạc. Hựu như tân hoạch hòa hồi thổ gia tiền đập thành túc nhi vị cập trí kính man sự, bất cảm tiên tự chữ thực dong [備: làm thuê] cố [雇: thuê] nhân công, diệc vị cảm hoàn công cập chí nhập túc sưng. Gia vị lễ quý thần diệc vị cảm thủ thực.

### Dịch

Đồ vật được người Thượng hạt ta xem là vật kiêng kỵ như là trâu bò, gia súc, đồ vật được cha mẹ cho ngày cưới và trâu bò, gia súc, đồ vật của cha mẹ để lại sau khi chết. Các thứ trâu bò, gia súc, đồ vật ấy đều được cho là vật kiêng kỵ, đều được để riêng một nơi không bao giờ dùng đến. Nhà nghèo túng đến mấy họ cũng cố mà giữ lại chứ không bao giờ đem ra bán. Lời người Thượng nói “*của cử*” là chỉ đến các thứ ấy đấy.

Trường hợp bị quan binh đánh dẹp thu giữ, hoặc bị sách Thượng nào đó cướp mất thì họ tìm mọi cách chuộc về cho được dù bị hết giá gấp nhiều lần giá trị thật, họ cũng phải thu hồi không để bị thất lạc.

Lúa mới sau khi gặt, đập đập thành hạt xong mà chưa biếu thầy cúng thì họ cũng chưa dám giã gạo nấu cơm ăn cũng như chưa trả công người phụ gặt đập cho mình và chưa chắt vào rương vào chòi.

Chưa làm lễ quý thần thì cũng chưa được sử dụng.

撫蠻雜錄卷之二

土地之宜

附水性

山蠻雖居荒落然亦得天地之氣以生均是人類故其性有異而其生理亦無甚異不過各隨主地之宜而已觀其居山林者則以栽樹爲業居平田者則以耕稼爲業其地廣田多如一二三等奇蠻與六奇之青衢蠻皆以耕稼爲業山多田少如四五兩奇蠻則半以栽植爲業半以耕稼爲業存青蓬羅樹二蠻所居連山無有田土則專以栽植桂茶芙蓉芋藷爲業是以一二三等奇蠻與六奇之青衢蠻稍富四五兩奇蠻次之惟青蓬羅樹二蠻則爲貧耳向

**Phiên âm trang 73**  
**PHỦ MAN TẠP LỤC - QUYỀN CHI NHỊ**  
**THỔ ĐỊA CHI NGHI** (*Phụ thủy tính*)

Sơn man tuy cư hoang lạc, nhiên diệc đắc thiên địa chi khí dĩ sinh, quân thị nhân loại. Cổ kỳ tính hữu dĩ, nhi kỳ sinh lý diệc vô thậm dĩ. Bất quá các tùy thổ địa chi nghi nhi dĩ. Quan kỳ cư sơn lâm giả tắc dĩ tài thụ vi nghiệp. Cư bình điền giả tắc dĩ canh giá vi nghiệp. Kỳ địa quảng điền đa như Nhất Nhị Tam đẳng Kỳ man dữ Lục Kỳ chi Thanh Cù man giai dĩ canh giá vi nghiệp. Tôn Thanh Bồng La Thụ nhị man sở cư liên sơn vô hữu điền thổ tắc chuyên dĩ tài thực quế trà, phù lang, vu (dụ, hu) [芋khoai nước] thụ [thụ dự:củ mài] vi nghiệp, thị dĩ Nhất Nhị tam đẳng Kỳ man dữ Lục Kỳ chi Thanh Cù man sảo phú tứ ngũ lượng. Kỳ man thứ chi duy Thanh Bồng La Thụ nhị man tắc vi bản nhĩ, hướng

**Dịch**  
**TRƯỜNG LỮ QUẢNG NGÃI - Quyển 2**  
**THỔ NGHI** (có mục sông suối)

Người Thượng tuy sinh sống nơi hoang dã, nhưng đều nhờ bẩm thụ khí thiêng của trời đất mà sinh ra nên cũng thuộc loài người. Cho nên tuy tính khí của họ khác với người mình, nhưng về mặt cơ thể đều có khác gì người mình. Chẳng qua, do con người ta phải thích nghi với đất địa nơi mình sống mà thôi.

Người sinh sống nơi đồi núi nhấp nhô thì quen việc phát rẫy trồng cây, còn người sinh sống nơi có nhiều đất đai bằng phẳng thì quen việc cày cấy làm ruộng. Đất rộng, ruộng nhiều như người Thượng tại cơ Nhứt, Cơ Nhị, cơ Ba và người Thượng Thanh Cù ở cơ Sáu, thấy đều theo nghề cày cấy. Còn người Thượng tại những nơi núi nhiều ruộng ít như tại cơ Tư, cơ Năm, thì phân nửa chuyên làm rẫy, chỉ có phân nửa theo nghề cày cấy. Riêng hai nhóm người Thượng Thanh Bồng, La Thụ cư trú ở nơi toàn núi non, chẳng có miếng ruộng nào thì chuyên nghề trồng các loại cây lâu năm như quế, trà, trâu cau, khoai nước, củ mài. Vì thế, người Thượng tại cơ Nhứt, Cơ Nhị, cơ Ba, cùng với người Thượng Thanh Cù ở cơ Sáu thì khá giàu có. Còn người Thượng tại cơ Tư, cơ Năm, như người Thượng Thanh Bồng, La Thụ thì nghèo hơn.

止諸蠻栽植其食物耳存如桑棉豆則皆取用於吾民而不知視做

水性

水之毒者如五奇蠻境之雷山水 奇之素溪水六奇之

這勃溪水諾賒水難溪水該五所壘下則五奇之青雲南

薰上處三奇之域蒜一奇之慶江二奇之安亭六奇之海

鮠與難溪亞流該七所其餘皆良雖有稍異無毒

雷山水 在黃五奇麻踏蠻境其水在雷山上泥濘處出其色

然官軍駐紮一夜及旦一皆索嗽不寐遲之發瘧

素溪水 在一奇塔素內蠻境流出與那江水合流故于奔江其水亦清飲之亦發咳嗽但不如雷水之甚毒也

## Phiên âm trang 74

thượng chur man tài thực chi thực vật nhĩ. Tồn như tang miên [棉: cây bông vải] đậu tặc giai thủ dụng ư ngô dân nhi bất tri thị hiệu+.

### THỦY TÍNH

Thủy chi độc giả như Ngũ Kỳ man cảnh chi Lôi Sơn thủy. Nhất Kỳ chi Tố Khê thủy, Lục Kỳ chi Giá Bột [勃: thốt nhiên, bùng bùng, ùn] Khê thủy, Nước Xa [除] thủy, Nan Khê thủy cai ngũ sở. Lũy hạ tặc Ngũ Kỳ chi Thanh Vân, Nam Huân nhị xứ, Tam Kỳ chi Vực Rằm, Nhất Kỳ chi Khánh Giang, Nhị Kỳ chi An Đình, Lục Kỳ chi Lợi Chỉnh dữ Nan Khê hạ lưu cai thất sở. Kỳ dư giai lương, tuy hữu sảo dị vô độc.

*Lôi sơn thủy: Tại Ngũ Kỳ Làng Lui man cảnh. Kỳ thủy tại Lôi sơn thượng Nê Ninh (Suối Bùn) xứ xuất. Kỳ sắc hoàng nhi trọc cấp hồi chữ san hoặc tiên thủy thực thời kỳ sắc giai hắc như mực thủy. Nhiên quan quân trú trác nhất dạ cấp đán nhất giai khai thấu bất mị tri chi phát ngược.*

*Tố Khê thủy: Tại Nhất Kỳ Nước Tố Nội man cảnh lưu xuất dữ Na giang thủy hợp lưu phóng vu Bôn giang. Kỳ thủy diệc thanh ẩm chi diệc phát khai thấu, đăn bất như Lôi thủy chi thậm độc dã.*

### Dịch

Người Thượng trồng trọt chỉ để ăn thôi, nhưng các loại quế, trà, lá dâu, bông vải, mè đậu, ... họ không biết sử dụng, mà để trao đổi với người Kinh lấy các thứ nhu dụng khác, nhất là muối.

### SÔNG SUỐI

Nước của 5 con sông suối sau đây thì độc như nước sông Lôi Sơn tại xứ Thượng cơ Năm, nước suối Tố Khê tại cơ Nhứt nước suối Giá Bột, nước sông Nước Xa, nước suối Nan Khê tại cơ Sáu. Nước sông suối của 7 xứ nằm phía dưới Trường Lũy sau đây cũng độc, như tại 2 xứ Thanh Vân, Nam Huân ở cơ Năm, xứ Vực Rằm ở cơ Ba, xứ Khánh Giang ở cơ Nhứt, xứ An Đình ở cơ Nhì, xứ Suối Chỉnh ở cơ Sáu, cùng với hạ lưu suối Nan Khê. Ngoài ra, tại các xứ Thượng khác thì chất nước có khác nhau nhưng đều lành, không độc.

*Sông Lôi Sơn (gọi tắt là sông Lôi): Tại xứ Thượng Làng Lui thuộc cơ Năm. Sông này phát nguyên từ trên núi Lôi sơn xứ Suối Bùn. Màu nước vàng đục, đem về nấu sôi lên thì nước có màu đen như mực Tàu. Quan quân lưu lại đây có một đêm, ngủ không được, sáng hôm sau đều bị ho, phát sốt.*

*Suối Tố Khê: Tại xứ Thượng Nước Tố thuộc cơ Nhứt, hợp lưu với sông Na Giang rồi đổ ra sông Bôn Giang. Nước suối này khá trong, ai uống nước sông này cũng bị ho, nhưng không quá độc như nước sông Lôi Sơn.*

這勃水在六奇芒瓢上蠻境俗名這勃處其水從

諾賒水在六奇蠻境山上青蓮羅樹二蠻接夾之處其

難溪水在六奇青蓮源其水至如壘下等處均不如蠻境

之甚毒也

## Phiên âm trang 75

### **Giá Bột thủy**

*Tại Nhị Kỳ Mang Biều Thượng man cảnh, tục danh Giá Bột xứ. Kỳ thủy từng Tô sơn Nê Ninh [泥潭](Suối Bùn) xuất, sắc hoàng nhi trọc dữ Lôi thủy vô dị.*

### **Nước Xa thủy**

*Tại Lục Kỳ man cảnh sơn thượng Thanh Bồng La Thụ nhị man tiếp giáp chi xứ. Kỳ thủy từng sơn thạch xuất sào troc hữu xà độc, ẩm chi lệnh nhân khai thấu bất mỹ.*

### **Hán khô thủy**

*Tại Lục Kỳ Thanh Bồng nguyên. Kỳ thủy sắc thanh, ẩm chi lệnh nhân phát ngược.*

Chí như Lũy hạ đẳng xứ quân bất như man cảnh chi thậm độc dã.

### **Dịch**

**Sông Giá Bột:** *Tại xứ Thượng Mang Biều Thượng thuộc cơ Nhị, tục danh là xứ Giá Bột. Sông này phát nguyên từ trên núi Lôi sơn xứ Suối Bùn màu nước vàng đục không khác nước sông Lôi.*

**Sông Nước Xa:** *Tại xứ Thượng núi cao tiếp giáp hai xứ Thanh Bồng, La Thụ thuộc cơ Sáu. Nước sông này từ núi đá chảy xuống có màu đục, có rắn độc trong dòng nước. Ai uống phải nước sông này thì phát ho khan không ngủ được.*

**Suối Hán khô:** *Tại nguồn Thanh Bồng thuộc cơ Sáu. Nước trong, nhưng ai uống phải nước suối này thì phát sốt.*

Nước sông suối các xứ ở dưới Trường Lũy đều không quá độc như tại các xứ Thượng.

租稅之額

國初設立四源源各有稅內平山縣二源沱蓬虬晏是也  
彰義一源附晏是也慕德一源波漸是也沱蓬源設有該  
官滾官各二存三源設該官滾官各一蓋以沱蓬源蠻漢  
交易甲於他源故也其該等員管率源內諸商戶炤收源  
稅全年稅錢一千四百五十貫代納桂錢二十貫合共一  
千四百七十貫內沱蓬源六百貫沱虬晏源三百五十貫  
桂錢二十貫附晏源一百四十貫波漸源三百六十貫然  
但據諸商戶催收而已至如蠻柵原無稅例偽西辰沱蓬  
源增收稅錢四百併與原例該一千二百貫此際各該商



## TÔ THUẾ CHI NGẠCH

Quốc sơ thiết lập tứ nguyên, nguyên các hữu thuế nội. Bình Sơn huyện nhị nguyên Trà Bồng, Cầu [虫乙] Bà thị dã. Chương Nghĩa nhất nguyên Phụ Bà thị dã. Mộ Đức nhất nguyên Ba Tư thị dã.

Trà Bồng nguyên thiết hữu Cai Quan, Côn Quan các nhị. Tồn tam nguyên thiết cai quan, Côn quan các nhất. Cái dĩ Trà Bồng nguyên man Hán giao dịch giáp ư tha nguyên cố dã. Kỳ cai [該: ở đó] đẳng viên quản suất nguyên nội, chư thương hộ chiếu thu nguyên thuế đồng niên thuế tiền nhất thiên tứ bách ngũ thập quán [貢: một quan tiền=1xấu 1.000 đồng tiền], đại nạp quế tiền nhị thập quán, hợp cộng nhất thiên tứ bách thất thập quán. Nội Trà Bồng nguyên; lục bách quán, nội Cầu Bà nguyên, tam bách ngũ thập quán, quế tiền nhị thập quán. Phụ Bà nguyên, nhất bách tứ thập quán, Ba Tư nguyên, tam bách lục thập quán, nhiên dẫn cứchư thương hộ thôi thu nhi dĩ. Chí như man sách nguyên vô thuế lệ, ngụy Tây thời, Trà Bồng nguyên tăng thu thuế tiền tứ bách tính dữ nguyên lệ cai nhất thiên nhị bách quán. Thử tể các cai thương

### Dịch

#### CÁC NGẠCH THUẾ

Thời triều ta mới cầm quyền, thiết lập 4 vùng đầu nguồn để thu thuế.

Huyện Bình Sơn (*bấy giờ kiêm cả huyện Sơn Tịnh ngày nay*) gồm hai nguồn là nguồn Trà Bồng và nguồn Cầu Bà. Huyện Chương Nghĩa có một nguồn là nguồn Phụ Bà. Huyện Mộ Đức có một nguồn là nguồn Ba Tư.

Nguồn Trà Bồng thiết lập bộ phận thu thuế có Cai Quan, Côn Quan đều 2 người, còn 3 nguồn kia thì Cai Quan, Côn Quan chỉ một người. Bởi lẽ, địa điểm giao dịch của nguồn Trà Bồng giáp xứ người Thượng. Các viên quản lý trong nguồn nào thì chiếu theo các thương hộ mà thu thuế đầu nguồn. Tiền thuế thu từ nguồn Trà Bồng là 600 quan, thêm tiền thuế về quế ở nguồn này là 20 quan nữa, tiền thuế thu từ nguồn Cầu Bà là 350 quan, từ nguồn Phụ Bà là 140 quan, từ nguồn Ba Tư 360 quan, từ tiền thuế quế của nguồn Trà Bồng là 20 quan. Hàng năm đồ đồng tiền thuế cả 4 nguồn là 1450 quan, thêm tiền thuế về quế là 20 quan, tổng cộng 1.470 quan. Việc thu thuế ấy nơi các thương hộ mà thôi, không đưng đến dân Thượng. Các sách Thượng không phải đóng bất cứ loại thuế nào. Thời Tây Sơn, nguồn Trà Bồng tăng tiền thuế là 400 quan, tức 1,000 quan, các nguồn khác đều theo lệ nộp tiền thuế 1.200 quan. Mút thuế, các thương

戶不能充納一皆逃廢嘉隆壬戌元年仍依

先朝稅例 癸亥二年沱蓬源省減該官滾官各一三源仍舊其  
虬婁源增設大河桐樹政場附邑羅樹五道所附婁源增  
設安岳安義清風香樹四道所波澌源增置歸政青林夏  
涼沙梅四道所該十三道所虬婁源之大河桐樹二道一  
所稅錢一百貫政場附邑二道一所稅錢一百五十貫桂  
錢十二貫羅樹道一所稅錢一百貫桂錢八貫內附婁源  
之安岳道所稅錢十五貫安義道所稅錢二十五貫香樹  
道所稅錢五十貫清風道所稅錢五十貫波澌源之歸政  
道所稅錢一百貫青林道所稅錢六十貫夏涼道所稅錢

### Phiên âm trang 78

hộ bắt nã sung nạp, nhất giaiđào phé. Gia Long Nhâm Tuất nguyên niên nhưng y tiên triều thuế lệ. Quý Hợi nhị niên, Trà Bồng nguyên tinh giảm Cai Quan Côn Quan các nhất tam nguyên nhưng cựu. Kỳ Cầu Bà nguyên tăng thiết Đại Hà, Đồng Thụ, Chính Trường, Phụ Áp, La Thụ ngũ đạo sở. Phụ Bà nguyên tăng thiết An Nham, An Nghĩa, Thanh Phong, Hương Thụ tứ đạo sở. Ba Tư nguyên tăng trí Quy Chính, Thanh Lâm, Hạ Lương, Sa Mai tứ đạo sở. Cai thập tam đạo sở, Cầu Bà nguyên chi Đại Hà, Đồng Thụ nhị đạo nhất sở thuế, tiền nhất bách quán. Chính Trường, Phụ Áp nhị đạo nhất sở thuế, tiền nhất bách ngũ thập quán, quế tiền thập nhị quán. La Thụ đạo nhất sở thuế, tiền nhất bách quán, quế tiền bát quán. Nội Phụ Bà nguyên chi An Nham đạo sở thuế, tiền thập ngũ quán, An nghĩa đạo sở thuế, tiền nhị thập ngũ quán, Hương Thụ đạo sở thuế, tiền ngũ thập quán, Thanh Phong đạo sở thuế, tiền ngũ thập quán. Ba Tư nguyên chi Quy Chính đạo sở thuế, tiền nhất bách quán, Thanh Lâm đạo sở thuế, tiền lục thập quán, Hạ Nguyên đạo sở thuế, tiền

### Dịch

không khả năng đóng, nên đều trốn.

Năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long nguyên niên, cho thu thuế theo lệ cũ của các Chúa Nguyễn.

Năm Quý Hợi (1803), niên hiệu Gia Long thứ 2, nguồn Trà Bồng giảm Cai quan, Côn Quan còn 1 người như 3 nguồn kia. Nguồn Cầu Bà lập thêm 5 đạo sở là Đại Hà, Đồng Thụ, Chính Trường, Phụ Áp, La Thụ. Nguồn Phụ Bà lập thêm 4 đạo sở là An Nham, An Nghĩa, Thanh Phong, Hương Thụ. Nguồn Ba Tư lập thêm 4 đạo sở là Quy Chính, Thanh Lâm, Hạ Lương, Sa Mai. Trong 13 đạo sở lập thêm này thì 2 đạo Đại Hà, Đồng Thụ chung một sở thuế, tiền thu 100 quan. 2 đạo Chính Trường, Phụ Áp chung một sở thuế, tiền thu 152 quan, thuế tiền quế 12 quan. đạo La Thụ một sở thuế, tiền 100 quan, thuế tiền quế 8 quan. Tại nguồn Phụ Bà, sở thuế đạo An Nham tiền 15 quan, sở thuế đạo An Nghĩa, tiền 25 quan, sở thuế đạo Hương Thụ, tiền 50 quan, sở thuế đạo Thanh Phong, tiền 50 quan. Tại nguồn Ba Tư, sở thuế đạo Quy Chính, tiền 100 quan, sở thuế đạo Thanh Lâm, tiền 60 quan, sở thuế đạo Hạ Nguyên, tiền

一百四十貫沙梅道所稅錢六十貫存沱蓬源無分道所稅錢仍六百貫三源雖分道所而稅亦依舊無有增損

丙子十五年沱蓬源改設武甲該隊便宜該官該合滾官江官首合該屬記屬該八員人三源仍舊該官各一明

命辛巳二年沱蓬源省減該合該屬記屬只存武甲該隊便宜該官滾官江官首合五員人三源改置便宜隊長各

一 甲申五年沱蓬改置守禦一合與便宜滾官該二員

三源守禦各一 戊子九年沱蓬源省減滾官只存守禦

一與三源同又增設役目屬隸或一或二 戊戌十九年

議 準遇有閏月其沱蓬源增稅錢五十貫虬晏波

### Phiên âm trang 79

nhất bách tứ thập quán, Sa Mai đạo sở thuế, tiền lục thập quán. Tồn Trà Bồng nguyên vô phân đạo sở thuế, tiền nhưng lục bách quán. Tam nguyên tuy phân đạo sở nhi thuế diệc y cựu vô hữu tăng tồn. Bính Tý thập ngũ niên, Trà Bồng nguyên cải thiết Võ Giáp, Cai Đội, Tiện Nghi, Cai Quan, Cai Hợp, Cồn Quan, Giang Quan, Thủ Hợp, Cai Thuộc, Ký Thuộc, Cai Bát viên nhân. Tam nguyên nhưng cựu Cai Quan các nhất. Minh Mệnh Tân Tỵ nhị niên, Trà Bồng nguyên tinh giảm Cai Hợp, Cai Thuộc, Ký Thuộc, chỉ tồn Võ Giáp, Cai Đội, Tiện Nghi, Cai Quan, Cồn Quan, Giang Quan, Thủ Hợp ngũ viên nhân. Tam nguyên cải trí Tiện Nghi, Đội trưởng các nhất. Giáp Thân ngũ niên, Trà Bồng cải trí Thủ Ngự nhất hợp dữ Tiện nghi, Cồn Quan cai nhị viên. Tam nguyên Thủ Ngự các nhất. Mậu Tý cửu niên, Trà Bồng nguyên tinh giảm Cồn Quan chỉ tồn Thủ Ngự nhất dữ tam nguyên đồng hựu tăng thiết Dịch Mục, Thuộc Lệ hoặc nhất hoặc nhị. Mậu Tuất thập cửu niên nghị chuẩn ngộ hữu nhuận nguyệt kỳ, Trà Bồng nguyên tăng thuế tiền ngũ thập quán, Cầu Bà, Ba

### Dịch

140 quan, sở thuế đạo Sa Mai tiền 60 quan. Còn nguồn Trà Bồng không phân đạo sở thuế như các nguồn kia, tiền thuế là 600 quan như cũ. Ba nguồn kia tuy phân đạo sở nhưng tiền thuế vẫn y như cũ không tăng thêm, giảm bớt.

Năm Bính Tý (1816), niên hiệu Gia Long thứ 15, nguồn Trà Bồng được cải tổ đặt các chức việc Võ Giáp, Cai Đội, Tiện Nghi, Cai Quan, Cai Hợp, Cồn Quan, Giang Quan, Thủ Hợp, Cai Thuộc, Ký Thuộc, Cai Bát. Ba nguồn kia vẫn giữ Cai Quan, mỗi chức một viên như cũ .

Năm Tân Tỵ (1821), niên hiệu Minh Mệnh thứ 2, nguồn Trà Bồng bãi bỏ các chức việc Cai Hợp, Cai Thuộc, Ký Thuộc, chỉ còn 5 chức việc Võ Giáp, Cai Đội, Tiện Nghi, Cai Quan, Cồn Quan, Giang Quan, Thủ Hợp. Ba nguồn kia bố trí các chức việc Tiện Nghi, Đội Trưởng, đều một viên.

Năm Giáp Thân (1824), niên hiệu Minh Mệnh thứ 5, cải tổ nguồn Trà Bồng, bố trí một viên Thủ Ngự hợp với 2 chức việc Tiện Nghi, Cồn Quan. Ba nguồn kia chỉ một viên Thủ Ngự.

Năm Mậu Tý (1828), niên hiệu Minh mệnh thứ 9, nguồn Trà Bồng bỏ chức Cồn Quan, chỉ còn một viên Thủ Ngự cùng ba nguồn kia bố trí thêm một hay hai chức việc Dịch Mục, Thuộc Lệ.

Năm Mậu Tuất (1838), niên hiệu Minh Mệnh thứ 19, triều đình họp bàn quyết định năm có tháng nhuận thì tăng tiền thuế. Nguồn Trà Bồng tiền thuế tăng 50 quan, hai nguồn Cầu Bà, Ba

浙二源增稅錢各三十貫附晏源增稅錢十貫其增閏月  
稅錢該一百二十貫併與原例稅錢合共一千五百九十  
貫年無閏月稅錢仍舊此以後永爲定例 紹治辛丑元  
年改沱蓬爲青蓬虬晏爲青衢附晏爲附安波浙爲安波  
諸道所其稅例仍舊 壬寅二年諸汛分不寧領兵官阮  
永誘殺降蠻于歸政道芙蓉場從此交易不通青林遂廢安  
波源只存三道所附安安波二源道所諸役目屬隸等並  
行罷削其稅例交所在諸社民領徵青蓬青衢汛分寧帖  
仍舊 嗣德辛亥四年青蓬源寧帖省減守禦只存役目  
屬隸領徵稅例而已三源仍舊守禦各一 癸丑六年山

Tơ nhị nguyên tăng thuế tiền các tam thập quán, Phụ Bà nguyên tăng thuế tiền thập quán. Kỳ tăng nhuận nguyệt thuế tiền cai nhất bách nhị thập quán tính dữ nguyên lệ thuế, tiền hợp cộng nhất thiên ngũ bách cửu thập quán. Niên vô nhuận nguyệt thuế tiền nhưng cựu thử dĩ hậu vĩnh vi định lệ. Thiệu Trị Tân Sửu nguyên niên, cải Trà Bông vi Thanh Bông, Cầu Bà vi Thanh Cù, Phụ Bà vi Phụ An, Ba Tơ vi An Ba chư đạo sở. Kỳ thuế lệ nhưng cựu. Nhâm Dần nhị niên, chư tẩn phạt bất ninh, lãnh binh Nguyễn Vĩnh Dụ sát hàng man vu quy chính. Đạo Phù Trường tủng thử giao dịch bất thông, Thanh Lâm toại phé, An Ba nguyên chỉ tồn tam đạo sở. Phụ An, An Ba nhị nguyên đạo sở chư Dịch Mục, Thuộc Lệ đẳng tịnh hành bãi tước kỳ thuế lệ giao sở tại chư xã dân lãnh trung. Thanh Bông, Thanh Cù tẩn phạt ninh thiếp nhưng cựu. Tự Đức Tân Hợi tứ niên, Thanh Bông nguyên ninh thiếp tinh giảm Thủ Ngự, chỉ tồn Dịch Mục vi lệ lĩnh trung thuế lệ nhi dĩ. Tam nguyên nhưng cựu Thủ Ngự các nhất.

Quý Sửu lục niên, sơn

### Dịch

Tơ tiền thuế tăng 30 quan, nguồn Phụ Bà tiền thuế tăng 10 quan. Tổng cộng năm có tháng nhuận thì thuế tăng thêm 120 quan, tổng cộng cả hạt thành 1.590 quan. Năm bình thường không có tháng nhuận thì thu theo định mức lệ cũ.

Năm Tân Sửu (1841), Thiệu Trị nguyên niên, đổi tên các đạo sở như sau:

Trà Bông thành Thanh Bông, Cầu Bà thành Thanh Cù, Phụ Bà thành Phụ An, Ba Tơ thành An Ba. Lệ tiền thuế theo như cũ.

Năm Nhâm Dần (1842), niên hiệu Thiệu Trị thứ 2, các Tẩn phạt không yên, Quan Lãnh binh Nguyễn Vĩnh Dụ giết một người Thượng, người này trước làm giặc nay đến quy chính. Vì thế, từ đó mất đi việc giao dịch Kinh Thượng ở đạo sở Phù Trường, ở đạo Thanh Lâm cũng trở nên vắng lặng, nguồn An Ba chỉ còn 3 đạo sở. Các chức việc Dịch Mục, Thuộc Lệ ở đạo sở thuộc hai nguồn Phụ An, An Ba đều giao cho dân sở tại lãnh trung thuế lệ. Hai tẩn phạt Thanh Bông, Thanh Cù thì được yên ổn, mọi việc như cũ.

Năm Tân Hợi (1851), niên hiệu Tự Đức thứ 4, nguồn Thanh Bông yên ổn nên bỏ chức Thủ Ngự, chỉ còn chức Dịch Mục theo lệ cho lĩnh trung thuế lệ mà thôi. Ba nguồn kia có một viên Thủ Ngự như cũ.

Năm Quý Sửu (1853), niên hiệu Tự Đức thứ 6, Người

蠻蠢動布政使黎賞按察使裴靄等 奏請源稅十分減

二欽奉

旨準在案現存寔徵全年一千三百二十貫 乙卯八年三源守  
禦並行省減源稅據諸役目商戶等領徵嗣而蠻匪愈日  
愈滋交易不通遞年稅錢每每掛欠 癸亥十六年予奉  
回剿辦抵欠之日摺請各源道所諸交易場並行禁止源  
稅寬免一年以便征剿欽奉

旨準在案 乙丑十八年蠻匪漸平予擬請改定各源稅例並征  
收各柵降蠻稅粟又設譯蠻二隊自一奇至五奇諸商戶  
附商人等束為一隊青蓬青衡二源役目屬隸商戶束為



### Phiên âm trang 81

man xuân động, Bó chánh sứ Lê Dân, Án sát sứ Bùi Ái đẳng tấu thỉnh nguyên thuế thập phân giảm nhị khâm phụng.

Chỉ chuẩn tại án, hiện tồn thật trung đồng niên nhất thiên tam bách nhị thập quán. Ất Mão bát niên, tam nguyên Thủ Ngự tịnh hành tinh giảm, nguyên thuế cứ chư Dịch Mục thương hộ đẳng lĩnh trung tự, nhi man phi dụ nhật dụ tư [減: thêm, càng] giao dịch bất thông, đệ [遞: thay đổi, lần lượt] niên thuế tiền mỗi mỗi quái khiếm. Quý Hợi thập lục niên, dư phụng hồi tiểu biện để thứ chi nhật, tập thỉnh các nguyên đạo sở chư giao dịch trường tịnh hành cấm chỉ, nguyên thuế khoan miễn nhất niên dĩ tiện chinh tiểu khâm phụng. Chỉ chuẩn tại án, Ất Sửu thập bát niên, man phi tiệp bình, dư nghĩ thỉnh cải định các nguyên thuế lệ tịnh chinh thu các sách hàng man thuế túc hựu thiết Dịch Man nhị đội, tự Nhất Kỳ chí Ngũ Kỳ. Chư thương hộ, phụ thương nhân đẳng thúc vi nhất đội, Thanh Bông Thanh Cù nhị nguyên Dịch Mục, Thuộc Lệ thương hộ thúc vi

### Dịch

Thượng lại quấy phá, các quan Bó chánh sứ Lê Dân, Án sát sứ Bùi Ái tâu xin cho giảm 2 phần 10 thuế đầu nguồn.

Triều đình chấp thuận cho giảm nhưng mỗi năm phải trung thu 1.320 quan.

Năm Ất Mão (1855), niên hiệu Tự Đức thứ 8, chức việc Thủ Ngự đồng loạt bị bãi bỏ tại 3 nguồn. Thuế đầu nguồn do chức việc Dịch Mục cùng các thương hộ lĩnh trung, nhưng tình hình giặc Thượng càng ngày càng căng, khiến cho việc giao dịch không thông suốt, tiền thuế thu được mỗi năm mỗi thiếu.

Năm Quý Hợi (1863), niên hiệu Tự Đức thứ 16, ta phụng mệnh lo việc đánh dẹp giặc Thượng. Khi về đến nơi rà soát tình hình, ta tâu xin được lệnh cấm chỉ mọi hoạt động giao dịch Kinh Thượng, đồng thời xin được miễn thuế đầu nguồn một năm để tiện cho việc dẹp giặc. Triều đình chấp thuận.

Năm Ất Sửu (1865), niên hiệu Tự Đức thứ 18, tình hình giặc Thượng tạm lắng, ta lại tâu xin điều chỉnh các thuế lệ đầu nguồn tại hạt ta, cũng như kéo quân đi các sách người Thượng quy hàng ta để thu thuế lúa. Ta còn lập 2 đội Dịch Man hoạt động suốt từ cơ Nhứt đến cơ Năm. Ta tổ chức một đội gồm các thương hộ, phụ thương gia. Còn tại cơ Sáu, tức hai nguồn Thanh Bông, Thanh Cù thành, thì tổ chức các chức việc Dịch Mục, Thuộc Lệ với các thương hộ mỗi nguồn một đội, tức

二隊隊有率隊各招本分蠻稅數千催收登納在三大堡  
存交易稅交該各奇收納其青蓬青衢二源道所仍舊餘  
各源道所名號並行罷削每奇各設交易場一所許他交  
易欽奉

旨準在案其新定稅例青蓬源全年交易稅錢八百貫青衢源四  
百貫一二三四五等奇每奇全年交易稅錢各三十貫合  
共交易稅錢全年一千三百五十貫其如蠻稅內一奇蠻  
柵全年稅粟二百三十斛二奇蠻稅粟全年三百斛三奇  
蠻稅粟全年二百九十斛四奇蠻稅粟全年一百二十斛  
五奇蠻稅粟全年四十斛六奇清衢源蠻稅粟全年二百

## Phiên âm trang 82

nhị đội, hữu Suất đội. Các chiếu bản phân man thuế số can thôi thu đăng nạp tại tam đại bảo, tồn giao dịch thuế giao cai các Kỳ thu nạp. Kỳ Thanh Bồng, Thanh Cù nhị nguyên đạo sở nhưng cựu, dư các nguyên đạo sở danh hiệu tịnh hành bãi tước, mỗi Kỳ các thiết giao dịch trường nhất sở, hứa tha giao dịch khâm phụng. Chi chuẩn tại án, kỳ tân định thuế lệ, Thanh Bồng nguyên đồng niên giao dịch thuế tiền bát bách quán, Thanh Cù nguyên, tứ bách quán. Nhất Nhị Tam Tứ Ngũ đăng kỳ, mỗi Kỳ đồng niên giao dịch thuế tiền các tam hợp cộng giao dịch thuế tiền các tam thập quán, hợp cộng giao dịch thuế tiền đồng niên nhất thiên tam bách ngũ thập quán. Kỳ như man thuế nội, Nhất Kỳ man sách, đồng niên thuế túc nhị bách tam thập học [斛=10 đấu], Nhị Kỳ man, thuế túc đồng niên tam bách học, Tam Kỳ man, thuế túc đồng niên nhị bách cửu thập học. Tứ Kỳ man, thuế túc đồng niên nhất bách nhị thập học, Ngũ Kỳ man, thuế túc đồng niên tứ thập học. Lục Kỳ Thanh Cù nguyên man, thuế túc đồng niên nhị bách

### Dịch

hai đội, có Suất đội. Các đội này căn cứ vào sổ sách từng nơi, qui định thời gian thôi thúc họ đến nộp thuế tại 3 đồn bảo lớn (*Tam Đại bảo*). Số thuế còn tồn thì các cơ thu nộp. Các đạo sở thu thuế tại hai nguồn Thanh Bồng, Thanh Cù giữ như cũ, còn các đạo sở của các nguồn kia đều đồng loại bãi bỏ. Mỗi cơ lập một cái chợ để Kinh Thương trao đổi, buôn bán.

Triều đình chấp thuận, cho định lại thuế lệ mới, nguồn Thanh Bồng mỗi năm tiền thuế 800 quan, nguồn Thanh Cù 400 quan. Các cơ Nhứt, Nhị, Ba, Tư, Năm, mỗi cơ hàng năm tiền thuế giao dịch các tam hợp cộng giao dịch thuế tiền, đồng niên 1.350 quan. Còn thuế làng thì sách người Thượng cơ Nhứt hàng năm thuế quy ra lúa là 230 đấu, sách người Thượng cơ Nhị hàng năm thuế quy ra lúa là 300 đấu, sách người Thượng cơ Ba hàng năm thuế quy ra lúa là 290 đấu, sách người Thượng cơ Tư hàng năm thuế quy ra lúa đồng niên là 120 đấu, sách người Thượng cơ Năm thuế hàng năm quy ra lúa là 40 đấu. Riêng người Thượng cơ Sáu nguồn Thanh Cù hàng năm thuế quy ra lúa là 220 đấu

二十斛蠻稅水藤全年四萬線青蓮蠻稅水藤全年六萬  
線合共全年蠻稅粟一千二百斛水藤十萬線遞年分爲  
二徵仍各照隨稅例多少附納耗粟或十斛或二三十斛  
者有之水藤或一千或二三千者有之至如龍藤在省亦  
嘗咨買辦公向上諸稅例自來爲日已久各已樂於輸納  
矣

## Phiên âm trang 84

nhị thập học, man thuế thủy đăng [藤: dây mây] đồng niên tứ vạn tuyến [線: dây, chiều dài], Thanh Bồng man, thuế thủy đăng đồng niên lục vạn tuyến. Hợp cộng đồng niên man thuế túc nhất thiên nhị bách học, thủy đăng thập vạn tuyến đệ niên phân vi nhị trung [徵: - nộp], nhưng các chiếu tùy thuế lệ đa thiếu phụ nạp hao [耨毛:hao] túc hoặc thập học, hoặc nhị tam thập học giả hữu chi, thủy đăng hoặc nhất thiên hoặc nhị tam thiên giả hữu chi. Chí như long đăng tại tỉnh diệc thường tư [咨:tư vấn: báo lên] mãi biện công hướng thượng, chư thuế lệ tự lai vi nhật dĩ cửu, các dĩ lạc ư thân nạp hỹ.

### Dịch

Thuế khai thác dây mây hàng năm 40.000 dây, nguồn Thanh Bồng, thuế dây mây hàng năm là 60.000 dây. Tổng cộng hàng năm thuế lúa là 1.220 đấu, thuế dây mây 100.000 dây. Trong năm phân 2 lần nộp thuế, nhưng các nơi tùy thuế lệ nhiều ít mà nộp, thuế lúa khi thì 10 đấu, khi thì 20, 30 đấu, thuế dây mây, khi thì 1.000 dây, khi thì 2.000 dây. Đến như loại dây mây “long đăng” tại tỉnh ta cũng thường báo lên “mại biện”, nhưng các thuế lệ từ trước đã như thế lâu rồi nên cứ thu nộp theo định lệ vậy.

巢撫之策

我轄山蠻素性兇悍行走輕捷至如焱風去如收電

漢王恢言

恃險扼要放箭飛鎗是彼之長技也方吾進兵攻之始彼即相率兇悍數十丁或十餘丁或五六丁據扼拒戰如彼抵敵不住則一皆走散不見聲跡待至吾兵引出彼在山林中互相呼喚聲動山谷使我寒心彼遂尾其後而撓之或扼要而放箭飛鎗我若一有造次彼必得志前次官兵往往為彼剽衄者已非一次即如嗣德八年軍次陳知等進攻廊衣蠻三次而不能入彼巢穴是彼之恃險也紹治四年省臣按察故克敏進攻明隆蠻夜間回師風聲鶴唳

**TIỂU PHỦ CHI SÁCH**

Ngã hạt sơn man tố tính hung hãn hành tẩu khinh tiệp [捷: nhanh], chí như cuồng phong, khứ như thu điện (*Hán vương khôì ngôn*) đặc hiểm ách [扼: giữ chẹn], yếu phóng tiễn phi thương thị bì chi trường kỹ [技: tài, nghề] dã. Phương ngô tiến binh công chi, thủy bì tức tương suất hung hãn số thập đình hoặc thập dư đình hoặc ngũ lục đình cứ ách cự chiến. Như bì để địch bất trụ, tác nhất giai tẩu tán, bất kiến thanh tích. Đãi chí ngô binh dẫn xuất, bì tại sơn lâm trung, hễ tương hô hoán, thanh động sơn cốc, sử ngã hàn tâm. Bì toại vĩ kỳ hậu nhi nhiều chi, Hoặc ách yếu nhi phóng tiễn phi thương ngã. Nhược nhất hữu tạo thứ, bì tất đắc chí tiên thứ quan binh vãng vãng vi bì tòa nục [紐: bị thua, đỏ máu] giả dĩ phi nhất thứ tức. Như Tụ Đức bát niên, quân thứ Trần Tri đẳng tiến công Làng Y man tam thứ nhi bất năng nhập bì sào huyết, thị bì chi đặc hiểm dã. Thiệu Trị tứ niên, tinh thần Án sát Mai Khắc Mai tiến công Minh Long man, dạ gian hồi sư phong thanh hạc lệ [喉:kêu]

**Dịch**

**SÁCH LƯỢC TIỂU PHỦ**

Người Thượng ở hạt ta, bản tính hung hãn, di chuyển nhanh nhẹn, đến như cuồng phong, đi như tia chớp (*lời nói khoa ngôn của Hán vương*). Sở trường của họ là thủ thế ở chỗ hiểm yếu, bắn tên, phóng thương giết người. Khi ta tiến quân đánh chúng thì trước hết chúng đốc thúc vài mươi tên, có khi mười mấy tên ít ra thì cũng năm sáu tên hung hãn nhất chiếm giữ các chỗ hiểm chống cự. Nếu như bị yếu thế liệu không chống nổi thì họ đồng loạt trốn biệt không thể tìm ra dấu vết. Họ chờ cho quân ta vào sâu trong địa bàn mình, rồi đồng thanh hò hét vang động núi rừng, ý làm thế sẽ khiến cho lính ta khiếp sợ, rồi đeo bám theo đuôi đoàn quân ta để tùy cơ công kích, hoặc ẩn núp chỗ khuất bắn tên phóng thương vào quân ta. Nếu gây nên thiệt hại quân ta được một lần tức thì họ đắc chí lảng vảng trước quân ta tấn công quân ta không ngừng.

Như vào niên hiệu Tự Đức thứ 8 (1854), quân thứ của tướng Trần Tri tiến công người Thượng ở Làng Y ba lần nhưng không vào được đến sào huyết cực kỳ hung hiểm của họ.

Niên hiệu Thiệu Trị thứ 4 (1843), quan Án sát tỉnh nhà là Mai Khắc Mai tiến công người Thượng Minh Long, khi đêm tối kéo quân về, nghe tiếng chim hạc kêu,

之驚自相蹂躪而死者不可勝數嗣德十二年布政阮增  
信進攻諾素蠻既勝之後不有闕防爲彼伏截官兵被斃  
並棄失砲械者多是彼之扼要也此但舉一二言之其餘  
不可枚舉是蠻者可以威服而不可以仁畜也漢王恢言必須  
將有機畧御下得情用兵謹慎賞罰嚴明行止有節進退  
有度路徑必熟險易必詳其訓練吾兵也宜用藤牌飛鎗  
鐵鎗鳥鎗火砲至如棍劍長槍則不甚得力倘有進攻何  
柵訂日擇向將自知之不可使軍人先識及其到處則視  
其兩邊山林形勢不須剪伐道路使彼料知如彼之居高  
也吾當精選勇敢數輩探路潛行而大兵隨之或分兵二



chi kinh tự tương như [驟:dẫm xẻo] lạn nhi từ giả bất khả thắng số. Tự Đức thập nhị niên, Bồ chánh Nguyễn Tăng Tín tiến công Nước Tố man, ký thắng chi, hậu bất hữu quan phòng vi bị phục tiệt, quan binh bị tệt [斃] tịnh khí thất pháo giới giả đa, thị bị chi ách yếu dã. Thử dẫn cử nhất nhị ngôn chi kỳ dư bất khả mai cử. Thị man giả bất khả dĩ uy phục nhi bất khả dĩ nhân súc dã (*Hán vương khô ngôn*), tắc tu tướng hữu cơ lược ngự hạ đắc tình, dụng binh cẩn thận, thường tước nghiêm minh, hành chi hữu tiết, tiến thoái hữu độ, lộ kính tất thực, hiểm dị tất tường. Kỳ huấn luyện ngô binh dã, nghi dụng đằng bài, phi thương, thiết mặc, ô thương, đại pháo. Chí như côn kiếm trường thương tắc bất thậm đắc lực. Thắng hữu tiến công hà sách, đỉnh nhật trạch hướng, tướng tự tri chi bất khả sử quân nhân tiên thức. Cập kỳ đáo xứ tắc thị kỳ lưỡng biên sơn lâm hình thế, bất tu tiễn phạt đạo lộ sử bị liệu [料: lo lường, tính] tri như bị chi cư cao dã. Ngô đương tình tuyền dũng cảm số bối thám lộ tiềm hành nhi đại binh tùy chi hoặc phân binh nhị

### Dịch

thì sợ khiếp, quan quân tranh nhau chạy, dẫm đạp lên nhau mà chết nhiều, không biết bao nhiêu mà kể.

Niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1858), quan Bồ chánh tỉnh nhà là Nguyễn Tăng Tín tiến công sách Thượng Nước Tố, dẹp xong rồi, sau lại không phòng bị để sơ hở, bị địch phục kích, quan binh bị chết, vũ khí bị mất nhiều,

Nói chung, đối với người Thượng không thể lấy nhân nghĩa lễ nghi ra mà bảo ban họ mà chỉ có thể làm cho họ sợ phục thôi (*lối nói khoa ngôn của Hán vương*). Vì thế, làm tướng chỉ huy phải có mưu lược, đối xử có tình, dụng binh cẩn thận, thường phạt nghiêm minh, đi đứng có trật tự, tiến thoái có phép tắc, thông thuộc đường sá, biết rành nơi dễ chỗ khó. Ta huấn luyện tướng sĩ chuyên các môn đằng bài, phi thương, thiết mặc, ô thương, đại pháo, còn côn kiếm, trường thương không đắc dụng ở đây.

Khi đánh dẹp nơi nào, ta chọn ngày giờ, hướng xuất quân, tướng lãnh thì đương nhiên được biết rõ, nhưng không nên cho lính biết trước. Đến nơi rồi, nhất định phải khảo sát hình thế rừng núi hai bên, không nên phát dọn mở đường để quân địch liệu tính ý đồ của ta. Nếu địch ở tuốt trên cao thì ta nên tuyền lựa một số tay dũng cảm sai đi do thám tìm đường, còn đại quân tùy tình hình mà chia quân làm hai cánh,

三道而同登此道不進他道進之此路不達別尋他路如  
彼之居深也吾當分兵一正一奇一遊一擊先放鳥鎗清  
道軍則懸崖而下此途有梗便探別途或先行相視形勢  
日間派兵剪伐開一條路夜間潛師由別路行使彼不能  
測量或挑戰于前而潛陷于後左右相顧首尾相接無高  
不登無險不履兵之所到將亦隨之或將先入而兵隨之  
不至彼之巢穴則不休不破彼之家產則不已及其戰罷  
必審彼之動靜然後擊鼓收軍以後爲前其前道擇其兩  
邊林叢或石堆有勢者分兵潛伏或一二所或三四所徐  
徐而出其後道精選勇敢數十捍後徐行竊窺彼之有無

tam đạo nhi đồng đẳng, thù đạo bất tiến tha đạo tiến chi, thù lộ bất đạt, biệt tầm tha lộ, như bi chi cư thâm dã. Ngô đương phân binh nhất chính, nhất kỳ, nhất du, nhất kích. Tiên phóng điều thương thanh đạo, quân tắc huyền nhai nhi há. Thù đồ hữu ngành tiện thám biệt đồ. Hoặc tiên hành tương thị hình thể, nhật gian phái binh tiến phạt khai nhất điều lộ, dạ gian tiềm sư do biệt lộ hành sử, bi bất năng trắc lượng. Hoặc khiêu chiến vu tiên nhi tiềm hãm vu hậu, tả hữu tương cố, thù vĩ tương tiếp. Vô cao bất đẳng, vô hiềm bất lý. Binh chi sở đáo, tướng diệc tùy chi hoặc tướng tiên nhập nhi binh tùy chi. Bất chí bi chi sào huyết, tắc bất hưu, bất phá bi chi gia sản, tắc bất dĩ cấp kỳ chiến bãi. Tất thâm bi chi động tĩnh nhiên hậu kích cổ thu quân. Dĩ hậu vi tiên, kỳ tiên đạo trạch kỳ lưỡng biên lâm tùng, hoặc thạch đôi hữu thể, binh tiềm phục, hoặc nhất nhị sở, hoặc tam tứ sở, từ từ nhi xuất. Kỳ hậu đạo tinh tuyền dững cảm số thập can hậu, từ hành thiết khuy bi chi hữu vô

### Dịch

ba cánh cùng tiến lên, cánh này không tiến được thì cánh kia tiến. Lối quân mình không lên tới được thì nhất định cũng không theo lối đi quen thuộc của địch để đến chỗ địch trốn trong sâu.

Ta nên phân quân ra làm các nhóm chính binh, kỳ binh, du binh, kích binh. Trước hết, cho bắn súng điều thương dọn đường cho quân bám sườn núi kéo xuống, vấn đề là tìm cho ra một con biệt lộ. Hoặc trước hết ta cho khảo sát hình thể rồi ban ngày gia cách phái binh phát dọn đường, đêm đến tìm người rành địa bàn dẫn đi theo biệt lộ, mà chúng không thể đoán ra. Hoặc ta phái binh khiêu chiến ở mặt trước, phái một cánh quân bí mật áp sát sau lưng địch, trước sau trông nhau, phải trái cùng tiến, tấn công tứ phía, lũng sục mọi góc ngách, cao mấy cùng leo tới, cheo leo mấy cũng dẫm đạp. Lĩnh đi tới đâu thì chỉ huy theo tới đó hoặc chỉ huy đi trước mở đường cho lính tiến sâu. Chưa tới tận sào huyết địch thì chưa nghỉ, chưa phá hết gia sản địch thì chưa ngưng chiến. Một khi biết chắc địch đã tan rã thì mới đánh trống thu quân. Khi ra về, cánh quân sau đi về trước, cánh tiên đạo chọn chỗ cây cối rậm rạp, hoặc chỗ bãi đá có thể núp mà bố trí một hai vị trí hoặc ba bốn vị trí mai phục, rồi đại quân mới từ từ kéo ra. Lại còn cắt cử khoảng chục lính dững cảm nhanh nhẹn nhất làm nhiệm vụ can hậu, quan sát địch có còn đeo bám quân ta không.

尾隨倘有彼尾隨則佯為不知各于要處多植尖竹仍不  
可使彼見之守勢而行度至伏處反旗擊鼓逐之兩邊伏  
兵齊起夾攻必勝矣倘彼知我伏兵而不敢進則已若彼  
知我伏兵此路別尋他路固意撓我我當督兵再來彼巢  
穴之處分屯駐紮夜間外則設伏內則嚴防明日又大破  
之如此則我兵萬無一失即如予之征廊樓峇級諾纒諾  
蘇諾能廊衣唎庸諾素諾撐之類嗣德十七年五月日予  
志兵在明隆處分兵二  
道領兵范表一道副領兵阮美幫辨喬林一道夜間阮美  
道先潛行登樓山上潛伏明早范表進攻該廊樓壘柵大  
破之該壘將畜產走上山巔已有阮美伏藏又大破之  
獲牛數十隻圖物不可勝數次日又分二道雙行進攻峇  
級壘大破之次日又分二道進攻峇級壘大破之  
先出設伏表道後行該壘尾之到伏處伏兵齊起攻之

vĩ tùy. Thảng hữu bị vĩ tùy tắc dương [俟: giả vờ] vi bất tri, các vu yếu xú đa thực đại trúc nhưng bất khả sử bị kiến chi thủ thể nhi hành độ. Chí phục xú, phản kỳ kích cổ trúc chi lưỡng biên, phục binh tề khởi giáp công tất thảng hỹ. Thảng bị tri ngã phục binh nhi bất cảm tiến tắc dĩ. Nhược bị tri ngã phục binh thử lộ, biệt tâm tha lộ cố ý nhiều ngã, ngã đương đốc binh tái lai bị sào huyết chi xú, phân đồn trú trát dạ gian. Ngoại tắc cô phục, nội tắc nghiêm phòng, minh nhật hựu đại phá chi. Như thử tắc ngã binh vạn vô nhất thất, tức như dư chi chinh Làng Nòng, Đèo Gấp, Nước Lua, Nước Tô, Nước Năng, Làng Y, Cười Dong, Nước Tố, Nước Xanh chi loại.

*Tự Đức thập thất niên ngũ nguyệt nhật, dư đồn binh tại Minh Long xú, phân binh nhị đạo, Lãn binh Phạm Biểu nhất đạo, Phó Lãn binh Nguyễn Mỹ, Bang Biện Kiều Lâm nhất đạo. Dạ gian Nguyễn Mỹ đạo tiên tiềm hành đàng Nòng sơn thượng tiềm phục. Minh thảo, Phạm Biểu tiến công cai Làng Nòng man sách đại phá chi. Cai man huê tương súc sản tầu thượng sơn lĩnh, dĩ hữu Nguyễn Mỹ phục tiệt, hựu đại phá chi. Hoạch ngư số thập chích, đồ vật bất khả thảng số. Thứ nhật hựu phân nhị đạo song hành tiên công Đèo Cáp man, đại phá chi. Thứ nhật, hựu phân nhị đạo tiến công Nước Lũ man, đại phá chi. Nguyễn Mỹ đạo tiên xuất thiết phục, Phạm Biểu đạo hậu hành. Cai man vĩ chi đảo phục xú, phục binh tề khởi công chi.*

### Dịch

*Tháng 5, niên hiệu Tự Đức thứ 17, ta đóng quân tại xú Minh Lony, chia binh làm 2 cánh quân, một đạo do Lãn binh Phạm Biểu chỉ huy, một đạo do Phó Lãn binh Nguyễn Mỹ, Bang Biện Kiều Lâm dẫn đi. Ban đêm, cánh quân Nguyễn Mỹ bí mật leo lên trên đỉnh núi Nòng phục trước. Sớm hôm sau, Phạm Biểu cho quân tiến công sách người Thượng Làng Nòng. Địch chạy trốn trên đỉnh núi, đưa theo trâu bò, gà vịt, đồ vật gia sản, bắt ngờ bị phục binh của Nguyễn Mỹ bắt gọn, tịch thu trâu bò mấy chục con, đồ vật thì nhiều vô kể.*

*Hôm sau, ta cũng lại chia 2 cánh quân tiến đánh người Thượng Đèo Gấp, lại đại thắng. Hôm sau nữa, ta chia 2 cánh quân tiến đánh người Thượng Nước Lua, lại đại thắng. Cánh quân Nguyễn Mỹ đi trước mai phục, chờ khi cánh quân Phạm Biểu đánh vỡ mặt, địch chạy trốn đến chỗ quân ta mai phục thì đổ ta đánh, địch hết đường chạy trốn, đành phải quy hàng.*

率隊鄭武伯新獲蠻目一錢下旬進攻波漸蠻辰丁練潛  
 居在蘇山之西無路可通只有一條溪水流出漢民數千名  
 分爲三道穿林而進搗他巢穴大破之收回漢路而該  
 氏圖物甚眾再由此溪流而上到茶山尋路入浩能蠻  
 蠻大驚次日予在屯范表阮美喬林等紛進入浩能蠻  
 辰該蠻居在山上只有路可登而甚危險范表先派  
 善隊兵先登爲彼殺退傷斃幾十人率隊黃文首死之予  
 開報往接到處相視形勢見伊山後有一林叢似可潛登  
 予即商委阮美喬林道穿林而行守勢潛登又派一奇吳  
 得護再由前道鼓噪而登該蠻拒戰于前阮美先登攻其  
 後該蠻潰散獲賊甚多該蠻從此懾服六月日進攻廊子  
 蠻入彼巢穴大破而遂然該蠻化不服八月日于再進兵  
 再攻之破壞田禾花木甚多該蠻亦不服八月日于再進兵  
 登山觀其形勢派兵剪伐山上一路而回屯休息夜三更  
 派潛文舊率情願員人數十由他山路而登于該杠之後  
 潛伏四更予與范表喬林進兵由山下八兩面夾攻又大  
 破之然不能斬獲一錢予回兵休息夜五更潛設伏兵于  
 伊屯四面棘中范表亦潛伏于此予明日引兵而行約半  
 辰許該蠻羣來屯所破其寨柵范表爲令伏兵四起生獲  
 斬獲至數十頭前後九三次該蠻震服十九年三月日進獲

*Suất đội Trịnh Võ Bá trăm hoạch man mục nhất thú.*

*Hạ tuần tiến công Ba Tư man thời, Đinh Luyện tiếm cư tại Tô sơn chi tây, vô lộ khả thông, chỉ hữu nhất điều Khê thủy lưu xuất. Dư binh đảo thủ phân vi tam đạo xuyên lâm nhi tiến. Đào tha sào huyết đại phá chi, thu hồi Khê dân, số thập danh thị, đồ vật thậm chúng, tái do thủ Khê nghịch lư nhi thương đảo Trà Nô sơn tâm lộ nhi xuất, cai man đại kinh. Thứ nhật, dư tại đồn, Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm đẳng phân đạo tiến nhập Nước Năng man thời, cai man cư tại sơn thượng, chỉ hữu nhất lộ khả đặng nhi thậm nguy hiểm. Phạm Biểu tiên phái Thiên Thiện đội binh tiên đặng vi bị sát thoái thương tộ kỳ thập nhân. Suất đội Huỳnh Văn Thủ tử chi.*

*Dư văn báo vãng tiếp đảo xứ tương thị hình thế kiến Y sơn hậu hữu nhất lâm tùng tự khả tiếm đặng. Dư tức thương ủy Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm đạo xuyên lâm nhi hành, thủ thế tiếm đặng, hựu phái Nhất Kỳ Ngô Đắc Hộ tái do tiền đạo cổ táo [噪: dứt lác] nhi đặng. Cai man cư chiến vu tiến. Nguyễn Mỹ tiên đặng công kỳ hậu.*

*Cai man phẫn [潰:phun ra] tán hoạch tang [貝庄=贖:tang vật] thậm đa. Cai man tùng thủ nhiếp phục.*

*Lục nguyệt nhật tiến công Làng Y man. Nhập bị sào huyết, đại phá nhi hoàn. Nhiên cai ngành hóa bất phục.*

*Thập bát niên tứ nguyệt nhật, dư tái công chi, phá hoại điền hòa hoa mộc thậm đa, cai diệt bất phục. Bát nguyệt nhật, dư tái tiến binh đặng sơn quán kỳ hình thế, phái binh tiến phạt. Sơn thượng nhất lộ nhi hồi đồn hựu tức. Dạ tam canh phái Phan Văn Cựu suất tình nguyện viên nhân số thập, do tha sơn lộ nhi đặng vu cai dang chi hậu tiếm phục. Tứ canh dư dữ Phạm Biểu, Kiều Lâm tiến binh. Do sơn hạ nhập lưỡng diện giáp công, hựu đại phá chi. Nhiên bát năng trăm hộ nhất V. Dư hồi binh hựu tức. Dạ ngũ canh tiếm thiết phục binh vuY đồn tứ diện lâm trung, Phạm*

*Biểu diệt tiếm phục vu thù. Duminh nhật dẫn binh nhi hành, chức bán thời hứa, cai man quân lai đồn sở phá kỳ trại sách. Phạm Biểu vi lĩnh phục binh tứ khởi sinh hoạch trăm hoạch chỉ số thập đầu, tiền hậu phàm tam thứ cai man chấn phục.*

*Thập cứu niên tam nguyệt nhật tiến*

### **Dịch**

*Suất Đội Trịnh Võ Bá đánh giết tên cầm đầu giặc Thượng.*

*Đến tuần trăng cuối tháng, khi quân ta tiến đánh người Thượng Ba Tư, viên Đầu mục người Thượng là Đinh Luyện lẩn trốn nơi phía tây núi Tô Sơn. Không có đường bộ đi đến đó, mà chỉ có một dòng suối từ đó chảy xuống. Quân ta rượt theo đến đó thì chia thành 3 cánh quân, băng rừng cây, bãi đá đánh lên, lục tung sào huyệt của chúng. Quân ta lại đi ngược dòng suối ấy tiếp tục tiến lên đến núi Trà Nô tìm đường mà ra. Người Thượng ấy sợ khiếp. Ngày hôm sau, ta ở tại đồn, cứ Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm chia làm 3 cánh quân tiến vào sách Nước Năng. Người Thượng này cư ngụ trên núi cao, chỉ mỗi một đường lên duy nhất cực kỳ nguy hiểm. Trước hết Phạm Biểu phái đội binh Thiên Thiện tiến trước, bị giặc đánh làm bị thương nặng mấy mươi lính. Suất đội Huỳnh Văn Thủ bị tử trận.*

*Ta nghe cấp báo bèn đích thân đến nơi thị sát hình thế, thấy có cánh rừng rậm mé tây sau núi có thể bí mật leo lên từ chỗ ấy. Ta bàn cử 2 cánh quân của Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm băng qua rừng cây bãi đá thủ thế bí mật tiến lên. Ta lại phái chỉ huy cơ Nhứt là Ngô Đắc Hộ kéo quân la hét làm ồn ào tiền đạo địch để thu hút chúng. Người Thượng bị mắc mưu, tập trung cự chiến ở phía trước, quân Nguyễn Mỹ bắt đầu đánh phá mặt sau. Địch quân hoảng kinh bỏ chạy tứ tán, quân ta thu được đồ vật gia súc rất nhiều. Từ đó, người Thượng Nước Năng chịu khuất phục.*

*Đến tháng 6, quân ta lại tiến đánh giặc Thượng sách Làng Y. Quân ta tiến đến tận sào huyệt của địch đánh tan đồ đảng*



*chúng rồi về, nhưng có một số tay ngang ngành lần trốn chưa chịu tùng phục.*

*Tháng 4 năm Canh Tý (1864), niên hiệu Tự Đức thứ 18, ta lại mang quân đánh tiếp, phá hoại mùa màng vườn tược rất nhiều, họ cũng chưa chịu phục. Tháng 8 năm ấy, ta lại tiến binh leo lên núi cao thị sát hình thế để phái binh đánh dẹp lần nữa. Quân ta hành tiến theo con đèo đạo trên núi trở về đồn nghỉ ngơi. Đến canh 3, ta phái Phan Văn Cựu chỉ huy một toán quân tình nguyện chừng 10 người, theo đường núi bí mật đến sau sách Thượng Làng Y mai phục. Chờ đến canh 4, ta cùng Phạm Biểu, Kiều Lâm từ dưới tiến binh lên. Hai mặt giáp công, lại phá tan tành sách Làng Y một lần nữa, nhưng quân địch cũng đã kịp lần trốn hết cả. Ta cho rút quân về nghỉ ngơi. Canh 5, ta phái Phạm Biểu bí mật kéo quân mai phục trong các khu rừng chung quanh đồn. Sáng ra, ta giả vờ kéo quân lên đường, chừng nửa giờ sau thì người Thượng theo những lối khác kéo đến bao vây lảng trại quân ta. Phạm Biểu cho phục binh ào ra chém giết mấy mươi tên. Trước sau bị quân ta đánh bại ba lần, người Thượng sách Làng Y thất kinh hàng phục.*

*Năm Tân Sửu (1865), niên hiệu Tự Đức thứ 19, ta lại mang quân tiến*

攻吧喃蠻其山甚高林木甚盛予先派波斯蠻丁練等向  
 路予與范嘉阮美三道跨石接木而登自寅初至午中方  
 抵該蠻柵太破收獲圖物甚多予盡行給賜波漸蠻引兵  
 而下至戌未方抵駐所其諾素蠻居在高闡山嗣德十七  
 年三月日予與范表阮美喬林進攻一次于山之外重大  
 破之該蠻遷移居于山之內重往潛下壘後惹事二十  
 年十月日予進往登高聞山相視形勢而還二十一年三  
 月日予進往分兵二道夜四更潛行登山上串魚而進大  
 破之該猶不服四月日予與阮美吳得護再往分兵攻之  
 無高不登無險不入搜索無處不到生獲五六丁氏而還  
 五月日予又進兵搗其林谷從此該蠻降服移居于山下  
 輸誠受稅不敢為梗然尚存諾撐蠻丁等居在惡  
 架山之頂上實貯荒蠻節次招來該不肯出頭二十二年三  
 月日予進兵巡往蠻境駐紮于屬榮因使降蠻引路降蠻  
 亦不敢引路予與吳得護阮美督兵由廊惡山路而登能  
 抵彼巢穴大破之駐兵在此一夜而出該蠻從此震懾能  
 如此等陣該蠻無不畏服如不能然其次則分兵防守諸  
 汛分又嚴飭鄰民不得近壘柴炭然後提兵到彼之境分

*công Ba Nam man.*

*Kỳ sơn thậm cao, lâm mộc thậm thanh. Dư tiên phái Ba Tư man Đình Luyện đẳng hướng lộ. Dư dữ Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, tam đạo khoa thạch viên [擾:vin] mộc nhi đẳng. Tự dân sơ chí ngo trung phương để cai man sách, đại phá thu hoạch đồ vật đã. Dư tận hành cấp tứ Ba Tư man dẫn binh nhi há. Chí tuất mật phương để trú sở. Kỳ Nước Tố man cư tại Cao Muôn sơn.*

*Tụ Đức thập thất niên tam nguyệt nhật, dư dữ Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm tiến công nhất thứ vu sơn chi ngoại trùng đại phá chi. Cai man tái di cư vu sơn chi nội, trùng vãng vãng tìm há Lũy hậu nhạ (nặc)[惹: gây, rước lấy] sự.*

*Nhị thập niên thập nguyệt nhật, dư tiến vãng đẳng Cao Muôn sơn tương thị hình thể nhi hoàn.*

*Nhị thập nhất niên tam nguyệt nhật, dư tiến vãng, phân binh nhị đạo, dạ tứ canh tiêm hành đẳng sơn thượng xuyên ngư nhi tiến đại phá chi. Cai do bất phục, tứ nguyệt nhật, dư dữ Nguyễn Mỹ, Ngô Đắc Hộ tái vãng, phân binh công chi, vô cao bất đẳng, vô hiểm bất nhập sưu [搜: tìm tòi] sách, vô xứ bất đáo, sinh hoạch ngũ lục đình dân nhi hoàn.*

*Ngũ nguyệt nhật, dư hựu tiến binh đảo kỳ lâm cốc. Tùng thứ cai man hang phục di cư vu sơn hạ, thâu thành thụ thuế, bất cảm vi ngạnh.*

*Nhiên thàng tồn Nước Xênh man Đình Tranh Đình Tri [魚知] đẳng cư tại Ó Giá sơn chi thượng, mật trừ hoang man, tiết thứ chiêu lai, cai bất khùng xuất đầu.*

*Nhị thập nhị niên, tam nguyệt nhật, dư tiến binh tuần vãng man cảnh, trú trác [寨: đóng quân] vu Thuộc Vinh Nội, sử hàng man dẫn lộ. Hàng man diệc bất cảm dẫn lộ. Dư dữ Ngô Đắc Hộ, Nguyễn Mỹ đốc binh do Làng Ó sơn lộ nhi đẳng để bị sào huyệt,*

*đại phá chi, trú binh tại thử nhất dạ nhi xuất. Cai man tòng thử chán nhiếp.*

Năng như thử đẳng trận, cai man vô bất úy phục, như bát năng nhiên kỳ thử tắc phân binh phòng thủ chư tán phận, hựu nghiêm sức [Đ: mệnh lệnh] lân dân, bất đắc cận lũy, sai thán. Nhiên hậu đề binh đáo chi cảnh phận

## Dịch

*công sách Thượng Ba Nam.*

*Ở đây, núi rất cao, rừng cây rậm rạp. Trước hết, ta phái nhóm Thượng Ba Tư là bọn Đinh Luyện dẫn đường. Ta cùng Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, chia làm 3 cánh quân, vịn cây dẫm đá mà leo lên. Từ đâu giờ dần (sáng sớm) đến giờ Ngọ (đúng trưa) mới tới được sách Thượng phá tan tàn, tịch thu đồ vật rất nhiều. Ta ban thưởng cả cho nhóm người Thượng Ba Tư, rồi kéo quân xuống núi. Đến cuối giờ Tuất (chiều tối) mới về tới chỗ đóng quân.*

*Tháng 3 năm Năm Quý Hợi (1863), niên hiệu Tự Đức thứ 17, ta cùng Phạm Biểu, Nguyễn Mỹ, Kiều Lâm lần thứ nhất tiến công phá tan tàn trại sách vòng ngoài của người Thượng Nước Tố tại núi Cao Muôn. Người Thượng Nước Tố dòi vào ở trong núi sâu, nhiều lần kéo xuống Trường Lũy gây hấn.*

*Tháng 10 năm Bình Dân (1866), niên hiệu Tự Đức thứ 20, ta kéo quân leo lên núi Cao Muôn một lần nữa thị sát hình thế rồi về.*

*Tháng 3 năm Đinh Mão (1867), niên hiệu Tự Đức thứ 21, ta phân binh làm 2 cánh quân, từ canh tư bí mật ngậm tăm leo núi, bất ngờ tiến vào trại sách của họ đánh phá tan tàn. Nhưng quân địch vẫn chưa chịu hàng phục, tháng sau, ta cùng Nguyễn Mỹ, Ngô Đắc Hộ phân binh đánh lên, không chỗ cao nào không leo*

tới, không chỗ hiểm nào không lung sục, không bỏ sót một góc ngách nào, bắt sống được năm sáu đàn ông người Thượng đem về.

Tháng 5 năm này, ta lại tiến binh khuấy tung mọi chỗ trên núi Cao Muôn. Từ đó, người Thượng Nước Tố mới chịu hàng phục, di cư đến sinh sống nơi chân núi, theo phép nước, đóng thuế đàng hoàng, không còn dám ương ngạnh nữa.

Tuy nhiên, người Thượng Nước Xên của nhóm Đinh Tranh Đinh Tri ở trên núi Ó Giá, chưa chấp những tên Thượng cứng đầu tránh mặt triều đình. Ta đã mấy lần cho gọi đến trình diện, nhưng chúng chẳng chịu lộ mặt.

Tháng 3 năm Mậu Thìn (1822), niên hiệu Tự Đức thứ 22, ta tiến binh tuần vãng các xứ Thượng, đóng quân ở vùng Thuộc Vinh, nhờ chính người Thượng đã quy hàng ta dẫn đường, nhưng các người này không dám dẫn đường. Ta cùng Ngô Đắc Hộ, Nguyễn Mỹ dẫn quân theo sơn lộ Làng Ó tiến lên đến tận sào huyệt của chúng, đánh phá tan tành. Ta cho đóng quân tại đó một đêm rồi mới ra đi, khiến chúng khiếp sợ. Người Thượng Nước Xên từ đó quy phục.

Có thể nói là qua mấy trận tiến công đánh phá đến tận sào huyệt giặc Thượng, thì không sách Thượng nào không chịu khuất phục. Còn nếu đánh phá một lần mà chưa khuất phục được chúng, thì phải phân binh phòng thủ các Tấn Phận, đồng thời nghiêm lệnh cho dân cư lân cận không để than củi vật dễ gây cháy gần Trường Lũy, thì sau đó mới có thể đề binh đến đồn bảo thuộc cảnh phận

屯下寨示我久留之意駐紮或一月或二三月彼有來挑  
戰則我與之戰而不必窮追夏取其禾秋取其麥使彼饑  
窮不能生理能如此者彼必掉尾乞憐而不敢復有桀傲  
到此招撫之策方可施也招撫之策謂何不外乎誠信而  
已若示以詐則彼不敢信不信則不來不來則難乎其招  
撫也必也先派譯蠻前往諸蠻境招其渠目之最桀黠者  
如一奇丁依二奇丁夷丁涑三奇丁練丁計丁笠四奇丁  
夷五奇丁營丁笠六奇丁級丁笠浴灘丁紉滴之類就于  
軍門嚴排劍戟許譯蠻等引彼入拜我則開誠布公曉示  
禍福然亦不可使彼知我有撫彼之意彼有前罪我不必

## Phiên âm trang 91

đồn hạ trại thị ngã cừ lưu chi ý trú trát. Hoặc nhất nguyệt hoặc nhị tam nguyệt bi hữu lai bài chiến, tắc ngã dữ chi chiến, nhi bất tất cùng truy, hạ thủ kỳ hòa, thu thủ kỳ mạch, sử bi nạ cùng bất năng sinh lý. Năng như thủ giá, bi tất diệu vĩ cật lân nhi bất cảm phục.

Hữu kiệt ngạo đáo thù, chiêu phủ chi sách, phương khả thi dã. Chiêu phủ chi sách vị hà bất ngoại hồ? Thành tín nhi dĩ nhược thị, dĩ trá tắc bi bất cảm tín, bất tín tắc bất lai, bất lai tắc nản hồ kỳ chiêu phủ dã. Tất dã.

Tiên phái Dịch Man tiền vãng chư man cánh chiêu kỳ cừ mục chi tởi kiệt hiệt giá, như Nhất Kỳ Đình Y, Nhị Kỳ Đình Lai, Tam Kỳ Đình Luyện, Đình Kế, Đình Lạp, Tứ Kỳ Đình Di, Ngũ Kỳ Đình Doanh, Đình Lạp, Lục Kỳ Đình Cấp, Đình Lạp, Nước Li, Đình Vóc. Tích chi loại tựu vu quân môn nghiêm bài kiểm kích, hứa Dịch Man đẳng dẫn bi nhập bái, ngã tắc khai thành bố công hiều thị họa phúc, nhiên diệc bất khả sử bi tri ngã hữu phủ bi chi ý. Bi hữu tiền tội, ngã bất tất

### Dịch

hạ trại. Từ lâu ta đã lưu ý nhiều về việc việc đóng quân. Vì một tháng, hoặc đôi ba tháng sau đó, nhất định người Thượng sẽ kéo đến công đồn. Nhất định ta sẽ đánh đuổi chúng, nhưng ta chủ trương không nhất thiết phải truy bắt cho được quân địch, mà cho lính chốt giữ các xứ đồng của họ, chặn giữ không cho họ gặt lúa vào mùa hạ, mùa thu, khiến họ túng đói khờ người ra. Làm được như thế thì họ phải cụp đuôi xin tha, một lòng khuất phục.

Dù là người ngạo ngược đến mấy, mà áp dụng phương sách ấy thì cũng khả thi. Phương sách đối với người Thượng liệu có còn gì nữa không? Có đấy! Nên giữ sự thành tín là hơn, còn dùng cách lừa phỉnh, vì lừa phỉnh thì chắc chắn họ không tin. Mà đã không tin thì nhất định họ không đến với mình. Mà họ không đến với mình thì khó mà khuất phục họ được vậy. Chắc chắn là thế!

Để họ đến với ta, trước hết ta phái các nhân viên trong bộ phận Dịch Man tóa đến các xứ Thượng tìm gặp cho được các tay Cừ Mục kiệt hiệt nhất. Như tay Đình Y ở cơ Nhứt, Đình Lai ở cơ Nhì, Đình Luyện, Đình Kế, Đình Lạp ở cơ Ba, Đình Di ở cơ Tư, Đình Doanh, Đình Lạp ở cơ Năm, Đình Cấp, Đình Lạp ở cơ Sáu, Đình Vóc ở Nước Li. Mời các Cừ Mục này theo các tay Dịch Man đến doanh trại quân ta, vào nơi bày sẵn kiểm kích uy nghiêm để họ cúi lạy làm lễ. Ta mở lời hiểu dụ, phân tích họa phúc cho họ nghe, nhưng cũng không nên để lộ ý ta chiêu dụ họ. Nếu trước đây người ta có tội với triều đình đi nữa thì ta chẳng hề

問彼之易使我優給之征其租稅使彼之無積聚也彼有積聚則易於聚眾為非分其汛分使彼之知防備也彼無汛分則易於詐言退托彼之饑者則賑貸之病者則醫藥之彼之有事攘爭則我為之排解而分其曲直彼之被他脅制則我為之挈護而懲治其他何柵有荒蠻潛往他處聚眾為非或被重罰而逃則嚴飭渠目招回不許失所若不能則罰之惟我之御彼者終始必示以嚴最不可示之以簡倘彼尚存頑梗不供租稅則我派兵割彼之禾以充之二次不供則攻之彼之汛分不寧則罰之或一牛或二牛至三四次不寧則攻之與夫催彼不來彼言不寔使令



vấn. Bị chi dị sử ngã ưu lạc chi chinh. Kỳ tô thuế, sử bi chi vô tích tụ dã. Bị hữu tích tụ tắc dị ư trú chúng vi phi phân. Kỳ Tấn phân sử bi chi tri phòng bị dã. Bị vô tấn phận tắc dị ư trá ngôn, thoái thác. Bị chi cơ giả, tắc chân [賑:giúp] thái [賈:tha cho] chi. Bệnh giả tắc y dược chi. Bị chi hữu sự nhượng tranh tắc ngã vị chi, bài giải nhi phân kỳ khúc chân. Bị chi bị tha hiệp chế tắc ngã vị chi phong hộ nhi trùng trị. Kỳ tha hà sách hữu hoang man tiềm vãng tha xứ tụ chúng vi phi, hoặc bị trong tước nhi đào, tắc nghiêm sức cứ mục chiêu hồi, bất hứa thất sở. Nhược bất năng tắc tước chi.

Duy ngã chi ngự bi giả, chung thùy tất thị dĩ nghiêm tối, bất khả thị chi dĩ giản. Thảng bi thượng tồn ngoan [頑: ngu, lười] ngạch bất cung tô thuế, tắc ngã phái binh cắt bi chi hòa dĩ sung chi. Nhị thứ bất cung, tắc công chi.

Bị chi tấn phận bất ninh tắc tước chi, hoặc nhất ngu hoặc nhị ngu. Chí tam tứ thứ bất ninh tắc công chi. Dữ phù thôi bi bất lai, bi ngôn bất thật, sử lệnh

### Dịch

nhắc đến, nhưng họ ăn ở hai lòng khiến ta phải bận rộn chinh chiến. Ta bảo họ nên đóng tô thuế để không tụ của cải nhiều, vì nhiều của dễ tụ tập với nhau làm chuyện phi pháp. Ta lập các Tấn phận để họ biết việc phòng bị vì không có Tấn phận thì dễ khiến họ đối trá né tránh. Khi họ thiếu đói thì được ta tha thuế và cứu tế giúp đỡ. Khi họ bị ngã bệnh thì ta cử thầy bốc thuốc. Khi họ có việc tranh chấp với nhau thì ta phân xử công bằng có tình có lý. Khi họ bị ai hiệp chế thì ta bênh vực họ, trùng trị kẻ ác. Nếu làng sách nào của họ có bọn giặc sống ngoài vòng pháp luật lai vãng lén lút làm bậy, hoặc có bọn sẵn mang tội trọng phải lén lút trốn lánh thì ta nghiêm lệnh cho Cừ Mục làng sách ấy khuyên chúng ra đầu thú, không được kéo dài tình trạng bất hợp pháp. Nếu họ không thực hiện thì ta trách phạt.

Ta đối sách với họ trước sau đều rất nghiêm chỉnh, không chút sơ sài đơn giản. Một khi làng sách nào còn tỏ ra ương ngạch, không chịu đóng thuế, nộp tô thì nhất định ta cho quân đội đi cắt hết lúa của làng sách ấy đem về. Nếu vi phạm lần nữa thì ta đem quân đánh làng sách ấy.

Một khi Tấn phận nào chộn rộn thì ta nhất định phạt vạ hoặc một trâu hoặc hai trâu. Đến ba bốn lần bị phạt vạ mà còn chộn rộn nữa thì ta đem quân đi đánh làng sách ấy. Còn đối với những sách Thượng nào, hoặc ta cho mời người mà không đến quân doanh, hoặc ăn nói đối trá, hoặc bảo

何事而彼不遵則亦罰之至三四次尚存忸舊則亦攻之  
我之言罰則罰而不赦我之言赦則赦而不悔言攻則攻  
而不休如欲擒彼斬彼必于征剿之辰則可若彼既降投  
身于我雖有前罪亦不可問使彼知我事必斷而言果行  
不殺既降不咎既往則彼畏我而不怒服我而不慢夫然  
後可言寧帖矣若招彼之來而殺之如紹治二年領兵永  
斬三十三頭于平安交易場招彼之至而擒之如嗣德十  
三年按察顯執丁計等于安波源此特行詐術以邀邊功  
殊不知遺累于人不少矣古人所謂開邊釁者非斯人而

誰

hà sự nhi bị bất tuân, tặc diệc tước chi. Chí tam tứ thứ thượng tôn nữ [扭bộ tâm :then] cữu tặc diệc công chi. Ngã chi ngôn tước tặc tước nhi bất xá [赦bộ xích: tha cho], ngã chi ngôn xá tặc xá nhi bất hối, ngôn công tặc công nhi bất hưu. Như dục cầm bị trăm bị tặc vu chinh tiểu chi thời tặc khả. Nhược bị ký hàng, đầu thân vu ngã, tuy hữu tiền tội, diệc bất khả vấn. Sử bị tri ngã sự, tất đoạn nhi ngôn, quả hành bất sát ký hàng bất cữu. Ký vãng tặc bị úy ngã nhi bất nộ, phục ngã nhi bất mạn, phù nhiên. Hậu khả ngôn ninh thiếp hỹ. Nhược chiêu bị chi lai nhi sát chi như Thiệu Trị nhị niên Lãnh binh Vĩnh trám tam thập tam đầu vu Bình An giao dịch trường, chiêu bị chi chí nhi cầm chi như Tự Đức thập tam niên, Án sát Hiền chấp Đinh Kế đăng vu An Ba nguyên. Thử đặc hành trá thuật dĩ yêu [:mời] biên công, thù bất tri di lụy vu nhân bất thiếu hỹ. Cổ nhân sở vị khai biên hân [:khe, kẻ hở] giả phi tu nhân nhi thù?

### Dịch

làm gì đó lại không chịu làm, thì ta nhất định phạt. Ba bốn lần tái phạm thì ta đem quân đến đánh.

Ta nói phạt là phạt, ta nói tha là tha một cách dứt khoát chẳng bao giờ thay đổi ý kiến. Ta nói đánh là nhất định đánh không ngần ngại lưỡng lự. Ta muốn bắt ai giết ai thì kéo quân đi bắt giết cho được. Còn ai dù có tội mà chịu khuất phục xin hàng, thì ta tha hết, chẳng hề nhắc đến tội trước làm gì.

Phải cho họ hiểu được việc ta làm, lời ta nói như dao chém, làm việc gì đến xong mới thôi, nhưng lại không ư sự chém giết, không bao giờ bắt lỗi kẻ đã thật lòng quy hàng. Phải làm cho họ từ đó về sau, sợ ta nhưng không ghét ta, phục ta nhưng không khinh ta. Có như thế thì mới có thể nói là thật sự yên lòng về lâu về dài sau này.

Còn cái thủ đoạn cho vờ họ đến rồi bắt giết đi như vào niên hiệu Thiệu Trị thứ 2, Lãnh binh Vĩnh ra lệnh chặt đầu ba mươi người Thượng tại chợ đầu nguồn Bình An. Vào niên hiệu Tự Đức thứ 13, Án sát Hiền cho vờ nhóm Đinh Kế ở nguồn An Ba đến rồi bắt giam tất cả. Những mưu toan mời mọc giả dối ấy, có thể lập công lao trong nhất thời mà biết đâu rằng đã để lại hậu quả không nhỏ vậy. Người xưa đã từng nói gây bao chuyện rắc rối bất ổn nơi vùng biên không phải là những viên quan cai trị ấy thì là ai nào?

防禦之方

我轄上游一望連山至于千里蠻漢之居不甚相遠

國初設六道兵以禦之間有屯堡尚存希疎偽西之辰邊民各自爲守自大定後嘉隆三年設鎮蠻六堅奇北夾廣南南夾平定分設六奇汛分或四五百丈一堡或七八百丈一堡駐兵守之嘉隆十八年設築長壘奇堡各于壘後分防自此以後或減或增已非一矣然此長官專分汛設堡不過炤隨里路而均齊之至如要害之處如塢棋烈山石冠石壘石象大祿黑石福祿襲鶴諸山嶺要處則或畧之而不設或設之而苟且間有一二能臣如阮公著魏

## PHÒNG NGỰ CHI PHƯƠNG

Ngã hạt thượng du nhất vọng liên sơn chí vu thiên lý, man Hán chi cư bất. thậm tương viễn. Quốc sơ thiết lục đạo binh dĩ ngự chi gian, hữu đồn bảo thượng tồn bố sơ [ thừa, ít]. Ngụy Tây chi thời, biên dân các tự vi thủ. Tự đại định hậu, Gia Long tam niên thiết trấn man Lục Kiên Kỳ, bắc giáp Quảng Nam, nam giáp Bình Định, phân thiết lục Kỳ Tấn Phận, hoặc tứ ngũ bách trượng nhất bảo, hoặc thất bát bách trượng nhất bảo, trú binh thủ chi. Gia Long thập bát niên, thiết trúc Trường Lũy, Kỳ, Bảo các vu Lũy hậu phân phòng. Tự thủ dĩ hậu, hoặc giám hoặc tăng dĩ phi nhất thứ. Nhiên thủ thời quan lại phân tấn thiết bảo bát ngộ chiếu, tùy lý lộ nhi quân tề chi. Chí như yếu hại chi xứ như Dốc Cây, Liệt Sơn, Thạch Quan, Thạch Lũy, Thạch Tượng, Đại Lộc, Hắc Thạch, Phước Lộc, Tập Cáp chư sơn lĩnh yếu xứ, tắc hoặc lược chi nhi bất thiết, hoặc thiết chi nhi câu thả. Gian hữu nhất nhị năng thần như Nguyễn Công Trứ, Ngụy

### Dịch

## PHƯƠNG SÁCH PHÒNG NGỰ

Miền thượng du hạt ta núi liền núi trái dài đến ngàn dặm, làng người Kinh, sách người Thượng không xa nhau là mấy. Thời quốc sơ (*thời kỳ đầu Chúa Nguyễn*), lập 6 đạo binh biên phòng, có đồn bảo trú đóng, nhưng bố trí còn sơ sài. Thời Tây Sơn, dân cư vùng biên tự lo phòng thủ.

Sau khi triều Nguyễn đại định thiên hạ, vào niên hiệu Gia Long thứ 3, triều đình mới tiến hành hành lập sáu cơ Kiên để quản lý cai trị người Thượng. Vùng sáu cơ Kiên bao gồm miền thượng du tây Quảng Ngãi, bắc giáp tỉnh Quảng Nam, nam giáp tỉnh Bình Định, phân thành 6 cơ Tấn phận (*nói gọn là 6 Tấn Phận*). Cách khoảng 400, 500 trượng hoặc 700, 800 trượng lập một bảo, trú quân ở giữ.

Niên hiệu Gia Long thứ 18 (1819), xây dựng Trường Lũy chạy dọc vùng ven núi, bên ngoài các đồn bảo để ngăn phòng. Từ đó về sau, nhiều lần số lượng đồn bảo khi giảm khi tăng. Nhưng thời ấy, quan lại phân chia vùng Tấn phận, xây dựng đồn bảo chưa hợp lý, chẳng qua vì họ căn cứ vào chiều dài Trường Lũy mà bố trí binh quân, chưa tính đến sự lợi hại. Đến như các vùng núi non trọng yếu như Dốc Cây, Liệt Sơn, Thạch Quan, Thạch Lũy, Thạch Tượng, Đại Lộc, Hắc Thạch, Phước Lộc, Tập Cáp, thì hoặc là không có đồn, hoặc có mà chưa tương xứng. Tuy nhiên trong số quan lại từng ở đây có một vài vị tài năng như Nguyễn Công Trứ, Ngụy

克循者亦畧畧看過了事便休兵法不云乎我得其要則  
彼受其害彼得其要則我反受其害此之謂要害我有要  
而不知守無怪乎該蠻之易於爲患也 嗣德十六年予  
奉回剿辦十七年征剿回師遂率員弁通往諸汛分相  
視形勢於是 奏請分汛減堡各于要處設立重堡重兵  
以守之如五奇之薰風堡是當彼由塢棋潛下峩岷延長  
之路烈山堡是一面當彼由峇隘潛下一面當彼由烈山  
潛下之路富仁堡是當彼由石冠嶺潛下之路三奇之靈  
沼堡是當彼由石壘嶺潛下之路石象遊堡是當彼由塢  
籠潛下之路一奇之大來堡是一面當彼由大祿嶺潛下

Khắc Tuấn giả diệc lược lược khán quá liễu sự, tiện hưu binh pháp bát vân hồ? Ngã đắc kỳ yếu tắc bi thụ kỳ hại, bi đắc kỳ yếu tắc ngã phản thụ kỳ hại. Thử chi vị yếu hại, ngã hữu yếu nhi bất tri thù, vô quái hồ? Cai man chi dị ư vi xuyên dã. Tụ Đức thập lục niên, dư phụng hồi tiểu biện. Thập thất niên chinh tiểu hồi sự, toại suất viên biện biến vãng chư Tấn Phận tương thị hình thể ư thị, tấu thỉnh phân tấn giảm bảo, các vụ yếu xử thiết lập trọng bảo trọng binh dĩ thù chi. Như Ngũ Kỳ chi Huân Phong bảo thị đương bi do Dốc Cây tiềm hạ Nga Manh diên trường chi lộ. Liệt Sơn bảo thị nhất diện đương bi do Đèo Ai tiềm hạ, nhất diện đương bi do Liệt Sơn tiềm hạ chi lộ. Phú Nhơn bảo thị đương bi do Thạch Quan lĩnh tiềm hạ chi lộ. Tam Kỳ chi Linh Chiêu bảo thị đương bi do Thạch Lũy lĩnh tiềm hạ chi lộ. Thạch Tượng Du bảo thị đương bi do Ô Long tiềm hạ chi lộ. Nhất Kỳ chi Đại Lai bảo thị nhất diện đương bi do Đại Lộc lĩnh tiềm hạ

**Dịch**

Khắc Tuấn xem qua tình hình, chắc cũng biết là binh pháp chẳng từng dạy như thế bao giờ. Binh pháp có câu: “Ngã đắc kỳ yếu tắc bi thụ kỳ hại, bi đắc kỳ yếu tắc ngã phản thụ kỳ hại”. Vấn đề “yếu, hại” như thế mà khi ta được phần “yếu” (lợi thế) lại không biết giữ lấy chẳng là kỳ quái hay sao? Để gì khiến cho người Thượng ngán ngại.

Niên hiệu Tụ Đức thứ 16 (1864), ta phụng mệnh dẫn quân đi đánh dẹp người Thượng. Năm sau đánh dẹp xong hồi sự, ta cử nhân viên đi khảo sát các Tấn phận lập thành bản đồ. Căn cứ vào đó, ta tâu xin phân chia lại các Tấn phận và đề nghị giảm bớt đồn bảo, đồng thời lập thêm trọng bảo tại các nơi hiểm yếu đặt trọng binh tại đó ở giữ. Ví như ở cơ Năm, bảo Huân Phong nằm trên con đường dài từ Dốc Cây đi xuống Nga Manh bảo Liệt Sơn nằm trên ngã ba đường, một đường từ Đèo Ai đi xuống, một đường từ núi Liệt Sơn đi xuống, bảo Phú Nhơn nằm trên đường từ núi Thạch Quan đi xuống. Tại cơ Ba thì bảo Linh Chiêu nằm trên đường từ núi Thạch Lũy đi xuống. bảo Thạch Tượng Du nằm trên đường từ Ô Long đi xuống. Tại cơ Nhứt, bảo Đại Lai nằm trên ngã ba đường, một đường từ núi Đại Lộc đi xuống,

一面當彼由塢山潛下之路二奇之安亭堡是當彼由黑石嶺潛下之路富城堡是一面當彼由督公嶺潛下一面當彼越福祿嶺潛下之路四奇之長亭堡是當彼由崗晏潛下之路美祿堡是當彼越襲鶴嶺潛下之路六奇之石峯堡是當彼由方砣潛下之路盤石堡是當彼越過貢砣山潛下之路各奇該十大堡又設靖蠻三大堡予與正副領兵分駐以彈壓之其第一堡在慕德之萬里邑此係伊縣咽喉之地石象處又設橫山堡戰士駐之一面與石象遊堡爲犄角之勢一面爲第一堡之外重關是第一堡西禦石象石壘二要路南可接應三奇一半以南及五奇諸



## Phiên âm trang 97

nhất diện đương bị do Đốc Sơn tiếm hạ chi lộ. Nhị Kỳ chi An Đình bảo thị đương bị do hắc Thạch lĩnh tiếm hạ chi lộ. Phú Thành bảo thị nhất diện đương bị do Đốc Công lĩnh tiếm hạ, nhất diện đương bị việt Phước Lộc lĩnh tiếm hạ chi lộ. ứ Kỳ chi Trường Đình bảo thị đương bị do Núi Bà tiếm hạ chi lộ. Mỹ Lộc bảo thị đương bị việt Tập Cáp lĩnh tiếm hạ chi lộ. Lục Kỳ chi Thạch Phong bảo thị đương bị do Phương Đá tiếm hạ chi lộ. Bàn Thạch bảo thị đương bị việt quá Cống Cang sơn tiếm hạ chi lộ. các kỳ cai thập đại bảo hựu thiết tĩnh man tam đại bảo. Dư dữ Chánh Phó Lãnh Binh phân trú dĩ đàn áp chi đệ nhất bảo tại Mộ Đức chi Vạn Lý áp. Thử hệ Y huyện yết hầu chi địa, Thạch Tượng xứ hựu thiết Hoàn Sơn bảo, chiến sĩ trú chi, nhất diện dữ Thạch Tượng Du bảo vi ý giác chi thế, nhất diện vi đệ nhất bảo chi ngoại trọng quan. Thị đệ nhất bảo, tây ngự Thạch Tượng, Thạch Lũy nhị yếu lộ, nam khả dĩ tiếp ứng Tam Kỳ nhất bán dĩ nam, cập ngũ Kỳ chư

### Dịch

một đường từ Đốc Sơn đi xuống. Tại cơ Nhì, bảo An Đình nằm trên đường từ núi Hắc Thạch đi xuống, bảo Phú Thành nằm trên ngã ba đường, một đường từ núi Đốc Công đi xuống, một đường từ con đèo băng qua núi Phước Lộc đi xuống. Tại cơ Tư, bảo Trường Đình nằm trên đường từ núi Bà đi xuống, bảo Mỹ Lộc nằm trên đường đèo băng qua núi Tập Cáp đi xuống. Tại cơ Sáu, bảo Thạch Phong nằm trên đường từ Phương Đá đi xuống, bảo Bàn Thạch nằm trên đường từ núi Cống Cang đi xuống. Trên mười đồn bảo xung yếu ấy tại các Kỳ, lại lập thêm 3 đồn bảo lớn gọi là “*Tĩnh man tam đại bảo*”. Ta cùng Chánh Lãnh Binh, Phó Lãnh Binh tinh chia nhau phụ trách để nắm tình hình và kịp thời tổ chức ngăn chặn.

Đại bảo thứ nhất tại áp Vạn Lý huyện Mộ Đức vì áp này là yết hầu của huyện Mộ Đức. Ta còn lập bảo Hoàn Sơn tại xứ Thạch Tượng để làm thế ý đốc với bảo Thạch Tượng Du, đồng thời làm vòng ngoài cho đại bảo thứ nhất trên kia. Đại bảo thứ nhất này về phía tây quản lý hai yếu lộ Thạch Tượng, Thạch Lũy, về phía nam có thể tiếp ứng một nửa phía nam của cơ Ba, và có thể chiếu cố cho các thôn áp phía bắc của cơ Năm

村邑北可炤顧三奇一半以北及一奇諸社村是靖蠻之  
最衝也其第二堡仍舊于慕德之盤石地一面當堰園衝  
處及炤應二奇諸屯堡一面炤應一奇諸汛分是靖蠻之  
次衝也其第三堡在于彰義之安山地石壁山之東襲鴿  
嶺之南亦係彰義咽喉之地一面炤應四奇汛分一面炤  
應六奇汛分亦靖蠻之次衝也又于各奇諸汛分險僻岑  
鬱之處設立各所屯田且耕且守以連絡之俾與各奇堡  
相爲維制其餘稍簡各堡交諸鄰民分班更守存如近山  
近壘諸社村寨邑各令設立園柵每社或一所或二三所  
開濠築壘樹芽堅固以備不虞是上則有各柵降蠻炤隨

thôn ấp, bắc khả chiếu cố Tam Kỳ nhất bán dĩ bắc, cập Nhất Kỳ chư xã thôn thị tĩnh man chi tối xung dã. Kỳ đệ nhị bảo nhưng cựu vi Mộ Đức chi Bàn Thạch địa, nhất diện đương Gò Viên xung xứ, cập chiếu ứng Nhị Kỳ chư đồn bảo, nhất diện chiếu ứng Nhất Kỳ chư tân phận thị tĩnh man chi thứ xung dã. Kỳ đệ tam bảo tại vu Chương Nghĩa yết hầu chi địa, nhất diện chiếu ứng Tứ Kỳ tân phận, nhất diện chiếu ứng Lục Kỳ tân phận, diệc tĩnh man chi thứ xung dã. Hựu vu các Kỳ chư tân phận hiểm tích sầm uất chi xứ, thiết lập các sở đồn điền thả canh thả thù dĩ liên lạc chi ti dữ các Kỳ bảo tương vi duy chế. Kỳ dư sảo gián các bảo giao chư lân dân phân ban canh thù tôn. Như cận sơn cận Lũy chư xã thôn trại ấp các lệnh thiết lập quyền sách, mỗi xã hoặc nhất sở hoặc nhị tam sở, khai hào trúc lũy, thụ nha kiên cố dĩ bị. Bất ngu [夙: đo đạc, dự liệu] thị thượng tắc hữu các sách hàng man, chiếu tùy

### Dịch

về phía bắc có thể chiếu cố nửa phía bắc cơ Ba và các xã thôn tối xung yếu tại cơ Nhứt.

Đại bảo thứ hai đặt tại xứ Bàn Thạch, huyện Mộ Đức như cũ. Một mặt, nó có mặt tại một nơi xung yếu là Gò Viên, và có khả năng chiếu ứng cho các đồn bảo ở cơ Nhì. Một mặt, nó chiếu ứng cho các Tân phận thuộc cơ Nhứt, một vị trí Tỉnh man xung yếu thứ nhì.

Đại bảo thứ ba đặt tại đất yết hầu Chương Nghĩa. Một mặt, nó chiếu ứng Tân phận cơ Tứ, một mặt nó chiếu ứng Tân phận cơ Sáu, cũng là một địa bàn tỉnh man xung yếu thứ nhì.

Tại những Tân phận là những xứ sầm uất mà hiểm tích thì thiết lập các sở đồn điền để lính vừa làm ruộng, vừa giữ được liên lạc với các bảo các cơ cùng nhau giữ an ninh trật tự địa phương.

Quân đội chỉ ở giữ các vị trí như trên, còn các đồn bảo khác phần lớn giao cho dân tại chỗ chia ban phân công canh giữ. Như các xã thôn trại ấp gần núi, gần Trường Lũy đều được lệnh thiết lập điểm canh, mỗi xã có một hay hai ba sở, mỗi sở có hào có rào kiên cố để phòng bị.

Chắc rằng có nhiều sách Thượng đã chịu khuất phục cũng theo đó

各奇汛分防守中則有奇下則有鄰以至諸民居亦有各  
自爲守以惡虜見防備之方如此想已周密而無遺矣然  
亦不外乎得人何如耳

các Kỳ Tấn phận phòng thủ trung tắc hữu Kỳ hạ tắc hữu lân dĩ chí chư dân cư diệc hữu các tự vi thủ. Dĩ ngu phu [夔:da ngoài, ở ngoài] kiến phòng bị chi phương như thủ tướng dĩ châu mật nhi vô di hỹ. Nhiên diệc bất ngoại, hồ đắc nhân hà như nhĩ.

### Dịch

mà tổ chức phòng thủ tại các Tấn phận của mình. Chắc rằng tại các cơ, tại các lân ấp cho đến đông đảo dân cư cũng đều tổ chức tự canh giữ. Cho dù là người không biết gì mà thấy phương sách phòng bị như thế cũng sẽ cho là kín kẽ và an toàn.

Trên đây là phương sách phù hợp và đảm bảo hơn cả.

撫蠻雜錄卷之三

歷朝之建設沿革

我轄山蠻自古有之故黎正和年間北軍都督鎮郡公來  
莅吾土其於沿邊諸山嶺間見有一二廢堡人言公禦蠻  
之遺跡也但亦得之傳聞無從稽究公卒之後黎命元郡  
公阮公伯駟代鎮三年而還黎英尊正治庚午十三年我  
皇朝奄有其地

神傳

聖繼幾二百年蠻漢分居各安其業不聞有征蠻防蠻之事逮我  
世尊孝武皇帝朝始聞設廣義屯營六道以防邊辰當黎神尊盛

**PHỦ MAN TẠP LỤC – QUYỂN CHI TAM**  
**LỊCH TRIỀU CHI KIẾN THIẾT DUYÊN CÁCH**

Ngã hạt sơn man tự cổ hữu chi, cố Lê Chính Hòa niên gian, Bắc quân Đô đốc Trấn Quận công lai lị [濠]bò thủy:tới] ngô thổ, kỳ ư duyên biên chư sơn lĩnh gian, kiến hữu nhất nhị phé bảo, nhân ngôn công ngự man chi di tích dã. Đăn diệc đặc chi truyền văn vô tòng kê cứu. Công tốt chi Hậu Lê mệnh hoàn, Quận công Nguyễn Bá Quỳnh đại trấn tam niên nhi hoàn. Lê Anh Tôn Chính Trị Canh Ngọ thập tam niên, ngã hoàng triều yếm [奄] hữu kỳ địa.

Thần truyền Thánh kể kỳ nhị bách niên, man Hán phân cư các an kỳ nghiệp bất văn hữu chinh man phòng man chi sự. Đãi [逮:kíp, đến] ngã Thế Tôn Hiếu Võ Hoàng đế triều, thủy văn thiết Quảng Nghĩa đồn doanh lục đạo dĩ phòng biên. Thời đương Lê Thần Tôn Thạnh

**Dịch**

**TRƯỜNG LỮ QUẢNG NGÃI - Quyển III**

**QUÁ TRÌNH**

**KIẾN THIẾT QUA CÁC TRIỀU VUA**

Người Thượng đã hiện diện tại hạt ta từ rất lâu đời. Đến niên hiệu Chính Hòa, nhà Hậu Lê trung hưng mới phái Đô Đốc Trấn Quận Công tới trị nhậm miền này. Ngày nay, còn thấy một số đồn bảo hoang phế bên rìa núi, người ta bảo đó là di tích do ông Trấn Quận Công cho xây dựng để cai trị người Thượng. Đó là chuyện dân gian lưu truyền trong, chứ không hề có tư liệu để kê cứu. Sau khi ông Trấn Quận Công qua đời (1568) thì ông Nguyễn Quận Công Nguyễn Bá Quỳnh lên thay, trấn nhậm ba năm rồi về Bắc. Năm Canh Ngọ, niên hiệu Chính Trị thứ 13 (1570) triều Lê Anh Tôn thì Hoàng triều ta nắm giữ miền này.

Thần truyền Thánh kể, trong thời gian 200 năm người Kinh người Thượng ai ở vùng này, lo làm ăn sinh sống, không hề nghe nói đến chuyện phòng ngự, đánh dẹp giặc Thượng. Mãi cho đến thời vua Thế Tôn Hiếu Võ triều ta mới nghe đến việc thiết lập 6 đạo đồn doanh ở Quảng Ngãi để phòng giữ vùng biên. Đó là vào những năm thuộc niên hiệu Thạnh

德年間自此以後五六十年無有更革偽西辰六道廢邊  
民各自爲守自擇其土豪土目之幹者保置以率之辰黎  
顯尊景興年間嗣至我

皇朝大定之後奉我

世祖高皇帝朝嘉隆甲子三年設鎮蠻十堅奇尋改爲六堅奇三  
丁取一又于六堅內揀束銘義一衛十二隊隸隨左軍黎  
郡公往嘉定差派只存在奇每奇八隊管二率隊八長駐

而無分班又于六堅管員何係品高者兼之

雷守阮公  
續爲始其

汛分自福祿嶺以北至襲鴿嶺爲中堅奇自襲鴿嶺北至  
岫江爲左堅奇自岫江北至青蓮源爲前堅奇自福祿嶺



Đức niên gian, tự thứ dĩ hậu ngũ lục thập niên vô hữu canh cách [革: thay đổi]. Ngụy Tây thời, lục đạo phế, biên dân các tự vi thù, tự trạch kỳ thổ hào thổ mục chi cán giả bảo trí dĩ suất chi. Thời Lê Hiền Tôn Cảnh Hưng niên gian tự chí ngã.

Hoàng triều đại định chi hậu phụng ngã.

Thế Tổ Cao Hoàng đế triều Gia Long Giáp Tý tam niên, thiết trần man thập Kiên Kỳ tâm cái lục Kiên Kỳ. Tam đỉnh thù nhất. Hựu vu Lục Kiên nội, gián thúc Minh Nghĩa nhất Vệ, thập nhị Đội lệ tùy Tả quân Lê Quận công vãng Gia Định sai phái. Chi tồn tại Kỳ, mỗi Kỳ bát đội quân nhị Suất Đội, Bát Trưởng trú nhi vô phân ban, hựu vu Lục Kiên quản viên, hà hệ phẩm cao giả kiêm chi. (*Lưu Thủ Nguyễn Công Toản vi thụ*). Kỳ tấn phận tự Phước Lộc lĩnh dĩ bắc chí Tập Cáp lĩnh vi Trung Kiên Kỳ. Tự Tập Cáp lĩnh bắc chí Nham Giang vi Tả Kiên Kỳ, Tự Nham giang bắc chí Thanh Bồng nguyên vi Tiền Kiên Kỳ. Tự Phước Lộc lĩnh

### Dịch

Đức, rồi năm sáu mươi năm tiếp theo chẳng có gì thay đổi, cho đến thời Tây Sơn thì 6 đồn doanh bị hoang phế, nhân dân đều phải tự lo, cử người thổ hào thổ mục của địa phương mình đứng ra chỉ huy cuộc phòng ngự. Niên hiệu Cảnh Hưng thời vua Lê Hiền Tôn, triều ta lấy được nước, đại định thiên hạ.

Năm Giáp Tý (1804), niên hiệu Gia Long thứ 3, vua Thế Tổ Cao Hoàng cho bố trí lại, từ hệ thống phòng chống người Thượng 6 Kiên Kỳ cũ thành 10 Kiên Kỳ. Cứ ba đỉnh (độ tuổi đi lính) thì lấy một đỉnh. Lại tuyển lựa trong số đỉnh ấy lập ra 12 Đội thành một Vệ, bổ sung cho Đoàn quân Minh Nghĩa, dưới quyền chỉ huy của Tả Quân Lê Quận Công (Văn Duyệt) di chuyển vào Gia Định chờ sai phái. (*Đoàn quân Minh Nghĩa nổi tiếng một thời dưới sự chỉ huy của Tả Quân Lê văn Duyệt*). Chi để lại tại các cơ, mỗi cơ 8 Đội, quản lý 2 Suất Đội, 8 Trưởng Trú, mà không có phân ban. Lại lấy các viên chỉ huy trong sáu cơ Kiên, ai có phẩm chất cao thì cho kiêm chức. (*người đầu tiên là Lưu Thủ Nguyễn Công Toản*). Các Tấn phận từ núi Phước Lộc trở ra Bắc cho đến núi Tập Cáp, được biên chế thành cơ Trung Kiên, từ phía bắc núi Tập Cáp đến sông Nham là cơ Tả Kiên, từ phía bắc sông Nham đến nguồn Thanh Bồng là cơ Tiền Kiên. Từ phía nam núi Phước Lộc

南至涇志爲右堅奇自涇志南至清冰江爲後堅奇自清

水江南至延長社爲內堅奇尋以汛守兼之亦自阮公續始己卯

十八年欽差掌左軍平西將軍郡公黎公文悅奏築長

壘南夾平定蓮山縣界北夾廣南河東縣界沿壘開濠築

芽壘前廢爲蠻境壘後設堡一百十五所每堡兵十人凡

一千一百五十人又以各縣上畔民設爲二十七鄰從六

堅奇防禦中堅奇中奮中勇中威中信四鄰前堅奇前泰

前美前安前雲前山五鄰左堅奇左山左青左勇左雄四

鄰右堅奇右安右智右會右和右勇五鄰後堅奇後成後

義後祥後瓊四鄰內堅奇內福內祿內壽內寶內才五鄰

nam chí Lộ Chí vi Tả Kiên Kỳ, tự Lộ Chí nam chí Thanh Thủy giang vi hậu Kiên Kỳ, Tự Thanh Thủy giang nam chí Duyên Trường xã vi Nội Kiên Kỳ, tầm dĩ tấn thủ kiêm chi (*diệc tự Nguyễn Công Toàn thủy*). Kỳ Mão thập bát niên, Khâm Sai Chương Tả Quân Bình Tây Tướng Quân Quận Công Lê công Văn Duyệt, tấu trúc Trường Lũy, nam giáp Bình Định, Bồng Sơn huyện giới, bắc giáp Quảng Nam Hà Đông huyện giới. Duyên lũy quan hào trúc nha, lũy tiền phé vi man cảnh, lũy hậu thiết bảo nhất bách thập ngũ sở. Mỗi bảo binh thập nhân. Phàm nhất thiên nhất bách ngũ thập nhân hựu dĩ các huyện thượng bạn dân thiết vi nhị thập thất lân từng lục Kiên Kỳ phòng ngự. Trung Kiên Kỳ, Trung Phần, Trung Dũng, Trung Uy, Trung Tín tứ lân. Tiền Kiên Kỳ, Tiền Thái, Tiền Mỹ, Tiền An, Tiền Vân, Tiền Sơn ngũ lân. Tả Kiên Kỳ, Tả Sơn, Tả Thanh, Tả Dũng, Tả Hùng tứ lân. Hữu Kiên Kỳ, Hữu An, Hữu Trí, Hữu Hội, Hữu Hòa, Hữu Dũng ngũ lân. Hậu Kiên Kỳ, Hậu Thành, Hậu Nghĩa, Hậu Tường, Hậu Quỳnh tứ lân. Nội Kiên Kỳ, Nội Phúc, Nội Lộc, Nội Thọ, Nội Bảo, Nội Tài ngũ lân.

### Dịch

đến Suối Chí là cơ Tả Kiên, từ phía nam Suối Chí đến sông Thanh Thủy là cơ Hậu Kiên, từ bờ nam sông Thanh Thủy đến xã Duyên Trường là cơ Nội Kiên. Tất cả đều do Tấn thủ tại chỗ kiêm nhiệm (*người đầu tiên cũng là Lưu Thủ Nguyễn Công Toàn*). Năm Kỳ Mão(1819), niên hiệu Gia Long thứ 18, quan Khâm Sai Chương Tả Quân Bình Tây Tướng Quân Quận Công Lê công Văn Duyệt, tâu cho xây dựng Trường Lũy, phía nam từ ranh giới huyện Bồng Sơn, Bình Định, phía bắc đến ranh giới huyện Hà Đông, Quảng Nam. Dọc theo Trường Lũy có hào tròn rào tre gai. Mặt trước phía vùng đất người Thượng thì để trống, mặt sau Lũy, xây dựng 115 đồn bảo. Mỗi đồn bảo bố trí trên dưới 10 lính, cộng cả thảy 1.150 người. Lại tổ chức dân các làng ven vùng Thượng thành 27 lân ấp cùng lo việc phòng ngự với các cơ Kiên. Tại cơ Trung Kiên có 4 lân ấp là Trung Phần, Trung Dũng, Trung Uy, Trung Tín. Tại cơ Tiền Kiên có 5 lân ấp là Tiền Thái, Tiền Mỹ, Tiền An, Tiền Vân, Tiền Sơn. Tại cơ Tả Kiên có 4 lân ấp là Tả Sơn, Tả Thanh, Tả Dũng, Tả Hùng. Tại cơ Hữu Kiên có 5 lân ấp là Hữu An, Hữu Trí, Hữu Hội, Hữu Hòa, Hữu Dũng. Tại cơ Hậu Kiên có 4 lân ấp là Hậu Thành, Hậu Nghĩa, Hậu Tường, Hậu Quỳnh. Tại cơ Nội Kiên có 5 lân ấp là Nội Phúc, Nội Lộc, Nội Thọ, Nội Bảo, Nội Tài.

鄰各設該鄰副鄰率之各汛分又墾公寨田各所得粟數  
千充爲公需

聖祖仁皇帝明命壬午三年改該鄰爲八品百戶副鄰爲九品百  
戶壬辰十三年銘義衛撤回奇伍改六堅奇爲靖蠻六奇  
其中堅改爲一奇前堅改爲二奇左堅改爲三奇右堅改  
爲四奇後堅改爲五奇內堅改爲六奇鄰民仍舊又增設  
二堡凡一百十七堡量地改設鄰堡間于六奇汛分三十  
一所凡一百四十八堡癸巳十四年嘉定有事摘取六奇  
內弁兵一千束爲壯威嚴威二衛前往嘉定剿匪又奉

旨準在省領兵官專統之俾有專責領兵始其領兵廳署設在彰

Lân các thiết cai Lân phó, Lân suất chi các tấn phận, hựu khẩn [墾: khai -], công trại, điền các sở đặc túc số thiên, sung vi công nho. Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, Minh Mệnh Nhâm Ngọ tam niên, cải cai lân vi bát phẩm bách hộ, Phó lân vi cửu phẩm bách hộ. Nhâm Thìn thập tam niên, Minh nghĩa vệ triệt hồi, kỳ ngũ cải Lục Kiên Kỳ vi Tĩnh man lục Kỳ. Kỳ Trung Kiên cải vi Nhất Kỳ, Tiền Kiên cải vi Nhị Kỳ, Tả Kiên cải vi Tam Kỳ, Hữu Kiên cải vi Tứ Kỳ, Hậu Kiên cải vi Ngũ Kỳ, Nội Kiên cải vi Lục Kỳ. Lân dân nhưng cựu, hựu tăng thiết nhị bảo, phạm nhất bách thập thất bảo. Lượng địa cải thiết lân bảo gian vu Lục Kỳ Tấn Phận tam thập nhất sở, phạm nhất bách tứ thập bát bảo. Quý Ty thập tứ niên Gia Định hữu sự trích thủ Lục Kỳ nội biên binh nhất thiên thúc vi Tráng Uy, Nghiêm Uy nhị vệ tiền vãng Gia Định tiểu phi. Hựu phụng chỉ chuẩn tại tỉnh Lãnh binh quan chuyên thống chi, ti [俾: khiến] hữu chuyên trách (*Lãnh binh Hữu vi thủy*). Kỳ Lãnh Binh sảnh thự thiết tại Chương

### Dịch

Mỗi lân áp đều có Trưởng Lân, Phó Lân, các Tấn phận lại khai khẩn đất đai làm ruộng, mỗi năm lúa thu có cả ngàn, đều sung công nho.

Năm Nhâm Ngọ (1822), Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế niên hiệu Minh Mệnh thứ 3, đổi Trưởng lân áp thành Bát Phẩm bách hộ, Phó lân áp thành Cửu Phẩm bách hộ.

Năm Nhâm Thìn (1832), niên hiệu Minh Mệnh thứ 13, vệ quân Minh Nghĩa rút về Nam, đồng thời đổi tên các đơn vị đồn trú. Sáu cơ Kiên thành sáu cơ Tĩnh Man, cơ Trung Kiên thành cơ Nhứt, cơ Tiền Kiên thành cơ Nhì, cơ Tả Kiên thành cơ Ba, cơ Hữu Kiên thành cơ Tư, cơ Hậu Kiên thành cơ Năm, cơ Nội Kiên thành cơ Sáu. Các lân áp dân cư thì vẫn như cũ, quân đội lập thêm 2 đồn bảo, cộng cả thảy là 117 đồn bảo do quân đội quản lý. Lại xem xét tình thế từng vùng đất, cải thiết 31 đồn canh của dân trong khắp sáu cơ Tấn phận. Như vậy, dọc Trường Lũy có cả thảy 148 đồn canh.

Năm Quý Ty (1833), niên hiệu Minh Mệnh thứ 14, Gia Định có loạn (*loạn Lê Văn Khôi*), triều đình lấy 1.000 biên binh (*quân chính quy*) của sáu cơ biên chế thành hai Vệ quân là vệ Tráng Uy và vệ Nghiêm Uy, di chuyển vào Gia Định đánh giặc. Quân còn lại giao cho tỉnh, đặt dưới quyền chỉ huy thống nhất của quan Lãnh Binh tỉnh nhà. (*người đầu tiên là quan Lãnh Binh tên Hựu*). Công thự của Lãnh Binh đặt tại

義之蒲提地分甲午十五年又奉摘取六奇內弁兵二百  
五十名合與省兵足五百名束爲雄威衛派往富安駐防  
乙未十六年嘉定事平嚴威雄威二衛撤回奇伍存壯威  
衛派往鎮西城充戍丙申十七年壯威衛撤回奇伍摘第  
六奇改爲廣義一衛量補五奇炤隨汛分以便策應其汛  
分自福祿嶺南至江岸爲一奇自福祿嶺北至苓芝堡爲  
三奇自苓芝堡北至青蓮源爲二奇自江岸南至石壘嶺  
爲四奇自石壘嶺南至延長社爲五奇向上每奇八隊管  
二率隊八惟四奇十隊足五百名率隊十自此公寨之田  
遂廢其田由所在領徵者有之或充爲公田者亦有之丁

Nghĩa chi Bồ Đề địa phân.

Giáp Ngọ thập ngũ niên hựu phụng trích thủ lục Kỳ nội biên binh nhị bách ngũ thập danh, hợp dữ tỉnh binh túc ngũ bách danh thúc vi Hùng Uy vệ, phái vãng Phú yên trú phòng.

Ất Mùi thập lục niên, Gia Định sự bình Nghiêm Uy, Hùng Uy nhị vệ triệt hồi. Kỳ ngũ tôn Tráng Uy vệ phái vãng Trấn Tây thành sung nhung.

Bính Thân thập thất niên, Tráng Uy vệ triệt hồi. Kỳ ngũ, trích đệ lục kỳ cải vi Quảng Nghĩa nhất vệ, lượng bỏ ngũ kỳ chiếu tùy tân phận dĩ tiện sách ứng kỳ tân phận. TỰ Phước Lộc lĩnh nam chí giang ngạn vi Nhất Kỳ. TỰ Phước Lộc lĩnh bắc chí Linh Chi bảo vi Tam Kỳ. TỰ Linh Chi bảo bắc chí Thanh Bông nguyên vi Nhị Kỳ. TỰ giang ngạn nam chí Thạch Lũy lĩnh vi Tứ Kỳ. TỰ Thạch Lũy lĩnh nam chí Duyên Trường xã vi Ngũ Kỳ. HƯỚNG thượng mỗi Kỳ bát đội, quản nhị, suất đội bát. Duy tứ kỳ thập đội túc ngũ bách danh suất đội thập. TỰ thủ công trại chi điền toại phế. Kỳ điền do sở tại lĩnh trung giá hữu chi hoặc sung vi công điền giá diệc hữu chi. Đinh

### Dịch

làng Bồ Đề, huyện Chương Nghĩa.

Năm Giáp Ngọ (1834), niên hiệu Minh Mệnh thứ 15, triều đình lại lấy tiếp 250 biên binh trong sáu cơ, cộng với 500 lính của tỉnh, biên chế thành Vệ quân Hùng Uy, phái vào Phú Yên trú phòng.

Năm Ất Mùi (1835), niên hiệu Minh Mệnh thứ 16, dẹp xong loạn Gia Định, triều đình trả hai vệ Nghiêm Uy, Hùng Uy trở về, điều động vệ Tráng Uy chuyển đến Trấn Tây thành (*Chân Lạp*) chiến đấu tiếp.

Năm Bính Thân (1836), niên hiệu Minh Mệnh thứ 17, triều đình điều động vệ Tráng Uy trở về. Quân đội các cơ được biên chế lại, lấy cơ Lục đổi thành một vệ gọi là vệ Quảng Nghĩa, còn 5 cơ kia thì qua xem xét cụ thể sắp xếp lại các Tân phận để tiện cứu ứng lẫn nhau. Từ phía nam núi Phước Lộc đến bờ sông là cơ Nhứt. Từ phía bắc núi Phước Lộc đến bảo Linh Chi là cơ Ba. Từ phía bắc bảo Linh Chi đến nguồn Thanh Bông là cơ Nhì. Từ bờ sông phía nam đến núi Thạch Lũy là cơ Tư. Từ phía nam núi Thạch Lũy đến xã Duyên Trường là cơ Năm. Mỗi cơ có 8 Đội, 2 Quản, 8 Suất đội. Riêng cơ Tư có 10 Đội có đủ 500 lính, 10 Suất đội. Từ đó, ruộng đất của công trại bỏ hoang, có nơi dân tại chỗ lãnh trung, có nơi sung vào công điền thuộc chính quyền địa phương.

百十八年

旨準募民三十三寨邑東爲鄉兵一隊

隸之各奇隊增置百戶一己亥二十年省臣摺請易處撤  
減劇處增設現數一百十六堡其一奇駐守富壽綏安順  
安峻嶺湧水富城安樂保安富山永慶富林義山堅城土  
山美市興本興平富川富澗鄰亭安亭江亭二十二堡二  
奇駐守青蓮安轅清源石盤堅甲高堆場江安山轅門盤  
石石駒峻馮風嶺林會雲黎石岫石峯雄嶺抵柱清溪苓  
芝二十一堡三奇駐守堅石安嶺雄城甘霖壯士大阜鋒  
銳美祿青樹講武秀嶺石嶺石林美山中孚蓬萊鞏固長  
亭長和里仁新隆福祿二十二堡四奇駐守富祿寧江才



Dậu thập bát niên. Chi chuẩn mộ ấp dân tam thập tam trại ấp sách vi hương binh nhất đội lệ chi các Kỳ. Đội tăng trí Bá hộ nhất. Kỳ Hợi nhị thập niên, tinh thần tập thỉnh dị xứ triệt giảm, kích xứ tăng thiết, hiện số nhất bách thập lục bảo. Kỳ *Nhất Kỳ* trú thủ Phú Thọ, Tuy An, Thuận An, Tuấn Lĩnh, Dũng Thủy, Phú Thành, An Lạc, Bảo An, Phú Sơn, Vĩnh Khánh, Phú Lâm, Nghĩa Sơn, Kiên Thành, Thổ sơn, Mỹ Thị, Hưng Nhơn, Hưng Bình, Phú Xuyên, Phú Nhuận, Lân Đình An Đình, Giang Đình *nhị thập nhị* bảo. *Nhị Kỳ* trú thủ Thanh Bồng, An Viên, Thanh Nguyên, Thạch bàn, Kiên Giáp, Cao Đồi, Trường Giang, An Sơn. Viên Môn, Bàn Thạch, Thạch Câu, Tuấn Mã, Phong Lĩnh, Lâm Hội, Vân Lê, Tạch Nham, Thạch Phong, Hùng Lĩnh, Đê Trụ, Thanh Khê, Linh Chi, *nhị thập nhất* bảo. *Tam Kỳ* trú thủ Kiên Thạch, An Lĩnh, Hùng Thành, Cam Lâm, Tráng sĩ, Đại Phụ, Phong Duyệt, Mỹ Lộc, Thanh Thụ, Giảng Võ, Tú Lĩnh, Thạch Lĩnh, An Lĩnh, Thạch Lâm, Mỹ Sơn, Trung Phù, Bồng Lai, Củng [羣:bền chặt] Cố, Trường Đình, Trường Hòa, Lý Nhân, Tân Long, Phước Lộc, *nhị thập nhị* bảo. *Tứ Kỳ* trú thủ Phước Lộc, Ninh Giang, Tài

### Dịch

Năm Đinh Dậu (1837), niên hiệu Minh Mệnh thứ 18, triều đình cho mộ hương binh trong dân 33 trại, ấp, sách thành một đội hương binh nằm dưới sự quản lý của các cơ. Thêm một chức Bá hộ cho đội này.

Năm Kỳ Hợi (1839), niên hiệu Minh Mệnh thứ 20, tinh Quảng Nghĩa tâu đã tiến hành rà soát, bỏ bớt đồn bảo ở những nơi dễ, lập thêm đồn bảo ở những nơi khó, hiện có 160 đồn bảo.

*Cơ Nhất* có 22 bảo là các bảo Phú Thọ, Tuy An, Thuận An, Tuấn Lĩnh, Dũng Thủy, Phú Thành, An Lạc, Bảo An, Phú Sơn, Vĩnh Khánh, Phú Lâm, Nghĩa Sơn, Kiên Thành, Thổ sơn, Mỹ Thị, Hưng Nhơn, Hưng Bình, Phú Xuyên, Phú Nhuận, Lân Đình, An Đình, Giang Đình. *Cơ Nhì* có 21 bảo là Thanh Bồng, An Viên, Thanh Nguyên, Thạch bàn, Kiên Giáp, Cao Đồi, Trường Giang, An Sơn. Viên Môn, Bàn Thạch, Thạch Câu, Tuấn Mã, Phong Lĩnh, Lâm Hội, Vân Lê, Tạch Nham, Thạch Phong, Hùng Lĩnh, Đê Trụ, Thanh Khê, Linh Chi. *Cơ Ba* có 22 bảo là Kiên Thạch, An Lĩnh, Hùng Thành, Cam Lâm, Tráng sĩ, Đại Phụ, Phong Duyệt, Mỹ Lộc, Thanh Thụ, Giảng Võ, Tú Lĩnh, Thạch Lĩnh, An Lĩnh, Thạch Lâm, Mỹ Sơn, Trung Phù, Bồng Lai, Củng Cố, Trường Đình, Trường Hòa, Lý Nhân, Tân Long, Phước Lộc. *Cơ Tư* có 25 bảo là Phước Lộc, Ninh Giang, Tài

工武甲隆平慶江平和安寧萬年石碑安石立石永安平  
安新安新平茂林碧奎竹林雄義春苓安峯平定石壘三  
江二十五堡五奇駐守和祥林松人和石根順利清水美  
順富仁青梨良才安排萬福安象澤林烈山香清山關安  
仁青林青雲福林才壽安勇青中二十四堡

憲祖章皇帝紹治甲辰四年軍次尊室弼魏克楮奏請罷鄉兵  
與剪破壘前茅竹及栽省七十一堡其衝要地頭仍舊駐  
守一奇駐守峻嶺富城永慶美山土山興仁富川鄰亭江  
岸九堡二奇駐守青蓬石盤堅甲場江石駒峻馬石蟲石  
峯苓芝九堡三奇駐守雄城美祿秀嶺講武中學長亭福

### Phiên âm trang 107

Công, Võ Giáp, Long Bình, Khánh Giang, Bình Hòa, An Ninh, Vạn niên, Thạch Bi, An Thạch, Lập Thạch, Vĩnh An, Bình An, Tân An, Tân Bình, Mậu Lâm, Bích Khuê [奎:sao khuê], Trúc Lâm, Hùng Nghĩa, Xuân Linh, An Phong, Bình Định, Thạch Lũy, Tam Giang. Ngũ Kỳ trú thủ Hòa Tường, Lâm Tùng, Nhân Hòa, Thạch Căn, Thuận Lợi, Thanh Thủy, Mỹ Thuận, Phú Nhơn, Thanh Lê [梨=藥otháo], Lương Tài, An Bài, Vạn Phúc, An Tượng, Trạch Lâm, Liệt Sơn, Hương Thanh, Sơn Quan, An Nhơn, Thanh Lâm, Vân Phước, Lâm Tài, Thọ An, Dũng Thanh Trung *nhị thập tứ* bảo. Hiến Tổ Chương Hoàng đế Thiệu Trị, Giáp Thìn tứ niên, quân thứ Tôn Thất Bật, Ngụy Khắc Tuần. Tấu thỉnh bãi hương binh dữ tiền phá Lũy tiền nha trúc cập tài tỉnh [雀: coi xét, giám bớt] thất thập nhất bảo. Kỳ hành [衡: cái cân, cân nhắc] yếu địa đầu nhưng cự trú thủ. Nhất Kỳ trú thủ Tuấn Lĩnh, Phú Thành, Vĩnh Khánh, Mỹ Sơn, Thổ Sơn, Hưng Nhơn, Phú Xuyên, Lân Đình, Giang Ngạn cứu bảo. Nhị Kỳ trú thủ Thanh Bồng, Thạch Bàn, Kiên Giáp, Trường Giang, Thạch Câu, Tuấn Mã, Thạch Nham, Thạch Phong, Linh Chi cứu bảo. Tam Kỳ trú thủ Hùng Thành, Mỹ Lộc, Tú Lĩnh, Giảng Võ, Trung Phù, Trường Đình, Phước

### Dịch

Công, Võ Giáp, Long Bình, Khánh Giang, Bình Hòa, An Ninh, Vạn niên, Thạch Bi, An Thạch, Lập Thạch, Vĩnh An, Bình An, Tân An, Tân Bình, Mậu Lâm, Bích Khuê, Trúc Lâm, Hùng Nghĩa, Xuân Linh, An Phong, Bình Định, Thạch Lũy, Tam Giang.

Cơ Năm có 24 bảo là Hòa Tường, Lâm Tùng, Nhân Hòa, Thạch Căn, Thuận Lợi, Thanh Thủy, Mỹ Thuận, Phú Nhơn, Thanh Lê, Lương Tài, An Bài, Vạn Phúc, An Tượng, Trạch Lâm, Liệt Sơn, Hương Thanh, Sơn Quan, An Nhơn, Thanh Lâm, Vân Phước, Lâm Tài, Thọ An, Dũng Thanh Trung.

Năm Giáp Thìn (1844), Hiến Tổ Chương Hoàng đế, niên hiệu Thiệu Trị thứ 4, quân thứ Tôn Thất Bật, Ngụy Khắc Tuần tâu về việc bãi bỏ hương binh và chặt bỏ rào tre trước Trường Lũy, cũng như giám bớt 71 đồn bảo. Chỉ ở những nơi hiểm yếu thì giữ nguyên các đồn bảo. Cơ Nhứt giữ lại 9 đồn bảo là Tuấn Lĩnh, Phú Thành, Vĩnh Khánh, Mỹ Sơn, Thổ Sơn, Hưng Nhơn, Phú Xuyên, Lân Đình, Giang Ngạn. Cơ Nhì giữ lại 9 đồn bảo là Thanh Bồng, Thạch Bàn, Kiên Giáp, Trường Giang, Thạch Câu, Tuấn Mã, Thạch Nham, Thạch Phong, Linh Chi. Cơ Tam giữ lại 8 đồn bảo là Hùng Thành, Mỹ Lộc, Tú Lĩnh, Giảng Võ, Trung Phù, Trường Đình, Phước

祿八堡四奇駐守寧江慶江石碑平安茂林竹林春苓平  
定三江九堡五奇駐守青林山關烈山萬福安排富仁仁  
和和祥八堡九四十三堡丁未七年四奇增設富祿武甲  
萬年立石碧奎石壘六堡五奇增設松林清水良才澤林  
香清安城安富七堡九十三堡汛分長壘該五十六堡五  
奇兵數該二千一百五十一人管率仍舊今

上嗣德癸丑六年

旨準束五奇為三奇五丁取一每奇十

隊每隊兵五十人管二率隊十其餘束補 京兵省兵其

汛分自慶江堡北至中孚為一奇自中孚堡北至青蓬源  
為二奇自慶江堡南至延長社截疆堡為三奇乙卯八年

## Phiên âm trang 108

Lộc bát bảo. Tứ Kỳ trú thủ Ninh Giang, Thạch Bi, Bình An, Mậu Lâm, Trúc Lâm, Xuân Linh, Bình Định, Tam Giang cứu bảo. Ngũ Kỳ trú thủ Thanh Lâm, Sơn Quan, Liệt Sơn, Vạn Phước, An Bài, Phú Nhon, Nhon Hòa, Hòa Tường bát bảo. Phạm tứ thập tam bảo.

Đình Mùi thất niên, Tứ Kỳ tăng thiết Phú Lộc, Võ Giáp, Vạn Niên, Lập Thạch, Bích Khuê, Thạch Lũy lục bảo. Ngũ Kỳ tăng thiết Tùng Lâm, Thanh Thủy, Lương Tài, Trạch Lâm, Hương Thanh, An Thành, An Phú thất bảo, phạm thập tam bảo. Tấn phạm Trường Lũy cai ngũ thập lục bảo. Ngũ Kỳ binh số cai nhị thiên nhất bách ngũ thập nhất nhân. Quân suất nhưng cụ.

Kim thượng Tự Đức Quý Sửu lục niên chi chuẩn thúc ngũ Kỳ vi tam Kỳ, ngũ đình thủ nhất, mỗi Kỳ thập đội, mỗi đội binh ngũ thập nhân, quân nhị suất đội thập, kỳ dư thúc bộ Kinh binh, tỉnh binh. Kỳ tấn phạm tự Khánh Giang bảo bắc chí Trung Phù vi Nhất Kỳ. Tự Trung Phù bảo bắc chí Thanh Bồng nguyên vi Nhị Kỳ. Tự Khánh Giang bảo nam chí Diên trường xã Tiệt Cương bảo vi Tam Kỳ.

Át Mão bát niên

## Dịch

Lộc. Cơ Tư giữ lại 9 đồn bảo là Ninh Giang, Thạch Bi, Bình An, Mậu Lâm, Trúc Lâm, Xuân Linh, Bình Định, Tam Giang. Cơ Năm giữ lại 8 đồn bảo là Thanh Lâm, Sơn Quan, Liệt Sơn, Vạn Phước, An Bài, Phú Nhon, Nhon Hòa, Hòa Tường. Tổng cộng suốt Trường Lũy giữ lại 43 đồn bảo.

Năm Đình Mùi (1847), niên hiệu Thiệu Trị thứ 7, Lập thêm 13 đồn bảo, gồm cơ Tư lập thêm 6 đồn bảo là Phú Lộc, Võ Giáp, Vạn Niên, Lập Thạch, Bích Khuê, Thạch Lũy, cơ Ngũ lập thêm 7 đồn bảo là Tùng Lâm, Thanh Thủy, Lương Tài, Trạch Lâm, Hương Thanh, An Thành, An Phú. Như vậy suốt Trường Lũy bảy giờ có 56 đồn bảo. Quân số của 5 cơ là 2.151 người. Quản lý vẫn như cũ.

Triều Đức Kim Thượng ta, vào năm Quý Sửu (1853), niên hiệu Tự Đức thứ 6, triều đình ra lệnh thu gọn 5 cơ còn 3 cơ, cứ 5 đình lấy 1, mỗi cơ có 10 đội quân, mỗi đội quân có 50 lính, 2 Quân, 10 Suất đội, số còn lại chờ phân bổ làm Kinh binh, tỉnh binh. Từ phía bắc bảo Khánh Giang đến bảo Trung Phù là cơ Nhứt. Từ phía bắc bảo Trung Phù đến nguồn Thanh Bồng là cơ Nhị. Từ phía nam bảo Khánh Giang đến bảo Tiệt Cương xã Duyên Trường là cơ Ba.

Năm Ất Mão (1855), niên hiệu Tự Đức thứ 8,

軍次陳知等摘取鄰民精壯五百人東爲義勇奇支餉從  
征事平而罷又奉 命官督飭三縣兵民培築長壘分  
設八十堡丙辰九年議 準以三縣上畔民盡籍爲兵  
束爲九奇尋改爲八奇奇十隊隊五十人管二率隊十丁  
已十年 旨準省減每奇管員各一率隊各五每奇束  
爲五隊每隊一百人只存每奇管一率隊五分爲三班二  
月一換又設巡撫一尋復停省仍以省布政使潘靖商同  
領兵辦事庚申十三年復設武巡撫一朱福明領之尋以  
罪革癸亥十六年 旨準增設副領兵一既美合與領  
兵官統知八奇事務復蒙議 準設剿撫使一以予土

quân thứ Trần Tri đẳng, trích thù lân dân tinh tráng ngũ bách nhân thúc vi Nghĩa Dũng Kỳ chi hướng tòng chinh sự bình nhi bãi. Mệnh quan đốc sức tam huyện binh dân bồi trúc Trường Lũy phân thiết bát thập bảo. Bính Thìn cứu niên nghị chuẩn dĩ tam huyện thượng bạn dân tận tịch vi binh thúc vi cứu Kỳ, tầm cải vi bát Kỳ, Kỳ thập Đội, Đội ngũ thập nhân, quản nhị Suất Đội thập đình dĩ thập niên. Chỉ chuẩn tinh giảm mỗi Kỳ quản viên các nhất suất đội các ngũ, mỗi Kỳ thúc vi ngũ đội, mỗi đội nhất bách nhân, chỉ tồn mỗi Kỳ quản nhất suất đội ngũ phân vi tam ban nhị nguyệt nhất hoán. Hựu thiết Tuần Vũ nhất tầm phục đình tinh, nhưng dĩ tinh Bồ Chánh sứ (*Phan Tĩnh vi thùy*) thương đồng Lãnh Binh biện sự. Canh Thân thập tam niên, phục thiết võ Tuần Vũ nhất Chu Phúc Minh lãnh chi, tầm dĩ tội cách. Quý Hợi thập lục niên, chỉ chuẩn tăng thiết Phó Lãnh binh nhất (*Nguyễn Mỹ vi thùy*) hợp dữ Lãnh binh quan tổng tri bát Kỳ sự vụ. Phục mông nghị. Chuẩn thiết Tiểu phủ sứ nhất dĩ dư thổ

### Dịch

quân thứ của các tướng Trần Tri, tuyển lựa trong cư dân các lân ấp ven Trường Lũy, chọn lấy 500 người khỏe mạnh lập nên cơ Nghĩa Dũng đưa vào luyện tập chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài của đất nước (*Đội quân này về sau theo Trần Tri vào giữ thành Gia Định năm 1858-1859 chống lại pháo thuyền Pháp*). Triều đình lệnh cho tinh đốc thúc binh dân 3 huyện tu bổ Trường Lũy và bố trí 80 đồn bảo giữ Lũy.

Năm Bính Thìn (1856), niên hiệu Tự Đức thứ 9, triều đình lại ra lệnh cho tinh ráo riết bắt lính trong dân 3 huyện ven Trường Lũy (*tức cả tỉnh Quảng Nghĩa*), bổ sung lính cho 9 cơ, sau đó lại biên chế thành 8 cơ, mỗi cơ 10 Đội, mỗi Đội 50 lính, 2 Quán, 10 Suất đội, lính đi nghĩa vụ 10 năm. Triều đình lại ra lệnh cho tinh giảm, mỗi cơ chỉ còn 1 Quán, 5 Suất đội, mỗi cơ chỉ còn giữ lại 5 Đội, mỗi Đội 100 lính. Tại mỗi cơ chỉ còn 1 Quán 5 Suất đội, phân thành 3 ban, cứ 2 tháng thì thay.

Lại bố trí chức Tuần Phủ Quảng Nghĩa, sau lại thôi, giao cho quan Bồ Chánh sứ (*đầu tiên là Phan Tĩnh*) cùng quan Lãnh Binh lo liệu công việc. Năm Canh Thân (1860), niên hiệu Tự Đức thứ 13, lại phục hồi chức quan Tuần Vũ chuyên quân sự. Chu Phúc Minh làm Tuần Vũ Quảng Nghĩa, sau phạm tội phải bị cách.

Năm Quý Hợi (1863), niên hiệu Tự Đức thứ 16, triều đình cho tăng cường một Phó Lãnh Binh cho tỉnh Quảng Nghĩa (*người đầu tiên là Nguyễn Mỹ*) để cùng quan Lãnh Binh chỉ huy 8 cơ Tấn phạt. Triều đình lại tăng cường cho Quảng Nghĩa một chức quan Tiểu Phủ sứ. Ta

著領之九事商同正副領兵會銜安辦辰以上畔民屢被  
惡蠻彫耗數多八奇兵額間多掛欠予乃摺請減束六奇  
以舒民瘼欽奉

旨準在案甲子十七年遵奉束八奇爲六奇奇十隊每隊五十  
人管二率隊十又于六奇中揀取精壯每奇一百人每隊  
十人該六百人設爲靖蠻戰士衛十二隊每隊五十人正  
副衛尉各一率隊十二又奉募勇不拘內外籍民束爲靖  
蠻義雄奇奇十隊管一率隊十譯蠻二隊率隊各一。設立  
靖蠻三大堡其駐守左堡戰士四隊義雄七隊譯蠻二隊  
遷善四隊剿撫使居之正堡戰士四隊義雄一隊正領兵



trú lãnh chi. Phàm sự thương đồng Chánh Phó Lãnh Binh hội hàm thỏa biện, thời dĩ thượng bạn dân lữ bị ác man điều hao số đa. Bát Kỳ binh ngạch gian đa quải khiếm, dư nãi tập thính giảm thúc Lục Kỳ dĩ thư dân mạc [瘼:bệnh], khâm phụng.

Chi chuẩn tại án, Giáp Tí thập thất niên, tôn phụng thúc bát Kỳ vi lục Kỳ. Kỳ thập đội, mỗi đội ngũ thập nhân, quản nhị suất đội thập, hựu vu lục Kỳ trung gián thủ tinh tráng, mỗi Kỳ nhứt bách nhân, mỗi đội thập nhân. Cai lục bách nhân thiết vi Tĩnh Man chiến sĩ vệ, thập nhị đội. Mỗi đội ngũ thập nhân. Chánh Phó Vệ úy các nhất Suất đội thập nhị. Hựu phụng mộ dũng bát câu nội ngoại tịch dân thúc vi Tĩnh Man Nghĩa Hùng Kỳ. Kỳ thập đội quản nhất Suất Đội thập Dịch Man nhị Đội Suất Đội Các Nhất. Thiết lập Tĩnh Man tam đại bảo. Kỳ trú thủ Tả bảo, chiến sĩ tứ đội Nghĩa Hùng, thất đội Dịch Man, nhị đội Thiên Thiện, tứ đội Tiểu Phủ sử cư chi. chánh bảo. Chiến sĩ tứ đội Nghĩa Hùng, nhất đội Chánh lãnh binh

### Dịch

là người địa phương Quảng Nghĩa làm chức ấy. Phàm mọi việc ta cùng Chánh, Phó Lãnh Binh bàn thảo thống nhất. Bấy giờ, dân cư sinh sống ven Trường Lũy, bị giặc Thượng lăm phen gây thiệt hại. Trong khi đó, binh lính của 8 cơ thì thiếu hụt, ta tâu xin giảm còn 6 cơ thôi để dưỡng sức dân.

Năm Giáp Tý (1864), niên hiệu Tự Đức thứ 17, triều đình chuẩn thuận tờ tâu của ta. Ta tổ chức gọn lại thành 6 cơ, mỗi cơ 10 Đội, mỗi Đội 50 lính, 2 Quán, 10 Suất đội. Ta lại tuyển lựa trong 6 cơ, lấy mỗi Đội 10 lính khỏe mạnh nhất, tức mỗi cơ 100 lính khỏe mạnh. Với 600 lính khỏe mạnh ấy, lập Vệ Tĩnh Man Chiến Sĩ phân thành 12 Đội, mỗi Đội 50 lính, có một Chánh Vệ Úy, một Phó Vệ Úy, 12 Suất Đội. Ta lại phụng mệnh tuyển mộ thêm lính, không phân biệt có số bộ (*hộ khẩu*) tại chỗ hay không, rồi biên chế thành một cơ mới là cơ Tĩnh Man Nghĩa Hùng. Cơ này có 10 Đội, 1 Quán, 10 Suất đội, 2 đội Dịch Man, mỗi đội đều có 1 Suất đội. Ta cho xây dựng ba đồn bảo lớn gọi là Tĩnh Man tam đại bảo giao cho cơ Tĩnh Man Nghĩa Hùng mới lập này. Ở giữ Tả bảo là chiến sĩ 4 đội Nghĩa Hùng, 7 đội Dịch Man, 2 đội Thiên Thiện, 4 đội Tiểu Phủ sử. Ở giữ Chánh bảo là chiến sĩ 4 đội Nghĩa Hùng, 1 đội Chánh Lãnh binh.

居之右堡戰士四隊義雄二隊副領兵居之其餘奇堡量  
行省減每奇只存七八堡上下又奉團練鄰民東爲六奇  
鄰每鄰管鄰一每總鄰該總一每鄰鄰長一頭目二或三  
就中三奇汛分一半至一奇長壘遙隔不便設堡仍移設  
諸小堡于大山之東改置堡名以便更守其衝者奇兵駐  
守簡者鄰民更守奇堡現存四十七堡併與三大堡該五  
十堡內一奇員弁駐守大來堡存大定福嶺壽域東城多  
福梧桐六堡鄰民更守三奇員弁駐守靈沼堡存僊風雄  
山雄關百祿和平盛美六堡鄰民更守五奇員弁駐守富  
仁烈山薰風三堡存安排安山春山山圍截疆五堡鄰民更

cư chi. Hữu bảo, chiến sĩ tứ đội Nghĩa Hùng, nhị đội Phó lãnh binh cư chi. Kỳ dư Kỳ bảo lượng hành tinh giám, mỗi Kỳ chỉ tồn thất bát bảo thượng hạ. Hựu phụng đoàn luyện lân dân thúc vi lục Kỳ lân, mỗi lân quản lân nhất, mỗi tổng lân Cai tổng nhất, mỗi lân, Lân trưởng nhất, Đầu mục nhị hoặc tam. Tựu trung Tam Kỳ Tấn phận nhất bán chí Nhất Kỳ, Trường Lũy diêu cách bất tiện thiết bảo, nhưng di thiết chư tiểu bảo vu Đại Sơn chi đông cái trí bảo danh dĩ tiện canh thủ. Kỳ xung giả, kỳ binh trú thủ gián giả lân dân canh thủ. Kỳ bảo, hiện tồn tứ thập thất bảo, tịnh dữ tam đại bảo. cai ngũ thập bảo nội.

Nhất Kỳ viên biên trú thủ Đại Lai bảo, tồn Đại Định, Phước Lĩnh, Thọ Vực, Đông Thành, Đa Phước, Ngô Đồng lục bảo. Lân dân canh thủ.

Tam Kỳ viên biên trú thủ Linh Chiêu bảo, tồn Thiên Phong, Hùng Sơn, Hùng Quan, Bách Lộc, Hòa Bình, Thạnh Mỹ lục bảo, lân dân tiện thủ.

Ngũ Kỳ viên biên trú thủ Phú Nhơn, Liệt Sơn, Huân Phong, tam bảo, tồn An Bài, An Sơn, Xuân Sơn, Sơn Viên, Tiệt Cương ngũ bảo, lân dân canh

### Dịch

Ở giữ Hữu bảo là chiến sĩ 4 đội Nghĩa Hùng, 2 đội Phó Lãnh binh. Ngoài ra, bỏ bớt số lượng đồn bảo, mỗi cơ chi giữ lại trên dưới 7, 8 bảo mà thôi. Ta lại tộ chức dân cư các lân áp đưa vào huấn luyện quân sự hình thành Dân quân của khắp 6 cơ. Mỗi lân có một viên Quản Lân, mỗi tổng có một Cai Tổng, mỗi lân có một Lân Trưởng, 2 hoặc 3 Đầu Mục. Tóm lại, một nửa số bảo ở cơ Ba cho đến cơ Nhứt, Trường Lũy xa cách không tiện lập đồn bảo, phải chuyển các bảo đến phía đông Đại Sơn, đều đổi tên để tiện canh giữ. Các nơi xung yếu đều bố trí biên binh các cơ ở giữ. Các nơi khác thì dân quân canh giữ. Đồn bảo cũ hiện còn 47 cái, công thêm 3 đồn lớn mới lập chẵn 50 cái.

Tại cơ Nhứt, biên binh ở giữ bảo Đại Lãi, còn 6 bảo Đại Định, Phước Lĩnh, Thọ Vực, Đông Thành, Đa Phước, Ngô Đồng do dân quân canh giữ.

Tại cơ Ba, biên binh ở giữ bảo Linh Chiêu, còn 6 bảo Thiên Phong, Hùng Sơn, Hùng Quan, Bách Lộc, Hòa Bình, Thạnh Mỹ do dân quân canh giữ.

Tại cơ Năm, biên binh ở giữ 3 bảo là Phú Nhơn, Liệt Sơn, Huân Phong, còn 5 bảo An Bài, An Sơn, Xuân Sơn, Sơn Viên, Tiệt Cương do dân quân canh giữ.

守二奇員弁駐守安亭富城二堡存富潤土山義山安樂  
富壽綏安六堡鄰民更守四奇員弁駐守長亭秀林二堡  
存福壽安池秀嶺峻嶺美祿壯士六堡鄰民更守六奇員  
弁駐守石峯石盤二堡存青林苓芝盤安長江堅甲峻馬  
安園七堡鄰民更守其六奇鄰凡三十九鄰內一奇鄰歸  
祿歸春歸山歸安歸西歸富歸福七鄰三奇鄰感城感秀  
感盛感福感安感交六鄰五奇鄰知平知成知和知會霑  
城霑美霑慶七鄰二奇鄰上合上和上安上富上壽五鄰  
四奇鄰中蟠中安中榮中平安田會田六鄰六奇鄰美田  
福田安富安禾新安新祿永綏芳亭春姜九鄰丙寅十九

thù. Nhị Kỳ viên biên trú thủ An Đình, Phú Thành nhị bảo, tồn Phú Nhuận, Thổ Sơn, Nghĩa Sơn, An Lạc, Phú Thọ, Tuy An lục bảo, lân dân canh thủ. Tứ Kỳ viên biên trú thủ Trường Đình, Tú Lâm nhị bảo, tồn Phú Thọ, An Trì, Tú Lĩnh, Tuấn Lĩnh, Mỹ Lộc, Tráng sĩ lục bảo, lân dân canh thủ. Lục Kỳ viên biên trú thủ Thạch Phong, Thạch Bàn nhị bảo, tồn Thanh Lâm, Linh Chi, Bàn An, Trường Giang, Kiên Giáp, Tuấn Mã, An Viên thất bảo, lân dân canh thủ. Kỳ lục Kỳ lân, phạm tứ thập lân nội, Nhất Kỳ lân Quy Lộc, Quy Xuân, Quy Sơn, Quy An, Quy Tây, Quy Phú, Quy Phước thất lân. Tam Kỳ lân, Cầm Thành, Cầm Tú, Cầm Thạnh, Cầm Phước, Cầm An, Cầm Giao lục lân. Ngũ Kỳ lân, Tri Bình, Tri Thành, Tri Hòa, Tri Hội, Chiêm Thành, Chiêm Mỹ, Chiêm Khánh thất lân. Nhị Kỳ lân, Thượng Hợp, Thượng Hòa, Thượng An, Thượng Phước, Thượng Thọ, ngũ lân. ứ Kỳ lân, Trung Bàn, Trung An, Trung Vinh, Trung Bình, An Điền, Hội Điền lục lân. Lục Kỳ lân, Mỹ Điền, Phước Điền, An Phú, An Hòa, Tân An, Tân Lộc, Vĩnh Tuy, Phương Đình, Xuân Mỹ cửu lân. Bính Dân thập cửu

### Dịch

Tại cơ Nhì, biên binh ở giữ 2 bảo là An Đình, Phú Thành, còn 6 bảo Phú Nhuận, Thổ Sơn, Nghĩa Sơn, An Lạc, Phú Thọ, Tuy An do dân quân canh giữ. Tại cơ Tư, biên binh ở giữ 2 bảo là Trường Đình, Tú Lâm, còn 6 bảo Phú Thọ, An Trì, Tú Lĩnh, Tuấn Lĩnh, Mỹ Lộc, Tráng Sĩ do dân quân canh giữ. Tại cơ Sáu, biên binh ở giữ 2 bảo là Thạch Phong, Thạch Bàn, còn 7 bảo Thanh Lâm, Linh Chi, Bàn An, Trường Giang, Kiên Giáp, Tuấn Mã, An Viên do dân quân canh giữ. Có tất cả 40 lân áp thuộc 6 Kỳ.

Tại cơ Nhứt có 7 lân là Quy Lộc, Quy Xuân, Quy Sơn, Quy An, Quy Tây, Quy Phú, Quy Phước thất. Tại cơ Ba có 6 lân là Cầm Thành, Cầm Tú, Cầm Thạnh, Cầm Phước, Cầm An, Cầm Giao. Tại cơ Năm có 7 lân là Tri Bình, Tri Thành, Tri Hòa, Tri Hội, Chiêm Thành, Chiêm Mỹ, Chiêm Khánh.

Tại cơ Nhì có 5 lân là Thượng Hợp, Thượng Hòa, Thượng An, Thượng Phước, Thượng Thọ.

Tại cơ Tư có 6 lân là Trung Bàn, Trung An, Trung Vinh, Trung Bình, An Điền, Hội Điền. Tại cơ Sáu có 9 lân là Mỹ Điền, Phước Điền, An Phú, An Hòa, Tân An, Tân Lộc, Vĩnh Tuy, Phương Đình, Xuân Mỹ.

Năm Bính Dân (1866), niên hiệu Tự Đức thứ 19

年 旨準各于壘前後何係荒閒者設立各奇屯田摘  
下班兵每月支餉米各一督令耕墾所得粟子充公遷善  
各隊放回丁卯二十年摺請東補義雄奇爲五隊其左堡  
駐守戰士六隊義雄五隊譯蠻二隊正堡戰士三隊右堡  
戰士三隊戊辰二十一年摺請移設右堡于四奇秀林堡  
其左堡改爲第一堡正堡改爲第二堡右堡改爲第三堡  
其四奇兵原駐于秀林者移于美祿堡駐守存五簡堡鄰  
民更守又于蠻境之明隆廊衣諾能等柵設三大堡一名  
明隆堡一名伊川堡一名黃魚堡二十三年三月日增設  
黎源堡于諾灘上蠻架勃處以備邈年巡往或征勦駐紮

niên, chỉ chuẩn các vụ Lũy tiền hậu hà hệ hoang nhân giả thiết lập các Kỳ đồn điền, trích hạ ban binh, mỗi nguyệt chỉ hướng mẽ các nhất, đốc lệnh canh khẩn, sở đắc túc từ sung công, Thiên Thiện các đội phóng hồi.

Đinh Mão nhị thập niên, tập thỉnh thúc bộ Nghĩa Hùng Kỳ vi ngũ đội. Kỳ Tả bảo trú thủ chiến sĩ lục đội, Nghĩa Hùng ngũ đội, Dịch Man nhị đội. Chính bảo, chiến sĩ tam đội. Hữu bảo chiến sĩ tam đội.

Mậu Thìn nhị thập nhất niên, tập thỉnh di thiết hữu bảo vụ Tứ Kỳ Tú Lâm bảo. Kỳ Tả bảo cái vi Đệ Nhất bảo, Chánh bảo cái vi Đệ Nhị bảo, Hữu bảo cái vi Đệ Tam bảo. Kỳ Tứ Kỳ binh, nguyên trú vụ Tú Lâm giả di vụ Mỹ Lộc bảo trú thủ, tồn Ngũ Giản bảo lân dân canh thủ. Hựu vụ man cảnh chỉ Minh Long, Làng Y, Nước Năng đẳng sách thiết tam đại bảo, nhất danh Minh Long bảo, nhất danh Y Xuyên bảo, nhất danh Hoàng Ngự bảo.

Nhị thập tam niên, tam nguyệt nhất, tăng thiết Lê Nguyên bảo vụ Nước Li Thượng Man, Giá Bột xứ dĩ bị đệ niên tuần vãng hoặc chinh tiểu trú trác

### Dịch

Triều đình lệnh về việc đưa số ruộng bỏ hoang hai bên Trường Lũy thành lập đồn điền của các Kỳ, binh lính các đội chia phiên để mỗi đội làm ruộng trong một tháng. Lúa thu được thì sung công. Giải thể các đội Thiên Thiện.

Năm Đinh Mão (1867), niên hiệu Tự Đức thứ 20, tâu xin thúc bộ Nghĩa Hùng Kỳ làm 5 đội. Tại Tả bảo, 6 đội chiến sĩ 5 đội Nghĩa Hùng, 2 đội Dịch Man ở giữ. Tại Chính bảo, 3 đội chiến sĩ ở giữ. Tại Hữu bảo 3 đội chiến sĩ ở giữ.

Năm Mậu Thìn (1868), niên hiệu Tự Đức thứ 21, tâu xin dời Tả bảo đến bảo Tú Lâm ở cơ Tư, đổi tên là bảo Đệ Nhất. Chánh bảo đổi tên là bảo Đệ Nhị. Hữu bảo đổi tên là bảo Đệ Tam. Biên binh ở cơ Tư, trước ở giữ tại bảo Tú Lâm nay dời qua ở giữ bảo Mỹ Lộc. Còn bảo Ngũ Giản giao cho dân tại chỗ canh giữ.

Tại các sách xứ Thượng Minh Long, Làng Y, Nước Năng lập 3 đồn bảo lớn có tên là bảo Minh Long, bảo Y Xuyên và bảo Hoàng Ngự.

Vào tháng 3 năm Canh Ngọ (1870), niên hiệu Tự Đức thứ 23, lại lập thêm bảo Lê Nguyên tại sách Nước Li để các năm tới quân đi tuần vãng xứ Giá Bột của người Thượng vùng núi cao, có nơi trú ngụ.

有所回師交所在蠻更守



## **Phiên âm trang 114**

hữu sở. Hồi sự giao sở tại man canh thú.

### **Dịch**

Khi hồi sự thì giao cho người Thượng tại chỗ canh giữ.

名將之剿平事狀

我轄昔爲蠻境自屬內地以來四五百年于茲矣世有邊  
患世亦有御邊之人非可以一一數然言其才智出人思  
威素著惟鎮郡公以下十公而已諸公者或出於文或出  
於武或主於撫或主於攻迄今民猶思其德蠻猶畏其威  
前乎此未之見後乎此不能及誠我國之名將也求之  
漢之班趙唐之薛李宋之寇韓想不過是謹備錄之以爲  
後人之模楷耳

裴公佐漢

公北圻人黎正和年間公爲北軍都督府掌府事鎮郡公

## DANH TƯỚNG CHI TIỂU BÌNH SỰ TRẠNG

Ngã hạt tích vi man cảnh tự thuộc nội địa dĩ lai, tứ ngữ bách niên vu tư hỹ. Thế hữu biên hoạn thế, diệc hữu ngự biên chi nhân phi khả dĩ nhất nhất số nhiên. Ngôn kỳ tài trí xuất nhân tức uy tố trú, duy Trấn Quận công dĩ hạ thập công nhi dĩ. Chư công giả hoặc xuất ư văn hoặc xuất ư võ hoặc chủ ư phủ hoặc chủ ư công, hất [ἄ: - kim:đến nay] kim dân do tư kỳ đức, man do úy kỳ uy. Tiền hồ thứ vị chi kiến, hậu hồ thứ bất năng cập thành. Ngã quốc chi danh tướng dã, cầu chi Hán chi Ban, Triệu Đường chi Bệ, Lý, Tống chi Khâu, Hàn, tướng bất quá thị cần bị lục chi dĩ vi hậu nhân mô khái [楷:chữ khái, mẫu] nhĩ.

### BÙI CÔNG TÁ HÁN

Công Bắc kỳ nhân, Lê Chính Hòa niên gian, công vi bắc quân Đô Đốc phủ Chương Phủ sự Trấn Quận công

#### Dịch

### CÁC VỊ TƯỚNG BÌNH MAN NỔI TIẾNG

Từ khi tỉnh ta tiến hành quản lý các làng người Thượng đến nay có lẽ đã bốn năm trăm năm rồi. Trong thời gian ấy, có nhiều lần người Thượng kéo xuống quấy nhiễu thì cũng xuất hiện các nhân vật xuất sắc đứng ra lãnh đạo quân dân đánh dẹp. Từ Trấn Quận công Bùi Tá Hán trở về sau, có cả chục nhân vật bình man tài tuấn. Các vị ấy, có người là văn quan, có người là võ tướng, có người thiên về phủ dụ, có người chủ trương đánh dẹp. Cho đến nay, nhân dân vẫn còn nhớ đến công đức của họ, người Thượng vẫn còn khiếp sợ oai dũng của họ. Mỗi người một vẻ, trước họ chẳng thấy ai như thế, sau họ chẳng có ai sánh kịp. Danh tướng nước ta có kém chi Ban, Triệu thời Hán, Bệ, Lý thời Đường, Khâu, Hàn thời Tống. Vì thế, tôi ghi chép sự tích các danh tướng nước ta cũng là việc có ích để cho người đời sau học tập.

### Ông BÙI TÁ HÁN

Ông người Bắc kỳ, làm chức Bắc Quân Đô Đốc phủ Chương Phủ sự Trấn Quận công vào niên hiệu Chính Hòa (triều Hậu Lê Trung hưng).

鎮守廣南辰我轄猶隸廣南之升舉府當此之辰公之驅  
使羣蠻如奴隸然故其蠻漢安居無相侵奪或云此蠻乃  
公之奴僕但得之傳聞無稽不信戊辰年公卒贈太保立  
祠祀之至今沿邊諸山上見有一二廢堡蠻言公之堡或  
公之園也不知是否然但即此蠻之有所禱輒以公寔之  
則知公生前之威德矣

阮公居貞

公承天人字儀號淡庵世家子也試中庚申科鄉貢公爲  
人慷慨有謀畧料事能斷懸合機宣辰我轄山蠻屢爲邊

患庚午年春

trần thù Quảng Nam thời ngã hạt do lệ Quảng Nam chi Thăng Hoa phủ. Đương thù chi thời, công chi khu sử quản man như nô lệ nhiên. Cố kỳ man Hán an cư vô tương xâm đoạt. Hoặc vân thù man nãi công chi nô bộc, dẫn đắc chi truyền văn vô kê bất tín. Mậu Thìn niên công tốt, tặng Thái bảo, lập tự từ chi chí kim. Duyên biên chư sơn thượng kiến hữu nhất nhị phế bảo, man ngôn công chi bảo hoặc công chi viên dã. Bất tri thị phủ? Nhiên dẫn tức thù man chi hữu kỳ đảo triếp [輒:luôn luôn] dĩ công thật chi, tác tri công sinh tiền chi uy đức hỹ.

### NGUYỄN CÔNG CƯ TRINH

Công thừa thiên nhân tự Nghi hiệu Đạm Am, thế gia từ dã. Thí trúng Canh Thân khoa Hương cống. Công vi nhân kháng khái hữu mưu lược, liệu sự năng đoạn huyền hợp cơ nghi. Thời ngã hạt sơn man lữ vi biên hoạn. Canh Ngọ niên xuân

#### Dịch

Ông được phái vào trấn thủ Quảng Nam khi hạt này còn thuộc vào phủ Thăng Hoa, đạo Quảng Nam. Bây giờ, ông đối xử với người Thượng như người Kinh, nên người Kinh, người Thượng đều được yên ổn làm ăn sinh sống, không xảy ra việc xâm biên gây rối nhau. Có người cho rằng, người Thượng đều là nô bộc của ông, song chỉ nghe đồn thể thôi, chứ chẳng có chứng cứ gì. Ông qua đời vào năm Mậu Thìn (1568), được tặng hàm Thái bảo, được nhân dân Kinh Thượng lập đền thờ, chăm lo hương khói cho đến tận ngày nay. Đến bây giờ người ta còn thấy một vài phế tích bên cạnh núi, người Thượng bảo đó là đồn binh hoặc là rẫy vườn ngày xưa của ông Trần công Bùi Tá Hán. Chẳng biết có đúng không? Song thấy người Thượng người Kinh thành khẩn cầu cúng ông thì chắc là thờ sinh thời ông là người có uy đức lớn.

### Ông NGUYỄN CƯ TRINH

Ông tự là Nghi, hiệu là Đạm Am, là con nhà thế gia vọng tộc ở đất Thừa Thiên – Huế. Ông thi đỗ Hương cống khoa Canh Thìn (1740), là người kháng khái có trí mưu, liệu việc khôn ngoan và chính xác. Mùa xuân năm Canh Ngọ (1750)

世尊孝武皇帝命公爲廣義巡撫公至爲書撫諭該蠻不肯出頭  
公議進討人多以爲險遠嵐瘴阻其議公乃作僧尼傳語  
用國音設爲問答辭以諷示之尋進兵蠻匪逃散公恐回  
師匪必復聚乃掘巢穴立寨柵立屯田嚴斥堠佯爲久居  
計蠻匪懼詣軍門降公撫勞遣之乃還捷

聞從此邊境寧帖

鄧公大畧

公廣平豐登人

世尊孝武皇帝朝公爲廣南營該簿公居官清貧取與不苟餽遺  
菲薄者受其一二稍厚者輒辭曰家尚有餘非矯也其不

Thế Tôn Hiếu Võ mệnh công vi Quảng Ngãi Tuần phủ, công chi vi thư phủ dụ, cai man bắt khủng xuất đầu, công nghị tiên thảo. Nhân đa dĩ vi hiểm viễn phong chướng trở. Kỳ nghị công nãi tác tăng ni truyền ngữ dụng quốc âm thiết vi vấn đáp từ dĩ phúng thị chi. Tầm tiến binh, man phi đào tán, công khủng hồi sư, phi tác phục tỵ, nãi cứ sào huyết lập trại sách đồn điền nghiêm xích hậu [塚:trạm gác] dương [俸:giả vờ] vi cửu cư, kế man phi cụ chi quân môn hàng, công phủ lao khiến chi nãi hoàn tiếp. Văn tòng thử man cảnh ninh thiếp.

### ĐẶNG CÔNG ĐẠI LỢC

Công Quảng Bình Phong Đăng nhân. Thế Tôn Hiếu Võ hoàng đế triều, công vi Quảng Nam doanh Cai bạ. Công cư quan thanh bản thủ dữ bất cầu quỹ [quà cáp] dĩ phi bạc giả thụ kỳ nhất nhị sào hậu giả triếp [thường, luôn] từ viết gia thượng hữu dư phi kiêu dã. Kỳ bất

#### Dịch

thời vua Thế Tôn Hiếu Võ (chúa Nguyễn Phúc Khoát), hạt ta bị người Thượng xâm lấn. Ông giữ chức Tuần phủ Quảng Nghĩa, viết thư ra sức phủ dụ. Người Thượng không chịu ra mặt, ông quyết đem quân đánh dẹp. Quân Thượng thì nhiều, đường sá xa xôi, hiểm yếu. Ông bèn sáng tác sách “*Sãi Vãi*” bằng tiếng Nôm để khuyên răn, thông qua những lời đối đáp của một tăng một ni. Ông kéo quân đến đâu, giặc Thượng ở đó tan vỡ trốn chạy tứ tán. Ông nghĩ khi mình kéo quân về thì người Thượng lại tụ tập quấy phá, bèn hạ lệnh lập trại đóng quân, khai thác đồn điền ngay nơi bản làng sào huyết của người Thượng, giả vờ như sẽ đóng quân lâu dài ở đó. Giặc Thượng sợ hoảng, lần lượt kéo đến trại quân ông xin quy hàng. Ông vỗ về khuyên bảo rồi cho rút quân thẳng trận trở về.

### Ông ĐẶNG ĐẠI LỢC

Ông quê ở Phong Đăng, Quảng Bình, làm chức Cai bạ tại doanh Quảng Nam thời vua Thế Tôn Hiếu Võ (chúa Nguyễn Phúc Khoát). Ông làm quan thanh liêm, com rau dưa đạm bạc, biết giữ mình, không nhận biếu xén. Khi có người mang quà đến thì luôn từ chối,

恐遽絕人類此辛巳二十三年我轄山蠻侵邊

上授公之子大度爲廣南記錄仍

命公率師攻之公至將

士聞公之廉節一皆敬憚無不用命公進兵搗他巢穴大破之從此羣蠻懾服

陳公福成

公廣南和榮人又名大薦字仲召禁兵該隊陳公之子也公少辰善馬日馳驅爲戲年十八未知學會有廣平生徒武春濃設帳于鄰舍見公秀穎語公父曰孺子可教何不使學公父曰武弁子未知學幸先生教之是所願也乃使就學公穎悟強記過目成誦不數年間經史背讀不遺一



nhẫn cự tuyệt nhân, loại thù.

Tân Ty nhị thập niên, ngã hạt sơn man xâm biên. Thượng thụ công chi tử Đại Độ vi Quảng Nam Ký lục nhưng mệnh công suất sư công chi. Công chí, tướng sĩ văn công chi liêm tiết, nhất giai kính đạn vô bất dụng mệnh công tiến binh đảo tha sào huyết đại phá chi. Tùng thù quân man nhiếp phục.

### TRẦN CÔNG PHƯỚC THÀNH

Công Quảng Nam Hòa Vinh nhân, hựu danh Đại Tiến, tự Trọng Triệu. Cẩm binh Cai đội Trần công chi tử đã. Công thiếu thời thiện mã, nhật tri [馳: dong ruổi] khu, vi hí [戲: đùa], niên thập bát vị tri học hội. Hữu Quảng Bình sinh đồ Võ Xuân Nùng thiết trưởng vu lân xá, kiến công tú tần, ngữ công phụ viết: “*Nhụ tử khả giáo hà bất sử học?*” Công phụ viết: “*Võ biện tử vị tri học, hạnh tiên sinh giáo chi thị sở nguyện dã*”. Nãi sử tựu học, công tần ngô cường ký quá mục thành tụng, bất số niên gian Kinh Sử bối độc bất di nhất

### Dịch

nói thẳng là nhà có dư.

Năm Tân Ty, Thế Tôn Hiếu Võ Nguyễn Phúc Khoát năm thứ hai mươi ba (1761), người Thượng tràn xuống quấy phá. Nhà chúa bổ nhiệm con trai ông là Đặng Đại Độ làm chức Ký lục tại doanh Quảng Nam, còn ông thì vua sai cầm quân đánh người Thượng. Khi ông đến Quảng Nghĩa, tất cả tướng sĩ đều đã nghe danh liêm khiết đạo đức của ông nên một lòng kính sợ ông, không ai dám vi lệnh. Ông cho tiến quân khuấy tung sào huyết, đại phá giặc Thượng. Từ đó, người Thượng thầy đều nhiếp phục.

### Ông TRẦN PHƯỚC THÀNH

Ông còn có tên khác là Trần Đại Tiến, tự Trọng Triệu, quê Hòa Vinh, Quảng Nam, là con của quan Cai đội Cẩm binh Trần công. Ông từ nhỏ đã ham ngựa, ngày ngày dong ruổi chẳng thấy mệt, tuổi đã 18 mà chưa từng học chữ. Bấy giờ có ông thầy đồ tên Võ Xuân Nùng, người Quảng Bình đến Hòa Vinh mở lớp dạy chữ ở gần nhà ông, thấy ông tướng mạo sáng sủa, bèn hỏi cha ông: “*Cậu nhà có tướng học trò, sao không cho đi học?*”. Trần công bảo: “*Cháu ham võ nghệ quá, chưa từng được học chữ, nay may có thầy, xin thầy giúp cho*”. Thế là từ đó, ông bắt đầu học chữ, lại rất sáng dạ, học tới đâu thuộc tới đó, chẳng mấy năm đã lâu thông Kinh sử, không sót quyển nào.

字人號爲召書箱又稱長安三鳳  
陳福成阮廷及應試擢  
仲潘得淑

解元

睿尊皇帝朝公爲翰林侍講丁亥冬陞廣南記錄庚寅夏我轄山  
蠻侵邊 上授公爲欽差該簿巡行五府參謀平戎  
調遣廣義屯營六道將士及歸仁富安二府兵討之公到  
境檄下禁止諸源不得與蠻交易尋進兵大擊之羣蠻畏  
服乞降公乃班師

阮公迪

慕德縣感德總蓮沼社人公生前爲該監官亦不知何代  
但據統志云公 國初平山蠻有功沒後封輔國上將軍

tự. Nhân hào vi triệu, thư sương hựu xưng Trường An tam phụng (*Trần Phước Thành, Nguyễn Đình Trung, Phan Đắc Thục*). Cập ứng thí trạc Giải nguyên. Duệ Tôn Hoàng đế triều, công vi hàn lâm Thị giảng, Đình Hội đông thăng Quảng Nam Ký lục. Canh Dần hạ, ngã hạt sơn man xâm biên. Thượng thụ công vi Khâm sai Cai bạ tuần hành ngũ phủ tham mưu bình nhung đồng khiển Quảng Nghĩa đồn doanh lục đạo tướng sĩ cập Qui nhơn Phú Yên nhị phủ binh thảo chi. Công đáo cảnh, hịch hạ cấm chỉ chư nguyên bất đắc dữ man giao dịch, tầm tiến binh đại kích chi. Quân man úy phục cật hàng, công nãi ban sư.

### NGUYỄN CÔNG CÔNG DỊCH

Mộ Đức huyện, Cẩm Đức tổng, Liên Chiêu xã nhân, công sinh tiền vi Cai giám quan diệc bất tri hà đại dẫn cứ Thống chí vân công. Quốc sơ, bình sơn man hữu công, một hậu phong Phụ Quốc Thượng Tướng quân.

#### Dịch

Người đương thời tán tụng ông xem như là một hiện tượng, xếp ông đứng đầu “*Tam phụng*” đất Trảng An (*Trần Phước Thành, Nguyễn Đình Trung, Phan Đắc Thục*). Đến khi đi thi Hương, ông đỗ Giải nguyên (đỗ đầu). Thời vua Duệ Tôn Hiếu Định Nguyễn Phúc Thuần, ông là Hàn Lâm Thị giảng. Đến mùa đông năm Đinh Hợi (1767), ông được thăng làm Ký lục tại doanh Quảng Nam. Mùa hạ năm Canh Dần (1770), người Thượng tràn xuống quấy phá. Nhà chúa giao ông làm Khâm sai Cai bạ đi tuần hành 5 phủ, nghiên cứu dẹp người Thượng. Ông được giao quyền điều khiển tướng sĩ sáu đạo đồn doanh thuộc 3 phủ tại Quảng Nghĩa và hai phủ Bình Định, Phú Yên để đánh giặc. Ông đến Quảng Nghĩa, ra lệnh cấm chỉ mọi giao dịch Kinh Thượng nơi các vùng đầu nguồn, rồi mới tiến công quân địch. Người hợm khiếp sợ xin quy hàng, ông rút quân về.

#### Ông NGUYỄN CÔNG DỊCH

Ông người xã Liên Chiêu, tổng Cẩm Đức, huyện Mộ Đức. Chỉ biết trước kia ông làm quan Cai giám, không rõ thời nào, song căn cứ sách Thống Chí viết về ông thì vào thời quốc sơ (thời các chúa Nguyễn) ông có công đánh dẹp người Thượng, nên sau khi ông qua đời được phong là Phụ Quốc Thượng tướng quân.

又於三奇地頭即今之四奇有屯營稱為該監營予又得之父老傳言自公設後明隆屬榮之地始淪於蠻等語據此則公平蠻之功信有之仍以此等語論之於公當在世尊朝為是也第公事跡失詳無從稽究耳

陳公玉褚

慕德永安人公於

睿尊皇帝朝景興年間管內堅道甲午年奉

敕設立安山燒

棋崗嶽三屯捍拒惡蠻乙未年蠻患稍息耕得畱荒田之西岸西安村簿及安盛之剏櫬核潘崗嶽各處所共田七十五畝五高餘嗣又設春安岩隘全輔二屯墾耕西城山

Hựu ư Tam Kỳ địa đầu (*tiếng kim chi Tứ Kỳ*) hữu đồn doanh xung vi Cai Giám doanh. Dư hựu đắc chi phụ lão truyền ngôn, tự công một hậu, Minh Long, Thuộc Vinh chi địa, thủy luân [淪: mát] ư man đặng. Ngữ cú thử, tác công bình man chi công tín hữu chi. Nhưng dĩ thử đặng ngữ luận chi ư công đương tại Thế tôn triều vi thị dã, đệ công sự tích thất tường vô tủng kê cứu nhĩ.

### TRẦN CÔNG NGỌ CHỦ

Mộ Đức Vĩnh An nhân, công ư Duệ Tôn Hoảng đế triều *Lê Cảnh Hưng niên gian*) quản Nội Kiên đạo. Giáp ngọ niên phụng sắc thiết lập An Sơn, Thiêu Cây Núi Lộctam đồn cản cự ác man. Ất Mùi niên, man hoạn sảo tức, canh đắc lưu hoang điền chi tây ngạn Tây An thôn bộ cập An Thạnh chi Cửa Lung, Cai Trôi (Lôi, Loi), Núi Lộct các xứ. Sở cộng điền thất thập ngũ mẫu ngũ cao dư tự, hựu thiết Xuân An, Núi Ích, Đồng Bô nhĩ đồn khản canh . Tây Thành sơn

### Dịch

Ở đầu cơ Ba (*ngày là cơ Tư*) có một đồn bảo tên là đồn Cai Giám. Các vị bô lão địa phương cho ta biết, sau khi ông qua đời thì hai vùng đất Minh Long, Thuộc Vinh mới lại mất về tay người Thượng. Xem thế thì ông có công dẹp người Thượng thật. Cũng theo lời họ nói mà suy đoán rằng ông ở vào triều vua Thế Tôn Hiếu Võ Nguyễn Phúc Khoát. Còn sự tích cụ thể về ông thì không còn lại gì để kê cứu cả.

### Ông TRẦN NGỌ CHỦ

Ông người Vĩnh An, huyện Mộ Đức. Thời vua Duệ Tôn Hiếu Định Nguyễn Phúc Thuần (Lê Cảnh Hưng nhà Lê), Ông chỉ huy đạo Nội Kiên. Năm Giáp Ngọ (1774), ông nhận nhiệm vụ xây dựng 3 đồn An Sơn, Thiêu Cây, Núi Lộct để cản giặc Thượng. Năm Ất Mùi (1775), khá yên việc giặc già, ông cho canh tác ruộng hoang ở bờ tây thôn Tây An và các xứ đồng Cửa Lung, Cai Trôi, Núi Lộct ở An Thạnh. Ruộng canh tác tổng cộng hơn 75 mẫu 5 cau. Ông lại cho hai đồn Núi Ải, Đồng Bô ở Xuân An khản canh các xứ đồng nơi chân núi Tây Thành

脚之海涸保塔鬪樵忙桑全彬涇砭保陵泐湖戊君木牌  
烏丕仝蒜燒棋旭容旭蒜諾當沙籠南城山脚之仝神鬪  
禮核概巡永泡蒜泡汙泡洩鬪嚙保來戊塊堰核核棋涇  
奇耒乃崗閉泡獬砭船等處所共田五十四畝二高餘又  
構立美山楚猴魯榛三屯占得畱荒田十畝總共田一百  
二十九畝七高餘各已修簿徵稅殆至偽西煽亂癸丑年

世祖高皇帝復業公奉

敕率廣義六道與偽西拒戰于茶

曲江公陣亡此辰偽兵逕過公鄉貫盡燒家室妻子一皆  
隱避及大定後嘉隆三年念公歷有勲勞 敕授欽

差掌奇管率六道感恩候

贈明義功臣光進鎮國

cước chi Hải Hạc [濶:cạn], Bảo Tháp, Cửa Vải, Màng Tang, Đồng Găng, Lợi Đá, Bảo Lăng, Ngòi Lùng, Mậu Quân, Thủy Bài, Ô Phi, Đồng Răm (Răm), Thiêu Cây, Hóc Dung, Hóc Răm, Nước Đương, Sa Lung, Nam Thành sơn cước chi Đồng Giữa, Cửa Rễ, Hạch Khái, Tuần Vĩnh, Bàu Răm, Bàu Ngọ, Bàu Duệ, Cửa Lỗ, Bảo Lai, Mậu Khối, Gò Tre, Hạch Cây, Lợi Cà, Lỗ Nãi, Núi Bé, Bàu Voi, Đá Bàn đặng xứ. Sở cộng điền ngũ thập tứ mẫu, nhị cao dư, hựu cấu lập Mỹ Sơn, Sở Hầu, Lỗ Dừa tam đồn, chiếm đắc lưu hoang điền thập mẫu, tổng cộng điền nhất bách nhị thập cửu mẫu thất cao dư. các dĩ tu bộ trung thuế đãi chí Ngụy Tây phiến loạn. Quý Sừ niên, Thế Tổ Cao Hoàng đế phục nghiệp, công phụng sắc suất Quảng Nghĩa lục đạo dư Ngụy Tây cự chiến vu Trà Khúc giang, công trận vong. Thử thời Ngụy binh kinh quá công hương quán, tận thiêu gia thất, thê tử nhất giai ần ty. Cập đại định hậu, Gia Long tam niên, niệm công lịch hữu huân lao, sắc thụ Khâm sai Chương kỳ Quán suất lục đạo Cảm Ân hầu, tặng Minh Nghĩa công thân Quang Tiến Trấn Quốc

### Dịch

#### L

à Hải Hạc, Bảo Tháp, Cửa Vải, Màng Tang, Đồng Găng, Lợi Đá, Bảo Lăng, Ngòi Lùng, Mậu Quân, Thủy Bài, Ô Phi, Đồng Răm, Thiêu Cây, Hóc Dung, Hóc Răm, Nước Đương, Sa Lung, các xứ đồng nơi chân núi Nam Thành là Đồng Giữa, Cửa Rễ, Hạch Khái, Tuần Vĩnh, Bàu Răm, Bàu Ngọ, Bàu Duệ, Cửa Lỗ, Bảo Lai, Mậu Khối, Gò Tre, Hạch Cây, Lợi Cà, Lỗ Nãi, Núi Bé, Bàu Voi, Đá Bàn. Ruộng đất khai khẩn nơi trên 40 mẫu nơi trên 54 mẫu cộng 119 mẫu 2 cau, ngoài ra còn cho xây thêm 3 đồn bảo mới là Mỹ Sơn, Sở Hầu, Lỗ Dừa trên 10 mẫu đất hoang nữa, tổng cộng hơn 129 mẫu 7 cau. Tất cả đều cho lập sổ bộ để thu thuế liên tục mãi cho đến khi quân Tây Sơn nổi lên mới làm gián đoạn.

Năm Quý Sừ (1793), vua Thế Tổ Cao Hoàng (Gia Long) phục nghiệp, ông được lệnh tấn công quân Tây Sơn nơi sông Trà Khúc, chẳng may bị tử trận. Bảy giờ, quân Tây Sơn vào Mộ Đức quê ông đốt rụi nhà ông, may là vợ con đã kịp bỏ trốn. Sau khi đã lấy được nước, vào năm Gia Long thứ ba (1804), triều đình nhớ công ông, ban sắc phong ông chức hàm Khâm sai Chương kỳ Quán suất lục đạo Cảm Ân hầu. Truy tặng danh hiệu Công thân Minh Nghĩa Quang Tiến Trấn Quốc

大將軍錦衣衛掌衛事掌奇謚威勇

黎公公緣

公平山珠瑁人寓居彰義和榮社公勇力過人爲人豪俠  
當僞西辰山蠻侵擾沿邊無處無之六道屯營旣散邊民  
互相團結各自爲守因見公武勇推公以唱率之公糾集  
民勇訓練武藝該蠻或有潛下何地攻破公另飭所在民  
防禦存公獨率民勇或五六十人或三四十人由別路潛  
往該蠻柵柵夜攻之捉該妻子而回又或探知該蠻潛下  
何地公先率民勇隱伏要路俟該蠻逕過公縱兵擊之擒  
斬無算又于明隆江下流築一橫堰捍水溢令該蠻全田



Đại Tướng quân Cẩm Y vệ Chương Nha sự Chương Kỳ, thụ Uy Dũng.

### LÊ CÔNG CÔNG LỤC

Công Bình Sơn, Châu Me nhân, ngụ cư Chương Nghĩa Hòa Vinh xã. Công dũng lực quá nhân, hào hiệp. Đương Ngụy Tây thời, sơn man xâm nhiễu duyên biên, vô xứ vô chi. Lục đạo đồn doanh ký tán, biên dân hồ tương đoàn kết các tự vi thù. Nhân kiến công võ dũng, suy công dĩ xướng xuất chi. Công cù tập dân dũng huấn luyện võ nghệ. Cai man hoặc hữu tiềm hạ hà địa công phá. Công lãnh sức sở tại dân phòng ngự, tồn công độc suất dân dũng hoặc ngũ lục thập nhân, hoặc tam tứ thập nhân, do biệt lộ tiềm vãng cai man dang sách, dạ công chi, xúc cai thể tử nhi hồi. Hựu hoặc thám tri cai man tiềm hạ hà địa, công tiên suất dân dũng ân phục yếu lộ Hĩ cai man kinh quá, công tủng binh kích chi, cầm trăm vô toán. Hựu vu minh Long giang hạ lưu trúc nhất hoành yên:đập đất] can thùy dật [dây tràn] nhập cai man đồng điền

### Dịch

Đại Tướng quân Cẩm Y vệ Chương Nha sự Chương Kỳ, được ban tên thụ là Uy Dũng.

### Ông LÊ CÔNG LỤC

Ông gốc người làng Châu Me, huyện Bình Sơn, cư ngụ xã Hòa Vinh, huyện Chương Nghĩa. Ông có sức mạnh hơn người, tính tình hào hiệp. Thời Tây Sơn, người Thượng tràn xuống quấy nhiễu khắp mọi nơi, sáu đạo đồn doanh đã tản lạc cả, nhân dân tại chỗ phải tự mình hợp sức tự cố thủ. Người ta biết ông là người võ dũng liền suy tôn ông đứng ra lãnh đạo. Ông chọn người mạnh khỏe lập thành đội ngũ dạy võ nghệ cho họ. Nhóm người Thượng nào xuống quấy phá, ông cất đội ngũ dân ở đó phòng ngự, còn ông thì lãnh đạo khi năm sáu mươi người, khi ba bốn mươi người dân dũng cảm, theo đường tắt tìm đến tận buôn làng của nhóm người Thượng ấy, nhân đêm tối bắt trọn vợ con của chúng dẫn về. Có khi, do thám biết được nhóm người Thượng sẽ kéo đến quấy nhiễu một nơi nào đó, ông cho phục kích nơi yếu lộ, chờ người Thượng đi đến, hô dân đổ ra đánh, chém bắt được vô số. Ông còn cho đắp đập ngăn sông Minh Long để ước dâng ngập ruộng lúa xứ đồng của người Thượng,

不能耕稼該蠻饑窮公之用兵出沒如神故當辰該蠻甚  
畏之而三縣沿邊之人皆推公爲第一偽岳聞名召之擢  
爲大都司緣虎侯公沒後以公受僞職故其事跡無傳

### 黎公文悅

公慕德蒲提人後流寓定祥公生而隱宮及長沉鷲善戰  
初授太監歷從望閣城及還官至左營都統制施耐思賢  
之戰爲中興功臣第一賜爵郡公北伐陞平西將軍嘉隆  
甲子三年我轄山蠻擾邊公奉命討之公至駐紮  
在鎮派留守阮公纘討平之公奏設六堅奇炤分汛分

守

bất năng canh giá, cai man cơ cùng. Công chi dụng binh xuất một như thần, cố đương thời cai man thậm úy chi, nhi tam huyện duyên biên chi nhân giai suy công vi đệ nhất. Ngụy Nhạc văn danh chiêu chi, trạc vi Đại Đô Ty Duyên Hồ hầu. Công một hậu dĩ công thụ ngụy chức, cố kỳ sự tích vô truyền.

### LÊ CÔNG VĂN DUYỆT

Công Mộ Đức, Bồ Đề nhân, hậu lưu ngụ Định Tường. Công sinh nhi ần cung, cập trưởng trầm chí [chim mạnh, hung dữ] thiện chiến. Sơ thụ Thái giám, lịch từng Vọng Các thành, cập hoàn. Quan chỉ Tả Doanh Đô Thống chế, Thị Nại Tư Hiền chi chiến vi trung hưng công thần đệ nhất, tứ tước Quận Công Bắc Phạt Lục Bình Tây Tướng quân. Gia Long Giáp Tí tam niên, ngã hạt sơn man nhiều biên, công phụng mệnh thảo chi. Công chỉ trú trác tại trấn, phái Lưu thủ Nguyễn Công Toàn thảo bình chi. Công tâu thiết lục Kiên Kỳ, Chiêu phận, Tấn phận phòng thủ.

### Dịch

khiến chúng không cày cấy được, rơi vào cảnh đói khổ. Ông giỏi dụng binh, điều quân tiến thoái như thần, cho nên người Thượng bấy giờ rất kiêng sợ ông, nhân dân ba huyện ở giáp ranh với người Thượng suy tôn ông là đệ nhất anh hùng. Vua Thái Đức nhà Tây Sơn là Nguyễn Nhạc nghe danh ông, phong ông làm Đại Đô Ty Duyên Hồ hầu. Sau khi ông qua đời, vì từng nhận chức của nhà Tây Sơn nên không được lưu truyền sự tích.

### Ông LÊ VĂN DUYỆT

Ông người làng Bồ Đề huyện Mộ Đức, về sau vào Nam, cư ngụ tại Định Tường. Từ khi sinh ra, ông bị dị tật ần cung (*không hòn giải*), lớn lên là một thanh niên trầm tính, khỏe mạnh rất ham đánh nhau. Vì có tật ần cung nên ông được tuyển làm Thái giám, từng theo vua Gia Long từ thành Vọng Các (*Bangkok – Thái Lan*) trở về. Ông làm quan tới chức Tả Doanh Đô Thống chế, là đệ nhất công thần trung hưng của triều Nguyễn trong các trận chiến Thị Nại, Tư Hiền, được phong tước Quận Công Bắc Phạt Lục Bình Tây Tướng quân. Năm Giáp Tý, niên hiệu Gia Long thứ ba (1804), hạt ta lại bị người Thượng tràn xuống quấy nhiễu, ông phụng mệnh đem quân đi đánh dẹp. Ông đến nơi, đặt bản doanh tại trấn lý, chỉ phái quan Lưu thủ là Nguyễn Công Toàn dẫn quân đi đánh. Ông tâu lên triều đình về việc lập 6 cơ Kiên, lập các Chiêu phận, Tấn phận để phòng thủ.

帝授公嘉定總鎮嘉隆戊寅十七年隊長持與管率構怨乃潛往蠻境慫恿該蠻攻破屯堡侵掠兵民

帝乃召公自嘉定還戎轄征剿蠻匪公回抵鎮派人往誘隊長持且令該以帶罪立功隊長持素聞公威望得信即身就軍門首罪公赦其罪再飭往蠻境引誘該蠻就諸屯堡攻擾公派阮公鑽督諸道兵潛伏竢該蠻至圍擊之擒斬無算公又調廣南平定二鎮兵合與六堅奇兵派諸裨將分道進往蠻境無柵不攻無處不破擊之二年餘該蠻饑窮哀求降服公始許之公征蠻經二次公不曾親履行陣公只在鎮歌唱及鬪鷄而已而諸將畏公之威無不用命致所

Đế thụ công Gia Định tổng trấn. Gia Long Mậu Dần thập thất niên, Đội trưởng Trì dữ Quân suất cầu oán, nãi tiếm vãng man cảnh tưng dưng [羸 bộ thủy: xúi giục] cai man công phá đồn bảo xâm lược binh dân. Đế nãi chiêu công tự Gia Định hoàn ngã hạt chinh tiếu man phi. Công hời để trấn phái nhân vãng dụ [誘: dỗ dành] Đội trưởng Trì thả lệnh cai dĩ đới tội lập công. Đội trưởng Trì tố văn công uy vọng đặc tín, tức thân tựu quân môn thù tội. Công xá [赦: tha] kỳ tội tái sức vãng man cảnh dẫn dụ cai man tựu chư đồn bảo công nhiều. Công phái Nguyễn Công Toàn đốc chư đạo binh tiếm phục đái cai man chí, vi kích chi, cầm trăm vô toán. Công hựu điều Quảng Nam, Bình Định nhị trấn binh, hợp dữ lục Kiên Kỳ binh, phái chư tì tướng phân đạo tiến vãng man cảnh, vô sách bất công, vô xứ bất phá, kích chi nhị niên dư, cai man cơ cùng ai cầu hàng phục. Công thủy hứa chi, công chinh man kinh nhị thứ, công bắt tăng thân lý hành trận, công chi tại trấn ca xướng cật đầu kê nhi dĩ nhi chư tướng úy công chi uy, vô bất dụng mệnh trí sở,

### Dịch

Rồi ông theo lệnh vua vào làm Tổng trấn Gia Định thành. Năm Mậu Dần, Gia Long thứ 17 (1818), viên Đội trưởng tên Trì có thù oán riêng với viên Quân suất, bèn bỏ vào xúi Thượng xúi giục họ tràn xuống quấy nhiễu binh dân.

Vua lại cho vời ông từ Gia Định trở về hạt ta đánh dẹp người Thượng. Ông đến trấn lý, phái người đi tìm tên Đội trưởng Trì khuyên nó nên lập công chuộc tội. Tên Đội trưởng Trì vốn từng nghe uy danh của ông nên tin lời, đích thân tìm đến quân doanh nhận tội. Ông tha tội cho tên Trì và tương kế tựu kế bảo nó quay về xúi người Thượng tràn xuống tấn công các đồn bảo của ta. Ông phái Lưu thủ Nguyễn Công Toàn dẫn các đạo binh mai phục chờ người Thượng đến thì nổi lên đánh, bắt giết giặc vô số. Ông lại điều động tướng sĩ hai trấn Quảng Nam, Bình Định đến hợp lực với tướng sĩ sáu cơ Kiên tại chỗ, phân làm nhiều hướng tổ chức một cuộc đại tấn công vào các làng sách người Thượng. Đánh dẹp suốt hai năm, không bỏ sót một chỗ nào, người Thượng bị săn đuổi đến đường cùng, phải khẩn cầu xin hàng phục. Hai lần đánh dẹp người Thượng, đích thân ông chẳng từng phải trèo đèo lội suối, ngày ngày ông ung dung xem hát bội, dự đá gà nơi trấn lý. Tướng sĩ của ông thấy đều sợ oai ông, ông không cần ra lệnh mà công việc vẫn cứ được

向風靡蠻匪震驚只呼為翁部而不敢名皆公之威望所致也已卯十年公乃奏築長壘一條以限及開墾公寨田各所以充軍用自公卒後該蠻尚存驚畏者幾二十年不敢蠢動

按公生前倘有感冒疾病每于熟睡之際常有白虎精出入帳中家小軍人往往見之不敢喘

息此得於原銘義人之所言也

### 阮公公纘

公平山延年人少辰材力絕人景興年間辰當

睿尊皇帝朝山蠻屢侵邊公以單身截殺蠻匪收回人畜拔補該隊尋管知六道兵蠻匪聞風屏息一方以安辰偽西授公大都督尋聞

hướng phong phi [lướt theo]. Man phi chân kinh chi hô vi ông bộ nhi bất cảm danh, giai công chi uy vọng sở trí dã.

Kỷ Mão thập bát niên, công nãi tấu trúc Trường Lũy nhất điều, dĩ hạn cập khai khẩn công trại điền các sở, dĩ sung quân dụng. Tụ công tốt hậu, cai man thượng tồn kinh úy giả cơ nhị thập niên bất cảm xuân động (*An công sinh tiền thắng hữu cảm mạo tật bệnh mỗi vụ nhiệt thủy chi tế thường hữu bạch hổ tinh xuất nhập trường trung. Gia tiểu quân nhân vãng vãng kiến chi, bất cảm suyễn[喘] tức. Thử đắc ư nguyên Minh Nghĩa nhân chi sở ngôn dã*).

### NGUYỄN CÔNG CÔNG TOẢN

Công Bình Sơn Diên Niên nhân, thiếu trưởng tài lực tuyệt nhân. Cảnh Hưng niên gian thời, đương Duệ Tôn Hoàng đế triều, sơn man lũ xâm biên, công dĩ đơn thân tiết sát man phi thu hồi nhân súc, bạt bỏ Cai đội tầm quản trị lực đạo binh. Man phi vẫn phong bình tức. Nhất phương dĩ an. Thời ngự Tây thụ công Đại Đô đốc, tâm vẫn

#### Dịch

thi hành răm rắp. Người Thượng thì khiếp đảm, không bao giờ dám nhắc đến tên “ông Bộ” (tức là ông). Uy vọng của ông đến như thế đấy!

Năm Kỷ Mão, Gia Long thứ 18 (1819), ông tâu lên triều đình về việc xây dựng Trường Lũy để làm ranh giới cho hai vùng đất Kinh – Thượng và cũng để tiện cho việc khai khẩn đất công, bổ sung quân dụng. Sau khi ông qua đời, người Thượng vẫn còn khiếp oai ông, suốt 20 năm tiếp theo họ không dám xuân động. (*Thuở sanh tiền, vào những khi khí trời nóng bức ông hay bị chứng cảm mạo thì có bạch hổ tinh xuất hiện nơi trường phòng của ông. Linh hầu ông thỉnh thoảng nhìn thấy nhưng không dám la lớn. Đó là lời kể của những người trong đội quân Minh Nghĩa nổi tiếng một thời của ông*).

### Ông NGUYỄN CÔNG TOẢN

Ông người làng Diên Niên, huyện Bình Sơn (nay là thôn Diên Niên, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh) nổi tiếng tài sức hơn người từ khi còn rất trẻ. Vào niên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê, tức là triều vua Duệ Tôn Hiếu Định Nguyễn Phúc Thuần, người Thượng tràn xuống quấy nhiễu, một mình ông rượt chém người Thượng, cứu người, thu hồi đồ vật gia súc gia cầm. Ông được bổ làm Cai đội chỉ huy sáu đạo binh. Người Thượng nghe tiếng ông không còn dám léo hánh, nhân dân được an cư một bề. Thời Tây Sơn, ông được phong Đại Đô đốc, nhưng về sau, ông nghe tin

世祖高皇帝在嘉慶公棄官潛往應義有功嘉隆年間蔡公文悅  
奉

公有調度之功而履險蹈危皆公之力也官至廣義營副  
守兼右堅奇公卒後 贈英勇將軍輕車都尉賜英

勇烈侯威勇將軍

潘公靖

公嘉定人茂子科舉人公當初歷教中外地方官至巡撫  
京堂至參知尋干咎革効嗣德八年陳知往往征我轄蠻匪公  
為參辦公在軍中多有建明及事平

上授公廣義布政公在莅有意注措邊防今之萬里邑右衛廢堡



### Phiên âm trang 126

Thế Tổ Cao Hoàng đế tại Gia Định, công khí quan tiềm vãng ứng nghĩa hữu công. Ga Long niên gian, Lê công văn Duyệt phụng chỉ chinh man nhĩ thứ. Nhất giai ủy công tiểu biện, thử thứ man phi chấn nhiếp. Lê công hữu điều độ chi công nhi lý hiểm đạo [難:dãmxáo] nguy giai công chi lực dã. Quan chí Quảng Nghĩa doanh lưu thủ kiêm Hữu Kiên Kỳ. Công tốt hậu, tặng Anh Dũng Tướng quân Khinh Xa Đô úy, tử Anh Dũng liệt hầu Uy Dũng Tướng quân.

### PHAN CÔNG TĨNH

Công Gia Định nhân, Mậu Tý khoa Cừ nhân. Công đương sơ lịch dương trung ngoại địa phương. Quan chí Tuần vũ, kinh đường chí Tham tri tằm thiên cữu cách hiệu.

Tự Đức bát niên, Trần Tri vãng chinh ngã hạt man phi, công vi Tham biện. Công tại quân trung đa hữu kiến minh cập sự bình. Thượng thụ công Quảng Nghĩa Bố chánh, công tại lị hữu ý chú thổ biên phòng, kim chi vạn lý áp Hữu vệ phế bảo

### Dịch

vua Thế Tổ Cao Hoàng (Gia Long) đang ở Gia Định, ông bỏ chức của Tây Sơn tìm vào ứng nghĩa, có công trạng. Khi vua Gia Long cử Lê Văn Duyệt đi đánh dẹp người Thượng. Cả hai lần, Lê văn Duyệt đều ủy thác cho ông chỉ huy việc chinh tiểu. Lê văn Duyệt có công điều binh khiển tướng, nhưng thực tế trèo đèo lội suối vào ra nơi gian khổ nguy hiểm là công sức của ông. Ông làm chức Lưu Thủ tại doanh Quảng Nghĩa kiêm Hữu Kiên Kỳ. Sau khi ông qua đời, được phong hàm Anh Dũng Tướng Quân Khinh Xa Đô Úy, được tặng thưởng Anh Dũng Liệt Hầu Uy Dũng Tướng Quân.

### Ông PHAN TĨNH

Ông người Gia Định, đỗ Cừ nhân khoa Mậu Tý (1828), từng làm quan tại triều đình và các tỉnh. Làm quan ở tỉnh, gọi là ngoài địa phương, ông từng giữ chức Tuần vũ (tức người đứng đầu một tỉnh, còn chức Tổng đốc cao hơn thì thường kiêm 2 tỉnh), làm quan ở trung ương, gọi là trong triều đình, ông làm tới Tham Tri ở một bộ.

Năm Tự Đức thứ 8 (Giáp Dần - 1854), tướng Trần Tri điều quân tuần tra người Thượng tại hạt ta, ông giữ chức Tham biện cho Trần Tri, đưa ra nhiều ý kiến sáng suốt và góp nhiều công lao. Sau đó, triều đình cử ông làm chức Bố chánh Quảng Nghĩa. Trong công việc tại tỉnh nhà, ông quan tâm nhiều đến việc phòng thủ người Thượng. Các đồn bảo ở áp Vạn Lý Hữu vệ, ngày nay đã hoang phế là do

公之設也辰有阮長悅現方爲領兵官公信委之該蠻如有蠢動公與阮長公提兵痛剿故蠻畏之十一年公克嘉定軍次參贊尋卒

阮公長悅

公廣南人公初經爲靖蠻管奇尋授京職嗣德八年蠻匪侵邊陳知往討之公辰爲裨將地勢蠻情公稍熟悉故此次公之道兵所向多有克捷事平

上授公廣義靖蠻領兵官辰有潘靖現爲布政二公相與同心戮力此次山蠻震懾一境以安及潘公克嘉定軍次參贊阮增信代爲布政每事阻當致公以病降回貫尋卒

công chi thiết dã. Thời hữu Nguyễn Trường Duyệt hiện phương vi Lãnh binh quan, công tín ủy chi cai man như hữu xuân động, công dữ Nguyễn Trường công đề binh thống tiễu, cố man ủy chi. Thập nhất niên công sung Gia Định quân thứ Tham tán tâm tốt.

### NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG DUYỆT

Công Quảng Nam nhân. Công sơ kinh vi Tĩnh man Quán Kỳ tâm thụ kinh chức. Tự Đức bát niên man phi xâm biên, Trần Tri vãng thảo chi, công thời vi tì tướng, địa thế man tình công sảo thực, tất cố thù thứ. Công chi đạo binh sở hướng đa hữu khắc tiếp sự bình. Thượng thụ công Quảng Nghĩa Tĩnh man Lãnh binh quan, thời hữu Phan Tĩnh hiện vi Bồ Chánh, nhị công tương dữ đồng tâm lực [亂:giết, phanh thây] lực. Thù thứ sơn man chấn nhiếp nhất cảnh dĩ an. Cập Phan công lượng Gia Định quân thứ Tham tán, Nguyễn Tăng Tín đại vi Bồ chánh. Mỗi sự trở đương trí công dĩ bệnh giáng hồi quán tâm tốt.

#### Dịch

ông cho lập nên. Thời ông làm Bồ Chánh Quảng Nghĩa, thì Nguyễn Trường Duyệt giữ chức Lãnh Binh Quảng Nghĩa, rất được ông tín nhiệm. Mỗi khi xảy ra lộn xộn từ phía người Thượng gây ra, thì hai ông đưa quân đánh dẹp, nên người Thượng rất sợ hai ông. Năm Tự Đức thứ 11 (Đinh Tỵ - 1857), ông được triều đình phái đi làm chức Tham Tán cho quân thứ Gia Định. Ông qua đời ở đó.

### Ông NGUYỄN TRƯỜNG DUYỆT

Ông quê Quảng Nam, ban đầu từng làm việc ở Kinh rồi sau làm Quán Kỳ Tĩnh Man. Năm Tự Đức thứ 8 (Giáp Dần - 1854), người Thượng tràn xuống quấy phá, tướng Trần Tri đem quân đánh dẹp, thì ông làm tì tướng. Ông vốn rành địa thế và cung cách của người Thượng Quảng Nghĩa, nên cánh quân của ông gặt hái được nhiều thắng lợi.

Sau đó, ông được triều đình phong chức Lãnh Binh Tĩnh Man Quảng Nghĩa, cũng là khi Phan Tĩnh làm Bồ Chánh Quảng Nghĩa. Hai ông rất hợp ý nhau, cùng nhau sát cánh dẹp giặc, khiến giặc Thượng khiếp sợ, không dám manh động gây rối. Khi Phan Tĩnh chuyển vào Gia Định, Tham tán Nguyễn Tăng Tín lên thay làm Bồ Chánh Quảng Ngãi. Hai người không hợp nhau, công việc không suông. Ông lại lâm bệnh, xin về quê rồi qua đời.

謹案我轄撫蠻一事裴郡公之前有無其人誠不可考裴郡公之後經數百年始有阮公鄧公陳公阮公黎公黎公阮公等出於其間此數公者事狀彪炳蠻漢知名誠無間言者也奉白

皇朝明命以後間有領兵阮永巡撫朱福明此二公者武弁中出色人也而蒞於靖蠻或二次或三四次地勢蠻情亦甚熟悉剿撫事宜亦甚中窾當此之辰不無見效惟自中間以後或挾狙詐以邀邊功或因年老而急于事故其晚節敗露不能善終良可惜也次則潘公阮公來蒞吾土語其才德雖不及古人而語其禦蠻一畝亦是一辰之嘒嘒者

Cần án, ngã hạt phủ man nhất sự Bùi Quận công chi tiền hữu vô kỳ nhân thành bất khả khảo. Bùi Quận công chi hậu kinh sở bách niên, thủy hữu Nguyễn công, Đặng công, Trần công, Nguyễn công, Lê công, Lê công, Nguyễn công đẳng, xuất ư kỳ gian. Thử số công giả, sự trạng bur [vấn con hổ] bình [tỏ rõ] man Hán tri danh thành vô gian ngôn giả dã. Phụng tự Hoàng triều Minh Mệnh dĩ hậu gian hữu Lãnh binh Nguyễn Vĩnh, Tuân vũ Chu Phúc Minh. Thử nhị công giả, võ biện trung xuất sắc nhân dã, nhi lệ ư Tĩnh man hoặc nhị thứ hoặc tam tứ thứ, địa thế man tình diệc thậm thực, tất tiểu phủ sự nghi diệc thậm trung khoản, đương thử chi thời bất vô kiến hiệu. Duy tự trung gian dĩ hậu, hoặc hiệp thư trá dĩ yêu biên công hoặc nhân niên lão nhi đãi vu sự, cố kỳ văn tiết bại lộ, bất năng thiện chung lương, khả tích dã. Thứ tắc Phan công, Nguyễn công lai lệ ngô thổ, ngữ kỳ tài đức, tuy bất cập cổ nhân, nhi ngữ kỳ ngữ man nhất khoản diệc thị nhất thời chi tranh tranh giả

### Dịch

Công cuộc đối sách với người Thượng ở hạt ta, trước thời Bùi Quận công (Bùi Tá Hán) có vị danh tướng nào phụ trách hay không thì không thể khảo được. Tiếp theo Bùi Quận công hàng trăm năm đã lần lượt xuất hiện các danh tướng, ban đầu là Nguyễn Cư Trinh, rồi đến Đặng Đại Lược, Trần Ngọc Chữ, Lê Công Lục, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Công Toán. Các vị ấy thay đều lập nên công tích rạng rỡ, mà cả người Kinh người Thượng hạt này đã lưu truyền sự trạng qua mọi thời kỳ.

Từ triều vua Minh Mệnh trở về sau, thì có Lãnh binh Nguyễn Vĩnh, Tuân vũ Chu Phúc Minh. Hai ông này đều thuộc hạng võ quan xuất sắc, họ đến đây lo việc người Thượng nhiều lần, nên rất tường tận địa thế núi non nơi cư trú của người Thượng Quảng Nghĩa cũng như biết rõ tình hình dân Thượng. Nhờ thế việc người Thượng Quảng Nghĩa thời ấy được họ lo liệu ôn hòa cả. Từ đó về sau, có người báo cáo láo để tăng công, có người vì tuổi già mà biếng trễ công việc. Những hạng ấy chỉ làm hỏng việc, chẳng nên tích sự gì, thật là đáng tiếc. Nhưng sau này có Phan Tĩnh, Nguyễn Trường Duyệt đến trị nhậm hạt ta, lấy tài đức mà nói thì họ không thể sánh với cổ nhân, nhưng việc chế ngự người Thượng mà họ làm vào thời của họ cũng đáng được nhắc đến.

其餘在蒞者有之設次者有之然或遇邊境救寧而不煩  
注措或只潦草了事而無他才能想亦不勝書矣姑畧之

## Phiên âm trang 129

Kỳ dư tại lị giả hữu chi thiết thứ giả, hữu chi nhiên, hoặc ngộ biên cảnh mị [救: - bình:yên] ninh nhi bất phiến chú thố, hoặc chi lao thảo liễu sự nhi vô tha tài năng tương diệc bất thắng thu hỹ. Cô lược chi.

### Dịch

Ngoài ra, người đến nhậm chức làm quan cai trị tại hạt ta thì liên tục, nhưng có người may gặp thời buổi người Thượng không tràn xuống quấy nhiễu, có người bản tính luộm thuộm chẳng tài năng chẳng làm được gì. Những hạng ấy thì ghi chép vào đây làm chi cho tốn giấy mực thời giờ. Ta bỏ hết!

### *HẾT*

## CƯỚC CHÚ

Sách “Phủ Man tạp lục” có ba bài Tựa do các vị quan to đương thời triều Thành Thái viết. Chúng tôi chỉ phiên âm mà không dịch, vì các bài ấy không cung cấp thêm tư liệu hay ý mới nào đáng kể cho sách, mà chỉ là những lời thù tạc thông tục như chuyện trà dư tửu hậu, không ích gì.

撫蠻雜錄序

大丈夫投筆取侯印。功名多從兜鍪中得來。其間出入  
孫吳。縱橫頗牧。腹中數萬甲。當發爲卷上數萬言。則其  
功之著於當辰。垂於後世者。莫如書。然書有不待傳。書  
亦有不得不傳者。何哉。鋤暴詰奸。開疆拓境。中邦與化  
外殊也。蓋其著於中邦者。鞞鈴方畧。赫赫然在人。當日  
之人口碑之。來日之史冊傳之。書之可以不待傳也。明  
甚。行於化外者。足跡所不乘。耳目所不及。地僻而瘴深。



# Tự

*Thái Xuyên Hoàng Cao Khải*

*Đại trượng phu đầu bút thủ hầu ấn, công danh đã từng đâu  
mâu trung đắc lai, kỳ gia xuất nhập Tôn Ngô, tung hoành pha  
mục, phúc trung số vạn giáp. Đương phát vi quyền thượng số vạn  
ngôn, tắc kỳ công chi trí ư đương thời thù ư hậu thế giả, mạc  
như thư. Nhiên thư hữu bất đắc dĩ truyền, thư diệc hữu bất đắc  
bất truyền giả, hà tai? Sừ [讎: giết, trừ] bạo cật [詰: tr] gia, khai  
cương, thác cảnh, trung bang dữ hóa ngoại thù dã. Cái kỳ trí ư  
trung bang giả, thao kiểm phương lược, hách hách nhiên tại  
nhân. Đương nhật chi nhân khẩu ti chi, lai nhật chi sử sách  
truyền chi. Thư chi khả dĩ bất dĩ truyền dã minh thậm. Hành ư  
hóa ngoại giả, túc tích sở bất thừa, nhĩ mục sở bất cập, địa tích  
nhĩ chương thâm,*

情懸而勢隔。泝跋涉艱險。衝冒嵐烟者。說不到。趙充國  
降羌人。而地形圖上。李德裕平南詔。而籌邊樓建。古之  
人。豈好爲此。以自詡哉。夫亦爲他日蒼赤計。爲他日朝  
廷安邊計也。書之。不可以不傳也。又明甚。然則撫蠻錄。  
其不待傳乎。其不可以不傳乎。晚與 文明石池公備  
位樞軸。談論間語。及邊事。因出 先君尊伯封公靖撫  
辰所輯撫蠻錄。以示。得知此蠻。似人非人。似鬼非鬼。殺  
之。則爲怨。活之。不爲恩。奇矣哉。是何蠻哉。與諸蠻又別

*tình huyền nhi thế cách, phi bạt thiệp gian hiểm hành mạo phong  
yên giả, thuyết bất đảo. Triệu sung quốc hàng Khương nhân, nhi  
địa hình đồ thượng. Lý Đức Dụ bình Nam Chiếu, nhi trừ biên lâu  
kiến. Cổ chi nhân khởi hiếu vi thử dĩ tự hủ tai! Phù diệc vi tha  
nhật, thương xích kế. Vi tha nhật, triều đình an biên kế dã. Thử  
chi bất khả dĩ bất truyền dã. Hựu minh thậm, nhiên tắc phủ man  
lục, kỳ bất đãi truyền hồ? (Vãn) dĩ Vãn Minh Thạch Trì công, bị  
vị xu trục, đàm luận gian, ngữ cập biên sự, nhân xuất tiên quân  
tôn bá phong công tĩnh phủ thời sở tập phủ man lục, dĩ thị, đắc  
tri thử man. Tự nhân phi nhân, tự quý phi quý, sát chi tắc vi oán,  
hoạt chi bất vi ân, kỳ hỹ tai! Thị hà man tai! Dĩ chư man hựu  
biệt*

爲一類。以惡名之固宜。叛服不辰。陳黎以來。不知曾費  
幾多羈縻。貴先公以文臣。出爲師長子。六年間。盡踏  
平之。蠻驕讐矣。凡足所履。目所及。耳所聞。以及當日之  
經畫。善後之事宜。無不逐一登記。將使後之登將壇。以  
圖蠻者。虜在目中。紙上有餘師矣。蓋彼之恍惚不可測。  
則我之防撫不可疎。將不素講。蠻且生心。一有乖宜。前  
功盡廢。將無貽殃蒼赤。重煩注措者哉。思深哉。公之一  
片苦心也。嗟夫。天下無不可爲之事。無不可化之人。謂

*vi nhất loại, dĩ ác danh chi cố nghi, phản phúc bất thời. Trần Lê dĩ lai, bất tri tăng phí kỳ đa ki mi.*

*Quý tiên công dĩ văn thân, xuất vi sư trường tử, lục niên gian tận đạp bình chi, man kiêu triệp [讎: sữ hãi] hỹ. Phàm túc sữ lý, mục sữ cập, nhĩ sữ văn, dĩ cập đương nhật chi kinh trú, thiên hậu chi sữ nghi, vô bất trực nhất đấng ký. Tướng sữ hậu chi đấng tướng đàn dĩ đồ man giả, lỗ tại mục trung, chi thượng hữu dư sữ hỹ. Cái bi chi hoàng hốt bất khả trắc, tắc ngã chi phòng phủ bất khả sữ. Tướng bất tổ giảng, man nghi sinh tâm, nhất hữu thừa nghi, tiền công tận phé. Tướng vô di [貽: dề lại] ương [殃: làm hại] thương xích, trùng phiến chú thú giả tai! Tư thân tai! Công chi nhất phiến nhược tâm dã. Ta phù, Thiên hạ vô bất khả hóa chi nhân,*

天下之事爲不可爲。則其自立也不毅。謂天下之人爲不可化。則其待人也。不弘。士不可以不弘毅。讀是錄者。當亦瞿然。思猛然。惺曰。嗟乎。丈夫處世。當如是。仁者存心。當如是。仁者必有後。石池公之出將入相。做得如此勲業也。宜若夫公之行狀。閣老菊園翁序言盡之矣。

成泰戊戌冬

輔政大臣太子太傅武顯殿大學士充機密院大臣管領兵部延茂伯秦川黃高啟東明謹序

*vị thiên hạ chi sự, vi bất khả vi, tắc kỳ tự lập dã bất nghị [殺: quá quyết, cứng cỏi], Vị thiên hạ chi nhân vi bất khả hóa, tắc kỳ dĩ nhân dã bất hoằng nghị.*

*Độc thị lục giả, đáng diệc cù nhiên tư, mãnh nhiên hoàng [sợ hãi] viết. ta hồ trượng phu xử thế đáng như thị! Nhân giả tồn tâm đáng như thị! Nhân giả tắc hữu hậu, Thạch Trì công nhi xuất tướng nhập tướng, tổ đắc như thử huân nghiệp giả nghị. Nhược phù công chi hành trạng, các lão Cúc Viên ông tự ngôn tận chi hỹ.*

Thành Thái Mậu Tuất đông,

Phụ chính đại thần Thái tử thái truyền Võ Hiển điện đại Học sĩ sung Cơ Mật viện đại thần quản lĩnh Binh bộ, Diên mật bá Thái Xuyên Hoàng Cao Khải Đông Minh cẩn đề.

序

撫蠻雜錄。阮溫溪公子雲所著也。祕于家。三十年弗傳。  
不幾於銷磨散佚。令人有人琴俱忘之嘆。意有用之文。  
猶靈物然。造化不輕以與人耶。雖然。連城之璧。不終蘊  
于深山。以有卞和之知。炤乘之珠。不終藏於大海。以有  
象罔之求。此天地間必然之理。蓋有待也。夫何疑。成泰  
歲丁酉。公令冢文明殿大學士延祿伯石池公。以恭遇  
國慶。恩封三代。公始加禮部尚書。食報也。士大夫駿



# Tự

**Cúc Khê Trương Quang Dẫn.**

*Phủ Man tạp lục, Nguyễn Ôn Khê công Tử Vân sở trứ dã. Bí vu gia, tam thập niên phát truyền, bất kỳ ư tiêu ma tán thất. Lệnh nhân hữu nhan cầm [như 琴] câu vong chi than. Ý hữu dụng chi văn, do linh vật nhiên, tạo hóa bất khinh dĩ dữ nhận da?*

*Tuy nhiên, liên thành chi bích, bất chung uẩn [註: chứa] vu thâm sơn, dĩ hữu Biện Hòa chi tri, chiếu thừa chi câu, bất chung tàng ư đại hải. Dĩ hữu tượng vãng chi câu, thử thiên địa gian tất nhiên chi lý, cái hữu đãi dã, phủ hà nghi? Thành Thái tuế Đinh Dậu, công lệnh trùng Văn Minh điện đại học sĩ, Diên Lộc bá, Thạch Trì công, dĩ cung ngộ Quốc Khánh, ân phong tam đại, công thủy gia Lễ bộ Thượng thư, thực báo dã. Sĩ đại phu tuấn*

奔致賀。或曰。雅聆先君子負磊落之才。兼經濟之學。名滿邊隅。勲垂碑碣。而生平豈無著作之表見者乎。石池公弗獲已。出是錄示之。借抄者自以嘗鬻爲幸。有勸其公傳。石池公曰。似非先志。烏乎敢。或曰。古人有三不朽。立功立德立言。茲功德旣已可傳。言其可不傳。矧天下至寶。當與天下共之。相公安得獨懷其寶。石池公爰命詳加檢輯。謀付剞劂。問序於愷。愷今老矣。退居散職。布帛蒲葦之文。恐不足爲是書光。石池公曰。公於吾先公。

bôn đảo hạ.

Hoặc viết “Nhã linh [nghe] tiên quân tử phụ lỗi lạc chi tài, kiêm kinh tế chi học, danh mãn biên ngung, huân [công] thù bi kiệt, nhi sinh bình khởi vô trứ tác chi biểu thị giả hô?”

Thạch Trì công phát hoạch dĩ, xuất thị lục thị chi, tá sao giả mục dĩ thường luyện [膳: thịt chi vua ăn, thịt cấm] vi hạnh, hữu quyền kỳ công truyền. Thạch Trì công viết “Tự phi tiên chí”.

Ô hô cảm tai! Hoặc viết “Cổ nhân hữu tam bất hủ, lập công, lập đức, lập ngôn, tư công đức ký dĩ khả truyền, ngôn kỳ khả bất truyền, thần [筮: ví bằng] thiên hạ chí bảo, đáng dĩ thiên hạ cộng chi. Tướng công an đắc độc hoài kỳ bảo?”.

Thạch Trì công viên mệnh tường gia kiểm tập, mưu phó kỳ quyết, vấn tự u Đản, Đản kim lão hỹ, thoái cư tán chức, bố cấm bố vi chi văn, khùng bá túc vi thị thư quang. Thạch Trì công viết “Công u ngô tiên công,

州誼中之忘年交。是昔日知吾先公之深。莫公若。則今日序吾先公之書。尤莫公若。定其言之者。不作受之者。無愧。他日徵考撰。登史冊。足爲千秋信筆。若裝綺語以貢諛。溢麗辭而失寔。觀者病焉。吾烏乎取。良哉言。寧重違。撫思身世。感慨繫焉。公少英俊。紹治癸卯中舉人。補訓導。尋以年輕回部。擅始得與之遊。每於晨夕談讌間。旁及世務。乃知公有元規嘯月尊慈乘風之概。後選入機密行走。我先太師公。以臨事有把握。聞于朝。守安慶。

*châu nghị [醜: chỗ chơi thân] trung chi vong niên giao, thị tích nhật tri  
ngô tiên công chi thâm, mạc công nhược, tắc kim nhật tự ngô tiên  
công chi thư, vưu mạc công nhược.” Định kỳ ngôn chi giả bất tạc  
[作: tui then], thụ chi giả vô quý, tha nhật trung khảo soạn, đăng sử  
sách túc vi thiên thu tín bút, nhược trang khi [綺: tơ lụa có vân, thêu dệt]  
ngữ dĩ công du [諛: dua nịnh]. Dật [溢: đầy tràn] lệ tử nhi thất thật, quan  
giả bệnh yên, ngô ô hồ thủ, lương tai ngôn, ninh trùng vi, phủ tư  
thân thể, cảm khái hệ yên.*

*Công thiếu anh tuấn, Thiệu Trị Quý Mão niên trúng Cử  
nhân, bổ Huân Đạo, tâm dĩ niên khinh hồi bộ, Đản thủy đắc dữ  
chi du. Mỗi ư thần tịch đàm yển gian, bang cập thế vư, nãi tri  
công hữu nguyên quy khiếu [囁: kêu] nguyệt tôn khác [慧: thành thực]  
thừa phong chi khái, hậu tuyền nhập Cơ mật hành tấu. Ngã tiên  
Thái sư công, dĩ lâm sự hữu bà ác, vãn vu triều, thủ An Khánh,*

出翠省務。屢奏

蠻騷甚。居民

公謂門庭之

準以便宜行

吾州剿撫之

堡客主之形。

乃入彼境。

*hữu chính thanh, t'ăng Gián Đài, hữu trực phong, tự nhi Đăng châu lộng giáp, xu ít khiết [異: đặc biệt, thiếu] tinh vụ lữ tấu phu công, trạc hưng nghịet [iy Nghịet: tòa án], chuyên Thái Nghịet.*

*Tự Đức Giáp Tuất gian, ngô hạt sơn man tao thậm, cư dân khôn yên, bá mục bất năng kiểm chế, đương thù trách dã. Triều đình nan chi, công vị môn đình chi khấu, bất dung dĩ kiết, thương sở thịnh hành.*

*Đế tổ tri công chi vi nhân, bạt lĩnh Tĩnh Man Tiêu phủ sứ, trật Chánh Tam, chuẩn dĩ tiện nghi hành sự. Kỳ dĩ lục niên thành hiệu, long kỳ quyền, cửu kỳ chức, khoáng cách dã. Ngô châu tiêu phủ chi danh chi thiết, tự công thủy. Quý Hợi thu, phân bái [trở về]. Lãm yếu hại, phân tiện [異: cái hào] bảo, khách chủ chi hình lạn như dã. Chiêu hào hữu, tuyền kính lữ, lôi đình chi uy, bảm như dã. Nãi nhập bị cảnh, nãi*

搗彼巢。蠻之惡者。願歸版籍。民之流者。得服先疇。此古  
之良將。亦有行之。未足以見公能。惟夫雷山之啞泉。爲  
之不毒。高門之宿霧。爲之頓開。自非公之精誠感格。而  
山嶽效靈。能如是哉。迨狼煙永息。鴈宅粗安。方圖善後  
之策。束團練。示相保也。覆屯田。備軍餉也。設譯蠻之隊。  
以達蠻情。開交易之場。以通蠻貨。其禦戎方畧。先之後  
之。緩之急之。自別規模。從容中窳。所謂胸有甲兵。微公  
其誰。跡其吾州平蠻之有名者。前乎公。裴鎮公。佐漢。黎



đào bi sào. Man chi ác giả, nguyên qui bản tịch, Dân chi lưu giả, đảc phục tiên trừ [■: ruộng cây]. Thử cổ chi lương tướng, diệc hữu hành chi, vị túc dĩ kiến công năng, duy phù. Lôi sơn chi á tuyền vi chi bất độc, Cao Muôn chi túc vụ, vi chi đốn khai. Tụ phi công chi tinh thành cảm cách, nhi sơn nhạc hiệu linh, năng như thị tai! Đãi lang yên vĩnh túc, nhận trạch thô an, phương đồ thiện hậu chi sách, thúc đoàn luyện, thị tương bảo dã. Phục đồn điền bị quân hướng dã. Thiết Dịch man chi đội, dĩ đạt man tình. Khai giao dịch chi trường, dĩ thông man hóa, kỳ ngữ nhung phương lược, tiên chi hậu chim hoãn chi cấp chi. Tụ biệt qui mô, tòng dung trung khiếu. Sở vị hung hữu giáp binh, vi công kỳ thù? Tích kỳ ngô châu bình man chi hữu danh giả, tiền hồ công, Bù Trần công Tá Hán, Lê

郡公文悅。難傳其美。後乎公。張參政光悌。阮中丞文玩。不出範圍。繫官此瘴地。歷七週星。憂國深心。積勞成病。年五十卒。

天子悼之。追贈參知。給錢米以贍其母。士民感之。別建祠堂。豎豐碑以紀其績。公之生榮死哀。了無容議。惜乎此手段。此經綸。胡天不假年。使之臨大事。當大局。幹旋施措。共濟雲雷。挽眾心於頽波。旣倒之秋。維世道於風會。漸開之日。而其事業只見於山防。文章只見於是錄。能不爲

*Quân công Văn Duyệt, nan chuyên kỳ mỹ. Hậu hồ công, Trương Tham Chính Quang Đế, Nguyễn Trung Thừa Văn Ngoạn, bất xuất phạm vi. Hệ quan thử chương địa, lịch thất châu tinh, ưu quốc thâm tâm, tích lao thành bệnh, niên ngũ thập tốt.*

*Thiên tử điệu [悻: thương] chi, truy tặng Tham Tri, cấp niên mẽ đăm kỳ mẫu. Sĩ dân cảm chi, biệt kiến từ đường, thụ phong bi, dĩ ký kỳ tích. Công chi sinh vinh, tử ai. Liễu vô dung nghị, tích hô? Thử thủ đoạn, thử kinh luân, hồ thiên bất dã niên, sử chi lâm đại sự, đương đại cục, cán toàn thi thố, cộng tế vân lôi, văn hựu tâm ư đòi [類: sup lờ] ba ký lệ chi thu. Duy thế đạo ư phong hội tiệm khai chi nhật, nhi kỳ sự nghiệp chi kiến ư sơn phòng, văn chương chi kiến ư thị lục. Năng bất vi*

後死友所遺憾乎。是錄也。山川疆域。里路風俗。土地租稅。與夫剿撫之策。防禦之方。列朝之建設沿革。名將之剿平事狀。分門定類。凡一十條。補省誌之未補。詳省誌之未詳。後有作者。弗可及已。出將八相。石池公之做得如此勲業。詎非從家學中來。今而後受靖蠻之責。目是書也。體而行之。其有裨於國家。豈小小云。

成泰十年戊戌冬十月

太子少傅東閣大學士充經筵講官國史館總裁管國

*hậu, từ hữu sở di cảm hò? Thị lục dã, sơn xuyên, cương vực, lý lộ, phong tục, thổ địa, tô thuế, dữ phù tiêu phù chi sách, phòng ngự chi phương, liệt triều chi kiến thiết duyên cách, danh tướng chi tiêu bình sự trạng. Phân môn định loại, phàm nhất thiên điều, bổ tình chí chi vị bổ, tường tình chí chi vị tường, hậu hữu tác giả, phát khả cập dĩ. Xuất tướng nhập tướng, Thạch Trì công chi cố đức như thử huân nghiệp, cự phi tòng gia học trung lai, kim nhi hậu thụ tĩnh man chi trách. Mục thị thư dã. Thế nhi hành chi kỳ hữu bì [禘: bỏ ích] ư quốc gia, khởi tiêu tiêu vân.*

Thành Thái thập niên Mậu Tuất đông thập nguyệt  
Thái tử Thiếu truyền Đông các Đại học sĩ, sung Kinh Diên  
giảng quan, Quốc Sử quán Tổng Tài, quản Quốc Tử giám kiêm  
Đốc Ngụ Hành sở Đại thân Cúc Khê Trương Quang Đản Tử  
Minh cần đề.





序

古人三不朽。立德也。立功也。而言終焉。言者何著述也。固有功德著於當世。而後其言成於一家。則功德立而言立焉。亦有其言成於一家。而後功德垂於來世。則言立而功德立焉。此其言之不可以不立。而撫蠻錄之所由作也。前靖蠻

剿撫使贈禮部尚書阮侯。今之

輔政大臣文明殿大學士廷祿伯肅烈將石池相公。先君



# Tự

*Long Cương Cao Xuân Dục*

*Cổ nhân tam bất hủ, lập đức dã, lập công dã, nhi ngôn chung yên. Ngôn giả hà? Trú thuật dã. Cổ hữu công đức, trú ư đương thế, nhi hậu kỳ ngôn thành ư nhất gia, tắc công đức lập nhi ngôn lập yên. Diệc hữu kỳ ngôn thành ư nhất gia, nhi hậu công đức thù ư lai thế. Tắc ngôn lập nhi công đức lập yên. Thứ kỳ ngôn nhi bất khả dĩ bất lập, nhi phù man lục chi sở do tác dã. Tiên tĩnh man*

*Tiểu vũ sứ tặg Lễ bộ Thượng thư Nguyễn hầu, kim chi Phụ chính đại thần Văn Minh Điện Đại Học sĩ Diên Lộc bá Túc Liệt tướng Thạch Trì tướng công tiên quân*

也。公出華閩。擢儒科。折節讀書。有儒將風。歷郡朝政。聲籍甚。每對同列。謂功名當從兜鍪中來。諸前輩曾推公有乘風破萬里浪之慨。嗣德申戌間。貴轄惡蠻。騷甚。當其責者。朝廷難之。辰公臬太。以門庭之寇不可容。父母之邦不可恕。忠憤所激。慷慨請行。

帝壯之。乃董其事。勦撫之名之設自公始。重所職也。癸亥秋。移節回。即覽形勝。設屯堡。要害之形。瞭如也。乃揚貔威。入虎穴。無巢不搗。龍蛇而赤子之蠻戢。獸迸瘴清。民亦寧。

*dã. Công xuất thế phiệt trạc Nho khoa, chiết tiết độc thư, hữu Nho tướng phong, lịch quận triều, chính thanh tịch thậm. Mỗi đối đồng liệt, vị công danh đáng tòng đâu mâu trung lai. Chư tiên bối tăng tòi công hữu thừa phong phá vạn lý lãng chi khái. Tụ Đức Giáp Tuất gian, quý hạt ác man tao [𪛗: quấy nhiễu] thậm. Đương kỳ trách giả, triều đình nan chi. Thời công tỵ Thái, dĩ môn chi khấu bất khả dung. Phụ mẫu chi bang bất khả kiết [𪛗: quên, coi thường], trung phần sở kích, kháng khái thỉnh hành.*

*Đế trang chi, nãi cận kỳ sự, tiểu phũ chi danh chi thiết, tỵ công thủy trùng sở chức dã. Quý Hợi thu, di tiết hồi tức lãm hình thế, thiết đồn bảo, yếu hạt chi hình, liệu như dã. Nãi dương tì [còn gấu] uy, nhập hổ huyết, vô sào bất đảo, long xà như xích từ chi man tập, thú binh, chương thanh, dân diệc ninh*

止。德與功。赫赫若前日事。古所號玉龍驤李鴉軍。立功  
絕塞者。見其人矣。南中平蠻第一功。後軍黎相公之後。  
又非公其人歟。夫蠻爲患。古有之。詩云蠻荆來威。書云  
九蠻通道。載籍中可鏡也。我 國開闢以來。有稱蠻酋。  
籍蠻民者。皆列在職方。爲邊氓。未聞以惡名蠻也。是蠻  
何蠻耶。恃險負固。冥然頑然。一似惡獸然。爲難馴物。故  
名。是山川風氣之所囿。而然耶。夫自有天地。有此山川。  
便有此人物。有此習尚。雍楊輕佻。荆楚曠悍。與諸國別。

chi. Đức dữ công, hách hách nhược tiền nhật sự. Cổ sở hiệu Ngọc Long Tương Lý Nha quân. Lập công tuyệt tái giả, kiến kỳ nhân hỹ. Nam Trung bình man đệ nhất công, Hậu quân Lê tướng công chi hậu hựu phi công kỳ nhân dư? Phù man vi hoạn, cổ hữu chi, Thi vân “Man Kinh lai uy”, Thư vân “Cửu man thông đạo, tái tịch trung khả kính dã”. Ngã quốc khai tịch [■:: mở mang] dĩ lai, hữu xưng man tù, tịch man dân giả, giai liệt tại chức phương, vi biên manh, vị văn dĩ ác danh man dã. Thị man hà man da? Thị hiểm phụ cố, minh nhiên ngoan nhiên. Nhất tự ác thú nhiên, vi nạn tuần vật, cố danh. Thị sơn xuyên phong khí chi sở hữu nhi nhiên da? Phù tự hữu thiên địa, hữu thử sơn xuyên, tiện hữu thử nhân vật, hữu thử tập thượng, ung dương khinh điều [khinh bạc], Kinh Sở quảng hãn, dữ chư quốc biệt.





路詳。而蠻之阨塞險要詳。小司馬掌九州之圖。周其山林川澤之阻。而達其道路也。風俗土地賦稅詳。而蠻之情勢產物詳。小司徒掌建邦之教。經其土地。田野而定其貢賦也。備載勦撫防禦。而善後之策無遺。大司馬掌邦國之九蠻。制畿封國。而負固不服則侵之也。至若列朝之建設沿革。名將之勦平事狀。寧非所以備見聞。示激勵乎。古有之。聚米為象。馬援以度隗囂。建樓以籌德裕。以服南詔。藩鎮彊梁於河北。而險要詳於吉甫。先零



tường, nhi man chi nguy tắc hiểm yếu tường, tiểu tư mã chương  
cửu châu chi đồ. Châu kỳ sơn lâm xuyên trạch chi hạn, nhi đạt kỳ  
đạo lộ dã. Phong tục thổ địa phú thuế tường, nhi man chi tình thế  
sản vật tường, tiểu tư đồ chương kiến bang chi giáo, kinh kỳ thổ  
địa điền dã, nhi định kỳ công phú dã. Bị tái tiểu phủ phòng ngự,  
nhi thiện hậu chi sách vô di, Đại Tư Mã chương bang quốc chi  
cửu man, chế kì [畿: chỗ vua đóng, kinh kì], phong quốc, nhi phụ cố bất  
phục tắc xâm cho dã. Chí nhược liệt triều chi kiến thiết duyên  
cách, danh tướng chi tiểu bình sự trạng, ninh phi sở dĩ bị kiến  
vãn, thị khích lệ hồ? Cổ hữu chi, tỵ mẽ vi tượng, mã viên dĩ đồ  
qui hiêu [hiêu hiêu: dáng tự đắc]. Kiến lâu dĩ trừ, đức dục dĩ  
phục Nam Chiếu, phiên trấn cương lương ư hà tí? Nhi hiểm yếu  
tường ư cát phủ, tiên linh

跋扈於隴西。而地形上於克國。公其亦有見乎此。而是  
編成也。古之人。有左手提干戈。右手執俎豆。有上馬討  
賊。下馬草露布。公其不讓矣。公沒後。經今幾三十年。繼  
公後。州人經四五換。而蠻不生心。民得安枕。想都從是  
編中得來。又非言立而功德立乎。且是蠻也。名小而惡  
大。地僻而瘴深。前之五蠻風土記所不載。後之撫邊雜  
錄所不書。遺化外也久矣。使邊將而足不履。目不經。身  
不先士卒。徒持文墨議論者。說不破。則是編其亦補前

*bạt hồ ư Lũng Tây, nhi địa hình thượng ư sung quốc. Công kỳ diệc hữu kiến hồ thủ, nhi thị biên thành dã. Cổ chi nhân, hữu tả thủ đề can qua, hữu thủ chấp trở [姐: cái thớt], đầu. Hữu thượng mã thảo tặc, hạ mã thảo lộ bố. Công kỳ bất nhượng hỹ. Công một hậu, kính kim kỷ tam thập niên, kế công hậu, châu nhân kinh tứ ngũ hoán, nhi man bất sinh tâm, dân đắc an chảm. Tương đồ tưng thị biên trung đắc lai, hựu phi ngôn lập nhi công đức lập hồ, tả thị man dã, danh tiểu nhi ác đại, địa tịch nhi chương thâm. Tiên chi ngũ man phong thổ ký sở bất tái. Hậu chi phủ biên tạo lục sở bất thư. Di hóa ngoại dã, cứu hỹ. Sứ biên tường nhi túc bất lý, mục bất kinh, thân bất tiên sĩ tốt, đồ trì văn mặc nghị luận giả, thuyết bất phá, tắc thị biên kỳ diệc bổ tiền*

此之未補。詳前此之未詳歟。晚前承乏慕尹。慕公轄也。  
與防近。得與晨夕相過從。親見其功德之鑿鑿者。且幸  
窺其言論之灑灑也。曾得崖畧。付抄本。袖以北爲笥珍。  
茲備位史職。復睹全編矣。載筆史職也。便當登錄。以備  
他日登平蠻將壇必讀。是則公之功在邊疆。德在生民。  
言在天下。後世可得而記載者。在簡編。可得而傳道者  
在人口。不可得而泯沒者。在宇宙江山。著於當日。而播  
於今日。後有作者。弗可及也。匪直此也。將門出將。相門

*thử chi vị bổ, tường tiền thử chi vị tường dư? Văn tiền thừa pháp [乏: thiếu] mộ doãn, mộ công hạt dã. Dữ phòng cận, đắc dữ thân tịch tương quá tùng. Thân kiến kỳ công đức chi tạc tạc giả, thả hạnh khuy kỳ ngôn luận chi lệ lệ dã. Tăng đắc nhai lược, phó sao bản, tụ dĩ tỷ vi tứ trân, tư bị vị sử chức, phục đồ toàn biên hỹ. Tái bút sử chức, tiện đương đăng lục, dĩ bị tha nhật đăng bình man tướng đàn tất độc. Thị tặc công chi công tại biên cương, đức tại sinh dân, ngôn tại thiên hạ hậu thế. Khả đắc nhi ký tái giả, tại giản biên, khả đắc nhi truyền đạo giả tại nhân khẩu. Bất khả đắc nhi mãn một [泯 沒: tiêu diệt hết] giả, tại vũ trụ giang san. Trừ ư đương nhật, nhi bá [播: gieo] ư kim nhật, hậu hữu tác giả, phát khả cập dã, phi trực thử dã. Tướng môn xuất tướng, tướng môn xuất tướng. Thạch Trì tướng công chi huân danh chi sự nghiệp, gia học hữu tổ, cái diệc hữu đắc ư thị biên nhi bác chi.*

Tuế tại Thành Thái chi Mậu Tuất đông trọng.

Thự Hiệp Biện Đại học sĩ sung Quốc Sử quán, Phó Tổng tài, An Xuân nam, Cô Hoan Đông Cao, Long Cương (văn bối) Cao Xuân Dục tự phát huân mộc báỉ đề.

出相。石池相公之勲名之事業。家學有素。蓋亦有得  
於是編而博之。

成在成泰。迄戊戌冬仲

勛辦大學士克國史館副總裁安春男古驪東高龍

卓高春育子發薰沐拜題

Cái.

𡗗姑]: con cua.

.. Cuốc [金國] = [金菊]: cái cuốc

𡗗門]: cái cửa. Cười [嗅]. Chan [口真]. Chanh  
[木征]: cây chanh. Châm [針]: chằm chì.

Chăn [真 bộ 衣]: (chăn màn). Chào [嘲]: chao hỏi.

Chết [折死 dưới]: chết. Chinh [土呈]: cái chinh đất

Chốt [木卒]: cái chốt cửa. Chị [姉]: (chị em).

Chim [占鳥]: chim chóc.

## D, Đ

Dận [胤]: nổi dãi. Dâu [木兜]: lá dâu nuôi tằm. Dốc [土篤]: (lên dốc). Dụ [口秀]: Dừa [木余]: cây dừa.

Đèo [峇]: đèo dốc. Đền [典]: đi đền. Đố [妒]:

. Đồng [仝]: xứ đồng.

## E, G, H:

Em [女奄]. Eo [腰]. Giêng [私貞]. Giúp [v+trợ]. Gò [壩].  
Góc [木谷]. Ghé: 檣. Hóc (Húc) [九日]. Hó [口滸]: cái hổ.

Hú [口句]

## K, L:

Khay [木開]. Lá [蘿]. Lang [ bộ thủy 龍]. Làng [廊].

Lành [善苓]. Lèn [撻]. Lỗ [木磊]. Lồng [籠=籠].

Lội (bộ thủy+lòi[thạch+cùng]). Lón [大吝].

. Lúc [日六]. Son [崙]. Lui [足雷]. Lụa [糸屨].

## M, N:

Màu [牟]: (màu sắc). Mặt [末面]: cái mặt.

Me : [玉眉=楣]. Mét [不 trên 見].

Mít [木蔑]: cây mít. Mọi [每夷]: người Thượng. Mòi [魚每]: cá mòi. Mọn [小 trong 門]: (nhỏ mọn).



Mua [bộ thủy 𩇛]: (mua bán). Mùng [𩇛 𩇛]: cái mùng.

Mơ [麻 bộ 心]: (mơ mộng). Một [每 蔑]: một, hai,...

Mướp [木 之]: dây mướp. Nanh [𠂔 寧]; răng nanh.

Nay [尸 今]: nay, mai, ... Nem [月 南]: (nem chả). Nính [thủy+寧]: nước ú. Nôm [口 南]: .Nòng [木 農]: cái nòng.

Nước [若]: nước. Ngon [𠂔]: (ngon dờ).

Ngòi [bộ thủy 外]: con suối nhỏ. Ngừa [馭]: ngựa ngáy.

Nham [𡵓]: .

Nhảy [bộ thủy 爾]:. Nhỏ [乳 小]. Nhỏ [𠂔]: (nhí nhỏ).

## O, P, Q, R, S

Óc [ 𠂔 天]. Pha: [𡵓:xông pha]. Răm [林 thảo dầu]. Ra [羅 出].

Ráo (木 勞). Răng [齒 菱]. Ré [口 里]. Rính [搥]. Rướm [滲].

Xênh [才 掌]. Son [嵩]. Sùa [口 數].

## T

Tét [節]. Tóc [𠂔 速 dưới]. Túc [木 谷].

Tuôn [bộ thủy 孫]: (tuôn chày).

Thắt [𠂔]: (thắt dây). Thiu [燒]. Thót [口 卒]:

Thơm [𠂔 thảo dầu]. Trăm [百 林]. Trăn [至 秦]. Tré [子 幼]:  
(tré con), Trê [知 bộ 魚]: cá trê. Trên [連 上 đầu]: (trên dưới).

Trôi [thủy+lôi 雷].

## U, V, Y

Ù: [口+幽]. Vải [罷布]. Ve [鴉] : con ve. Ve [石尾]:.

Voi [豸為]. Vớ [口尾]. Vun [bộ thủy奔]. Vũng [澤].

**CÁC HÌNH ẢNH  
NHỮNG ĐOẠN TRƯỜNG LŨY CÒN LẠI**



**H.1.**



**H.2.**



**H.3.** Tiền đồng của Nam Việt Nam. năm 1966.  
Chân dung Tả quân Lê Văn Duyệt trên tờ 100 đồng,  
là người tâu xin xây dựng Trường Lũy Quảng Ngãi.



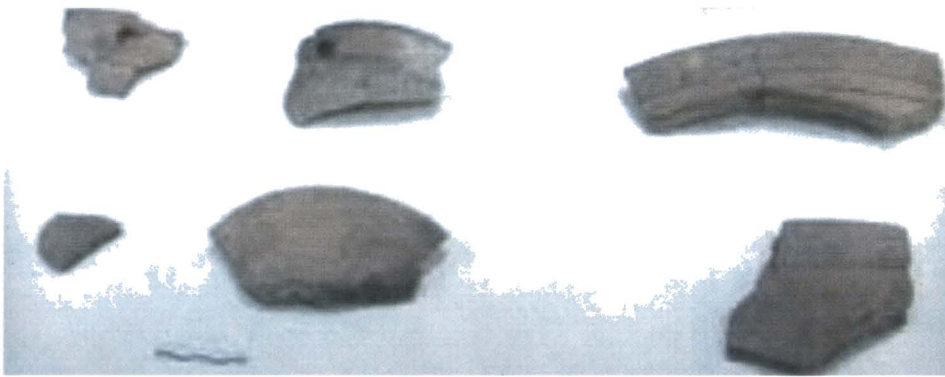
**H.4.** Tiến sĩ Nguyễn Tiến Đông (Viện Khảo cổ học Việt Nam)  
với bản đồ Trường Lũy ở Quảng Ngãi



**H.5.** Khảo sát đoạn Trường Lũy tại Hành Dũng,  
huyện Nghĩa Hành - Quảng Ngãi.



**H.6.** Trường lũy được xây dựng bằng đá và đất xen lẫn.



**H.8.** Hiện vật được khai quật lên từ Trường lũy Quảng Ngãi



**H.9.** Tiến sĩ Andrew Hardy, người đứng đầu nghiên cứu Trường lũy châu Á.



**H.10.** Đoàn đại sứ và chuyên gia thăm di tích Trường Lũy



**H.11.** Phái đoàn Liên minh Châu Âu và các đại sứ thăm Trường Lũy.



**H.12.**  
Du khách tham quan Trường Lũy Quảng Ngãi



**H.13.** Một đoạn Trường Lũy còn khá nguyên vẹn tại huyện Nghĩa Hành, Quảng Ngãi .





**H.14.**  
Một góc Trường Lũy ở Quảng Ngãi.



**H.15.** Trường Lũy ở đèo Chim Hút còn nguyên trạng như từ mấy trăm năm nay.



**H.16.** Việc xây dựng Trường Lũy có liên quan đến con đường cổ này.



**H.17.**  
Đại sứ Châu Âu thăm Trường Lũy.



**H.18.**  
Du khách tham quan Trường Lũy Quảng Ngãi.



**H.19.** Trường Lũy là công trình có quy mô lớn và được xem là dài nhất Đông Nam Á





# MỤC LỤC

Lời Giới thiệu: Trường lũy nhìn từ hôm nay	tr. 3
Lời Nói đầu	tr. 7
<b>I. LỖ HỒNG VỀ CHÁNH SÁCH DÂN TỘC CỦA TRIỀU NGUYỄN VÀ CÔNG TRÌNH TRƯỜNG LŨY.</b>	tr.11
<b>II. TRƯỜNG LŨY QUẢNG NGÃI</b>	tr. 25
- Núi sông khác lạ	tr. 25
- Cương vực rộng hẹp	tr.49
- Đường sá xa gần	tr. 55
- Phong tục người Thượng Quảng Ngãi	tr. 65
- Ngôn ngữ, nhà ở, ăn mặc, đồ gia dụng, hôn nhân	tr. 68
- Tên làng, tục lệ ngày Tết, việc tang	tr. 77
- Nhạc khí, tế tự, lệ phạt, húy kỵ	tr. 80
- Thỏ nghi	tr. 85
- Các ngạch thuế	tr. 87
- Sách lược tiểu phủ	tr. 91
- Phương cách phòng ngừa	tr. 99
- Tình hình kiến thiết qua các triều vua	tr. 103
- Các vị tướng nổi tiếng trong công tác người Thượng.	tr. 113
<b>III. HÌNH TƯỢNG NGƯỜI DÂN TỘC MIỀN NÚI QUẢNG NGÃI QUA VĂN HỌC CÁCH MẠNG:</b>	tr. 133
- <b>Trung tướng NGUYỄN ĐÔN</b>	tr. 133
(trích Hồi ức “ <b>Bình minh Ba Tơ</b> ”).	
- (trích tập truyện ký “ <b>Tiếng sông Trà</b> ” của nhà văn Nguyễn Trung Hiếu).	tr. 141
<b>IV. PHỤ LỤC:</b>	
- Bản chữ Hán ( <i>chụp bản khắc gỗ</i> ), phiên âm, dịch nghĩa	tr. 153
- Chữ Nôm trong sách này	tr. 541
- Bản đồ: Quảng Nghĩa toàn đồ	
- Các bức ảnh một số đoạn Trường Lũy còn lại.	



**NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA**

**109 Quán Thánh - Ba Đình - Hà Nội**

**ĐT: HC-TH: 04.037339361; PH: 04.38439034**

**Các ban biên tập: 04.37341742 - 04.38438953 - 04.38439033**

**Fax: (84-4)38438951 - Email: nxbtbk1998@yahoo.com**

**Website: www.nxbtdbk.vn**

---

# **TRƯỜNG LUỸ QUẢNG NGÃI**

**ÔN KHÊ NGUYỄN TỬ VÂN**

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**TS. TRỊNH TẮT ĐẠT**

*Biên tập:* TS. NGUYỄN NGỌC NHUẬN

*Kỹ thuật vi tính:* HÀ VÂN

*Sửa bản in:* TS. NGUYỄN NGỌC NHUẬN

*Trình bày bìa:* Hoạ sĩ. ĐỖ DUY NGỌC

---

In 1.000 cuốn, khổ 16x24 cm tại Cty Cổ phần in Bến Tre.

Kế hoạch xuất bản số: 598-2011/CXB/04-20/TĐBK.

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2011.





Tinh man Tiểu phủ sự  
ON KHE NGUYEN TU VAN

# Trường lũy

## QUẢNG NGÃI

Sưu tầm, biên dịch và chú giải:  
LÊ SƠN PHƯƠNG NGỌC  
NGUYỄN HỮU QUY - HOÀI CHÍ HÀ MIÊN  
Nhấn sắc:  
PGS. TS PHAN AN - TS. NGUYỄN NGỌC NHUẬN  
(Viện Nghiên cứu Hán Nôm)FR NHÀ XUẤT BẢN TỬ ĐIỂN BÁCH KHOA  
HANOI 2011

### THANH THẢO (nhà thơ, nhà báo):

«Cha ông chúng ta đã đổ bao nhiêu mồ hôi, đã góp bao nhiêu viên đá để xây dựng Trường lũy này, chỉ với một ý nguyện là mang lại hòa bình an lạc cho một vùng đất trong quá khứ đã trải nhiều can qua. Tâm nguyện ấy đã được thể hiện qua cấu trúc của Trường lũy, qua những hoạt động cho tới bây giờ vẫn còn diễn ra bên dưới và bên cạnh các đồn bảo: đó là các chợ đầu nguồn:

*“Ai lên nhẩn với nậu nguồn*

*Mít non gỏi xuống cá chuồn gỏi lên”*

(Ca dao)

Chữ “nậu nguồn” nghe có dễ thương không! Và các bạn có biết, “mít non” và “cá chuồn” ấy được “gỏi xuống” và “gỏi lên” qua Trường lũy Quảng Ngãi, thông qua các chợ đầu nguồn. Từ một công trình mang tính quân sự, Trường lũy sau nhiều năm tháng đã trở thành biểu tượng cho giao lưu thương mại, cho lịch sử và văn hóa. Qua Trường lũy, chúng ta có thể biết nhân dân Quảng Ngãi ngày xưa đã sống và lao động, khát vọng và thể hiện mình như thế nào. Nếu nhân ái và hòa bình là gốc rễ của văn hóa, thì tới lượt nó, văn hóa lại là gốc rễ của sự phát triển một vùng đất, một đất nước với nhiều dân tộc cùng chung sống. Đó là cái còn lại của Trường lũy Quảng Ngãi, cũng là cái mà chúng ta cần tìm đọc với tầm nhìn đương đại cuốn sách này».



**PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH THÀNH NGHĨA**  
**và hệ thống nhà sách Nguyễn Văn Cừ**

website: sachthanhghia.com

2 000101 042617  
Giá: 180.000VNĐ